

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

HỌC VIỆN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA

HỒ CHÍ MINH

HỌC VIỆN BÁO CHÍ VÀ TUYÊN TRUYỀN

LÊ VŨ XUÂN UYÊN

ĐỔI MỚI PHƯƠNG THỨC TUYÊN TRUYỀN CHỦ QUYỀN
BIỂN, ĐẢO VIỆT NAM CHO SINH VIÊN CÁC TRƯỜNG
ĐẠI HỌC Ở THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH HIỆN NAY

LUẬN ÁN TIẾN SĨ CHÍNH TRỊ HỌC

HÀ NỘI - 2026

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

HỌC VIỆN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA

HỒ CHÍ MINH

HỌC VIỆN BÁO CHÍ VÀ TUYÊN TRUYỀN

LÊ VŨ XUÂN UYÊN

**ĐỔI MỚI PHƯƠNG THỨC TUYÊN TRUYỀN CHỦ QUYỀN
BIỂN, ĐẢO VIỆT NAM CHO SINH VIÊN CÁC TRƯỜNG
ĐẠI HỌC Ở THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH HIỆN NAY**

Chuyên ngành: Công tác tư tưởng

Mã số : 9310201

LUẬN ÁN TIẾN SĨ CHÍNH TRỊ HỌC

NGƯỜI HƯỚNG DẪN KHOA HỌC: 1. PGS, TS. Phạm Huy Kỳ

2. TS. Trần Huy Ngọc

HÀ NỘI - 2026

LỜI CAM ĐOAN

Tôi xin cam đoan luận án này là công trình nghiên cứu độc lập của riêng tôi. Toàn bộ số liệu và kết quả nghiên cứu được trình bày trong luận án là hoàn toàn trung thực, khách quan và chưa từng được công bố trong bất kỳ công trình khoa học nào khác. Các nguồn tài liệu tham khảo và trích dẫn được sử dụng trong luận án đều được ghi nhận, chỉ rõ nguồn gốc minh bạch, đầy đủ và đúng quy định.

TÁC GIẢ LUẬN ÁN

Lê Vũ Xuân Uyên

MỤC LỤC

MỞ ĐẦU	1
Chương 1: TỔNG QUAN TÌNH HÌNH NGHIÊN CỨU CÓ LIÊN QUAN ĐẾN ĐỀ TÀI LUẬN ÁN	10
1.1. Các công trình nghiên cứu về tuyên truyền và tuyên truyền về chủ quyền biển, đảo Việt Nam	10
1.2. Các công trình nghiên cứu về đổi mới phương thức tuyên truyền và đổi mới phương thức tuyên truyền chủ quyền biển, đảo Việt Nam cho sinh viên các trường đại học ở Thành phố Hồ Chí Minh	22
1.3. Khái quát kết quả các công trình đã được tổng quan và những vấn đề luận án cần tiếp tục nghiên cứu.....	32
Chương 2: NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VỀ ĐỔI MỚI PHƯƠNG THỨC TUYÊN TRUYỀN CHỦ QUYỀN BIỂN, ĐẢO VIỆT NAM CHO SINH VIÊN CÁC TRƯỜNG ĐẠI HỌC	37
2.1. Tuyên truyền chủ quyền biển, đảo Việt Nam cho sinh viên các trường đại học	37
2.2. Đổi mới phương thức tuyên truyền chủ quyền biển, đảo Việt Nam cho sinh viên các trường đại học - Khái niệm, vai trò và nội dung.....	55
2.3. Những yếu tố tác động đến đổi mới phương thức tuyên truyền chủ quyền biển, đảo Việt Nam cho sinh viên các trường đại học hiện nay	71
Chương 3: ĐỔI MỚI PHƯƠNG THỨC TUYÊN TRUYỀN CHỦ QUYỀN BIỂN, ĐẢO VIỆT NAM CHO SINH VIÊN CÁC TRƯỜNG ĐẠI HỌC Ở THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH - THỰC TRẠNG VÀ NHỮNG VẤN ĐỀ ĐẶT RA.....	78
3.1. Khái quát đặc điểm các trường đại học, sinh viên và đối tượng khảo sát trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.....	78
3.2. Thực trạng đổi mới phương thức tuyên truyền chủ quyền biển, đảo Việt Nam cho sinh viên các trường đại học ở Thành phố Hồ Chí Minh.....	90
3.3. Nguyên nhân của thực trạng và những vấn đề đặt ra về đổi mới phương thức tuyên truyền chủ quyền biển, đảo Việt Nam cho sinh viên các trường đại học ở Thành phố Hồ Chí Minh hiện nay	122

Chương 4: DỰ BÁO TÌNH HÌNH VÀ PHƯƠNG HƯỚNG, GIẢI PHÁP TIẾP TỤC ĐỔI MỚI PHƯƠNG THỨC TUYÊN TRUYỀN CHỦ QUYỀN BIỂN, ĐẢO VIỆT NAM CHO SINH VIÊN CÁC TRƯỜNG ĐẠI HỌC Ở THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH TRONG THỜI GIAN TỚI	133
4.1. Dự báo tình hình và phương hướng đổi mới phương thức tuyên truyền chủ quyền biển, đảo Việt Nam cho sinh viên các trường đại học ở Thành phố Hồ Chí Minh.....	133
4.2. Giải pháp tiếp tục đổi mới phương thức tuyên truyền chủ quyền biển, đảo Việt Nam cho sinh viên các trường đại học ở Thành phố Hồ Chí Minh trong thời gian tới.....	148
KẾT LUẬN	174
DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH KHOA HỌC ĐÃ CÔNG BỐ	178
DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO	179
PHỤ LỤC	194

DANH MỤC CHỮ VIẾT TẮT TRONG LUẬN ÁN

CLB	Câu lạc bộ
CTTT	Công tác tuyên truyền
ĐTB	Điểm trung bình
NCS	Nghiên cứu sinh
Nxb	Nhà xuất bản
PL	Phụ lục
TPHCM	Thành phố Hồ Chí Minh
XHCN	Xã hội chủ nghĩa

DANH MỤC BẢNG BIỂU

Biểu đồ 3.1. Cơ cấu mẫu khảo sát sinh viên phân theo trường Đại học	87
Biểu đồ 3.2. So sánh mức độ sử dụng các phương thức tuyên truyền chủ quyền biển, đảo giữa Sinh viên và Đại diện nhà trường	117
Biểu đồ 3.3. Rào cản trong đổi mới phương thức tuyên truyền chủ quyền biển, đảo Việt Nam cho sinh viên	130

MỞ ĐẦU

1. Lý do chọn đề tài

Biển, đảo là một bộ phận lãnh thổ thiêng liêng không thể tách rời của Tổ quốc Việt Nam, có vai trò hết sức quan trọng đối với sự ổn định, phát triển của đất nước. Đối với không gian sinh tồn của quốc gia, an ninh biển không chỉ là lá chắn phòng thủ vững chắc mà còn là nền tảng cốt lõi thúc đẩy kinh tế biển phát triển bền vững. Thế nhưng, thực tiễn hiện nay cho thấy, sự ổn định trên các vùng biển đang bị đe dọa nghiêm trọng do cục diện tranh chấp chủ quyền lãnh thổ cùng những yêu sách của quốc gia trong khu vực và thế giới đối với Biển Đông và sự xuất hiện ngày càng đa dạng của các thách thức an ninh phi truyền thống trên biển, tiêu biểu là các hoạt động bất hợp pháp tại các ngư trường, nạn buôn lậu, cướp biển, khai thác dầu khí trái phép cũng như các hành vi tàn phá hệ sinh thái biển. Trong tương lai gần, dự báo Biển Đông sẽ tiếp tục là tâm điểm trong cục diện cạnh tranh chiến lược toàn cầu. Nguy cơ xảy ra va chạm, xung đột ngoài ý muốn trên biển ngày càng tăng do mật độ tàu quân sự và lực lượng thực thi pháp luật của các bên xuất hiện dày đặc, chưa kể còn có các hoạt động xây dựng, bồi đắp trái phép và quân sự hóa các thực thể địa lý ở quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa vẫn tiếp diễn với quy mô ngày càng hiện đại. Để thích ứng và chủ động hóa giải các nguy cơ này trong một thế giới đầy biến động, việc gia tăng sức mạnh nội lực quốc gia gắn liền với việc xây dựng, củng cố vững chắc thể trận an ninh nhân dân và quốc phòng toàn dân trở thành đòi hỏi cấp bách hơn bao giờ hết.

Bảo vệ vững chắc toàn vẹn chủ quyền lãnh thổ đòi hỏi phải tiến hành đồng bộ các giải pháp kinh tế, văn hoá, chính trị, quân sự, đối ngoại,... trong đó công tác tuyên truyền là vấn đề có ý nghĩa tiên quyết nhằm thống nhất và nâng cao nhận thức, phát huy sức mạnh tổng hợp trong tổ chức và tiến hành các hoạt động bảo vệ chủ quyền biển, đảo của quốc gia. Nghị quyết số 36-NQ/TW, ngày 22/10/2018 của Ban Chấp hành Trung ương 8, khóa XII về *“Chiến lược phát triển bền vững kinh tế biển Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045”* (Nghị quyết số 36-NQ/TW) đã khẳng định những kết quả đạt được trong tổ chức thực hiện nghị quyết, các định hướng chiến lược, nhiệm vụ, giải pháp. Tuy nhiên, Nghị quyết cũng thẳng thắn chỉ rõ hạn chế trong công tác dự báo, quy hoạch, tuyên truyền vì “công tác tuyên truyền còn mạnh

trên đất liền mà yếu trên biển...”. Trên cơ sở đó, Nghị quyết đề ra 05 chủ trương lớn, 03 khâu đột phá và 07 nhóm giải pháp nhằm đưa Việt Nam trở thành quốc gia biển mạnh; trong đó, giải pháp “tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, đẩy mạnh công tác tuyên truyền, nâng cao nhận thức về phát triển bền vững biển, tạo đồng thuận trong toàn xã hội” được xem là giải pháp hạt nhân, ưu tiên hàng đầu [7, tr.10].

Những năm qua, công tác tuyên truyền bảo vệ chủ quyền biển, đảo của Việt Nam tuy đã đạt nhiều kết quả tích cực, song vẫn còn nhiều bất cập như: nội dung tuyên truyền chưa kịp thời đáp ứng yêu cầu của tình hình và nhu cầu của đối tượng tuyên truyền, thiếu hấp dẫn; hình thức, phương pháp, phương tiện tuyên truyền còn đơn điệu, chưa linh hoạt, rộng rãi; lực lượng tiến hành tuyên truyền còn mỏng, chất lượng chưa cao,... Trong bối cảnh trí tuệ nhân tạo, dữ liệu lớn, mạng xã hội và các nền tảng số đang làm thay đổi sâu sắc môi trường truyền thông toàn cầu. Cùng với đó, âm mưu, thủ đoạn xâm phạm chủ quyền biển, đảo Việt Nam của các thế lực thù địch cũng ngày một gia tăng, đặt ra yêu cầu cấp thiết cần đổi mới phương thức tuyên truyền nhằm bảo vệ chủ quyền biển, đảo quốc gia. Trước bối cảnh quốc tế và trong nước hiện nay, sau 8 năm thực hiện Nghị quyết số 36-NQ/TW, Hội Nghị lần thứ ba Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIV đã ban hành Nghị quyết số 20-NQ/TW, ngày 28/7/2026 về “*Xây dựng và phát triển Việt Nam trở thành quốc gia biển mạnh*”, trong đó tiếp tục nhấn mạnh nhiệm vụ, giải pháp hàng đầu là “tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, đổi mới mạnh mẽ nhận thức, tư duy và tầm nhìn về phát triển quốc gia biển mạnh; nâng cao hiệu quả công tác tuyên truyền, thông tin đối ngoại về biển, đảo; phát huy hơn nữa vai trò của các cơ quan truyền thông, mạng xã hội” [11, tr.5].

Là trung tâm kinh tế, văn hóa, khoa học - công nghệ và giáo dục - đào tạo lớn của cả nước, Thành phố Hồ Chí Minh (TPHCM) hiện có trên 60 trường đại học, học viện với hàng trăm nghìn sinh viên theo học. Đây là nơi hội tụ sinh viên từ khắp các vùng miền, đa dạng về văn hóa, dân tộc và nền tảng xã hội, tạo nên một không gian học đường đặc thù, sôi động nhưng cũng không đồng nhất về mức độ tiếp cận và nhận thức chính trị - xã hội. Sống và học tập trong môi trường đô thị đặc biệt này, sinh viên các trường đại học ở TPHCM mang những nét đặc trưng riêng: tư duy thích ứng nhanh, tinh thần tự lập và tinh thần khởi nghiệp mạnh mẽ trước áp lực cạnh tranh và chi phí sinh hoạt cao; tính

cách phóng khoáng, cởi mở, có năng lực hội nhập quốc tế vượt trội - kế thừa từ chiều sâu văn hóa vùng đất Nam Bộ vốn quen với sự giao thoa của nhiều luồng di cư, văn hóa; đồng thời sở hữu tư duy phản biện sắc bén, có xu hướng tiếp cận vấn đề chính trị - xã hội qua lăng kính thực tiễn, dân sinh hơn là chấp nhận thông tin một chiều, áp đặt. Đặc biệt, không gian mạng đã trở thành “môi trường sống thứ hai” của phần lớn sinh viên các trường đại học, vừa mở ra kho tri thức không giới hạn, vừa tiềm ẩn nguy cơ quá tải thông tin, tâm lý đám đông và biểu hiện thờ ơ, vô cảm trước các vấn đề trọng đại của đất nước ở một bộ phận sinh viên. Chính sự cởi mở, nhạy bén nhưng chưa hoàn thiện về bản lĩnh và kinh nghiệm sống đã khiến sinh viên các trường đại học trở thành đối tượng trọng điểm mà các thế lực thù địch, phản động nhắm tới để thực hiện chiến lược “diễn biến hòa bình”, lợi dụng vấn đề “tự do ngôn luận”, “phản biện xã hội” nhằm tung chiêu bài xuyên tạc lịch sử, làm nhiễu thông tin chính thống, gây hoang mang dư luận trước những vấn đề thời sự - chính trị của đất nước, thậm chí kích động hoài nghi vào sự lãnh đạo của Đảng, Nhà nước trong vấn đề chủ quyền biển, đảo. Trong khi đó, phương thức tuyên truyền chủ quyền biển, đảo cho sinh viên tại nhiều trường đại học ở TPHCM hiện nay vẫn còn nặng tính truyền thống, một chiều, lực lượng làm công tác tuyên truyền còn mỏng, thiếu kinh nghiệm,... chưa bắt kịp tốc độ lan truyền thông tin trên các nền tảng số, chưa thực sự phù hợp với đặc điểm tâm lý tiếp nhận riêng có của sinh viên đô thị năng động bậc nhất cả nước này. Yêu cầu cấp thiết đặt ra đối với hệ thống chính trị, chính quyền địa phương và cụ thể tại địa bàn TPHCM hiện nay chính là đổi mới các phương pháp, hình thức, phương tiện tuyên truyền cho phù hợp với đặc điểm, tình hình và nhu cầu tiếp nhận thông tin của sinh viên các trường đại học ở thành phố, từ truyền tải thông tin đến kiến tạo niềm tin một cách sâu sắc, chân thật, khoa học và hiệu quả, góp phần bồi dưỡng thế hệ trẻ năng động, sáng tạo, có lòng yêu quê hương, Tổ quốc và bản lĩnh, trách nhiệm trong việc bảo vệ chủ quyền quốc gia, dân tộc.

Xuất phát từ thực trạng trên cho thấy, việc nghiên cứu, đổi mới phương thức tuyên truyền chủ quyền biển, đảo cho sinh viên các trường đại học trên địa bàn TPHCM và đề xuất một số giải pháp là vấn đề rất cần thiết. Do đó, nghiên cứu sinh chọn đề tài **“Đổi mới phương thức tuyên truyền chủ quyền biển, đảo Việt Nam cho sinh viên các trường đại học ở Thành phố Hồ Chí Minh hiện nay”** làm đề tài Luận án Tiến sĩ ngành Chính trị học, chuyên ngành Công tác tư tưởng.

2. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu luận án

2.1. Mục đích nghiên cứu

Trên cơ sở làm rõ những vấn đề lý luận và thực tiễn về đổi mới phương thức tuyên truyền chủ quyền biển, đảo Việt Nam cho sinh viên các trường đại học ở TP HCM, luận án đề xuất phương hướng và giải pháp nhằm tiếp tục đổi mới phương thức tuyên truyền chủ quyền biển, đảo Việt Nam cho sinh viên các trường đại học ở TP HCM trong thời gian tới.

2.2. Nhiệm vụ nghiên cứu

Một là, tổng quan các công trình khoa học có liên quan đến luận án, qua đó xác định các kết quả đã đạt được và làm sáng tỏ những vấn đề luận án cần tiếp tục nghiên cứu.

Hai là, nghiên cứu làm rõ những vấn đề lý luận về đổi mới phương thức tuyên truyền chủ quyền biển, đảo Việt Nam cho sinh viên các trường đại học.

Ba là, khảo sát, đánh giá thực trạng và làm rõ những vấn đề đặt ra về đổi mới phương thức tuyên truyền chủ quyền biển, đảo Việt Nam cho sinh viên các trường đại học ở TP HCM hiện nay.

Bốn là, dự báo tình hình và đề xuất một số phương hướng, giải pháp nhằm tiếp tục đổi mới phương thức tuyên truyền chủ quyền biển, đảo Việt Nam cho sinh viên các trường đại học ở TP HCM trong thời gian tới.

3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu luận án

3.1. Đối tượng nghiên cứu

Đổi mới phương thức tuyên truyền chủ quyền biển, đảo Việt Nam cho sinh viên các trường đại học ở TP HCM.

3.2. Phạm vi nghiên cứu

- *Về nội dung*:

Luận án tập trung nghiên cứu về một số vấn đề lý luận và thực tiễn đổi mới phương thức tuyên truyền chủ quyền biển, đảo Việt Nam cho sinh viên các trường đại học ở TP HCM.

- *Về không gian*:

Luận án nghiên cứu vấn đề đổi mới phương thức tuyên truyền chủ quyền biển, đảo Việt Nam cho sinh viên đại diện các ngành khoa học tự nhiên, khoa học xã hội và nhân văn ở các trường đại học công lập và ngoài công lập tại TP HCM, gồm: Trường Đại học Tài chính - Marketing, Trường Đại học Công nghiệp TP HCM, Trường Đại học Sài Gòn, Trường Đại học Sư phạm TP HCM, Trường Đại học Văn Lang và Học viện Cán bộ TP HCM.

- Về thời gian:

Thời gian nghiên cứu tính từ năm 2018 đến năm nay, căn cứ mốc thời gian ban hành Nghị quyết số 36-NQ/TW, ngày 22/10/2018 của Ban Chấp hành Trung ương 8 khóa XII về “Chiến lược phát triển bền vững kinh tế biển Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045”.

Quá trình khảo sát thực trạng trong giai đoạn 2023 - 2026, các giải pháp được đề xuất trong luận án có giá trị đến năm 2030.

4. Câu hỏi nghiên cứu và giả thuyết nghiên cứu luận án

4.1. Câu hỏi nghiên cứu

Câu hỏi 1: Những công trình nghiên cứu trong và ngoài nước đã đề cập như thế nào đến tuyên truyền chủ quyền biển, đảo Việt Nam và đổi mới phương thức tuyên truyền chủ quyền biển, đảo cho sinh viên? Những vấn đề lý luận và thực tiễn nào chưa được làm rõ mà luận án cần tiếp tục nghiên cứu?

Câu hỏi 2: Đổi mới phương thức tuyên truyền chủ quyền biển, đảo Việt Nam cho sinh viên các trường đại học ở TPHCM hiện nay dựa trên cơ sở lý luận - khung lý thuyết nào? Có những yếu tố nào tác động đến việc đổi mới phương thức tuyên truyền?

Câu hỏi 3: Việc đổi mới phương thức tuyên truyền chủ quyền biển, đảo Việt Nam cho sinh viên các trường đại học ở TPHCM hiện nay đang được thực hiện như thế nào, đạt những kết quả gì, còn những hạn chế nào và nguyên nhân của những hạn chế đó là gì? Vấn đề đặt ra hiện nay là gì?

Câu hỏi 4: Trong thời gian tới, trước những tác động của bối cảnh mới, cần dựa theo phương hướng nào và thực hiện những giải pháp gì để tiếp tục đổi mới phương thức tuyên truyền chủ quyền biển, đảo Việt Nam cho sinh viên các trường đại học ở TPHCM?

4.2. Giả thuyết nghiên cứu

Giả thuyết 1: Các nghiên cứu hiện có đã đề cập tương đối phong phú đến chủ quyền biển, đảo và tuyên truyền chủ quyền biển, đảo, nhưng còn thiếu những nghiên cứu có hệ thống, chuyên sâu về đổi mới phương thức tuyên truyền chủ quyền biển, đảo Việt Nam cho sinh viên các trường đại học ở TPHCM dưới góc độ Công tác tư tưởng.

Giả thuyết 2: Phương thức tuyên truyền chủ quyền biển, đảo cho sinh viên chịu sự tác động đồng thời của nhiều yếu tố, trong đó đặc điểm của sinh viên, năng lực của chủ thể tuyên truyền, nội dung tuyên truyền, sự phát triển

của truyền thông số và điều kiện bảo đảm có ảnh hưởng đáng kể đến hiệu quả tuyên truyền; do đó, đổi mới phương thức phải được tiến hành đồng bộ về hình thức, phương pháp, phương tiện và cách thức tổ chức tuyên truyền, phù hợp với đặc điểm của sinh viên.

Giả thuyết 3: Việc đổi mới phương thức tuyên truyền chủ quyền biển, đảo cho sinh viên tại các trường đại học ở TP HCM đã đạt được những kết quả nhất định, song còn bộc lộ một số hạn chế về tính đa dạng, tính hấp dẫn, tính tương tác, khả năng ứng dụng công nghệ số và mức độ phù hợp với đặc điểm tiếp nhận thông tin của sinh viên; những hạn chế này xuất phát từ cả nguyên nhân chủ quan và khách quan.

Giả thuyết 4: Nếu tiếp tục đổi mới phương thức tuyên truyền theo hướng lấy sinh viên làm trung tâm, kết hợp linh hoạt các phương thức truyền thống với phương thức hiện đại, tăng cường ứng dụng công nghệ số, phát huy tính tương tác và chủ động của sinh viên, đồng thời nâng cao năng lực của các chủ thể tuyên truyền và bảo đảm các điều kiện cần thiết thì hiệu quả tuyên truyền chủ quyền biển, đảo Việt Nam cho sinh viên sẽ được nâng lên.

5. Cơ sở lý luận và phương pháp nghiên cứu luận án

5.1. Cơ sở lý luận

Luận án được nghiên cứu trên cơ sở lý luận của chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh và đường lối, quan điểm của Đảng Cộng sản Việt Nam về công tác tư tưởng, công tác tuyên truyền; đồng thời kế thừa và phát triển kết quả nghiên cứu của một số công trình khoa học có liên quan.

5.2. Phương pháp luận và phương pháp nghiên cứu

5.2.1. Phương pháp luận

Luận án bám sát các quan điểm, nguyên tắc phương pháp luận của chủ nghĩa duy vật biện chứng và chủ nghĩa duy vật lịch sử như: quan điểm toàn diện, quan điểm hệ thống - cấu trúc, quan điểm lịch sử - logic và các nguyên tắc khách quan để nghiên cứu.

5.2.2. Các phương pháp nghiên cứu lý luận

* *Phương pháp phân tích và tổng hợp*, được sử dụng để phân tích các vấn đề lý luận và thực tiễn liên quan đến đối tượng nghiên cứu; đồng thời tổng hợp, khái quát các kết quả nghiên cứu và những vấn đề thực tiễn, làm cơ sở xây dựng khung lý luận, đánh giá thực trạng và đề xuất phương hướng, giải pháp.

* *Phương pháp lịch sử và logic*, được sử dụng để nghiên cứu sự phát triển và biến đổi của việc đổi mới phương thức tuyên truyền chủ quyền biển, đảo Việt Nam cho sinh viên các trường đại học ở TPHCM trong những điều kiện cụ thể; đồng thời phân tích, khái quát những đặc điểm, mối quan hệ và quy luật vận động của quá trình này. Phương pháp được vận dụng chủ yếu trong nghiên cứu cơ sở lý luận, phân tích quá trình thực tiễn và nhận diện những vấn đề đặt ra, từ đó làm căn cứ đề xuất phương hướng, giải pháp phù hợp.

* *Phương pháp phân loại và hệ thống hóa*, được sử dụng để phân loại, sắp xếp các tài liệu, công trình nghiên cứu và các vấn đề liên quan đến đổi mới phương thức tuyên truyền chủ quyền biển, đảo Việt Nam cho sinh viên các trường đại học ở TPHCM theo những tiêu chí phù hợp; đồng thời hệ thống hóa các khái niệm, nội dung và yếu tố cấu thành, làm cơ sở xây dựng khung lý luận của luận án.

* *Phương pháp hệ thống - cấu trúc*, được sử dụng để xác định các thành tố cấu thành, vị trí, vai trò và mối quan hệ giữa các thành tố của đối tượng nghiên cứu; qua đó làm rõ cấu trúc và cơ chế vận động của đối tượng, làm cơ sở xây dựng khung lý luận và phân tích thực tiễn của luận án.

5.2.3. Các phương pháp nghiên cứu thực tiễn

Xác định thực trạng đổi mới phương thức tuyên truyền chủ quyền biển, đảo Việt Nam cho sinh viên các trường đại học ở TPHCM thông qua việc sử dụng phối hợp các phương pháp nghiên cứu, gồm: phương pháp điều tra xã hội học bằng bảng hỏi; phương pháp phỏng vấn sâu, phương pháp thống kê toán học, phương pháp quan sát,.

* *Phương pháp điều tra bằng phiếu hỏi (Phụ lục 1)*: Phương pháp điều tra xã hội học nhằm thu thập dữ liệu định lượng về nhận thức, thái độ, hành vi, đánh giá của các nhóm đối tượng liên quan đến vấn đề đổi mới phương thức tuyên truyền chủ quyền biển, đảo Việt Nam cho sinh viên các trường đại học ở TPHCM.

- Mục đích: Thu thập minh chứng, số liệu để chứng minh thực trạng.
- Đối tượng: Sinh viên, đại diện Nhà trường (cán bộ Đoàn - Hội, giảng viên, cán bộ phòng, ban) tại các trường đại học ở TPHCM.
- Nội dung: Thực trạng sử dụng phương thức tuyên truyền chủ quyền biển, đảo Việt Nam cho sinh viên các trường đại học ở TPHCM hiện nay.
- Công cụ: Mẫu phiếu hỏi.

- Số lượng: 1.283 phiếu sinh viên, 151 phiếu đại diện Nhà trường.

- Thời gian khảo sát chính thức: tháng 10/2025 đến tháng 01/2026.

* *Phương pháp phỏng vấn sâu(chuyên gia) (Phụ lục 1)*, nhằm khai thác thông tin, quan điểm, kinh nghiệm và đánh giá chuyên sâu của các chủ thể, cán bộ quản lý, chuyên gia về đổi mới phương thức tuyên truyền chủ quyền biển, đảo Việt Nam cho sinh viên các trường đại học ở TPHCM.

- Mục đích: Thu thập minh chứng, số liệu để chứng minh thực trạng.

- Đối tượng: 16 đại diện Nhà trường (cán bộ Đoàn - Hội, giảng viên, cán bộ phòng, ban) tại các trường đại học ở TPHCM.

- Nội dung: Thực trạng sử dụng phương thức tuyên truyền chủ quyền biển, đảo Việt Nam cho sinh viên các trường đại học ở TPHCM hiện nay.

- Công cụ: Phỏng vấn trực tiếp bằng câu hỏi soạn sẵn.

- Thời gian phỏng vấn chính thức: tháng 10/2025 đến tháng 01/2026.

* *Phương pháp thống kê toán học*:

- Mục đích: Mã hóa và xử lý nguồn dữ liệu thu được, làm cơ sở định lượng để đánh giá thực trạng và xây dựng các giải pháp khả thi.

- Nội dung: Đổi mới phương thức tuyên truyền chủ quyền biển, đảo Việt Nam cho sinh viên các trường đại học ở TPHCM - thực trạng và những vấn đề đặt ra.

- Công cụ: phần mềm SPSS.

* *Phương pháp quan sát*, được sử dụng để trực tiếp theo dõi, ghi nhận hoạt động, hành vi và cách thức vận hành của việc đổi mới phương thức tuyên truyền chủ quyền biển, đảo Việt Nam cho sinh viên các trường đại học ở TPHCM trong thực tiễn.

6. Đóng góp mới của luận án

Thứ nhất, luận án đề xuất được hai khái niệm công cụ: “Tuyên truyền chủ quyền biển, đảo Việt Nam cho sinh viên các trường đại học” và “Đổi mới phương thức tuyên truyền chủ quyền biển, đảo Việt Nam cho sinh viên các trường đại học”; đồng thời làm rõ nội dung đổi mới phương thức tuyên truyền chủ quyền biển, đảo Việt Nam cho sinh viên các trường đại học.

Thứ hai, luận án làm rõ được bức tranh thực trạng về đổi mới phương thức tuyên truyền chủ quyền biển, đảo Việt Nam cho sinh viên các trường đại học ở TPHCM trong thời gian qua, từ đó chỉ rõ những vấn đề đặt ra từ thực trạng đó.

Thứ ba, luận án đã đề xuất được một số phương hướng và hệ thống các giải pháp khoa học, đồng bộ, có tính khả thi nhằm tiếp tục đổi mới phương thức tuyên truyền chủ quyền biển, đảo Việt Nam cho sinh viên các trường đại học ở TPHCM trong thời gian tới, có thể nhân rộng cho sinh viên các trường đại học trên cả nước; góp phần cung cấp luận cứ khoa học cho công tác chỉ đạo, tổ chức thực hiện của cấp ủy Đảng, Ban Giám hiệu, Đoàn Thanh niên, Hội Sinh viên trong các trường đại học hiện nay.

7. Ý nghĩa lý luận và thực tiễn của luận án

Về lý luận, nội dung và kết quả của luận án góp phần hoàn thiện cơ sở lý luận về công tác tuyên truyền và đổi mới phương thức tuyên truyền chủ quyền biển, đảo của Việt Nam cho sinh viên các trường đại học. Vì vậy, luận án có thể sử dụng làm tài liệu tham khảo cho việc nghiên cứu, giảng dạy ngành Chính trị học, chuyên ngành Công tác tư tưởng; Xây dựng Đảng; Giáo dục quốc phòng và an ninh; các bộ môn khoa học xã hội và nhân văn có liên quan trong các trường đại học ở Việt Nam và ở TPHCM.

Về thực tiễn, các kết quả tổng kết từ luận án được luận giải dựa trên hệ thống lý luận khoa học vững chắc cùng phương pháp tiếp cận tường minh, khách quan. Do đó, các cơ quan có thẩm quyền có thể khai thác, vận dụng vào thực tiễn công tác để nâng cao hiệu quả công tác tuyên truyền về chủ quyền biển, đảo trong thời gian tới.

8. Kết cấu nghiên cứu

Ngoài phần Mở đầu, Kết luận, Danh mục tài liệu tham khảo và Phụ lục; nội dung Luận án gồm 4 chương và 11 tiết.

Chương 1

TỔNG QUAN TÌNH HÌNH NGHIÊN CỨU CÓ LIÊN QUAN ĐẾN ĐỀ TÀI LUẬN ÁN

1.1. Các công trình nghiên cứu về tuyên truyền và tuyên truyền về chủ quyền biển, đảo Việt Nam

1.1.1. Các công trình nghiên cứu về tuyên truyền và công tác tuyên truyền

Vấn đề tuyên truyền nói chung và công tác tuyên truyền nói riêng từ lâu đã được các nhà khoa học trong và ngoài nước quan tâm, nghiên cứu ở nhiều góc độ và cách tiếp cận khác nhau. Cụ thể như:

Sách “*Tuyên truyền miệng: Lý luận - Tổ chức - Phương pháp*” của M.M. Rakhomacunov (chủ biên) (1983), nhóm tác giả đã khẳng định tuyên truyền miệng chính là phương thức lãnh đạo chính trị mang lại hiệu quả cao của Đảng Cộng sản, là cầu nối then chốt nhằm duy trì sợi dây liên hệ mật thiết, thường xuyên và liên tục giữa Đảng với các tầng lớp nhân dân. Về mặt yêu cầu, nội dung tuyên truyền miệng bắt buộc phải hội tụ đầy đủ tính đảng, tính tư tưởng, tính khoa học và tính chân thực, đồng thời phải bám sát hơi thở của cuộc sống và thực tiễn sinh động. Hiệu quả và mục tiêu cao nhất của hình thức này chỉ có thể đạt được khi người làm công tác tuyên truyền khéo léo lựa chọn những chủ đề hấp dẫn, mang tính thời sự cấp bách; xây dựng thông tin chính trị dựa trên các sự kiện gần gũi với đời sống và truyền tải thông qua ngôn ngữ sinh động, dễ tiếp thu trong các buổi nói chuyện, tọa đàm hay báo cáo thời sự [157].

Sách “*Tâm lý học tuyên truyền*” của S.A.Na-đi-ra-svili (1984), tác phẩm đi sâu luận giải hệ thống các nhân tố chủ quan và khách quan trong tâm lý con người có khả năng chi phối đến hiệu quả tuyên truyền, đồng thời làm rõ các quy luật tâm lý, phương thức thiết lập tình huống cũng như việc xây dựng môi trường bối cảnh phù hợp. Không chỉ dừng lại ở đó, nhà nghiên cứu còn phân tích những tác động tâm lý cụ thể mà công tác tuyên truyền mang lại, từ đó nhấn mạnh mối quan hệ biện chứng chặt chẽ giữa các đặc trưng của hoạt động tuyên truyền với đời sống tâm lý con người [162].

Bài viết “*Propaganda política y comunicación visual*” (Political propaganda and visual communication - Tiếng Anh) (Dịch: *Tuyên truyền chính trị và truyền thông trực quan*) của Lic. Ramiro Faustino Remón-Lara, đăng trên Tạp chí Santiago, Cuba (số 153, tháng 9-12, 2020) đã nghiên cứu mối quan hệ giữa tuyên truyền chính trị với truyền thông bằng hình ảnh trực quan. Trong khi nêu ra

và phân tích các khái niệm liên quan đến tuyên truyền, tác giả đã chỉ ra các phương tiện tuyên truyền và chia chúng thành các nhóm như tác động trực tiếp hoặc gián tiếp, và tác động vào lý trí hoặc tình cảm thông qua văn bản, lời nói, hình ảnh, biểu tượng,... Trên cơ sở đánh giá thực tiễn, tác giả cho rằng truyền thông bằng hình ảnh có thể trở thành một công cụ đắc lực cho quá trình tuyên truyền [156, tr.20-29].

Ở Việt Nam, có rất nhiều công trình nghiên cứu về tuyên truyền và công tác tuyên truyền, có thể kể đến một số công trình tiêu biểu như:

Sách *“Học tập phương pháp tuyên truyền cách mạng Hồ Chí Minh”* của Hoàng Quốc Bảo (2006) là một công trình nghiên cứu hệ thống gồm ba nội dung cốt lõi: lý luận về nguồn gốc phương pháp tuyên truyền của Người; các đặc trưng căn bản trong phong cách tuyên truyền cách mạng Hồ Chí Minh; và định hướng vận dụng những giá trị này để đổi mới tư duy, kỹ năng cho cán bộ làm công tác tư tưởng trong giai đoạn mới. Đóng góp nổi bật của tác phẩm nằm ở chỗ không chỉ dừng lại ở việc luận giải căn cứ khoa học và đặc điểm cốt lõi trong di sản của Chủ tịch Hồ Chí Minh, mà còn đi sâu đánh giá thực tế năng lực hành nghề của đội ngũ cán bộ tuyên giáo của Đảng. Đây là cơ sở thực tiễn quan trọng để tác giả kiến nghị các giải pháp cơ bản, góp phần cải tiến và nâng cao chất lượng hoạt động tuyên truyền của lực lượng làm công tác tư tưởng hiện nay theo khuôn mẫu phong cách Hồ Chí Minh [20].

Luận án *“Đảng lãnh đạo công tác tuyên truyền, cổ động chính trị ở miền Bắc 1960 - 1975”*, Luận án Tiến sĩ Lịch sử của Phùng Thị Hiền (2009), Học viện Báo chí Tuyên truyền, đã tập trung làm sáng tỏ vai trò chỉ đạo của Đảng trên lĩnh vực tư tưởng giai đoạn này. Tác giả không chỉ khái quát những thành tựu nổi bật và các mặt còn hạn chế để rút ra các bài học kinh nghiệm thực tiễn, mà còn đề xuất các phương án khả thi nhằm nâng cao chất lượng công tác chỉ đạo tuyên truyền, cổ động. Dưới lăng kính chuyên ngành Lịch sử Đảng, công trình đã luận giải một cách khoa học tiến trình vận động mang tính lịch sử của công tác tư tưởng trong những năm 1960 - 1975. Yếu tố cốt lõi được nhấn mạnh xuyên suốt luận án chính là tính định hướng chính trị trong các thông điệp tuyên truyền - một minh chứng rõ nét cho vai trò dẫn dắt của Đảng nhằm phục vụ đắc lực cho các mục tiêu và nhiệm vụ cách mạng đề ra [61].

Luận án *“Hiệu quả công tác giáo dục chính trị - tư tưởng trong học viên các học viện quân sự ở nước ta hiện nay”* của Lương Ngọc Vĩnh (2012), Luận án Chính trị học, Học viện Báo chí Tuyên truyền đã thiết lập một khung phân

tích toàn diện từ lý thuyết đến thực tiễn, đi kèm các giải pháp ứng dụng cụ thể. Tác giả đã đi sâu luận giải bản chất cấu trúc của “hiệu quả giáo dục” thông qua sự tương quan giữa mục đích, nguồn lực và kết quả đầu ra; đồng thời củng cố, bổ sung hệ thống tiêu chí cùng phương thức đánh giá năng lực tuyên truyền chính trị cho học viên quân sự. Đối với đề tài nghiên cứu hiện tại, công trình này cung cấp những căn cứ lý luận giá trị để tác giả tham chiếu, hoàn thiện các phương thức đổi mới, nâng cao chất lượng và hiệu quả của hoạt động tuyên truyền chủ quyền biển, đảo toàn diện [142].

Bài viết *“Những cơ hội và thách thức của mạng xã hội đối với chủ thể và đối tượng công tác tuyên truyền của Đảng”* của Lương Ngọc Vĩnh (2020) đã khẳng định sự ra đời và phát triển của mạng xã hội đã tạo ra những thời cơ và thách thức cho tất cả các lĩnh vực của mọi quốc gia, dân tộc trên thế giới ở quy mô, bản chất và mức độ khác nhau. Khi xem xét trong hoạt động truyền thông chính trị của Đảng, mạng xã hội đã tạo ra cơ hội nhưng đồng thời cũng đặt ra nhiều thách thức cho các yếu tố cấu thành của nó, trong đó có yếu tố phương thức truyền thông chính trị [144, tr.13-18].

Sách chuyên khảo *“Công tác tuyên truyền của Đảng Cộng sản Việt Nam trong thời kỳ mới”* của Lương Ngọc Vĩnh (chủ biên), Ngô Văn Thạo và Nguyễn Chí Mỹ (2021) đã hệ thống hóa toàn diện khung lý luận về hoạt động tuyên giáo. Công trình đi sâu phân tích toàn bộ diện mạo của công tác tuyên truyền trên mọi lĩnh vực đời sống, đồng thời định hình các giải pháp chiến lược nhằm tối ưu hóa chất lượng hoạt động này trong giai đoạn tiếp theo. Đáng chú ý, các tác giả nhấn mạnh triết lý lấy dân làm gốc khi chỉ rõ: để phát huy vai trò chủ thể sáng tạo của quần chúng, hệ thống công cụ và phương tiện truyền thông phải được đặt dưới quyền làm chủ của nhân dân lao động gắn liền với sự dắt dẫn của Đảng; đồng thời cần biến chính những thành quả thực tiễn từ công cuộc xây dựng, bảo vệ Tổ quốc thành nguồn động lực tinh thần mới. Đặc biệt, để thông điệp chính trị đi vào lòng dân một cách thực chất, việc áp dụng các phương thức có tính chất dân chủ, tăng cường tương tác trực tiếp như tuyên truyền miệng, tọa đàm, đối thoại song phương giữ vai trò quyết định [145].

1.1.2. Các công trình nghiên cứu về tuyên truyền chủ quyền biển, đảo Việt Nam

Hiện nay, Biển Đông vẫn đang là “điểm nóng” bởi vấn đề tranh chấp chủ quyền. Nghiên cứu về vấn đề Biển Đông và đặc biệt là chủ quyền hai quần đảo

Hoàng Sa, Trường Sa đã thu hút sự quan tâm của nhiều học giả trong khu vực và thế giới, phản ánh những cách thức, quan điểm và cách tiếp cận phong phú, đa dạng. Có thể kể đến một số công trình, bài viết nước ngoài đáng chú ý như:

Bài viết “*A Study on the China’s “Nine-Dash Line” and the Award of PCA*” (Dịch: *Nghiên cứu về “đường chín đoạn” của Trung Quốc và phán quyết của PCA*) của Jeong Gab Yong (Đại học Youngsan, Hàn Quốc) (2016) tại Hội thảo quốc tế “Quy chế pháp lý của đảo, đá trong luật quốc tế và thực tiễn Biển Đông” đã khẳng định “đường chín đoạn” của Trung Quốc không đáp ứng được các tiêu chuẩn quốc tế để thiết lập chủ quyền hoặc quyền chủ quyền ở Biển Đông; và cái gọi là “đường chín đoạn” của Trung Quốc đi ngược lại các quy tắc luật quốc tế chung cũng như UNCLOS 1982. Đây cũng là công trình góp phần tuyên truyền, bác bỏ các yêu sách phi pháp của Trung Quốc đã đi ngược với điều ước quốc tế; đồng thời chỉ rõ các mốc chủ quyền, quyền chủ quyền trên biển của các quốc gia ven biển, trong đó có Việt Nam [154].

Bài viết “*The Modern Origins of China’s South China Sea Claims: Maps, Misunderstandings, and the Maritime Geobody*” (Dịch: *Nguồn gốc hiện đại về các yêu sách của Trung Quốc trên Biển Đông: Bản đồ, sự nhầm lẫn và địa lý biển*) của Bill Hayton (2019) - Trợ lý nghiên cứu Chương trình Châu Á - Thái Bình Dương, Vương quốc Anh, đăng 2 kỳ trên Tạp chí SAGE đã đưa ra một số cách giải thích mới về sự hình thành và phát triển của các yêu sách phi lý về lãnh thổ của Trung Quốc trên Biển Đông và khẳng định rằng đó là một “quá trình tưởng tượng” nhằm mục tiêu vực dậy chủ nghĩa dân tộc Đại Hán trong bối cảnh đầu thế kỷ XX. Những luận cứ mà tác giả bài viết đưa ra đã minh chứng hành động và tham vọng độc chiếm Biển Đông của Trung Quốc để mở rộng không gian sinh tồn, trở thành cường quốc biển. Công trình là cơ sở để các nhà nghiên cứu chiến lược biển của Việt Nam cân nhắc, tham góp các vấn đề cần hoạch định và tuyên truyền nhận thức sâu sắc cho cán bộ, nhân dân hiểu rõ về âm mưu và bản chất nhất quán trong chiến lược vươn ra biển của các nước trong khu vực nói chung và Trung Quốc nói riêng [149].

Bài viết “*Authoritarian Propaganda Campaigns on Foreign Affairs: Four Birds, One Stone, and the South China Sea Arbitration*” (Dịch: *Chiến dịch Tuyên truyền Đối ngoại Độc tài: Bốn Con chim, Một Hòn đá và Tòa Trọng tài Biển Đông*) của Andrew Chubb và Frances Yaping Wang (2023), đăng trên Tạp chí Nghiên cứu Quốc tế đã lập luận và phân tích các chiến dịch tuyên

truyền của chính quyền độc đoán Trung Quốc trong lĩnh vực đối ngoại xung quanh sự kiện Phán quyết Tòa Trọng tài Biển Đông năm 2016 (vụ kiện của Philippines). Các tác giả chỉ ra rằng chiến dịch tuyên truyền đối ngoại của chính quyền nhằm đạt được 04 mục tiêu chiến lược cùng một lúc, đó là: răn đe quốc tế; củng cố tinh thần chủ nghĩa dân tộc trong nước; quản lý và định hướng dư luận; thống nhất quan điểm, lập trường nội bộ trong cả hệ thống chính trị. Bài viết nêu rõ cách thức tuyên truyền linh hoạt nhằm phối hợp nhịp nhàng giữa sự răn đe (trước phán quyết) và quản lý dư luận xã hội (sau phán quyết) để hạ nhiệt các hành vi quá khích của người dân. Một thông điệp tưởng chừng như chỉ để dọa dẫm bên ngoài nhưng thực chất lại chứa đựng những ẩn ý sâu sắc để răn đe các tiếng nói bất đồng ở trong nước. Công trình đã khái quát phần nào các cách thức tuyên truyền độc đoán về một vấn đề đối ngoại (như chủ quyền biển, đảo) của cường quốc biển, không chỉ đang nói với thế giới mà còn đang thực hiện một bài toán quản trị quốc gia phức tạp [151].

Bài viết *“Temporal evolution of strategic narratives: Chinese TikTok propaganda and the South China Sea conflict”* (Dịch: *Sự phát triển thực tế của các lập luận chiến lược: Tuyên truyền trên TikTok của Trung Quốc và xung đột Biển Đông*) của Ronel Jhon Lumor Guarte và cộng sự (2025), đăng trên tạp chí ASPIKOM. Nghiên cứu khẳng định rằng hoạt động tuyên truyền kỹ thuật số hiện đại của Trung Quốc cực kỳ tinh vi, có sự hiểu biết sâu sắc về tâm lý khán giả kỹ thuật số và khả năng gây ảnh hưởng xuyên văn hóa. Thay vì là những nội dung tĩnh, các chiến dịch truyền thông này vận hành như các hệ thống diễn ngôn động và tiến hóa liên tục, đòi hỏi các khung phân tích tương tự để nắm bắt chính xác dòng chảy thông tin trong môi trường cạnh tranh địa chính trị hiện nay. Công trình này đóng góp vào lý thuyết truyền thông, cung cấp bằng chứng thực nghiệm cho thấy cách thức tuyên truyền kỹ thuật số đương đại đang phát triển chứ không phải là nội dung tĩnh, đòi hỏi các quốc gia cần nghiên cứu, nắm bắt các quá trình truyền thông năng động trong môi trường thông tin cạnh tranh hiện nay [153, tr.67-184].

Bài viết *“Framing Analysis of the South China Sea News Conflict in the Malay Media”* (Dịch: *Phân tích cách thức truyền thông đưa tin về xung đột Biển Đông trên các phương tiện truyền thông Malaysia*) của Das'ad Latif và cộng sự (2025), đăng trên Tạp chí Truyền thông, Hiệp hội các học giả Truyền thông Indonesia. Bài viết đã phân tích, xem xét cách các phương tiện truyền

thông Malaysia định hình xung đột Biển Đông bằng cách sử dụng phương pháp mô tả định tính. Nghiên cứu tập trung vào các nguyên nhân gốc rễ, nguyên nhân vấn đề, phán xét đạo đức và khuyến nghị. Kết quả cho thấy, cả ba phương tiện truyền thông đều xem tuyên bố chủ quyền của Trung Quốc đối với Biển Đông và nguồn tài nguyên thiên nhiên phong phú của khu vực này là gốc rễ của vấn đề. Phương pháp phân tích truyền thông nhằm bóc tách cách báo chí lựa chọn một số khía cạnh của thực tế để làm nổi bật chúng, từ đó định hướng nhận thức của công chúng về bản chất của vấn đề, nguyên nhân xung đột, và các giải pháp được đề xuất. Công trình này giúp làm rõ quan điểm chính trị, vị thế ngoại giao và góc nhìn của truyền thông các nước Đông Nam Á (đặc biệt là Malaysia) đối với vấn đề địa chính trị - xung đột tại Biển Đông, trong bối cảnh các bên liên quan tìm kiếm sự cân bằng giữa lợi ích quốc gia và quan hệ với các cường quốc [155, tr.309-321].

Bài viết *“Analysis of reports from Russian media on political issues in the Asia-Pacific region - using the example of trade relations between China and the USA and disputes in the South China Sea”* (Dịch: *Phân tích việc đưa tin của truyền thông Nga về các vấn đề chính trị ở khu vực châu Á - Thái Bình Dương: Nghiên cứu trường hợp quan hệ thương mại Trung Quốc - Hoa Kỳ và tranh chấp ở Biển Đông*) của Wei Yu (2025), đăng trên Tạp chí Litera. Bài viết tập trung nghiên cứu đặc điểm cách thức truyền thông Nga đưa tin các vấn đề chính trị quan trọng trong khu vực châu Á - Thái Bình Dương, đặc biệt chú trọng cách thức truyền thông thông qua việc lựa chọn và định hình thông tin, sử dụng các tài liệu này để thực hiện chiến lược chính sách đối ngoại tổng thể của Nga và thể hiện sức mạnh mềm của mình. Thông qua việc tuyên truyền các tin tức, ấn phẩm có liên quan đến vấn đề chính trị của các quốc gia, trong đó có tranh chấp Biển Đông không chỉ phản ánh sâu sắc tham vọng của Nga trong chính sách đối ngoại và lợi ích chiến lược mà còn cho thấy vai trò kép của truyền thông trong giao tiếp quốc tế đương đại - vừa là công cụ truyền tải chính sách nhà nước, vừa là phương tiện quan trọng để thể hiện sức mạnh mềm quốc gia. Công trình góp phần giúp các học giả trong lĩnh vực công tác tuyên truyền ở Việt Nam có thêm góc nhìn mới, so sánh, đối chiếu lý thuyết về truyền thông quốc tế và trong nước để nâng cao công tác tuyên truyền chủ quyền biển, đảo quốc gia trong thời gian tới [166, tr.140-153].

Liên quan đến công tác tuyên truyền chủ quyền biển, đảo, ở Việt Nam

cũng đã có nhiều công trình tiếp cận từ nhiều góc độ khác nhau. Cụ thể:

Sách *“Philippines kiện Trung Quốc về tranh chấp Biển Đông: Các sự kiện và phân tích pháp lý”* của Trần Công Trục (Chủ biên) (2016) gồm 5 chương và phần phụ lục. Chương 1: Phương thức giải quyết tranh chấp quốc tế theo các quy định của luật pháp quốc tế; Chương 2: Biển Đông và các loại tranh chấp ở Biển Đông; Chương 3: Vụ Philippines kiện Trung Quốc về Biển Đông; Chương 4: Quá trình ra Phán quyết cuối cùng của Tòa Trọng tài; Chương 5: Tình hình Biển Đông hậu phán quyết. Ngoài ra, cuốn sách còn có phần Phụ lục tập hợp một số bài nghiên cứu về tình hình Biển Đông trước và sau phán quyết của Tòa Trọng tài. Phần Phụ lục bao gồm 11 bài viết của các học giả, các nhà khoa học trong và ngoài nước nghiên cứu về tình hình Biển Đông trước và sau phán quyết của Tòa Trọng tài. Ngày 12/7/2016, Tòa Trọng tài thành lập theo Phụ lục VII của UNCLOS 1982 đã ra phán quyết vụ Philippines kiện Trung Quốc về Biển Đông. Thực chất đây không phải là vụ kiện về tranh chấp quyền thụ đắc lãnh thổ hay phân định ranh giới các vùng biển và thềm lục địa. Theo đó, Tòa Trọng tài đã bác bỏ hoàn toàn cơ sở pháp lý của yêu sách “đường lưỡi bò” của Trung Quốc. Đây là phán quyết rất chuẩn mực theo đúng tuân thủ tục pháp lý và rất khách quan, trung thực; là chiến thắng vang dội trên mặt trận pháp lý không chỉ của riêng Philippines mà còn là thắng lợi của cộng đồng khu vực và quốc tế với tư cách là những thành viên của UNCLOS 1982. Đây là một vụ kiện không phải ai cũng có thể hiểu ngọn ngành và có rất nhiều những vấn đề có liên quan. Thế nhưng, cuốn sách đã được viết, được trình bày rất khoa học, súc tích, dễ hiểu để độc giả có thể dễ dàng tiếp nhận. Có thể khẳng định rằng đây là cuốn sách và tài liệu đầy đủ, trình bày một cách có hệ thống về vụ kiện của Philippines đối với yêu sách đường lưỡi bò của Trung Quốc. Sách không chỉ là tài liệu nghiên cứu và tham khảo của các nhà khoa học mà còn cần thiết cho tất cả mọi người để hiểu thêm về Biển Đông, về các tranh chấp trên Biển Đông và đặc biệt là về vụ Philippines kiện Trung Quốc về tranh chấp Biển Đông, góp phần tuyên truyền, nâng cao nhận thức cho nhân dân Việt Nam và bạn bè quốc tế về tình hình Biển Đông nói chung và chủ quyền biển, đảo Việt Nam nói riêng [122].

Bài viết *“Đấu tranh phản bác các luận điệu tuyên truyền xuyên tạc của Trung Quốc về chủ quyền biển đảo của Việt Nam”* của Hồ Anh (2016) đã vạch rõ mưu đồ “độc chiếm Biển Đông” của Trung Quốc, xuyên tạc trắng trợn về hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa thuộc chủ quyền không thể tranh cãi của Việt

Nam. Đồng thời, những luận điệu của Trung Quốc cũng đang tuyên truyền theo hướng “biện minh” cho chủ trương của họ trong giải quyết vấn đề tranh chấp trên Biển Đông và những hoạt động thực tế phi pháp trên vùng biển, đảo thuộc chủ quyền của Việt Nam. Bài viết cũng nêu ra các hình thức tuyên truyền của Trung Quốc thông qua việc huy động một hệ thống phương tiện báo chí đồ sộ với các cơ quan báo in, đài phát thanh, đài truyền hình; xuất bản các sách, tài liệu, ấn phẩm, bản đồ, hộ chiếu,... có in hình “đường lưỡi bò” phi pháp vào công cuộc tuyên truyền sai trái. Nhằm đập tan những mưu đồ của Trung Quốc, trong bài viết cũng đề ra một số vấn đề lưu ý cần thực hiện đồng bộ: Trước hết là đẩy mạnh tuyên truyền phản bác; tiếp đó cần phát huy vai trò của các lực lượng của cơ quan báo chí; đồng thời, sử dụng đa dạng, linh hoạt các hình thức đấu tranh phản bác [2, tr.52-56].

Sách *“Vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh trong bảo vệ chủ quyền biển đảo Việt Nam hiện nay”* của Nguyễn Thị Tố Uyên (Chủ biên) (2017) đã nêu ra những vấn đề cốt lõi của tư tưởng Hồ Chí Minh trong bảo vệ chủ quyền biển, đảo và sự vận dụng vào thực tiễn Việt Nam từ năm 1945 đến nay. Qua đó, rút ra những bài học kinh nghiệm, thuận lợi, khó khăn, thách thức và đề xuất phương hướng, giải pháp chủ yếu nhằm tiếp tục vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh trong bảo vệ chủ quyền biển, đảo Việt Nam đến năm 2025. Cuốn sách góp phần tuyên truyền, giáo dục nhận thức cho mọi tầng lớp nhân dân qua việc vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh để bảo vệ Tổ quốc trên hướng biển trước sự biến đổi không lường của tình hình thế giới, khu vực và Biển Đông, đặc biệt là việc giải quyết tranh chấp chủ quyền biển, đảo đối với hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa của nước ta - vấn đề chiến lược mang tính cấp bách và then chốt của Đảng, Nhà nước trên hướng biển [130].

Sách *“Một số vấn đề về biển, đảo và quản lý, bảo vệ chủ quyền biển, đảo Việt Nam trong giai đoạn hiện nay”* của Trần Quốc Dương (Chủ biên) (2019) đã khái quát những vấn đề cơ bản về biển và đại dương; một số vấn đề cơ bản về Biển Đông và Luật Biển Việt Nam; quan điểm, đường lối của Đảng và Nhà nước về khai thác, bảo vệ chủ quyền biển, đảo và một số vấn đề về giải quyết tranh chấp chủ quyền trên Biển Đông và quản lý, bảo vệ chủ quyền biển, đảo của Việt Nam trong giai đoạn hiện nay. Cuốn sách cũng là tài liệu bổ ích để tham khảo, nghiên cứu, giảng dạy, giáo dục, tuyên truyền chủ quyền biển đảo Việt Nam hiện nay [36].

Sách “*Công tác thông tin, tuyên truyền chủ quyền Việt Nam trên hai quần đảo Hoàng Sa, Trường Sa*” của Lê Nhị Hòa (Chủ biên) (2019) gồm 3 chương. Chương 1: phân tích rõ chủ quyền của Việt Nam trên hai quần đảo Hoàng Sa, Trường Sa và vai trò của công tác thông tin, tuyên truyền trong đấu tranh bảo vệ chủ quyền của Việt Nam trên hai quần đảo này; đồng thời chỉ ra một số nhân tố ảnh hưởng đến đấu tranh bảo vệ chủ quyền biển, đảo Việt Nam; Chương 2: nêu ra những chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước về công tác thông tin, tuyên truyền và một số hoạt động thông tin, tuyên truyền về chủ quyền Việt Nam trên hai quần đảo Hoàng Sa, Trường Sa như: thông qua các buổi tọa đàm, diễn đàn, hội thảo quốc gia, hội thảo quốc tế, xuất bản,...; Chương 3: nêu ra tình hình thế giới và Biển Đông cũng như những thách thức trong công tác thông tin, tuyên truyền, đấu tranh bảo vệ chủ quyền Việt Nam ở hai quần đảo Hoàng Sa, Trường Sa; dự báo các tình huống giải quyết tranh chấp chủ quyền và đề xuất một số giải pháp nâng cao hiệu quả công tác thông tin, tuyên truyền chủ quyền Việt Nam ở hai quần đảo Hoàng Sa, Trường Sa đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2025 - 2030 [65].

Luận án “*Quá trình tranh chấp chủ quyền giữa các bên ở quần đảo Trường Sa từ năm 1988 đến nay*” của Bùi Đức An (2020) tập trung luận giải, làm rõ nguồn gốc, bản chất, thực trạng quá trình tranh chấp chủ quyền giữa các bên ở quần đảo Trường Sa từ năm 1988 đến thời đánh giá tác động, dự báo các kịch bản có thể xảy ra đối với tranh chấp chủ quyền ở quần đảo Trường Sa đến năm 2028, từ đó đưa ra các khuyến nghị về giải pháp để thúc đẩy giải quyết tranh chấp, giảm thiểu nguy cơ xảy ra va chạm, xung đột, bảo vệ tối đa chủ quyền, lợi ích của Việt Nam ở quần đảo Trường Sa, góp phần quan trọng giữ vững môi trường hòa bình, ổn định trong khu vực và thế giới. Đây cũng là một công trình nghiên cứu quan trọng để khẳng định chủ quyền quốc gia, đồng thời góp phần đề xuất phương án, phương thức tuyên truyền, đấu tranh pháp lý trên các mặt chính trị, ngoại giao, binh vận của Việt Nam, phù hợp với pháp luật Việt Nam và luật pháp quốc tế [1].

Sách “*Chủ quyền Việt Nam trên hai quần đảo Hoàng Sa, Trường Sa - Từ góc nhìn lịch sử và pháp lý*” của Đoàn Triệu Long, Nguyễn Ngọc Hòa, Lê Nhị Hòa (Đồng Chủ biên) (2021) gồm 5 chương. Từ góc nhìn lịch sử và pháp lý, cuốn sách hướng đến khẳng định chủ quyền Việt Nam đối với hai quần đảo Hoàng Sa, Trường Sa cũng như các lợi ích hợp pháp, chính đáng của Việt Nam

ở Biển Đông trên cơ sở các nguyên tắc của luật pháp quốc tế, UNCLOS 1982; đấu tranh, phản bác thông tin sai trái, luận điểm xuyên tạc về lịch sử chủ quyền Việt Nam ở hai quần đảo Hoàng Sa, Trường Sa; đồng thời góp phần thúc đẩy sự hiểu biết và tăng cường nhận thức chung giữa các quốc gia ven Biển Đông, thu hẹp sự khác biệt và bất đồng nhằm giải quyết hoà bình tranh chấp chủ quyền hai quần đảo Hoàng Sa, Trường Sa; tăng cường tin cậy chiến lược, tôn vinh lợi ích chính đáng, hợp pháp của nhau trong quan hệ Việt Nam và Trung Quốc; giữ gìn môi trường hoà bình, ổn định trên Biển Đông. Cuốn sách đem đến cho người đọc nhận thức đúng đắn, đầy đủ và toàn diện về chủ quyền và các lợi ích hợp pháp của Việt Nam trên Biển Đông, củng cố niềm tin vào sự thật lịch sử, vào sức mạnh của chính nghĩa và luật pháp quốc tế trong sự nghiệp lâu dài đấu tranh bảo vệ chủ quyền biển, đảo của Tổ quốc [81].

Sách *“Những điều cần biết về hai quần đảo Hoàng Sa, Trường Sa và khu vực thềm lục địa phía Nam (DKI)”* của Quân chủng Hải Quân, Cục Chính trị, Hải Phòng (2022) đã khái quát biển, đảo Việt Nam và các văn bản chính thức của Nhà nước Việt Nam về các vùng biển và thềm lục địa của Việt Nam; đồng thời cung cấp những thông tin cần biết về hai quần đảo Hoàng Sa, Trường Sa, về thềm lục địa phía Nam của Tổ quốc và các nhà giàn DK1. Qua đó, nội dung cuốn sách cũng cung cấp một số vấn đề cần lưu ý trong công tác tuyên truyền về hai quần đảo Hoàng Sa, Trường Sa, Nhà giàn DK1 trên thềm lục địa phía Nam của Tổ quốc [97].

Sách *“Công tác tuyên truyền về biển, đảo ở các tỉnh ven biển Nam Bộ trong tình hình mới”* của Nguyễn Thị Hoa Phượng (Chủ biên) (2023) gồm 3 chương. Chương 1: trình bày một số vấn đề về biển, đảo và công tác tuyên truyền về biển, đảo; Chương 2: phân tích thực trạng công tác tuyên truyền về biển, đảo ở các tỉnh ven biển Nam Bộ; đồng thời đặt ra một số yêu cầu cấp thiết trong công tác tuyên truyền biển đảo hiện nay; Chương 3, đề xuất phương hướng, nhiệm vụ và giải pháp tăng cường công tác tuyên truyền về biển, đảo ở các tỉnh ven biển Nam Bộ trong tình hình mới. Cuốn sách là công trình nghiên cứu công phu, dày dặn tư liệu phục vụ cho việc nghiên cứu, nắm bắt tình hình công tác tuyên truyền biển, đảo khu vực Nam Bộ, là tài liệu tham khảo bổ ích để NCS tiếp tục thực hiện các công trình liên quan với các đối tượng tuyên truyền khác [96].

Sách *“Hoàng Sa, Trường Sa - Chủ quyền của Việt Nam: Tư liệu và sự thật lịch sử”* của Nguyễn Quang Ngọc (2023) đã khái quát sơ lược về Biển Đông và

hai quần đảo Hoàng Sa, Trường Sa. Sách trình bày các tư liệu lịch sử phản ánh vị trí, vai trò của Biển Đông trong công cuộc dựng nước và giữ nước của dân tộc Việt Nam cho đến thế kỷ 16; khẳng định chủ quyền của Việt Nam ở Hoàng Sa, Trường Sa trong thời kỳ Chúa Nguyễn, Vương triều Tây Sơn và thời kỳ nhà Nguyễn (thế kỷ XVII đến XIX); tình hình tranh chấp, tranh biện về chủ quyền và thực trạng chiếm đóng ở hai quần đảo này từ năm 1909 đến nay. Cuốn sách không chỉ dừng lại ở việc cung cấp các tư liệu, lập luận suông mà còn minh chứng các tư liệu gốc (như Châu bản triều Nguyễn, Mộc bản, các bản đồ cổ của phương Tây và cả của chính Trung Quốc) để chứng minh quá trình chiếm hữu và thực thi chủ quyền của Việt Nam từ rất lâu đời của lịch sử nước Việt. Cuốn sách cũng phân tích các tranh chấp về chủ quyền do Trung Quốc gây ra và những hành động xâm lược từ năm 1946 đến nay. Nhìn chung, đây là cuốn sách “phải đọc” và “phải trích dẫn” khi nghiên cứu chuyên sâu về tính chính danh lịch sử của Việt Nam đối với hai quần đảo [90].

Đề tài khoa học cấp Bộ *“Bảo vệ quyền chủ quyền biển đảo Việt Nam trong tình hình mới”* của Vũ Quý Sơn (Chủ nhiệm) (2023) gồm 3 chương. Chương 1: Bối cảnh mới và những vấn đề mới đặt ra cho việc bảo vệ chủ quyền biển, đảo của Việt Nam; Chương 2: Nhân tố mới tác động đến bảo vệ chủ quyền biển, đảo của Việt Nam trong bối cảnh mới; Chương 3: Quan điểm, định hướng, giải pháp bảo vệ chủ quyền biển, đảo của Việt Nam. Nhìn chung, đề tài đã tổng quan tình hình nghiên cứu về chủ quyền biển đảo tại Việt Nam và quốc tế; đi sâu nhận diện các nhân tố bên ngoài và bên trong tác động đến công cuộc bảo vệ chủ quyền biển đảo của Việt Nam và công cuộc phát triển bền vững đất nước từ biển; đánh giá những thách thức đến từ những nhân tố tác động để đưa ra những xu hướng và kiến nghị liên quan đến công cuộc bảo vệ chủ quyền biển đảo của Việt Nam [103].

Bài viết *“Vùng 3 Hải quân đẩy mạnh công tác tuyên truyền biển, đảo”* của Chuẩn Đô đốc Nguyễn Đăng Tiến (2024) đã chia sẻ các hình thức, phương pháp tuyên truyền được vận dụng linh hoạt, đa dạng, góp phần nâng cao nhận thức cán bộ, chiến sĩ và nhân dân các đảo tiền tiêu. Đồng thời, bài viết cũng đề xuất 04 biện pháp góp phần đẩy mạnh công tác tuyên truyền biển đảo, trong đó có biện pháp tiếp tục đổi mới nội dung, hình thức, phương pháp tuyên truyền biển, đảo với phương châm “Nhạy bén, sắc sảo, sâu rộng, hiệu quả, sát thực tiễn, sát đối tượng”, lấy tuyên truyền miệng, trực quan và trên báo chí làm trọng tâm,

phối hợp tổ chức các hoạt động làm trọng điểm, tạo điểm nhấn và sức lan tỏa rộng rãi, tạo chuyển biến tích cực về nhận thức của các tầng lớp nhân dân. Qua đó cho thấy, công tác tuyên truyền chủ quyền biển đảo cần được đẩy mạnh đồng bộ và toàn diện, mọi lĩnh vực, mọi chủ thể và đối tượng thì mới đem lại hiệu quả cao, góp phần xây dựng “thế trận lòng dân”, bảo vệ vững chắc chủ quyền biển, đảo thiêng liêng của Tổ quốc [115].

Kỷ yếu hội thảo khoa học cấp quốc gia *“Đấu tranh, bảo vệ chủ quyền biển, đảo Việt Nam qua 40 năm đổi mới (1986 - 2026)”* do Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh phối hợp với Quân chủng Hải quân tổ chức (2025) [67] có nhiều bài viết của các tác giả bởi nhiều lĩnh vực nghiên cứu, trong đó:

Bài viết *“Vai trò của công tác thông tin, tuyên truyền, giáo dục trong bảo vệ chủ quyền biển đảo Việt Nam: thực tiễn và vấn đề đặt ra trong bối cảnh hiện nay”* của Bùi Văn Tiếng (2025) đã làm rõ thực trạng công tác thông tin, tuyên truyền, giáo dục về chủ quyền biển, đảo ở Đà Nẵng qua 40 năm đổi mới; đồng thời nhận diện một số vấn đề đặt ra về hoạt động thông tin, tuyên truyền, giáo dục về chủ quyền biển, đảo trong bối cảnh hiện nay và đề xuất giải pháp khắc phục. Trong đó, nhấn mạnh cần tăng cường thông qua các phương tiện báo chí/truyền thông, các triển lãm chuyên đề, các sinh hoạt học thuật; thông qua việc đưa những vấn đề về chủ quyền Hoàng Sa vào trường học; hay thông qua việc những vấn đề về chủ quyền Hoàng Sa được thường xuyên thăng hoa trong nghệ thuật - trong những phim tài liệu về Hoàng Sa, những ca khúc về Hoàng Sa, những bài thơ về Hoàng Sa, những tranh vẽ về Hoàng Sa, những con đường vinh danh những vị tướng, những người chiến sĩ đã hy sinh để giữ lấy tác đất, tác biển quê hương,... [116, tr.536-555].

Bài viết *“Công tác tuyên truyền biển, đảo góp phần nâng cao nhận thức về chủ quyền và quyền tài phán của Việt Nam của Việt Nam đối với quần đảo Trường Sa: Thực tiễn và những vấn đề đặt ra trong bối cảnh hiện nay”* của Thượng tá, ThS Lý Nguyên Bình (2025) đã khái quát những kết quả nổi bật của Quân chủng Hải quân trong công tác tuyên truyền bảo vệ chủ quyền, quyền chủ quyền và quyền tài phán quốc gia đối với các vùng biển, đảo của Việt Nam nhằm nâng cao nhận thức, củng cố niềm tin của các tầng lớp nhân dân và kiều bào ta ở nước ngoài; góp phần phát huy sức mạnh tổng hợp để bảo vệ vững chắc chủ quyền biển, đảo thiêng liêng của Tổ quốc; đồng thời chỉ rõ một số thách thức trong lãnh đạo, chỉ đạo, tổ chức thực hiện công tác tuyên truyền chủ quyền

biển, đảo. Qua đó, đặt ra yêu cầu cần phải đổi mới nội dung, hình thức và các biện pháp tuyên truyền hiện đại, hấp dẫn, phù hợp với từng địa bàn, từng lứa tuổi, đặc biệt là giới trẻ. Tác giả đề xuất 05 nhóm giải pháp, trong đó có giải pháp đổi mới mạnh mẽ nội dung và hình thức tuyên truyền, đa dạng hóa các công cụ truyền thông, chú trọng ứng dụng công nghệ thông tin, trí tuệ nhân tạo để biên tập, sản xuất nội dung tuyên truyền nhằm tăng tính tương tác, phù hợp với đối tượng và lan tỏa, đặc biệt là trên không gian mạng [23, tr.827-842].

1.2. Các công trình nghiên cứu về đổi mới phương thức tuyên truyền và đổi mới phương thức tuyên truyền chủ quyền biển, đảo Việt Nam cho sinh viên các trường đại học ở Thành phố Hồ Chí Minh

1.2.1. Các công trình nghiên cứu về đổi mới phương thức tuyên truyền

Bài viết *“Đổi mới phương pháp giáo dục lý luận chính trị, theo hướng phát huy tính tích cực, sáng tạo của người học, kết hợp với việc sử dụng phương tiện kỹ thuật hiện đại”* của Dương Xuân Ngọc (2004) (trên Kỷ yếu Hội thảo khoa học: Phương pháp dạy - học, kiểm tra đánh giá các môn khoa học xã hội nhân văn) đã tập trung làm rõ bản chất của công tác giảng dạy lý luận chính trị. Tác giả phân tích khái niệm giáo dục lý luận chính trị, bản chất của nguyên lý lấy người học làm trung tâm, cho đến cách thức vận hành các công cụ kỹ thuật hiện đại vào bài giảng và các điều kiện đảm bảo. Theo quan điểm được tác giả nhấn mạnh, cốt lõi của một phương pháp giáo dục tiên tiến chính là năng lực khơi dậy tính tích cực, chủ động và óc sáng tạo của người học. Giảng viên giữ vị trí quan trọng của người tổ chức và định hướng, thiết lập các điều kiện cần thiết để người học tự mình chủ động tìm tòi, tiếp thu tri thức, hình thành kỹ năng và xây dựng nền tảng tình cảm chính trị vững vàng [91, tr.337].

Đề tài KX 10-09B của Nguyễn Viết Chiến (chủ nhiệm) (2005) *“Đổi mới phương thức đào tạo và bồi dưỡng đội ngũ cán bộ dạy học và nghiên cứu lý luận Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh”* đã tiến hành khảo sát và phân tích sâu sắc thực trạng công tác huấn luyện, bồi dưỡng lực lượng giảng dạy và nghiên cứu lý luận chính trị lúc bấy giờ. Trên cơ sở các dữ liệu thực tiễn thu được, công trình nghiên cứu này đã đề xuất hệ thống các giải pháp mang tính căn bản nhằm cải tiến, đổi mới một cách toàn diện phương pháp bồi dưỡng và nâng cao năng lực cho đội ngũ chuyên trách giảng dạy, nghiên cứu chủ nghĩa Mác - Lênin cùng tư tưởng Hồ Chí Minh [31].

Luận án *“Đổi mới công tác tuyên truyền của Đảng đáp ứng yêu cầu hội nhập quốc tế Việt Nam hiện nay”* của Lê Mai Trang (2016), Luận án Tiến sĩ

Chính trị học đã trình bày rõ các nội dung từ cơ sở lý luận và thực tiễn, triển khai và định hướng giải pháp cho công tác tư tưởng của Đảng trong bối cảnh mở cửa hội nhập quốc tế. Dưới góc nhìn lý luận, công tác tuyên truyền tư tưởng được tác giả đúc kết là hoạt động truyền bá hệ tư tưởng chính thống của Đảng, giữ vai trò cổ vũ, hướng dẫn quần chúng nhân dân đưa các chủ trương, đường lối vào cuộc sống nhằm phục vụ cho mục tiêu, lý tưởng cách mạng [119, tr.25]. Phân tích các tác động khách quan, tác giả khẳng định tiến trình hội nhập toàn cầu có sức ảnh hưởng sâu rộng, mang lại cả cơ hội lẫn thách thức đối với mặt trận tư tưởng. Thực trạng này đặt ra những đòi hỏi cấp bách, buộc công tác tuyên truyền phải nâng cao vị thế; nắm vững bản chất nội dung hội nhập; đa dạng hóa đối tượng và phạm vi tác động; đồng thời cơ cấu lại tổ chức bộ máy, nâng cao chất lượng cán bộ và đổi mới căn bản phương thức lẫn nội dung truyền thông [119, tr.57].

Bài viết *“Đổi mới nội dung, phương thức tuyên truyền tạo sự thống nhất trong Đảng và đồng thuận trong xã hội”* của Đinh Thị Mai đăng trên Tạp chí Tuyên giáo, số tháng 12/2019 đã chỉ rõ tầm quan trọng của việc đổi mới phương thức, nội dung tuyên truyền và giữ vững tính định hướng của kênh tuyên truyền miệng để tạo sự thống nhất ý chí trong nội bộ Đảng cũng như sự đồng lòng từ xã hội. Để đáp ứng tốt các nhiệm vụ chính trị, tác giả yêu cầu đội ngũ cán bộ tuyên giáo phải nhạy bén trong việc cập nhật thông tin và có năng lực dự báo khoa học trước những tình huống phức tạp. Mặt khác, phải phối hợp chặt chẽ với các lực lượng chức năng nhằm kiên quyết đấu tranh phản bác, làm thất bại hoàn toàn các âm mưu tuyên truyền chống phá, xuyên tạc từ các thế lực thù địch. Đây là mắt xích cốt lõi để làm tốt công tác định hướng dư luận, giữ vững an ninh chính trị, bồi đắp niềm tin chiến lược của nhân dân và quân đội đối với Đảng và sự nghiệp đổi mới đất nước [83].

Bài viết *“Đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng ủy Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh đối với công tác thanh niên”* của Nguyễn Thị Thu Huyền, Nguyễn Minh Hiếu (2025), Tạp chí Khoa học Chính trị, số 9/2025 đã khẳng định tầm quan trọng then chốt của phương thức lãnh đạo. Đây được xem là nhân tố quyết định giúp các cấp ủy Đảng phát huy tối đa năng lực chỉ đạo và định hướng sát sao đến từng nhóm đối tượng cụ thể. Từ luận điểm đó, việc cải tiến phương thức điều hành của Đảng ủy Học viện đối với phong trào thanh niên trở thành một tất yếu khách quan. Bằng việc phân tích, chỉ rõ thực trạng công tác lãnh đạo của Đảng ủy Học viện suốt thời gian qua, nhóm tác giả đã

định hình hệ thống 06 giải pháp căn bản. Các kiến nghị này hướng tới mục tiêu tối ưu hóa phương thức chỉ đạo theo hướng khoa học và mở rộng dân chủ, đồng thời bám sát các đặc thù tâm lý, nhu cầu của lực lượng thanh niên nhằm phục vụ đắc lực cho các nhiệm vụ chính trị của Học viện trong bối cảnh mới [74, tr.82-88].

Bài viết *“Đổi mới phương thức lãnh đạo của các cấp ủy, tổ chức Đảng thông qua chuyển đổi số - Thực trạng và giải pháp”* của Nguyễn Văn Hào (2026), Tạp chí Sinh hoạt lý luận, số 2 (215) chỉ ra thực trạng thời gian qua các cấp ủy Đảng đã và đang tích cực, chủ động chuyển đổi số nhằm đáp ứng yêu cầu của thời kỳ mới. Tuy nhiên, việc cải cách hành chính, đổi mới phong cách, lề lối làm việc trong các cấp ủy, tổ chức Đảng còn chậm; hội họp vẫn nhiều, việc đổi mới phương thức lãnh đạo của các cấp ủy, tổ chức Đảng vẫn còn không ít hạn chế, bất cập. Vì thế, tác giả đặt ra vấn đề cần phải phải xác định nội dung, yêu cầu trọng tâm và đề xuất 04 nhóm giải pháp để việc đổi mới phương thức lãnh đạo thông qua chuyển đổi số thật sự có hiệu lực, hiệu quả [60, tr.33-39].

Bài viết *“Đổi mới công tác tuyên truyền, phổ biến kiến thức khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số đáp ứng yêu cầu Nghị quyết 57-NQ/TW tại Thành phố Huế”* của Trần Như Đăng Tuyên (2026), Tạp chí Sinh hoạt lý luận, số 2 (215), [127, tr.70-74]. Trong bài viết, tác giả nêu rõ: “nghiên cứu thực tế công tác tuyên truyền, phổ biến kiến thức trong những năm gần đây, cho thấy các cơ quan quản lý nhà nước, địa phương, đơn vị, tổ chức trên địa bàn đã có nhiều nỗ lực, tuy nhiên thực trạng vẫn bộc lộ những vấn đề cần quan tâm” [128, tr.71]. Từ việc chỉ rõ những hạn chế trong tư duy truyền thống, tác giả đã đề xuất 06 giải pháp đột phá nhằm hiện đại hóa phương thức truyền tải tri thức.

1.2.2. Các công trình nghiên cứu về đổi mới phương thức tuyên truyền chủ quyền biển, đảo Việt Nam cho sinh viên các trường đại học ở Thành phố Hồ Chí Minh

Nghiên cứu các công trình về đổi mới phương thức tuyên truyền chủ quyền biển, đảo cho sinh viên nói chung và đổi mới phương thức tuyên truyền chủ quyền biển, đảo Việt Nam cho sinh viên các trường đại học ở TPHCM nói riêng, có thể kể đến các công trình nghiên cứu trên thế giới và trong nước như:

Bài viết *“Nhận thức về chủ quyền biển, đảo Việt Nam trong học sinh, sinh viên”* của Lương Thị Vân, Trương Thị Thuỳ Trang, Hoàng Văn Điền, Lương Chí Hùng (2012) đã tiến hành điều tra, khảo sát tìm hiểu nhận thức về chủ

quyền biển đảo trong học sinh, sinh viên ở một số tỉnh miền Trung - Tây Nguyên. Từ thực trạng nghiên cứu, nhóm tác giả đã đề xuất các định hướng, giải pháp nhằm nâng cao ý thức, trách nhiệm, hiểu biết của học sinh, sinh viên trong vấn đề bảo vệ chủ quyền biển, đảo của Tổ quốc, cụ thể: thông qua lồng ghép các môn học, điều chỉnh, bổ sung giáo trình, sách giáo khoa, tài liệu học tập, tài liệu tham khảo về biển đảo Việt Nam, đảm bảo thời lượng chương trình các ngành học, tích cực phối hợp với các đoàn thể và tổ chức xã hội tổ chức các chương trình hoạt động mang tính xã hội thiết thực góp phần nâng cao nhận thức cho học sinh, sinh viên về chủ quyền biển đảo [139, tr.84-91].

Bài viết *“Marine Education and Public Awareness Program: Best Practices for Local Communities and Schools”* (Dịch: *Chương trình Giáo dục biển và nâng cao nhận thức cộng đồng: Những thực tiễn tốt nhất dành cho cộng đồng địa phương và trường học*) của Tạp chí Đại học Victoria, Canada (2013) nghiên cứu, khảo sát các chương trình giáo dục, tuyên truyền về biển và chủ quyền biển đảo tại một số nước trên thế giới. Bài viết phân tích các mô hình thành công và đưa ra những khuyến nghị có giá trị ứng dụng cho việc thiết kế các chương trình giáo dục, truyền thông, trong đó yêu cầu cần đổi mới phương pháp truyền đạt từ thụ động, lý thuyết một chiều sang tương tác, kết hợp đa phương tiện (video, mô phỏng trực quan) hoặc học tập trải nghiệm thực tế. Điều này giúp người học, đặc biệt là học sinh, sinh viên hình thành sự đồng cảm và kết nối cảm xúc sâu sắc với không gian biển. Bên cạnh đó, bài viết cũng chia sẻ kinh nghiệm đổi mới cách thức tổ chức các chiến dịch truyền thông, giáo dục về biển đảo, gắn kết nội dung với bối cảnh địa phương, quốc gia; đồng thời, đo lường sự thay đổi trong thái độ và hành vi của người được giáo dục, tuyên truyền. Việc tập trung vào tính tương tác, yếu tố cảm xúc và sự gắn kết với bối cảnh quốc gia là chìa khóa để nâng cao hiệu quả tuyên truyền, đặc biệt là khi hướng tới đối tượng người trẻ, trí thức trong môi trường giáo dục đại học [165].

Bài viết *“Marine Education and Public Awareness”* (Dịch: *Giáo dục biển và nâng cao nhận thức cộng đồng*) của Tạp chí Khoa học Biển Tây (2016) đã nghiên cứu, khảo sát ý thức và kiến thức của cộng đồng địa phương về biển và chủ quyền biển, đảo, đưa ra các giải pháp để tăng cường công tác tuyên truyền và giáo dục về tầm quan trọng của biển và đảo. Bài viết nhấn mạnh sự cần thiết phải triển khai đồng bộ hai hình thức: (1) *Giáo dục chính quy*: Tích hợp kiến thức biển đảo một cách hệ thống vào chương trình giảng dạy của nhà trường, đặc biệt ở bậc đại học;

(2) *Giáo dục phi chính quy*: Thông qua các chiến dịch truyền thông, phong trào xã hội, hay các hội thảo chuyên đề đa phương tiện để tiếp cận công chúng linh hoạt hơn. Tài liệu này cung cấp cơ sở lý luận quan trọng: Tuyên truyền không chỉ đơn thuần là cung cấp thông tin, mà phải là một quá trình giáo dục toàn diện nhằm thay đổi thái độ và hành vi [167].

Bài viết “*Một số giải pháp giáo dục ý thức bảo vệ chủ quyền biển đảo cho học sinh, sinh viên trong giai đoạn hiện nay*” của Nguyễn Văn Toàn, Phạm Văn Mạo (2016) đã nêu rõ ý nghĩa việc giáo dục ý thức bảo vệ chủ quyền biển, đảo cho học sinh, sinh viên hiện nay, đồng thời đề ra một số biện pháp giáo dục ý thức bảo vệ chủ quyền biển, đảo cho đối tượng này khi tình hình Biển Đông đang có những diễn biến phức tạp, khó lường. Một trong số các biện pháp mà tác giả đề ra chính là cần đẩy mạnh công tác tuyên truyền vai trò, tầm quan trọng của biển, đảo trong công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc; đồng thời, cần giáo dục ý thức, trách nhiệm của học sinh, sinh viên thông qua các hoạt động phong trào để khơi dậy ý thức dân tộc, ý thức bảo vệ biển, đảo. Muốn làm được điều đó cần phải tích cực thực hiện các hình thức, phương pháp góp phần truyền cảm hứng cho mọi đối tượng để phát huy tinh thần sáng tạo, chung tay giữ gìn, bảo vệ biển, đảo; cần tổ chức các lớp bồi dưỡng kiến thức biển, đảo, về quốc phòng, an ninh cho học sinh, sinh viên để các em cập nhật tình hình biển đảo cũng như chính sách, pháp luật của Nhà nước về biển, đảo,... [117, tr.18-20].

Bài viết “*Xây dựng ý chí, quyết tâm bảo vệ chủ quyền biển, đảo của Tổ quốc trong thanh niên Việt Nam hiện nay*” của Vũ Thị Thu Trang (2016) nhấn mạnh cần tăng cường công tác giáo dục chính trị, bồi dưỡng mục tiêu lý tưởng, xây dựng ý thức trách nhiệm cho thanh niên trong đấu tranh bảo vệ chủ quyền biển, đảo của Tổ quốc; bồi dưỡng kiến thức quốc phòng, pháp luật, đường lối đối ngoại của Đảng, nâng cao ý chí, quyết tâm đấu tranh bảo vệ vững chắc chủ quyền biển, đảo của thanh niên. Đây cũng là một trong những giải pháp quan trọng mà đề tài luận án hướng đến [120, tr.47-49].

Bài viết “*Bồi dưỡng tinh thần yêu nước gắn với nâng cao ý thức trách nhiệm bảo vệ chủ quyền biển, đảo cho sinh viên các trường đại học, cao đẳng hiện nay*” của Lê Kế Quân, Nguyễn Đình Tuấn (2017) nhấn mạnh việc tăng cường bồi dưỡng tình yêu nước gắn với nâng cao ý thức trách nhiệm bảo vệ chủ quyền biển, đảo cho sinh viên các trường đại học, cao đẳng hiện nay là rất cần thiết. Bài viết đặt ra yêu cầu việc bồi dưỡng cần được thực hiện bằng nhiều hình

thức và biện pháp linh hoạt, đa dạng, phù hợp với điều kiện, hoàn cảnh của từng trường đại học, cao đẳng, cụ thể là lồng ghép vào các môn học về lịch sử, địa lý, nhất là các môn học lý luận chính trị, pháp luật,... hoặc thông qua các hoạt động ngoài giờ lên lớp để tổ chức cho sinh viên tìm hiểu và tuyên truyền về biển, đảo và chủ quyền biển, đảo [98, tr.116-120].

Luận án “*Ý thức dân tộc trong bảo vệ chủ quyền biển, đảo Việt Nam của thanh niên quân đội hiện nay*” của Hà Sơn Thái (2017), Luận án Tiến sĩ Triết học, Học viện Chính trị, Bộ Quốc phòng đã hệ thống hoá lý luận về tinh thần, ý thức dân tộc gắn liền với nhiệm vụ bảo vệ toàn vẹn chủ quyền biển, đảo quốc gia đã được làm rõ và phát triển chuyên sâu. Đồng thời, nghiên cứu cũng phân tích cụ thể các phương diện biểu hiện của ý thức dân tộc trong lực lượng thanh niên Quân đội nhân dân Việt Nam. Về thực tiễn, luận án cung cấp những luận cứ khoa học giá trị giúp Bộ Quốc phòng, cùng đội ngũ cán bộ lãnh đạo, chỉ huy cấp cơ sở định hình các phương pháp quản lý, giáo dục phù hợp; từ đó nâng cao tinh thần trách nhiệm và ý thức dân tộc cho thế hệ trẻ quân đội trong quá trình thực thi sứ mệnh bảo vệ biển trời Tổ quốc [107].

Sách chuyên khảo “*Nâng cao ý thức bảo vệ Tổ quốc của sinh viên các trường đại học tại Thành phố Hồ Chí Minh qua dạy và học các môn lý luận chính trị hiện nay*” của Nguyễn Thị Hiền Oanh (2017) đã phân tích bối cảnh thế giới và khu vực với những biến động phức tạp, đầy thách thức đã được phân tích sâu sắc. Đặc biệt, tác giả vạch trần âm mưu của các thế lực thù địch trong và ngoài nước khi liên tục tìm cách can thiệp vào công việc nội bộ, âm mưu kích động quần chúng nhân dân, nhất là thế hệ trẻ. Trước tình hình đó, công tác giáo dục nhận thức chính trị và trách nhiệm bảo vệ Tổ quốc cho lực lượng thanh niên, sinh viên giữ vai trò hạt nhân trong chiến lược bồi dưỡng thế hệ cách mạng nối nghiệp. Nghiên cứu chỉ rõ, song song với việc nâng cao năng lực chuyên môn, thế hệ trẻ bắt buộc phải giữ vững bản lĩnh chính trị, kiên định với lý tưởng cách mạng nhằm đập tan mọi biểu hiện “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” hay lệch chuẩn về tư tưởng, đạo đức và lối sống. Khẳng định tầm quan trọng của hệ thống giáo dục quốc dân, tác giả nhấn mạnh việc giảng dạy các bộ môn lý luận chính trị tại các trường đại học, cao đẳng chính là giải pháp then chốt để củng cố niềm tin cách mạng, bồi đắp tinh thần yêu nước và khơi dậy khát vọng cống hiến của sinh viên TP HCM vào sự nghiệp xây dựng, bảo vệ quốc gia. Về cấu trúc khoa học, cuốn sách đã hệ thống hóa toàn diện cơ sở lý luận, mô tả khách

quan thực trạng giảng dạy lý luận chính trị gắn liền với việc xây dựng ý thức quốc phòng tại các trường đại học trên địa bàn TPHCM, từ đó định hình phương hướng và đề xuất hệ thống giải pháp thực tiễn. Tác giả khái quát hóa thành hai nhóm giải pháp mang tính chiến lược: *Một là về nhận thức*: tập trung đổi mới, nâng cao chất lượng giảng dạy các môn lý luận chính trị; *Hai là về hành động*: đẩy mạnh các phong trào chính trị thực tiễn nhằm hiện thực hóa mục tiêu nâng cao ý thức bảo vệ Tổ quốc cho thế hệ trẻ trong kỷ nguyên mới [93].

Bài viết *“Tăng cường hơn nữa công tác tuyên truyền, giáo dục về biển, đảo cho thanh niên hiện nay”* của Hải Đăng (2021), đăng trên Cổng thông tin điện tử Đảng bộ tỉnh Quảng Trị đã đề xuất các giải pháp đổi mới công tác tuyên truyền biển đảo cho thanh niên. Yêu cầu đặt ra là nội dung và hình thức giáo dục phải thực tiễn, phù hợp với hệ thống quan điểm của Đảng và Nhà nước. Tác giả định hướng tích hợp giáo dục thông qua ngoại khóa, thi văn nghệ và các điển hình tiên tiến nhằm nâng cao nhận thức lịch sử, địa lý biển đảo (nhất là hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa) và trách nhiệm bảo vệ Tổ quốc của người trẻ. Bên cạnh đó, việc bồi dưỡng đội ngũ báo cáo viên có phẩm chất đạo đức, bản lĩnh chính trị và năng lực truyền cảm hứng cũng là giải pháp cốt lõi để kịp thời định hướng tư tưởng và nâng cao chất lượng giáo dục chính trị cho thế hệ trẻ [52].

Bài viết *“Giáo dục chủ quyền biển, đảo Việt Nam cho sinh viên Đại học Huế thông qua khai thác học liệu điện tử”* của Nguyễn Tiến Đồng (2022) đã chỉ rõ giáo dục chủ quyền biển, đảo quốc gia là một nội dung đặc biệt quan trọng trong khung chương trình dành cho sinh viên. Tác giả khẳng định rằng, việc thiết lập và ứng dụng một cách khoa học, đồng bộ hệ thống học liệu số bao gồm kho câu hỏi kiểm tra, hệ bài tập thực hành trực tuyến cùng các tư liệu hình ảnh trực quan chính là phương án mang tính thực tiễn và khả thi cao. Cách tiếp cận này không chỉ kích thích tinh thần tự học, tạo sự hứng thú cho người học mà còn hỗ trợ sinh viên rèn luyện kỹ năng nghiên cứu một cách thường xuyên để tích lũy tri thức. Đồng thời, các mô hình khai thác nguồn tài nguyên số này hoàn toàn tương thích với chiến lược đổi mới phương pháp và kỹ thuật dạy học hiện đại mà cơ sở giáo dục đang triển khai. Bài viết gợi mở định hướng đổi mới phương thức tuyên truyền chủ quyền biển đảo cho sinh viên các trường đại học trên cả nước nói chung, TPHCM nói riêng và sát với nhóm các giải pháp đổi mới phương thức giáo dục, tuyên truyền mà luận án đang nghiên cứu [54, tr.80-86].

Sách “*Đổi mới công tác tuyên truyền bảo vệ chủ quyền biển, đảo của Việt Nam hiện nay*” của Bùi Xuân Việt (Chủ biên) (2022) gồm 3 chương. Chương 1: Một số vấn đề lý luận về đổi mới công tác tuyên truyền bảo vệ chủ quyền biển, đảo của Việt Nam, gồm: quan niệm, nội dung, hình thức tuyên truyền, vai trò của công tác tuyên truyền và yêu cầu đổi mới công tác tuyên truyền bảo vệ chủ quyền biển, đảo Việt Nam; Chương 2: Thực trạng trong công tác tuyên truyền bảo vệ chủ quyền biển, đảo của Việt Nam, chỉ ra nguyên nhân và bài học kinh nghiệm; Chương 3: Dự báo tình hình liên quan và đề xuất phương hướng, giải pháp chủ yếu nhằm đổi mới công tác tuyên truyền bảo vệ chủ quyền biển, đảo của Việt Nam trong thời gian tới, trong đó nhấn mạnh đổi mới nội dung, phương thức và công tác phối hợp giữa các lực lượng tham gia tuyên truyền. Cuốn sách cung cấp cơ sở lý luận, thực tiễn về công tác tuyên truyền bảo vệ chủ quyền biển, đảo của Việt Nam, tài liệu tham khảo góp phần nâng cao chất lượng giảng dạy, học tập môn Giáo dục Quốc phòng và An ninh trong các nhà trường [140].

Luận án “*Giáo dục ý thức bảo vệ chủ quyền biển đảo cho sinh viên Việt Nam hiện nay*” của Phạm Khánh Ngọc (2024), Luận án Tiến sĩ Triết học, Học viện Báo chí Tuyên truyền đã hệ thống hoá và phân tích một số vấn đề lý luận về giáo dục ý thức bảo vệ chủ quyền biển đảo cho sinh viên Việt Nam. Đồng thời, luận án phân tích, đánh giá thực trạng giáo dục ý thức bảo vệ chủ quyền biển đảo cho sinh viên Việt Nam hiện nay, chỉ ra nguyên nhân và những vấn đề đặt ra. Từ đó, đề xuất một số giải pháp cụ thể: nâng cao nhận thức, vai trò của các chủ thể giáo dục trong và ngoài nhà trường; đổi mới nội dung, hình thức, phương pháp giáo dục, sử dụng đa dạng, phong phú các hình thức, phương pháp tuyên truyền; đồng thời kết hợp chặt chẽ giữa tiến hành thường xuyên với tuyên truyền theo chủ đề, sự kiện; tuyên truyền phù hợp với từng thời điểm và sát với đối tượng tuyên truyền, giáo dục, gắn nội dung giáo dục với việc nâng cao trách nhiệm của sinh viên,... Đây là công trình nghiên cứu có tính thực tiễn cao, góp phần nâng cao hiệu quả ý thức bảo vệ chủ quyền biển đảo cho sinh viên Việt Nam hiện nay và là tài liệu tham khảo bổ ích nhằm tăng cơ sở nghiên cứu lý luận cho Luận án của NCS [89].

Bài viết “*Nhiệm vụ bảo vệ chủ quyền biển, đảo - Vận dụng trong giảng dạy môn Giáo dục Quốc phòng và An ninh hiện nay*” của Bùi Xuân Việt (2024) đã đề xuất một số biện pháp vận dụng vào giảng dạy môn Giáo dục Quốc phòng và An ninh về nhiệm vụ bảo vệ chủ quyền biển, đảo, tạo nên giá trị bài học sâu sắc,

tuyên truyền cho sinh viên ý thức trách nhiệm trong việc giữ gìn và phát huy các giá trị cốt lõi trong việc bảo vệ chủ quyền quốc gia. Bài viết góp phần định hướng cho NCS có góc nhìn bao quát hơn trong việc sử dụng các hình thức, phương pháp tuyên truyền chủ quyền, biển đảo cho đối tượng sinh viên các trường đại học trên địa bàn TP HCM [141, tr.91-95].

Bài viết *“Giáo dục ý thức, trách nhiệm xây dựng và bảo vệ chủ quyền biển, đảo cho sinh viên Đại học Thái Nguyên khi tham gia học tập tại Trung tâm Giáo dục Quốc phòng và An ninh, Đại học Thái Nguyên”* của Lê Đại Lâm, Vũ Bá Anh (2024) đã nêu rõ thực trạng giáo dục ý thức, trách nhiệm xây dựng và bảo vệ chủ quyền biển, đảo cho sinh viên khi tham gia học tập tại Trung tâm Giáo dục Quốc phòng và An ninh của trường. Qua đó, đề xuất một số giải pháp giáo dục, nâng cao nhận thức, củng cố niềm tin, thái độ, động cơ bảo vệ chủ quyền biển, đảo và các định hướng để sinh viên chủ động, sáng tạo, thực hiện nghĩa vụ, trách nhiệm với Tổ quốc. Bài viết là tư liệu quý để NCS so sánh, đối chiếu với các giải pháp, kiến nghị của đề tài luận án [79, tr.300-302].

Bài viết *“Tăng cường giáo dục ý thức bảo vệ chủ quyền biển đảo quốc gia cho sinh viên trong kỷ nguyên số”* của Phạm Văn Cường (2025) đã phân tích vai trò và tầm quan trọng của việc giáo dục ý thức bảo vệ chủ quyền biển, đảo quốc gia cho sinh viên - sức mạnh cận kề có ảnh sâu rộng trong xã hội hiện đại. Bài viết cũng trình bày thực trạng giáo dục ý thức bảo vệ chủ quyền biển, đảo cho sinh viên, trong đó có nhấn mạnh một số mô hình, hoạt động nổi bật như: tọa đàm, triển lãm ảnh, hội thi về chủ đề biển đảo, phối hợp lực lượng công an, quân đội để tổ chức các buổi tuyên truyền chuyên đề,... để thu hút, tập hợp lực lượng sinh viên tham gia đông đảo, góp phần nâng cao ý thức; song, vẫn còn nhiều bất cập như: thiếu môn học chuyên sâu, phương pháp giảng dạy truyền thống, tài liệu chưa cập nhật và sinh viên còn thờ ơ, thiếu động lực, ảnh hưởng tiêu cực của mạng xã hội,... Bài viết cũng đề xuất các giải pháp đồng bộ: tích hợp nội dung giáo dục chủ quyền biển, đảo trong chương trình đào tạo đại học; nâng cao năng lực đội ngũ giảng viên, báo cáo viên; phát huy vai trò của công nghệ số và truyền thông mới trong giáo dục chủ quyền biển, đảo; xây dựng môi trường học gắn kết với trải nghiệm thực tế về biển, đảo; tăng cường phản biện và đấu tranh trên không gian mạng trước những thông tin sai trái về chủ quyền biển, đảo. Những định hướng này góp phần hình thành thế hệ công dân số có tinh thần trách nhiệm, chủ động và sáng tạo trong công cuộc bảo vệ chủ quyền

quốc gia và đây cũng là một trong những định hướng, giải pháp mà đề tài luận án đang hướng đến trong đổi mới phương thức tuyên truyền chủ quyền biển, đảo cho sinh viên các trường đại học hiện nay [33, tr.226-229].

Bài viết *“Đổi mới nội dung tuyên truyền về chủ quyền biển, đảo cho thanh niên hiện nay”* của Nguyễn Văn Quý (2025) khẳng định: Bảo vệ chủ quyền biển, đảo là sứ mệnh thiêng liêng của cả dân tộc, trong đó thanh niên giữ vai trò quan trọng. Đổi mới nội dung, hình thức tuyên truyền về chủ quyền biển, đảo cho thanh niên là yêu cầu cấp thiết, giải pháp hiệu quả để nâng cao nhận thức, khơi dậy niềm tự hào và hành động cách mạng trong thế hệ trẻ. Từ nghiên cứu thực trạng, tác giả đã đề xuất 07 nhóm giải pháp nhằm tăng cường tuyên truyền về biển đảo cho thanh niên; trong đó nhấn mạnh cần đa dạng hóa nội dung và phương thức truyền tải, kết hợp giữa trực tiếp và trực tuyến, truyền thống và hiện đại. Nội dung tuyên truyền cần ngắn gọn, dễ hiểu, gần gũi, sinh động, gắn với thực tiễn, cần lồng ghép trong các hoạt động ngoại khóa, môn học ở trường, đi kèm với các cuộc thi,... nhằm tạo ra sân chơi bổ ích, qua đó nâng cao nhận thức và trách nhiệm của thanh niên [101].

Bài viết *“Nâng cao ý thức bảo vệ chủ quyền biển, đảo cho học viên lý luận chính trị qua môn học Giáo dục Quốc phòng và An ninh trong tình hình mới”* của Nguyễn Phạm Phúc (2026), Tạp chí Thanh niên. Trong bài viết, tác giả chỉ rõ số lượng khoảng 20% học viên mong muốn môn học cần tăng cường tính thực quan thông qua các bản đồ số hóa hiện đại hoặc phần mềm mô phỏng diễn biến thực địa thay vì các phương pháp thuyết giảng truyền thống. Bên cạnh đó, nhu cầu được tiếp cận với các chuyên thực tế tại các vùng ven biển, bảo tàng hải quân hay các đơn vị cảnh sát biển là rất lớn, với 90% học viên kiến nghị tăng cường hoạt động ngoại khóa để trải nghiệm thực tế. Qua đó, tác giả đề xuất một số giải pháp nâng cao ý thức bảo vệ chủ quyền biển, đảo cho học viên qua môn học này [94, tr.39-41].

Đề tài của Nguyễn Phạm Phúc (chủ nhiệm) (2026) *“Nâng cao ý thức bảo vệ chủ quyền biển, đảo qua học tập môn Giáo dục Quốc phòng và An ninh tại Học viện Chính trị khu vực II”*. Tác giả chỉ rõ: cần thường xuyên đưa các thông tin mới nhất về tình hình thực địa, các quan điểm đối ngoại của Đảng và Nhà nước trước mỗi sự việc phát sinh trên biển vào bài giảng; tăng cường hệ thống các bằng chứng lịch sử và pháp lý, đặc biệt là các tư liệu mới được phát hiện hoặc công bố quốc tế nhằm tạo dựng một hệ thống lập luận

vững chắc, giúp học viên rèn luyện tư duy nhạy bén và khả năng phân tích tình hình; đổi mới nội dung, việc chuyển đổi phương pháp giảng dạy theo hướng hiện đại hóa, ứng dụng mạnh mẽ công nghệ thông tin, đặc biệt là hệ thống bản đồ số và các phần mềm mô phỏng không gian chiến lược biển, đảo, sẽ giúp học viên có cái nhìn trực quan, sinh động về địa chính trị quốc gia; các video tư liệu về cuộc sống của chiến sĩ, nhân dân trên đảo hay các hình ảnh thực tế về hoạt động thực thi pháp luật của lực lượng chức năng trên biển sẽ tạo ra sự kết nối về mặt cảm xúc, làm cho lý luận trở nên gần gũi và thuyết phục hơn,... Hơn hết, giải pháp mang tính bền vững nhất chính là phát huy vai trò tự học và trách nhiệm cá nhân của mỗi học viên. Cần khuyến khích học viên tự nghiên cứu, tìm tòi các văn bản pháp luật quốc tế và các đề tài khoa học về biển, đảo để làm giàu vốn tri thức cá nhân; để sau khi kết thúc môn học, học viên phải xác định mình là hạt nhân tuyên truyền viên nòng cốt tại đơn vị và địa phương công tác, có tinh thần trách nhiệm trong việc định hướng dư luận, đấu tranh phản bác các luận điệu xuyên tạc và trực tiếp chỉ đạo các công tác quốc phòng tại cơ sở [95].

1.3. Khái quát kết quả các công trình đã được tổng quan và những vấn đề luận án cần tiếp tục nghiên cứu

1.3.1. Khái quát kết quả các công trình đã được tổng quan

Qua nghiên cứu các công trình khoa học trong và ngoài nước, các luận án, đề tài, các bài viết,... đã được công bố có liên quan đến một số vấn đề lý luận về tuyên truyền chủ quyền biển, đảo và đổi mới phương thức tuyên truyền chủ quyền biển, đảo Việt Nam cho sinh viên, NCS có thể nhận định khái quát về kết quả nghiên cứu trên một số nội dung sau:

Kết quả về lý luận:

Thứ nhất, các công trình nghiên cứu cơ bản đã phân nào bàn về khái niệm và làm rõ nội hàm của một số khái niệm có liên quan đến tuyên truyền, công tác tuyên truyền về chủ quyền biển, đảo, đổi mới phương thức tuyên truyền nói chung và đổi mới phương thức tuyên truyền chủ quyền biển, đảo nói riêng. Qua đó, khẳng định đanh thép rằng hoạt động tuyên truyền không đơn thuần là sự truyền đạt thông tin một chiều, mà là một công cụ lãnh đạo chính trị trọng yếu của Đảng, là vũ khí tư tưởng sắc bén nhằm bồi đắp bản lĩnh chính trị và bẻ gãy mọi dã tâm chống phá của các thế lực thù địch. Những kết quả nghiên cứu này cung cấp nguồn tư liệu và cơ sở khoa học quan trọng để luận án tiếp tục nghiên

cứu sâu hơn về phương thức tuyên truyền chủ quyền biển, đảo Việt Nam cho sinh viên các trường đại học ở TPHCM. Tuy nhiên, chưa có công trình nào nghiên cứu và nêu rõ định nghĩa hoặc đề cập khái niệm về đổi mới phương thức tuyên truyền chủ quyền biển, đảo Việt Nam cho sinh viên các trường đại học.

Thứ hai, các công trình đã cơ bản khái quát và làm rõ các yếu tố cấu thành của hoạt động tuyên truyền: chủ thể, đối tượng, mục đích, nội dung, phương pháp, hình thức tuyên truyền chủ quyền biển, đảo. Vận dụng, liên kết chặt chẽ các yếu tố này chính là nền tảng giúp quy trình hóa việc tổ chức lực lượng, trang bị kiến thức lý luận và thực tiễn để thiết lập một thể trận truyền thông đa chiều, khép kín và mang tính chiến đấu cao.

Thứ ba, một số công trình cơ bản đã bàn về đổi mới và đổi mới phương thức tuyên truyền chủ quyền biển, đảo cho đoàn viên, thanh niên, sinh viên. Một số công trình đã nhấn mạnh tính cấp thiết mang tính quy luật của việc đổi mới phương thức tuyên truyền. Trước sự biến đổi của cục diện địa chính trị và sự tấn công điên cuồng của chủ nghĩa đế quốc trên mặt trận văn hóa - tư tưởng, nếu duy trì tư duy xơ cứng, chậm đổi mới đồng nghĩa với việc tự tước bỏ vũ khí và tự sa lầy vào chiến lược “diễn biến hòa bình” của các thế lực thù địch. Việc đổi mới nhằm thích ứng với sự bùng nổ của kỷ nguyên số và sự biến ảo khôn lường của cục diện địa chính trị, từ đó giữ vững quyền làm chủ trên mặt trận thông tin và định hướng dư luận. Song, vẫn chưa có công trình nào nghiên cứu sâu về đổi mới phương thức tuyên truyền chủ quyền biển, đảo Việt Nam cho sinh viên các trường đại học ở TPHCM.

Thứ tư, một số công trình cơ bản đã khái quát, làm rõ một số vấn đề về sự tác động của các yếu tố khách quan, chủ quan đến hoạt động tuyên truyền chủ quyền biển, đảo cho thanh niên, sinh viên. Các nghiên cứu đã phân tích trực diện sự chi phối mạnh mẽ của các yếu tố môi trường khách quan, như sự biến động phức tạp của cục diện Biển Đông và sự chống phá điên cuồng, tinh vi của các thế lực phản động, cơ hội chính trị trên không gian mạng. Về yếu tố chủ quan, đó là năng lực nhận thức, bản lĩnh chính trị và sức ý trong tư duy của một bộ phận đội ngũ làm công tác tư tưởng. Từ đó, đặt ra yêu cầu phải có những định hướng và giải pháp, hành động để làm chủ mặt trận thông tin. Tuy nhiên, các công trình trên chưa bàn trực tiếp về sự tác động của các yếu tố khách quan, chủ quan đến hoạt động tuyên truyền chủ quyền biển, đảo cho sinh viên ở TPHCM và đổi mới phương thức tuyên truyền chủ quyền biển, đảo cho sinh viên các trường đại học ở TPHCM.

Kết quả về thực tiễn:

Thứ nhất, một số công trình đã làm rõ phần nào thực trạng tuyên truyền về chủ quyền biển, đảo Việt Nam cho sinh viên các trường đại học nhưng chưa đi sâu nghiên cứu, làm rõ thực trạng đổi mới phương thức tuyên truyền chủ quyền biển, đảo cho sinh viên, nhất là sinh viên các trường đại học ở TP HCM.

Thứ hai, một số công trình đã nêu được một số vấn đề đặt ra cho hoạt động tuyên truyền chủ quyền biển, đảo hiện nay song vẫn chưa có công trình nào bàn luận cụ thể về những vấn đề đặt ra trong đổi mới phương thức tuyên truyền chủ quyền biển, đảo cho sinh viên các trường đại học trên cả nước nói chung, sinh viên các trường đại học ở TP HCM nói riêng.

Thứ ba, một số công trình cơ bản đã tập trung bàn về các giải pháp nâng cao hiệu quả tuyên truyền về chủ quyền biển, đảo Việt Nam cho sinh viên các trường đại học, song các giải pháp cụ thể về đổi mới phương thức tuyên truyền chủ quyền biển, đảo Việt Nam cho sinh viên các trường đại học ở TP HCM vẫn là vấn đề cần tiếp tục nghiên cứu.

Tóm lại, sau khi hệ thống hóa và phân tích các công trình nghiên cứu khoa học có liên quan đến luận án, NCS nhận thấy chủ đề về công tác tuyên truyền và vấn đề chủ quyền biển, đảo Việt Nam đã thu hút sự quan tâm sâu sắc của giới học giả. Các công trình trên đã làm rõ một số vấn đề lý luận và thực tiễn sâu sắc, mang giá trị tham khảo to lớn, là tư liệu quý để NCS khai thác, tổng kết và bổ sung lý luận, so sánh đối chiếu với đề tài luận án. Các công trình trên cần được tiếp tục tham khảo, nghiên cứu trong công tác tuyên truyền bảo vệ chủ quyền biển, đảo Việt Nam cho nhân dân cả nước và sinh viên Việt Nam hiện nay - thế hệ trẻ có tầm tri thức, năng lực cao hiểu rõ hơn về chủ quyền quốc gia dân tộc trên biển, khắc ghi và giữ gìn lãnh thổ thiêng liêng không thể tách rời đã được quản lý và bảo tồn qua nhiều thế kỷ của dân tộc, góp phần đấu tranh bảo vệ chủ quyền của Tổ quốc, phản bác các luận điệu xuyên tạc về chủ quyền biển, đảo của Việt Nam.

TP HCM được đánh giá là một siêu đô thị năng động, trung tâm hội nhập và chuyển đổi số. Do đó, đối tượng sinh viên theo học tại các trường đại học trên địa bàn này mang những đặc điểm tâm lý, xã hội và thói quen tiếp nhận thông tin rất đặc thù. Tuy nhiên, cho đến nay chưa có công trình nghiên cứu hay công trình luận án tiến sĩ nào bàn sâu và khảo sát toàn diện thực trạng, đánh giá kết quả đổi mới phương thức tuyên truyền về chủ quyền biển, đảo Việt Nam cho sinh viên các trường đại học trên địa bàn TP HCM để từ đó đề xuất hệ thống giải

pháp đổi mới mang tính đột phá, phù hợp với kỷ nguyên số. Từ việc đổi chiều với mục tiêu và đối tượng nghiên cứu đặc thù của luận án, NCS cũng xác định rõ những “khoảng trống khoa học” cần được tiếp tục đào sâu nghiên cứu. Những khoảng trống khoa học trên góp phần tạo nên tính mới để NCS có cơ sở nghiên cứu viết các chương tiếp theo.

1.3.2. Những vấn đề luận án cần tiếp tục nghiên cứu

Một là, nghiên cứu một cách bài bản, hệ thống các khái niệm có liên quan đến hoạt động tuyên truyền, phương thức tuyên truyền và đổi mới phương thức tuyên truyền chủ quyền biển, đảo. Trên cơ sở phân tích luận giải, nghiên cứu làm rõ nội hàm khái niệm “*đổi mới phương thức tuyên truyền về chủ quyền biển, đảo Việt Nam cho sinh viên các trường đại học*”, từ đó tạo tiền đề lý luận vững chắc, khoa học để triển khai các nội dung tiếp theo.

Hai là, hệ thống hóa và phân tích các yếu tố cấu thành hoạt động tuyên truyền chủ quyền biển, đảo Việt Nam cho sinh viên các trường đại học. Việc làm rõ mối quan hệ tương tác biện chứng giữa các thành tố như: chủ thể, đối tượng, mục đích, nội dung, phương pháp, hình thức và phương tiện tuyên truyền sẽ cung cấp cơ sở khoa học quan trọng để thiết kế các mô hình đổi mới phương thức tuyên truyền đồng bộ, linh hoạt và đạt hiệu quả tối ưu.

Ba là, làm rõ nội dung đổi mới phương thức tuyên truyền và phân tích, luận giải các yếu tố tác động đến đổi mới phương thức tuyên truyền chủ quyền biển, đảo Việt Nam cho sinh viên các trường đại học. Luận án chỉ ra các nội dung cần phải đổi mới về phương pháp, hình thức, phương tiện tuyên truyền nhằm đáp ứng nhu cầu cung cấp và tiếp nhận thông tin trong bối cảnh số; đồng thời, đi sâu luận giải các yếu tố khách quan và chủ quan đang chi phối quá trình đổi mới phương thức tuyên truyền chủ quyền biển, đảo Việt Nam hiện nay. Cụ thể, nghiên cứu sẽ đánh giá sự vận động của bối cảnh địa chính trị, sự phát triển của khoa học công nghệ, cũng như năng lực chuyên môn của lực lượng làm công tác tư tưởng, đặc điểm tâm lý - xã hội của sinh viên, qua đó định nhận diện rõ những thuận lợi và các rào cản đang hiện hữu.

Bốn là, khảo sát đánh giá thực trạng và những vấn đề đặt ra trong việc đổi mới phương thức tuyên truyền chủ quyền biển, đảo Việt Nam cho sinh viên các trường đại học ở TPHCM thời gian qua; từ đó có thể hình dung được bức tranh thực trạng của vấn đề này hiện nay tại các trường đại học trên cả nước.

Năm là, làm rõ những dự báo tác động và đề xuất phương hướng, hệ thống các giải pháp nhằm tiếp tục đổi mới phương thức tuyên truyền chủ quyền biển, đảo Việt Nam cho sinh viên các trường đại học ở TPHCM trong thời gian tới. Các giải pháp đảm bảo tính toàn diện, đồng bộ, có trọng tâm, trọng điểm; hướng vào giải pháp các vấn đề do thực tiễn đặt ra hiện nay.

Tiểu kết Chương 1

Tổng quan các công trình nghiên cứu có liên quan đến đề tài cho thấy vấn đề tuyên truyền chủ quyền biển, đảo đã có rất nhiều công trình nghiên cứu tiêu biểu trong và ngoài nước nghiên cứu và tiếp cận dưới các góc độ khác nhau. Nhìn chung, các công trình đi trước đã xây dựng được một hệ thống cơ sở lý luận, thực tiễn, lịch sử và pháp lý đồ sộ, vững chắc, khẳng định rõ chủ quyền biển, đảo không thể tranh cãi của Việt Nam, đặc biệt là chủ quyền đối với hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa do Việt Nam quản lý liên tục và hòa bình từ nhiều thế kỷ trước. Đồng thời, các công trình cũng đề xuất nhiều hình thức, biện pháp mang tính thực tiễn, khoa học nhằm tuyên truyền, bảo vệ chủ quyền biển, đảo Việt Nam trong tình hình mới. Đây là những tài liệu nền tảng quý giá để NCS kế thừa và chất lọc, vận dụng sáng tạo trong quá trình thực hiện luận án.

Tuy nhiên, bàn về “Đổi mới phương thức tuyên truyền chủ quyền biển, đảo Việt Nam cho sinh viên các trường đại học ở TPHCM hiện nay”, có thể thấy vẫn chưa có công trình nào nghiên cứu chuyên sâu. Cho đến nay, vẫn chưa có công trình luận án tiến sĩ nào đi sâu nghiên cứu về nội dung đổi mới phương thức tuyên truyền chủ quyền biển, đảo Việt Nam cho đối tượng đặc thù là sinh viên các trường đại học tại TPHCM trong bối cảnh hội nhập và kỷ nguyên số.

Do đó, ở chương 1, NCS khái quát một số kết quả mà các công trình nghiên cứu có liên quan đến đề tài đã làm được; đồng thời tìm ra những khoảng trống khoa học mà đề tài luận án cần tiếp tục đào sâu nghiên cứu, có tính mới đối với đề tài và ngành Chính trị học, chuyên ngành Công tác tư tưởng; bổ sung, phát triển, bảo đảm tính kế thừa nhưng không trùng lặp với các công trình khoa học đã nghiệm thu và công bố trước đó.

Chương 2

NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VỀ ĐỔI MỚI PHƯƠNG THỨC TUYÊN TRUYỀN CHỦ QUYỀN BIỂN, ĐẢO VIỆT NAM CHO SINH VIÊN CÁC TRƯỜNG ĐẠI HỌC

2.1. Tuyên truyền chủ quyền biển, đảo Việt Nam cho sinh viên các trường đại học

2.1.1. Một số khái niệm liên quan

2.1.1.1. Tuyên truyền

Khái niệm “Tuyên truyền” được nghiên cứu và trình bày ở nhiều góc độ đa dạng khác nhau như:

Theo Đại Từ điển Bách khoa Liên Xô: “*Tuyên truyền* được hiểu theo nghĩa rộng và nghĩa hẹp. Theo nghĩa rộng, tuyên truyền là sự truyền bá những quan điểm, những tư tưởng về chính trị, về triết học, khoa học, nghệ thuật nhằm biến quan điểm, tư tưởng đó thành ý thức xã hội, thành hành động cụ thể của quần chúng. Theo nghĩa hẹp, tuyên truyền là tuyên truyền chính trị, tuyên truyền tư tưởng, là sự truyền bá những quan điểm lý luận nhằm xây dựng cho công chúng thế giới quan nhất định, phù hợp với lợi ích, thế giới quan ấy” [75].

Tiếp cận góc độ truyền thông, R.C.Vincent định nghĩa: “*Tuyên truyền* là việc sử dụng các kênh truyền thông, thông qua kỹ thuật thuyết phục và gây ảnh hưởng nhằm hình thành hay thay đổi dư luận xã hội” [160, tr.233]. Trong khi đó, Garth Jowett và Victoria O'Donnell nhận định: “*Tuyên truyền* là một nỗ lực hệ thống có chủ đích nhằm hình thành nhận thức, tác động đến hiểu biết và hướng dẫn hành vi để đạt được phản hồi theo mong muốn của người tuyên truyền” [152, tr.7]. Điểm tương đồng các góc nhìn này chính là sự khẳng định tính định hướng mục đích và năng lực thuyết phục của hoạt động tuyên truyền.

Theo Đại Từ điển Tiếng Việt: “*Tuyên truyền*” có nghĩa là “giải thích rộng rãi để thuyết phục, vận động mọi người làm theo” [146, tr.1700]. Theo tác giả Lưu Trần Toàn: “*Tuyên truyền* là hoạt động mang tính thuyết phục có chủ đích để chuyển tải, cung cấp, chia sẻ quan điểm, tư tưởng, tri thức, kinh nghiệm về chính trị, kinh tế, văn hoá, khoa học, nghệ thuật nhằm thay đổi nhận thức, thái độ, hành vi của đối tượng” [118, tr.11].

Chủ tịch Hồ Chí Minh định nghĩa một cách mộc mạc, dễ hiểu: “*Tuyên truyền* là đem một việc gì đó nói cho dân hiểu, dân nhớ, dân theo, dân làm” [84, tr.191]. Người cho rằng: “Không thể chỉ dùng báo chương, sách vở, mít tinh,

khẩu hiệu, truyền đơn, chỉ thị mà đủ. Trước nhất là phải tìm mọi cách giải thích cho mỗi một người dân hiểu rõ ràng: Việc đó là lợi ích cho họ và nhiệm vụ của họ, họ phải hăng hái làm cho kỳ được” [85, tr.232-233].

Theo tác giả Phạm Huy Kỳ: “*Tuyên truyền* là hoạt động nhằm truyền bá chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, quan điểm, chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước và những tinh hoa văn hoá của dân tộc, của nhân loại làm cho chúng trở thành nhân tố giữ vai trò thống trị xã hội trong đời sống tinh thần của xã hội, trên cơ sở đó cổ vũ, động viên tích cực, tự giác, sáng tạo của đối tượng tuyên truyền trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam XHCN” [76, tr.12-17].

Theo các tác giả Nguyễn Minh Tuấn, Trần Khắc Việt (2018) định nghĩa: “*Tuyên truyền* là hoạt động của chủ thể tư tưởng tác động đến đối tượng tuyên truyền nhằm thay đổi nhận thức, thái độ, hành vi của đối tượng, hình thành ở họ một kiểu thế giới quan, một kiểu ý thức xã hội, khơi dậy, cổ vũ tính tích cực xã hội của những đối tượng đó” [127, tr.424-425].

Từ những quan điểm trên, có thể khẳng định tuyên truyền là một hoạt động xã hội đặc biệt, mang tính thuyết phục có chủ đích nhằm phổ biến, giải thích một học thuyết, một tư tưởng, một quan điểm,... hướng tới hình thành, củng cố đối tượng một thế giới quan, nhân sinh quan, ý thức hệ nhất định và kích thích, cổ vũ hành động của đối tượng phù hợp với thế giới quan, nhân sinh quan, ý thức hệ ấy.

Trong phạm vi nghiên cứu, có thể quan niệm: *Tuyên truyền là hoạt động có mục đích, có tổ chức của các chủ thể nhằm truyền bá các quan điểm, tư tưởng, đường lối, chính sách của Đảng, Nhà nước và những tri thức nhất định đến nhiều đối tượng trong xã hội nhằm hình thành nhận thức đúng đắn, củng cố niềm tin, định hướng thái độ và thúc đẩy hành vi phù hợp với mục đích hoặc mong muốn của chủ thể tuyên truyền.*

Chủ thể tuyên truyền là những cá nhân, tổ chức đại diện cho đảng phái chính trị, nhà nước, giai cấp, đoàn thể mà lợi ích của họ gắn liền với mục đích của tuyên truyền. Đối tượng tuyên truyền là những cá nhân, tập thể, tầng lớp, giai cấp, nhóm xã hội. Nội dung tuyên truyền cho chủ thể xác định để thực hiện mục đích hoạt động của họ. Có phương pháp tuyên truyền dùng lời nói tác động đến đối tượng như: bài giảng, thuyết trình, nói chuyện thời sự,...; có phương pháp tuyên truyền trực quan sử dụng các vật mẫu, sơ đồ, bản đồ, biểu

bảng, tranh ảnh, panô, áp phích và có phương pháp tuyên truyền bằng phương tiện kỹ thuật như: máy chiếu phim, video, tivi. Để đạt hiệu quả cao, công tác tuyên truyền phải mang tính đảng, tính khoa học, tính chân thực, khách quan; phải nhạy bén, kịp thời, bám sát nhiệm vụ chính trị của Đảng; kết hợp nhiều hình thức, phương pháp; sử dụng, phối hợp nhiều lực lượng [127, tr.425].

2.1.1.2. Chủ quyền biển, đảo Việt Nam

- Biển, đảo Việt Nam

Theo Công ước Liên hợp quốc về Luật Biển năm 1982 (UNCLOS 1982) [26], biển được chia thành các vùng có chế độ pháp lý khác nhau, bao gồm: nội thủy, lãnh hải, vùng tiếp giáp lãnh hải, vùng đặc quyền kinh tế và thềm lục địa. Mỗi vùng có phạm vi địa lý và giới hạn quyền chủ quyền, quyền tài phán của quốc gia ven biển được xác định rõ ràng. Điều đó cho thấy, biển không chỉ là một thực thể tự nhiên mà còn là đối tượng điều chỉnh của luật pháp quốc tế và là không gian thực thi chủ quyền quốc gia.

Cùng với biển, đảo cũng là một yếu tố quan trọng trong xác lập và thực thi chủ quyền quốc gia trên biển. Khoản 1 Điều 121 UNCLOS 1982 định nghĩa: “*Một đảo là một vùng đất tự nhiên có nước bao bọc, khi thủy triều lên vùng đất này vẫn ở trên mặt nước*” [26, tr.52]. Đảo có thể là đất liền nổi lớn, có cư dân sinh sống hoặc chỉ là thực thể nhỏ không có cư trú lâu dài, nhưng xét về pháp lý, các đảo có khả năng duy trì đời sống con người hoặc có đời sống kinh tế riêng sẽ được hưởng đầy đủ các vùng biển như lãnh hải, vùng đặc quyền kinh tế và thềm lục địa. Ngược lại, “*Những hòn đảo đá nào không thích hợp cho con người đến ở hoặc cho một đời sống kinh tế riêng, thì không có vùng đặc quyền kinh tế và thềm lục địa* (khoản 3, Điều 121) [26, tr.53].

Việt Nam là thành viên của Công ước Liên hợp quốc về Luật Biển 1982, do đó Việt Nam đã sớm nội luật hóa các điều ước của UNCLOS 1982 vào các quy định của pháp luật Việt Nam, cụ thể là Luật Biển Việt Nam năm 2012:

Tại Khoản 1, Điều 3, Luật Biển Việt Nam 2012 [99] nêu rõ: “*Vùng biển Việt Nam* bao gồm nội thủy, lãnh hải, vùng tiếp giáp lãnh hải, vùng đặc quyền kinh tế và thềm lục địa thuộc chủ quyền, quyền chủ quyền và quyền tài phán quốc gia của Việt Nam, được xác định theo pháp luật Việt Nam, điều ước quốc tế về biên giới lãnh thổ mà nước Cộng hòa XHCN Việt Nam là thành viên và phù hợp với Công ước của Liên hợp quốc về Luật Biển năm 1982”. Luật Biển Việt Nam 2012 cũng xác định: “*Các đảo, quần đảo Hoàng Sa, quần đảo*

Trường Sa và các quần đảo khác thuộc chủ quyền, quyền chủ quyền, quyền tài phán quốc gia của Việt Nam”.

Nói về *Đảo và quần đảo Việt Nam*, theo Điều 19, Luật Biển Việt Nam 2012 [99] quy định: “Đảo là một vùng đất tự nhiên có nước bao bọc, khi thủy triều lên vùng đất này vẫn ở trên mặt nước. Quần đảo là một tập hợp các đảo, bao gồm cả bộ phận của các đảo, vùng nước tiếp liền và các thành phần tự nhiên khác có liên quan chặt chẽ với nhau. Đảo, quần đảo thuộc chủ quyền của Việt Nam là bộ phận không thể tách rời của lãnh thổ Việt Nam”.

- Chủ quyền biển, đảo Việt Nam

Điều 1, Hiến pháp năm 2013 của Việt Nam đã nêu rõ: “*Nước Cộng hòa XHCN Việt Nam là một nước độc lập, có chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ, bao gồm đất liền, hải đảo, vùng biển và vùng trời*” [100]. Chủ quyền chính là quyền làm chủ tuyệt đối của quốc gia độc lập đối với lãnh thổ của mình.

Từ những khái quát trên, có thể định nghĩa: *Chủ quyền biển, đảo Việt Nam là sự khẳng định quyền lực chính trị - pháp lý tối cao, đầy đủ và tuyệt đối của Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam đối với toàn bộ các vùng biển, đảo và quần đảo thuộc chủ quyền, quyền chủ quyền và quyền tài phán của quốc gia, được thiết lập, quản lý và bảo vệ một cách độc lập, tự chủ dựa trên hệ thống luật pháp quốc tế, đặc biệt là Công ước Liên hợp quốc về Luật Biển năm 1982 (UNCLOS 1982), pháp luật Việt Nam và thực tiễn thực thi chủ quyền liên tục, hòa bình, hợp pháp trong lịch sử cho đến nay.*

Chủ quyền biển, đảo Việt Nam không chỉ đơn thuần là quyền kiểm soát lãnh thổ, mà còn là biểu hiện cụ thể của quyền tự quyết quốc gia trong quản lý, bảo vệ không gian biển, bảo vệ an ninh, chủ quyền quốc gia trước các thách thức từ bên ngoài. Với Việt Nam, chủ quyền này còn có ý nghĩa chiến lược quan trọng trong việc duy trì toàn vẹn lãnh thổ, bảo vệ lợi ích quốc gia, đồng thời đóng góp vào hòa bình, ổn định, hợp tác và phát triển của khu vực. Do đó, bảo vệ chủ quyền biển, đảo Việt Nam là bảo vệ toàn vẹn lãnh thổ thiêng liêng và bất khả xâm phạm của Việt Nam, đồng thời cũng là bảo vệ quyền chủ quyền và quyền tài phán quốc gia. Đây là nhiệm vụ trọng yếu, thường xuyên, lâu dài của toàn Đảng, toàn quân và toàn dân trong mọi thời kỳ, mọi thời điểm, mọi tình huống.

2.1.1.3. Sinh viên các trường đại học

Theo Luật Giáo dục của Việt Nam, sinh viên là những người đang theo học tại các cơ sở giáo dục đại học, bao gồm đại học, cao đẳng và trung cấp. Đây là

giai đoạn giáo dục đại học, nơi người học tiếp tục nâng cao kiến thức chuyên môn, kỹ năng nghề nghiệp sau khi hoàn thành chương trình giáo dục phổ thông hoặc tương đương.

Trong phạm vi và đối tượng nghiên cứu của Luận án, có thể hiểu: *Sinh viên là một bộ phận thanh niên đang học tập và rèn luyện tại các trường đại học nhằm trau dồi kiến thức, kỹ năng nghề nghiệp và tu dưỡng phẩm chất để hoàn thiện nhân cách, trở thành nguồn nhân lực chất lượng cao cho đất nước trong tương lai.*

Sinh viên đại học là một nhóm xã hội đặc thù trong cấu trúc giáo dục hiện đại, vừa là sản phẩm của hệ thống giáo dục, vừa là tác nhân của sự thay đổi xã hội, thường thể hiện vai trò chính trị - xã hội mạnh mẽ trong các thời kỳ chuyển tiếp”. Từ góc nhìn này, sinh viên không chỉ là người học mà còn là chủ thể xã hội có ý thức, có thể tham gia vào các hoạt động xã hội, phong trào chính trị hoặc thúc đẩy cải cách thể chế.

Trong môi trường đại học, sinh viên vừa là đối tượng giáo dục, vừa là chủ thể tự giáo dục, tích cực, chủ động, tự giác, sáng tạo, có khả năng tự tổ chức hoạt động nhận thức dưới sự dẫn dắt, định hướng của chủ thể giáo dục. Sinh viên là lớp trẻ có hoài bão, lý tưởng và khát vọng vươn mình, có lòng yêu nước và lòng trắc ẩn sâu sắc. Sinh viên ngày nay rất nhạy bén với những cái mới, tiến bộ. Vì vậy, nếu được giáo dục trong môi trường tốt, phù hợp với tính cách và tâm lý, sinh viên sẽ ngày càng hoàn thiện nhân cách, lý tưởng cao đẹp, phát huy tài năng, tính sáng tạo trong học tập và nghiên cứu.

2.1.1.4. Tuyên truyền chủ quyền biển, đảo Việt Nam cho sinh viên các trường đại học

Trước những diễn biến phức tạp trên Biển Đông, Việt Nam chủ trương đấu tranh bảo vệ chủ quyền biển, đảo thiêng liêng và lợi ích quốc gia trên biển bằng các biện pháp hòa bình, dựa trên luật pháp quốc tế, phát huy sức mạnh tổng hợp của các lực lượng, các phương tiện, các biện pháp về chính trị, tư tưởng, kinh tế, pháp lý và ngoại giao, trong đó công tác tuyên truyền là một mặt trận quan trọng, cung cấp những chứng cứ lịch sử và căn cứ pháp lý khẳng định chủ quyền Việt Nam; tuyên truyền các giá trị lịch sử, truyền thống hào hùng của cha ông trong quá trình xác lập và thực thi chủ quyền liên tục và hoà bình trên hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa.

Sinh viên các trường đại học không chỉ là đối tượng trung tâm trong quá trình giáo dục - đào tạo mà còn là nguồn lực quan trọng góp phần tích cực vào

công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, trong đó có nhiệm vụ bảo vệ chủ quyền biển, đảo thiêng liêng bất khả xâm phạm của quốc gia. Do đó, tuyên truyền chủ quyền biển, đảo Việt Nam cho sinh viên các trường đại học là một nhiệm vụ trọng tâm, thường xuyên, lâu dài nhằm nâng cao nhận thức, thái độ, hành vi và trách nhiệm của sinh viên với quốc gia, dân tộc.

Như vậy, có thể định nghĩa:

Tuyên truyền chủ quyền biển, đảo Việt Nam cho sinh viên các trường đại học là hoạt động có mục đích, có tổ chức của các chủ thể tuyên truyền trong nhà trường thông qua các hình thức, phương pháp và phương tiện phù hợp nhằm truyền bá hệ thống tri thức, quan điểm, đường lối, chính sách, pháp luật và giá trị lịch sử - văn hóa về chủ quyền biển, đảo Việt Nam đến sinh viên các trường đại học, góp phần hình thành nhận thức đúng đắn, thái độ chính trị vững vàng và hành động tích cực, có trách nhiệm của sinh viên trong sự nghiệp bảo vệ chủ quyền biển, đảo của Tổ quốc.

2.1.2. Các yếu tố cấu thành hoạt động tuyên truyền chủ quyền biển, đảo Việt Nam cho sinh viên các trường đại học

2.1.2.1. Chủ thể và đối tượng tuyên truyền

- Chủ thể tuyên truyền

Chủ thể tuyên truyền là cơ quan, tổ chức, lực lượng hoặc cá nhân thuộc hệ thống chính trị của trường đại học trực tiếp thực hiện hoạt động tuyên truyền, định hướng nhận thức, tình cảm và hành động của sinh viên đối với vấn đề chủ quyền biển, đảo Việt Nam. Các chủ thể này hoạt động ở nhiều cấp độ và có những chức năng, nhiệm vụ riêng biệt, tạo nên một hệ thống tuyên truyền đa dạng và toàn diện.

Ở trường đại học, chủ thể tuyên truyền có thể được phân thành các nhóm chính sau:

Thứ nhất, nhóm chủ thể lãnh đạo, quản lý (Đảng ủy, Ban Giám hiệu, Phòng Đào tạo, Phòng Công tác Chính trị, Ban Chủ nhiệm khoa, Cố vấn học tập)

Đây là giúp chủ thể có vai trò rất quan trọng, có ý nghĩa quyết định trong việc xây dựng chương trình, nội dung tuyên truyền chính trị và tổ chức quán triệt, triển khai đường lối, quan điểm của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, chính sách quốc phòng Việt Nam, những kiến thức khoa học chính trị bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch, những thông tin lý luận và thời sự cho sinh viên,...

Đảng ủy và Ban Giám hiệu nhà trường

Trong công tác tuyên truyền chủ quyền biển, đảo, Đảng ủy và Ban Giám hiệu nhà trường có nhiệm vụ xây dựng kế hoạch, chiến lược tuyên truyền, chỉ đạo các khoa, phòng, ban tổ chức thực hiện, tạo môi trường học tập và rèn luyện thuận lợi để sinh viên phát triển nhận thức về chủ quyền quốc gia nói chung, chủ quyền biển, đảo nói riêng.

Phòng Đào tạo, Phòng Công tác sinh viên, Ban Chủ nhiệm khoa, Cố vấn học tập

Tuy có vị trí, vai trò khác nhau nhưng nhóm chủ thể này đều có trách nhiệm vừa quản lý sinh viên, vừa tiếp nhận và xử lý, giải quyết, triển khai các chủ trương, chính sách, chỉ thị, công văn của Trung ương Đảng, Chính phủ, Ban Tuyên giáo và Dân vận Trung ương, Bộ Giáo dục và Đào tạo,... về các nội dung tuyên truyền. Ngoài chương trình đào tạo chính khóa và lịch giảng dạy cố định, Ban Giám hiệu và Ban Chủ nhiệm khoa có thể chủ động lựa chọn các mô hình, phương thức truyền thông linh hoạt nhằm phổ biến thông tin, kiến thức và sự kiện về chủ quyền biển, đảo đến sinh viên, sao cho sát hợp với điều kiện thực tế cũng như đặc thù chuyên môn của từng đơn vị. Mặt khác, một số nội dung tuyên truyền liên quan có thể giao cho các phòng chức năng và các tổ chức chính trị - xã hội trong nhà trường phối hợp lồng ghép vào những hoạt động ngoại khóa.

Thứ hai, nhóm chủ thể truyền đạt kiến thức lý luận chính trị (đội ngũ giảng viên, báo cáo viên, tuyên truyền viên,...)

Đội ngũ giảng viên:

Ở trường đại học, đội ngũ giảng viên đóng vai trò hết sức quan trọng. Với vai trò chủ đạo, họ không chỉ định hướng, tổ chức mà còn dẫn dắt và điều chỉnh toàn bộ quá trình học tập cũng như các hoạt động giáo dục toàn diện của sinh viên. Bên cạnh đó, các thầy cô - đặc biệt là những người đảm nhận công tác cố vấn học tập luôn sâu sát để thấu hiểu những biến chuyển tâm lý phức tạp của người học, từ đó đưa ra những lời khuyên kịp thời và uốn nắn hành vi đạo đức cho sinh viên trong độ tuổi trưởng thành. Chính năng lực, tư cách đạo đức và nhân cách mẫu mực của người thầy sẽ tạo nên những tác động trực tiếp, bền vững đến nhận thức cũng như quá trình rèn luyện nhân sinh quan của sinh viên. Với kiến thức và kinh nghiệm chuyên môn, giảng viên có vai trò là người định hướng, truyền đạt những kiến thức chung, kiến thức chuyên ngành và lòng

ghép các nội dung giáo dục, tuyên truyền theo kế hoạch của nhà trường, trong đó có những kiến thức cơ bản về chủ quyền biển, đảo Việt Nam vào các môn học có liên quan như: Tư tưởng Hồ Chí Minh, Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam, Địa lý đại cương, Luật pháp đại cương, Quan hệ quốc tế, Giáo dục Quốc phòng và An ninh,...; tổ chức các buổi thảo luận, seminar, định hướng sinh viên nghiên cứu khoa về chủ đề biển, đảo. Hơn nữa, giảng viên cũng là người trực tiếp truyền cảm hứng, định hình tư duy, ý thức trách nhiệm của sinh viên trong việc đấu tranh, bảo vệ chủ quyền biển, đảo Việt Nam, phản bác các quan điểm sai trái, thù địch về chủ quyền lãnh thổ quốc gia.

Đội ngũ báo cáo viên, tuyên truyền viên

Đội ngũ báo cáo viên, tuyên truyền viên nhà khoa học, chuyên gia nghiên cứu hàng đầu về biển, đảo là lực lượng giữ vai trò quan trọng trong việc truyền tải thông tin chính xác, khoa học về chủ quyền biển, đảo. Họ vừa là người định hướng nhận thức cho sinh viên thông qua bài giảng, chuyên đề, công trình nghiên cứu, vừa tham gia các diễn đàn, hội thảo, câu lạc bộ để chia sẻ kiến thức pháp lý và lịch sử biển, đảo.

Thứ ba, nhóm chủ thể phối hợp hỗ trợ tuyên truyền (Đoàn Thanh niên, Hội Sinh viên nhà trường)

Đoàn Thanh niên và Hội Sinh viên trong các trường đại học là những tổ chức chính trị - xã hội của sinh viên, giữ vai trò nòng cốt trong việc giáo dục, định hướng tư tưởng và truyền bá các giá trị cách mạng cho thế hệ trẻ. Với đặc điểm gần gũi, am hiểu tâm lý và đời sống sinh viên, hai tổ chức này có khả năng tiếp cận trực tiếp, thường xuyên và liên tục đến từng cá nhân trong môi trường học đường. Đây là lợi thế quan trọng để triển khai hiệu quả các hoạt động tuyên truyền về chủ quyền biển, đảo.

Đoàn Thanh niên và Hội Sinh viên là cầu nối giữa đường lối, chủ trương của Đảng và chính sách, pháp luật của Nhà nước về bảo vệ chủ quyền biển, đảo Việt Nam với sinh viên. Thông qua các chương trình sinh hoạt chính trị, tọa đàm, hội thảo hoặc các phong trào “Sinh viên với biển đảo Tổ quốc”, “Tuổi trẻ vì biển, đảo quê hương”,... Đoàn - Hội góp phần truyền tải thông tin chính thống, khoa học, dễ hiểu, giúp sinh viên nhận thức đầy đủ hơn về tình hình biển, đảo, cơ sở pháp lý và chiến lược bảo vệ chủ quyền quốc gia. Bên cạnh đó, Đoàn Thanh niên và Hội Sinh viên còn đóng vai trò tổ chức và dẫn dắt sinh viên tham gia những hoạt động thực tiễn, giàu tính trải nghiệm, như chiến dịch tình nguyện

“Mùa hè xanh”, các chuyến hành trình “Sinh viên với biển, đảo quê hương”, giao lưu với chiến sĩ hải quân, triển lãm bản đồ và tư liệu về chủ quyền biển, đảo, cột mốc chủ quyền hai quần đảo Hoàng Sa, Trường Sa,... Những hoạt động này không chỉ giúp sinh viên tiếp cận kiến thức một cách sinh động, mà còn khơi dậy lòng tự hào dân tộc và ý thức trách nhiệm bảo vệ chủ quyền Tổ quốc. Đặc biệt, với thế mạnh về tổ chức phong trào và ứng dụng công nghệ số, các tổ chức Đoàn - Hội có thể triển khai nhiều hình thức tuyên truyền hiện đại, như chiến dịch truyền thông trên mạng xã hội, cuộc thi trực tuyến tìm hiểu biển, đảo, thiết kế infographic, video clip ngắn hoặc podcast về biển, đảo. Điều này giúp tăng cường khả năng lan tỏa thông điệp trong cộng đồng sinh viên và cả xã hội, đồng thời góp phần phản bác với những thông tin sai lệch, xuyên tạc về vấn đề Biển Đông. Hơn nữa, Đoàn Thanh niên và Hội Sinh viên còn là môi trường đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ sinh viên nòng cốt - những “hạt nhân tuyên truyền” có hiểu biết sâu sắc về biển, đảo, có kỹ năng truyền thông, thuyết trình và tổ chức sự kiện. Họ chính là những chủ thể có khả năng dẫn dắt, truyền cảm hứng và tạo hiệu ứng tích cực cho các đối tượng sinh viên khác, qua đó nhân rộng ý thức và hành động bảo vệ chủ quyền biển, đảo.

- Đối tượng tuyên truyền

Đối với bậc đại học, sinh viên không chỉ đơn thuần là đối tượng chịu tác động của giáo dục mà còn là chủ thể tự giáo dục đầy tích cực, sáng tạo. Dưới sự định hướng và tổ chức của nhà sư phạm, người học sẽ tự điều phối các hoạt động nhận thức của bản thân. Quá trình này diễn ra song song giữa việc lĩnh hội tri thức khoa học tại lớp và việc tham gia các phong trào xã hội do Đoàn Thanh niên, Hội Sinh viên các cấp phối hợp tổ chức. Chính sự gắn kết giữa lý thuyết và thực tiễn ngoại khóa này giúp sinh viên hoàn thiện nhận thức, điều chỉnh hành vi phù hợp với các chuẩn mực đạo đức, từ đó định hình nhân cách công dân mẫu mực nhằm đáp ứng các tiêu chí, mục tiêu đào tạo của nhà trường lẫn xã hội.

Đặc điểm sinh viên Việt Nam:

Thứ nhất, sinh viên là lực lượng trí thức trẻ, năng động, nhạy bén với thông tin

Sinh viên có khả năng tiếp cận nhanh các vấn đề chính trị, kinh tế, xã hội, trong đó có các vấn đề liên quan đến chủ quyền biển, đảo. Sinh viên Việt Nam hiện nay sống trong kỷ nguyên số, thường xuyên sử dụng internet, mạng xã hội

và các nền tảng số để học tập, trao đổi và giải trí. Họ có khả năng nhanh chóng tiếp cận thông tin đa chiều, cập nhật các sự kiện chính trị - xã hội trong và ngoài nước. Với nền tảng tri thức đại học, sinh viên có khả năng tư duy phản biện, phân tích, đánh giá và nhìn nhận vấn đề một cách logic, đa chiều; đồng thời, nhờ kỹ năng khai thác công nghệ thông tin, sinh viên không chỉ là người tiếp nhận thông tin một cách chủ động, mà còn là người sản xuất, chia sẻ thông tin thông qua các kênh trực tuyến. Điều này tạo nên lợi thế trong việc tuyên truyền chủ quyền biển, đảo, bởi sinh viên vừa có thể tiếp thu chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước, vừa có thể tham gia phản bác các quan điểm sai lệch, xuyên tạc trên mạng xã hội.

Thứ hai, sinh viên có tiềm năng ảnh hưởng xã hội rộng lớn

Trong môi trường đại học, sinh viên là nhóm có khả năng lan tỏa thông tin, kiến thức và thái độ đến cộng đồng, đặc biệt thông qua các hoạt động truyền thông số và mạng lưới tổ chức Đoàn - Hội. Ý thức, niềm tin và hành động của sinh viên về chủ quyền biển, đảo sẽ tác động lan tỏa đến bạn bè, gia đình và cộng đồng xã hội. Với bản lĩnh trí tuệ, sáng tạo và tính tích cực của thế hệ trẻ, thông qua các hoạt động tuyên truyền biển, đảo trong nhà trường, sinh viên sẽ góp phần lan tỏa thông tin chính thống trên mạng xã hội bằng hình thức chia sẻ các bài viết, hình ảnh, video chính xác, có giá trị về giữ gìn, bảo vệ chủ quyền biển, đảo.

Thứ ba, sinh viên đang trong giai đoạn hình thành và hoàn thiện nhân cách, bản lĩnh chính trị

Sinh viên luôn được xem là nhóm xã hội có tinh thần cầu tiến, khát vọng chinh phục tri thức và dám nghĩ, dám làm. Sự năng động của sinh viên được thể hiện qua việc tham gia tích cực vào các hoạt động ngoại khóa, phong trào tình nguyện, các câu lạc bộ học thuật và hoạt động cộng đồng. Đây là thời kỳ quan trọng để định hình thế giới quan, lập trường tư tưởng và trách nhiệm công dân. Tuyên truyền đúng đắn về biển, đảo sẽ góp phần nuôi dưỡng lòng yêu nước, khát vọng cống hiến và tinh thần bảo vệ Tổ quốc trong thế hệ trẻ.

Nhiều sinh viên tích cực tham gia các diễn đàn học thuật, câu lạc bộ nghiên cứu khoa học, khởi nghiệp đổi mới sáng tạo, có thể đóng góp những ý tưởng, giải pháp công nghệ phục vụ phát triển kinh tế biển và bảo vệ môi trường biển, đảo. Đây là một trong những giá trị lâu dài và thiết thực của hoạt động tuyên truyền.

Hơn nữa, sinh viên cũng là tấm gương về ý thức và hành động, thể hiện tinh thần yêu nước, trách nhiệm công dân thông qua hành động cụ thể, tạo sức ảnh hưởng đến bạn bè, gia đình và người thân, các thế hệ sinh viên trong nước và quốc tế qua việc học tập, nghiên cứu, am hiểu kiến thức biển, đảo và có kỹ năng, thái độ, hành động đúng đắn, chuẩn mực góp phần bảo vệ chủ quyền biển, đảo thiêng liêng của Tổ quốc.

Như vậy, có thể nói, sinh viên vừa là đối tượng tuyên truyền, vừa phát huy tính tích cực là chủ thể tuyên truyền. Với phẩm chất và năng lực, cùng với khả năng sử dụng công nghệ số, mạng xã hội và các nền tảng trực tuyến, sinh viên có thể trở thành “những kênh truyền thông đại chúng” thu nhỏ, góp phần lan tỏa lòng yêu nước và tinh thần bảo vệ chủ quyền biển, đảo. Tùy vào nhóm đối tượng và mức độ nhận thức, thái độ của sinh viên sẽ giúp các chủ thể có nội dung, phương thức tuyên truyền phù hợp, đạt hiệu quả cao nhất.

2.1.2.2. Mục đích và nội dung tuyên truyền

Tuyên truyền chủ quyền biển, đảo cho sinh viên ở trường đại học không chỉ là nhiệm vụ giáo dục chính trị ngoại khóa, mà là một mặt trận tư tưởng trọng yếu. Đối với lực lượng trí thức trẻ, mục đích và nội dung tuyên truyền cần được thiết kế mang tính hệ thống, sắc bén và có tính chiến đấu cao, dựa trên nền tảng cơ sở chính trị - pháp lý, các văn kiện, nghị quyết của Đảng và Nhà nước.

Mục đích và nội dung tuyên truyền chủ quyền biển, đảo cho sinh viên là một khối thống nhất, có tính tương hỗ. Việc xác định mục đích tuyên truyền rõ ràng sẽ định hướng cho việc xây dựng nội dung chính xác, khoa học và hấp dẫn. Và nội dung tuyên truyền phong phú, đa dạng, được truyền tải hiệu quả sẽ giúp đạt được các mục đích đề ra, góp phần xây dựng thế hệ sinh viên không chỉ có tri thức vững vàng mà còn có lòng yêu nước, ý chí kiên cường và trách nhiệm cao cả đối với sự nghiệp bảo vệ chủ quyền biển, đảo thiêng liêng của Tổ quốc.

Về mục đích tuyên truyền:

Tuyên truyền chủ quyền biển, đảo Việt Nam cho đối tượng sinh viên ở trường đại học có thể khái quát thành các mục đích cơ bản như sau:

(1) Trang bị nhận quan chính trị và cơ sở pháp lý: Nâng cao nhận thức, giúp sinh viên nắm vững bằng chứng lịch sử, tư liệu pháp lý quốc gia và quốc tế để khẳng định chủ quyền không thể tranh cãi của Việt Nam đối với các vùng biển, đảo thuộc chủ quyền, quyền chủ quyền quốc gia, đặc biệt là chủ quyền đối

với hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa; từ đó hình thành nền tảng nhận thức khoa học, chống lại sự xuyên tạc. Đây là mục tiêu mang tính nhận thức luận;

(2) Bồi đắp niềm tự hào dân tộc và xây dựng thế trận lòng dân vững chắc: Bồi dưỡng lòng yêu nước, gắn tri thức biển, đảo với giá trị văn hóa - lịch sử dân tộc, nuôi dưỡng tình cảm gắn bó và tinh thần tự hào dân tộc, đồng thời rèn luyện bản lĩnh chính trị vững vàng. Qua đó, sinh viên đủ năng lực nhận diện, kiên quyết đấu tranh và đập tan mọi âm mưu, thủ đoạn xuyên tạc, kích động của các thế lực thù địch hòng chia rẽ khối đại đoàn kết hoặc hạ thấp uy tín của Đảng và Nhà nước ta trong vấn đề chủ quyền ở Biển Đông. Đây là mục tiêu thuộc bình diện tình cảm - giá trị;

(3) Phát huy trách nhiệm công dân, rèn luyện năng lực phản biện và bản lĩnh đấu tranh cách mạng: Hình thành ý thức bảo vệ chủ quyền quốc gia là nghĩa vụ của mỗi công dân, trong đó sinh viên là nhóm tiên phong, đủ năng lực nhận diện, phân tích và tác chiến, phản bác thông tin sai lệch trên không gian mạng, đáp ứng yêu cầu thời đại số. Đây là mục tiêu gắn với vai trò xã hội và phát triển năng lực tư duy;

(4) Huy động tham gia hoạt động xã hội và định hướng hành động cách mạng: Biến nhận thức và tình cảm thành hành động cụ thể thông qua việc xung kích tham gia các phong trào hoạt động xã hội, tình nguyện, nghiên cứu khoa học do Trung ương Đoàn và Hội Sinh viên phát động, định hướng sinh viên vận dụng kiến thức chuyên môn, công cụ nghiên cứu khoa học vào bảo vệ và phát triển bền vững kinh tế biển bền vững theo Nghị quyết của Đảng. Đây là mục tiêu thuộc bình diện hành vi.

Về nội dung tuyên truyền:

Tuyên truyền chủ quyền biển, đảo Việt Nam cho đối tượng sinh viên ở trường đại học có thể xác định các nhóm nội dung chủ yếu bao gồm:

(1) Tuyên truyền về vị trí, vai trò và tầm quan trọng đặc biệt của biển, đảo Việt Nam đối với sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Quán triệt, tuyên truyền đường lối, chủ trương của Đảng về bảo vệ chủ quyền biển, đảo Việt Nam được nêu trong các Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc của Đảng (từ Đại hội IX đến Đại hội XIV), Nghị quyết số 36-NQ/TW ngày 22/10/2018 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII về “Chiến lược phát triển bền vững kinh tế biển Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045” và các văn bản nghị

quyết, quyết định, chỉ thị trọng tâm khác có liên quan đến biển, đảo và tuyên truyền biển, đảo;

(2) Tuyên truyền những chứng cứ lịch sử, pháp lý, thực tiễn khẳng định chủ quyền của Việt Nam đối với hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa; đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về phát triển kinh tế gắn với bảo đảm quốc phòng, an ninh trên biển;

(3) Tuyên truyền cơ sở pháp lý quốc gia và quốc tế: bao gồm Luật Biển Việt Nam 2012, UNCLOS 1982 và các văn kiện pháp lý quốc tế có liên quan;

(4) Cập nhật tình hình, sự kiện, thời sự “điểm nóng” trên Biển Đông và quán triệt chủ trương, đường lối quan điểm của Đảng, chính sách quốc phòng Việt Nam về giải quyết tranh chấp ở Biển Đông, phương châm linh hoạt, mềm dẻo nhưng kiên quyết, kiên trì đường lối tự chủ chiến lược, giữ vững môi trường hoà bình, ổn định để phát triển, kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại trong bảo vệ chủ quyền biển, đảo quốc gia;

(5) Tuyên truyền ý thức, truyền thống yêu nước của dân tộc và khơi dậy tinh thần trách nhiệm cho sinh viên trong bảo vệ chủ quyền biển, đảo; giáo dục quốc phòng và an ninh, tuyên truyền đấu tranh chống các quan điểm sai trái, phản bác luận điệu xuyên tạc, thông tin xấu độc xuyên tạc chủ quyền biển, đảo quốc gia; chú trọng thông tin về những tấm gương điển hình trong phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm an ninh quốc phòng, bảo vệ chủ quyền biển, đảo;

(6) Tuyên truyền, phát huy các giá trị về kinh tế, văn hóa, du lịch và phong tục tập quán, giá trị truyền thống tinh thần gắn liền với đời sống cư dân ven biển, làm giàu thêm bản sắc dân tộc; nhấn mạnh vai trò biển, đảo trong phát triển bền vững, an ninh năng lượng, bảo vệ môi trường sinh thái, bảo tồn, phát triển bền vững đa dạng sinh học biển, chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu, nước biển dâng và phòng, chống thiên tai, cứu hộ, cứu nạn trên biển; tuyên truyền, giáo dục những kỹ năng ứng phó, cứu hộ biển, chống khai thác hải sản bất hợp pháp, không báo cáo, không theo quy định;...

2.1.2.3. Phương thức tuyên truyền

- Khái niệm phương thức

Phương thức (trong tiếng Anh là “method” hoặc “mode”) là danh từ chỉ cách thức, phương pháp hoặc quy trình được sử dụng để thực hiện một công việc, hoạt động hay giải quyết một vấn đề cụ thể.

Theo Đại Từ điển tiếng Việt, “Phương thức” được hiểu là “cách thức, phương pháp” [146, tr.793]. Từ “phương thức” thuộc loại từ Hán Việt, được cấu thành từ hai từ: “phương” (có nghĩa là cách, phương pháp, hướng) và “thức” (có nghĩa là hình thức, kiểu mẫu, cách thức). Khi kết hợp, “phương thức” mang nghĩa là cách thức, hình thức tổ chức hoặc phương pháp tiến hành một việc gì đó một cách có hệ thống và có chủ đích.

Ở Việt Nam hiện nay, có nhiều thuật ngữ đề cập đến “phương thức” như: “phương thức sản xuất”, “phương thức giáo dục”, “phương thức lãnh đạo”,... Tuy nhiên, các nghiên cứu ít nêu ra khái niệm cụ thể về “phương thức” mà có sự lồng ghép, diễn hình như:

Theo tác giả Lê Quốc Lý quan niệm về “*Phương thức, hình thức bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng*” có nêu “*Phương thức là cách thức và phương pháp chống phá của các thế lực thù địch và là cách thức và phương pháp đấu tranh và bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng*” [82, tr.46].

Theo tác giả Phan Hoàng Quỳnh định nghĩa: “*Phương thức giáo dục văn hóa chính trị cho sinh viên là hệ thống phương pháp và hình thức chủ thể giáo dục sử dụng để tác động lên đối tượng là sinh viên, dựa trên tính quy luật của các quá trình nhận thức, nhằm thực hiện mục đích giáo dục mà chủ thể đã đặt ra trong môi trường cụ thể*” [102, tr.54].

Theo tác giả Nguyễn Minh Tuấn, Trần Khắc Việt quan niệm: “*Phương thức lãnh đạo của Đảng là hệ thống các hình thức, phương pháp, biện pháp, quy trình, lề lối làm việc, tác phong công tác mà chủ thể lãnh đạo sử dụng để tác động vào đối tượng lãnh đạo, làm cho nội dung lãnh đạo của chủ thể trở thành hiện thực. Phương thức lãnh đạo và nội dung lãnh đạo của chủ thể có mối quan hệ mật thiết với nhau, khi đã xác định được nội dung lãnh đạo đúng thì cần phải tìm ra phương thức lãnh đạo phù hợp mới có thể làm cho nội dung lãnh đạo được thực hiện tốt trong thực tiễn*” [127, tr.352].

Theo Giáo trình Xây dựng Đảng Cộng sản Việt Nam: “*Phương thức lãnh đạo của Đảng là tổng thể các hình thức, phương pháp, cách thức, quy chế, quy định, quy trình, phong cách, lề lối làm việc,...* mà Đảng sử dụng để tác động vào đối tượng lãnh đạo nhằm thực hiện thắng lợi cương lĩnh chính trị, đường lối, các nghị quyết của Đảng, xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội và bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam XHCN” [66, tr.61].

Có thể thấy, khi đề cập đến “*phương thức*”, các nghiên cứu đã có nội hàm chung cho rằng phương thức vừa bao hàm cách thức, hình thức, phương pháp, hình thức, vừa bao hàm những hoạt động được liên kết chặt chẽ hướng đến mục đích chung.

Do đó, ở góc độ Chính trị học, có thể hiểu:

Phương thức là hệ thống các hình thức, phương pháp, công cụ và cơ chế được chủ thể sử dụng để tác động, định hướng cho đối tượng nhằm đạt được mục đích, nguyện vọng đề ra.

- *Khái niệm phương thức tuyên truyền*

Hiện nay, vẫn còn nhiều quan điểm cho rằng, phương thức tuyên truyền bao gồm hình thức và phương pháp, nhưng cũng có quan điểm cho rằng phương thức tuyên truyền bao gồm hình thức, phương pháp và phương tiện. Từ các phân tích nêu trên, trong Luận án này, NCS tiếp cận phương thức tuyên truyền bao gồm phương pháp, hình thức và phương tiện.

Do đó, có thể hiểu:

Phương thức tuyên truyền là sự kết hợp giữa phương pháp, hình thức, phương tiện nhằm tổ chức, tiến hành một việc gì đó một cách có hệ thống và có chủ đích nhằm đạt được mục đích của chủ thể tuyên truyền.

Chủ tịch Hồ Chí Minh nhắc nhở người tuyên truyền phải luôn tự hỏi: “Viết cho ai xem? Nói cho ai nghe? Nếu không vậy, thì cũng như cố ý không muốn cho người ta nghe, không muốn cho người ta xem” [84, tr.340]. Điểm đáng lưu ý khác, cần chú trọng cách thức trình bày vấn đề, phải “giản đơn, rõ ràng, thiết thực...” [84, tr.191].

Trong hoạt động tuyên truyền chủ quyền biển, đảo cho sinh viên, phương thức tuyên truyền bao gồm phương pháp, hình thức và phương tiện tuyên truyền nhằm chuyển tải được các nội dung tuyên truyền đến đối tượng một cách hiệu quả, phù hợp với bối cảnh xã hội và đặc điểm tâm lý tiếp nhận của đối tượng. Phương thức tuyên truyền không chỉ đóng vai trò là công cụ truyền đạt tri thức, mà còn là yếu tố quyết định đến mức độ hình thành nhận thức, tình cảm, hành vi xã hội của đối tượng.

Về phương pháp tuyên truyền:

Phương pháp tuyên truyền được hiểu là hệ thống các phương pháp tác động của chủ thể nhằm truyền đạt tri thức, định hướng tư tưởng, tình cảm và hành vi cho đối tượng trên cơ sở tuân thủ các quy luật tâm lý - xã hội và nguyên lý công tác tư

tưởng của Đảng. Nói cách khác, đây là cách thức tổ chức và tiến hành hoạt động tuyên truyền nhằm bảo đảm thông tin được tiếp nhận, chuyển hóa và lan tỏa một cách hiệu quả trong cộng đồng.

Hệ thống phương pháp tuyên truyền có thể chia thành 05 nhóm, bao gồm: phương pháp truyền thống (giảng giải, thuyết trình) - giữ vai trò nền tảng; phương pháp tích cực, hiện đại (thảo luận nhóm, nghiên cứu tình huống, học tập qua dự án,...) - nhấn mạnh tính chủ động của sinh viên; phương pháp trực quan - thực tiễn (sử dụng bản đồ, tư liệu, vật phẩm lịch sử, tham quan, trải nghiệm, đóng vai,...) - nhằm gắn lý thuyết với thực tiễn, kỹ năng; phương pháp nêu gương (giao lưu chứng nhân lịch sử, lực lượng vũ trang,...) - nhằm nâng cao ý thức, niềm tin, thái độ chính trị; và phương pháp số hóa (e-learning, gamification) - đáp ứng yêu cầu chuyển đổi số hiện nay. Từ góc độ nghiên cứu, có thể thấy phương pháp tuyên truyền chủ quyền biển, đảo cho sinh viên phải kết hợp giữa tính truyền thống với tính hiện đại, tính trực quan sinh động với tính trải nghiệm, mới có thể đạt được hiệu quả bền vững.

Về hình thức tuyên truyền:

Hình thức tuyên truyền là cách thức tổ chức các phương pháp trong không gian và thời gian cụ thể. Một phương pháp có thể được triển khai bởi nhiều hình thức khác nhau.

Có thể phân loại thành 05 nhóm hình thức tuyên truyền: hình thức chính thống - trực tiếp (bài giảng chính khoá, học phần chuyên đề); hình thức hỗ trợ - gián tiếp (ngoại khoá, câu lạc bộ, hội nghị, hội thảo, thi tìm hiểu, hội thao,...); hình thức trải nghiệm - trực quan (tham quan, tình nguyện, giao lưu,...); hình thức văn hóa nghệ thuật - sáng tạo (sân khấu, phim ngắn, văn nghệ, triển lãm trưng bày ảnh, bản đồ,...); và hình thức truyền thông số (công thông tin điện tử, mạng xã hội,...). Như vậy, hình thức không chỉ mang tính truyền đạt mà còn là công cụ định hướng dư luận, tạo bối cảnh để sinh viên gắn tri thức với thực tiễn.

Về phương tiện tuyên truyền:

Phương tiện tuyên truyền là các công cụ, điều kiện vật chất - kỹ thuật mà chủ thể sử dụng làm cầu nối để truyền tải nội dung và thực hiện phương pháp, hình thức một cách hiệu quả.

Trong bối cảnh hiện nay, tuyên truyền chủ quyền biển, đảo có thể thông qua đa dạng các phương tiện như: phương tiện tuyên truyền miệng - ngôn ngữ nói là công cụ chủ đạo, thông qua hình thức độc thoại và đối thoại (bài giảng,

báo cáo chuyên đề, tọa đàm, hội nghị, thảo luận nhóm,...) cùng với tài liệu, giáo trình lý luận chính trị chính thống trong nhà trường, hệ thống văn bản của Đảng; phương tiện truyền thông đại chúng của các cơ quan, tổ chức trong hệ thống chính trị (báo in, báo điện tử, phát thanh, truyền hình, điện ảnh,...); phương tiện số và nền tảng trực tuyến (hệ thống LMS, website, blog, podcast, bản tin điện tử, mạng xã hội: Facebook, Youtube, Zalo,...); phương tiện trực quan và truyền thông sự kiện (pano, áp phích, tranh cổ động, video clip, hình ảnh, phim tư liệu, ứng dụng di động, bản đồ tương tác, mô phỏng VR/AR, bảo tàng,...); các thiết chế văn hóa - văn nghệ và hoạt động của các thiết chế đó (rap phim, nhà hát,...). Sự kết hợp đa tầng của phương tiện không chỉ mở rộng kênh tiếp cận mà còn tạo sự hấp dẫn, phù hợp với xu hướng tiếp nhận thông tin của sinh viên.

2.1.2.4. Kết quả tuyên truyền

Kết quả tuyên truyền là sự hiện thực hóa mục đích được biểu hiện qua mức độ nhận thức, thái độ và hành vi xã hội mà công tác tuyên truyền chủ quyền biển, đảo Việt Nam cho sinh viên hướng tới, cụ thể:

Thứ nhất, về nhận thức: Sinh viên có nhận thức đúng đắn, sâu sắc về vấn đề chủ quyền quốc gia trên biển; am hiểu và nắm vững các bằng chứng lịch sử, cơ sở pháp lý quốc gia và quốc tế; đường lối, chiến lược phát triển kinh tế biển gắn với củng cố quốc phòng, an ninh, bảo vệ Tổ quốc “từ sớm, từ xa” trong tình hình mới. Tăng cường nhận quan khoa học chính trị, nền tảng tri thức lý luận vững chắc, nâng cao phẩm chất, năng lực, đạo đức cách mạng, đấu tranh với các thông tin xấu, độc, lên án các luận điệu xuyên tạc đi ngược lại với lợi ích quốc gia, dân tộc Việt Nam.

Thứ hai, về thái độ: Sinh viên có ý chí, bản lĩnh chính trị vững vàng, vượt qua mọi thử thách; củng cố niềm tin, lòng tự tôn, tự hào dân tộc, thái độ tích cực, nhiệt huyết trong việc bảo vệ và tuyên truyền bảo vệ chủ quyền biển, đảo, có “sức đề kháng” và sẵn sàng tác chiến trên không gian mạng trước những thông tin xuyên tạc. Sự thay đổi này phản ánh chức năng định hướng giá trị của tuyên truyền chính trị, biến tri thức thành động lực tinh thần.

Thứ ba, về hành vi: Sinh viên phát huy ý chí, sức mạnh, hành động chính trị nhiệt huyết của thế hệ trẻ, tích cực tham gia các hoạt động nghiên cứu khoa học, tình nguyện, các chiến dịch đấu tranh, phản bác thông tin sai lệch trên không gian mạng, đồng thời tuân thủ pháp luật về biển, đảo. Hành vi thực tiễn là

bằng chứng sinh động cho thấy tuyên truyền không chỉ dừng ở mức “hiếu” và “tin”, mà còn thúc đẩy “làm”.

Hơn nữa, kết quả tuyên truyền không chỉ được đo ở phạm vi đối tượng trực tiếp mà còn ở khả năng lan tỏa, mở rộng tầm ảnh hưởng nếu nội dung, phương thức tuyên truyền có tính hấp dẫn và tính thuyết phục cao. Sinh viên có thể trở thành “tác nhân thứ cấp” truyền đạt kiến thức, chia sẻ thông tin chính xác cho gia đình, bạn bè, cộng đồng; đồng thời sử dụng mạng xã hội để lan tỏa thông điệp tích cực. Khả năng nhân rộng này tạo nên dư luận xã hội đồng thuận, góp phần củng cố “trận địa tư tưởng” về biển, đảo.

Tóm lại, kết quả tuyên truyền chủ quyền biển, đảo cho sinh viên phải được đánh giá, xem xét trong cả quá trình để nhận thấy sự chuyển biến tích cực cả về nhận thức, thái độ, hành vi và khả năng lan tỏa của sinh viên. Chỉ khi đảm bảo đồng bộ trên các phương diện này, công tác tuyên truyền mới thực sự góp phần xây dựng niềm tin chính trị, bản lĩnh công dân và ý thức trách nhiệm bảo vệ chủ quyền biển, đảo của thế hệ trẻ.

2.1.2.5. Môi trường và các điều kiện đảm bảo cho hoạt động tuyên truyền hiệu quả

Kết quả tuyên truyền không chỉ phụ thuộc vào nội dung và phương thức, mà còn chịu tác động trực tiếp từ môi trường và các điều kiện bảo đảm. Đây là hai thành tố cấu trúc có tính nền tảng, quy định phạm vi, mức độ và chất lượng của quá trình tuyên truyền. Đối với tuyên truyền chủ quyền biển, đảo trong sinh viên, việc phân tích trên phương diện lý luận cho thấy: môi trường đóng vai trò là “không gian tác động”, còn các điều kiện bảo đảm là “nguồn lực vận hành”.

Về môi trường tuyên truyền:

Theo quan điểm xã hội học, môi trường là tổng thể các yếu tố chính trị, văn hoá, học thuật và xã hội tạo nên bối cảnh tác động. Đối với sinh viên, môi trường học thuật là cơ sở quan trọng, vì đây là nơi kiến thức khoa học được truyền đạt, phản biện và kiểm chứng. Một môi trường học thuật chuẩn mực sẽ bảo đảm tính chính thống, tính khoa học và tính định hướng của thông tin tuyên truyền. Bên cạnh đó, văn hoá nhà trường giữ vai trò hình thành hệ giá trị và chuẩn mực hành vi tập thể. Văn hoá học đường tích cực sẽ tạo bầu không khí thuận lợi cho việc tiếp nhận và lan tỏa thông điệp về biển, đảo. Môi trường chính trị - tư tưởng ổn định cũng là điều kiện tất yếu. Hơn nữa, khi hệ thống chính trị tạo được niềm tin xã hội, tuyên truyền mới có “đất” để phát huy hiệu

quả. Ngoài ra, trong bối cảnh toàn cầu hoá thông tin, môi trường mạng lành mạnh được coi như một không gian công cộng mới, nơi sinh viên có thể tiếp nhận và lan truyền tri thức. Nếu không kiểm soát và định hướng tốt, môi trường này dễ trở thành “kênh phản tác động”, làm suy giảm hiệu quả tuyên truyền.

Về các điều kiện bảo đảm:

Trước hết, nguồn lực tài chính và cơ sở vật chất là yếu tố vật chất - kỹ thuật, quyết định quy mô và chất lượng tổ chức các hoạt động tuyên truyền.

Thứ hai, đội ngũ cán bộ có chuyên môn là điều kiện nhân lực quan trọng, bởi chính họ là chủ thể trực tiếp thiết kế, triển khai và đánh giá hoạt động. Chất lượng tuyên truyền phụ thuộc chặt chẽ vào trình độ, kỹ năng và uy tín của đội ngũ này.

Thứ ba, sự phối hợp liên ngành giữa các chủ thể - bao gồm nhà trường, tổ chức đoàn thể, cơ quan truyền thông và cơ quan quản lý nhà nước - là biểu hiện của tính hệ thống trong công tác tư tưởng. Chỉ khi có sự đồng bộ về định hướng, hoạt động tuyên truyền mới tránh được sự rời rạc và tăng cường tính hiệu lực.

Thứ tư, cơ chế khuyến khích và chính sách rõ ràng là điều kiện thể chế, bảo đảm sự thống nhất về quyền lợi - trách nhiệm của các chủ thể tham gia. Một cơ chế minh bạch sẽ tạo động lực cho cán bộ và sinh viên tham gia tích cực, qua đó nâng cao hiệu quả tổng thể.

Tóm lại, xét từ góc độ lý luận, môi trường và các điều kiện bảo đảm là hai phương diện không thể tách rời, có quan hệ biện chứng trong quá trình tuyên truyền. Nếu môi trường là “không gian tiếp nhận”, thì điều kiện bảo đảm là “nguồn lực triển khai”. Sự kết hợp hài hòa giữa hai yếu tố này tạo ra nền tảng vững chắc cho công tác tuyên truyền chủ quyền biển, đảo Việt Nam hiện nay, bảo đảm tính khoa học, tính bền vững và hiệu quả chính trị - xã hội trong sinh viên.

2.2. Đổi mới phương thức tuyên truyền chủ quyền biển, đảo Việt Nam cho sinh viên các trường đại học - Khái niệm, vai trò và nội dung

2.2.1. Khái niệm đổi mới phương thức tuyên truyền chủ quyền biển, đảo Việt Nam cho sinh viên các trường đại học

- Khái niệm Đổi mới

Theo Đại Từ điển Tiếng Việt, “Đổi mới là thay đổi hoặc làm cho thay đổi tốt hơn, tiến bộ hơn so với trước, đáp ứng yêu cầu của sự phát triển” [146, tr.658]. Xét về mặt ngữ nghĩa, khái niệm này mang hai tầng nội hàm cơ bản: một là sự thay đổi, hai là sự tiến bộ vượt trội so với cái cũ. Như vậy, cốt lõi của

việc đổi mới chính là tổng hòa các hoạt động chủ động của con người nhằm cải biến những yếu tố cũ kỹ, lạc hậu và thay thế chúng bằng những giá trị mới mang tính phát triển cao hơn.

Thuật ngữ “Đổi mới” đã được Chủ tịch Hồ Chí Minh đưa vào vận dụng thực tiễn của đất nước ngay từ năm 1949 thông qua bài viết “Dân vận”. Người viết: *“Thế giới ngày càng đổi mới, nhân dân ta ngày càng tiến bộ cho nên chúng ta phải tiếp tục học và hành để tiến bộ kịp nhân dân”* [87, tr. 377]. Theo tư tưởng của Người, bản chất của đổi mới còn nằm ở việc quyết tâm vượt qua sức ỳ từ những nếp nghĩ, thói quen và tập quán cũ kỹ. Từ đó, cải biến lối sống cũ để xây dựng một phương thức sống văn minh, hiện đại hơn, đáp ứng kịp thời các đòi hỏi khách quan của sự phát triển.

Trên cơ sở tiếp thu và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh về “Đổi mới”, các nhà nghiên cứu nhận định rằng “Đổi mới” là quá trình thay thế những tư duy và phương thức hành động đã cũ kỹ, lạc hậu, không còn phù hợp với thực tiễn bằng những cách nghĩ, cách làm mới tiến bộ, đúng quy luật khách quan hơn. Tinh thần này đã được khẳng định mạnh mẽ tại Đại hội VI của Đảng, khi xem đổi mới là một nhiệm vụ có ý nghĩa sống còn. Đồng thời, Đảng ta cũng xác định rõ các khía cạnh cốt lõi của công cuộc này, bao gồm: đổi mới về tư duy (trước hết là tư duy kinh tế), cải tổ bộ máy tổ chức, kiện toàn đội ngũ cán bộ, cũng như đổi mới phương thức và tác phong lãnh đạo của Đảng. Từ dấu mốc lịch sử này, cụm từ “Đổi mới” đã trở thành thuật ngữ trung tâm, phổ biến sâu rộng trong các văn bản chính thức, trên truyền thông đại chúng lẫn đời sống giao tiếp thường nhật.

Suốt chặng đường 40 năm qua (1986 - 2026), tư duy và nhận thức của Đảng về “Đổi mới” đã có bước phát triển vượt bậc và ngày càng đi vào chiều sâu. Đây là một chiến lược mang tính dài hạn, bao trùm toàn diện lên mọi mặt của đời sống trong tiến trình xây dựng chủ nghĩa xã hội. Về bản chất, “Đổi mới” là việc kiên quyết xóa bỏ những yếu tố cản trở, kìm hãm để tái cấu trúc xã hội, từ đó tạo động lực thúc đẩy sự bứt phá mạnh mẽ; đồng thời giải phóng triệt để tư duy, lực lượng sản xuất cùng mọi tiềm năng sáng tạo nhằm phụng sự cho sự phát triển của con người và xã hội. Bên cạnh đó, đổi mới cũng đòi hỏi việc chấn chỉnh, sửa đổi những quan điểm chưa chính xác về giá trị truyền thống vốn mang tính đúng đắn, giúp thấu hiểu và vận dụng chúng hiệu quả hơn vào bối cảnh mới; đồng thời làm rõ các giá trị từng phù hợp trong quá khứ

nhưng nay đã lỗi thời do hoàn cảnh thay đổi để kịp thời bổ sung, phát triển. Tóm lại, công cuộc “Đổi mới” nhằm hướng đến hai mục tiêu: Về mặt lý luận, nhằm định hình hệ thống quan điểm đúng đắn về CNXH và con đường đi lên CNXH ở Việt Nam; về mặt thực tiễn, hiện thực hóa và xây dựng, củng cố vững chắc mô hình xã hội chủ nghĩa theo từng giai đoạn.

Từ góc độ nghiên cứu này, có thể quan niệm: *Đổi mới là quá trình thay đổi, cải tiến cách nghĩ, cách làm lạc hậu, lỗi thời hoặc không còn phù hợp với yêu cầu thực tiễn bằng cách nghĩ, cách làm khác hiệu quả, tiến bộ hơn và vận dụng linh hoạt, phù hợp, đáp ứng với yêu cầu thực tiễn mới.*

Trong đời sống xã hội, “Đổi mới” đôi khi được ví như một cuộc “cách mạng” tạo nên bước ngoặt lớn trên con đường phát triển của xã hội. Quá trình này không phủ nhận những thành tựu quá khứ mà tập trung giữ vững cái đúng, đào thải cái sai trong tư duy lẫn hành động. Đồng thời, đối với những điều không còn phù hợp dù từng đúng trước đây, đổi mới yêu cầu phải cải tiến nhận thức và phương pháp để thích ứng với bối cảnh mới. Chung quy lại, cốt lõi của đổi mới là cải thiện mọi thứ hiệu quả hơn, thực tế hơn và đảm bảo chặt chẽ tính khoa học, tính logic cũng như tính thuyết phục.

- *Khái niệm Đổi mới phương thức tuyên truyền chủ quyền biển, đảo Việt Nam cho sinh viên các trường đại học*

Theo quan điểm của tác giả Hà Đăng - Nguyên Trưởng Ban Tư tưởng - Văn hóa Trung ương: Muốn đổi mới công tác tuyên giáo cần tập trung vào bốn phương diện cốt lõi: *Trước hết*, phải thay đổi từ gốc rễ tư duy nhận thức về công tác tuyên giáo; *Thứ hai*, cần cải tiến phương thức triển khai và tác phong, lề lối làm việc. *Thứ ba*, chú trọng kiện toàn, nâng cao chất lượng đội ngũ nhân sự. *Thứ tư*, phải hiện đại hóa cơ sở vật chất, trang thiết bị đồng thời ban hành các cơ chế, chính sách đãi ngộ, động viên thỏa đáng cho đội ngũ cán bộ trong ngành. Các học giả nghiên cứu về công tác tuyên giáo nói chung, tuyên giáo nói riêng đã đề cập nội hàm của khái niệm đổi mới bao gồm: đổi mới nội dung, phương pháp, hình thức, phương tiện tuyên truyền, cơ chế phối hợp,...

Theo tác giả Phan Hoàng Quỳnh, “*Đổi mới phương thức giáo dục văn hóa chính trị cho sinh viên* là kế thừa có chọn lọc giá trị của phương pháp và hình thức giáo dục truyền thống, sáng tạo ra phương pháp và hình thức mới, sử dụng hợp lý các phương tiện giáo dục để nâng cao hiệu quả giáo dục văn hoá chính trị trong điều kiện biến đổi của môi trường [102, tr.58].

Theo Giáo trình Xây dựng Đảng Cộng sản Việt Nam, “*Đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng* trong điều kiện mới là toàn bộ hoạt động của Đảng và những tổ chức có liên quan nhằm thay đổi từng phần hoặc toàn bộ một nội dung nào đó của phương thức lãnh đạo hiện có theo hướng tích cực, tiến bộ, bảo đảm cho sự lãnh đạo của Đảng đem lại kết quả cao hơn, nhằm thực hiện thắng lợi nhiệm vụ cách mạng” [66, tr.62].

Từ những quan niệm, góc độ nghiên cứu của nhiều tác giả về “đổi mới”, “đổi mới phương thức giáo dục văn hóa chính trị cho sinh viên”, “đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng” và “phương thức tuyên truyền” đã nêu ở phần trên, có thể đưa ra khái niệm “*Đổi mới phương thức tuyên truyền chủ quyền biển, đảo Việt Nam cho sinh viên các trường đại học*” như sau:

Đổi mới phương thức tuyên truyền chủ quyền biển, đảo Việt Nam cho sinh viên các trường đại học là quá trình các chủ thể tuyên truyền cải tiến, bổ sung, phát triển và vận dụng linh hoạt các phương pháp, hình thức, phương tiện tuyên truyền mới, đan xen giữa phương thức tuyên truyền truyền thống và hiện đại, ứng dụng khoa học - công nghệ và truyền thông số nhằm nâng cao tính hấp dẫn, tính thuyết phục và hiệu quả trong việc truyền bá hệ thống tri thức, quan điểm, đường lối, chính sách, pháp luật và giá trị lịch sử - văn hóa về chủ quyền biển, đảo Việt Nam đến sinh viên các trường đại học, góp phần nâng cao nhận thức, củng cố niềm tin, thái độ chính trị và hành động đúng đắn của sinh viên trong sự nghiệp bảo vệ chủ quyền biển, đảo của Tổ quốc.

2.2.2. Vai trò của đổi mới phương thức tuyên truyền chủ quyền biển, đảo Việt Nam cho sinh viên các trường đại học

Nhìn tổng thể, sinh viên Việt Nam đại diện cho một tầng lớp xã hội mang tính đặc thù cao, bởi họ là lực lượng nòng cốt hình thành nên đội ngũ trí thức tương lai của đất nước. Sinh ra và lớn lên trong thời bình, sinh viên có nhiều cơ hội để học tập và lĩnh hội tri thức tốt hơn. Về góc độ tâm lý, sinh viên có phản ứng xúc cảm và những phương thức biểu hiện trạng thái xúc cảm tốt hơn thiếu niên bởi sự nâng cao tính tự kiểm tra, tự điều chỉnh qua bộ lọc cá nhân. Dù vậy, sinh viên lại thường mang tâm lý nôn nóng, vội vã, dễ bị kích động, nhẹ dạ và đôi khi thiếu khả năng tự chủ. Cùng với đó, họ cũng rất hay chủ quan và tự phụ. Nếu không nhận được sự định hướng đúng lúc, đúng đắn, quá trình tiếp thu cái mới của người học rất dễ rơi vào những sai sót hoặc có thái độ thái quá. Mặt khác, chính sự hạn chế về vốn sống và kinh nghiệm thực tiễn khiến giới

trẻ dễ hình thành tư tưởng “dễ dãi”, thiếu chọn lọc khi tiếp cận các trào lưu văn hóa đa dạng, bao gồm cả những yếu tố tích cực lẫn tiêu cực. Họ có xu hướng lý tưởng hóa và đầy nhiệt huyết với tương lai, nhưng cũng là đối tượng dễ rơi vào trạng thái chán nản, thất vọng hay hoài nghi khi đối mặt với thực tế.

Về phương pháp tuyên truyền, đến nay, vẫn còn nhiều nội dung tuyên truyền chủ quyền biển, đảo thông qua sách giáo khoa, giáo trình hay các bài giảng, bài tuyên truyền nghị quyết định kỳ đã cũ, chưa cập nhật nội dung mới, thời sự dễ dẫn đến sự nhầm lẫn trong cách truyền đạt và lĩnh hội kiến thức cho sinh viên, đặc biệt là các vấn đề điểm nóng, tình hình căng thẳng trên Biển Đông hiện nay, cần phải có phương thức tuyên truyền hiện đại, đổi mới để sinh viên dễ dàng tiếp cận, cập nhật và tăng cường sức đề kháng, miễn nhiễm trước thông tin trái chiều. Hơn nữa, với sức mạnh vượt trội của trí tuệ nhân tạo, các tin giả, bịa đặt ngày càng tràn lan trên mạng xã hội. Nếu không có “một quả tim nóng và một cái đầu lạnh” thì sinh viên rất dễ bị lung lay, hoài nghi và mất cảnh giác cách mạng, dễ dàng bị các thế lực thù địch xúi giục, kích động dẫn đến các thái độ, hành vi lệch lạc, thậm chí vi phạm pháp luật, đi ngược lại đường lối chiến lược bảo vệ Tổ quốc trên hướng biển của ta trong tình hình mới.

Nghị quyết số 71-NQ/TW của Bộ Chính trị về “*đột phá phát triển giáo dục và đào tạo*” (gọi tắt là Nghị quyết số 71-NQ/TW) đã nhấn mạnh:

Trong bối cảnh thế giới có những thay đổi sâu sắc, toàn diện, đặc biệt công nghệ số và trí tuệ nhân tạo đang tái định hình nền giáo dục trên phạm vi toàn cầu, mỗi quốc gia đều phải xác định lại tầm nhìn và chiến lược mới cho hệ thống giáo dục trong tương lai. Đất nước ta đang đứng trước vận hội lịch sử để phát triển bứt phá, yêu cầu xây dựng con người, xây dựng nguồn nhân lực đặt ra rất quan trọng và cấp bách, đòi hỏi phải đột phá phát triển giáo dục và đào tạo góp phần xây dựng thể hệ con người Việt Nam mới có lòng yêu nước và tự hào dân tộc, đủ bản lĩnh, trí tuệ, năng lực, trình độ, sức khỏe để đáp ứng yêu cầu xây dựng, phát triển đất nước và bảo vệ Tổ quốc trong giai đoạn phát triển mới [8, tr.1-2].

Cùng với đó, Bộ Chính trị đề xuất các nhiệm vụ, giải pháp cụ thể, trong đó yêu cầu đổi mới mạnh mẽ tư duy, chuyển đổi số toàn diện, phổ cập và ứng dụng mạnh mẽ công nghệ số, trí tuệ nhân tạo trong giáo dục và đào tạo. Yêu cầu này càng khẳng định tính cấp thiết của việc đổi mới phương thức tuyên truyền chủ

quyền biển, đảo Việt Nam cho sinh viên các trường đại học hiện nay, bởi sự cải tiến phương thức tuyên truyền trong nhà trường sẽ tạo nên sự đột phá, đổi mới sáng tạo, hiện đại hóa nội dung tuyên truyền, từ đó tăng tính hấp dẫn, thu hút đông đảo sinh viên quan tâm, tăng tính hiệu quả của công tác tuyên truyền, đáp ứng mục đích, mục tiêu đặt ra thay vì những nội dung, phương pháp tuyên truyền rập khuôn lý luận, không phù hợp với thể hệ sinh viên năng động ngày nay. Kết quả tích cực của việc đổi mới phương thức tuyên truyền này còn góp phần nâng cao nhận thức, bồi đắp niềm tin, thái độ và hành vi đúng đắn cho sinh viên trong công cuộc gìn giữ chủ quyền biển, đảo thiêng liêng của Tổ quốc.

Tựu trung, đổi mới phương thức tuyên truyền chủ quyền biển, đảo Việt Nam cho sinh viên các trường đại học hiện nay có vai trò rất quan trọng, góp phần mang lại hiệu quả và những giá trị tích cực mà sự đổi mới này mang lại:

Một là, đổi mới phương thức tuyên truyền chủ quyền biển, đảo góp phần thay đổi tư duy tuyên truyền một chiều sang tương tác đa chiều, nâng cao tính hấp dẫn và hiệu quả tiếp nhận thông tin của sinh viên

Phương thức tuyên truyền giữ vai trò là cấu trúc vận hành tổng hợp, quyết định tính chất của dòng chảy thông tin giữa chủ thể và đối tượng. Đối với sinh viên, các phương thức truyền thống mang tính độc thoại, một chiều thường tạo ra một “khoảng cách nhận thức” lớn, làm giảm khả năng lĩnh hội các tri thức pháp lý, lịch sử biển, đảo vốn mang tính chuyên sâu và hàn lâm. Ở trường đại học, sinh viên được xác định đóng vai trò trung tâm trong hoạt động giáo dục, tuyên truyền. Do đó, vai trò cốt lõi của việc đổi mới phương thức tuyên truyền là nhằm phá vỡ sự cứng nhắc của việc truyền thụ một chiều, người thầy không còn đóng vai trò trung tâm, thay vào đó, thiết lập cơ chế đối thoại, trao đổi đa chiều thông qua việc tích hợp đồng bộ giữa phương pháp khoa học, hình thức sinh động và phương tiện công nghệ hiện đại. Quá trình chuyển đổi mang tính hệ thống đó giữ vai trò kích hoạt tính tự giác, chủ động của sinh viên, biến việc tiếp thu kiến thức về chủ quyền biển, đảo thành nhu cầu tự tìm tòi, lĩnh hội tri thức, đổi mới tư duy của thế hệ trẻ. Từ đó, phương thức mới nâng cao tối đa hiệu quả lan tỏa, bảo đảm cho nội dung tuyên truyền về chủ quyền biển, đảo quốc gia vừa giữ nguyên tính chính trị, học thuật, vừa dễ dàng bám rễ sâu vào tư duy lý luận của họ.

Hai là, đổi mới phương thức tuyên truyền chủ quyền biển, đảo góp phần đa dạng hóa các phương thức truyền thống và hiện đại, tạo môi trường trải nghiệm và tăng “sức đề kháng”, đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch

Việc đa dạng hóa và đan xen, kết hợp giữa các giá trị bền vững của phương thức tuyên truyền truyền thống với sự linh hoạt của phương thức tuyên truyền hiện đại giữ vai trò cốt lõi để bao quát đối tượng. Đối với sinh viên đại học, việc giảm tải lượng lý thuyết giáo dục lý luận chính trị; thay vào đó, tăng không gian tương tác sinh động bởi các phương pháp, hình thức, phương tiện mới, hiện đại đóng vai trò tạo ra một môi trường trải nghiệm thực tiễn phong phú, giúp chuyển hóa tri thức thành hành động. Sinh viên được tiếp cận các giá trị lịch sử, truyền thống đấu tranh gìn giữ chủ quyền biển, đảo kiên cường của dân tộc, đặc biệt là những tấm gương hy sinh, cống hiến để bảo vệ từng tấc đất, tấc biển chủ quyền lãnh thổ thiêng liêng của Tổ quốc bằng công nghệ số, hình thức, phương tiện, công cụ giúp sinh viên ghi nhớ lâu hơn, tạo sự lan tỏa đồng bộ sâu rộng, khơi gợi lòng yêu nước và niềm tự hào dân tộc nhanh hơn. Trong bối cảnh không gian mạng đang bị các thế lực cơ hội, phản động lợi dụng triệt để nhằm bóp méo vấn đề Biển Đông, hệ thống phương thức đa dạng này có vai trò như một màng lọc tư tưởng chủ động mang tính dự báo cao. Sự đổi mới hệ thống công cụ, phương tiện tuyên truyền chủ quyền biển, đảo đóng vai trò như “lá chắn thép” giúp thế hệ trẻ có nền tảng luận cứ khoa học và bản lĩnh chính trị vững vàng từ sớm, từ xa. Qua đó, phương thức tuyên truyền mới sẽ góp phần nâng cao sức đề kháng, hình thành tư duy phản biện sắc bén để sinh viên chủ động nhận diện bản chất và kiên quyết đấu tranh phản bác có hiệu quả trước mọi luận điệu bôi nhọ, xuyên tạc của các thế lực thù địch về vấn đề chủ quyền quốc gia. Kết quả đổi mới phương thức tuyên truyền cho sinh viên cũng có sự tác động tích cực trở lại đối với chủ thể tuyên truyền, củng cố niềm tin, bản lĩnh và trách nhiệm của nhà giáo dục đối với công tác tuyên truyền chủ quyền biển, đảo trong nhà trường đại học.

Ba là, đổi mới phương thức tuyên truyền chủ quyền biển, đảo góp phần là cầu nối biện chứng, thúc đẩy tinh thần xung kích, chuyển hóa nhận thức lý luận thành hành động thực tiễn gắn với chuyên môn trong quá trình nghiên cứu và học tập

Mọi công tác giáo dục, tuyên truyền chính trị đều hướng đến mục đích cuối cùng là hành vi. Nếu phương thức tuyên truyền chỉ dừng lại ở phạm vi lý thuyết trên giảng đường, nhận thức của sinh viên sẽ bị đóng băng, khép kín ở tầng tư duy, chưa thật sự tạo ra giá trị vật chất thực tiễn cho sự nghiệp bảo vệ và phát triển đất nước. Vận dụng linh hoạt và đổi mới các phương thức tuyên truyền chủ quyền biển, đảo sẽ tạo sức thuyết phục và lan tỏa niềm tin đến sinh viên thông qua hành động cụ thể, bằng phương pháp gần gũi, nhân văn, thay vì chỉ thông qua các hình thức tuyên truyền cứng nhắc, cũ kỹ, truyền thống. Có như vậy, sức thu hút của nội dung, chủ đề tuyên truyền mới đạt hiệu quả cao, khơi gợi và củng cố tinh thần trách nhiệm của sinh viên sau khi tích cực tham gia các hoạt động bổ ích do nhà trường tổ chức. Sự đổi mới này đóng vai trò định hướng, gợi mở để sinh viên biết cách vận dụng kiến thức chuyên môn ngành học của mình vào việc tham gia bảo vệ và phát triển kinh tế biển bền vững theo đúng đường lối, chủ trương, Nghị quyết của Đảng. Hơn nữa, phương thức tuyên truyền hấp dẫn sẽ thay đổi vị trí của sinh viên từ đối tượng tuyên truyền sang chủ thể tuyên truyền, đóng vai trò như “chất xúc tác”, phát huy tính tích cực của họ đối với cộng đồng, khích lệ, động viên, tuyên truyền rộng rãi đến bạn bè, gia đình, xã hội cùng tham gia bảo vệ chủ quyền biển, đảo bằng hành động cụ thể. Việc tham gia kiểm chứng thông tin, viết các công trình nghiên cứu, bài viết đấu tranh hoặc chia sẻ kiến thức chính thống về chủ quyền biển, đảo Việt Nam trên mạng xã hội chính là biểu hiện cụ thể của trách nhiệm công dân. Do đó, đổi mới phương thức tuyên truyền vừa là công cụ định hướng niềm tin, vừa là động lực hình thành thái độ và trách nhiệm của sinh viên đối với chủ quyền biển, đảo trong bối cảnh mới.

2.2.3. Nội dung đổi mới phương thức tuyên truyền chủ quyền biển, đảo Việt Nam cho sinh viên các trường đại học

2.2.3.1. Đổi mới tư duy, nhận thức của các chủ thể và đối tượng tuyên truyền về tầm quan trọng của hoạt động tuyên truyền chủ quyền biển, đảo Việt Nam cho sinh viên các trường đại học

Một là, đổi mới tư duy, nhận thức của các chủ thể tuyên truyền

Trước bối cảnh tình hình thế giới và khu vực Biển Đông có nhiều biến động phức tạp, khó lường, việc bảo vệ vững chắc chủ quyền quốc gia không chỉ là nhiệm vụ của các lực lượng vũ trang mà là trách nhiệm của toàn Đảng, toàn dân. Ở trường đại học, chủ thể tuyên truyền (Đảng ủy, Ban Giám hiệu, Ban

Chủ nhiệm khoa, giảng viên, cán bộ Đoàn - Hội,...) là những người quán triệt, triển khai và định hướng thông tin tuyên truyền. Sự đổi mới tư duy, nhận thức của các chủ thể về tầm quan trọng của hoạt động tuyên truyền chủ quyền biển, đảo Việt Nam là tiền đề cho mọi sự thay đổi khác.

Đổi mới nhận thức, tư duy của chủ thể tuyên truyền chính là đòi hỏi các chủ thể quản lý, đặc biệt là cấp ủy Đảng, Ban Giám hiệu, Đoàn Thanh niên, Hội Sinh viên phải phá vỡ tư duy xem công tác tuyên truyền biển, đảo là hoạt động mang tính phong trào ngắn hạn. Nhận thức mới cần quán triệt sâu sắc tinh thần các nghị quyết chiến lược của Đảng, xác định không gian biển không chỉ là nguồn tài nguyên mà là chủ quyền thiêng liêng quốc gia, là bộ phận không thể tách rời của lãnh thổ Việt Nam. Từ đó, chủ thể tuyên truyền phải đặt công tác giáo dục chính trị, tư tưởng này thành một nhiệm vụ thường xuyên, mang tính chiến lược dài hạn trong chiến lược phát triển giáo dục toàn diện của nhà trường. Nhận thức của chủ thể cần chuyển đổi từ tư duy cung cấp tư liệu lý luận chung sẵn có sang tư duy cung cấp thông tin thời sự mà sinh viên và xã hội quan tâm, gắn liền với việc xây dựng thế giới quan, nhân sinh quan cách mạng, bản lĩnh chính trị vững vàng cho thế hệ trẻ. Chủ thể tuyên truyền phải tự ý thức nâng cao trình độ lý luận, cập nhật kịp thời các thông tin chính thống về biển, đảo theo đường lối, chủ trương của Đảng. Có như vậy, định hướng nội dung mới bảo đảm tính chính xác, tính chiến đấu và tính thuyết phục cao. Đồng thời, chủ thể tuyên truyền phải coi sinh viên là những người đồng kiến tạo tri thức, chứ không chỉ là đối tượng thụ động.

Hai là, đổi mới tư duy, nhận thức của đối tượng tuyên truyền

Đối với sinh viên, việc đổi mới nhận thức đòi hỏi phải chuyển hóa từ nhận thức cảm tính sang nhận thức lý tính, từ yêu nước mang tính tự phát sang yêu nước tự giác, khoa học và đúng đắn. Hiện nay, thế hệ trẻ rất nhạy bén với thông tin nhưng cũng dễ bị tác động bởi các luận điệu xuyên tạc, kích động của các thế lực thù địch trên không gian mạng. Do đó, tư duy của sinh viên phải được định hướng để họ hiểu rằng việc bảo vệ chủ quyền biển, đảo không chỉ là nhiệm vụ của Đảng, Nhà nước và càng không phải là công việc đặc thù của lực lượng hải quân, cảnh sát biển, mà là quyền lợi và nghĩa vụ của công dân Việt Nam gắn với tương lai phát triển bền vững của đất nước. Đổi mới tư duy, nhận thức giúp sinh viên hình thành ý thức tự đề kháng trước các thông tin xấu độc, âm mưu “diễn biến hòa bình”, nhận diện rõ ranh giới giữa lòng yêu nước chân

chính với các hành vi cực đoan, kích động tinh thần dân tộc hẹp hòi. Khi nhận thức được nâng tầm, sinh viên sẽ không còn thụ động ngồi nghe trong các buổi sinh hoạt chính trị, mà chủ động tìm tòi, nghiên cứu các tài liệu lịch sử, pháp lý quốc tế, từ đó tự tin trở thành những tuyên truyền viên tích cực trong cộng đồng. Sự chuyển biến tư duy này biến quá trình “được tuyên truyền” thành quá trình “tự tuyên truyền”, lan tỏa sâu rộng tình yêu biển, đảo và tinh thần trách nhiệm bảo vệ Tổ quốc trong tầng lớp trí thức trẻ. Sự đổi mới nằm ở việc sinh viên nhận thức được mối liên hệ mật thiết giữa sự phát triển kinh tế - xã hội trên biển, đảo gắn với củng cố, đảm bảo quốc phòng, an ninh và ngược lại, nhận thức được vấn đề “bờ yên - biển lặng” để phát triển đất nước trong bối cảnh hiện nay.

2.2.3.2. Kế thừa và phát triển các phương pháp, hình thức, phương tiện truyền thống trong tuyên truyền chủ quyền biển, đảo Việt Nam cho sinh viên các trường đại học

Một là, kế thừa có chọn lọc các phương pháp, hình thức tuyên truyền truyền thống mang tính chính quy, bài bản và nâng tầm phù hợp với thực tiễn

Trong quá trình đổi mới, việc phủ nhận sạch trơn các giá trị cũ là một sai lầm về mặt phương pháp luận. Các phương thức tuyên truyền truyền thống như giảng dạy lồng ghép trong các môn học Lý luận chính trị (Chủ nghĩa Mác-Lênin, Tư tưởng Hồ Chí Minh, Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam,...), các buổi báo cáo thời sự chuyên đề, hay hệ thống phát thanh nội bộ của nhà trường vẫn giữ vai trò nền tảng vững chắc. Tính chính quy, hệ thống và chuẩn mực khoa học của các phương pháp này giúp thông tin đến với sinh viên một cách chính thống, không bị bóp méo. Tuy nhiên, sự kế thừa phải đi đôi với phát triển. Thay vì những bài giảng thuyết trình một chiều từ giảng viên, cần phát triển thành các phương pháp đối thoại, thảo luận, seminar khoa học - nơi sinh viên được quyền đặt câu hỏi, tranh biện về các vấn đề nóng của Biển Đông dưới sự định hướng lý luận của các chuyên gia. Các buổi báo cáo thời sự không thể chỉ quán triệt, trình bày lại văn bản nghị quyết của Đảng mà phải được số hóa tư liệu, phân tích sâu về bối cảnh quốc tế và các động thái địa chính trị, giúp sinh viên nắm bắt được bản chất của vấn đề một cách hệ thống, sâu sắc.

Hai là, hiện đại hóa và nâng cấp các phương tiện tuyên truyền trực quan truyền thống đáp ứng thị hiếu và xu hướng tiếp cận của thế hệ trẻ

Các phương tiện trực quan truyền thống như hệ thống panô, áp phích, bảng tin, phòng truyền thống hay thư viện trường học cần được cải tiến, đổi

mới mạnh mẽ để không trở nên khô khan, hình thức. Việc cần đổi mới ở đây là ứng dụng tư duy thiết kế hiện đại, tinh gọn, thay thế những biểu ngữ khẩu hiệu nặng nề bằng các hình ảnh đồ họa trực quan (infographics), sơ đồ tư duy tóm tắt cơ sở pháp lý lịch sử sinh động,... Hệ thống tủ sách về chủ đề biển, đảo tại thư viện các trường đại học không chỉ dừng lại ở việc lưu trữ sách in mà cần được số hóa, xây dựng các danh mục sách điện tử để sinh viên dễ dàng truy cập từ xa. Việc duy trì các cuộc thi tìm hiểu dưới dạng bài viết truyền thống cần được nâng cấp về chất lượng, gắn liền với việc yêu cầu sinh viên đề xuất các giải pháp khả thi, mang tính ứng dụng thực tiễn trong việc bảo vệ chủ quyền và phát triển kinh tế biển. Kế thừa để giữ vững định hướng chính trị vững chắc, phát triển để gia tăng tính hấp dẫn, kéo gần khoảng cách giữa lý luận chính trị với đời sống học đường của sinh viên.

Ba là, kế thừa và phát triển phương pháp nêu gương, giáo dục qua nhân chứng lịch sử và các gương điển hình tiên tiến trong phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc, bảo vệ chủ quyền biển, đảo

Phương pháp tuyên truyền thông qua những tấm gương người thật, việc thật luôn có sức lay động mạnh mẽ đến tâm tư, tình cảm của người học, đây là một giá trị truyền thống quý báu cần được kế thừa sâu sắc. Tuy nhiên, trong giai đoạn hiện nay, phát triển phương pháp này đòi hỏi không chỉ dừng lại ở việc kể lại những câu chuyện lịch sử hào hùng qua trang sách, mà phải đưa những nhân chứng sống vào đời sống học đường của sinh viên một cách tự nhiên và sinh động. Nội dung đổi mới phương thức này đòi hỏi Nhà trường cần phát triển các hình thức giao lưu, đối thoại trực tiếp giữa sinh viên với các cựu chiến binh, các chiến sĩ Hải quân, Biên phòng, Cảnh sát biển công tác tại thực địa, hay các nhà khoa học, nhà biên khảo có nhiều năm nghiên cứu về bằng chứng lịch sử Hoàng Sa, Trường Sa. Bên cạnh đó, việc nêu gương phải được mở rộng ra chính những tấm gương trẻ tuổi: những sinh viên có công trình nghiên cứu khoa học xuất sắc về biển, đảo, những thủ lĩnh thanh niên năng nổ trong các phong trào tình nguyện hướng về biên giới, hải đảo. Sự đổi mới phương pháp này giúp hình tượng người chiến sĩ và những người lao động trên biển trở nên gần gũi, chân thực, loại bỏ tính giáo điều, xa rời thực tế, từ đó khơi dậy trong lòng sinh viên khát vọng cống hiến, tự soi rọi và điều chỉnh hành vi, trách nhiệm của bản thân đối với vận mệnh quốc gia.

Bốn là, phát triển và tối ưu hóa hệ thống thiết chế văn hóa, thông tin sẵn có trong nhà trường thành các trung tâm tư liệu biển, đảo thu nhỏ

Hệ thống thiết chế văn hóa trong các trường đại học bao gồm phòng truyền thống, câu lạc bộ, hội trường, hệ thống bản tin, thư viện từ trước đến nay thường hoạt động biệt lập và chưa phát huy hết công năng trong công tác giáo dục chủ quyền. Đổi mới phương thức tuyên truyền này chính là tiến hành một cuộc cải tổ, tích hợp các thiết chế này thành một mạng lưới truyền thông thống nhất, có chiều sâu chính trị. Thư viện truyền thống phải được nâng cấp với đầy đủ các ấn phẩm, bản đồ, sách trắng quốc phòng, các văn bản luật pháp quốc tế để sinh viên dễ dàng tra cứu. Các bảng tin học đường không chỉ đăng tải thông báo hành chính mà cần dành những không gian trang trọng được thiết kế bắt mắt để cập nhật nhật ký thực địa, hình ảnh sinh hoạt của quân và dân trên các đảo tiền tiêu. Hệ thống phát thanh nội bộ cần phát triển các chuyên mục định kỳ, sử dụng âm thanh, kỹ thuật dựng hiện đại, kết hợp giữa âm nhạc biển, đảo và các bản tin thời sự chính thống, ngắn gọn. Việc tối ưu hóa các phương tiện sẵn có này giúp cho không gian học đường của sinh viên luôn tràn ngập những tín hiệu văn hóa mang thông điệp chủ quyền, biến những cơ sở vật chất vô tri thành những công cụ tuyên truyền trực quan có tính giáo dục, thuyết phục cao đối với sinh viên mỗi ngày.

2.2.3.3. Sáng tạo những phương pháp, hình thức, phương tiện mới trong tuyên truyền chủ quyền biển, đảo Việt Nam cho sinh viên các trường đại học

Một là, tăng cường sử dụng các phương pháp tích cực, lấy đối tượng tuyên truyền làm trung tâm, mở rộng diễn đàn trao đổi trực tuyến

Phương pháp này phản ánh xu hướng chuyển đổi từ “truyền đạt một chiều” sang “tương tác hai chiều”. Với sinh viên, sự chủ động, sáng tạo và tính phản biện cần được khuyến khích, do đó các phương pháp như thảo luận nhóm, nghiên cứu tình huống, phản biện học thuật hay diễn đàn trao đổi trực tuyến sẽ phát huy vai trò tích cực, tăng số lượng quan tâm và tương tác của sinh viên đối với vấn đề chính trị của quốc gia trong khuôn khổ giáo dục, giám sát của nhà trường. Đây là sự vận dụng nguyên tắc “lấy người học làm trung tâm”, coi sinh viên không chỉ là đối tượng tiếp nhận mà còn là chủ thể tham gia kiến tạo tri thức. Nhờ vậy, kiến thức về bảo vệ chủ quyền biển, đảo không dừng lại ở mức thông tin tuyên truyền, mà trở thành nhận thức cá nhân và động lực hành động.

Hai là, sáng tạo các hình thức tuyên truyền dựa trên nền tảng công nghệ số và truyền thông đa phương tiện

Bước vào kỷ nguyên số, không gian mạng internet và các nền tảng mạng xã hội (Facebook, TikTok, Zalo, YouTube,...) trở thành mặt trận hàng đầu của công tác tư tưởng. Do đó, việc sáng tạo các hình thức tuyên truyền mới là một đòi hỏi mang tính cấp bách. Sinh viên có xu hướng thích sự mới mẻ và tính tương tác cao, do đó các hình thức tuyên truyền, giáo dục đa dạng, phong phú thông qua các cuộc thi trực tuyến trên các nền tảng như thi tìm hiểu nghị quyết, phổ biến, tuyên truyền pháp luật về chủ quyền biển, đảo; hay cuộc thi sáng tạo nội dung số sẽ tạo ra môi trường vừa học hỏi vừa trải nghiệm sáng tạo, phong phú. Đây là sự vận dụng nguyên tắc “trải nghiệm - nhập vai” giúp sinh viên không chỉ là đối tượng tuyên truyền mà còn là chủ thể trực tiếp tham gia công tác tuyên truyền. Điều này có tác dụng làm bền vững niềm tin, củng cố thái độ và trách nhiệm chính trị của sinh viên đối với vấn đề chủ quyền. Hình thức tuyên truyền mới cũng góp phần mở rộng phạm vi ảnh hưởng của tuyên truyền khi thông điệp có thể lan tỏa mạnh mẽ qua mạng xã hội, cộng đồng trực tuyến.

Ba là, phát triển đa dạng các phương tiện tuyên truyền số

Cơ sở lý luận của sự đa dạng hóa phương tiện xuất phát từ yêu cầu “toàn diện” trong công tác tuyên truyền, tức là phải phù hợp với tính phân hóa trong nhu cầu, trình độ và cách thức tiếp nhận của từng nhóm đối tượng. Đối với sinh viên, sự đa dạng này thể hiện ở việc kết hợp đồng thời các kênh truyền thống (báo, tờ rơi, bảng tin, triển lãm trực quan) với các kênh hiện đại (livestream, diễn đàn học thuật trực tuyến, infographic, storymap,...). Về bản chất, phát triển đa dạng phương tiện không chỉ nhằm tăng số lượng kênh truyền thông, mà còn để đáp ứng nguyên tắc linh hoạt, phong phú, đa dạng - một nguyên tắc cốt lõi bảo đảm tính hấp dẫn và thuyết phục trong tuyên truyền chính trị - tư tưởng.

Nhà trường và các tổ chức Đoàn, Hội cần chủ động đổi mới, xây dựng, vận hành các kênh truyền thông chính thống trên mạng xã hội với nội dung phong phú, bắt kịp xu hướng giới trẻ nhưng vẫn bảo đảm tính định hướng chính trị sâu sắc. Cần thay thế các bài viết dài bằng các sản phẩm truyền thông ngắn gọn, có tính tương tác cao như video ngắn (reels, shorts), podcasts chuyên đề, ứng dụng công nghệ thực tế ảo (VR) và thực tế tăng cường (AR) để mô phỏng lại các bảo tàng biển đảo, giúp sinh viên có trải nghiệm như đang đứng tại cột mốc chủ quyền Trường Sa ngay tại không gian giảng đường. Việc

ứng dụng AI, Chatbot để giải đáp các câu hỏi tự động về luật biển quốc tế, luật biển Việt Nam hay minh chứng lịch sử khẳng định chủ quyền biển, đảo quốc gia cũng là một bước đột phá lớn, tạo ra sự chủ động cho sinh viên trong việc tiếp cận tri thức lý luận.

2.2.3.4. Lồng ghép, phối hợp hiệu quả các phương pháp, hình thức, phương tiện trong tuyên truyền chủ quyền biển, đảo Việt Nam cho sinh viên các trường đại học

Một là, thực hiện cơ chế phối hợp liên ngành, đa lực lượng giữa nhà trường với các cơ quan chuyên trách, đơn vị lực lượng vũ trang trên biển

Hoạt động tuyên truyền biển, đảo cho sinh viên không thể đạt hiệu quả tối ưu nếu chỉ tiến hành độc lập trong phạm vi một trường đại học. Sự đổi mới đòi hỏi phải thiết lập một cơ chế phối hợp đồng bộ, chặt chẽ, mang tính hệ thống giữa nhà trường với Bộ Giáo dục và Đào tạo, Ban Tuyên giáo và Dân vận các cấp, Quân chủng Hải quân, các cơ quan thông tấn báo chí và các tổ chức chính trị - xã hội khác. Thông qua sự phối hợp này, nhà trường có thể tiếp cận được nguồn thông tin chính thống, có tính bảo mật phù hợp và cập nhật liên tục về tình hình thực địa. Các chương trình ký kết nghĩa, phối hợp tổ chức hoạt động ngoại khóa, thực tiễn cần được tổ chức thường xuyên, tạo điều kiện cho các đoàn đại biểu sinh viên ưu tú trực tiếp đến thăm, giao lưu với các chiến sĩ tại các đảo, nhà giàn DK1. Sự kết hợp giữa lý luận của giảng viên đại học và những trải nghiệm thực tế sinh động của người lính biển sẽ tạo nên một hiệu ứng tuyên truyền sâu sắc, củng cố niềm tin và lòng trung thành tuyệt đối của thế hệ trẻ vào đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước.

Hai là, lồng ghép tích hợp nội dung tuyên truyền chủ quyền biển, đảo vào toàn bộ chương trình giáo dục đào tạo và các hoạt động ngoại khóa một cách khoa học

Nội dung tuyên truyền cần được thấm thấu một cách tự nhiên nhưng đầy dụng ý sư phạm vào cấu trúc chương trình đào tạo của tất cả các ngành học, không chỉ giới hạn ở khối ngành khoa học xã hội và nhân văn. Đối với ngành luật, lồng ghép nghiên cứu chuyên sâu về luật quốc tế, tranh chấp lãnh hải; đối với ngành kinh tế, hướng tới tư duy phát triển kinh tế biển xanh, logistics hàng hải; đối với ngành môi trường, gắn liền với bảo vệ hệ sinh thái biển, biến đổi khí hậu; đối với ngành y tế sức khỏe, gắn liền với hoạt động cứu hộ, cứu nạn, đời sống an sinh trên biển, đảo,... Sự phối hợp này tạo ra một chỉnh thể giáo

dục thống nhất, giúp sinh viên nhìn nhận vấn đề chủ quyền dưới nhiều góc độ chuyên môn khác nhau, nâng cao tính thực tiễn của tri thức. Đồng thời, cần lồng ghép chặt chẽ giữa hoạt động dạy học chính khóa với các hoạt động ngoại khóa của Đoàn, Hội như các chiến dịch tình nguyện “Mùa hè xanh”, “Hoa phượng đỏ” tại các xã đảo, vùng ven biển, tạo ra một không gian rèn luyện toàn diện, giúp sinh viên vừa cống hiến tri thức chuyên môn vừa bồi đắp lòng yêu nước, ý thức giữ gìn toàn vẹn lãnh thổ.

Ba là, tổ chức các phương pháp, hình thức, sử dụng các phương tiện tuyên truyền mang tính trải nghiệm thực tế, sáng tạo học thuật và các hoạt động văn hóa nghệ thuật, hội thao quốc phòng đảm bảo chất lượng cao

Không chỉ dừng lại ở lý thuyết trên giảng đường, sự đổi mới, sáng tạo cần hướng tới các phương pháp, hình thức tuyên truyền mang tính trải nghiệm sâu sắc, tác động mạnh mẽ vào tâm tư, tình cảm của sinh viên. Đó là việc tổ chức các cuộc thi thiết kế ấn phẩm (phác thảo bản đồ số, video, tranh cổ động, infographic,... về chủ quyền biển, đảo Việt Nam trên website, nền tảng mạng xã hội. Khuyến khích sinh viên các khối ngành tự nhiên - kỹ thuật, kinh tế tham gia nghiên cứu khoa học, đề xuất các dự án xanh, giải pháp công nghệ; sinh viên các khối ngành xã hội, y tế, giáo dục tham gia nghiên cứu, đề xuất các chương trình, hoạt động tuyên truyền, bảo vệ môi trường, cải thiện sức khỏe y tế, an sinh xã hội, phục vụ đời sống cho chiến sĩ và nhân dân vùng hải đảo. Bên cạnh đó, các chương trình nghệ thuật, biểu diễn ca nhạc về biển, đảo, các cuộc thi sáng tác ca khúc, ký sự, thiết kế thời trang lấy cảm hứng từ biển cả, quê hương do chính sinh viên thực hiện sẽ khơi dậy lòng tự hào dân tộc một cách tự nhiên và bền vững nhất; hội thao quốc phòng cũng tạo không gian trải nghiệm, góp phần xây dựng hình tượng người lính biển quả cảm trong sinh viên. Những phương thức sáng tạo này không mang tính ép buộc mà cuốn hút sinh viên bằng chính giá trị thẩm mỹ, tính khoa học và tính nhân văn sâu sắc, biến tinh thần bảo vệ chủ quyền biển, đảo thiêng liêng của Tổ quốc thành nguồn cảm hứng sáng tạo trong học tập và rèn luyện.

Bốn là, phối hợp chặt chẽ giữa công tác tuyên truyền chính trị tại nhà trường với hệ thống phương tiện truyền thông đại chúng và các chiến dịch truyền thông cấp quốc gia

Hiệu quả tuyên truyền cho sinh viên sẽ được nhân lên gấp bội nếu có sự phối hợp, nhịp nhàng giữa môi trường giáo dục đại học với dòng chảy thông

tin của các cơ quan báo chí Trung ương và địa phương (Đài Truyền hình Việt Nam, Đài Tiếng nói Việt Nam, Báo Nhân Dân, Báo Quân đội nhân dân,...). Các trường đại học cần chủ động liên kết, phối hợp với các cơ quan báo chí để đưa tin về các hoạt động, diễn đàn khoa học, các cuộc thi về biển, đảo, tạo diễn đàn cho sinh viên phát biểu quan điểm chính thống của mình trên các phương tiện truyền thông đại chúng. Ngược lại, nhà trường cần lồng ghép các chiến dịch truyền thông lớn của quốc gia (như Tuần lễ Biển và Hải đảo Việt Nam, chiến dịch “Cả nước vì Trường Sa”, “Sinh viên với biển, đảo Tổ quốc,...) vào kế hoạch hoạt động của mình, biến các sự kiện quốc gia thành các đợt cao điểm hành động trong sinh viên. Sự phối hợp đồng bộ này giúp cho thông tin tuyên truyền trong nhà trường luôn giữ được hơi thở của thời đại, gắn liền với các sự kiện chính trị trọng đại của đất nước, tạo nên một mặt trận truyền thông thống nhất, mạnh mẽ, bao trùm và có sức thuyết phục tuyệt đối.

2.2.3.5. Tăng cường các điều kiện đảm bảo và tạo lập môi trường thuận lợi cho hoạt động tuyên truyền chủ quyền biển, đảo Việt Nam cho sinh viên các trường đại học

Một là, đầu tư các nguồn lực cho việc đổi mới phương thức tuyên truyền

Mọi hoạt động tinh thần đều cần có cơ sở vật chất - kỹ thuật thích hợp để tồn tại và phát triển. Đổi mới phương thức tuyên truyền chủ quyền biển, đảo sẽ khó đạt hiệu quả nếu thiếu sự đầu tư thỏa đáng vào hạ tầng kỹ thuật, nguồn lực tài chính và nguồn lực thông tin. Các nguồn lực này không chỉ bảo đảm tính hiện đại, đồng bộ của phương tiện tuyên truyền, mà còn tạo tiền đề để triển khai những hình thức sáng tạo, đáp ứng nhu cầu tiếp nhận đa dạng của sinh viên. Đồng thời, sự đầu tư hợp lý giúp tăng tính bền vững của hoạt động, tránh tình trạng hình thức, ngắn hạn hay thiếu chiều sâu. Từ góc độ lý luận, đây chính là sự hiện thực hóa nguyên tắc “vật chất quyết định ý thức”, khẳng định vai trò của cơ sở vật chất - xã hội với chất lượng công tác tư tưởng.

Hai là, xây dựng môi trường tích cực và thân thiện cho sinh viên trong học tập, rèn luyện

Môi trường xã hội đóng vai trò là nhân tố cốt lõi, có ảnh hưởng sâu sắc và trực tiếp đến quá trình định hình và hoàn thiện nhận thức của mỗi cá nhân. Đối với sinh viên, một môi trường học tập và rèn luyện thân thiện sẽ tạo cảm giác an toàn, cởi mở, từ đó giúp họ dễ dàng tiếp nhận và đồng cảm với những thông tin tuyên truyền về chủ quyền biển, đảo. Môi trường tích cực cũng góp phần

khuyến khích sự chủ động, sáng tạo và tinh thần phản biện, làm cho hoạt động tuyên truyền không chỉ là quá trình truyền đạt một chiều mà trở thành không gian đối thoại. Đồng thời, nó tạo điều kiện để sinh viên gắn kết niềm tin chính trị với trải nghiệm cá nhân, qua đó biến nhận thức thành niềm tin và hành động.

Ba là, nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho sinh viên

Lý thuyết về nhu cầu và động cơ trong khoa học xã hội chỉ ra rằng, khi các nhu cầu cơ bản của con người được đáp ứng thì họ mới có thể quan tâm và tham gia tích cực vào các giá trị tinh thần - xã hội cao hơn. Với sinh viên, đời sống vật chất ổn định và tinh thần phong phú là điều kiện quan trọng để họ yên tâm học tập, rèn luyện và sẵn sàng tham gia vào các hoạt động tuyên truyền bảo vệ chủ quyền biển, đảo. Nếu sinh viên còn gặp khó khăn về kinh tế hay áp lực tâm lý thì hiệu quả lĩnh hội đường lối, quan điểm, nghị quyết của Đảng, hoạt động giáo dục của Nhà trường sẽ bị hạn chế. Ngược lại, khi được quan tâm đầy đủ về cả vật chất và tinh thần, họ sẽ có thái độ tích cực hơn, chủ động lan tỏa thông điệp đến cộng đồng. Đây là minh chứng cho tính biện chứng giữa điều kiện vật chất và đời sống tinh thần trong công tác tư tưởng, đồng thời khẳng định vai trò của chính sách chăm lo sinh viên trong nâng cao hiệu quả tuyên truyền.

2.3. Những yếu tố tác động đến đổi mới phương thức tuyên truyền chủ quyền biển, đảo Việt Nam cho sinh viên các trường đại học hiện nay

2.3.1. Những yếu tố khách quan

2.3.1.1. Tác động của toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế

Toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế đã làm gia tăng mạnh mẽ lượng thông tin đa chiều liên quan đến vấn đề biển, đảo, trong đó có cả những thông tin chính thống, khoa học lẫn những luận điệu sai lệch, xuyên tạc. Bối cảnh này vừa mở ra cơ hội mở rộng hợp tác quốc tế trong nghiên cứu, trao đổi học thuật, phổ biến kiến thức về luật pháp và thực thi quản lý chủ quyền biển, đảo quốc gia, vừa đặt ra thách thức trong việc sàng lọc, kiểm chứng và bảo đảm tính chính xác của thông tin. Đặc biệt, sự đa dạng và tốc độ lan truyền của thông tin xuyên biên giới cũng làm gia tăng nguy cơ sinh viên bị tác động bởi tin giả, luận điệu phiến diện hoặc các chiến dịch truyền thông có dụng ý chính trị của các thế lực thù địch, phần tử phản cách mạng trong và ngoài nước. Như vậy, toàn cầu hóa vừa là chất xúc tác cho việc làm giàu nội dung tuyên truyền, vừa là thách thức đặt ra yêu cầu đổi mới phương thức nhằm bảo đảm tính thuyết phục và chủ động trong truyền thông tư tưởng.

2.3.1.2. Tác động của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư

Cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư với những thành tựu vượt bậc của công nghệ số, trí tuệ nhân tạo, dữ liệu lớn (big data) và Internet vạn vật đã làm thay đổi căn bản cách thức tiếp cận, truyền tải và tiếp nhận tri thức. Đối với hoạt động tuyên truyền chủ quyền biển, đảo Việt Nam cho sinh viên các trường đại học, các công nghệ mới cho phép cá nhân hóa quá trình học tập, phân tích hành vi người học để từ đó xây dựng nội dung truyền thông phù hợp với nhu cầu, sở thích và khả năng tiếp nhận khác nhau. Điều này mở ra cơ hội tối ưu hóa hiệu quả tuyên truyền, tăng khả năng lan tỏa và tính hấp dẫn của thông điệp. Tuy nhiên, đi kèm với đó là những thách thức về quản trị an ninh thông tin, bảo mật dữ liệu cá nhân và xử lý các vấn đề đạo đức trong khai thác công nghệ, đòi hỏi các chủ thể tuyên truyền phải nâng cao năng lực phân tích dữ liệu, quản trị nội dung và xây dựng hệ thống phản bác khoa học. Như vậy, đổi mới phương thức tuyên truyền trong bối cảnh Cách mạng công nghiệp lần thứ tư cần kết hợp hài hòa giữa tận dụng ưu thế công nghệ hiện đại và bảo đảm các chuẩn mực về an toàn, minh bạch, nhân văn trong giáo dục và công tác tư tưởng đối với sinh viên để phòng tránh lan truyền tin giả, thao túng nhận thức và tâm lý của sinh viên.

2.3.1.3. Tác động của sự phát triển kinh tế - xã hội Việt Nam

Sự phát triển kinh tế - xã hội trong thời kỳ đổi mới đã tác động sâu sắc đến nhận thức và hành vi của sinh viên - lực lượng trí thức trẻ đóng vai trò quan trọng trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Một mặt, tăng trưởng kinh tế ổn định cùng với chính sách mở rộng cơ hội học tập đã nâng cao điều kiện sống, giúp sinh viên tiếp cận dễ dàng hơn với tri thức, phương tiện học tập hiện đại và các kênh thông tin đa dạng. Điều này tạo nền tảng để sinh viên có khả năng tiếp thu nhanh các vấn đề chính trị – xã hội, trong đó có chủ quyền biển, đảo. Sự phát triển của công nghệ truyền thông, gắn với tiến bộ kinh tế, cũng mở ra không gian tiếp cận tri thức phong phú, tạo cơ hội để các thông điệp tuyên truyền đến gần hơn với sinh viên bằng nhiều hình thức mới. Khi đời sống vật chất và tinh thần được cải thiện, ý thức công dân và tinh thần trách nhiệm xã hội của sinh viên cũng có điều kiện phát triển, qua đó củng cố mối quan tâm đối với những vấn đề chiến lược của quốc gia. Tuy nhiên, cùng với cơ hội, sự phân hóa giàu nghèo, áp lực cạnh tranh nghề nghiệp, xu hướng tiêu dùng và hội nhập văn hóa toàn cầu cũng khiến một bộ phận sinh viên bị chi phối mạnh bởi lợi ích cá nhân, dẫn tới tình trạng thờ ơ hoặc giảm sút sự quan tâm đối với các vấn đề lớn

của đất nước. Đây chính là một thách thức đặt ra cho công tác tuyên truyền, bởi nếu không đổi mới phương thức tiếp cận, nội dung tuyên truyền dễ trở nên xa rời mỗi quan tâm thiết thực của sinh viên.

Mặt khác, sự chuyển dịch cơ cấu xã hội và di dân nội địa gắn với phát triển kinh tế đã làm thay đổi cơ cấu sinh viên ở các trường đại học. Sinh viên ngày nay đến từ nhiều vùng miền, mang theo những trải nghiệm văn hóa, lối sống và điều kiện tiếp nhận thông tin rất khác nhau. Sinh viên ở đô thị có xu hướng tiếp cận nhanh với các kênh truyền thông số, dễ nắm bắt các luận điểm quốc tế liên quan đến Biển Đông, nhưng cũng dễ bị ảnh hưởng bởi luồng thông tin đa chiều, kể cả sai lệch. Trong khi đó, sinh viên đến từ nông thôn, miền núi thường quen với nguồn thông tin truyền thống, tiếp nhận có chọn lọc nhưng đôi khi thiếu sự cập nhật và tính phản biện. Chính sự đa dạng này đòi hỏi hoạt động tuyên truyền phải có sự linh hoạt, vừa bảo đảm tính hệ thống, vừa điều chỉnh theo đặc thù từng nhóm đối tượng. Đặc biệt, trong bối cảnh kinh tế thị trường, khi nhiều sinh viên bận rộn với áp lực học tập, làm thêm và hoạch định tương lai cá nhân, việc gắn kết trách nhiệm công dân với lợi ích quốc gia trở thành thách thức lớn.

2.3.1.4. Tác động của đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, trong đó có giáo dục đại học

Phát triển giáo dục là quốc sách ưu tiên hàng đầu, và việc cải tổ toàn diện ngành giáo dục - đào tạo chính là đòi hỏi mang tính sống còn của đất nước trong thời đại toàn cầu hóa. Song, bên cạnh những bước tiến nhất định, hệ thống giáo dục đại học tại Việt Nam vẫn còn những mảng tối cần khắc phục. Cụ thể, chất lượng đào tạo đại học nhìn chung vẫn tụt hậu so với thế giới và các nước láng giềng; năng lực phát triển chưa theo kịp nhiệm vụ thời đại và chưa đáp ứng đầy đủ nguyện vọng học tập của xã hội. Đại hội XIII của Đảng nhấn mạnh: “Đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao chưa đáp ứng được yêu cầu phát triển kinh tế, xã hội” [47, tr.82-83]. Một trong những đòi hỏi cấp bách đặt ra cho hệ thống giáo dục đại học hiện nay là phải không ngừng đẩy mạnh tốc độ của công cuộc “chuyển đổi số”.

Cùng với đó, Nghị quyết số 71-NQ/TW cũng đặt ra yêu cầu cần nâng cao nhận thức, tiếp tục đổi mới tuy duy trong lãnh đạo, chỉ đạo; đặt phát triển giáo dục và đào tạo trong tư duy quản trị quốc gia, quản trị xã hội. Đồng thời, tăng cường giáo dục toàn diện đức, trí, thể, mỹ, hình thành hệ giá trị con người Việt Nam thời kỳ mới; trong đó yêu cầu cần:

Gắn trách nhiệm nêu gương của đội ngũ nhà giáo, chú trọng bồi dưỡng đạo đức nghề nghiệp cho đội ngũ nhà giáo, đổi mới nội dung, phương thức giảng dạy, nâng cao chất lượng, hiệu quả giáo dục đạo đức, lý tưởng, trách nhiệm xã hội, lối sống văn hóa, truyền thống lịch sử, chính trị, tư tưởng, pháp luật, kinh tế, tài chính, quốc phòng và an ninh; thực hiện các giải pháp nhân lực, hạn chế tối đa những ảnh hưởng tiêu cực từ cơ chế thị trường, truyền thông, mạng xã hội [8, tr.7].

Hơn nữa, Nghị quyết số 71-NQ/TW cũng đặt ra yêu cầu phải:

Bổ trí đủ nguồn lực đầu tư cơ sở vật chất, hạ tầng công nghệ để đẩy nhanh chuyển đổi số; xây dựng các nền tảng giáo dục thông minh, sách giáo khoa, giáo trình thông minh; đẩy mạnh ứng dụng khoa học công nghệ, trí tuệ nhân tạo trong đổi mới phương pháp dạy và học, kiểm tra, đánh giá; thúc đẩy ứng dụng các mô hình giáo dục số, giáo dục trí tuệ nhân tạo, quản trị giáo dục thông minh, trường học số, lớp học thông minh [8, tr.8].

Với những mục tiêu đặt ra về đổi mới căn bản toàn diện giáo dục, trong đó có giáo dục đại học, đòi hỏi công tác tuyên truyền và đổi mới phương thức tuyên truyền chủ quyền biển, đảo Việt Nam cho sinh viên trong trường đại học cũng cần đáp ứng yêu cầu mới. Do đó, để công tác tuyên truyền nhạy bén, hiệu quả, cần chú trọng đổi mới, đa dạng hóa các hình thức, phương pháp, phương tiện tuyên truyền trên cơ sở khai thác tối đa nền tảng công nghệ mới hiện đại, đảm bảo nội dung tuyên truyền luôn đi sâu, đi sát vào từng đối tượng cụ thể.

2.3.2. Những yếu tố chủ quan

2.3.2.1. Nhận thức, trách nhiệm của các chủ thể tuyên truyền

Nhận thức, bản lĩnh chính trị và tinh thần trách nhiệm của đội ngũ lãnh đạo, cán bộ, giảng viên, báo cáo viên, cũng như các tổ chức chính trị - xã hội trong và nhà trường giữ vai trò quyết định đối với chất lượng và hiệu quả đổi mới phương thức tuyên truyền chủ quyền biển, đảo. Nếu các chủ thể này có nhận thức vững vàng về mục tiêu, phương pháp, có tầm nhìn sâu rộng, nắm vững kiến thức lý luận và thực tiễn, đồng thời thể hiện sự nhạy bén trong tiếp cận phương pháp truyền thông mới thì hoạt động tuyên truyền sẽ mang tính hệ thống, tính khoa học và mang lại sức lan tỏa mạnh mẽ và bền vững. Ngược lại, khi cán bộ tuyên truyền mơ hồ, thiếu kiến thức chuyên môn, hạn chế về kỹ năng truyền đạt hoặc thụ động trong đổi mới, hoạt động tuyên truyền dễ trở

nên hình thức, mạnh mún, kém hấp dẫn và kém hiệu quả, khó đáp ứng yêu cầu thực tiễn. Hơn nữa, trình độ chuyên môn, kỹ năng truyền thông và cam kết đạo đức của đội ngũ cán bộ tư tưởng ảnh hưởng trực tiếp đến khả năng chuyển hoá kiến thức lý luận chính trị thành nội dung hấp dẫn, phù hợp với sinh viên. Do đó, bồi dưỡng nhận thức và trách nhiệm của chủ thể tuyên truyền là điều kiện nội sinh quyết định thành công của đổi mới phương thức tuyên truyền.

2.3.2.2. Ý thức, trách nhiệm của sinh viên

Sinh viên là lực lượng trẻ, có tri thức, có khả năng tiếp cận nhanh chóng với thông tin đa chiều, vì vậy ý thức và trách nhiệm của họ trong tham gia hoạt động tuyên truyền giữ vị trí trung tâm. Khi sinh viên có tinh thần chủ động tìm hiểu, tham gia đối thoại và hành động, họ không chỉ lĩnh hội, trau dồi kiến thức, thông tin mà còn trở thành nhân tố tuyên truyền, lan tỏa sâu rộng, cổ vũ mạnh mẽ các hoạt động, phong trào bảo vệ chủ quyền biển, đảo trong cộng đồng. Hơn nữa, khi sinh viên có thái độ chủ động, tinh thần phản biện và trách nhiệm công dân, họ sẽ tham gia tích cực vào các hoạt động nghiên cứu, tuyên truyền và phản bác luận điệu xuyên tạc. Ngược lại, sự thờ ơ hoặc nhận thức mơ hồ dẫn đến việc tiếp nhận thụ động, làm giảm hiệu quả lan tỏa của bất kỳ phương thức đổi mới nào. Do đó, việc khơi gợi niềm tự hào dân tộc, ý thức công dân và trách nhiệm chính trị - xã hội của sinh viên là yếu tố chủ quan then chốt trong mối quan hệ tương hỗ với đổi mới phương thức, mang tính quyết định để đổi mới phương thức tuyên truyền đạt hiệu quả.

2.3.2.3. Nội dung tuyên truyền

Nội dung là lõi của tuyên truyền; tính mới mẻ, phong phú, toàn diện và phù hợp của nội dung quyết định khả năng thu hút và thuyết phục của mọi hình thức và phương pháp. Nội dung tuyên truyền chủ quyền biển, đảo cho sinh viên phải được xây dựng trên cơ sở bằng chứng lịch sử, pháp lý và phân tích thực tiễn, đồng thời phải được đóng khung sao cho phù hợp với ngôn ngữ, mức hiểu biết và quan niệm giá trị của sinh viên. Nội dung chỉ mang tính sống động khi nó đa chiều (khoa học, kinh tế, văn hoá, an ninh, quân sự) và gắn kết với trải nghiệm sinh viên. Nếu nội dung cũ, khô khan hoặc thiếu liên hệ thực tiễn thì dù phương thức đổi mới đến đâu cũng khó chuyển hóa thành thái độ và hành vi. Hơn nữa, tính đa ngành và tính liên tục của nội dung tạo điều kiện cho việc xây dựng chương trình tuyên truyền có hệ thống trong giáo dục đại học, giúp sinh viên nội tâm hóa thông điệp về chủ quyền một cách bền vững.

2.3.2.4. Các nguồn lực đảm bảo cho hoạt động tuyên truyền

Nguồn lực luôn được xem là điều kiện tiên quyết, bảo đảm cho tính khả thi và hiệu quả của mọi hoạt động quản lý xã hội. Đối với công tác tuyên truyền chủ quyền biển, đảo cho sinh viên, các nguồn lực không chỉ đơn thuần là yếu tố hỗ trợ mà còn là yếu tố chủ quan trực tiếp quyết định khả năng đổi mới phương thức truyền thông, từ khâu thiết kế nội dung đến khâu triển khai và đánh giá hiệu quả. Nếu thiếu hụt nguồn lực, mọi định hướng chiến lược và sáng kiến tuyên truyền khó có thể đi vào thực tiễn, dễ dừng lại ở mức ý tưởng hay phong trào ngắn hạn. Ngược lại, khi nguồn lực được tổ chức, phân bổ hợp lý và phát huy đúng trọng tâm, hoạt động tuyên truyền có thể đạt hiệu quả bền vững, tạo tác động chính trị - xã hội sâu rộng trong cộng đồng sinh viên.

Các nguồn lực bao gồm nhân lực, vật lực, tài lực, tin lực là một trong những yếu tố chủ quan mang tính điều kiện trực tiếp ảnh hưởng đến việc đổi mới phương thức tuyên truyền chủ quyền biển, đảo cho sinh viên các trường đại học hiện nay. Trong đó, nguồn nhân lực giữ vai trò trung tâm, bởi chính đội ngũ cán bộ, quản lý, giảng viên, đội ngũ báo cáo viên, chuyên gia công tác tư tưởng, truyền thông là những người trực tiếp xây dựng và truyền tải nội dung tuyên truyền. Chất lượng nhân lực thể hiện ở trình độ học thuật, khả năng sư phạm, năng lực truyền thông số và đặc biệt là bản lĩnh chính trị, sẽ quyết định tính thuyết phục và sức lan tỏa của nội dung tuyên truyền. Cơ sở vật chất - kỹ thuật và tài chính là nền tảng bảo đảm cho quy mô và độ bền vững của các hoạt động. Hệ thống phòng học hiện đại, trang thiết bị truyền thông số, hạ tầng công nghệ thông tin và nguồn kinh phí ổn định cho phép triển khai các chương trình đa dạng, từ hội thảo học thuật đến sản phẩm truyền thông trực tuyến. Cùng với đó, nguồn thông tin khoa học, chính thống và cập nhật là điều kiện cốt lõi để xây dựng nội dung tuyên truyền vừa có tính pháp lý, vừa có tính khoa học, tránh được nguy cơ bị lấn át bởi tin giả, thông tin sai lệch.

Từ góc độ lý luận, có thể khẳng định rằng, các nguồn lực là “cầu nối” giữa mục tiêu chiến lược và hiệu quả thực tiễn. Một hệ thống tuyên truyền chỉ thực sự đổi mới khi hội tụ được nguồn nhân lực đủ trình độ, nguồn tài chính đủ mạnh, cơ sở vật chất đủ hiện đại và nguồn thông tin đủ tin cậy. Do vậy, việc đầu tư, phân bổ và quản trị nguồn lực một cách chiến lược, đồng bộ không chỉ là yêu cầu quản lý thông thường, mà còn là yếu tố bảo đảm để đổi mới phương thức tuyên truyền chủ quyền biển, đảo cho sinh viên thực sự phát huy hiệu quả

chính trị - xã hội, góp phần bồi dưỡng thế hệ trí thức trẻ có nhận thức đúng đắn và trách nhiệm cao đối với sự nghiệp bảo vệ chủ quyền thiêng liêng, bất khả xâm phạm của Tổ quốc.

Tiểu kết Chương 2

Chương 2 đã luận giải những vấn đề lý luận về đổi mới phương thức tuyên truyền chủ quyền biển, đảo Việt Nam cho sinh viên các trường đại học, như: một số khái niệm cơ bản, trong đó nhấn mạnh khái niệm *“Tuyên truyền chủ quyền biển, đảo Việt Nam cho sinh viên các trường đại học”* và khái niệm *“Đổi mới phương thức tuyên truyền chủ quyền biển, đảo Việt Nam cho sinh viên các trường đại học”*; phân tích các yếu tố cấu thành hoạt động tuyên truyền chủ quyền biển, đảo Việt Nam cho sinh viên các trường đại học.

Trên cơ sở lý luận chung, Chương 2 đã làm rõ nội dung đổi mới phương thức tuyên truyền chủ quyền biển, đảo Việt Nam cho sinh viên các trường đại học, gồm: (1) *Đổi mới tư duy, nhận thức của các chủ thể và đối tượng tuyên truyền về tầm quan trọng của hoạt động tuyên truyền chủ quyền biển, đảo Việt Nam cho sinh viên các trường đại học*; (2) *Kế thừa và phát triển các phương pháp, hình thức, phương tiện truyền thống trong tuyên truyền chủ quyền biển, đảo Việt Nam cho sinh viên các trường đại học*; (3) *Sáng tạo những phương pháp, hình thức, phương tiện mới trong tuyên truyền chủ quyền biển, đảo Việt Nam cho sinh viên các trường đại học*; (4) *Lồng ghép, phối hợp hiệu quả các phương pháp, hình thức, phương tiện trong tuyên truyền chủ quyền biển, đảo Việt Nam cho sinh viên các trường đại học*; (5) *Tăng cường các điều kiện đảm bảo và tạo lập môi trường thuận lợi cho hoạt động tuyên truyền chủ quyền biển, đảo Việt Nam cho sinh viên các trường đại học*. Bên cạnh đó, chương 2 cũng chỉ ra những yếu tố tác động đến đổi mới phương thức tuyên truyền chủ quyền biển, đảo Việt Nam cho sinh viên các trường đại học hiện nay.

Những kết quả nghiên cứu lý luận về đổi mới phương thức tuyên truyền chủ quyền biển, đảo Việt Nam cho sinh viên các trường đại học đã tạo tiền đề và xây dựng khung lý thuyết cho việc đánh giá thực trạng đổi mới phương thức tuyên truyền chủ quyền biển, đảo Việt Nam cho sinh viên các trường đại học ở TPHCM hiện nay. Đồng thời, đây cũng là cơ sở khoa học vững chắc để NCS xác định phương hướng và đề xuất giải pháp tiếp tục đổi mới phương thức tuyên truyền chủ quyền biển, đảo Việt Nam cho sinh viên các trường đại học ở TPHCM trong thời gian tới.

Chương 3

ĐỔI MỚI PHƯƠNG THỨC TUYÊN TRUYỀN CHỦ QUYỀN BIỂN, ĐẢO VIỆT NAM CHO SINH VIÊN CÁC TRƯỜNG ĐẠI HỌC Ở THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH - THỰC TRẠNG VÀ NHỮNG VẤN ĐỀ ĐẶT RA

3.1. Khái quát đặc điểm các trường đại học, sinh viên và đối tượng khảo sát trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh

3.1.1. Đặc điểm các trường đại học ở Thành phố Hồ Chí Minh

Thành phố Hồ Chí Minh là trung tâm kinh tế, văn hóa, khoa học - công nghệ và giáo dục - đào tạo lớn nhất cả nước, đồng thời là địa bàn có trên 60 trường đại học và học viện với quy mô đào tạo đa dạng, thuộc nhiều loại hình khác nhau như trường đại học công lập, trường đại học ngoài công lập, trường trực thuộc các bộ ngành trung ương và các cơ sở đào tạo có yếu tố quốc tế với hàng trăm nghìn sinh viên đang theo học ở nhiều lĩnh vực chuyên môn khác nhau. Điều này tạo nên một môi trường học thuật năng động, đa dạng về ngành nghề đào tạo, đồng thời hình thành một không gian xã hội đặc thù với mật độ cao của lực lượng trí thức trẻ.

Trên cơ sở mục tiêu và nhiệm vụ nghiên cứu của luận án, khảo sát được tiến hành tại 06 trường đại học trên địa bàn TPHCM gồm: Trường Đại học Tài chính - Marketing, Trường Đại học Sài Gòn, Trường Đại học Sư phạm TPHCM, Trường Đại học Công nghiệp TPHCM, Trường Đại học Văn Lang và Học viện Cán bộ Thành phố Hồ Chí Minh nhằm thu thập thông tin từ hai nhóm đối tượng chính là sinh viên và đại diện nhà trường (giảng viên, cán bộ Đoàn - Hội và cán bộ quản lý có liên quan đến công tác tuyên truyền). Việc lựa chọn các trường đại học thuộc nhiều loại hình và lĩnh vực đào tạo khác nhau nhằm đảm bảo tính đa dạng của môi trường khảo sát, từ đó giúp phản ánh tương đối đầy đủ bức tranh thực trạng tuyên truyền và đổi mới phương thức tuyên truyền chủ quyền biển, đảo Việt Nam cho sinh viên các trường đại học ở TPHCM.

Nhìn chung, mục tiêu chiến lược và sứ mệnh giáo dục của các trường có sự đồng nhất trong việc xây dựng một môi trường đào tạo đa ngành, đa lĩnh vực, đáp ứng nhu cầu học tập đa dạng của cộng đồng thông qua các chương trình đại học và sau đại học. Bên cạnh đó, các trường còn đóng vai trò là những trung tâm nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ cốt lõi, góp

phần thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội của TPHCM nói riêng và cả nước nói chung. Các trường cũng xác định cung cấp nguồn nhân lực cho TPHCM và cho khu vực, các vùng lân cận và của cả nước có tính đặc điểm vùng miền, yếu tố dân tộc,... Có thể nhắc đến sứ mạng, tầm nhìn và giá trị cốt lõi của một số trường đại học điển hình cho các khối ngành như:

** Học viện Cán bộ TPHCM*

Học viện Cán bộ TP.HCM có sứ mệnh cốt lõi trong việc giảng dạy, bồi dưỡng lý luận chính trị, đường lối của Đảng cùng hệ thống pháp luật hành chính của Nhà nước; đồng thời trang bị năng lực, kỹ năng quản lý công cho đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức trên địa bàn thành phố, bám sát các quy định chức năng của một trường chính trị cấp tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương. Hiện tại, Học viện đang đào tạo chính quy 05 ngành học (Luật, Quản lý Nhà nước, Xây dựng Đảng và chính quyền Nhà nước, Chính trị học, Công tác xã hội) cho sinh viên với quy mô tuyển sinh ngày càng mở rộng cùng với chương trình đào tạo các chương trình cao học, trung cấp lý luận chính trị. Với tầm nhìn đến năm 2030, xây dựng và nâng tầm Học viện thành một cơ sở hàng đầu về đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức và người học đạt chuẩn chất lượng cao. Qua đó, nhà trường chủ động cung ứng nguồn lực chất lượng, phục vụ hiệu quả cho tiến trình tăng trưởng, hội nhập kinh tế - xã hội của TP.HCM nói riêng và toàn quốc nói chung.

** Trường Đại học Sư phạm TPHCM*

Trường Đại học Sư phạm TPHCM hiện đang đào tạo hệ đại học chính quy với khoảng 45 ngành học, chia thành hai nhóm chính (Sư phạm và ngoài sư phạm) để đáp ứng định hướng nghề nghiệp đa dạng của sinh viên. Ngoài ra, trường còn đào tạo 26 chuyên ngành Thạc sĩ và 10 chuyên ngành Tiến sĩ. Trường Đại học Sư phạm TPHCM xác định sứ mệnh của một trường sư phạm trọng điểm quốc gia thông qua việc tổ chức đào tạo các bậc đại học, sau đại học và đẩy mạnh nghiên cứu khoa học. Các hoạt động này tập trung giải quyết nhu cầu về nguồn nhân lực giáo dục chất lượng cao cùng các công trình nghiên cứu đạt trình độ tiên tiến, góp phần thúc đẩy kinh tế - xã hội tại khu vực phía Nam và trên toàn quốc. Đến năm 2030, nhà trường phấn đấu trở thành thương hiệu giáo dục uy tín cao ở quy mô quốc gia và khu vực Đông Nam Á, đóng vai trò hạt nhân ảnh hưởng tích cực đến hệ thống đào tạo giáo viên toàn quốc. Do đó, giá trị cốt lõi của nhà trường đặt ra là “Chất lượng - Sáng tạo - Nhân văn”.

Mặc dù là một ngôi trường có lịch sử lâu đời, Trường Đại học Sư phạm TPHCM đã được đầu tư cải tạo liên tục để mang đến không gian học tập hiện đại cho sinh viên, cơ sở học liệu đa dạng và cũng là môi trường có công tác Đoàn - Hội năng động, thu hút đông đảo sinh viên tích cực tham gia các hoạt động học thuật, nghiên cứu, trải nghiệm, phong trào tình nguyện,... do nhà trường tổ chức.

** Trường Đại học Sài Gòn*

Trường Đại học Sài Gòn xác định sứ mệnh chiến lược là một cơ sở giáo dục đại học và nghiên cứu khoa học công lập, tập trung cung ứng nguồn nhân lực chất lượng cao phục vụ yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của TPHCM cũng như cả nước. Nhà trường luôn chủ động đi đầu trong công cuộc đổi mới, đóng góp tích cực vào sự tiến bộ của nền giáo dục đại học nước nhà với mục tiêu chiến lược đến năm 2035 sẽ trở thành trường đại học định hướng nghiên cứu đạt các tiêu chuẩn quốc tế. Hệ thống đào tạo của trường được triển khai theo mô hình đa ngành, đa lĩnh vực ở cả hai bậc đại học và sau đại học, kết hợp chặt chẽ với hoạt động liên kết giáo dục quốc tế. Hiện nay, Trường Đại học Sài Gòn đang đào tạo 48 chuyên ngành bậc đại học trực thuộc 25 khoa. Đội ngũ giảng viên được sinh viên đánh giá là có trình độ chuyên môn cao và nhiệt tình. Chương trình đào tạo ngày càng được đa dạng hóa, kết hợp giữa lý thuyết và thực hành, đặc biệt là các khối ngành sư phạm và ứng dụng.

** Trường Đại học Tài chính - Marketing*

Trường Đại học Tài chính - Marketing có sứ mệnh cung ứng cho xã hội nguồn nhân lực chất lượng cao ở cả hai bậc đại học và sau đại học, bám sát các tiêu chí kiểm định trong nước và quốc tế. Mục tiêu đến năm 2045, trường nằm trong danh sách 500 trường đại học hàng đầu châu Á dựa trên các bảng xếp hạng uy tín, đồng thời khẳng định vị thế một cơ sở giáo dục đại học định hướng ứng dụng hàng đầu Việt Nam; phấn đấu trở thành một trung tâm uy tín quy mô quốc gia và khu vực ASEAN về nghiên cứu, chuyển giao tri thức khoa học - công nghệ trong ngành quản lý và kinh doanh. Với triết lý giáo dục “Thực chất - Đổi mới sáng tạo - Hội nhập”, nhà trường đặt ra các giá trị cốt lõi gồm: (1) Trọng giá trị tri thức và thượng tôn đạo đức nghề nghiệp; (2) Khuyến khích sáng tạo và nuôi dưỡng sự đam mê; (3) Tôn trọng sự khác biệt và coi trọng hợp tác; (4) Coi trọng chất lượng - hiệu quả - bền vững. Đến nay, trường đang đào tạo 18 ngành đại học chính quy, sinh viên có thể chọn học theo nhiều chương trình khác nhau:

chương trình chuẩn, chương trình tích hợp, chương trình tiếng Anh toàn phần và chương trình định hướng đặc thù. Chất lượng đào tạo của nhà trường luôn được đánh giá cao nhằm đáp ứng nhu cầu học tập và phát triển tư duy của sinh viên; cơ sở vật chất và môi trường học tập hiện đại, trẻ trung, tạo không gian học tập, nghiên cứu tích cực cho sinh viên.

** Trường Đại học Công nghiệp Thành phố Hồ Chí Minh*

Trường Đại học Công nghiệp TP HCM là cơ sở giáo dục đại học công lập, hoạt động theo cơ chế tự chủ tài chính, được Hiệu trưởng phê duyệt cơ chế hoạt động mới giai đoạn 2021-2030 theo Quyết định số: 966/QĐ-ĐHCN ngày 20/7/2021 của Hiệu trưởng Trường Đại học Công nghiệp TP HCM. Tính đến nay, trường đang đào tạo hơn 40 ngành ở bậc đại học với quy mô cơ sở vật chất lớn, đầy đủ tiện ích, đáp ứng phục vụ tốt môi trường giảng dạy đa ngành và các hoạt động khác của nhà trường. Thực hiện phương châm: “Đổi mới tư duy, làm giàu thêm đời sống tri thức và kinh tế” và tầm nhìn chiến lược đến năm 2030, Nhà trường mang sứ mệnh bồi dưỡng đội ngũ nhân lực ưu tú, sở hữu năng lực toàn diện, phẩm chất đạo đức vững vàng và tư duy hội nhập quốc tế để đóng góp vào sự phồn vinh của quốc gia. Cùng với đó, định hướng chiến lược của trường là trở thành một trong những đại học hàng đầu Việt Nam, tiên phong kết hợp giữa giáo dục hiện đại với nghiên cứu ứng dụng, đổi mới sáng tạo và chuyển giao công nghệ. Bản sắc và nền tảng cho mọi sự phát triển của trường chính là ba giá trị cốt lõi: “Đổi mới - Đoàn kết - Nhân văn”.

** Trường Đại học Văn Lang*

Trường Đại học Văn Lang chính thức chuyển đổi từ loại hình dân lập sang tư thục từ năm 2015. Trường Đại học Văn Lang xác định sứ mệnh giáo dục hướng tới việc đào tạo nguồn nhân lực có năng lực tạo chuyển biến tốt đẹp và truyền cảm hứng mạnh mẽ cho xã hội. Với tầm nhìn trở thành một trong những trường Đại học trẻ được ngưỡng mộ nhất Châu Á vào năm 2030, cùng giá trị cốt lõi: “Đạo đức, ý chí, sáng tạo”, Trường Đại học Văn Lang hiện đang đào tạo 64 ngành bậc đại học hệ chính quy (chương trình tiêu chuẩn) và 16 chương trình đào tạo đặc biệt (Honors Programs). Các điều kiện đảm bảo chất lượng bao gồm đội ngũ giảng viên, cán bộ quản lý, không gian học tập và nghiên cứu quốc tế năng động, phòng học, phòng thí nghiệm, trang thiết bị dạy học hiện đại chuẩn quốc tế, hệ thống thư viện, cảnh quan khuôn viên và nguồn lực tài chính được nhà trường chú trọng đầu tư, đáp ứng tốt nhất cho hoạt động

đào tạo, nghiên cứu khoa học và các hoạt động khác nhau nhằm nâng cao chất lượng giáo dục bền vững.

3.1.2. Đặc điểm sinh viên các trường đại học ở Thành phố Hồ Chí Minh

Cộng đồng sinh viên tại các trường đại học trên địa bàn TP HCM phản ánh một bức tranh nhân khẩu học vô cùng đa dạng về nguồn gốc địa lý, văn hóa, tôn giáo và dân tộc. Sự đa dạng này dẫn đến những khác biệt nhất định trong thói quen học tập cũng như mức độ nhận thức về bối cảnh kinh tế - chính trị - xã hội. Mặc dù vậy, trong không gian vi mô của trường và lớp học, họ lại chia sẻ nhiều điểm chung về lứa tuổi, đặc điểm tâm sinh lý, sở thích và nền tảng tri thức.

Qua nghiên cứu khảo sát của các đề tài trước đó, tác giả Nguyễn Thị Hiền Oanh [93, tr.234-236] khẳng định sinh viên TP HCM hội tụ những đặc điểm cốt lõi:

Một là, đa số sinh viên TP HCM có nhận thức tốt về chính trị, có niềm tin chính trị, và có hành vi chính trị tự giác, tích cực. Đa số sinh viên các trường đại học đã có nhận thức sâu sắc về chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh và đường lối của Đảng Cộng sản Việt Nam; luôn nêu cao tinh thần yêu nước, lòng tự hào dân tộc, ý thức tự lực tự cường, luôn cố gắng học tập, tu dưỡng, rèn luyện đạo đức cách mạng và tham gia các hoạt động xã hội để nâng cao phẩm chất, trình độ mọi mặt.

Hai là, đa số sinh viên TP HCM hiện nay kiên định với mục tiêu của Đảng, tin tưởng vào sự lãnh đạo của Đảng, đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước trong sự nghiệp đổi mới và phát triển đất nước. Điều đó thể hiện niềm tin chính trị cao nhất của sinh viên, đồng thời cũng thể hiện tính tất yếu của nhận thức, thái độ và hành vi tích cực về chính trị của sinh viên TP HCM.

Ba là, đa số sinh viên TP HCM hiện nay đã nhận thức rõ được vai trò và trách nhiệm của mình đối với đất nước, có ý thức trách nhiệm đối với việc học tập của bản thân và nhiệm vụ của đất nước.

Bốn là, đa số sinh viên TP HCM quan tâm đến thời cuộc, tin tưởng vào sự nghiệp của Đảng, sự phát triển của đất nước và thành phố; tán thành đường lối đổi mới của Đảng; có lối sống lành mạnh, ý chí vươn lên làm giàu chính đáng; mong muốn đóng góp sức trẻ cho sự nghiệp xây dựng, bảo vệ và phát triển TP HCM, đất nước; có ý thức về các giá trị truyền thống, văn hóa dân tộc, có ý thức sống và làm việc theo pháp luật.

Năm là, đa số sinh viên TPHCM có thái độ đúng đắn và tích cực phấn đấu, xung kích thực hiện đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước; là lực lượng lao động chủ yếu trên mọi lĩnh vực, có trình độ học vấn cao, nhạy bén với kiến thức khoa học - kỹ thuật hiện đại và công nghệ mới; sống tự chủ và năng động. Họ là nguồn lực rất quan trọng trong sự nghiệp phát triển kinh tế xã hội của đất nước.

Xét theo phạm vi hẹp, qua nghiên cứu chọn mẫu khảo sát 06 trường đại học trên địa bàn TPHCM dựa trên đặc thù ngành/trường học, có thể thấy, sinh viên của các trường đại học này cũng có những đặc điểm khác nhau, cụ thể: Sinh viên Học viện Cán bộ TPHCM có những đặc điểm rất riêng biệt, vừa mang bản sắc chung của thế hệ trẻ Gen Z năng động tại TPHCM, vừa thấm đượm môi trường đào tạo mang tính chính trị - hành chính đặc thù; môi trường rèn luyện tại Học viện đặt ra tiêu chuẩn cao về phẩm chất chính trị, tư tưởng, đạo đức, ý thức kỷ luật cao. Sinh viên Trường Đại học Sư phạm TPHCM và Trường Đại học Sài Gòn có nét đặc trưng được hình thành từ truyền thống đào tạo sư phạm lâu đời kết hợp với sự năng động, đổi mới sáng tạo của sinh viên trên con đường kiến tạo tri thức trở thành đội ngũ giảng viên chuẩn mực với nền tảng đạo đức nghề nghiệp, tinh thần phụng sự đất nước, Nhân dân, cộng đồng và cũng chính môi trường sư phạm sẽ rèn luyện cho sinh viên ý thức cao về phong cách sống, ngôn từ và văn hoá ứng xử giao tiếp trong công việc, đời sống thường nhật và trên không gian mạng. Trong khi đó, sinh viên Trường Đại học Tài chính - Marketing có tư duy sáng tạo và sự nhạy bén về truyền thông, marketing và thị trường, khả năng nắm bắt nhanh các xu hướng trên mạng xã hội, kỹ năng mềm tốt và ứng dụng thực tế nhanh, dễ dàng xử lý tình huống thực tiễn là điểm cộng rất lớn của sinh viên trường. Đối với Trường Đại học Công nghiệp TPHCM, đa số sinh viên có xuất thân từ gia đình lao động hoặc các vùng nông thôn, đô thị nhỏ, do đó sinh viên có tinh thần tiết kiệm, vượt khó, nỗ lực vươn lên và tính tự lập cao trong sinh hoạt lẫn học tập; sinh viên tích cực nghiên cứu, đổi mới sáng tạo, khởi nghiệp, đam mê với ngành/ngành và cũng có đặc điểm rất nhạy bén với thông tin trên không gian mạng, tuy nhiên cũng có sự phân hóa về mức độ quan tâm giữa các khối ngành. So với sinh viên 05 trường trên, sinh viên Trường Đại học Văn Lang có đặc điểm nổi bật, khác họa điển hình chân dung của thế hệ trẻ hiện nay: năng động, sáng tạo, bản lĩnh, thực tế, nhạy bén với xu hướng, dám đổi mới, có cá tính và phong cách sống

tương đồng với đặc điểm ngành học, đề cao kỹ năng ứng dụng và trải nghiệm, tinh thần hội nhập và thích ứng tốt với môi trường hiện đại.

Xét một cách toàn diện, sinh viên đang theo học và sinh sống tại TPHCM có những đặc điểm riêng biệt trong tâm lý, đời sống bởi các yếu tố: môi trường kinh tế - xã hội; không gian văn hóa và vùng đất lịch sử; hệ sinh thái giáo dục đại học tiên tiến, đa dạng; sự bùng nổ của công nghệ số và xu hướng toàn cầu hóa. Sống, học tập và trưởng thành trong một hệ sinh thái đô thị đặc thù như vậy, sinh viên các trường đại học tại đây không chỉ tiếp thu tri thức nhân loại mà còn tự hình thành nên những nét đặc điểm tâm lý và nhận thức xã hội mang tính đặc thù rõ nét. Đó là sự hòa quyện độc đáo giữa chất hào sảng, phóng khoáng của con người phương Nam với tư duy sắc sảo, thực tế của thể hệ công dân toàn cầu. Có thể thấy một số đặc điểm nổi bật của sinh viên các trường đại học ở TPHCM như:

Trước hết, sinh viên TPHCM có tư duy thích ứng nhanh và tinh thần tự lập mạnh mẽ. Với nhịp sống cao và đầy cạnh tranh ở đô thị đặc biệt, sinh viên có sự nhạy bén, linh hoạt, luôn trong tâm thế vận động, không trông chờ, ỷ lại biết tìm cách vượt qua khó khăn, thử thách với tư duy khởi nghiệp năng động, sáng tạo, nhiệt huyết. Chi phí sinh hoạt cao một mặt tạo ra áp lực tài chính, nhưng mặt khác lại trở thành động lực mạnh mẽ. Sinh viên luôn ý thức năng lực bản thân và khát vọng tự chủ tài chính, tích lũy kinh nghiệm, khám phá cái mới, ứng biến với sự thay đổi của công nghệ và luôn sẵn sàng hoà nhập, đáp ứng nhu cầu khắt khe của môi trường sống, không để bị tụt lại phía sau.

Bên cạnh đó, sinh viên TPHCM còn có tính cách phóng khoáng, cởi mở và có năng lực hội nhập quốc tế vượt trội. Với chiều sâu văn hóa của vùng đất Nam Bộ, đón nhận nhiều làn sóng di cư trong lịch sử, sinh viên tại thành phố mang một tâm lý rất văn minh - đó là tôn trọng sự khác biệt. Sự cởi mở cũng chính là chiếc chìa khóa giúp họ hội nhập quốc tế một cách tự nhiên và tự tin. Từ nền tảng tâm lý ấy, nhận thức xã hội của sinh viên TPHCM luôn chuyển động một cách nhạy bén và mang đậm tư duy phản biện. Họ không đứng ngoài các dòng chảy thời sự chính trị - xã hội của đất nước, nhưng cách họ tiếp cận thường gắn liền với lăng kính thực tiễn và dân sinh. Họ quan tâm đến chính sách phát triển, đô thị thông minh, cơ hội nghề nghiệp và những vấn đề thực tế hơn là những lý thuyết giáo điều. Do được tiếp cận với nguồn thông tin đa dạng, đa chiều từ internet và mạng xã hội, sinh viên thành phố

hình thành một tư duy phản biện sắc sảo. Họ không dễ dàng chấp nhận thông tin một chiều mà luôn có xu hướng lật lại vấn đề, tìm kiếm bản chất sự việc thông qua tranh biện khoa học. Điểm nhận thức này vừa là thế mạnh giúp họ trở thành những công dân thông thái, nhưng đồng thời cũng đặt ra yêu cầu cao về việc định hướng tư tưởng để giữ vững bản lĩnh chính trị trước các làn sóng thông tin độc hại.

Với đặc thù là đô thị mở, nền văn hóa - văn minh du nhập đa phương, đa quốc gia cùng sự tác động của không gian mạng - thế giới ảo mà đã trở thành một môi trường sống thứ hai, tác động sâu sắc và đa chiều đến tâm lý của một bộ phận sinh viên, tạo nên sự khác biệt rõ rệt thậm chí trong cả các trường học công lập và ngoài công lập. Ở góc độ tích cực, không gian mạng mở ra cho giới trẻ một kho tàng tri thức vô tận, phá bỏ mọi giới hạn địa lý, giúp họ tự do kết nối, sẻ chia và khẳng định cá tính độc lập. Tuy nhiên, mặt trái của nó lại tạo ra những hội chứng tâm lý thời đại vô cùng phức tạp, thậm chí là thờ ơ, vô cảm với những vấn đề trọng đại của quốc gia. Sự quá tải thông tin có thể làm giảm khả năng tập trung sâu, khiến tư duy của một bộ phận sinh viên dễ bị dẫn dắt bởi tâm lý đám đông và có xu hướng tìm kiếm những giá trị ảo, sự công nhận tức thời thay vì kiên trì theo đuổi các mục tiêu dài hạn trong đời thực.

Mặt khác, sự bùng nổ của các ứng dụng công nghệ số, các nền tảng chuyển đổi số và trí tuệ nhân tạo đang tái định hình tư duy học tập và phong cách làm việc của sinh viên một cách mạnh mẽ. Trong bối cảnh hội nhập, sinh viên TPHCM với đặc điểm tâm lý cởi mở, nhạy bén và có nhu cầu tiếp nhận thông tin đa chiều đang trở thành đối tượng trọng điểm mà các thế lực thù địch, phản động nhắm tới để thực hiện chiến lược “diễn biến hòa bình”. Qua không gian mạng, các thế lực này lợi dụng triệt để tư duy phản biện chưa hoàn thiện và nhiệt huyết của tuổi trẻ để tinh vi lồng ghép các luận điệu sai trái, xuyên tạc lịch sử, bóp méo bản chất các sự kiện thời sự, chính trị của đất nước. Chúng thường đánh tráo khái niệm dưới danh nghĩa “phản biện xã hội”, “tự do ngôn luận” hay “bảo vệ nhân quyền” để kích động tâm lý bất mãn, gieo rắc sự hoài nghi vào sự lãnh đạo của Đảng và Nhà nước, hòng làm phai nhạt lý tưởng cách mạng của thế hệ trẻ. Tác động này vô cùng nguy hiểm, bởi nó có thể làm lệch lạc nhận thức xã hội của một bộ phận sinh viên, biến tinh thần đấu tranh, dân thân chính đáng của sinh viên thành hành vi

chống phá, đi ngược lại lợi ích của quốc gia và dân tộc. Nếu không được định hướng tốt, sinh viên rất dễ bị lôi kéo dẫn đến những nhận thức và hành vi mang tính chất cực đoan. Chưa kể, sinh viên còn chịu tác động của môi trường đô thị, họ phải đối mặt với nhiều thách thức khác dễ gây nên tâm lý căng thẳng mệt mỏi, bất an, sa ngã, thậm chí dễ bị các đối tượng xấu lợi dụng để tuyên truyền và lôi kéo, xúi giục thực hiện các hành vi xấu, tiêu cực, ảnh hưởng đến bản thân, gia đình, nhà trường và xã hội. Do đó, việc rèn luyện một bản lĩnh chính trị vững vàng và nhãn quan nhạy bén để “tự đề kháng” trước các thông tin độc hại là yêu cầu cấp bách hơn bao giờ hết đối với sinh viên các trường đại học ở TPHCM hiện nay.

3.1.3. Khái quát về đối tượng khảo sát ở Thành phố Hồ Chí Minh

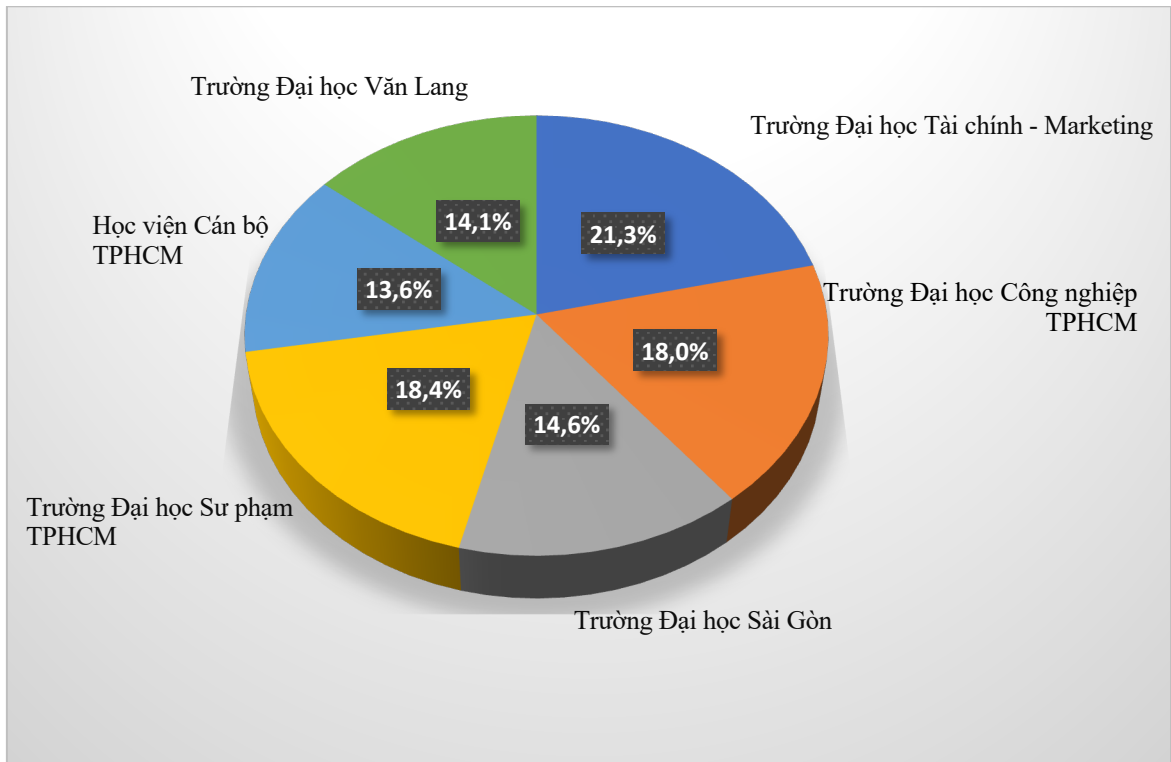
3.1.3.1. Đặc điểm cơ cấu mẫu khảo sát sinh viên

Bằng phương pháp điều tra xã hội học, NCS tiến hành gửi phiếu khảo sát đến sinh viên các trường đại học ở TPHCM. Kết quả khảo sát cho thấy mẫu nghiên cứu sinh viên có quy mô 1.283 người, được phân bố ở nhiều cơ sở giáo dục đại học trên địa bàn. Trong phạm vi Luận án, NCS tìm ra những đặc điểm riêng của sinh viên thuộc hai nhóm trường công lập và ngoài công lập với nhiều ngành đào tạo khác nhau để đánh giá nhận thức, thái độ, hành vi của sinh viên và thực trạng đổi mới phương thức tuyên truyền chủ quyền biển, đảo Việt Nam cho sinh viên các trường đại học trên địa bàn thành phố.

Về loại hình trường đại học, nhóm sinh viên đang học tại các trường công lập chiếm 85.9% với 1.102 người, trong khi sinh viên các trường ngoài công lập chiếm 14.1% với 181 người. Tỷ lệ này phản ánh tương đối đúng bức tranh chung của hệ thống giáo dục đại học tại TPHCM - nơi khối công lập vẫn chiếm ưu thế về quy mô đào tạo, độ phủ ngành nghề, truyền thống tổ chức hoạt động chính trị - xã hội và tổ chức Đoàn - Hội. Điều này đồng nghĩa với việc phần lớn dữ liệu khảo sát bước đầu phản ánh khá rõ đặc điểm tuyên truyền trong các trường đại học công lập - nơi công tác giáo dục chính trị, tư tưởng thường được tổ chức bài bản và có nền nếp hơn (Câu 4.1, PL4).

Về cơ cấu theo trường học, cho thấy mẫu nghiên cứu không tập trung vào một nhóm trường đơn nhất, mà có sự phân tán tương đối giữa các trường thuộc nhiều lĩnh vực đào tạo khác nhau, tạo điều kiện phản ánh được sự đa dạng của môi trường đại học trên địa bàn thành phố (PL4).

Biểu đồ 3.1. Cơ cấu mẫu khảo sát sinh viên phân theo trường Đại học



(Nguồn: Kết quả khảo sát Luận án, Câu 4.1, PL4)

Xét theo năm học, mẫu khảo sát tập trung chủ yếu ở sinh viên năm thứ nhất và năm thứ hai. Cụ thể, năm 1 có 559 sinh viên, chiếm 43,6%; năm 2 có 489 sinh viên, chiếm 38,1%; sinh viên năm 3 có 138 người, chiếm 10,8%; sinh viên năm 4 trở lên có 97 người, chiếm 7,6%. Cơ cấu này mang ý nghĩa đáng chú ý về mặt nghiên cứu. *Thứ nhất*, nó cho thấy phần lớn dữ liệu phản ánh tiếng nói của nhóm sinh viên đang ở giai đoạn đầu của quá trình đại học - giai đoạn chuyển tiếp mạnh mẽ từ môi trường phổ thông sang môi trường học tập có tính tự chủ, nơi nhận thức chính trị, bản sắc công dân và thái độ xã hội đang tiếp tục được định hình. *Thứ hai*, chính nhóm sinh viên năm nhất thường là đối tượng được tiếp cận nhiều với các hoạt động giáo dục đầu khóa, sinh hoạt chính trị, học phần Giáo dục Quốc phòng và An ninh, các hoạt động Đoàn - Hội của cơ sở. Vì vậy, đây là nhóm rất quan trọng để xem xét mức độ hiệu quả về đổi mới phương thức tuyên truyền chủ quyền biển, đảo Việt Nam trong nhà trường (Câu 4.1, PL4).

Về khối ngành đào tạo, mẫu nghiên cứu phân bố ở bốn nhóm ngành chính. Nhóm Khoa học xã hội và nhân văn - Luật - Sư phạm có tỷ lệ cao nhất với 620 sinh viên, chiếm 48%. Tiếp theo là nhóm Kinh tế - Quản lý - Kinh doanh với 445 sinh viên, chiếm 35%; nhóm Kỹ thuật - Công nghệ với 161 sinh viên, chiếm 13%; và nhóm Y - Dược - Khoa học sức khỏe với 57 sinh viên, chiếm 4%. Sự

phân bố này cho thấy mẫu khảo sát có ưu thế ở những ngành học vốn có điều kiện tiếp cận gần hơn với nội dung giáo dục chính trị, pháp luật, xã hội, nhưng đồng thời vẫn có sự hiện diện của các ngành kỹ thuật, công nghệ và sức khỏe. Điều đó tạo ra cơ sở để đánh giá công tác tuyên truyền chủ quyền biển, đảo trong bối cảnh sinh viên không đồng nhất về nền tảng tri thức, định hướng nghề nghiệp và mức độ quan tâm đến các vấn đề chính trị - xã hội (*Câu 4.1, PL4*).

Một biến số nền khác cũng có ý nghĩa đáng chú ý là *khu vực sinh sống chủ yếu trước khi vào đại học*. Kết quả khảo sát cho thấy tỷ lệ sinh viên có xuất thân từ khu vực nông thôn là 50,3% với 645 người, gần tương đương với sinh viên xuất thân từ khu vực đô thị là 49,7% với 638 người. Đây là một đặc điểm quan trọng, bởi nó cho thấy mẫu nghiên cứu không nghiêng hẳn về nhóm sinh viên đô thị, mà có sự cân bằng tương đối giữa các nền tảng xã hội hóa ban đầu. Sự cân bằng này giúp tăng độ tin cậy cho các phân tích tiếp theo, nhất là khi xét đến sự khác biệt có thể có trong mức độ tiếp cận thông tin, vốn sống xã hội, trải nghiệm công dân và thói quen truyền thông giữa sinh viên đến từ nông thôn và đô thị (*Câu 4.1, PL4*).

Từ những số liệu trên cho thấy, cơ cấu mẫu sinh viên mang 03 đặc điểm nổi bật:

Một là, mẫu có quy mô lớn và phân bố trên nhiều cơ sở đào tạo, qua đó bảo đảm mức độ đại diện nhất định cho sinh viên các trường đại học tại TPHCM.

Hai là, mẫu nghiêng về nhóm sinh viên công lập và sinh viên năm nhất, phản ánh khá rõ đặc điểm của nhóm đối tượng đang trực tiếp tham gia các hoạt động giáo dục chính trị - tư tưởng trong nhà trường.

Ba là, mẫu có sự đa dạng về khối ngành và nền tảng xã hội, cho phép phân tích thực trạng đổi mới phương thức tuyên truyền không chỉ theo logic hành chính - tổ chức, mà còn theo logic khác biệt của người học.

3.1.3.2. Đặc điểm cơ cấu mẫu khảo sát đại diện nhà trường

Song song với khảo sát sinh viên, NCS tiến hành khảo sát 151 cá nhân đại diện nhà trường (PL5). Đây là nhóm có ý nghĩa đặc biệt quan trọng, bởi họ vừa là lực lượng trực tiếp tổ chức các hoạt động giáo dục tuyên truyền, vừa là chủ thể định hướng, lồng ghép, phối hợp hoặc hỗ trợ sinh viên trong quá trình tiếp nhận nội dung về chủ quyền biển, đảo Việt Nam. So với dữ liệu sinh viên phản ánh trải nghiệm tiếp nhận, dữ liệu từ đại diện nhà trường cho phép nhận diện rõ hơn góc nhìn tổ chức, quản trị, điều kiện thực hiện, rào cản và khả năng đổi mới của hoạt động tuyên truyền trong thực tế.

Nhìn chung, cơ cấu mẫu khảo sát đại diện nhà trường cho thấy dữ liệu thu thập được có độ tin cậy và tính phù hợp nhất định đối với mục tiêu nghiên cứu. Mẫu khảo sát bao gồm nhiều nhóm chủ thể khác nhau như cán bộ Đoàn Thanh niên, cán bộ Hội Sinh viên, giảng viên và chuyên viên - những lực lượng giữ vai trò trực tiếp hoặc gián tiếp trong việc tổ chức, triển khai và hỗ trợ các hoạt động tuyên truyền trong nhà trường. Sự tham gia của các nhóm này cho phép dữ liệu phản ánh tương đối rõ cấu trúc tổ chức của hoạt động tuyên truyền, từ lực lượng triển khai phong trào đến lực lượng có khả năng lồng ghép nội dung vào giảng dạy.

Bên cạnh đó, cơ cấu mẫu còn được phân bố theo nhiều tiêu chí như loại hình trường, thâm niên công tác, lĩnh vực chuyên môn và cấp tổ chức Đoàn - Hội. Điều này tạo điều kiện tiếp cận vấn đề từ nhiều góc độ, không chỉ ở cấp quản lý hay tổ chức cấp trường mà còn ở cấp khoa, chi đoàn, chi hội - những không gian gần gũi với sinh viên trong đời sống học tập và sinh hoạt. Đặc biệt, việc phân lớn người tham gia khảo sát có thâm niên công tác chưa nhiều năm cho thấy đây là lực lượng đang trực tiếp hoạt động trong môi trường giáo dục hiện nay, có khả năng nắm bắt tương đối rõ đặc điểm tiếp nhận thông tin và nhu cầu tham gia hoạt động của sinh viên trong bối cảnh truyền thông số.

Từ góc độ nghiên cứu, dữ liệu khảo sát đại diện nhà trường không chỉ cung cấp thông tin về cách thức tổ chức hoạt động tuyên truyền mà còn làm rõ các điều kiện triển khai, mức độ tham gia của các lực lượng cũng như những thuận lợi và khó khăn trong thực tiễn. Khi đặt trong mối tương quan với dữ liệu khảo sát sinh viên - nhóm đối tượng trực tiếp tiếp nhận tuyên truyền - các thông tin này cho phép hình thành cái nhìn hai chiều về hoạt động tuyên truyền chủ quyền biển, đảo trong môi trường đại học.

Trên cơ sở đó, phần tiếp theo của chuyên đề sẽ đi sâu phân tích thực trạng đổi mới phương thức tuyên truyền chủ quyền biển, đảo Việt Nam cho sinh viên các trường đại học tại TPHCM. Phân tích được thực hiện dựa trên dữ liệu của cả hai nhóm đối tượng, nhằm làm rõ mức độ triển khai, mức độ đổi mới về phương pháp, hình thức, phương tiện tuyên truyền; đồng thời chỉ ra những kết quả đạt được, những hạn chế còn tồn tại và các vấn đề đặt ra trong thực tiễn.

Việc khảo sát đồng thời hai nhóm đối tượng: sinh viên với vai trò chủ thể tiếp nhận và đại diện nhà trường với vai trò chủ thể tổ chức, cho phép nghiên cứu tiếp cận vấn đề theo hướng hai chiều, qua đó làm rõ mối quan hệ giữa tổ

chức và tiếp nhận trong hoạt động tuyên truyền. Cách tiếp cận này không chỉ nâng cao độ tin cậy của dữ liệu mà còn tạo cơ sở quan trọng cho việc đánh giá mức độ đổi mới phương thức tuyên truyền chủ quyền biển, đảo trong bối cảnh truyền thông số hiện nay. Trên nền tảng dữ liệu khảo sát đã thu thập, nghiên cứu sẽ tiếp tục phân tích sâu thực trạng đổi mới phương thức tuyên truyền chủ quyền biển, đảo Việt Nam cho sinh viên tại các trường đại học trên địa bàn TPHCM ở các phần tiếp theo.

3.2. Thực trạng đổi mới phương thức tuyên truyền chủ quyền biển, đảo Việt Nam cho sinh viên các trường đại học ở Thành phố Hồ Chí Minh

Căn cứ vào cơ sở lý luận và các nội dung đổi mới phương thức tuyên truyền chủ quyền biển, đảo Việt Nam cho sinh viên các trường đại học ở TPHCM, NCS tiến hành khảo sát, phỏng vấn để đánh giá thực trạng của vấn đề này. Kết quả thu được phản ánh trung thực những ưu điểm và hạn chế của việc đổi mới phương thức tuyên truyền chủ quyền biển, đảo Việt Nam cho sinh viên hiện nay. Cụ thể như sau:

3.2.1. Ưu điểm

3.2.1.1. Đổi mới tư duy, nhận thức của các chủ thể và đối tượng tuyên truyền về tầm quan trọng của hoạt động tuyên truyền chủ quyền biển, đảo Việt Nam cho sinh viên ở các trường đại học

- Về phía các chủ thể tuyên truyền:

Một là, Đảng ủy, Ban Giám hiệu, các giảng viên, chuyên viên và cán bộ Đoàn - Hội ở đa số các trường, học viện đã có nhận thức đúng đắn về vai trò, tầm quan trọng của hoạt động tuyên truyền chủ quyền biển, đảo Việt Nam cho sinh viên tại nhà trường

Công tác tuyên truyền chủ quyền biển, đảo được Nhà trường, giảng viên, cán bộ Đoàn - Hội đánh giá là công tác đặc biệt quan trọng, mang tính chiến lược, sống còn và là nhiệm vụ chính trị “cốt lõi” trong công tác giáo dục chính trị tư tưởng. Kết quả phỏng vấn 16/16 đại diện nhà trường đều khẳng định công tác tuyên truyền chủ quyền biển đảo cho sinh viên là “rất quan trọng”/ “đặc biệt quan trọng” trong giáo dục chính trị, tư tưởng, góp phần nâng cao nhận thức và trách nhiệm công dân của sinh viên (Câu 1, phần B, PL6). Với câu hỏi “*Nhận thức và mức độ quan tâm của cá nhân với công tác tuyên truyền chủ quyền biển, đảo Việt Nam cho sinh viên?*”, kết quả khảo sát nhóm đại diện nhà trường đạt tỷ lệ cao (hầu như trên 50%) ở mức “hoàn toàn đồng ý” với các nội dung đo lường (Câu 5.2, PL5). Các chủ thể

tuyên truyền trong nhà trường đều xác định: tuyên truyền chủ quyền biển, đảo là một trong những nhiệm vụ giáo dục chính trị - tư tưởng quan trọng trong trường đại học; tuyên truyền chủ quyền biển, đảo là nhiệm vụ quan trọng của tổ chức Đoàn - Hội trong trường đại học. Đồng thời, Đoàn - Hội giữ vai trò nòng cốt trong việc tổ chức các hoạt động tuyên truyền biển, đảo cho sinh viên; giảng viên có vai trò quan trọng trong định hướng nhận thức của sinh viên về chủ quyền biển, đảo. Nhà trường cũng xác định, công tác tuyên truyền chủ quyền biển, đảo cần gắn với thực tiễn học tập và đời sống sinh viên. Quan trọng nhất, cần có sự phối hợp chặt chẽ giữa Đoàn - Hội với giảng viên và nhà trường trong hoạt động tuyên truyền chủ quyền biển, đảo cho sinh viên và cần có sự phối hợp chặt chẽ giữa hoạt động giảng dạy, công tác Đoàn - Hội và truyền thông của nhà trường.

Trong bối cảnh tình hình Biển Đông còn tiềm ẩn nhiều diễn biến phức tạp, việc trang bị cho sinh viên những hiểu biết đúng đắn, khoa học và có hệ thống về chủ quyền biển, đảo là yêu cầu cần thiết và lâu dài. Việc nhận thức đúng chủ quyền biển, đảo góp phần đổi mới tư duy, hình thành ý thức công dân, lòng yêu nước, trách nhiệm bảo vệ Tổ quốc trong thế hệ trẻ, còn là trách nhiệm định hướng cho thế hệ sau. So với các công tác khác của Đoàn - Hội, tuyên truyền chủ quyền biển, đảo không tách rời mà nằm trong tổng thể công tác giáo dục chính trị tư tưởng.

Hai là, phần lớn Đảng ủy, Ban Giám hiệu đã chỉ đạo và tổ chức hiệu quả các hoạt động tuyên truyền chủ quyền biển, đảo Việt Nam cho sinh viên

Công tác tuyên truyền chủ quyền biển, đảo được xác định là một nội dung quan trọng và thường xuyên, gắn với các hoạt động tuyên truyền pháp luật, giáo dục truyền thống, giáo dục quốc phòng - an ninh. Tùy từng thời điểm, nội dung này có thể được lồng ghép, ưu tiên triển khai trong các ngày lễ lớn của đất nước, các đợt sinh hoạt chính trị, tuần sinh hoạt công dân - sinh viên, các hoạt động do Đoàn Thanh niên, Hội Sinh viên tổ chức.

Sự đổi mới mạnh mẽ trong nhận thức của các chủ thể tuyên truyền trong nhà trường dẫn đến thái độ nghiêm túc và hành vi chủ động trong việc tiếp nhận, cụ thể hóa các văn bản chỉ đạo, hướng dẫn, kế hoạch hành động từ UBND Thành phố, Thành Đoàn, Hội Sinh viên TPHCM để đưa vào chương trình công tác năm học của đơn vị. Thời gian qua, các trường đại học trên địa bàn TPHCM đã quán triệt, triển khai thực hiện Đề án, các văn bản của Chính phủ và kế hoạch, chương trình của UBND TPHCM, Thành đoàn TPHCM,... về việc tuyên

truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về biển, đảo đối với sinh viên trên địa bàn thành phố; văn bản chỉ đạo lồng ghép tuyên truyền biển, đảo trong các đợt sinh hoạt chính trị lớn (kỷ niệm ngày truyền thống, các sự kiện chính trị quan trọng); Công văn vận động tham gia quỹ “Vì biển đảo quê hương - Vì tuyến đầu Tổ quốc”; Chương trình “Tuổi trẻ Thành phố vì biên giới, biển, đảo” hàng năm;... (Câu 2, phần B, PL6). Ngoài ra, các trường đại học cũng liên kết, phối hợp với Thành ủy và các sở, ban, ngành thường xuyên tổ chức các hoạt động tuyên truyền như: hội thảo, tọa đàm, triển lãm, đào tạo và phát động các cuộc thi, văn nghệ,... nhằm tăng cường nhận thức về vấn đề chủ quyền biển, đảo và quyền lợi của Việt Nam đối với biển, đảo. Đây là một phần quan trọng trong việc tuyên truyền, giáo dục, tạo động lực cho sinh viên TP HCM tham gia đóng góp vào việc bảo vệ chủ quyền biển, đảo của đất nước.

- Về phía đối tượng tuyên truyền - sinh viên:

Một là, đa số sinh viên các trường đại học có nhận thức tương đối tích cực về tầm quan trọng của việc bảo vệ chủ quyền biển, đảo

Kết quả phân tích cho thấy các biến đo lường nhận thức của sinh viên về chủ quyền biển, đảo đều đạt giá trị trung bình ở mức rất cao, phản ánh thái độ tích cực của sinh viên đối với vấn đề này. Cụ thể, sinh viên đánh giá việc tuyên truyền về chủ quyền biển, đảo là cần thiết đối với sinh viên hiện nay, với giá trị trung bình Mean = 4,48 (SD = 0,859). Đồng thời, sinh viên cũng thể hiện ý thức trách nhiệm cao đối với việc bảo vệ chủ quyền biển, đảo của Tổ quốc, với Mean = 4,46 (SD = 0,831). Bên cạnh đó, sinh viên cũng cho biết họ quan tâm đến các vấn đề liên quan đến chủ quyền biển, đảo, với Mean = 4,35 (SD = 0,846), và hiểu được những nội dung cơ bản liên quan đến chủ quyền biển, đảo Việt Nam, bao gồm vị trí, vai trò và cơ sở pháp lý của chủ quyền biển, đảo đối với sự phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm quốc phòng - an ninh của đất nước (Mean = 4,30; SD = 0,867) (Câu 4.2, PL4).

Những kết quả này cho thấy sinh viên không chỉ tiếp cận thông tin về chủ quyền biển, đảo mà còn hình thành nhận thức tương đối tích cực về tầm quan trọng của việc bảo vệ chủ quyền biển, đảo. Theo đó nhận thức, thái độ và hành vi của cá nhân được hình thành thông qua quá trình tiếp nhận thông tin, quan sát và tương tác với môi trường xã hội. Trong môi trường đại học, các hoạt động giảng dạy, truyền thông và sinh hoạt đoàn thể đóng vai trò là những tác nhân xã

hội quan trọng giúp hình thành, củng cố nhận thức của sinh viên về các vấn đề chính trị - xã hội, trong đó có vấn đề chủ quyền biển, đảo.

Hai là, sự chuyển biến tích cực về thái độ và hành vi của sinh viên theo hướng nhạy bén, bồi đắp tình cảm, niềm tin, lý tưởng chính trị và hành động thực tiễn

Sinh viên các trường đại học trên địa bàn TPHCM nhìn chung có ý thức chính trị tốt, lòng yêu nước nồng nàn và tinh thần trách nhiệm công dân cao, đặc biệt nhạy bén và sục sôi nhiệt huyết trước các sự kiện nóng trên Biển Đông. Khi được hỏi về “*Mức độ quan tâm của bạn đối với các sự kiện/vấn đề liên quan đến chủ quyền biển, đảo?*”, kết quả khảo sát cho thấy, có đến 825 sinh viên trả lời “quan tâm, thường xem khi thấy tin xuất hiện” chiếm 64.3%. Đáng kể, có đến 397 sinh viên trả lời “Rất quan tâm, chủ động tìm kiếm thông tin” đạt 30.9% (Câu 4.3, PL4). Đây là kết quả tích cực cho thấy sự chuyển biến tích cực về thái độ và hành vi của sinh viên với các vấn đề liên quan đến chủ quyền biển, đảo trong nhà trường đại học hiện nay. Bên cạnh đó, một số đại diện nhà trường chia sẻ: nhóm sinh viên nòng cốt (cán bộ lớp, cán bộ Đoàn - Hội) và một bộ phận sinh viên năng động đã chủ động chuyển hóa nhận thức thành hành động cụ thể thông qua việc tích cực tham gia các phong trào hướng về biên giới biển đảo như “Góp đá xây Trường Sa”, nhấn tin ủng hộ Quỹ “Vì biển đảo quê hương” (PV7, Câu 3, PL6), viết thư gửi chiến sĩ nhà giàn (PVI6, Câu 3, PL6), tham gia chiến dịch tình nguyện tại huyện đảo Phú Quý, bộc lộ tiếng nói phù hợp và tích cực chia sẻ, lan tỏa các thông tin chính thống để định hướng dư luận trên không gian mạng.

Qua khảo sát hai nhóm đối tượng nghiên cứu của luận án cho thấy, điểm sáng lớn nhất và cũng là thành tựu mang tính nền tảng của quá trình đổi mới phương thức tuyên truyền chính là sự chuyển biến sâu sắc trong nhận thức, thái độ và hành vi của cả hệ thống chủ thể tổ chức lẫn đối tượng tiếp nhận là sinh viên. Nếu như trước đây, công tác giáo dục chính trị, tư tưởng nói chung và tuyên truyền chủ quyền biển, đảo nói riêng thường bị đóng khung trong định kiến là những hoạt động khô khan, mang tính bắt buộc theo các đợt sinh hoạt chính trị tập trung, thì hiện nay, quá trình tuyên truyền này đã được chuyển thành nhu cầu tự thân và ý thức công dân của thế hệ trẻ. Hơn nữa, kết quả khảo sát không chỉ phản ánh mức độ phủ sóng rộng rãi của các hoạt động

giáo dục trong nhà trường mà còn cho thấy chủ thể tuyên truyền (nhà trường, giảng viên, tổ chức Đoàn - Hội) đã có sự thay đổi lớn trong tư duy tiếp cận.

3.2.1.2. Kế thừa và phát triển các phương pháp, hình thức, phương tiện truyền thống trong tuyên truyền chủ quyền biển, đảo Việt Nam cho sinh viên các trường đại học

Một là, các nhà trường đã tăng cường sử dụng các phương pháp truyền thống có tính tích cực, lấy đối tượng tuyên truyền làm trung tâm

Quan điểm xem sinh viên như người lĩnh hội tri thức cần được truyền thụ thông tin đã hoàn toàn bị phá bỏ. Thay vào đó, phương pháp tuyên truyền hiện nay phát huy được tính chủ động của sinh viên. Sinh viên được tham gia trao đổi, thảo luận trong các hoạt động tuyên truyền, khảo sát cho thấy sinh viên đánh giá khá cao mức độ “đồng ý” và “hoàn toàn đồng ý” với phương pháp tuyên truyền này với tỷ lệ lần lượt là 33.2% và 43.0% (Câu 4.7, PL4). Nhiều giảng viên còn sử dụng trò chơi trí tuệ, bài tập tình huống nêu vấn đề và giải quyết vấn đề để kích thích tư duy tranh biện, hùng biện và tinh thần học hỏi của sinh viên. Đặc biệt, đã chú trọng nhiều đến phương pháp thảo luận có giảng viên hướng dẫn.

Trong các hoạt động tuyên truyền, sinh viên được đặt vào vị trí trung tâm, được tham gia trao đổi, thảo luận, phản biện, thậm chí đóng vai trò là những “đại sứ truyền thông” để thiết kế các sản phẩm cổ động. Phương pháp tuyên truyền lấy đối tượng làm trung tâm được sinh viên đánh giá cao. Việc tổ chức các hội nghị, diễn đàn, tọa đàm trao đổi, nắm bắt dư luận của sinh viên về những vấn đề thời sự, điểm nóng liên quan đến biển, đảo được thực hiện theo định kỳ (quý/năm); đồng thời, các nhà trường cũng tích cực triển khai tổ chức, phát động phong trào “Sinh viên nghiên cứu khoa học”, “Sinh viên với ý tưởng khởi nghiệp” liên quan đến chủ đề biển, đảo. Qua đó, sinh viên thể hiện sự chủ động, tự tin và bản lĩnh hơn trong tương tác xã hội cũng như giao tiếp cộng đồng. Việc tham gia các hoạt động trên giúp sinh viên có một môi trường phát triển nhân cách toàn diện. Đây không chỉ là sân chơi học thuật, diễn đàn trao đổi, chia sẻ quan điểm cá nhân về những vấn đề chính trị - xã hội của thế hệ trẻ trong nhà trường XHCN mà còn là phương pháp đổi mới, kiến tạo tư duy, tri thức khoa học cho sinh viên - những chủ nhân tương lai của đất nước và góc nhìn của một người cộng sản đối với vận mệnh “sống còn” của quốc gia, dân tộc. Việc tổ chức các hội thi sáng tạo video, infographic chính là việc sử dụng phương pháp

kiến tạo, nơi người học tự xây dựng kiến thức qua quá trình sáng tạo sản phẩm.

Hai là, việc đa dạng hóa, sinh động hóa các hình thức tuyên truyền truyền thống đã tạo ra một hệ sinh thái giáo dục đa chiều

Tuyên truyền chủ quyền biển đảo là quá trình đòi hỏi phải tiến hành thường xuyên, liên tục, thống nhất. Do đó, hình thức tuyên truyền cũng được lựa chọn cho phù hợp và tùy vào điều kiện từng trường. Các trường đại học ở TP HCM luôn xem việc đổi mới hình thức tuyên truyền chủ quyền biển, đảo cho sinh viên là một nhiệm vụ chính trị quan trọng và phải được tiến hành một cách đồng bộ, thường xuyên. Theo chia sẻ, các trường đại học rất quan tâm đến việc tìm tòi, lựa chọn và kết hợp các hình thức tuyên truyền phù hợp cho sinh viên. Thay vì chỉ sử dụng các hình thức hội nghị, hội thảo, tọa đàm, mít tinh, các trường đại học tại TP HCM đã triển khai đa dạng các hoạt động và tích cực “Truyền thông trên website/fanpage/mạng xã hội của trường” đạt tỷ lệ rất cao (65.4%); “Triển lãm, trưng bày tư liệu, hình ảnh” đạt tỷ lệ cao (45.8%). (Câu 4.1, PL4). Sinh viên cũng đánh giá cao sự đa dạng và phong phú của hình thức tuyên truyền hiện nay thông qua các mô hình trực quan, hoạt động văn hóa, triển lãm với với Mean = 4,35 (Câu 4.7, PL4). Các hình thức này không tồn tại độc lập mà đan xen, hỗ trợ lẫn nhau. Sự sinh động hóa này giúp thông điệp chủ quyền không còn là những khẩu hiệu khô cứng mà trở thành những trải nghiệm văn hóa, trí tuệ hấp dẫn giới trẻ.

Ba là, mức độ cải tiến, phát triển các hình thức tuyên truyền truyền thống được thực hiện một cách thực chất

Các kênh giáo dục chính khóa như “Học phần Giáo dục Quốc phòng và An ninh” đạt tỷ lệ tiếp cận 93,6% và “các môn Lý luận chính trị” đạt 56,2% (Câu 4.1, PL4), không bị triệt tiêu mà được làm mới lại. Giảng viên đã cải tiến hình thức giảng bài, báo cáo chuyên đề để phù hợp hơn với thế hệ sinh viên Gen Z. Sinh viên đánh giá khá cao “Các hình thức truyền thông (giảng bài, báo cáo chuyên đề,...) đã được cải tiến để phù hợp với sinh viên” với tỷ lệ “đồng ý” và “hoàn toàn đồng ý” đạt 38.6% và 46.8% (Câu 4.7, PL4). Việc lồng ghép các bài tập tình huống thực tế, các thước phim tài liệu sống động vào bài giảng lý luận đã giúp các hình thức truyền thông này phát huy được tính hệ thống, hàn lâm vốn có nhưng lại dễ tiếp thu hơn rất nhiều.

Ngoài ra, để kiểm tra đánh giá quá trình nhận thức của sinh viên có đạt kết quả như mong muốn hay không, bên cạnh các hình thức thi, kiểm tra truyền

thông là tự luận, trắc nghiệm trên giấy (truyền thống) thì các trường đã có nhiều đổi mới trong khâu tổ chức ra đề thi những học phần giáo dục lý luận chính trị và các buổi sinh hoạt ngoại khóa. Hầu hết các bộ môn đều có ngân hàng câu hỏi và áp dụng đa dạng các hình thức thi trực tiếp và trực tuyến như: thi vấn đáp, thi trắc nghiệm trực tuyến, trắc nghiệm Q&A nhanh, viết tiểu luận, báo cáo thu hoạch,... đã đem lại hiệu quả tốt trong công tác tuyên truyền các vấn đề lý luận chính trị nói chung, vấn đề bảo vệ chủ quyền biển, đảo nói riêng. Bên cạnh đó, Đoàn Thanh niên và Hội sinh viên các trường cũng thường xuyên tổ chức các buổi học tập nghị quyết, sinh hoạt chính trị, sinh hoạt chuyên đề, trang bị kiến thức, kỹ năng đấu tranh bảo vệ chủ quyền biển, đảo; đồng thời triển khai hình thức tổ chức làm các bài kiểm tra trắc nghiệm, hội thi (trực tuyến, trực tiếp) với chủ đề như: “Lịch sử biển, đảo Việt Nam”, “Luật Biển Việt Nam”, “Luật Cảnh sát Biển”, “Biển đảo Tổ quốc và Hải quân nhân dân Việt Nam anh hùng”, hội thi sân khấu hóa,... Phòng Công tác sinh viên của một số trường đại học cũng thường xuyên kiểm tra, đánh giá năng lực sinh viên qua phần mềm Hệ thống VLE: LMS - Hệ thống quản lý đào tạo trực tuyến (Ứng dụng Website) Công nghệ LAMP của trường theo chương trình đào tạo đại học mới. Việc đan xen và thay đổi các hình thức kiểm tra nhằm phát huy ưu điểm và khắc phục hạn chế riêng, tăng tính chuẩn xác, khách quan và toàn diện trong công tác đánh giá.

Bốn là, mức độ phát triển đa dạng các phương tiện, sản phẩm truyền thông

Phương tiện không chỉ là kênh truyền tải mà còn là định dạng nội dung. Các trường đại học đã bắt kịp xu hướng tiếp nhận nội dung ngắn, nhanh, trực quan của thế hệ Gen Z. Thay vì các bài viết dài (text), hàn lâm, các phương tiện truyền thông mới như: “Video ngắn” được 83,3% sinh viên ưa chuộng, và sự trỗi dậy của Podcast/sách nói phục vụ nhu cầu nghe thụ động cũng thu hút sự chú ý với mức tỷ lệ cao 65.5% (Câu 4.4, PL4). Sinh viên đánh giá và khẳng định rằng các phương tiện truyền thông dạng video, infographic, hình ảnh,... đã giúp nội dung về biển, đảo trở nên sinh động, hấp dẫn, thu hút hơn rất nhiều, chiếm tỷ lệ cao nhất 45.7% “hoàn toàn đồng ý” (Câu 4.7, PL4). Sự đa dạng này cho phép chia nhỏ thông điệp lớn thành những “hạt” thông tin dễ hiểu, dễ ghi nhớ, phù hợp với thói quen lướt mạng xã hội hàng ngày của người trẻ.

Qua phỏng vấn, các trường đại học tại TPHCM đã bắt kịp xu hướng tiếp cận thông tin của giới trẻ bằng cách áp dụng các công cụ công nghệ đa phương tiện số. Thay vì các văn bản giấy, phương tiện tuyên truyền đã được số hóa qua

việc thiết kế các Infographic sinh động, sản xuất video truyền thông, phát thanh thu hút tương tác trên TikTok, Facebook Reels, sản xuất chuỗi Podcast kể chuyện biển đảo (PVI6, Câu 5, PL6), tổ chức Talkshow livestream, phát động gắn hashtag và tạo khung ảnh đại diện (avatar) (PVI5, Câu 5, PL6). Trong quá trình tuyên truyền, đấu tranh phản bác các luận điệu sai trái, thù địch về vấn đề biển, đảo trên không gian mạng, sự trau dồi nhận thức và ý chí tự rèn luyện, nhận diện thông tin của sinh viên cũng phần nào được thay đổi đáng kể.

3.2.1.3. Sáng tạo những phương pháp, hình thức, phương tiện tuyên truyền chủ quyền biển, đảo Việt Nam cho sinh viên ở các trường đại học

Một là, mức độ sáng tạo các phương pháp mới có sự chuyển biến tích cực

Đổi mới phương pháp tiếp cận đối tượng thông qua cơ chế “mềm hóa” nội dung chính luận của tổ chức Đoàn Thanh niên - Hội Sinh viên. Phòng vấn đại diện nhà trường chia sẻ: Đoàn - Hội đã đóng vai trò là “người thiết kế” và “người truyền lửa” (PVI6, Câu 6, PL6), thủ lĩnh thanh niên, biết cách lồng ghép các kiến thức pháp lý biển, đảo trong chương trình học vào các phong trào văn hóa, văn nghệ, nghệ thuật kịch ngắn, minigame ngắn gọn đáp ứng đúng tâm lý học đường của thế hệ Gen Z. Sự ra đời của phương pháp lồng ghép và phương pháp trò chơi hóa là minh chứng điển hình cho sự phát triển sáng tạo phương pháp mới.

Đoàn Thanh niên, Hội Sinh viên đã thường xuyên tổ chức những hoạt động tuyên truyền chủ quyền biển, đảo Việt Nam cho sinh viên bằng nhiều phương pháp khác nhau, triển khai định kỳ và có những kết quả đáng tin cậy để khẳng định sự phát triển sáng tạo của các phương pháp mới mà các trường đại học, đặc biệt là tổ chức Đoàn - Hội đã đổi mới và phát triển từ các phương pháp truyền thống thành phương pháp có tính ứng dụng công nghệ cao, như: Hội thi Rung chuông vàng; chương trình văn hóa - văn nghệ, hội thao quốc phòng gắn với chủ đề biển, đảo; thiết kế, sáng tác ấn phẩm tuyên truyền, cổ động (tranh vẽ 3D, ảnh, video, infographic). Kết quả đánh giá mức độ “thường xuyên” và “rất thường xuyên” đạt tỷ lệ cao, chiếm 34.5% và 33.0% (Câu 4.6, PL4).

Khi khảo sát các hoạt động tuyên truyền về chủ quyền biển, đảo mà sinh viên đã tham gia tại trường, NCS thu được những kết quả đáng tin cậy về mức độ tham gia và hiệu quả tổ chức các hoạt động tuyên truyền của Đoàn - Hội tại các nhà trường đại học, cụ thể: có 47.3% sinh viên từng tham gia “Hội thi tìm hiểu (Rung chuông vàng, thi trắc nghiệm, thi trực tuyến,...) về Biển, đảo Việt

Nam, Luật Biển Việt Nam, Luật Cảnh sát Biển Việt Nam,...” chiếm tỷ lệ cao nhất trong các hoạt động; các hoạt động khác như “Hoạt động văn hóa - văn nghệ về chủ đề biển, đảo” và “Tham quan nhà trưng bày, bảo tàng, di tích lịch sử gắn liền với biển đảo” chiếm tỷ lệ cao lần lượt là 45.5% và 38.7% (*Câu 4.1, PL4*).

Kết quả trên chứng tỏ các phương pháp mới này đã phá vỡ sức ỳ tâm lý, tạo ra môi trường giáo dục không áp lực, giúp quá trình chuyển hóa nhận thức chính trị của sinh viên diễn ra một cách tự nhiên, tự nguyện và đầy hứng khởi. Qua đó, giúp sinh viên nâng cao nhận thức, thái độ và có hành vi, trách nhiệm đúng đắn trong việc tuyên truyền và bảo vệ chủ quyền biển, đảo quốc gia.

Hai là, mức độ sáng tạo các hình thức tuyên truyền mới mang lại những dấu ấn đậm nét

Việc khai thác triệt để “không gian học đường” trở thành một hình thức tuyên truyền trực quan tĩnh nhưng có sức thẩm thấu liên tục. Các trường đại học đã mạnh dạn áp dụng những hình thức tuyên truyền mới, sáng tạo (mô hình biển đảo, tranh bích họa, trưng bày triển lãm kèm mã QR thông tin, hội thi, hoạt động trải nghiệm thực tế,...) với kết quả đánh giá cao, tỷ lệ “hoàn toàn đồng ý” chiếm 46.8% (*Câu 4.7, PL4*).

Khi được hỏi về các phương thức tuyên truyền về chủ quyền biển, đảo đã tham gia tại trường, sinh viên đã đánh giá mức độ sáng tạo các hình thức tuyên truyền mới như sau: “Trưng bày Bản đồ Việt Nam thể hiện đầy đủ chủ quyền biển, đảo tại phòng truyền thống của nhà trường” thu hút 47.1% sinh viên tham gia; “Trưng bày mô hình biển, đảo trong khuôn viên trường, ký túc xá (vườn hoa hình chữ S, mô hình Quần đảo Hoàng Sa - Trường Sa, cột mốc chủ quyền,...)” thu hút 43,6% sinh viên tiếp cận; hay “Vẽ tranh bích họa, tranh tường về chủ đề biển, đảo trong khuôn viên trường học, ký túc xá” thu hút 33,9% sinh viên tham gia (*Câu 4.1, PL4*). Sinh viên khẳng định việc “Lồng ghép nội dung chủ quyền biển, đảo vào không gian học tập hằng ngày (tên phòng học, khu vực, công trình,...) mang lại hiệu quả tuyên truyền rõ rệt”, đánh giá ở mức độ cao (Mean = 4,33) (*Câu 4.5, PL4*). Qua khảo sát nhóm đại diện nhà trường, thực trạng mức độ sáng tạo, sử dụng các hình thức tuyên truyền mới cũng được đo lường giá trị rất cao thông qua số liệu: “Trực quan trong không gian học đường: mô hình biển đảo/ vườn hoa hình chữ S có Quần đảo Hoàng Sa, Trường Sa; cột mốc chủ quyền; thiết kế bản đồ Việt Nam; đặt tên đường/khu vực trong khuôn viên; vẽ tranh bích họa; đặt tên phòng học/phòng thí

nghiệm/phòng thực hành gắn với biển đảo”, với mức độ “thường xuyên” và “rất thường xuyên” đạt tỷ lệ lần lượt là 36.4% và 35.1% (*Câu 5.3, PL5*).

Kết quả so sánh, đối chiếu trên cho thấy sự đồng thuận cao giữa chủ thể và đối tượng tuyên truyền khi đánh giá mức độ sáng tạo các hình thức tuyên truyền mới trong nhà trường, khẳng định tính trực quan, sinh động trong tuyên truyền, phá vỡ rào cản khô khan của các tài liệu lý luận chính trị thông thường, biến các thông điệp về bảo vệ chủ quyền lãnh thổ thành những hình ảnh, mô hình có thể nhìn thấy, chạm thấy ngay trong khuôn viên trường, giúp sinh viên dễ dàng ghi nhớ và thấm nhuần hơn.

Ba là, mức độ ứng dụng khoa học - công nghệ để đổi mới hình thức tuyên truyền đang trở thành một lợi thế cạnh tranh của môi trường đại học

Ứng dụng chuyển đổi số trong môi trường giáo dục đại học ngày càng đáp ứng yêu cầu giáo dục toàn diện mà Đảng và Nhà nước ta đề ra. Cụ thể, trong hoạt động tuyên truyền chủ quyền biển, đảo, sự xuất hiện của các triển lãm số, trưng bày hiện vật kèm mã QR code, hoặc ứng dụng công nghệ 3D, thực tế ảo đang tái định hình cách sinh viên tương tác với lịch sử và pháp lý biển, đảo. Các hình thức “Hội thi thiết kế ấn phẩm (infographic, video, âm nhạc,...) về chủ đề biển, đảo Việt Nam (thi trực tuyến Facebook, Tiktok)” thu hút 30,7% sinh viên tham gia (*Câu 4.1, PL4*). Việc ứng dụng công nghệ không chỉ làm mới hình thức triển khai mà còn thay đổi cấu trúc của việc tiếp nhận: từ việc nghe - đọc thụ động sang việc quét, chạm, tương tác và chia sẻ, qua đó giúp sinh viên dễ tiếp nhận và ghi nhớ nội dung một cách tự nhiên.

Ở góc độ chủ thể tuyên truyền, đội ngũ cán bộ Đoàn - Hội, giảng viên đánh giá cao các phương thức trực quan và truyền thông đa phương tiện trong đổi mới hình thức tuyên truyền chủ quyền biển, đảo của nhà trường, cụ thể: Mức độ sử dụng “Phương thức truyền thông đa phương tiện (trên nền tảng số): Bài viết/ tin văn/video/reels/infographic/podcast,... trên mạng xã hội: Facebook/ TikTok/ Youtube/ Zalo/ Instagram/ Website/ Blog của trường hoặc của câu lạc bộ, đội, nhóm sinh viên” được đánh giá cao nhất trong nhóm các phương pháp được sử dụng và đổi mới, chiếm tỷ lệ 39.7%; hay “Phương thức trực quan: Pano, áp phích; triển lãm bản đồ; trưng bày tư liệu hình ảnh/số hóa (3D, thực tế ảo, mã QR),... về Quần đảo Hoàng Sa, Trường Sa tại trường/ký túc xá” được đánh giá rất cao ở mức “thường xuyên” so với sử dụng các phương thức tuyên truyền khác, chiếm tỷ lệ 46.3% (*Câu 5.3, PL5*).

Trong Báo cáo công tác Đoàn của các trường đại học ở TPHCM cũng nêu rõ việc nâng cao chất lượng và đổi mới các hình thức tuyên truyền trên không gian mạng nhằm đáp ứng thị hiếu của sinh viên. Đoàn Trường Đại học Sư phạm TPHCM đã đổi mới hình thức tuyên truyền, giáo dục thông qua cuộc thi viết chính luận Ngòi bút vàng - Viên phấn thép” (truyền thông trực tuyến). Đặc biệt, Đoàn trường cũng đánh giá là việc đầu tư các sản phẩm tuyên truyền trực quan, sinh động, bắt kịp xu hướng của giới trẻ như các ca khúc rap, videoclip ca nhạc tuyên truyền, phim ngắn, các chương trình trực tuyến, tương tác qua mạng xã hội, ... giúp đoàn viên, thanh niên tăng mức độ tiếp cận với hoạt động của Đoàn (Báo cáo tổng kết công tác Đoàn 2025-2026, PL7); hoặc Đoàn Trường Đại học Tài chính - Marketing đã phối hợp cùng bộ phận truyền thông của Phòng Tuyển sinh, truyền thông và quan hệ doanh nghiệp thực hiện chương trình UFM News14 bản tin UFM News bằng Tiếng Anh và Tiếng Trung trên kênh youtube: Đại học Tài chính - Marketing (UFM). Định kỳ hằng tuần ra một số phát sóng truyền thông về các bản tin hoạt động nổi bật diễn ra trong tuần diễn ra tại UFM trong đó có hoạt động Đoàn - Hội. Ngoài ra, các số còn truyền thông về các tin tức đáng chú ý khác về các tin hằng ngày trong nước (*Báo cáo tổng kết công tác Đoàn 2025-2026, PL7*). Bên cạnh đó, Báo cáo của Đoàn Trường Đại học Công nghiệp TPHCM cũng đã thống kê các hoạt động tuyên truyền thông qua hệ thống trang tin điện tử, diễn đàn trên mạng xã hội của Đoàn, Hội trường, các Đoàn cơ sở, triển khai các hội thi với nhiều hình thức thi đa dạng hơn như: bài viết, thiết kế video và đăng tải, chia sẻ rộng rãi trên nền tảng số của đơn vị như facebook, youtube, thu hút được rất nhiều lượt tiếp cận và tương tác (*Báo cáo tổng kết công tác Đoàn 2025-2026, PL7*).

Như vậy, cả hai nhóm đối tượng khảo sát đều khẳng định sự đột phá trong việc ứng dụng khoa học - công nghệ để đổi mới hình thức, sự bắt nhịp nhạy bén với xu thế “chuyển đổi số” trong công tác tư tưởng. Nhà trường không hề bị tụt hậu hay cứng nhắc trong phương thức tuyên truyền. Họ đã nhận thức rõ và sẵn sàng áp dụng các công cụ số để tiếp cận người học một cách hiện đại nhất. Việc ứng dụng 3D, thực tế ảo (VR), hay mã QR không chỉ thể hiện bước tiến chuyển đổi số của nhà trường mà đã thực sự biến sinh viên từ những người tiếp nhận thông tin một chiều thành những người chủ động tương tác, khám phá nội dung tuyên truyền như về lịch sử và pháp lý biển, đảo. Tính đa dạng và sức lan toả mạnh mẽ của các kênh truyền thông giúp tri thức đọng lại tự nhiên và sâu sắc

hơn, đồng thời vượt qua các giới hạn về không gian và thời gian của các buổi sinh hoạt chính trị truyền thống.

3.2.1.4. Lồng ghép, phối hợp hiệu quả các phương pháp, hình thức, phương tiện tuyên truyền chủ quyền biển, đảo Việt Nam cho sinh viên ở các trường đại học

Một là, mức độ kết hợp, đan xen các phương pháp, hình thức truyền thống và hiện đại, sử dụng linh hoạt các phương pháp, hình thức trực quan và thực tiễn ngày càng hiệu quả

Khảo sát cho thấy sinh viên “hoàn toàn đồng ý” về sự đổi mới phương pháp tuyên truyền có sự kết hợp giữa truyền thống và hiện đại, chiếm tỷ lệ cao nhất ở mức 49.2% (Câu 4.7, PL4). Phương pháp thuyết trình, diễn giảng truyền thống của báo cáo viên, chuyên gia, giảng viên tại giảng đường nay được kết hợp với phương pháp ứng dụng truyền thông số và đa nền tảng mạng xã hội. Thay vì các văn bản giấy, phương pháp tuyên truyền được số hóa thông qua các sản phẩm truyền thông có chọn lọc. Sự giao thoa này khắc phục được nhược điểm của phương pháp cũ, và cung cấp được chiều sâu học thuật mà các phương pháp hiện đại (thường chuộng nhanh, ngắn) đôi khi bỏ sót.

Bên cạnh đó, phương pháp tuyên truyền cùng nội dung tuyên truyền về chủ quyền biển, đảo đã được trình bày rõ ràng, dễ hiểu và dễ ghi nhớ hơn thông qua các học phần như: các môn lý luận chính trị, học phần Giáo dục Quốc phòng và An ninh,... giúp sinh viên có thể hiểu rõ hơn những nội dung cơ bản về chủ quyền biển, đảo Việt Nam (vị trí, vai trò, cơ sở pháp lý,...) đối với kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh của quốc gia. Bên cạnh đó, khác với những lý thuyết chung trong giáo trình, hiện nay, các nhà trường đã cập nhật, bổ sung nội dung tuyên truyền gắn với thực tiễn và các vấn đề thời sự, tạo tính hấp dẫn, cho bài giảng và thu hút sự quan tâm của sinh viên nhiều hơn.

Sự đa dạng hóa phương pháp tuyên truyền thông qua sự kết hợp hài hòa giữa lý luận chính trị và các hoạt động trải nghiệm thực tiễn, trực quan sinh động tương tác cao đã được thực hiện ở hầu hết các trường đại học tại TPHCM hiện nay. Việc đưa nội dung tuyên truyền gắn chặt với thực tiễn và các vấn đề thời sự nóng hổi đang diễn ra trên Biển Đông được sinh viên đánh giá cao, mức độ “hoàn toàn đồng ý” đạt 41.9% (Câu 4.7, PL4). Các giảng viên cũng đã sử dụng linh hoạt phương pháp trực quan như thiết kế giáo án điện tử, ứng dụng lồng ghép AI để vẽ các sơ đồ, biểu đồ, tạo video clip chân thật, sinh động trong

quá trình giảng dạy, tuyên truyền, giúp sinh viên bớt nhàm chán và có hứng thú hơn với các môn học lý luận. Đồng thời, các hình thức truyền thống (giảng dạy, báo cáo chuyên đề) đã được cải tiến để phù hợp với sinh viên; nhà trường cũng áp dụng những hình thức tuyên truyền mới, đa dạng và phong phú thông qua không gian học đường, hoạt động văn hóa, triển lãm, mô hình trực quan,... được sinh viên đánh giá cao ở mức “hoàn toàn đồng ý” chiếm 50.1% (*Câu 4.7, PL4*).

Phương pháp thực tiễn được đẩy mạnh thông qua các hoạt động ngoại khóa, dã ngoại, hành trình về nguồn, tham quan bảo tàng, hay các đợt giao lưu với cán bộ, chiến sĩ Vùng 2 Hải quân, thăm nhà giàn DK1,... Mặc dù, tần suất tổ chức có thể chưa cao do giới hạn nguồn lực, nhưng tác động tâm lý của phương pháp “mắt thấy, tai nghe, tay chạm” này là cực kỳ to lớn, tạo ra những cảm xúc chính trị sâu sắc mà không bài giảng lý thuyết nào có thể thay thế được.

Hai là, mức độ tăng cường sự phối hợp giữa các phương tiện tuyên truyền truyền thống và hiện đại cũng ngày càng nâng cao

Các trường đại học đã tăng cường phối hợp sử dụng các phương tiện tuyên truyền truyền thống và hiện đại một cách đồng bộ, hiệu quả thay vì sử dụng các phương tiện một cách rời rạc như trước đây. Một chiến dịch tuyên truyền hiện nay thường có tính đa kênh. Ví dụ, một cuộc thi tìm hiểu được tổ chức trực tiếp tại hội trường sẽ được phát sóng video và âm thanh trực tiếp (livestream) trên fanpage trường (phương tiện tuyên truyền hiện đại), kết quả và hình ảnh đẹp sẽ được thiết kế thành infographic đăng tải trên Zalo, TikTok, đồng thời được phát thanh trên hệ thống loa nội bộ. Sự phối hợp này tạo ra ma trận thông tin bao phủ mọi không gian sinh hoạt của sinh viên, đảm bảo tính liên tục và tần suất lặp lại của thông điệp, từ đó khắc sâu nhận thức về chủ quyền quốc gia. Đồng thời, thông qua việc livestream, các hoạt động tuyên truyền của nhà trường cũng được truyền thông rộng rãi trên các nền tảng mạng xã hội, giúp sinh viên các trường đại học khác cũng có thể theo dõi và nhân rộng cách làm hiệu quả với các chương trình, hoạt động tuyên truyền khác. Kết quả khảo sát cũng cho thấy sinh viên “hoàn toàn đồng ý” rằng các kênh truyền thông của nhà trường dễ tiếp cận với sinh viên, chiếm 42.3% (*Câu 4.7, PL4*).

Bên cạnh đó, các nhà trường đã phát huy và sử dụng có hiệu quả các phương tiện tài liệu, học liệu chính thống do các cơ quan chuyên trách cung cấp làm “vắc-xin số” định hướng dư luận. Các chủ thể tuyên truyền đã sử dụng các nguồn phương tiện thông tin chuẩn xác, có tính pháp lý và lịch sử cao do Đảng,

Nhà nước, Trung ương Đoàn, Bộ Giáo dục và Đào tạo, các đơn vị Hải quân và cơ quan chuyên môn ban hành trên nền tảng số và qua các văn bản gửi nhà trường để lồng ghép vào chương trình giáo dục cụ thể của từng đơn vị chuyên môn và của các tổ chức giáo dục trong nhà trường. Các phương tiện tuyên truyền chính thống này là công cụ sắc bén giúp sinh viên củng cố niềm tin khoa học và nâng cao khả năng tự sàng lọc, đấu tranh phản bác các luận điệu xuyên tạc về chủ quyền biển, đảo quốc gia trên không gian mạng.

Ba là, mức độ sử dụng hiệu quả các phương tiện tuyên truyền hiện đại (Internet, mạng xã hội) đã đạt được những bước tiến mang tính đột phá

Kết quả đánh giá thực trạng đổi mới về phương tiện tuyên truyền cho thấy Internet và mạng xã hội được sử dụng hiệu quả trong tuyên truyền biển, đảo tại trường, sinh viên đánh giá khá cao ở mức “hoàn toàn đồng ý” chiếm tỷ lệ 44.7% (Câu 4.7, PL4). Điều này khẳng định kỷ nguyên của những tờ rơi, pano in bạt truyền thống đang dần nhường chỗ cho kỷ nguyên của điểm chạm kỹ thuật số.

Trong bối cảnh chuyển đổi số, phương tiện truyền thông ngày càng hiện đại, ứng dụng công nghệ 4.0 rộng rãi, sự phát triển của các mạng xã hội giúp công tác tuyên truyền chủ quyền biển, đảo cho sinh viên trong trường đại học cũng có nhiều thuận lợi, tiện ích, tiết kiệm thời gian và hiệu quả hơn. Qua khảo sát mức độ tiếp cận thông tin về chủ quyền biển, đảo qua các kênh, số liệu thống kê chỉ ra sự áp đảo tuyệt đối: có tới 92,3% sinh viên tiếp cận thông tin qua mạng xã hội (Facebook, TikTok, YouTube,...), bỏ xa các kênh truyền thống như: Báo điện tử chính thống (56,8%) hay Truyền hình/đài phát thanh (56,6%) (Câu 4.4, PL4). Phương tiện truyền thông đa phương tiện trên nền tảng số của trường hoặc của câu lạc bộ, đội, nhóm sinh viên được cả hai nhóm đánh giá là phương thức sử dụng “rất thường xuyên” và hiệu quả nhất (Nhóm sinh viên: chiếm 38.2% (Câu 4.6, PL4); Nhóm đại diện nhà trường: chiếm 39.7% (Câu 5.3, PL5). Các trường đại học, đặc biệt là mạng lưới tổ chức Đoàn - Hội đã xây dựng được một hệ sinh thái các fanpage, website hoạt động vô cùng hiệu quả, thiết lập nên “chương trình nghị sự” điều hướng sự quan tâm của sinh viên vào các thời điểm có sự kiện lớn, trong đó có vấn đề về biển, đảo.

Qua báo cáo công tác Đoàn hàng năm của các trường đại học cho thấy, việc đổi mới phương thức tuyên truyền, giáo dục của tổ chức Đoàn ngày càng được chú trọng. Điển hình như: “Ban Thường vụ Đoàn Trường Đại học Sư phạm TPHCM tiếp tục kiên trì trong việc thực hiện giải pháp “Tập hợp thanh

niên thông qua không gian mạng trên nền tảng ICT” giai đoạn 2026 - 2030: Đẩy mạnh việc ứng dụng công nghệ thông tin, tận dụng không gian mạng xã hội (Fanpage, Website, , kênh SPTV, Zalo Official, hệ thống VLE), đổi mới phương thức triển khai, tuyên truyền, giáo dục của Đoàn, tăng cường tỉ lệ tập hợp thanh niên thông qua không gian mạng” (Báo cáo tổng kết công tác Đoàn 2025-2026, PL7); hoặc Đoàn Trường Đại học Tài chính - Marketing cũng nêu rõ trong Báo cáo Công tác Đoàn: “Ban Thường vụ Đoàn trường không ngừng đầu tư, nâng chất thực hiện các sản phẩm truyền thông sáng tạo như video clip, hình ảnh vui nhộn, infographic để tuyên truyền ý thức chấp hành tốt nội quy nhà trường, văn hóa học đường, tuyên truyền pháp luật,... Duy trì và nâng chất hoạt động của câu lạc bộ truyền thông Phóng viên trẻ, Tạp chí Super M. Tổ chức các buổi chia sẻ, tập huấn kỹ năng truyền thông số, kỹ năng quay dựng cơ bản, kỹ năng viết caption hấp dẫn, kỹ năng Affiliate Marketing. Đoàn trường tiếp tục xây dựng, phát triển và tổ chức việc ghi nhận mỗi hoạt động thông qua hệ thống hoatdong.ufm.edu.vn. Đồng thời, thông qua chatbot Hỗ trợ người học, Đoàn trường đã phối hợp cùng Phòng Công tác sinh viên để tổ chức đánh giá hoạt động và ghi nhận phản ánh của đoàn viên, thanh niên, sinh viên” (Báo cáo tổng kết công tác Đoàn 2025-2026, PL7).

Như vậy, có thể thấy Đoàn trường và các cơ sở Đoàn tại các trường đại học ở TPHCM đã chú trọng thực hiện có hiệu quả công tác giáo dục, tuyên truyền thông qua các phương tiện truyền truyền hiện đại trên nền tảng số, nhận được sự hưởng ứng tích cực của đông đảo sinh viên tại các trường đại học trên địa bàn, cho thấy sự đổi mới đáng kể trong phương thức tuyên truyền của Đoàn - Hội các trường đại học hiện nay.

3.2.1.5. Tăng cường các điều kiện đảm bảo và tạo lập môi trường thuận lợi cho hoạt động tuyên truyền chủ quyền biển, đảo Việt Nam cho sinh viên ở các trường đại học

Một là, về việc xây dựng môi trường tích cực và thân thiện cho sinh viên trong học tập, rèn luyện

Công tác tuyên truyền chủ quyền biển, đảo cho sinh viên các trường đại học ở TPHCM phần lớn đều được thực hiện tốt nhờ có sự quan tâm và phối hợp chặt chẽ của các cấp ủy Đảng, các khoa, phòng, ban trong việc triển khai chủ trương lãnh đạo cấp trên và xây dựng môi trường giáo dục, tuyên truyền, rèn luyện tích cực cho sinh viên. Việc đổi mới cơ chế chỉ đạo và cơ chế phối hợp

liên ngành, tạo hành lang pháp lý đồng bộ từ cấp thành phố đến cơ sở. Hệ thống văn bản, kế hoạch, hướng dẫn triển khai từ UBND TPHCM, Thành Đoàn và Hội Sinh viên Thành phố được tiếp nhận và cụ thể hóa kịp thời thông qua các đợt sinh hoạt chính trị, tuần sinh hoạt công dân định kỳ hằng năm. Cơ chế phối hợp ngoài nhà trường cũng được đổi mới tích cực thông qua việc ký kết, liên kết với các đơn vị thực địa như Lữ đoàn 125 - Vùng 2 Hải quân (*PV15, Câu 2, PL6*), các trung tâm giáo dục quốc phòng, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc để tổ chức các hành trình trải nghiệm, giao lưu thiết thực, bổ ích và ý nghĩa cho sinh viên..

Qua đó cho thấy, công tác tuyên truyền không còn là những nhiệm vụ chính trị rập khuôn mà đã được lồng ghép khoa học, bổ ích vào môi trường văn hóa đại học. Sinh viên đánh giá rất cao việc “Nhà trường tạo điều kiện thuận lợi để sinh viên tham gia các hoạt động tuyên truyền” ở mức “hoàn toàn đồng ý” chiếm tỷ lệ 47.4% (*Câu 4.7, PL4*). Môi trường này cho phép sinh viên được tự do thể hiện lòng yêu nước thông qua các ý tưởng sáng tạo, được lắng nghe và được tôn trọng. Chính môi trường mở, dân chủ và khuyến khích đổi mới sáng tạo trong các trường đại học tại TPHCM đã giải phóng sức ỳ, biến sinh viên từ những người bị bắt buộc đi nghe tuyên truyền thành những nhân tố tích cực, tự nguyện lan tỏa thông điệp bảo vệ chủ quyền quốc gia.

Hai là, về việc đầu tư các nguồn lực cho việc đổi mới phương thức tuyên truyền

Về nhân lực, các nhà trường đã xây dựng được đội ngũ nhân sự nòng cốt đa dạng, phối hợp nhịp nhàng giữa giảng viên các môn Lý luận chính trị, giảng viên khoa Giáo dục Quốc phòng và An ninh cùng với lực lượng cán bộ Đoàn Thanh niên - Hội Sinh viên kiêm nhiệm. Đây là lực lượng xung kích, trẻ trung, tâm huyết, có chuyên môn sâu và bản lĩnh chính trị vững vàng, có khả năng nắm bắt tâm lý Gen Z nhanh nhạy để đưa nội dung biển, đảo đến gần hơn với người học.

Về vật lực - tài lực, lãnh đạo các nhà trường đã có sự quan tâm đúng mức trong việc phân bổ nguồn lực. Các trường đại học ở TPHCM đều đã chăm lo đầu tư cơ sở vật chất - kỹ thuật, các trang thiết bị hiện đại nhằm phục vụ tối đa, hiệu quả cho các hoạt động học tập, nghiên cứu khoa học cũng như tổ chức các buổi giáo dục, tuyên truyền chính trị - xã hội cho sinh viên trong nhà trường với quy mô lớn. Khảo sát cho thấy, sinh viên ghi nhận các hoạt động tuyên truyền hiện nay ở trường đại học “có sự đầu tư về cơ sở vật chất - kỹ thuật và kinh phí” tương đối tốt, đạt 45.4% (*Câu 4.7, PL4*). Những khoản đầu tư này được cụ thể

hóa qua việc xây dựng các hội trường, giảng đường, nhà đa năng với sức chứa lớn, các phòng truyền thống hiện đại; lắp đặt hệ thống màn hình LED phục vụ tuyên truyền trực quan, trang bị thiết bị quay phim chụp ảnh cho các câu lạc bộ, đội, nhóm truyền thông Đoàn - Hội để sản xuất nội dung số; các phòng học được trang bị phương tiện máy móc hiện đại, sử dụng camera để quan sát thái độ và hành vi của sinh viên và có biện pháp điều chỉnh phương thức giáo dục, tuyên truyền cho phù hợp; hệ thống wifi, internet miễn phí trong khu viên nhà trường, khu nhà ở ký túc xá, thư viện, khu tự học nhằm hỗ trợ tối đa việc học tập, nghiên cứu. Bên cạnh đó, nguồn lực thông tin cũng được chuẩn hóa, cung cấp các nền tảng học liệu, thư viện số giúp giảng viên và sinh viên dễ dàng tra cứu các tài liệu pháp lý quốc tế chuẩn xác về Biển Đông. Đáng kể, một số trường đại học hiện nay tại TPHCM đã quan tâm và dự trù chi ngân sách cho các chuyến đi thực tế, dã ngoại về nguồn, giao lưu với Vùng 2 Hải quân; hàng năm, cử đại diện cán bộ nhà trường, cán bộ Đoàn - Hội và sinh viên ưu tú tham gia các chuyến đi thực tế thăm chiến sĩ hải quân ở nhà giàn DK1. Thông qua hoạt động thực tiễn này có thể giác ngộ lý tưởng cách mạng, bồi đắp lòng yêu nước cho mỗi cán bộ, sinh viên của nhà trường, tăng tính thuyết phục, lan tỏa hoạt động tuyên truyền vào từng bài giảng, bài viết của các hội thi chính luận các cấp do các cơ quan, ban, ngành Trung ương tổ chức, nhân rộng niềm tin về những tấm gương quả cảm, hy sinh anh dũng, những chiến sĩ nơi đầu sóng ngọn gió không ngại dâng thân, kiên cường ngày đêm phụng sự bảo vệ Tổ quốc, canh giữ từng tấc đất, tấc biển, biên cương để giữ gìn sự ấm no, hạnh phúc và bình yên cho nhân dân trong đất liền, cho các thế hệ trẻ được học tập và cống hiến cho đất nước Việt Nam ngày càng phồn vinh, hạnh phúc.

Ba là, về việc nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho sinh viên thông qua các cơ chế tạo động lực

Đổi mới điều kiện đảm bảo không chỉ dừng lại ở bài toán phân bổ nguồn lực tài chính hay hạ tầng cơ sở vật chất đơn thuần, mà đây là câu chuyện quản trị động lực con người. Việc “Sinh viên được ghi nhận và khuyến khích khi tham gia các hoạt động tuyên truyền” là chỉ số đạt điểm cao nhất trong nhóm điều kiện bảo đảm, với mức đánh giá “hoàn toàn đồng ý” chiếm tỷ lệ 51.1% (Câu 4.7, PL4). Các trường đại học tại TPHCM đã lồng ghép việc tham gia các hoạt động bảo vệ chủ quyền biển, đảo vào hệ thống thi đua khen thưởng, đánh giá điểm rèn luyện, tiêu chí xét chọn danh hiệu “Sinh viên 5 tốt”, hoặc cộng điểm

thường vào các học phần liên quan. Qua phỏng vấn cho thấy, một số trường có áp dụng điều kiện sinh viên có các bài viết tham luận chất lượng, các sản phẩm sáng tạo nội dung hoặc đạt thành tích cao trong các cuộc thi tìm hiểu sẽ được xem xét cộng điểm thưởng trực tiếp vào điểm quá trình của các môn học liên quan như Giáo dục Quốc phòng và An ninh hoặc các môn Lý luận chính trị. Cơ chế này đã giải quyết bài toán động lực ngoại sinh, kết hợp với lòng yêu nước tự hào dân tộc - động lực nội sinh, tạo thành lực đẩy kép giúp các phong trào tuyên truyền biển, đảo tại các trường đại học TP HCM luôn duy trì được sức nóng, sự nhiệt huyết và quy mô tham gia đông đảo.

3.2.2. Hạn chế

Bên cạnh ưu điểm, việc đổi mới phương thức tuyên truyền chủ quyền biển, đảo Việt Nam cho sinh viên các trường đại học ở TP HCM hiện nay cũng tồn tại một số hạn chế:

3.2.2.1. Việc đổi mới tư duy, nhận thức của các chủ thể và đối tượng tuyên truyền về tầm quan trọng của hoạt động tuyên truyền chủ quyền biển, đảo Việt Nam cho sinh viên các trường đại học còn nhiều hạn chế, bất cập

- Về phía các chủ thể tuyên truyền:

Một là, tư duy, nhận thức của một bộ phận cấp ủy Đảng, Ban Giám hiệu, giảng viên và cán bộ Đoàn - Hội về vai trò, tầm quan trọng của hoạt động tuyên truyền chủ quyền biển, đảo cho sinh viên chưa thật sự đầy đủ, còn thụ động và có biểu hiện “hình thức hóa” phong trào

Nếu như ở phần ưu điểm, đa số chủ thể tuyên truyền đã có nhận thức đúng đắn về vai trò, tầm quan trọng của hoạt động tuyên truyền chủ quyền biển, đảo, thì trên thực tế sự đổi mới nhận thức ấy chưa diễn ra đồng đều ở tất cả các chủ thể và tất cả các cấp. Hạn chế căn bản đầu tiên kìm hãm sự đổi mới từ phía chủ thể tuyên truyền chính là việc thiếu một tư duy quản trị truyền thông hiện đại và mang tính thấu cảm. Minh chứng rõ nét là có tới 57,6% ý kiến từ phía đại diện các nhà trường nhìn nhận rằng “sinh viên ít quan tâm” là khó khăn lớn nhất trong tổ chức hoạt động tuyên truyền chủ quyền biển, đảo cho sinh viên hiện nay (Câu 5.5, PL5).

Trên góc độ nghiên cứu, đây là biểu hiện của tâm lý chuyển dịch trách nhiệm - xem sự thờ ơ của đối tượng là nguyên nhân khách quan thay vì là hệ quả của một phương pháp giáo dục lỗi thời. Chính tư duy đổ lỗi này đã triệt tiêu động lực trong việc cải tiến mô hình tuyên truyền, đôi khi dẫn đến tâm lý “ngại

đổi mới” hoặc chỉ triển khai hoạt động mang tính bề nổi, rập khuôn để đủ chỉ tiêu báo cáo định kỳ hơn là đi sâu vào việc đo lường hiệu quả chuyển biến nhận thức thực tế, thấu cảm nhu cầu tiếp nhận thông tin của sinh viên. Bên cạnh đó, một đánh giá khác cho thấy việc “Chưa phát huy đầy đủ vai trò của đội ngũ giảng viên trong công tác giáo dục, tuyên truyền chủ quyền biển, đảo” (37.7% hoàn toàn đồng ý) (*Câu 5.4, PL5*) cũng là vấn đề cần quan tâm và khắc phục hạn chế. Sự chưa đồng bộ trong nhận thức giữa các cấp quản lý và lực lượng triển khai trực tiếp cũng làm giảm đi sức mạnh tổng thể của công tác tuyên truyền các vấn đề mang tính chính trị quan trọng trong nhà trường; đồng thời cho thấy quá trình đổi mới tư duy mới chỉ dừng ở cấp lãnh đạo, chưa lan tỏa đầy đủ đến đội ngũ giảng viên - lực lượng trực tiếp, thường xuyên tiếp xúc với sinh viên nhất.

Hai là, một số cấp ủy Đảng, Ban Giám hiệu nhà trường, lãnh đạo các đơn vị chưa sát sao trong lãnh đạo, chỉ đạo, ban hành văn bản và tổ chức các hoạt động tuyên truyền chủ quyền biển, đảo cho sinh viên

Mặc dù đã có nhiều nỗ lực trong việc lãnh đạo, định hướng và nâng cao nhận thức cho cán bộ, giảng viên trong các trường đại học tại TP HCM về tuyên truyền chủ quyền biển, đảo Việt Nam cho sinh viên nhưng trong thực tế vẫn còn tồn tại những hạn chế nhất định từ phía các chủ thể lãnh đạo, quản lý, bao gồm cấp ủy cùng cấp và cấp ủy cấp trên. Một số cấp ủy, lãnh đạo nhà trường còn thiếu sự chủ động trong việc dự báo tình hình tư tưởng, định hướng, triển khai chủ đề, nội dung tuyên truyền cụ thể, chưa thật sự sâu sát cơ sở và chưa nắm bắt kịp thời những biến động tâm lý cũng như nhu cầu nhận thức của cán bộ, giảng viên, sinh viên và những vấn đề phát sinh khác trong công tác tuyên truyền trong nhà trường. Những vấn đề tuyên truyền còn mang tính chung chung, các hình thức tuyên truyền chưa tập trung cụ thể hoặc tổ chức riêng cho hoạt động tuyên truyền về biển, đảo, vấn đề Biển Đông mà thường lồng ghép vào các môn học, các sự kiện chung khác trong năm, hoặc trong đợt phát động chủ đề chủ điểm. Ở một số đơn vị khoa chuyên môn, sự phối hợp giữa cấp ủy cấp trên và cơ sở trong công tác tuyên truyền chính trị, tư tưởng chưa thật sự đồng bộ, còn chậm trong hướng dẫn, triển khai, thiếu cơ chế hỗ trợ, kiểm tra và đánh giá thường xuyên, khiến cho các hoạt động về tuyên truyền biển, đảo đôi khi chỉ diễn ra theo đợt hoặc theo phong trào phát động của cấp trên mà chưa trở thành quá trình

tự giác, chủ động và đi vào chiều sâu trong nội dung tuyên truyền, giáo dục ở từng khoa, từng môn học hoặc các đợt sinh hoạt chính trị, chuyên môn của tập thể đơn vị giữa lãnh đạo, ban chủ nhiệm khoa và các khóa sinh viên. Đây là điểm nghẽn về mặt tổ chức thực hiện: nhận thức mới của chủ thể lãnh đạo chưa được thể chế hóa thành kế hoạch, văn bản chỉ đạo và cơ chế kiểm tra, đánh giá thường xuyên - điều kiện tiên quyết để mọi nội dung đổi mới phương thức tiếp theo có thể triển khai trong thực tiễn.

- Về phía đối tượng tuyên truyền - sinh viên:

Một là, một bộ phận sinh viên chưa nhận thức sâu sắc về tầm quan trọng của việc bảo vệ chủ quyền biển, đảo và ý nghĩa của hoạt động tuyên truyền trong nhà trường

Qua khảo sát, mặc dù sinh viên tự đánh giá mức độ nhận thức của bản thân về việc quan tâm và hiểu biết những nội dung cơ bản về chủ quyền biển, đảo Việt Nam (vị trí, vai trò, cơ sở pháp lý,...) đối với kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh của quốc gia và hơn hết là ý thức được trách nhiệm của bản thân trong việc bảo vệ chủ quyền biển, đảo thiêng liêng của Tổ quốc là rất tốt, rất cao; song, thực tế kết quả khảo sát cho thấy một nghịch lý: trong khi sinh viên đánh giá rất cao tầm quan trọng của chủ quyền biển, đảo (Mean = 4,48) (Câu 4.2, PL4), thì mức độ chủ động tìm kiếm thông tin lại có sự phân hóa mạnh mẽ. Cụ thể, vẫn còn khoảng 4,4% sinh viên thừa nhận “ít quan tâm, chỉ xem khi bắt buộc” và 0,3% sinh viên “không quan tâm” các sự kiện, vấn đề liên quan đến chủ quyền biển, đảo. Điều này cho thấy mức độ quan tâm của sinh viên là “Có” nhưng chỉ có 30.9% sinh viên “rất quan tâm, sự chủ động tìm kiếm thông tin”, ít hơn $\frac{1}{2}$ so với mức độ “quan tâm, thường xem khi thấy tin xuất hiện”, chiếm 64.3%. Nếu thật sự quan tâm và nhận thức đầy đủ, đúng đắn thì kết quả phải tương xứng chứ không phải bị đảo chiều như bảng phân tích nêu ra (Câu 4.3, PL4).

Có thể thấy, sự chuyển hóa từ nhận thức “cảm tính” sang nhận thức “lý tính”, từ yêu nước “tự phát” sang yêu nước “tự giác” ở sinh viên mới dừng lại ở tầng thái độ tuyên bố. Nhận thức chính trị đúng có vai trò rất quan trọng, định hướng tư duy và tạo sức mạnh tinh thần, niềm tin để thực hiện trách nhiệm của bản thân với cộng đồng, xã hội. Để có nhận thức chính trị đúng đắn, sinh viên phải nắm rõ đường lối, quan điểm của Đảng về chiến lược bảo vệ Tổ quốc trên hướng biển trong tình hình mới, phải biểu hiện ở

kết quả học tập và trui rèn bản lĩnh chính trị vững vàng, nâng cao trình độ lý luận chính trị, kỹ năng đấu tranh, bảo vệ cái đúng, cái tốt. Chủ tịch Hồ Chí Minh luôn coi thế hệ thanh niên, sinh viên là rường cột nước nhà, Người căn dặn: “Nhiệm vụ của thanh niên không phải đòi hỏi nước nhà đã cho mình những gì. Mà phải làm thế nào cho ích nước lợi nhà nhiều hơn? Mình đã vì lợi ích nước mà hy sinh phần đấu chùng nào?” [86, tr.265]. Do đó, thực trạng nhận thức lệch lạc, chưa đầy đủ, đồng nhất của một bộ sinh viên các trường đại học ở TPHCM về ý nghĩa của tuyên truyền chủ quyền biển, đảo trong nhà trường cần có biện pháp khắc phục hiệu quả.

Hai là, một bộ phận sinh viên chưa có chuyển biến tích cực về thái độ và hành vi, còn thờ ơ với các hoạt động chính trị - xã hội của nhà trường

Có thể thấy, từ nhận thức chưa đúng đắn dẫn sẽ dẫn đến thái độ và hành vi chưa chuẩn mực. Hạn chế này có thể bắt nguồn từ tính không đồng đều và sự cục bộ trong việc tiếp nhận công tác tuyên truyền chủ quyền biển, đảo giữa các nhóm ngành đặc thù tại các trường đại học trên địa bàn TPHCM. Số liệu thống kê chỉ ra rằng nhóm sinh viên thuộc khối ngành Y - Dược và Khoa học sức khỏe có tỷ lệ “ít hoặc không quan tâm” lên tới 12.3% - cao hơn rõ rệt so với khối ngành Khoa học xã hội và nhân văn, Luật, Sư phạm,... (Câu 4.10, PL4). Điều này cho thấy công tác tuyên truyền chưa khơi gợi được mối liên hệ giữa trách nhiệm chủ quyền với đặc thù chuyên môn của từng nhóm ngành, khiến vấn đề bảo vệ chủ quyền biển, đảo quốc gia vẫn bị xem là một chủ đề “ngoại vi” với một bộ phận sinh viên kỹ thuật và y tế. Sinh viên các ngành tự nhiên thường có xu hướng tư duy thực tiễn và ứng dụng. Ví dụ: khi các chương trình tuyên truyền không chứng minh được vai trò của y tế biển đảo, cứu hộ ngư dân hay ứng dụng công nghệ hàng hải trong bảo vệ lãnh hải liên quan thế nào đến ngành học của họ, họ sẽ tự động phân loại chủ đề này thuộc về trách nhiệm của khối ngành xã hội. Đáng kể, có 132/1283 sinh viên còn thừa nhận “chưa từng tham gia hoặc tiếp cận các phương thức tuyên truyền về chủ quyền biển, đảo tại trường”, chiếm 10.3% (Câu 4.2, PL4). Thực trạng này đặt ra câu hỏi sinh viên TPHCM hiện nay thật sự có thái độ “nhật Đảng, khô Đoàn, xa rời chính trị”, vô cảm, thờ ơ, thiếu trách nhiệm với vận mệnh của đất nước? Thực tế, nếu càng nhiều sinh viên và người dân sống vô cảm, thờ ơ và thiếu trách nhiệm thì sẽ làm giảm đi các mối liên kết trong xã hội, sẽ cản trở cho sự phát triển và thịnh vượng của một quốc gia, trong khi Việt Nam ta đang ngày càng khẳng định vị thế, uy tín, trách nhiệm trên trường quốc tế.

3.2.2.2. Việc kế thừa và phát triển các phương pháp, hình thức, phương tiện truyền thống trong tuyên truyền chủ quyền biển, đảo Việt Nam cho sinh viên các trường đại học chưa đáp ứng yêu cầu đổi mới đặt ra

Một là, mức độ sử dụng các phương pháp truyền thống có tính tích cực, lấy đối tượng tuyên truyền làm trung tâm chưa thường xuyên, còn nặng về thuyết trình, truyền đạt một chiều

Trong điều kiện đổi mới toàn diện đặt ra yêu cầu kế thừa có chọn lọc và nâng tầm các phương pháp truyền thống, tức là giữ lại tính chính quy, hệ thống nhưng phải chuyển từ thuyết trình một chiều sang đối thoại, thảo luận, seminar khoa học. Tuy nhiên, phương pháp tuyên truyền cốt lõi tại nhiều khoa trong trường học hiện nay vẫn bị lỗi mòn, nặng tính truyền thống, đơn điệu, một chiều mà thiếu sự đối thoại đa chiều. PV10 chia sẻ: “Phương thức tuyên truyền còn nặng tính một chiều: Chủ yếu thông qua các buổi nói chuyện chuyên đề, báo cáo, hội nghị... theo kiểu “nghe - ghi”, thiếu tính tương tác nên khó thu hút sinh viên” (PV10, Câu 10, PL6). Hạn chế lớn nhất trong phương pháp hiện nay là lối tuyên truyền kiểu hội nghị, báo cáo chuyên đề, bài giảng lý thuyết giáo điều mang tính chất “thuyết trình”, áp đặt từ trên xuống. Phương pháp này thiếu tính tương tác, không tạo không gian cho sinh viên thảo luận, tranh luận hoặc đặt câu hỏi phản biện khoa học, dẫn đến việc tiếp nhận thông tin thụ động và gây cảm giác nhàm chán, thậm chí vì thế mà một bộ phận sinh viên không tích cực hoặc ít quan tâm với các hoạt động chung. Mặt khác, nhiều hoạt động mới chỉ dừng lại ở việc treo băng rôn, khẩu hiệu hoặc tổ chức các buổi lễ ra quân rầm rộ nhưng nội dung bên trong lại thiếu những thông tin mới, mang tính thực chứng cao. Như vậy, việc kế thừa đã được thực hiện, nhưng việc phát triển, nâng tầm phương pháp truyền thống theo hướng lấy người học làm trung tâm lại chưa theo kịp.

Hai là, mức độ đa dạng hóa, sinh động hóa các hình thức tuyên truyền truyền thống, lấy đối tượng tuyên truyền làm trung tâm còn mang tính hình thức, chưa được áp dụng thường xuyên, hiệu quả

Qua phỏng vấn đội ngũ cán bộ, giảng viên các trường, nhìn chung, các chương trình, hoạt động tuyên truyền đã được tổ chức tương đối nghiêm túc, nội dung phù hợp với định hướng giáo dục chính trị cho sinh viên. Tuy nhiên, khó khăn là hình thức tuyên truyền chưa thật sự phong phú, thời lượng dành cho nội dung biển, đảo còn hạn chế, chất lượng chưa đồng đều, mức độ hấp dẫn chưa cao và chưa thu hút đối với một bộ phận sinh viên. Mặc dù, tổ chức Đoàn - Hội trong nhà trường đã triển khai đa dạng và sinh động các hình thức tuyên truyền nhưng

kết quả khảo sát cho thấy các hoạt động tuyên truyền về chủ quyền biển, đảo do Đoàn Thanh niên và Hội Sinh viên triển khai chưa đạt hiệu quả cao, còn mang tính hình thức, trải nghiệm của sinh viên đối với các hoạt động của Đoàn - Hội còn chưa đồng đều giữa các nhóm. Để tăng độ tin cậy, kết quả khảo sát từ phía nhà trường cũng “hoàn toàn đồng ý” rằng công tác tuyên truyền còn “mang tính hình thức, chưa đi vào chiều sâu” (43.7%) (Câu 5.4, PL5).

Các hình thức mang tính truyền thống, hành chính, một chiều và khô khan vẫn chiếm tỷ lệ áp đảo tại nhiều cơ sở. Hạn chế lớn nhất trong hệ thống hình thức tuyên truyền hiện nay là việc lạm dụng quá mức các hình thức cũ kỹ như báo cáo chuyên đề, hội nghị, diễn thuyết, bài giảng lý thuyết giáo điều thuần túy một chiều, quá nặng về lý thuyết văn bản, thiếu không gian cho các hình thức đối thoại, thảo luận nhóm, tư duy tranh biện hoặc mô phỏng (như mô phỏng phiên tòa quốc tế, đàm phán ngoại giao), dẫn đến việc sinh viên cảm thấy bị áp đặt, nhàm chán và xem đây là các hoạt động mang tính hình thức, không bổ ích. Nói cách khác, các hình thức truyền thống mới được giữ lại về “số lượng” chứ chưa được làm mới về “chất lượng”, do đó chưa liên kết được với nhau thành một hệ sinh thái giáo dục đa chiều như kỳ vọng.

Ba là, mức độ cải tiến, phát triển các hình thức tuyên truyền truyền thống và sáng tạo các hình thức tuyên truyền mới chưa đạt hiệu quả cao

Các hình thức trực quan và học tập kết hợp ngoại khóa - trải nghiệm là hai nhóm hình thức tuyên truyền có tiềm năng tạo tác động sâu sắc đến nhận thức của sinh viên thông qua các hoạt động trải nghiệm thực tế như: treo pano, áp phích, trưng bày tư liệu số hóa 3D, thực tế ảo, tham quan, giao lưu với đơn vị Hải quân hoặc các hoạt động về nguồn. Tuy nhiên, đối chiếu kết quả khảo sát tại Câu 4.6, PL4 và Câu 5.3, PL5 của hai nhóm đối tượng cho thấy có sự chênh lệch trong đánh giá. Cụ thể, sinh viên đánh giá việc sử dụng “phương thức trực quan” ở mức “thỉnh thoảng” chiếm tỷ lệ 28.8%, mức “thường xuyên” chiếm tỷ lệ 33.7%; trong khi đó, nhóm đại diện nhà trường lại đánh giá “phương thức trực quan” được sử dụng ở mức “thường xuyên” chiếm tỷ lệ 46.3%, mức “thỉnh thoảng” chỉ chiếm tỷ lệ 17.2%. Mức chênh lệch kết quả đánh giá giữa hai nhóm là khá cao, nhà trường cho rằng đã làm tốt nhưng sinh viên lại đánh giá các việc sử dụng các phương thức này chưa được nhiều, chưa thật sự lấy đối tượng tuyên truyền là trung tâm trong khi sinh viên hiện nay có nhu cầu tiếp cận cái mới rất cao.

Tương tự, nội dung “học tập kết hợp hoạt động ngoại khóa - trải nghiệm” cũng có sự chênh lệch trong kết quả đánh giá giữa hai nhóm: sinh viên đánh giá ở mức “thỉnh thoảng” chiếm 24,2%, mức “thường xuyên” chiếm 34,3%; trong khi nhóm đại diện nhà trường đánh giá ở mức “thường xuyên” chiếm 39,7%, mức “thỉnh thoảng” chỉ chiếm 17,9%. Kết quả cho thấy nhiều sinh viên chưa được tiếp cận với phương thức này; mức độ triển khai các hoạt động học tập kết hợp tham quan, về nguồn, địa chỉ đỏ,... tại các khoa/khóa chưa đồng đều, vẫn còn hạn chế về phạm vi triển khai và số lượng sinh viên được tham gia (*Câu 4.6, PL4 và Câu 5.3, PL5*). Hơn nữa, ở đánh giá khác chỉ rõ những hạn chế cụ thể như: “Hoạt động học thuật, câu lạc bộ, đội nhóm nghiên cứu về biển, đảo” chỉ chiếm 22.3%; “Hoạt động về nguồn, địa chỉ đỏ, dã ngoại, tham quan các đảo, điểm đảo tiền tiêu, nhà giàn DK1, thăm cán bộ, chiến sĩ Hải quân” chiếm tỷ lệ thấp nhất, 21.9% (*Câu 4.1, PL4*). Đây đều là những hình thức tuyên truyền truyền thống, sáng tạo có tiềm năng tác động sâu sắc nhất đến nhận thức và tình cảm chính trị của sinh viên nhưng lại là nhóm được kế thừa và phát triển ít nhất trong thực tiễn.

Đặc biệt, hoạt động “tổ chức các bài kiểm tra trắc nghiệm, hội thi (trực tuyến, trực tiếp)” có giá trị trung bình thấp nhất (29.4%), phản ánh mức độ cải tiến, sáng tạo hình thức hoạt động tuyên truyền của Đoàn - Hội nhà trường chưa đạt hiệu quả, độ hấp dẫn chưa cao và chưa phù hợp với cách thức tiếp nhận thông tin của sinh viên trong bối cảnh hiện nay (*Câu 4.8, PL4*). Kết quả này cho thấy một nghịch lý đáng suy ngẫm: chính nhóm hình thức truyền thống vốn là nền tảng, được tổ chức thường xuyên nhất, tốn nhiều công sức và thời lượng nhất lại nhận được đánh giá thấp nhất từ sinh viên. Việc cải tiến các hình thức này ở nhiều trường mới dừng ở thay đổi bề mặt mà chưa chạm đến cấu trúc bên trong là cách tổ chức tương tác, cách đặt vấn đề và cách kiểm chứng hiệu quả tiếp nhận.

Bốn là, mức độ phát triển đa dạng hóa các phương tiện, sản phẩm truyền thông truyền thống còn đơn điệu, chưa theo kịp nhu cầu tiếp nhận thông tin của sinh viên

Hiện nay, tại nhiều trường học, việc tuyên truyền vẫn bị phụ thuộc vào các phương tiện cũ như pano, áp phích, bảng tin, hệ thống phát thanh nội bộ và các buổi diễn thuyết suông. Các phương tiện tuyên truyền mang tính truyền thống, đơn điệu, hành chính và thông báo một chiều vẫn chiếm tỷ lệ lớn, làm

giảm tính hấp dẫn của thông điệp chủ quyền. Minh chứng rõ nhất là mức độ tiếp cận thông tin về chủ quyền biển, đảo qua pano, áp phích, bảng tin tại trường chỉ đạt khoảng 21.3% (*Câu 4.4, PL4*) - thấp nhất trong hệ thống các kênh, trong khi đây lại là nhóm phương tiện hiện hữu thường trực trong không gian học đường và chiếm tỷ trọng đáng kể trong kinh phí tuyên truyền hằng năm. Bên cạnh đó, hệ thống thư viện, phòng truyền thống, tủ sách chuyên đề về biển, đảo ở nhiều trường chưa được số hóa đầy đủ, nguồn sách báo và công trình còn cũ, chưa đủ điều kiện phục vụ nhu cầu tự học, tự nghiên cứu của sinh viên. Ngay cả với sản phẩm truyền thông dạng video - định dạng được 83.3% sinh viên ưa chuộng (*Câu 4.4, PL4*) thì số lượng và chất lượng sản phẩm do các trường tự sản xuất còn hạn chế, chủ yếu chia sẻ lại từ các nguồn của Ban Tuyên giáo và Dân vận, Trung ương Đoàn, Thành Đoàn, Hội Sinh viên. Như vậy, sự đối nghịch đang tồn tại là nhà trường đang sở hữu một khối lượng người học rất hiện đại, nhưng lại tồn tại một bộ phận cán bộ, viên chức có tư duy đổi mới chưa theo kịp thời đại cùng với hệ thống phương tiện truyền thông lạc hậu, tạo ra khoảng cách giữa thị hiếu người xem và sản phẩm tuyên truyền.

3.2.2.3. Việc sáng tạo những phương pháp, hình thức, phương tiện mới trong tuyên truyền chủ quyền biển, đảo Việt Nam cho sinh viên các trường đại học chưa tạo được đột phá, đổi mới

Một là, mức độ sáng tạo các phương pháp tuyên truyền mới còn chưa nhiều, quy mô nhỏ, chưa đáp ứng nhu cầu lĩnh hội tri thức của sinh viên

Hiện nay, đội ngũ giảng viên giảng dạy các học phần lý luận chính trị, Giáo dục Quốc phòng và An ninh của một số trường đại học tại TPHCM còn thiếu nhân lực, nhất là đội ngũ giảng viên trẻ, nên công tác tuyên truyền, giáo dục cho sinh viên những vấn đề mang tính thời sự vẫn còn chuộng phương pháp truyền thống, ngại áp dụng phương pháp trực quan sinh động, thực tiễn, ảnh hưởng không nhỏ đến chất lượng tuyên truyền và tiếp nhận thông tin lý luận của sinh viên. Hoạt động tuyên truyền phối hợp để giáo dục lý luận chính trị của các chủ thể tuyên truyền đã có một số sáng tạo nhất định về phương pháp, tuy nhiên còn rất hạn chế, mới chỉ diễn ra ở quy mô nhỏ, phạm vi ảnh hưởng hẹp, chưa đến được với đông đảo sinh viên. Qua phỏng vấn, một số đại diện chia sẻ: “Các hoạt động như: báo cáo thời sự, học tập nghị quyết, chuyên đề, sinh hoạt chính trị; các cuộc thi tìm hiểu lịch sử, pháp luật biển,... vẫn được tổ chức thường xuyên nhưng ít thay đổi về nội dung, hình thức, thiếu báo cáo viên, chuyên gia chuyên sâu,

thiếu sự phối hợp chặt chẽ giữa giảng viên chuyên môn và tổ chức Đoàn, cũng như chưa có phương pháp sư phạm chuyên biệt cho nội dung nhạy cảm này, đặc biệt là những sáng tạo mới trong phương pháp nên hiệu quả tuyên truyền thường không cao, chưa thực sự tạo được sức hấp dẫn đối với sinh viên trong bối cảnh truyền thông hiện đại” (PV6, PV9, PV10, PV14, Câu 4, PL6).

Các phương pháp mới như trò chơi hóa, lồng ghép, kiến tạo, diễn đàn trao đổi trực tuyến tuy đã xuất hiện nhưng phần lớn vẫn phụ thuộc vào sự nhiệt huyết cá nhân của một số giảng viên và cán bộ Đoàn - Hội, chưa được nhân rộng thành mô hình chuẩn có thể chuyển giao giữa các khoa, các trường. Thực trạng trên đặt ra vấn đề cho các trường đại học cần tiếp tục quán triệt và triển khai các phương pháp tuyên truyền đạt hiệu quả cao hơn, mới có thể đáp ứng yêu cầu công tác tuyên truyền chủ quyền biển, đảo cho sinh viên trong bối cảnh mới.

Hai là, mức độ sáng tạo các hình thức tuyên truyền mới chưa tạo được dấu ấn và sức lan tỏa trong sinh viên

Về mức độ sáng tạo các hình thức tuyên truyền mới, kết quả khảo sát cho thấy có tới hơn ½ đại diện nhà trường đánh giá rào cản là “nội dung khó đổi mới, dễ trùng lặp”, chiếm 54.3% (Câu 5.5, PL5). Thực trạng này chỉ rõ những hạn chế trong việc đa dạng hóa và kết hợp giữa nội dung, hình thức cùng nhiều yếu tố khác để có thể sáng tạo, tổ chức và thực hiện tốt các hoạt động tuyên truyền chủ quyền biển, đảo cho sinh viên bằng các hình thức tuyên truyền mới.

Việc lặp đi lặp lại những tư liệu lịch sử cũ mà thiếu đi các thông tin cập nhật về tình hình Biển Đông hiện tại hoặc các phân tích dưới góc độ pháp lý quốc tế hiện đại khiến sinh viên dễ nảy sinh tâm lý nhàm chán, giảm hiệu quả tiếp thu. Mâu thuẫn mang tính phương pháp luận nằm ở chỗ chủ thể tuyên truyền quy trách nhiệm cho “nội dung khó đổi mới”, trong khi bản chất của nội dung đổi mới không đòi hỏi thay đổi các giá trị cốt lõi về lịch sử - pháp lý, mà đòi hỏi thay đổi cách truyền đạt, cách thiết kế trải nghiệm và cách để sinh viên trở thành người đồng sáng tạo thông điệp. Chính việc chưa nhận diện đúng mâu thuẫn này đã làm cho các hình thức mới dù xuất hiện nhưng vẫn chưa tạo được dấu ấn đậm nét và sức lan tỏa rộng.

Ba là, mức độ ứng dụng khoa học - công nghệ để đổi mới hình thức, phương tiện tuyên truyền chưa đồng đều giữa các nhà trường

Trong kỷ nguyên Cách mạng công nghiệp lần thứ tư, dù các trường đại học tại TPHCM đã có những bước chuyển mình nhất định về nhận thức

chuyển đổi số, song việc ứng dụng thực tế vẫn bộc lộ sự nửa vời và thiếu tính chiến lược. Việc khai thác các không gian số và ứng dụng mã QR, AR, VR vẫn còn mang tính thử nghiệm, chưa được hệ thống hóa thành quy trình chuẩn trong toàn trường. Hạn chế này được minh chứng qua đánh giá của đại diện nhà trường ở mức “hoàn toàn đồng ý”, cho rằng hiện nay các trường vẫn “chưa khai thác hiệu quả không gian học đường và nền tảng số trong tuyên truyền chủ quyền biển, đảo” (41.1%) (Câu 5.4, PL5).

Ở góc độ xã hội học truyền thông, việc bỏ trống hoặc khai thác hời hợt không gian số chính là nguyên nhân trực tiếp khiến công tác tuyên truyền bị mất kết nối với đối tượng tuyên truyền, trong đó có sinh viên - những công dân số vốn có thói quen tiếp nhận thông tin qua thị giác và các trải nghiệm tương tác cao. Việc hạn chế hệ thống hóa công nghệ VR, AR vào bài giảng khiến không gian học đường số bị bỏ quên, biến các nền tảng mạng xã hội hoặc website của nhà trường thành những kho chứa tài liệu khô khan, thay vì là một mặt trận truyền thông sống động, sắc bén phục vụ đắc lực cho công cuộc bảo vệ chủ quyền quốc gia trên không gian mạng. Hơn nữa, điều đó cũng phản ánh một phần yếu kém trong năng lực ứng dụng công nghệ số của đội ngũ giảng viên, cán bộ làm công tác tuyên truyền trong nhà trường.

Nhìn chung, kết quả phân tích cho thấy mặc dù các hoạt động tuyên truyền được triển khai đa dạng về hình thức, nhưng mức độ tổ chức nhìn chung còn hạn chế và chưa đồng đều giữa các trường, các khoa. Đồng thời, các hoạt động mang tính trải nghiệm, tương tác, gắn với thực tiễn có xu hướng được sinh viên đánh giá cao hơn so với các hoạt động mang tính truyền thống hoặc học thuật. Điều này cho thấy trong bối cảnh hiện nay, việc sáng tạo phương thức tuyên truyền chủ quyền biển, đảo cần chuyển mạnh theo hướng tăng cường trải nghiệm và tương tác, đồng thời đổi mới cách thức tổ chức các hoạt động tuyên truyền truyền thống để phù hợp hơn với đặc điểm tiếp nhận thông tin của sinh viên.

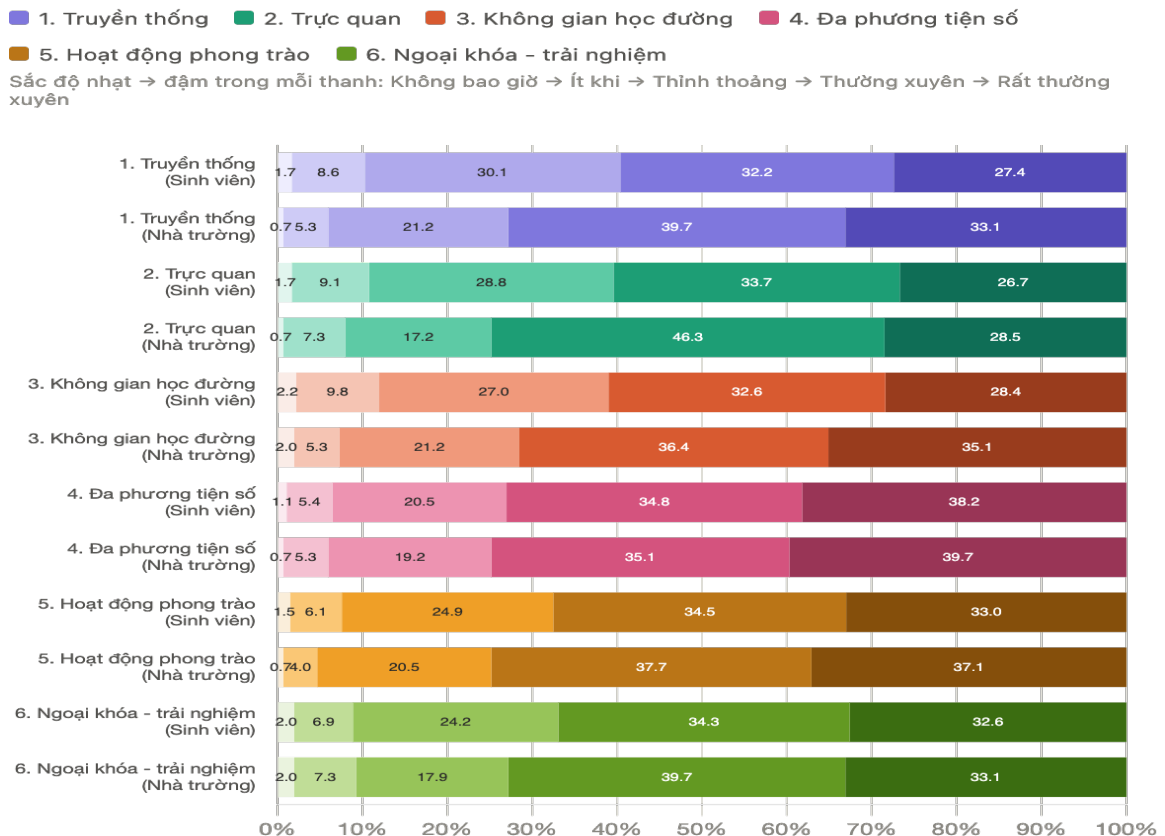
3.2.2.4. Việc lồng ghép, phối hợp các phương pháp, hình thức, phương tiện tuyên truyền chủ quyền biển, đảo Việt Nam cho sinh viên ở các trường đại học chưa đạt hiệu quả cao

Một là, mức độ kết hợp, đan xen giữa các phương pháp, hình thức truyền thống và hiện đại, giữa phương pháp, hình thức trực quan và thực tiễn ở một số trường đại học còn rời rạc, thiếu linh hoạt

Đối chiếu kết quả Câu 4.6, PL4 và Câu 5.3, PL5, cho thấy sự tương quan trong đánh giá của cả hai nhóm đối tượng khảo sát về mức độ sử dụng các phương thức tuyên truyền chủ quyền biển, đảo cho sinh viên. Mức độ “thỉnh thoảng” còn chiếm tỷ lệ khá cao, dao động với tỷ lệ từ 24.2 đến 30.1% (khảo sát sinh viên) và từ 17.9 đến 21.2% (khảo sát nhà trường), thậm chí gần bằng tỷ lệ đánh giá ở mức độ “thường xuyên”.

Đối với phương pháp, hình thức trực quan và thực tiễn, so sánh kết quả khảo sát của hai nhóm cho thấy các phương pháp, hình thức như pano, triển lãm, trưng bày tư liệu tuy đã được triển khai nhưng chưa tạo được ấn tượng mạnh đối với người học, có thể do thiếu yếu tố tương tác nên kết quả đánh giá cho thấy mức độ “rất thường xuyên” (28.5%) thấp hơn nhiều so với mức “thường xuyên” (46.3%). Tương tự, “trực quan trong không gian học” cho thấy các yếu tố biểu tượng trong không gian học đường chưa được sinh viên cảm nhận rõ như một kênh tuyên truyền hiệu quả (dù hiện hữu thường trực), mà chủ yếu dừng ở mức độ tiếp xúc thụ động, minh chứng chỉ rõ qua kết quả đánh giá mức “thường xuyên” và “rất thường xuyên” tương đối bằng nhau.

Biểu đồ 3.2. So sánh mức độ sử dụng các phương thức tuyên truyền chủ quyền biển, đảo giữa Sinh viên và Đại diện nhà trường



(Nguồn: Kết quả so sánh, đối chiếu từ khảo sát Luận án, Câu 4.6, PL4 và Câu 5.3, PL5)

Đáng chú ý, sự rời rạc thể hiện rõ nhất ở khâu lồng ghép nội dung biển, đảo vào chương trình đào tạo. Phương pháp lồng ghép hiện còn đơn điệu, mang tính phân tán, tách rời giữa tuyên truyền chính trị với giáo dục chuyên môn sâu và thiếu cơ chế đo lường hiệu quả. Qua phỏng vấn, đại diện nhà trường cho biết: “Việc lồng ghép hiện tại chủ yếu mang tính “điểm xuyết” trong môn Giáo dục Quốc phòng và An ninh hoặc Lý luận chính trị chứ chưa có phương pháp sư phạm liên môn, chưa tích hợp được nội dung biển, đảo vào các môn chuyên ngành (như phân tích Công ước UNCLOS 1982 trong Luật quốc tế, tiềm năng kinh tế biển trong môn Kinh tế, hay hệ sinh thái trong môn Địa lý - Môi trường, công tác cứu hộ cứu nạn, ứng phó thiên tai trong ngành Y tế,...); thời lượng chưa nhiều nên mức độ tác động đến nhận thức của sinh viên chưa thật sự sâu rộng” (PVI5, Câu 10, PL6). Đồng thời, các nhà trường còn thiếu các công cụ khoa học (như mini survey, quiz trước - sau) để kiểm chứng, đo lường độ sâu nhận thức sau khi tuyên truyền (PVI4, Câu 8, PL6). Chính sự thiếu vắng công cụ đo lường này khiến việc lồng ghép không có căn cứ để điều chỉnh, và do đó khó chuyển từ trạng thái “điểm xuyết” sang trạng thái tích hợp có chủ đích ở đa môn, đa ngành, đa lĩnh vực trong nhà trường.

Hai là, mức độ phối hợp giữa các phương tiện tuyên truyền truyền thống và hiện đại chưa đồng bộ, nhuần nhuyễn

Kết quả khảo sát chỉ ra việc thiếu sự phối hợp giữa các phương tiện. Hiện nay, ở một số trường vẫn chưa có sự kết nối chặt chẽ giữa các phương tiện trực quan tại trường và phương tiện truyền thông số. Pano, áp phích tại trường thường chỉ mang tính cổ động trực quan bề nổi, làm đẹp cảnh quan hoặc phục vụ mục đích của các đợt phát động tuyên truyền cao điểm, mà thiếu đi các mối liên kết (link) hoặc mã QR dẫn tới các kho học liệu sâu về biển, đảo.

Dưới góc nhìn truyền thông tích hợp, một tấm pano không có mã QR hay liên kết số là một “điểm chết” truyền thông. Nó không tạo ra được một dòng chảy nhận thức liên tục cho sinh viên: từ việc bị thu hút ánh nhìn ở sân trường chuyển thành hành vi quét mã QR bằng điện thoại để đọc, nghe, tra cứu hoặc tương tác với tư liệu liên quan đến chủ quyền, Luật Biển Việt Nam, UNCLOS 1982 trên không gian mạng. Sự rời rạc này vô hình trung cô lập các kho học liệu số quý giá từ các nguồn đăng chính thống của Đảng và Nhà nước, biến chúng thành những tư liệu “ẩn” trên không gian mạng mà sinh viên dù có muốn cũng rất khó tự tìm kiếm và tiếp cận.

Sự thiếu đồng bộ còn thể hiện ở chỗ tiềm năng đa phương tiện chưa được khai thác hết. Trong khi có 83.3% sinh viên thích xem video ngắn, thì việc ứng dụng Infographic (40.8%) hay Podcast (65.5%) (*Câu 4.4, PL4*) vẫn chưa trở thành phương tiện phổ quát trong tuyên truyền biển, đảo hằng ngày hoặc định kỳ tại các trường đại học, cho thấy mức độ chậm đổi mới trước sự vận động như vũ bão của truyền thông đa phương tiện. Nút thắt của đổi mới tuyên truyền vì vậy không nằm ở việc thiếu phương tiện, mà nằm ở sự phân mảnh trong phối hợp phương tiện. Nhà trường có pano, có fanpage, có nguồn học liệu cấp trên, có nhu cầu nghe - xem video ngắn của sinh viên, nhưng tất cả các yếu tố này lại tồn tại độc lập, không có sự nhuần nhuyễn, linh hoạt để kết nối thành một hệ sinh thái truyền thông khép kín.

Ba là, mức độ khai thác, sử dụng các phương tiện tuyên truyền hiện đại (Internet, mạng xã hội) chưa tương xứng với tiềm năng và lợi thế

Mặc dù, Internet và mạng xã hội đã trở thành kênh tiếp cận thông tin áp đảo của sinh viên, mức độ khai thác các phương tiện này trong tuyên truyền chủ quyền biển, đảo của nhà trường vẫn chưa tương xứng. Kết quả khảo sát cho thấy phương thức truyền thông đa phương tiện trên nền tảng số có mức độ sử dụng “thường xuyên” còn thấp hơn so với “phương thức truyền thống” và thấp nhất so với các phương thức khác (*Câu 4.6, PL4 và Câu 5.3, PL5*).

Các hoạt động tuyên truyền trên không gian số thiếu chiến lược dài hạn, chủ yếu mang tính phong trào, thời điểm và thiếu các sản phẩm tự sáng tạo có chiều sâu. Các hoạt động tuyên truyền thường chỉ rầm rộ vào các đợt cao điểm (Tuần lễ Biển và Hải đảo Việt Nam, các ngày lễ lớn, hoặc khi có sự kiện nóng trên Biển Đông) rồi lại lắng xuống, thiếu tính bền bỉ, hệ thống. Phương tiện truyền thông số của nhà trường vẫn mang tính “thông báo một chiều”, chủ yếu đăng lại, chia sẻ lại thông tin từ báo chí chính thống chứ chưa thể tự sản xuất các sản phẩm độc quyền chất lượng cao, do hạn chế về kinh phí, nhân lực kỹ thuật mỏng và năng lực cán bộ Đoàn - Hội thường xuyên thay đổi theo nhiệm kỳ. Mặt khác, qua phỏng vấn cán bộ, giảng viên, các trang mạng xã hội trong nhà trường được dùng chung cho mọi hoạt động giáo dục, tuyên truyền của trường, không có kênh riêng biệt cho mục đích tuyên truyền chủ quyền biển, đảo đến sinh viên. Tùy theo từng sự kiện, các thông tin tuyên truyền sẽ được truyền thông với cường độ cao, thu hút sự quan tâm của sinh viên tại một thời điểm nhất định; song việc sinh viên tham gia chia sẻ các thông tin này cũng có

yếu tố bắt buộc, liên quan đến điểm rèn luyện hoặc thi đua phong trào (PV3, PV6, PV11, PV14, Câu 7, PL6). Do đó, phương tiện số của trường khó tạo thành trào lưu để cạnh tranh với các nội dung giải trí thương mại khác trên cùng nền tảng.

Để khắc phục, các trường đại học cần chuyển dịch từ tư duy đăng tải thông tin sang tư duy thiết kế trải nghiệm tiếp cận thông tin đa kênh cho sinh viên. Có như vậy, việc lồng ghép, phối hợp các phương pháp, hình thức, phương tiện trong tuyên truyền chủ quyền biển, đảo Việt Nam cho sinh viên các trường đại học mới đạt hiệu quả cao như kỳ vọng.

3.2.2.5. Việc tăng cường các điều kiện đảm bảo và tạo lập môi trường thuận lợi cho hoạt động tuyên truyền chủ quyền biển, đảo Việt Nam cho sinh viên các trường đại học chưa được quan tâm đúng mức

Một là, việc xây dựng môi trường tích cực và thân thiện cho sinh viên trong học tập, rèn luyện, nghiên cứu về chủ đề biển, đảo chưa có nhiều chuyển biến tích cực

Mặc dù, những năm qua, đáp ứng yêu cầu mới của đổi mới giáo dục toàn diện, phong trào sinh viên nghiên cứu khoa học tại các trường đại học diễn ra khá phổ biến và nhân rộng; song, các vấn đề nghiên cứu về biển, đảo không phải là chủ đề được quan tâm hoặc triển khai ở đa dạng các trường, chủ yếu ở các trường, các ngành khoa học - nghiên cứu biển và phát triển kinh tế biển. Việc tổ chức, phát động phong trào “Sinh viên nghiên cứu khoa học”, “Sinh viên với ý tưởng khởi nghiệp” liên quan đến chủ đề biển, đảo được sinh viên đánh giá ở mức thấp. Bên cạnh đó, cơ chế phối hợp giữa các lực lượng trong nhà trường đôi khi chưa nhịp nhàng (chiếm 27.8% rào cản) (Câu 5.5, PL5), khiến môi trường tuyên truyền thiếu tính liên tục và thiếu sự cộng hưởng giữa khoa chuyên môn, phòng chức năng và tổ chức Đoàn - Hội.

Kết quả này đặt ra vấn đề cho nhà trường, các chủ thể tuyên truyền cần thay đổi, đáp ứng yêu cầu về xây dựng môi trường tích cực, thân thiện, mở rộng phạm vi nghiên cứu hoặc để sinh viên tự đề xuất các sáng kiến, nghiên cứu về các chủ đề riêng trong phạm vi và khả năng nhóm sinh viên, CLB có thể triển khai thực hiện, phát triển tư duy nhạy bén nghiên cứu và rèn luyện cho sinh viên ngày một tốt hơn, tạo nguồn lực nhân tài khoa học - kỹ thuật - y tế trong lĩnh vực biển, phát triển toàn diện nguồn nhân lực chất lượng cao cho TPHCM và cho cả nước trong tương lai gần.

Hai là, việc đầu tư các nguồn lực cho đổi mới phương thức tuyên truyền còn thiếu hụt, chưa có dòng ngân sách chuyên biệt

Qua phỏng vấn, điều kiện bảo đảm về tài chính (kinh phí) còn rất hạn hẹp, mang tính phụ thuộc và chưa có dòng ngân sách chuyên biệt, dài hạn. Hạn chế lớn nhất và lặp lại nhiều nhất trong tất cả các báo cáo là kinh phí dành riêng cho hoạt động tuyên truyền biển, đảo ở mức vừa phải hoặc eo hẹp. Nguồn tài chính chủ yếu dựa vào ngân sách chi thường xuyên lồng ghép của nhà trường, kinh phí hoạt động thường niên của Đoàn - Hội hoặc phụ thuộc vào khả năng xã hội hóa, Quỹ “Vì biển đảo quê hương”. Kết quả khảo sát đại diện nhà trường chỉ ra rằng việc “thiếu kinh phí” (55.6%) và “thiếu nhân lực chuyên trách” (51.0%) (Câu 5.5, PL5) là những rào cản hàng đầu trong việc duy trì tính thường xuyên hoặc tổ chức các chương trình tuyên truyền có quy mô lớn, chuyên sâu. Việc thiếu kinh phí khiến các ý tưởng về hoạt động trải nghiệm thực tế hay đầu tư công nghệ hiện đại bị đình trệ. Nhân sự làm công tác tuyên truyền phần lớn là kiêm nhiệm, thiếu kỹ năng về thiết kế đồ họa, dựng phim hay quản trị mạng xã hội hiện đại.

Một số trường đại học tuy có số lượng sinh viên lớn nhưng lại thiếu không gian giảng đường; thư viện chật chội; nguồn sách báo, công trình cũ, chưa số hóa hết tài liệu điện tử nên không đủ điều kiện phục vụ cho học tập và tự nghiên cứu của sinh viên, không thu hút được người học đến với những không gian nghiên cứu, tìm tòi, sáng tạo tri thức mới. Dù các trường đã quan tâm đầu tư phương tiện truyền thông từng bước, nhưng hạ tầng kỹ thuật phục vụ các phương thức tuyên truyền hiện đại còn thiếu hụt nghiêm trọng. Nhiều nhà trường còn thiếu các điều kiện vật chất để triển khai công nghệ đột phá như hệ thống bảo tàng số, thiết bị tương tác thực tế ảo (VR/AR) mô phỏng nhà giàn DK1, cột mốc chủ quyền, hay các công cụ Microlearning nhằm tăng trải nghiệm trực quan, cảm xúc cho đông đảo sinh viên. Do kinh phí quá lớn, điều kiện tổ chức các chuyến đi thực tế ra đảo cho sinh viên hầu như không thể thực hiện. Sinh viên thường chỉ được tiếp xúc, trải nghiệm không gian thực tế ảo khi tham gia các sự kiện lớn do Thành Đoàn và Hội Sinh viên Thành phố tổ chức, tuy nhiên số lượng tham gia không nhiều vì các điều kiện về thời gian và những yếu tố khác.

Ba là, việc nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho sinh viên thông qua các cơ chế tạo động lực chưa được cải thiện rõ rệt

Sự phân hóa trong mức độ quan tâm của sinh viên được minh chứng qua khảo sát: có khoảng 57.6% (*Câu 5.5, PL5*) ý kiến từ đại diện nhà trường cho rằng sự ít quan tâm của sinh viên đối với các vấn đề chính trị - xã hội là một rào cản lớn. Khi đời sống tinh thần của một bộ phận sinh viên bị chi phối bởi các luồng thông tin giải trí đa dạng trên mạng xã hội, việc thu hút họ vào các hoạt động tinh thần chính thống mang tính giáo dục trở nên vô cùng khó khăn.

Hơn nữa, việc khó đo lường chính xác hiệu quả của các hoạt động đối với sự thay đổi trong đời sống tinh thần của sinh viên (35.8%) (*Câu 5.5, PL5*) khiến việc đầu tư nguồn lực vật chất chưa đạt được sự tối ưu và trọng tâm. Nếu ở phần ưu điểm, cơ chế ghi nhận, khuyến khích sinh viên tham gia hoạt động tuyên truyền được đánh giá là chỉ số cao nhất trong nhóm điều kiện bảo đảm, thì ở chiều ngược lại, cơ chế này vẫn chủ yếu vận hành theo hướng tạo động lực ngoại sinh (điểm rèn luyện, xét danh hiệu, cộng điểm quá trình) mà chưa hình thành được động lực nội sinh bền vững từ nhu cầu tự thân của sinh viên.

Bên cạnh đó, quy mô và số lượng phòng ký túc xá tại một số cơ sở đào tạo đại học vẫn chưa được tối ưu hóa nhằm đáp ứng nhu cầu lưu trú của sinh viên ngoại tỉnh. Phần lớn sinh viên phải ra ngoài thuê trọ, không ở ký túc xá, nên không có các điều kiện học tập và sinh hoạt tập thể tập trung bởi nơi thuê trọ ở xa trường. Chưa kể, một bộ phận sinh viên có hoàn cảnh khó khăn phải đi làm thêm ngoài giờ học để trang trải cuộc sống. Áp lực mưu sinh trực tiếp làm suy giảm quỹ thời gian và tâm trí của người học, khiến họ không thể thiết lập thứ tự ưu tiên cho các hoạt động ngoại khóa, phong trào do nhà trường hoặc ký túc xá tổ chức. Do đó, cần phải có giải pháp đồng bộ để khắc phục những hạn chế này trong thời gian tới.

3.3. Nguyên nhân của thực trạng và những vấn đề đặt ra về đổi mới phương thức tuyên truyền chủ quyền biển, đảo Việt Nam cho sinh viên các trường đại học ở Thành phố Hồ Chí Minh hiện nay

3.3.1. Nguyên nhân của thực trạng

3.3.1.1. Nguyên nhân của ưu điểm

- Về nguyên nhân khách quan:

Một là, sự chỉ đạo xuyên suốt, nhất quán thông qua các chủ trương, đường lối của Đảng và chính sách, pháp luật của Nhà nước về chiến lược phát triển bền vững kinh tế biển, gắn với chiến lược giáo dục toàn diện. Đây là hành lang pháp lý vững chắc, là “kim chỉ nam” tạo điều kiện thuận lợi về mặt định hướng

chính trị để các cơ sở giáo dục đại học tại TP HCM triển khai đồng bộ các chương trình, kế hoạch tuyên truyền chủ quyền biển, đảo.

Hai là, sự bùng nổ của cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư và kỷ nguyên số đã tạo ra bộ phận hạ tầng công nghệ hiện đại. Các phương tiện truyền thông mới, nền tảng mạng xã hội và học liệu số mang lại sự đột phá về mặt công cụ, hỗ trợ sinh động, trực quan và tối ưu hóa các hình thức, phương thức tuyên truyền, giúp thông tin lan tỏa nhanh chóng, tiện lợi, vượt qua các giới hạn về không gian và thời gian.

Ba là, môi trường văn hóa học đường tại các trường đại học hiện nay ngày càng được xây dựng theo hướng dân chủ, cởi mở và thân thiện. Không gian học thuật năng động, các hệ sinh thái khởi nghiệp, nghiên cứu khoa học được dung dưỡng đã tác động tích cực đến tâm lý người học, qua đó khơi dậy mạnh mẽ sự tìm tòi, đam mê nghiên cứu, tư duy phản biện của sinh viên trước những vấn đề thời sự, chính trị - xã hội của đất nước, tiêu biểu là vấn đề chủ quyền quốc gia trên biển.

- Về nguyên nhân chủ quan:

Một là, sự nhận thức sâu sắc, quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo sát sao của cấp ủy Đảng và Ban Giám hiệu các trường đại học. Sự định hướng và tạo điều kiện về cơ chế hoạt động cho các mô hình Câu lạc bộ, đội, nhóm đã thể hiện tầm nhìn chiến lược trong việc đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, có nhận quan chính trị sâu sắc và tinh thần đổi mới sáng tạo.

Hai là, vai trò nòng cốt, tiên phong của tổ chức Đoàn Thanh niên, Hội Sinh viên cùng sự chủ động lồng ghép khéo léo nội dung giảng dạy, tuyên truyền của đội ngũ giảng viên. Các cán bộ giảng dạy (đặc biệt ở các khoa Lý luận chính trị, Giáo dục quốc phòng) đã phát huy vai trò dẫn dắt, linh hoạt kết hợp phương pháp diễn giảng chuyên sâu với dạy học tích cực (thảo luận, giải quyết tình huống); đồng thời, tổ chức Đoàn - Hội đã làm tốt vai trò cầu nối, “truyền lửa” để thu hút sinh viên tham gia phong trào.

Ba là, sự chuyển biến tích cực trong nhận thức, thái độ và trách nhiệm công dân của phần lớn sinh viên. Sinh viên không chỉ bộc lộ tính tự giác, chủ động trong việc tiếp nhận tri thức mà còn tự định vị mình là một “chủ thể tuyên truyền”. Sinh viên đã biết ứng dụng kỹ năng số để nhận diện, đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái trên không gian mạng, tích cực lan tỏa thông điệp bảo vệ chủ quyền, thể hiện niềm tin vững chắc vào sự lãnh đạo của Đảng.

3.3.1.2. Nguyên nhân của hạn chế

- Về nguyên nhân khách quan:

Một là, sự tác động tiêu cực của mặt trái nền kinh tế thị trường, quá trình hội nhập quốc tế sâu rộng và sự chống phá tinh vi của các thế lực thù địch trên không gian mạng. Các đối tượng phản động triệt để khai thác lỗ hổng thông tin, lợi dụng tâm lý bất ổn hoặc hoàn cảnh khó khăn của sinh viên (như sinh viên xa nhà, vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc thiểu số) nhằm lôi kéo, kích động, gieo rắc các luận điệu xuyên tạc về chủ quyền lãnh thổ, gây nguy cơ vi phạm pháp luật và ảnh hưởng đến an ninh quốc gia.

Hai là, áp lực khách quan từ đặc thù chương trình đào tạo theo hệ thống tín chỉ. Khối lượng kiến thức chuyên môn đồ sộ, thời lượng định sẵn gò bó khiến không gian cho các hoạt động ngoại khóa, giáo dục chính trị tư tưởng bị thu hẹp. Nội dung tuyên truyền chủ quyền biển, đảo đôi khi bị chèn ép, mang tính điểm xuyết, phân tán hoặc tổ chức theo đợt cao điểm sự kiện, thiếu đi chiều sâu và tính thường xuyên, liên tục.

Ba là, sự bất cập trong quy hoạch và cơ chế huy động nguồn lực tài chính xã hội hóa cho giáo dục đại học. Việc thiếu hụt hệ thống tiêu chí, chỉ báo đánh giá (KPIs) và các công cụ đo lường xã hội học định lượng khiến việc phân bổ nguồn lực đôi lúc dàn trải. Các rào cản về thủ tục pháp lý trong đầu tư công trình phúc lợi phi lợi nhuận dẫn đến cơ sở hạ tầng (thư viện, phòng học, không gian sinh hoạt cộng đồng) chưa được trang bị tối ưu để phục vụ cho các phương thức tuyên truyền hiện đại.

- Về nguyên nhân chủ quan:

Một là, hạn chế trong nhận thức thực tế của một bộ phận cán bộ quản lý và sự trì trệ của một số giảng viên. Công tác tuyên truyền chưa thực sự được đặt ngang tầm với các nhiệm vụ chuyên môn, học thuật khác. Đáng quan ngại hơn, tình trạng suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, tư duy thực dụng, vị kỷ vẫn nảy sinh trong một bộ phận nhỏ cán bộ, giảng viên. Việc thiếu niềm tin, phát ngôn thiếu tính Đảng, thiếu tính chuẩn mực và gương mẫu của người thầy đã ảnh hưởng trực tiếp đến tư tưởng, tình cảm và sức đề kháng của sinh viên trước các luồng tin độc hại.

Hai là, năng lực tham mưu, tổ chức của đội ngũ cán bộ Đoàn - Hội còn hạn chế và công tác nắm bắt tư tưởng sinh viên chưa theo kịp thực tiễn. Đội ngũ này chủ yếu kiêm nhiệm, biến động liên tục theo nhiệm kỳ dẫn đến đứt

gây tính hệ thống. Sự thiếu vắng đội ngũ chuyên trách truyền thông số khiến các sản phẩm tuyên truyền dễ rơi vào tình trạng “học thuật hóa”, khô khan, mang tính áp đặt một chiều. Việc chậm trễ, thiếu nhạy bén trong công tác nắm bắt tình hình tư tưởng, giải quyết vướng mắc về chế độ chính sách cho đối tượng sinh viên đặc thù đã tạo ra những lỗ hổng trong giáo dục chính trị.

Ba là, thái độ thờ ơ chính trị, thiếu lý tưởng và mức độ quan tâm rất thấp đối với các vấn đề xã hội của một bộ phận không nhỏ sinh viên. Nhiều sinh viên chưa xác định được mục tiêu học tập đúng đắn, chạy theo trào lưu, học vì bằng cấp thay vì bồi đắp hệ giá trị cá nhân. Chính sự thiếu lòng trắc ẩn, tính chiến đấu kém, bàng quan trước thời cuộc và đặt lợi ích cá nhân lên trên trách nhiệm xã hội đã tạo ra rào cản nhận thức cực kỳ lớn, làm vô hiệu hóa và hạn chế nghiêm trọng hiệu quả của công tác đổi mới phương thức tuyên truyền trong nhà trường.

3.3.2. Những vấn đề đặt ra

3.3.2.1. Nhận thức, trách nhiệm và năng lực của các chủ thể trong đổi mới phương thức tuyên truyền về chủ quyền biển, đảo cho sinh viên các trường đại học ở Thành phố Hồ Chí Minh còn hạn chế, chưa ngang tầm với yêu cầu ngày càng cao của công tác tuyên truyền về chủ quyền biển, đảo trong bối cảnh mới

Trong bối cảnh đất nước đổi mới và hội nhập quốc tế sâu rộng, đòi hỏi chất lượng nguồn nhân lực, trong đó có đội ngũ nhà giáo phải đảm bảo có trình độ, năng lực ngày càng cao, đáp ứng yêu cầu khu vực và quốc tế. Đồng thời, yêu cầu đổi mới giáo dục - đào tạo toàn diện cũng đặt ra nhiều mục tiêu cho các trường đại học trên cả nước, trong đó có TPHCM.

Tâm lý sinh viên hiện nay có sự thay đổi rõ rệt, mặc dù đa phần sinh viên có sự tích cực, chủ động, sáng tạo, tham gia hoạt động tuyên truyền góp phần nâng cao ý thức bảo vệ chủ quyền biển, đảo của mình và tập thể sinh viên trong và ngoài nhà trường nhưng vẫn có một bộ phận không nhỏ sinh viên mang sự hoài nghi hoặc thờ ơ chính trị. Lối sống thực dụng và nhu cầu chạy theo thị hiếu, thích xem giải trí hơn là nghe các nội dung tuyên truyền, giáo dục chính trị khiến cho công tác giáo dục, tuyên truyền gặp nhiều khó khăn trong nhà trường. Do đó, trong hoạt động đấu tranh tư tưởng, chủ thể tuyên truyền là nhân tố quyết định đến việc chuyển hóa tri thức lý luận thành niềm tin chính trị của người học. Yêu cầu của đổi mới giáo dục toàn diện là chuyển từ giáo dục truyền thụ kiến thức một chiều sang phát triển phẩm chất và năng lực toàn diện. Tất cả yêu cầu

tạo sự lan tỏa to lớn, vừa là động lực, vừa là yêu cầu, tác động lên quá trình đổi mới nhận thức, trách nhiệm và năng lực của các chủ thể trong môi trường giáo dục đại học hiện nay. Vì vậy, Đảng ủy, Ban Giám hiệu, các tổ chức Đoàn - Hội ở các nhà trường phải quan tâm, giáo dục, tuyên truyền ý thức bảo vệ chủ quyền biển, đảo cho sinh viên một cách toàn diện cả về tri thức, tình cảm, niềm tin, ý chí quyết tâm bảo vệ chủ quyền biển, đảo cho sinh viên thông qua việc xác định các chủ trương, chương trình, kế hoạch tuyên truyền chủ đề này. Đồng thời, có sự giám sát chặt chẽ về nội dung và phương thức tuyên truyền để có thể đạt được tính thống nhất và hiệu quả cao trong truyền đạt thông tin, tri thức đến đối tượng tuyên truyền. Đội ngũ giảng viên phải là người vừa truyền tải thông tin, vừa định hướng tư duy. Cần hướng dẫn và tuyên truyền các nghị quyết, chỉ thị, hướng dẫn liên quan đến công tác tuyên truyền, bảo vệ chủ quyền biển, đảo bằng nhiều phương thức khác nhau nhằm đạt được mục tiêu giáo dục toàn diện, nâng cao nhận thức, thái độ, hành vi, tinh thần trách nhiệm cho sinh viên.

Tuy nhiên, tại một số trường đại học ở TPHCM hiện nay, điểm nghẽn lớn nhất nằm ở sự chênh lệch giữa năng lực nội tại của chủ thể và sự phát triển của đối tượng tuyên truyền. Một bộ phận chủ thể vẫn còn nhận thức công tác tuyên truyền biển, đảo theo tư duy lối mòn, mang tính thời điểm mà chưa thấy được tính chiến lược lâu dài. Năng lực cập nhật kiến thức luật pháp quốc tế như: Công ước Liên Hợp Quốc về Luật Biển (UNCLOS 1982), Tuyên bố ứng xử của các bên ở Biển Đông (DOC), Bộ Quy tắc ứng xử ở Biển Đông (COC), Luật Biển Việt Nam năm 2012 và các luật, pháp lệnh có liên quan đến lực lượng thực thi, bảo vệ chủ quyền biển, đảo,... còn hạn chế, dẫn đến việc khi đối diện với các câu hỏi phản biện mang tính đa chiều của sinh viên, chủ thể tuyên truyền thường có xu hướng né tránh hoặc giải thích một cách giáo điều, lý thuyết suông mà thiếu tính thực tiễn, minh chứng đanh thép. Điều này làm suy giảm tính thuyết phục khoa học chính trị và chưa đáp ứng được đòi hỏi khắt khe của công cuộc đổi mới giáo dục quốc dân hiện nay.

Như vậy, yêu cầu đặt ra chính là cần nâng cao nhận thức, trách nhiệm và năng lực cho chủ thể tuyên truyền, xây dựng và đào tạo đội ngũ cán bộ, giảng viên đủ phẩm chất, năng lực, uy tín, đáp ứng yêu cầu, ngang tầm nhiệm vụ trong kỷ nguyên mới. Quá trình truyền tải kiến thức cần có phương hướng tác động toàn diện, trọng tâm, trọng điểm tới các yếu tố cấu thành ý chí, niềm tin, trách nhiệm bảo vệ chủ quyền biển, đảo cho sinh viên.

3.3.2.2. Quá trình thực hiện các nội dung đổi mới phương thức tuyên truyền về chủ quyền biển, đảo cho sinh viên các trường đại học ở Thành phố Hồ Chí Minh vẫn còn nhiều bất cập so với yêu cầu đặt ra trong bối cảnh Cách mạng công nghiệp lần thứ tư và chuyển đổi số hiện nay

Trong xu thế phát triển đất nước, đổi mới phương pháp giáo dục - đào tạo là vấn đề cấp thiết, có ý nghĩa quan trọng, góp phần nâng cao chất lượng, hiệu quả giáo dục cho sinh viên giai đoạn hiện nay. Cùng với đó, công tác tuyên truyền chủ quyền biển, đảo cũng là một trong những nhiệm vụ cấp bách trong chiến lược bảo vệ Tổ quốc Việt Nam XHCN thời kỳ mới. Vì vậy, hoạt động tuyên truyền chủ quyền biển, đảo luôn được Đảng, Nhà nước ta quan tâm, ban hành các Đề án, Chỉ thị, Nghị quyết, các văn bản pháp quy khác đến các ban, bộ, ngành các cấp trong hệ thống chính trị. Kế hoạch, chương trình, nhiệm vụ tuyên truyền chủ quyền biển, đảo được triển khai phổ biến rộng rãi đến các cơ quan, trường học trên cả nước với các hình thức, phương pháp cụ thể của từng đơn vị thực hiện. Tuy nhiên, không phải trường đại học nào ở TPHCM cũng tiếp cận và triển khai thực hiện nhanh chóng, đồng bộ công tác tuyên truyền chủ quyền biển, đảo Việt Nam cho sinh viên mà thay vào đó chỉ lồng ghép nội dung, văn bản đính kèm ở một số tiết học, chương trình học, chưa mang tính phổ quát. Cả chủ thể và đối tượng tuyên truyền vẫn còn có nơi, có lúc xem nhẹ phương pháp tuyên truyền, chưa tích cực trong đổi mới phương pháp nên hiệu quả đổi mới phương pháp tuyên truyền chủ quyền biển, đảo hiện nay được đánh giá chưa cao, thậm chí còn chậm so với yêu cầu đổi mới phương pháp tuyên truyền của cấp trên triển khai. Trong khi các thông tin giả mạo, luận điệu xuyên tạc của các thế lực thù địch xuất hiện và lan truyền trên không gian mạng chỉ tính bằng giây, thì phương pháp tuyên truyền trong nhà trường vẫn mang nặng tính hành chính như: phải chờ thông báo chỉ thị, tổ chức hội nghị tập huấn theo quy trình. Việc lạm dụng phương pháp thuyết trình độc thoại, áp đặt tư duy một chiều khiến sinh viên rơi vào trạng thái thụ động. Các phương pháp tương tác hiện đại như tranh biện học thuật, nghiên cứu tình huống thực tế hay giả định các phiên tòa quốc tế chưa được luật hóa và áp dụng đồng bộ. Sự chậm trễ này làm mất đi tính thời sự - một thuộc tính sống còn của công tác tuyên truyền. Do đó, cần phải có giải pháp khắc phục triệt để vấn đề đang tiếp diễn này ở các trường đại học tại TPHCM.

Tương tự vấn đề phương pháp tuyên truyền, hình thức tuyên truyền chủ quyền biển, đảo hiện nay trong một số trường đại học ở TPHCM vẫn chưa thật sự đạt hiệu quả cao so với yêu cầu đổi mới hình thức tuyên truyền chủ quyền biển, đảo hiện nay. Một hình thức hiệu quả phải bảo đảm tính phù hợp với đặc điểm tâm lý lứa tuổi của đối tượng tiếp nhận. Sinh viên đại học là lực lượng có trình độ học vấn cao, có tư duy độc lập và xu hướng thích tự trải nghiệm, tự khám phá thay vì tiếp nhận những khuôn mẫu có sẵn. Thực trạng việc đổi mới hình thức tại một số trường hiện nay đang bị đánh đồng với việc tăng số lượng hoạt động bề nổi dẫn đến mâu thuẫn mục đích tuyên truyền và nhu cầu tiếp nhận thông tin nóng, thời sự của sinh viên. Các hình thức phổ biến vẫn là mít tinh, hội diễn văn nghệ, hoặc các cuộc thi viết tìm hiểu truyền thống vẫn thường xuyên được tổ chức. Xét về mặt kinh tế giáo dục và hiệu quả tư tưởng, các hình thức này tiêu tốn nhiều nguồn lực nhưng chỉ tiếp cận được một nhóm nhỏ sinh viên nòng cốt, phần lớn sinh viên còn lại tham gia mang tính đối phó để tích lũy điểm rèn luyện. Mức độ đổi mới chưa chạm được vào chiều sâu nhận thức vì thiếu vắng các không gian học thuật chuyên sâu như câu lạc bộ nghiên cứu chiến lược, diễn đàn khoa học sinh viên, hay các chương trình trải nghiệm thực tế gắn với biên giới, biển đảo. Do đó, tính bền vững và khả năng chuyển hóa từ “biết” sang “tin” và “hành động” của sinh viên chưa đạt hiệu quả cao. Nếu vẫn tiếp tục thực hiện các hình thức nêu trên trong thời gian dài sẽ khó thu hút sinh viên tham gia các hoạt động phong trào do nhà trường tổ chức, thay vào đó cần có những hoạt động trải nghiệm thực tiễn hơn, vừa đáp ứng nhu cầu đổi mới hình thức tuyên truyền chủ quyền biển, đảo, vừa không bị chậm nhịp so với xu hướng đổi mới năng lực số, kỹ năng số hiện nay.

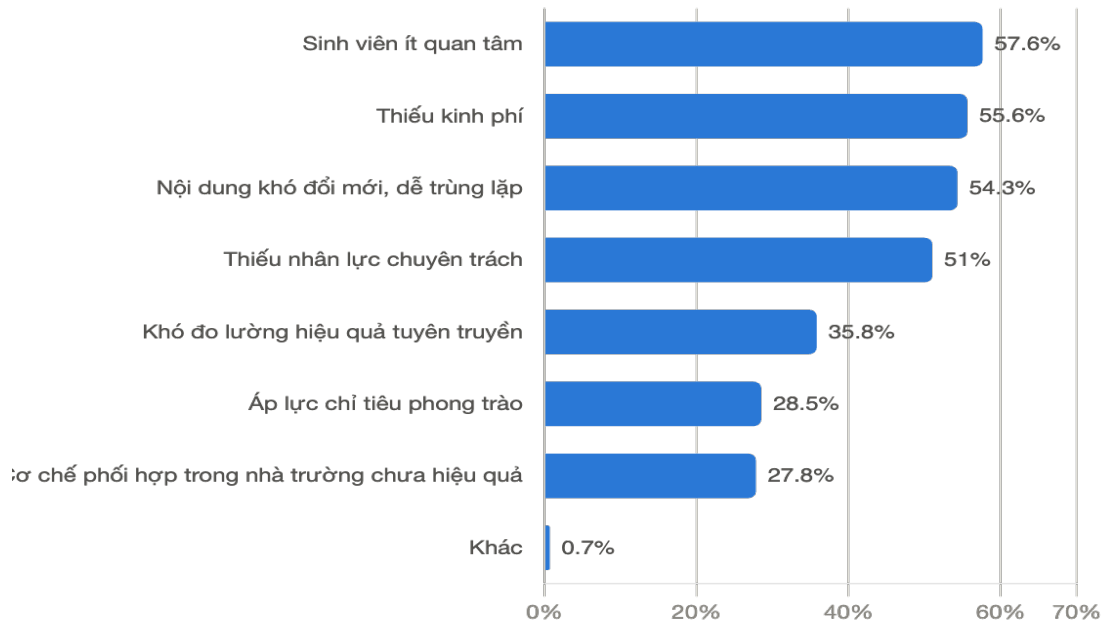
Về phương tiện tuyên truyền cũng có những vấn đề đặt ra. Trong thời đại bùng nổ thông tin hiện nay, lực lượng tuyên truyền nào chiếm lĩnh được phương tiện truyền thông hiện đại hơn, lực lượng đó sẽ làm chủ được dư luận xã hội. Không gian mạng không còn là công cụ hỗ trợ mà đã trở thành địa bàn chiến lược cốt lõi của công tác tư tưởng, tuyên truyền đối với giới trẻ. Tuy nhiên, có một sự chênh lệch rất lớn về mặt công nghệ và tư duy thiết kế giữa hệ thống phương tiện tuyên truyền của nhà trường và xu hướng truyền thông số thương mại ngoài xã hội. Sinh viên có thói quen tiếp nhận thông tin qua video ngắn, đồ họa chuyển động, podcast và các nền tảng

mạng xã hội có tính tương tác cao (TikTok, Facebook, Threads). Trong khi đó, phương tiện tuyên truyền của nhà trường vẫn chủ yếu dựa vào website nội bộ, loa phát thanh hoặc các bài viết dài trên fanpage. Việc ứng dụng trí tuệ nhân tạo (AI), trò chơi hóa hay số hóa tư liệu lịch sử bằng thực tế ảo (VR) hoặc thực tế tăng cường (AR) để phục vụ tuyên truyền còn rất mờ nhạt và mang tính tự phát. Sự tụt hậu về phương tiện tuyên truyền khiến các thông tin chính thống của nhà trường bị lép vế về mặt thuật toán hiển thị và độ hấp dẫn, tạo khoảng trống cho các luồng thông tin giải trí độc hại xâm nhập vào tư tưởng sinh viên. Các công nghệ hiện đại đang được sử dụng phổ biến để phục vụ cho các hoạt động tuyên truyền, giáo dục ở nhiều nơi, nhiều tỉnh, thành lớn trên cả nước, thậm chí một số trường đại học như: Học viện Công nghệ Bưu chính Viễn thông, Đại học Bách khoa Hà Nội, Đại học Duy Tân, Đại học Hoa Sen, Đại học Khoa học Tự nhiên (TPHCM), Đại học Kinh tế TPHCM, song mục đích dành cho học tập, nghiên cứu lập trình, thiết kế hay ứng dụng vào lĩnh vực y tế, giáo dục, kinh doanh, vẫn chưa phát huy hết tính năng ứng dụng cho công tác tuyên truyền mà mức độ đầu tư các công nghệ trên chưa nhiều. Do đó, cần có sự quan tâm, đầu tư thiết yếu cho các công nghệ này tại các trường đại học ở TPHCM để có thể hỗ trợ lan tỏa các nội dung tuyên truyền chủ quyền biển, đảo một cách phong phú, sinh động hơn, đồng thời kết hợp với truyền thông đa phương tiện của nhà trường để bắt kịp xu hướng truyền thông số thương mại, giải trí trên không gian mạng.

3.3.2.3. Các điều kiện đảm bảo (nhân lực, tài chính, cơ sở vật chất và cơ chế phối hợp) đổi mới phương thức tuyên truyền chủ quyền biển, đảo cho sinh viên các trường đại học ở Thành phố Hồ Chí Minh hiện nay còn thiếu đồng bộ, chưa đáp ứng yêu cầu hiện đại hóa và nâng cao hiệu quả tuyên truyền

Các điều kiện đảm bảo bao gồm nguồn nhân lực, tài chính, cơ sở vật chất, nguồn học liệu và cơ chế chính sách, cơ chế phối hợp, tạo động lực là điều kiện cần và đủ để duy trì một hệ thống vận hành liên tục. Đổi mới phương thức tuyên truyền trong nhà trường đã được đặt ra yêu cầu từ lâu, nhưng các điều kiện đảm bảo cho việc đổi mới phương thức vẫn chưa được đáp ứng. Đổi mới phương thức tuyên truyền chủ quyền biển, đảo Việt Nam cho sinh viên các trường đại học ở TPHCM hiện nay khó có thể thực hiện hiệu quả nếu thiếu một hành lang pháp lý đồng bộ, các nguồn lực cần thiết và cơ chế kích thích sự sáng tạo tự thân của các chủ thể tham gia.

Biểu đồ 3.3. Rào cản trong đổi mới phương thức tuyên truyền chủ quyền biển, đảo Việt Nam cho sinh viên



(Nguồn: Kết quả khảo sát Luận án, Câu 5.5, PL5)

Qua kết quả khảo sát cho thấy các trường đại học ở TP HCM đang tồn tại rất nhiều rào cản lớn, chưa được khắc phục đồng bộ, dễ gây triệt tiêu động lực đổi mới phương thức tuyên truyền chủ quyền biển, đảo cho sinh viên trong các nhà trường. Về tài chính, nguồn kinh phí cấp cho công tác tuyên truyền giáo dục chính trị nói chung và biển, đảo nói riêng còn rất hạn hẹp, chủ yếu lồng ghép vào quỹ hoạt động phong trào của Đoàn Thanh niên; cơ sở vật chất, phương tiện, hạ tầng kỹ thuật chưa đảm bảo tạo động lực thúc đẩy cho hoạt động tuyên truyền. Đặc biệt, nhà trường chưa xây dựng được cơ chế động lực kinh tế và tinh thần thỏa đáng cho cán bộ, giảng viên, sinh viên. Đội ngũ cán bộ, giảng viên thực hiện nhiệm vụ đổi mới phương thức tuyên truyền phần lớn là kiêm nhiệm, áp lực công việc cao nhưng thiếu chế độ đãi ngộ tương xứng. Một rào cản nữa là nguồn nhân lực chuyên trách ở các trường bị thiếu, kinh nghiệm thực tiễn chưa cao. Nhiều trường vẫn chưa quan tâm hoặc có cơ chế đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn công tác tuyên truyền cho cán bộ, viên chức. Về học liệu, chưa có một hệ thống cơ sở dữ liệu chuẩn hóa, chính thống và cập nhật liên tục về chủ quyền biển, đảo dành riêng cho khối đại học để giảng viên biên soạn bài giảng. Đối với sinh viên, các đề tài nghiên cứu về biển, đảo chưa được đầu tư kinh phí để chuyển hóa thành các sản phẩm truyền thông thực tế. Tất cả rào cản trên đều

là vấn đề tác động trực tiếp đến động lực thúc đẩy công tác tuyên truyền trong các trường đại học ở TPHCM hiện nay.

3.3.2.4. Ý thức tích cực, tự giác và sáng tạo của sinh viên trong nghiên cứu, học tập hiện còn hạn chế, chưa tương xứng với yêu cầu đặt ra từ việc đổi mới phương thức tuyên truyền chủ quyền biển, đảo Việt Nam ở các trường đại học ở Thành phố Hồ Chí Minh hiện nay

Tuyên truyền bảo vệ chủ quyền biển, đảo là nội dung cốt lõi trong chiến lược bảo vệ Tổ quốc, đòi hỏi thế hệ trẻ, đặc biệt là nguồn nhân lực chất lượng cao như sinh viên phải có nhận thức sâu sắc. Tuy nhiên, nhận thức và ý thức tích cực, tự giác, sáng tạo của sinh viên tại TPHCM trong việc chủ động nghiên cứu, học tập về chủ quyền biển, đảo Việt Nam đang là vấn đề đặt ra hiện nay. Sự thiếu hụt này tạo ra một khoảng cách lớn so với những nỗ lực đổi mới phương thức tuyên truyền chủ quyền biển, đảo mà các nhà trường đang quyết liệt triển khai. Sự không tương xứng đó không chỉ làm giảm hiệu quả thực tế của các chương trình giáo dục, mà còn đặt ra thách thức lớn trong việc chuyển hóa tri thức lý luận thành hành động thực tiễn mang tính tự nguyện và tự thân của người học.

Về mặt chủ quan, một bộ phận không nhỏ sinh viên hiện nay còn chịu áp lực lớn từ chương trình học chuyên ngành và xu hướng thực tế hóa nghề nghiệp, dẫn đến tâm lý xem nhẹ các hoạt động ngoại khóa hay các đề tài nghiên cứu về chủ quyền quốc gia. Về mặt khách quan, mặc dù các trường đại học tại TPHCM đã có nhiều cố gắng trong việc thay đổi diện mạo truyền thông, song một số nội dung vẫn còn mang tính hàn lâm, nặng về lý thuyết và thiếu các không gian sáng tạo để sinh viên tự do thể hiện quan điểm. Mối liên kết giữa phương pháp truyền tải của nhà trường và nhu cầu tiếp cận thông tin trực quan, gắn liền với công nghệ số của thế hệ trẻ vẫn chưa thực sự đồng điệu. Hệ quả là, công tác tuyên truyền dù có đổi mới về vỏ bọc hình thức nhưng vẫn chưa thể kích hoạt được tính tự giác, chưa biến quá trình tiếp thu thụ động thành chủ động tự tìm hiểu, tự nghiên cứu.

Vấn đề đặt ra cho các trường đại học ở TPHCM là cần đổi mới, đa dạng hóa phương thức chia sẻ thông tin, các tư liệu học tập về biển, đảo, biến các đề tài nghiên cứu khoa học khô khan thành các sân chơi hấp dẫn như cuộc thi sáng tạo nội dung số, xây dựng mô hình trực quan hoặc diễn đàn tranh biện. Yêu cầu cấp thiết là cần gắn kết chặt chẽ nội dung tuyên

truyền với các hoạt động trải nghiệm thực tế. Các chủ thể tuyên truyền trong nhà trường phải chuyển đổi vai trò từ người truyền thụ một chiều thành người định hướng, tạo không gian mở để sinh viên tự đề xuất và thực hiện các ý tưởng truyền thông độc đáo của riêng mình. Chỉ khi tính tích cực, chủ động của sinh viên được tôn trọng và phát huy, việc đổi mới phương thức tuyên truyền mới thực sự đi vào chiều sâu và mang lại giá trị bền vững.

Tiểu kết Chương 3

Qua phân tích, đánh giá thực trạng đổi mới phương thức tuyên truyền chủ quyền biển, đảo Việt Nam cho sinh viên các trường đại học ở TPHCM cho thấy việc đổi mới bước đầu đã được thực hiện và đạt những kết quả nhất định, đáng ghi nhận. Đây là những ưu điểm góp phần khẳng định quá trình đổi mới phương thức tuyên truyền chủ quyền biển, đảo đang được thực hiện, nhân rộng và đi vào chiều sâu tại các trường đại học ở TPHCM hiện nay.

Luận án cũng chỉ ra những hạn chế trong quá trình đổi mới phương thức tuyên truyền chủ quyền biển, đảo Việt Nam cho sinh viên các trường đại học trên địa bàn thành phố thời gian qua; phân tích các nguyên nhân, đồng thời khái quát một số vấn đề đặt ra đối với việc đổi mới phương thức tuyên truyền chủ quyền biển, đảo Việt Nam cho sinh viên trong bối cảnh hiện nay. Việc đổi mới cần hướng tới sự quan tâm, đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao; đa dạng hóa phương pháp, hình thức và phương tiện như tăng cường ứng dụng công nghệ số và truyền thông số; đồng thời chú trọng các hoạt động trải nghiệm, tương tác và gắn với thực tiễn nhằm nâng cao hiệu quả tuyên truyền, tăng cường nhận thức và bồi dưỡng niềm tin, ý thức trách nhiệm của sinh viên đối với chủ quyền biển, đảo của Tổ quốc.

Mặc dù, nghiên cứu chưa đầy đủ nhưng những kết quả phân tích, đánh giá thực trạng trong Chương 3 là cơ sở thực tiễn quan trọng để NCS đưa ra các phương hướng và đề xuất các giải pháp cụ thể nhằm đổi mới phương thức tuyên truyền chủ quyền biển, đảo Việt Nam cho sinh viên các trường đại học tại TPHCM hiện nay trong chương tiếp theo của luận án.

Chương 4

DỰ BÁO TÌNH HÌNH VÀ PHƯƠNG HƯỚNG, GIẢI PHÁP TIẾP TỤC ĐỔI MỚI PHƯƠNG THỨC TUYÊN TRUYỀN CHỦ QUYỀN BIỂN, ĐẢO VIỆT NAM CHO SINH VIÊN CÁC TRƯỜNG ĐẠI HỌC Ở THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH TRONG THỜI GIAN TỚI

4.1. Dự báo tình hình và phương hướng đổi mới phương thức tuyên truyền chủ quyền biển, đảo Việt Nam cho sinh viên các trường đại học ở Thành phố Hồ Chí Minh

4.1.1. Dự báo tình hình và các yếu tố ảnh hưởng đến đổi mới phương thức tuyên truyền chủ quyền biển, đảo Việt Nam cho sinh viên các trường đại học ở Thành phố Hồ Chí Minh

4.1.1.1. Tình hình thế giới, khu vực và trong nước với vấn đề Biển Đông
- Tình hình thế giới và khu vực

Dưới góc độ phân tích địa chính trị và quan hệ quốc tế, bức tranh toàn cầu và khu vực hiện nay đang ở trong một giai đoạn chuyển tiếp phức tạp, đan xen giữa các thách thức an ninh truyền thống và phi truyền thống. Thế giới vẫn đang đối mặt với những cuộc khủng hoảng đa tầng. Xung đột tại Trung Đông và Ukraine vẫn tiếp diễn mà chưa có giải pháp hòa bình triệt để. Những điểm nóng này gây đứt gãy chuỗi cung ứng toàn cầu và ảnh hưởng trực tiếp đến an ninh năng lượng cũng như giá dầu mỏ. Sự cạnh tranh chiến lược giữa các cường quốc vẫn diễn ra gay gắt. Chủ nghĩa đa phương đang bị thử thách nghiêm trọng, khiến việc thiết lập các “luật chơi” chung trên trường quốc tế dựa trên nền tảng hợp tác gặp nhiều rào cản.

Biển Đông là khu vực có vị trí địa - chính trị, kinh tế và quân sự đặc biệt quan trọng, không chỉ đối với các quốc gia ven biển trong khu vực mà còn đối với toàn bộ châu Á - Thái Bình Dương. Đây là tuyến đường hàng hải nhộn nhịp bậc nhất thế giới, với khoảng 30% lượng hàng hóa toàn cầu được vận chuyển qua mỗi năm. Tuy nhiên, trong nhiều năm qua, tình hình Biển Đông liên tục tiềm ẩn nguy cơ mất ổn định do sự cạnh tranh gay gắt giữa các quốc gia có lợi ích tại khu vực, sự can dự của các nước lớn ngoài khu vực, đặc biệt là sự gia tăng các hoạt động đơn phương của Trung Quốc trong khẳng định chủ quyền, gây ra những va chạm tranh chấp với Philippines dễ dẫn đến nguy cơ xung đột vũ trang đe dọa sự ổn định của Biển Đông và khu vực.

Cục diện Biển Đông hiện nay đang chứng kiến nhiều chuyển biến mới khi Trung Quốc triển khai loạt động thái nằm trong những tính toán tinh vi nhằm củng cố yêu sách chủ quyền vốn bị cộng đồng quốc tế bác bỏ. Bắc Kinh khéo léo phối hợp hiện diện quân sự, đòn bẩy pháp lý và công cụ ngoại giao để từng bước kiến tạo một “trạng thái bình thường mới” hướng tới mục tiêu chuyển hóa ưu thế trên thực địa thành quyền kiểm soát lâu dài. Những bước đi này diễn ra trong bối cảnh cạnh tranh chiến lược Mỹ - Trung ngày càng leo thang, cùng với sự gia tăng can dự của nhiều chủ thể vào vấn đề an ninh hàng hải, khiến Biển Đông tiếp tục trở thành điểm nóng tiềm ẩn nguy cơ xung đột. Đối với Việt Nam, đây không chỉ là thách thức an ninh mà còn là phép thử về tầm nhìn, sự linh hoạt và hiệu quả của chính sách đối ngoại trong việc cân bằng quan hệ giữa các nước lớn, đồng thời duy trì môi trường hòa bình cho khu vực.

Đứng trước tham vọng ngày càng cao của Trung Quốc, các quốc gia ASEAN lại bộc lộ sự phân hóa đáng kể. Biểu hiện này thường thấy ở những nước có mức độ phụ thuộc kinh tế cao vào Trung Quốc như Campuchia hay phần nào cả Malaysia. Sự khác biệt lợi ích này khiến ASEAN chưa thể hình thành một mặt trận đồng thuận đủ mạnh để tạo sức ép tập thể lên Bắc Kinh. Cùng với đó, các yếu tố như cạnh tranh chiến lược Mỹ - Trung, tranh chấp chồng lấn giữa các nước ASEAN, và sự chậm trễ trong tiến trình xây dựng Bộ Quy tắc ứng xử (COC) đã khiến Biển Đông trở thành một trong những “điểm nóng” an ninh phức tạp nhất hiện nay. Trong thời gian tới, Biển Đông sẽ có thể tiếp tục là điểm nóng về an ninh hàng hải và là phép thử lớn đối với luật pháp quốc tế (đặc biệt là UNCLOS 1982).

Ở vòng ngoài, Biển Đông tiếp tục giữ vị trí tâm điểm của một mạng lưới hoạt động an ninh - quân sự do Mỹ dẫn dắt tại Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương, với sự tham gia ngày càng sâu của nhiều chủ thể. Các hiệp ước chiến lược của Mỹ và đồng minh (QUAD, AUKUS, hay trục liên minh Mỹ - Nhật - Philippines) ngày càng siết chặt các điểm nghẽn hàng hải. Ngay từ đầu năm 2025, Mỹ thực hiện đợt tái bố trí hàng loạt hệ thống tên lửa tầm trung chiến lược Typhon trên lãnh thổ Philippines nhằm chuẩn bị cho các phương án xung đột. Ngoài ra, Washington vẫn duy trì các chiến dịch tuần tra tự do hàng hải (FONOPs) qua eo biển Luzon, gần hai quần đảo Hoàng Sa (Paracel Islands) và Trường Sa (Spratly Islands), đồng thời tổ chức nhiều cuộc tập trận song phương và đa phương quy mô lớn kéo dài.

Cán cân lực lượng ở Biển Đông tiếp tục có những dấu ấn mới. Nổi bật lên với một số nhân tố thân cận với Mỹ như Úc, Anh, Pháp và các đối tác, đồng minh phương Tây khác cho thấy một cấu trúc kiềm tỏa Trung Quốc đang ngày một gia tăng so với những năm trước. Kể đến, Nhật Bản và Hàn Quốc, dù không có tuyên bố chủ quyền song vẫn tăng cường hỗ trợ năng lực hàng hải cho các nước ven biển coi đây là một phần trong chiến lược bảo vệ tuyến hàng hải huyết mạch. Ấn Độ cũng góp mặt thông qua sáng kiến “Hành động hướng Đông” thúc đẩy hợp tác sâu rộng mọi mặt với các đối tác khu vực. Ngoài ra, không thể bỏ qua sự tái hiện diện vai trò của Nga trên bàn cờ địa chính trị Đông Nam Á sau nhiều thập niên vắng bóng. Đề xuất của Nga dành cho Lào trong các dự án hạ tầng đường ra biển hay những thành quả hợp tác sâu hơn với Việt Nam đều phản ánh tham vọng khôi phục chỗ đứng chiến lược của Moscow ở khu vực. Hệ quả từ cục diện trên cho thấy Biển Đông đang rơi vào trạng thái “cạnh tranh đa tầng”, nơi sự tương tác giữa các quốc gia ven biển với Trung Quốc và sự can dự từ bên thứ ba tạo thành vòng xoáy kích thích cạnh tranh chiến lược. Tuy nhiên, chính sự hiện diện của các lực lượng bên ngoài đã phần nào hạn chế khả năng Trung Quốc tiến hành các bước leo thang, song đồng thời cũng làm gia tăng nguy cơ đụng độ ngoài ý muốn. Điều này khiến Biển Đông vượt ngoài tranh chấp khu vực mà trở thành điểm giao thoa lợi ích của nhiều nước lớn.

Đánh giá tình hình bối cảnh thế giới và khu vực, Văn kiện Đại hội XIV của Đảng nhấn mạnh:

Quan hệ chính trị giữa các nước trong khu vực, đặc biệt là các cường quốc, vẫn chứa đựng nhiều mâu thuẫn có thể dẫn đến chiến tranh như tranh chấp biên giới, lãnh thổ trên bộ và trên biển, nhất là tranh chấp biển, đảo tại Biển Đông và biển Hoa Đông, tình hình căng thẳng trên bán đảo Triều Tiên. Tình hình nội bộ nhiều nước diễn biến phức tạp, nhân tố chủ nghĩa dân tộc nổi lên tác động đến quyết sách đối nội và đối ngoại của nhiều nước. Khu vực xuất hiện nhiều cấu trúc hợp tác quốc phòng, an ninh, nhưng thiếu một cơ chế hữu hiệu để ngăn ngừa và xử lý các thách thức an ninh, tranh chấp, xung đột [50 tr.15].

Ở phương diện khác, cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư đang tác động mạnh mẽ, sâu sắc đến tất cả các lĩnh vực của đời sống xã hội trên phạm vi toàn cầu. Bên cạnh góc độ chính trị, các quốc gia đang phải chật vật thích ứng với những biến động khó lường từ sự bùng nổ của trí tuệ nhân tạo (AI), dữ liệu

lớn (Big Data) và đặc biệt là các nền tảng mạng xã hội xuyên biên giới (Facebook, TikTok, YouTube) đã làm thay đổi hoàn toàn hệ sinh thái truyền thông, tạo ra những rủi ro an ninh mạng và an ninh thông tin hoàn toàn mới. Vấn đề Biển Đông hiện nay không chỉ nóng trên thực địa mà còn nóng trên mặt trận thông tin. Các quốc gia đang sử dụng mạnh mẽ các phương tiện truyền thông đại chúng, diễn đàn học thuật và giáo dục để khẳng định lập trường, bằng chứng lịch sử - pháp lý chủ quyền, từ đó định hướng dư luận trong nước và quốc tế để củng cố sức mạnh tổng hợp quốc gia.

Trước những diễn biến trên, Hội nghị lần thứ ba Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIV đã xác định mục tiêu tổng quát trong Chiến lược an ninh quốc gia:

Bảo vệ vững chắc an ninh quốc gia, an ninh con người, an ninh chế độ, an ninh thể chế, an ninh trên các lĩnh vực, không gian; ngăn ngừa, đẩy lùi từ sớm các nhân tố gây mất ổn định chính trị từ bên trong, từ không gian mạng, không gian vũ trụ, không gian tầm thấp, không gian biển và đại dương. Chủ động ứng phó với các mối đe dọa tổng hợp, vấn đề an ninh phi truyền thống, hình thái xâm phạm an ninh mới [12, tr.3].

- Tình hình trong nước

Việt Nam có vị trí địa - chiến lược quan trọng trong khu vực và trên thế giới, là cầu nối châu Á với Đông Nam Á. Biển, đảo nước ta là một không gian chiến lược đặc biệt quan trọng. Với độ dài khoảng 3.260 km bờ biển, hàng nghìn đảo và quần đảo, trong đó có Hoàng Sa và Trường Sa, Việt Nam là quốc gia biển điển hình, sở hữu nhiều tiềm năng phát triển kinh tế kết hợp với củng cố quốc phòng, an ninh trên hướng biển. Theo Công ước của Liên hợp quốc về Luật Biển (UNCLOS 1982), vùng biển Việt Nam có diện tích hơn 1 triệu km² trong phạm vi của khu vực Biển Đông. Điều này cho thấy, Biển Đông chính là cửa ngõ để Việt Nam mở rộng không gian sinh tồn, giao lưu, hợp tác quốc tế; đồng thời, biển, đảo nước ta là phen dậu, lá chắn phòng thủ vững chắc để Việt Nam bảo vệ Tổ quốc “từ sớm, từ xa”. Song, với những diễn biến phức tạp trong khu vực và thế giới, Việt Nam cũng đang đối mặt với những thách thức to lớn trong bảo vệ chủ quyền và lợi ích quốc gia trên biển.

Từ khi bắt đầu công cuộc Đổi mới (1986), trong quá trình phát triển toàn diện đất nước, Việt Nam đã từng bước chú trọng xây dựng và hoàn thiện chính

sách, pháp luật về biển đảo, hình thành hệ thống quản lý nhà nước thống nhất, phù hợp với yêu cầu bảo vệ chủ quyền và phát triển bền vững kinh tế biển. Đặc biệt, Quốc hội thông qua Luật Biển Việt Nam năm 2012 đã đánh dấu bước ngoặt quan trọng trong việc nội luật hóa các quy định của Công ước Liên hợp quốc về Luật Biển 1982 (UNCLOS 1982), tạo cơ sở pháp lý vững chắc cho việc quản lý, khai thác, sử dụng bền vững và bảo vệ các vùng biển của Tổ quốc. Trên cơ sở đó, Đảng và Nhà nước đã ban hành Chiến lược phát triển bền vững kinh tế biển Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 (Nghị quyết 36-NQ/TW).

Đảng ta luôn kiên định quan điểm:

Kiên quyết, kiên trì đấu tranh bảo vệ chủ quyền và các lợi ích hợp pháp, chính đáng của quốc gia trên biển, đồng thời chủ động, tích cực giải quyết, xử lý các tranh chấp, bất đồng trên Biển Đông bằng các biện pháp hòa bình trên cơ sở luật pháp quốc tế, nhất là Công ước của Liên hợp quốc về Luật Biển 1982 (UNCLOS 1982); giữ gìn môi trường hòa bình, ổn định và hợp tác để phát triển [7, tr.104-105].

Đồng thời, Văn kiện Đại hội XIII của Đảng nhấn mạnh phương châm chủ yếu trong bảo vệ chủ quyền, lợi ích quốc gia trên biển Đông: “Kiên quyết, kiên trì đấu tranh bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ, vùng trời, vùng biển; giữ vững môi trường hòa bình, ổn định để phát triển” [47, tr.157]. Hơn nữa, trong tư duy lý luận về quốc phòng, an ninh, Văn kiện Đại hội XIV tiếp tục khẳng định: “Giữ vững môi trường hoà bình, ổn định, phát triển, không để đất nước bị động, bất ngờ trong mọi tình huống; không để đất nước xảy ra chiến tranh, xung đột, bất ổn là mục tiêu cao nhất, lợi ích cao nhất của đất nước” [50, tr.75].

Tuy nhiên, tình hình Biển Đông luôn tiềm ẩn nhiều yếu tố phức tạp: cạnh tranh chiến lược giữa các nước lớn, tranh chấp chủ quyền, hành động đơn phương, vi phạm luật pháp quốc tế, quân sự hóa các đảo, cản trở hoạt động kinh tế và khai thác tài nguyên biển của các nước ven bờ. Những diễn biến đó đe dọa nghiêm trọng hòa bình, ổn định và trật tự pháp lý trên biển, gây sức ép lớn đối với công tác quản lý và bảo vệ chủ quyền biển, đảo của Việt Nam.

- Một số dự báo và hàm ý với Việt Nam trong chiến lược bảo vệ chủ quyền biển, đảo

Trong bối cảnh căng thẳng khu vực leo thang sau vụ tàu Trung Quốc va chạm nhau khi rượt đuổi tàu Philippines. Sự cố này đẩy các bên liên quan vào

thể khó trong việc duy trì ổn định khu vực. Trong ngắn hạn về cục diện Biển Đông bước vào chu kỳ vận động mới chủ yếu xoay quanh những vấn đề sau:

Trục động lực chính vẫn xoay quanh quan hệ Mỹ - Trung, mặc dù cả hai bên đều gia tăng sự hiện diện quân sự, đẩy mạnh tần suất tuần tra trên Biển Đông, song vẫn duy trì các cơ chế liên lạc khẩn để tránh xảy ra xung đột công khai. Thế nhưng, sự đối đầu này ngày càng mang tính dài hạn, tạo nên trạng thái “cạnh tranh có kiểm soát” nhưng cũng không loại trừ khả năng bùng phát những sự cố ngoài ý muốn.

Ở chiều ngược lại, Trung Quốc vẫn duy trì chiến thuật “vùng xám” sử dụng kết hợp đa lực lượng chính thức và hoán cải hải cảnh, dân binh biển và các tàu khảo sát dầu khí để củng cố sự kiểm soát trên thực địa. Những khu vực trọng yếu như Trường Sa, Bãi Scarborough, bãi Tư Chính - Nam Côn Sơn hay Bãi Luconia tiếp tục trở thành tâm điểm các hoạt động áp sát, cản trở và phô trương sức mạnh. Song song với các động thái thực địa, Bắc Kinh cũng đẩy mạnh các biện pháp tuyên truyền pháp lý như ban hành bản đồ mới, công bố quy định hàng hải một chiều hoặc thiết lập “khu vực cấm đánh bắt” để củng cố tính chính danh cho yêu sách.

Các động thái này diễn ra trong lúc các liên kết tiểu đa phương ở khu vực ngày càng đan xen phức tạp. Mỹ phối hợp chặt chẽ hơn với Nhật Bản, Úc, Philippines, đồng thời tăng cường tập trận chung. Nhật, Ấn Độ, Hàn Quốc và một số nước châu Âu cũng đẩy mạnh hỗ trợ năng lực chấp pháp biển cho các quốc gia ASEAN có liên quan. Mức độ “quốc tế hóa” vấn đề Biển Đông vì thế ngày càng rõ nét, khiến Trung Quốc rơi vào thế vừa phải đối phó nhiều hướng, vừa tận dụng sự phân hóa nội bộ ASEAN để duy trì thế chủ động.

Do các tranh chấp vẫn là chủ yếu, vậy nên tiến trình đàm phán COC trong khoảng trước năm 2030 vẫn khó hoàn tất. Nếu có tiến triển thì văn kiện cũng chỉ dừng ở mức nguyên tắc mà ASEAN đã nêu từ lâu, thiếu sự ràng buộc cụ thể đối với các hoạt động trên thực địa. Trong khi đó, yếu tố kinh tế tiếp tục chi phối tình hình. Nhu cầu khai thác dầu khí thúc đẩy các nước có cơ tăng cường hiện diện trong vùng EEZ của nhau kéo theo nguy cơ va chạm. ASEAN tiếp tục duy trì đồng thuận nhưng khó đưa ra một lập trường chung mạnh mẽ do sự khác biệt lợi ích giữa các thành viên.

Những dự báo trên sẽ gợi mở ra cho Việt Nam nhiều hàm ý chính sách quan trọng. Trong giai đoạn tới, tình hình Biển Đông sẽ trở nên đặc biệt nhạy

cảm khi trùng khớp với những sự kiện kỷ niệm đầy cao tinh thần dân tộc của cả Việt Nam và Trung Quốc. Chính yếu tố này khiến mọi diễn biến trên thực địa, dù nhỏ, cũng dễ dàng bị phóng đại thành vấn đề chiến lược. Việc bảo vệ chủ quyền và lợi ích quốc gia đòi hỏi một chiến lược toàn diện, cân bằng giữa cứng rắn và mềm dẻo, kết hợp giữa sức mạnh nội lực và sự ủng hộ quốc tế. Đó vừa là thách thức, nhưng cũng là cơ hội để Việt Nam khẳng định vai trò của một quốc gia ven biển có trách nhiệm, kiên định bảo vệ lợi ích hợp pháp, đồng thời đóng góp tích cực vào hòa bình, ổn định và hợp tác khu vực. Hơn nữa, dự báo trên đặt ra yêu cầu cần chú trọng hơn tới yếu tố lòng tin của nhân dân vào chiến lược bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới. Các động thái bảo vệ chủ quyền phải gắn liền với việc củng cố sự ủng hộ trong nước, đồng thời khơi dậy tinh thần đại đoàn kết dân tộc. Truyền thông nhất quán, có định hướng về lập trường chủ quyền không chỉ giúp nâng cao nhận thức cộng đồng, đảm bảo môi trường “trong âm, ngoài êm”, mà còn góp phần lan tỏa thông điệp chính nghĩa của Việt Nam tới cộng đồng quốc tế.

4.1.1.2. Các yếu tố ảnh hưởng đến hoạt động tuyên truyền chủ quyền biển, đảo Việt Nam cho sinh viên các trường đại học ở Thành phố Hồ Chí Minh

- Sự chống phá, xuyên tạc của các thế lực thù địch về chủ quyền biển, đảo Việt Nam trên không gian mạng

Trong bối cảnh tình hình thế giới, khu vực, tình hình Biển Đông có nhiều diễn biến mới, căng thẳng, phức tạp, đe dọa hòa bình, ổn định; sự phát triển, bùng nổ của thông tin trên internet, mạng xã hội, các thế lực thù địch không ngừng gia tăng các thủ đoạn ngày càng tinh vi để chống phá Đảng và Nhà nước ta. Tranh chấp chủ quyền biển, đảo luôn là “cái cớ” để các phần tử phản động, bất mãn chính trị lợi dụng hòng bóp méo sự thật, xuyên tạc đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước Việt Nam.

Các thế lực thù địch đã lập nên các tờ báo, đài phát thanh phản động ở nước ngoài như BBC, RFA, Việt Tân, báo Tiếng Dân,...; lợi dụng các trang mạng xã hội như Facebook, YouTube, Zalo,... để tuyên truyền xuyên tạc lịch sử, bôi nhọ lãnh tụ, xuyên tạc vấn đề chủ quyền lãnh thổ, trong đó có chủ quyền về biển, đảo; lợi dụng những “điểm nóng” trên Biển Đông, sử dụng các đối tượng trong nước thu thập thông tin, trả lời phỏng vấn về các vấn đề nhạy cảm, phức tạp,... để phát tán tài liệu, hình ảnh, video, tạo ra các “chiến dịch truyền thông” bẩn, các tin giả xấu, độc.

Nhận thức về nguy cơ, thách thức đối với an ninh quốc gia, Đảng ta nêu rõ 05 nguy cơ, thách thức gồm cả an ninh truyền thống và an ninh phi truyền thống, trên bộ, trên biển, trên không, vũ trụ và không gian mạng [50, tr.72]. Trong đó, Đảng cũng chỉ ra thực trạng:

Công tác bảo đảm an ninh thông tin, an ninh mạng của Việt Nam vẫn còn một số bất cập, hạn chế, gây ra thách thức lớn đối với bảo đảm quốc phòng, an ninh. Đáng chú ý, vấn đề an ninh trên Biển Đông trước xu hướng xâm lấn, bành trướng vươn ra biển của một số quốc gia trong khu vực tác động rất lớn đến chủ quyền, quyền chủ quyền và quyền tài phán của Việt Nam trên các vùng biển, đảo của Tổ quốc [50, tr.255-256].

Không gian mạng đã trở thành mặt trận không tiếng súng nhưng vô cùng khốc liệt. Các thế lực thù địch, cơ hội chính trị liên tục sử dụng chiêu bài “diễn biến hòa bình”, lợi dụng các vấn đề nhạy cảm trên biển để xuyên tạc lịch sử, kích động chủ nghĩa dân tộc cực đoan, hoặc gieo rắc sự hoài nghi về năng lực bảo vệ chủ quyền của Đảng và Nhà nước. Với đặc điểm tâm lý tuổi trẻ nhiệt huyết nhưng đôi khi chưa đủ trải nghiệm để chắt lọc thông tin, sinh viên rất dễ trở thành mục tiêu của tin giả, tin độc hại. Nếu không có màng lọc tốt, họ dễ bị lôi kéo vào các cuộc biểu tình trái pháp luật hoặc các làn sóng bình luận tiêu cực trên mạng.

- Ý thức chính trị của một bộ phận sinh viên có biểu hiện sa sút

Trong bối cảnh toàn cầu hóa và sự bùng nổ của kỷ nguyên số, thế hệ trẻ Việt Nam đang đứng trước vô vàn cơ hội tiếp cận tri thức và hội nhập quốc tế. Bên cạnh đại đa số những sinh viên sống có lý tưởng, nhiệt huyết và luôn hướng về Tổ quốc thì đâu đó vẫn còn một bộ phận sinh viên sống phai nhạt lý tưởng, có biểu hiện sa sút, thờ ơ với những vấn đề chính trị, xã hội, thiếu tinh thần trách nhiệm trong bảo vệ Tổ quốc, bảo vệ chủ quyền biển, đảo quốc gia. Đây có lẽ là một hồi chuông cảnh tỉnh sâu sắc, phản ánh một mảng tối đáng suy ngẫm trong đời sống học đường. Sự sa sút này hiếm khi bộc lộ qua những hành động chống đối cực đoan, mà nguy hiểm hơn, nó len lỏi qua thái độ bàng quan, xa rời chính trị. Một bộ phận không nhỏ sinh viên dường như đang tự nhốt mình trong “tháp ngà” của những lo toan cá nhân, mãi mê chạy theo các xu hướng giải trí nông cạn trên mạng xã hội, hoặc đặt nặng những lợi ích vật chất trước mắt mà bỏ quên trách nhiệm công dân. Đặc biệt, khi đối diện với những sự kiện nóng về

chủ quyền lãnh thổ, nhất là những diễn biến phức tạp trên Biển Đông, thay vì tìm hiểu nguồn gốc lịch sử, theo dõi thông tin chính thống để củng cố niềm tin, giữ vững lập trường, một bộ phận sinh viên lại chọn cách lướt qua, coi đó là “chuyện của những nhà chính trị” và không mấy may liên quan đến cuộc sống cá nhân của mình.

Nguyên nhân của hiện tượng “phai nhạt lý tưởng, xa rời chính trị” này xuất phát từ sự đan xen của nhiều yếu tố khách quan và chủ quan. Về mặt khách quan, áp lực học hành, thi cử và nỗi lo tìm kiếm việc làm trong một nền kinh tế thị trường cạnh tranh gay gắt đã vô hình trung đẩy sự quan tâm của giới trẻ lệch về hướng mưu sinh cá nhân nhiều hơn là các vấn đề vĩ mô của đất nước. Bên cạnh đó, công tác giáo dục tư tưởng ở một số nơi vẫn còn mang nặng tính hàn lâm, giáo điều, chưa thực sự đổi mới hình thức, phương pháp để chạm đến nhận thức và cảm xúc của thế hệ trẻ. Về mặt chủ quan, bản lĩnh chính trị và vốn sống của một bộ phận sinh viên chưa đủ vững vàng để tự tạo màng lọc, lá chắn trước “ma trận” thông tin trên không gian mạng. Chủ nghĩa thực dụng, lối sống tiêu cực, thiếu khát vọng hoài bão đã tạo ra sự thờ ơ, bàng quan chính trị, mang lại những hệ lụy vô cùng to lớn đối với an ninh quốc gia. Khi thiếu đi tấm khiên chắn là nhận thức đúng đắn, sinh viên rất dễ rơi vào bẫy của thông tin độc hại, dễ bị các thế lực thù địch lợi dụng, lôi kéo. Hơn nữa, sự vô cảm trước vấn đề chủ quyền thiêng liêng của Tổ quốc không chỉ là sự quay lưng lại với lịch sử giữ nước bằng máu xương của cha ông, mà còn trực tiếp làm suy yếu “thế trận lòng dân”, “nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân vững mạnh, rộng khắp” - vũ khí tối thượng và vững chắc nhất để bảo vệ nền độc lập, hòa bình của Tổ quốc trong thời đại mới.

Tóm lại, sự sa sút ý thức chính trị của một bộ phận sinh viên là một thực trạng cần được nhìn nhận thẳng thắn, không né tránh để có biện pháp khắc phục kịp thời. Chủ tịch Hồ Chí Minh từng căn dặn: “Thanh niên là người chủ tương lai của nước nhà”. Để khắc phục tình trạng này, cần có sự chung tay đồng bộ của gia đình, nhà trường và xã hội trong việc “mềm hóa” các bài học lịch sử, chính trị, biến chúng thành những giá trị sống động, gắn liền với thực tiễn thông qua đổi mới phương thức giáo dục, tuyên truyền, nâng cao nhận thức cho sinh viên. Đồng thời, bản thân mỗi sinh viên cần tự bút phá khỏi vỏ bọc vô cảm, tích cực trau dồi tri thức, biết gạt đục khơi trong giữa biển thông tin và nuôi dưỡng ngọn lửa yêu nước từ những nhận thức đúng đắn nhất. Chỉ khi mỗi trí thức trẻ tự

ý thức được vai trò, trách nhiệm của mình với các vấn đề chính trị, xã hội và chủ quyền thiêng liêng của Tổ quốc, khối đại đoàn kết toàn dân tộc mới thực sự trường tồn và vững mạnh.

- Những thuận lợi và khó khăn trong quá trình đổi mới phương thức tuyên truyền chủ quyền biển, đảo cho sinh viên của các trường đại học

Trong bối cảnh hội nhập và phát triển, việc đổi mới phương thức tuyên truyền chủ quyền biển, đảo Việt Nam cho sinh viên đại học đóng vai trò cốt lõi trong công tác giáo dục chính trị, tư tưởng. TPHCM là trung tâm đô thị năng động, có nhiều lợi thế, thuận lợi với việc ban hành và thực hiện các hoạt động giáo dục, tuyên truyền, nâng cao nhận thức cho sinh viên trên mọi mặt, trong đó có vấn đề chủ quyền quốc gia.

Trước hết, sự quan tâm chỉ đạo sát sao từ Đảng và Nhà nước tạo ra nền tảng chính trị vững chắc, giúp các cơ sở giáo dục đại học luôn có định hướng rõ ràng và xuyên suốt. Bên cạnh đó, các trường đại học, đặc biệt là tại những trung tâm đô thị năng động, quy tụ đội ngũ cán bộ, giảng viên có trình độ lý luận chính trị và trình độ chuyên môn, nghiệp vụ cao, có tư duy nhạy bén. Đây là nguồn lực trí tuệ quan trọng để xây dựng nội dung, hình thức tuyên truyền vừa sâu sắc vừa bám sát thực tiễn. Hơn thế nữa, hệ thống tổ chức Đoàn Thanh niên và Hội Sinh viên tại các trường luôn hoạt động sôi nổi, tạo thành mạng lưới kết nối hiệu quả. Thuận lợi lớn nhất chính là đối tượng tiếp nhận: sinh viên hiện nay là những người trẻ thuộc thế hệ số, có khả năng nắm bắt công nghệ nhanh chóng. Sinh viên sẵn sàng tương tác với những phương thức truyền thông mới như nền tảng mạng xã hội, video ngắn, hay các diễn đàn trực tuyến, giúp lan toả tình yêu quê hương đất nước, yêu biển, đảo mạnh mẽ và tự nhiên hơn, ra khỏi không gian giảng đường truyền thống. Bên cạnh đó, phát huy cơ chế tự chủ, các trường đại học trên địa bàn TPHCM có sự linh hoạt hơn trong việc thiết kế và điều chỉnh chương trình đào tạo. Các trường hoàn toàn có thể chủ động lồng ghép nội dung chủ quyền biển, đảo vào các môn học chung (Giáo dục Quốc phòng và An ninh, Triết học, Lịch sử Đảng), tuần sinh hoạt công dân đầu khóa, hoặc thiết kế các học phần tự chọn, kỹ năng mềm có tính ứng dụng cao. Đồng thời, trong điều kiện thuận lợi cho phép, các trường đại học dễ dàng phối hợp với các đơn vị lực lượng vũ trang (Hải quân, Cảnh sát biển), các viện nghiên cứu, bảo tàng lịch sử để tổ chức các buổi giao lưu, các buổi tọa đàm khoa học hay các triển lãm chuyên đề, giúp hoạt động tuyên truyền mang tính thực tiễn và

sinh động hơn. Về phía sinh viên, thay vì chỉ là đối tượng tiếp nhận thụ động, sinh viên có thể trở thành chủ thể của quá trình tuyên truyền thông qua hoạt động nghiên cứu khoa học. Việc khuyến khích sinh viên thực hiện các đề tài, dự án khởi nghiệp hoặc chiến dịch truyền thông xã hội về biển, đảo không chỉ kích thích sự sáng tạo mà còn biến nhận thức thành hành động thực tế.

Tuy nhiên, bên cạnh những thuận lợi nêu trên, quá trình đổi mới cũng đặt ra cho các trường đại học không ít khó khăn mang tính thực tiễn. Thách thức đầu tiên là sức ỳ của các phương pháp giáo dục cũ. Việc chuyển đổi từ hình thức diễn thuyết, báo cáo chuyên đề một chiều - vốn đôi khi còn khô khan sang các phương thức tương tác đa chiều đòi hỏi thời gian, công sức và sự thay đổi tư duy mạnh mẽ từ chính các chủ thể tuyên truyền, chủ yếu là đội ngũ cán bộ, giảng viên, báo cáo viên,... trong nhà trường. Thứ hai, rào cản về nguồn lực tài chính và hạ tầng công nghệ là không nhỏ. Việc ứng dụng công nghệ hiện đại như không gian thực tế ảo (VR), triển lãm số 3D, hay việc tổ chức các chuyến đi thực tế, học tập trải nghiệm đòi hỏi nguồn kinh phí lớn mà không phải trường đại học nào cũng dễ dàng phân bổ. Cuối cùng, trong kỷ nguyên bùng nổ thông tin, sinh viên đang bị bủa vây bởi vô số luồng dữ liệu trên không gian mạng, bao gồm cả những quan điểm sai lệch, thù địch. Do đó, việc thiết kế thông điệp tuyên truyền sao cho vừa đảm bảo tính Đảng, tính chuẩn xác, vừa đủ sức hấp dẫn để cạnh tranh sự chú ý của người học là một nhiệm vụ rất phức tạp. Thêm vào đó, công tác xây dựng các bộ công cụ, thang đo thống kê chuẩn xác nhằm đánh giá thực chất sự chuyển biến trong nhận thức, thái độ và hành động của sinh viên sau các bài học, chiến dịch tuyên truyền vẫn còn là một khoảng trống cần được giới nghiên cứu khoa học chính trị và quản lý giáo dục tiếp tục hoàn thiện.

4.1.2. Phương hướng tiếp tục đổi mới phương thức tuyên truyền chủ quyền biển, đảo Việt Nam cho sinh viên các trường đại học ở Thành phố Hồ Chí Minh

4.1.2.1. Đổi mới phương thức tuyên truyền chủ quyền biển, đảo cho sinh viên cần đảm bảo nâng cao nhận thức, tư duy lãnh đạo và chất lượng đội ngũ cán bộ, giảng viên tham gia trực tiếp công tác tuyên truyền

Đổi mới phương thức tuyên truyền chủ quyền biển, đảo cho sinh viên không thể thành công nếu thiếu đi sự định hướng, lãnh đạo, chỉ đạo và quyết tâm từ phía cấp ủy Đảng, chính quyền, đoàn thể trong nhà trường. Trong bối cảnh tình hình thế giới, khu vực và Biển Đông đang có những diễn biến phức

tạp, đan xen giữa hợp tác và cạnh tranh chiến lược gay gắt, cùng với sự bùng nổ của không gian mạng như một mặt trận thông tin không tiếng súng, yêu cầu cấp thiết đầu tiên là phải đổi mới tư duy lãnh đạo, chỉ đạo của các cấp ủy Đảng, Ban Giám hiệu và các tổ chức đoàn thể (Đoàn Thanh niên, Hội Sinh viên) tại các trường đại học. Các cấp lãnh đạo nhà trường cần nhận thức sâu sắc rằng, tuyên truyền chủ quyền biển, đảo cho sinh viên không phải là một chiến dịch mang tính phong trào hay nhiệm vụ phụ trợ, mà là nhiệm vụ chính trị trọng tâm, thường xuyên, gắn liền với công tác giáo dục chính trị tư tưởng và an ninh quốc gia.

Đại hội XIV của Đảng nêu ra quan điểm chỉ đạo:

Kiên định, vận dụng và phát triển sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, lý luận về đường lối đổi mới; kiên định mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội; kiên định đẩy mạnh toàn diện, đồng bộ công cuộc đổi mới; kiên định các nguyên tắc tổ chức và hoạt động của Đảng” [49, tr.81]; “Khơi dậy mạnh mẽ truyền thống yêu nước, khát vọng phát triển, tinh thần đoàn kết, ý chí tự chủ, tự tin, tự lực, tự cường, tự hào dân tộc; phát huy sức mạnh văn hóa, con người thành nguồn lực nội sinh và động lực mạnh mẽ cho sự phát triển [49, tr.82].

Quy định số 19-QĐ/TW ngày 8/4/2026 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng “về công tác chính trị, tư tưởng trong Đảng” (gọi tắt là Quy định số 19-QĐ/TW) tiếp tục củng cố vững chắc nền tảng tư tưởng này và yêu cầu công tác chính trị, tư tưởng phải lấy mục tiêu kiên trì, bảo vệ và phát huy “4 kiên định” làm định hướng hành động”. Đây không chỉ là một khẩu hiệu chính trị, mà là la bàn định hướng, “lá thép” trong tư tưởng để mọi tổ chức đảng và mỗi cán bộ, đảng viên nói chung, cán bộ, giảng viên trong các trường đại học ở TPHCM nói riêng không bị dao động trước những cơn bão thông tin và trước tình hình thế giới, khu vực đang chuyển biến nhanh, phức tạp chưa từng có.

Trọng tâm của sự đổi mới tư duy này là việc chuyển từ tư duy quản lý, tuyên truyền truyền thống, một chiều sang tư duy kiến tạo, tương tác và đồng hành cùng người học. Các cấp ủy Đảng, chính quyền cần mạnh dạn phá bỏ “sức ỳ” của những phương pháp tuyên truyền, giáo dục chính trị cũ kỹ, vốn mang tính giáo điều, khô khan. Việc chỉ đạo không chỉ dừng lại ở việc ban hành các nghị quyết, kế hoạch trên văn bản, mà phải được cụ thể hóa bằng các cơ chế, chính sách linh hoạt, tạo điều kiện tối đa về không gian sáng tạo và nguồn lực tài

chính. Cấp ủy Đảng, lãnh đạo nhà trường cần ủy quyền và khuyến khích đội ngũ cán bộ, giảng viên phát huy năng lực chuyên môn, thử nghiệm các phương pháp truyền thông mới, sẵn sàng chấp nhận những cách tiếp cận đột phá nhưng vẫn đảm bảo đúng định hướng chính trị của Đảng.

Bên cạnh đó, đổi mới tư duy lãnh đạo còn thể hiện ở việc thiết lập các bộ tiêu chí đánh giá hiệu quả thực chất. Thay vì đo lường bằng số lượng các buổi báo cáo chuyên đề hay số lượng sinh viên tham gia một cách thụ động, cần chuyển sang đánh giá mức độ tương tác, khả năng nhận diện thông tin độc hại của sinh viên trước các luận điệu xuyên tạc trên mạng xã hội, cũng như sự chuyển biến từ nhận thức thành các hành động cụ thể như nghiên cứu khoa học hay tham gia các chiến dịch truyền thông về biển, đảo. Sự chỉ đạo sát sao, có tầm nhìn và linh hoạt từ các cấp lãnh đạo sẽ là “kim chỉ nam”, khơi thông mọi điểm nghẽn, tạo tiền đề vững chắc cho việc thực thi các giải pháp đổi mới phương thức tuyên truyền trên thực tế.

4.1.2.2. Đổi mới phương thức tuyên truyền chủ quyền biển, đảo trong trường đại học cần kết hợp nhuần nhuyễn giữa lý luận và thực tiễn, phù hợp với nhu cầu và đặc điểm của sinh viên

Đổi mới phương thức tuyên truyền chủ quyền biển, đảo trong môi trường đại học hiện nay không còn là một yêu cầu mang tính nhất thời, mà đã trở thành một đòi hỏi khách quan, có ý nghĩa chiến lược trong công tác tư tưởng của Đảng đối với thế hệ trẻ. Định hướng cốt lõi cho quá trình này chính là sự kết hợp nhuần nhuyễn giữa nền tảng lý luận khoa học và thực tiễn sinh động, đồng thời phải bắt kịp nhu cầu cũng như đặc điểm tâm lý của sinh viên hiện đại. Lý luận về chủ quyền biển, đảo từ hệ thống luật pháp, công ước quốc tế như UNCLOS 1982 đến các chứng cứ lịch sử và quan điểm chỉ đạo của Đảng là kim chỉ nam định hình nhận thức đúng đắn, xây dựng cho sinh viên bản lĩnh chính trị vững vàng và một “lá chắn” tư tưởng vững chắc. Tuy nhiên, nếu lý luận ấy chỉ dừng lại trên những sách vở hay các giảng đường truyền thống một chiều, nó sẽ tự đánh mất đi tính hấp dẫn và lâu bền của phương thức. Do đó, đổi mới phương thức cần hướng tới xây dựng một hệ sinh thái giáo dục, tuyên truyền đồng bộ, liên tục và có tính hệ thống. Sự phối hợp này diễn ra ở cả cấp độ vi mô (trong nội bộ nhà trường) và vĩ mô (giữa nhà trường với các chủ thể bên ngoài) nhằm đảm bảo thực hiện tốt phương pháp thực tiễn như gặp gỡ cán bộ, chiến sĩ hải quân hay các chuyên tham quan ngoại khóa bổ ích.

Hơn nữa, thực tiễn sinh động của công cuộc bảo vệ chủ quyền biển, đảo phải được đưa vào nội dung truyền thông bằng những phương thức số hóa đột phá, từ công nghệ tương tác, infographic trực quan đến các diễn đàn tranh biện học thuật. Khi nội dung tuyên truyền bắt trúng mạch đập tâm lý thích khám phá, chuộng công nghệ của thế hệ trẻ, sinh viên sẽ không còn là những người tiếp nhận thông tin một cách thụ động. Ngược lại, họ sẽ tự khắc chuyển hóa từ “đối tượng” được giáo dục trở thành “chủ thể” chủ động, sáng tạo, trực tiếp tham gia bảo vệ chủ quyền quốc gia trên không gian mạng và tích cực đấu tranh, phản bác một cách đanh thép trước các luận điệu xuyên tạc của các thế lực thù địch. Tóm lại, việc gắn kết chặt chẽ giữa tính khoa học của lý luận với tính thực tiễn của thời đại số, xoáy vào tâm lý, nhu cầu của người học chính là chìa khóa vạn năng để khơi dậy lòng tự hào dân tộc, biến tri thức chủ quyền thành hành động cách mạng cụ thể trong mỗi sinh viên ngày nay.

4.1.2.3. Không ngừng đổi mới, đa dạng hóa, hiện đại hóa các hình thức, phương pháp, phương tiện tuyên truyền chủ quyền biển, đảo Việt Nam cho sinh viên trong chương trình đào tạo ở các trường đại học

Việc đa dạng hóa và hiện đại hóa các hình thức, phương pháp, phương tiện tuyên truyền chủ quyền biển, đảo Việt Nam cho sinh viên trước hết phải được thực hiện ngay trong chương trình đào tạo chính khóa. Tận dụng cơ chế tự chủ, các trường đại học cần linh hoạt lồng ghép nội dung biển, đảo vào các học phần bắt buộc như Lịch sử Đảng, Triết học, Giáo dục Quốc phòng và An ninh. Tuy nhiên, thay vì áp dụng phương pháp thuyết giảng truyền thống, cần tích cực ứng dụng công nghệ giáo dục hiện đại. Cần đổi mới hình thức tuyên truyền, học tập với mô hình sáng tạo, quy mô lớn như kết hợp giữa hình thức trực tiếp và trực tuyến, sử dụng nền tảng học tập điện tử (E-learning), hội nghị, hội thảo trực tuyến hoặc qua ứng dụng trên điện thoại do nhà trường thiết lập nội bộ cho sinh viên. Việc sử dụng không gian thực tế ảo (VR), triển lãm số 3D tái hiện các bằng chứng lịch sử về Hoàng Sa, Trường Sa, hay áp dụng mô hình “lớp học đảo ngược” sẽ kích thích tính chủ động tìm tòi của sinh viên. Các phương tiện tuyên truyền cần dịch chuyển mạnh mẽ sang không gian mạng, sử dụng các định dạng truyền thông đa phương tiện như infographic, video ngắn, podcast, hay các cuộc thi trắc nghiệm trực tuyến để tăng tính hấp dẫn và khả năng lan tỏa.

Đồng thời, sự hiện đại hóa phương tiện tuyên truyền còn nhằm mục đích tạo lập “sức đề kháng” thông tin cho sinh viên. Đứng trước các thủ đoạn chống phá, xuyên tạc tinh vi của các thế lực thù địch trên không gian mạng, sinh viên không chỉ cần được cung cấp thông tin chính thống mà còn phải được trang bị công cụ và kỹ năng kiểm chứng thông tin. Việc hiện đại hóa phương thức tuyên truyền sẽ tạo ra một hệ sinh thái thông tin tích cực, chủ động chiếm lĩnh không gian mạng, dùng “cái đẹp dẹp cái xấu”, giúp sinh viên tự tin nhận diện và đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, bảo vệ vững chắc nền tảng tư tưởng của Đảng liên quan đến vấn đề chủ quyền biển, đảo thiêng liêng của Tổ quốc.

4.1.2.4. Đổi mới phương thức tuyên truyền chủ quyền biển, đảo cho sinh viên trong trường đại học cần coi trọng việc ứng dụng công nghệ thông tin và truyền thông số

Bản chất của sự đổi mới này không thuần túy là việc thay đổi công cụ, phương tiện kỹ thuật, mà là sự chuyển dịch mang tính chiến lược về mặt tư duy nhằm chủ động chiếm lĩnh không gian số - mặt trận tư tưởng năng động, nhạy cảm và phức tạp nhất hiện nay. Yêu cầu đổi mới, ứng dụng công nghệ thông tin và truyền thông số một cách thường xuyên đòi hỏi nhà trường phải thiết lập được một dòng chảy thông tin chính thống, bền vững, đưa tri thức lịch sử và căn cứ pháp lý quốc tế hòa vào đời sống tinh thần hàng ngày của người học, thay vì chỉ tổ chức theo các phong trào hay chiến dịch mang tính thời điểm. Bằng cách số hóa các nguồn tài liệu khoa học và tối ưu hóa khả năng tương tác đa chiều, truyền thông số giúp phá vỡ giới hạn không gian của giảng đường truyền thống, chuyển hóa các nội dung chính trị - pháp lý vốn mang tính hàn lâm thành các giao diện tri thức trực quan, phù hợp với xu hướng tiếp nhận của thế hệ trẻ. Mỗi cán bộ, giảng viên và sinh viên trong nhà trường đều có thể cập nhật thông tin thường xuyên, liên tục trên nền tảng truyền thông nội bộ hoặc nhà trường có thể thường xuyên đánh giá, kiểm soát mức độ tham gia, đăng nhập cổng thông tin số của sinh viên qua ứng dụng di động được cài đặt, vừa thuận tiện, vừa tiết kiệm thời gian, phục vụ nhiều cho công tác quản lý và hỗ trợ sinh viên của Khoa, Đoàn - Hội và Phòng Công tác sinh viên. Việc gắn kết chặt chẽ công nghệ vào công tác giáo dục tư tưởng chính là bệ đỡ giúp sinh viên tự hình thành thế giới quan khoa học và năng lực định hướng giá trị nhạy bén. Nhờ

đó, thế hệ trẻ không chỉ nắm chắc nền tảng lý luận mà còn được trang bị đầy đủ bản lĩnh chính trị để chủ động sử dụng chính các phương tiện số làm vũ khí lý luận sắc bén, kịp thời đấu tranh, phản bác hiệu quả và đánh thép trước các luận điệu xuyên tạc, kích động của các thế lực thù địch, bảo vệ vững chắc chủ quyền biển, đảo thiêng liêng của Tổ quốc trên không gian mạng.

Tóm lại, việc xác định rõ các phương hướng tiếp tục đổi mới phương thức tuyên truyền chủ quyền biển, đảo Việt Nam cho sinh viên các trường đại học ở TPHCM là yêu cầu mang tính khách quan và cấp thiết trong bối cảnh hiện nay. Bốn phương hướng được đề xuất ở trên không tồn tại độc lập mà có mối quan hệ biện chứng, cấu thành một chỉnh thể thống nhất mang tính định hướng chiến lược. Trong đó, việc đổi mới tư duy lãnh đạo, chỉ đạo là khâu then chốt, mở đường cho mọi sự thay đổi; sự đa dạng hóa, hiện đại hóa và phối hợp sáng tạo các hình thức, phương tiện là công cụ đột phá nhằm thích ứng với kỷ nguyên số; và việc gắn kết chặt chẽ giữa lý luận với thực tiễn là nền tảng cốt lõi để đảm bảo công tác tuyên truyền đi vào chiều sâu. Tất cả đều hướng tới một mục tiêu cao nhất: chuyển hóa những nhận thức lý trí của sinh viên thành niềm tin chính trị vững chắc và hành động thực tiễn thiết thực. Các phương hướng mang tính chiến lược nêu trên chính là cơ sở và tiền đề thực tiễn vững chắc, góp phần trực tiếp vào việc định hình và đề ra hệ thống các giải pháp nhằm tiếp tục đổi mới phương thức tuyên truyền chủ quyền biển, đảo cho sinh viên các trường đại học ở TPHCM nói riêng, hệ thống giáo dục đại học Việt Nam nói chung trong thời gian tới.

4.2. Giải pháp tiếp tục đổi mới phương thức tuyên truyền chủ quyền biển, đảo Việt Nam cho sinh viên các trường đại học ở Thành phố Hồ Chí Minh trong thời gian tới

4.2.1. Nâng cao nhận thức cho các chủ thể tuyên truyền về vị trí, vai trò, tầm quan trọng của việc đổi mới phương thức tuyên truyền chủ quyền biển, đảo Việt Nam cho sinh viên các trường đại học

Nghị quyết số 35-NQ/TW của Bộ Chính trị (khóa XII) về “*bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng*” chỉ rõ tính cấp thiết của việc đổi mới nội dung, phương thức công tác tư tưởng. Đường lối, chủ trương của Đảng đã rõ, nhưng để Nghị quyết đi vào cuộc sống, bản thân các chủ thể thực hiện phải có sự thông suốt về mặt tư tưởng. Chỉ khi Cấp ủy, Ban Giám hiệu, giảng viên và cán bộ Đoàn - Hội nhận thức sâu sắc rằng: đổi mới phương thức tuyên truyền không phải là một

“lựa chọn” để làm phong phú thêm phong trào, mà là “nhiệm vụ chính trị sống còn” để củng cố niềm tin, định hướng lý tưởng cho thanh niên trước sự bủa vây của hàng loạt thông tin xấu độc, thì khi đó, mọi hành động mới trở nên tự giác, quyết liệt và sáng tạo.

Để tạo ra sự chuyển biến thực chất, việc nâng cao nhận thức phải được cá biệt hóa, bám sát chức năng, nhiệm vụ của từng nhóm chủ thể cụ thể trong nhà trường để phát huy vai trò của chủ thể và khẳng định vai trò, tầm quan trọng của việc đổi mới phương thức tuyên truyền chủ quyền biển, đảo.

Một là, nâng cao nhận thức của cấp ủy Đảng và Ban Giám hiệu các trường đại học

Đảng ủy và Ban Giám hiệu là cơ quan lãnh đạo, quản lý cao nhất, định hướng toàn bộ hoạt động của cơ sở giáo dục. Sự đổi mới phải được bắt đầu từ những người đứng đầu, từ tầm nhìn chiến lược đến năng lực thể chế hóa.

Quy định số 19-QĐ/TW của Đảng nêu rõ trách nhiệm của cấp ủy các cấp:

Chịu trách nhiệm lãnh đạo, chỉ đạo, tổ chức thực hiện thường xuyên, toàn diện công tác chính trị, tư tưởng trong phạm vi quản lý; bảo đảm mọi chủ trương, nghị quyết, định hướng công tác, kế hoạch hành động đúng đường lối, chủ trương của Đảng và chính sách, pháp luật của Nhà nước. Khắc phục hiệu quả tình trạng nói không đi đôi với làm, hiểu rõ, nắm được đường lối, chủ trương nhưng không thực hiện. Không ngừng nâng cao năng lực lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy đối với công tác chính trị, tư tưởng, nhất là trong điều kiện tác động ngày càng phức tạp của mạng xã hội và các nền tảng số; tăng cường ứng dụng công nghệ số, trí tuệ nhân tạo, dữ liệu lớn để phân tích, dự báo xu hướng tư tưởng và dư luận. Triển khai thực hiện nghiêm quy định về những điều đảng viên không được làm, quy định về chuẩn mực đạo đức cách mạng của cán bộ, đảng viên giai đoạn mới và các quy định của Đảng có liên quan đến công tác chính trị, tư tưởng [9, tr.6].

Hơn hết, cấp ủy Đảng và Ban Giám hiệu các trường đại học cần quán triệt nghiêm Quy định số 207-QĐ/TW ngày 26/7/2026 về “*những điều đảng viên không được làm*”, trong đó quy định rõ Điều 4 “...Tàng trữ, tuyên truyền, phát tán hoặc xúi giục người khác tuyên truyền, phát tán thông tin, tài liệu, dữ liệu dưới mọi hình thức để truyền bá những thông tin, quan điểm trái với đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước” và Điều 5 “Viết, nói,

đăng bài hoặc cung cấp thông tin, tài liệu, dữ liệu cho người khác viết, nói, đăng tải sai sự thật, không đăng tải ý kiến phản hồi, cải chính theo quy định [10, tr.2].

Chính vì vậy, Đảng ủy cần quán triệt sâu sắc đường lối, chủ trương của Đảng, tổ chức triển khai nghiêm túc, thực chất việc học tập các nghị quyết, đặc biệt là Nghị quyết số 36-NQ/TW (khóa XII) về *“Chiến lược phát triển bền vững kinh tế biển Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045”* và Nghị quyết số 20-NQ/TW, ngày 28/7/2026 về *“Xây dựng và phát triển Việt Nam trở thành quốc gia biển mạnh”*. Việc quán triệt này không được làm qua loa, hình thức, mà phải được phân tích dưới góc độ nhiệm vụ của ngành giáo dục: Nhà trường đóng góp gì vào chiến lược vĩ mô này? Câu trả lời chính là đào tạo ra những thế hệ công dân có ý thức sâu sắc về chủ quyền biển, đảo. Nhận thức này giúp Đảng ủy xác định việc tuyên truyền chủ quyền biển, đảo là nhiệm vụ thường xuyên, gắn liền với sứ mệnh giáo dục - đào tạo.

Bên cạnh đó, sự thay đổi trong tư duy nhận thức của cấp lãnh đạo phải được thể chế hoá bằng hành động thông qua việc ban hành văn bản chỉ đạo và kế hoạch hành động cụ thể. Ban Giám hiệu cần đưa chỉ tiêu về đổi mới nội dung, phương thức giáo dục chủ quyền biển, đảo thành một tiêu chí bắt buộc trong Kế hoạch chiến lược phát triển nhà trường và Kế hoạch năm học; phải chấm dứt tình trạng chỉ đạo chung chung; thay vào đó, gắn trách nhiệm và giao KPI (chỉ số đánh giá) cụ thể cho từng khoa (đặc biệt là Khoa Lý luận chính trị, Khoa/Trung tâm Giáo dục Quốc phòng), Phòng Công tác sinh viên và Đoàn Thanh niên, Hội Sinh viên trường.

Hai là, nâng cao nhận thức của đội ngũ giảng viên, nhất là giảng viên bộ môn Giáo dục Quốc phòng và An ninh

Giảng viên, đặc biệt là giảng viên giảng dạy các môn Lý luận chính trị (Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam, Tư tưởng Hồ Chí Minh, Lịch sử Đảng, Giáo dục Quốc phòng và An ninh,...), là những người tiếp xúc trực tiếp, thường xuyên nhất với sinh viên trên giảng đường. Do đó, mỗi giảng viên cần nhận thức đúng vai trò “Người truyền lửa” trong kỷ nguyên số.

Hiện nay, một bộ phận giảng viên vẫn giữ thói quen giảng dạy “máy móc”, giáo án cũ kỹ, nặng về lý thuyết suông, đọc - chép, khiến các bài học chính trị trở nên khô khan, khó tiếp thu. Do đó, cần thay đổi tư duy sư phạm và khắc phục sức ỳ tâm lý của đội ngũ giảng viên. Nâng cao nhận thức cho giảng viên là làm cho họ hiểu rằng: trong thời đại số, sinh viên có thể tự tìm kiếm thông tin bằng một cú

nhấp chuột; cái sinh viên cần ở người thầy không chỉ là thông tin, mà là phương pháp lập luận, khả năng phân tích đa chiều và ngọn lửa nhiệt huyết. Giảng viên phải tự phá bỏ ranh giới tư duy coi việc giáo dục, tuyên truyền chủ quyền quốc gia là “nhiệm vụ phụ” so với nhiệm vụ chuyên môn, chuyên ngành chính. Đây là nhiệm vụ chung của nhà giáo dục, đúng với đường lối, quan điểm của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước đã đề ra chứ không chỉ riêng cá nhân, tổ chức nào trong và ngoài nhà trường. Hơn nữa, đội ngũ giảng viên cần tích cực đổi mới phương pháp nghiên cứu, giảng dạy, tăng cường tham gia học tập nghị quyết, tăng cường ứng dụng công nghệ, đa dạng hóa hình thức truyền tải và phương pháp tiếp cận, chủ động thảo luận và đối thoại, chia sẻ quan điểm đúng đắn với sinh viên trước những vấn đề nóng trên thực địa, những sự kiện chính trị nổi bật và cần vận dụng lý luận sắc bén, khoa học vào thực tiễn.

Đặc biệt, đối với giảng viên bộ môn Giáo dục Quốc phòng và An ninh, cần tăng cường đổi mới nội dung, phương pháp, hình thức và phương tiện giảng dạy môn học này, kết hợp giảng dạy trực tiếp (lý thuyết) và tăng cường hoạt động hỗ trợ, ngoại khóa; thường xuyên cập nhật kiến thức liên quan đến vấn đề biển, đảo Việt Nam và quan điểm, đường lối của Đảng về quản lý, bảo vệ chủ quyền biển, đảo thông qua những tài liệu, tư liệu, hình ảnh, video mới, mang tính thời sự nhằm giúp sinh viên nắm vững kiến thức và có thái độ, trách nhiệm với sự nghiệp bảo vệ Tổ quốc của đất nước. Đồng thời, phối hợp với tổ chức Đoàn - Hội trong nhà trường nhằm phát động các Hội thi tìm hiểu về biển, đảo; hội thao quốc phòng, biểu diễn văn nghệ nhằm tuyên truyền, giáo dục, khơi dậy tình yêu quê hương, biển, đảo của thế hệ trẻ.

Ba là, nâng cao nhận thức của tổ chức Đoàn Thanh niên, Hội Sinh viên và các chủ thể giáo dục khác trong nhà trường

Tổ chức Đoàn - Hội là lực lượng nòng cốt trong việc thiết kế các phong trào sinh viên. Nhận thức của cán bộ Đoàn - Hội quyết định hình thức của các chiến dịch tuyên truyền. Do đó, phát huy vai trò là chủ thể giáo dục trong nhà trường, cán bộ Đoàn - Hội cần quan sát, đánh giá, nắm bắt đúng nhận thức, xu hướng tâm lý và truyền thông của thế hệ sinh viên hiện nay, họ có xu hướng ưa chuộng các nội dung thông tin trực quan, ngắn gọn, có tính tương tác cao trên nền tảng số. Sự thay đổi nhận thức cốt lõi ở đây là phải hiểu và nói ngôn ngữ của thanh niên, tiếp cận thanh niên ở những nơi họ hiện diện nhiều nhất - đó chính là không gian mạng. Hơn nữa, tổ chức Đoàn - Hội trong nhà trường cần

chủ động chuyển đổi số mạnh mẽ phương thức tuyên truyền, tham gia các khóa tập huấn kỹ năng số, nghiệp vụ chuyên môn, xây dựng các chiến dịch truyền thông đa phương tiện để tạo sức lôi cuốn, thu hút sinh viên tích cực tham gia các hoạt động giáo dục - phong trào của trường.

Ngoài ra, các chủ thể giáo dục khác trong nhà trường cũng đóng vai trò quan trọng trong sự dịch chuyển trong thói quen tiếp nhận của thế hệ Gen Z. Mỗi cán bộ quản lý trong nhà trường cần nắm rõ vai trò và tầm quan trọng của công tác tuyên truyền để có thể phối hợp chặt chẽ với các chủ thể giáo dục nêu trên trong việc đổi mới phương thức tuyên truyền chủ quyền biển, đảo cho sinh viên trong nhà trường, góp phần phát huy tinh thần trách nhiệm, chăm lo bồi dưỡng, giáo dục, phát triển nhận thức toàn diện cho thế hệ trẻ - những chủ nhân tương lai trong công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

4.2.2. Tăng cường đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao kiến thức và kỹ năng tuyên truyền chủ quyền biển, đảo Việt Nam cho sinh viên các trường đại học của đội ngũ cán bộ, giảng viên tham gia hoạt động tuyên truyền

Với đặc điểm tâm lý năng động, sáng tạo, có xu hướng tiếp nhận thông tin nhanh, trực quan, đa chiều, đòi hỏi chủ thể giáo dục phải bắt kịp xu thế chung trong bối cảnh số. Do đó, nếu chỉ duy trì các phương pháp truyền đạt giáo dục một chiều, khô khan sẽ không những làm giảm đi sự hứng thú, tập trung của sinh viên mà còn hạn chế khả năng thẩm thấu những giá trị cốt lõi về lòng yêu nước và ý thức bảo vệ chủ quyền quốc gia, dân tộc. Chính vì vậy, giải pháp mang tính đột phá và nền tảng nhất là phải tập trung chú trọng công tác đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ, năng lực, đặc biệt là năng lực ứng dụng công nghệ số cho cán bộ, giảng viên của Nhà trường. Giải pháp này được triển khai đồng bộ qua ba trụ cột chính: Kiến thức chuyên sâu, Kỹ năng sư phạm hiện đại và Năng lực công nghệ số.

Thứ nhất, đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao kiến thức chuyên sâu về lịch sử và cơ sở pháp lý chủ quyền

Đối với một vấn đề mang tính phức tạp và nhạy cảm cao như chủ quyền, thống nhất toàn vẹn lãnh thổ quốc gia, bao gồm đất liền, biên giới, hải đảo, vùng biển, vùng trời, cán bộ, giảng viên không thể chỉ nắm kiến thức chung, căn bản hoặc thông qua các tài liệu truyền thông đại chúng đơn thuần mà phải được tập huấn, bồi dưỡng chuyên sâu. Do đó, lãnh đạo nhà trường cần chú trọng quan tâm đến việc đào tạo, bồi dưỡng kiến thức cho đội ngũ cán bộ, giảng viên.

Một là, tổ chức các khóa tập huấn chuyên đề định kỳ

Nhà trường cần chủ động phối hợp với các cơ quan chuyên trách như Ban Tuyên giáo Trung ương, Bộ Tư lệnh Hải quân, Bộ Tư lệnh Cảnh sát biển hoặc các Viện nghiên cứu Biển Đông để mời các chuyên gia, học giả hàng đầu trực tiếp báo cáo chuyên đề. Hoạt động này nên được đưa vào kế hoạch bồi dưỡng chính trị hệ hoặc hoạt động chuyên môn thường niên.

Hai là, cập nhật tình hình thực tiễn, những vấn đề, điểm nóng chính trị

Nhà trường thường xuyên tổ chức các buổi báo cáo thời sự, cập nhật bản tin ngắn gọn về tình hình an ninh, chính trị trên Biển Đông hiện tại. Điều này giúp bài giảng của giảng viên và nội dung tuyên truyền của các chủ thể trong nhà trường không bị đóng khung trong lý thuyết giáo trình mà luôn mang hơi thở của thời sự, giúp sinh viên thấy được tính cấp bách, thực tiễn của vấn đề.

Ba là, tổ chức các chuyến đi nghiên cứu thực tế thường niên

Trong phạm vi điều kiện cho phép, việc cử các cán bộ, giảng viên nòng cốt tham gia các chuyến công tác thăm cán bộ, chiến sĩ ở các vùng hải đảo, nhà giàn DK1, hoặc các căn cứ Hải quân sẽ là phương pháp “truyền lửa” hiệu quả nhất. Những chuyến công tác nghiên cứu, trải nghiệm thực tiễn sẽ mang lại những câu chuyện sống động, chân thực và đầy cảm xúc để đội ngũ cán bộ, giảng viên truyền đạt lại cho sinh viên.

Thứ hai, bồi dưỡng, nâng cao kỹ năng sư phạm hiện đại

Nếu kiến thức chuyên sâu là “nội dung” thì kỹ năng sư phạm chính là “phương tiện” hỗ trợ nội dung đó để truyền tải đến nhận thức của sinh viên. Phương tiện càng hiện đại thì hiệu quả truyền tải càng cao. Mục đích của giải pháp này nhằm xóa bỏ lối mòn sư phạm, khắc phục tình trạng truyền thu một chiều, gây nhàm chán, thụ động cho người học. Thay vào đó, sự chuyển hóa nhận thức từ thụ động sang chủ động, hay nói cách khác là chuyển vai trò của sinh viên từ người học, người nghe, đối tượng giáo dục sang vai trò người tham gia kiến tạo kiến thức, chủ thể tự giáo dục. Kỹ năng sư phạm hiện đại giúp khơi dậy cảm xúc, kích thích tư duy phản biện và tinh thần trách nhiệm của sinh viên đối với công cuộc bảo vệ chủ quyền biển, đảo “từ sớm, từ xa” theo đường lối, quan điểm của Đảng đề ra.

Để nâng cao kỹ năng sư phạm hiện đại, nhà trường cần thực hiện các biện pháp cụ thể:

Một là, tập huấn kỹ năng tổ chức hoạt động trải nghiệm

Nhà trường cần phối hợp với cơ quan tuyên giáo, các đơn vị, tổ chức giáo dục, kỹ năng để tổ chức các lớp bồi dưỡng cho đội ngũ cán bộ và nhất là giảng viên về phương pháp dạy học tích cực, cách thức “game hóa” lớp học. Ví dụ: cách thiết kế các trò chơi nhập vai xử lý tình huống trên biển, mô phỏng các hội nghị quốc tế về luật biển, hoặc các cuộc thi giải mã mật thư liên quan đến các tọa độ địa lý, hải trình lịch sử, đường cơ sở dùng để tính chiều rộng lãnh hải,... trên biển, đảo. Nội dung này có thể thực hành trong môn học Giáo dục Quốc phòng và An ninh hoặc các buổi học ngoại khoá lồng ghép khác.

Hai là, nâng cao kỹ năng điều hành thảo luận nhóm và tranh biện

Kỹ năng này sẽ hướng dẫn giảng viên cách đặt những câu hỏi mở, có tính tình huống cao để sinh viên tự do tranh luận. Giảng viên đóng vai trò là người điều phối, quan sát, định hướng và neo chốt lại các vấn đề cốt lõi. Việc tự phản biện và bảo vệ quan điểm sẽ giúp sinh viên nhớ lâu và hiểu sâu hơn.

Ba là, tăng cường nghệ thuật diễn thuyết truyền cảm hứng

Nhà trường cần mời các chuyên gia về diễn thuyết, tâm lý học giáo dục để tập huấn cho đội ngũ cán bộ, giảng viên về ngôn ngữ cơ thể, cách kiểm soát giọng nói, và đặc biệt là kỹ năng kể chuyện. Việc lồng ghép các câu chuyện cảm động về sự hy sinh của các chiến sĩ Hải quân, những khó khăn của ngư dân bám biển sẽ chạm đến trái tim người học mạnh mẽ hơn những con số thống kê khô khan và nghệ thuật diễn thuyết này có thể lồng ghép vào các buổi sinh hoạt ngoại khoá, các môn học lý luận cơ sở, Giáo dục Quốc phòng và An ninh trong nhà trường.

4.2.3. Bồi dưỡng, nâng cao kỹ năng sử dụng công nghệ hiện đại, ứng dụng công nghệ thông tin trong đổi mới phương thức tuyên truyền chủ quyền biển, đảo Việt Nam cho sinh viên các trường đại học của đội ngũ giảng viên, cán bộ Đoàn - Hội trong nhà trường

Đây là khâu đột phá mang tính thời đại trong đổi mới phương thức tuyên truyền chủ quyền biển, đảo Việt Nam cho sinh viên hiện nay. Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về “đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia” đã xác định chuyển đổi số là phương thức sản xuất mới, là con đường tắt yếu để đất nước phát triển nhanh và bền vững. Trong lĩnh vực giáo dục, Quyết định số 131/QĐ-TTg ngày 25/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án “Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong giáo dục và đào tạo giai

đoạn 2022 - 2025, định hướng đến năm 2030” cũng đặt yêu cầu bồi dưỡng năng lực số cho đội ngũ nhà giáo như một điều kiện tiên quyết. Đối với công tác tư tưởng, Quy định số 19-QĐ/TW ngày 8/4/2026 của Ban Chấp hành Trung ương về *“công tác chính trị, tư tưởng trong Đảng”* đã nêu rõ yêu cầu “tăng cường ứng dụng công nghệ số, trí tuệ nhân tạo, dữ liệu lớn để phân tích, dự báo xu hướng tư tưởng và dư luận” [9, tr.6]. Như vậy, việc nâng cao năng lực số cho đội ngũ giảng viên, cán bộ Đoàn - Hội không chỉ là một lựa chọn nghiệp vụ mà là yêu cầu chính trị bắt buộc để “cùng tần số” với sinh viên.

Ở trường đại học hiện nay, đặc biệt tại các đô thị năng động như TPHCM, đa số sinh viên luôn gắn liền với các thiết bị thông minh và không gian số. Do đó, mục đích của giải pháp này là biến những nội dung, sự kiện lịch sử, cơ sở pháp lý, kiến thức pháp luật vốn trừu tượng thành các hình ảnh, video, biểu đồ trực quan, sinh động, dễ hiểu, dễ ghi nhớ và dễ tiếp thu; đồng thời tạo lập không gian học tập mở, nơi sinh viên có thể tương tác với bài giảng ngay trên thiết bị cá nhân, qua đó thu hút tối đa sự tập trung của người học, tăng tính tương tác đa chiều và tối ưu hóa nguồn lực, thời gian. Việc ứng dụng công nghệ và trí tuệ nhân tạo (AI) giúp giảng viên giảm bớt gánh nặng về kỹ thuật, kỹ xảo dạy học và thiết kế bài học, tìm kiếm tài liệu nhanh chóng để tập trung vào việc sáng tạo nội dung - phần việc mà công nghệ không thể thay thế con người. Cần lưu ý rằng, công nghệ chỉ là phương tiện; tính đảng, tính khoa học và tính chiến đấu của nội dung tuyên truyền vẫn là yếu tố quyết định. Vì vậy, bồi dưỡng năng lực số phải luôn đi đôi với bồi dưỡng bản lĩnh chính trị và kỷ luật thông tin.

Một là, tổ chức các chương trình bồi dưỡng ngắn hạn về kỹ năng thiết kế học liệu số và ấn phẩm tuyên truyền trực quan

Nhà trường có thể tổ chức các chương trình tọa đàm, hội thảo, khóa bồi dưỡng ngắn hạn hướng dẫn thao tác, thực hành công cụ thiết kế theo hình thức “cầm tay chỉ việc”. Thông qua các ứng dụng phần mềm như Canva, Adobe Express và các ứng dụng AI hỗ trợ thiết kế, khóa bồi dưỡng sẽ giúp đội ngũ cán bộ, giảng viên dễ dàng tiếp cận và thực hành thiết kế đồ họa thông tin (infographic), sơ đồ tư duy (mindmap), giáo án điện tử,... nhằm tóm tắt các mốc lịch sử xác lập và thực thi chủ quyền của Việt Nam đối với hai quần đảo Hoàng Sa, Trường Sa; vẽ sơ đồ tư duy về các vùng biển theo Công ước Liên hợp quốc về Luật Biển năm 1982 (UNCLOS 1982) và Luật Biển Việt Nam

năm 2012. Thay vì hàng trang văn bản khô khan, một infographic được thiết kế chuyên nghiệp sẽ thu hút thị giác của sinh viên ngay lập tức và giúp hệ thống hóa kiến thức pháp lý phức tạp một cách trực quan. Yêu cầu sản phẩm đầu ra của mỗi khóa bồi dưỡng phải là học liệu thật, sử dụng được ngay trong bài giảng hoặc hoạt động tuyên truyền của đơn vị, chứ không dừng lại ở bài tập thực hành mang tính minh họa. Cách làm này vừa bảo đảm tính thiết thực, vừa từng bước hình thành kho học liệu số về chủ quyền biển, đảo dùng chung trong nhà trường.

Hai là, bồi dưỡng kỹ năng sản xuất, biên tập sản phẩm truyền thông đa phương tiện về chủ quyền biển, đảo

Việc biên tập, thiết kế video đa phương tiện thông qua sử dụng các phần mềm như CapCut, HeyGen, Suno,... cho phép tạo ra các sản phẩm truyền thông mang tính giáo dục cao, kể cả với những định dạng ngắn (Shorts, Reels, TikTok) trên mạng xã hội. Giảng viên và cán bộ Đoàn - Hội cần được đào tạo, thực hành thiết kế video bài bản, chuyên nghiệp để có cách dẫn nhập và kết thúc bài giảng thú vị, tạo sự hào hứng và tập trung chú ý của đối tượng trẻ, thay vì sử dụng lại các video dài, truyền thống được cắt ghép, đăng tải và trình chiếu lại trong quá trình giảng bài, nhất là với nội dung về biển, đảo và thắng cảnh Việt Nam.

Bên cạnh kỹ năng thao tác phần mềm, nội dung bồi dưỡng cần đặc biệt coi trọng kỹ năng xây dựng kịch bản và nghệ thuật kể chuyện bằng hình ảnh. Một sản phẩm truyền thông về chủ quyền biển, đảo chỉ thực sự có sức lay động khi biết chuyển tải các luận cứ lịch sử - pháp lý thông qua câu chuyện con người: người lính đảo, ngư dân bám biển, nhà khoa học nghiên cứu biển. Đồng thời, cần bồi dưỡng cho đội ngũ sản xuất nội dung quy trình thẩm định trước khi đăng tải, bảo đảm mọi sản phẩm đều chính xác về tư liệu, chuẩn mực về thuật ngữ pháp lý, đúng định hướng chính trị và thống nhất về hình ảnh bản đồ quốc gia. Đây là yêu cầu bắt buộc, bởi một sai sót nhỏ về bản đồ hay cách gọi tên các thực thể trên Biển Đông đều có thể gây hệ quả nghiêm trọng về mặt chính trị - pháp lý.

Ba là, bồi dưỡng kỹ năng sử dụng các nền tảng tương tác và công cụ đo lường hiệu quả truyền thông

Việc thiết kế các bộ câu hỏi trắc nghiệm dưới dạng trò chơi xếp thứ hạng để kiểm tra kiến thức thông qua các nền tảng tương tác trực tuyến như

Kahoot!, Quizizz, Blooket,... tạo hứng thú và lôi cuốn sinh viên tích cực tham gia học tập, thử sức giành thứ hạng cao, hiệu quả hơn hẳn hình thức kiểm tra viết hoặc trắc nghiệm trên giấy truyền thống. Ngoài ra, việc phát huy tư duy, nhận thức và chính kiến của sinh viên trong quá trình học tập trên giảng đường thông qua các ứng dụng như Mentimeter, Slido, hỏi đáp Q&A,... cũng là công cụ hữu hiệu để khảo sát nhanh sự nhạy bén trong suy nghĩ và năng lực đánh giá các vấn đề chính trị - xã hội của sinh viên.

Đáng chú ý, kết quả khảo sát ở chương 3 đã chỉ ra một hạn chế cần khắc phục ngay: “các nhà trường còn thiếu công cụ khoa học để kiểm chứng, đo lường độ sâu nhận thức của sinh viên sau khi tuyên truyền” (PVI4, Câu 8, PL6). Vì vậy, nội dung bồi dưỡng cần trang bị cho đội ngũ chủ thể tuyên truyền kỹ năng thiết kế và sử dụng các công cụ đo lường đơn giản nhưng khoa học, như khảo sát nhanh (mini survey), bài kiểm tra trước - sau (pre-test/post-test) bằng Google Forms hoặc Microsoft Forms, cùng kỹ năng đọc và phân tích các chỉ số tương tác trên nền tảng số (lượt tiếp cận, thời lượng xem, tỷ lệ chia sẻ, bình luận). Khi có dữ liệu định lượng, nhà trường mới có căn cứ khách quan để điều chỉnh nội dung, hình thức tuyên truyền, chuyển từ đánh giá theo số lượng hoạt động sang đánh giá theo mức độ chuyển biến nhận thức thực tế của sinh viên.

Bốn là, bồi dưỡng năng lực khai thác công nghệ để số hóa không gian học đường và hệ thống tư liệu về biển, đảo

Kết quả khảo sát chương 3 cho thấy hệ thống pano, áp phích, bảng tin tại nhiều trường mới dừng ở chức năng cổ động trực quan bề nổi, thiếu các liên kết hoặc mã QR dẫn tới kho học liệu chuyên sâu, khiến những phương tiện này trở thành “điểm chết” truyền thông. Do đó, đội ngũ giảng viên, cán bộ Đoàn - Hội cần được bồi dưỡng kỹ năng tạo lập, quản trị mã QR gắn với từng công trình, mô hình, ấn phẩm trực quan trong khuôn viên trường và ký túc xá, để mỗi thiết chế trực quan trở thành một cửa ngõ dẫn sinh viên vào kho tư liệu số về chủ quyền biển, đảo.

Ở cấp độ cao hơn, nhà trường cần từng bước bồi dưỡng cho đội ngũ nòng cốt năng lực khai thác các công nghệ trưng bày hiện đại: bản đồ số tương tác (storymap) về quá trình xác lập chủ quyền; triển lãm số, bảo tàng số về Hoàng Sa - Trường Sa; ứng dụng thực tế ảo (VR) và thực tế tăng cường (AR) mô phỏng cột mốc chủ quyền, nhà giàn DK1, đảo tiền tiêu. Những công nghệ này

cho phép khắc phục rào cản lớn nhất hiện nay là kinh phí và điều kiện tổ chức các chuyến đi thực tế ra đảo, giúp đông đảo sinh viên được trải nghiệm không gian chủ quyền ngay tại giảng đường. Việc bồi dưỡng cần gắn với lộ trình đầu tư hạ tầng nêu ở giải pháp về điều kiện đảm bảo, tránh tình trạng đào tạo xong nhưng không có thiết bị để triển khai.

Năm là, bồi dưỡng kỹ năng nhận diện, thẩm định thông tin và đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch về chủ quyền biển, đảo trên không gian mạng

Quán triệt tinh thần Nghị quyết số 35-NQ/TW của Bộ Chính trị (khóa XII) về “*bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng*”, năng lực số của chủ thể tuyên truyền không thể chỉ dừng ở kỹ năng sản xuất nội dung, mà còn phải bao gồm năng lực tác chiến trên không gian mạng. Nội dung bồi dưỡng cần trang bị kỹ năng nhận diện các thủ đoạn xuyên tạc phổ biến về vấn đề Biển Đông; kỹ năng thẩm định, truy nguyên nguồn tin và kiểm chứng bài viết, hình ảnh, video, bản đồ; kỹ năng xây dựng luận cứ phản bác dựa trên chứng cứ lịch sử và cơ sở pháp lý quốc tế; cùng quy tắc ứng xử chuẩn mực khi tham gia trao đổi, tranh luận trên mạng xã hội.

Đặc biệt, cần bồi dưỡng cho đội ngũ giảng viên, cán bộ Đoàn - Hội phương pháp hướng dẫn sinh viên “tự đề kháng” thông tin, phân biệt rõ ranh giới giữa lòng yêu nước chân chính với các biểu hiện cực đoan, kích động chủ nghĩa dân tộc hẹp hòi. Có như vậy, mỗi giảng viên, cán bộ Đoàn - Hội mới thực sự trở thành hạt nhân định hướng dư luận trong sinh viên, và các nền tảng số của nhà trường mới chuyển hóa từ “kho chứa tài liệu” thành một mặt trận truyền thông sống động, sắc bén trên không gian mạng.

4.2.4. Tiếp tục đổi mới toàn diện, hiệu quả nội dung và phương thức tuyên truyền chủ quyền biển, đảo Việt Nam cho sinh viên các trường đại học gắn với đấu tranh phản bác thông tin sai trái trên mạng xã hội

- Đối với nội dung tuyên truyền:

Đổi mới toàn diện và hiệu quả nội dung tuyên truyền chủ quyền biển, đảo thực chất là quá trình tái cấu trúc, nâng cấp và hoàn thiện hệ thống tri thức truyền tải, chuyển từ mô hình thông tin đơn thuần sang mô hình tri thức tích hợp, đa chiều và có tính định hướng cao. *Trước hết*, tính toàn diện thể hiện ở việc đồng bộ hóa ba trụ cột nội dung cốt lõi: hệ thống hóa chặt chẽ các chứng cứ lịch sử và căn cứ pháp lý vững chắc (UNCLOS 1982, Luật Biển Việt Nam

2012, các văn bản pháp lý khác); cập nhật sinh động thực tiễn phát triển kinh tế biển bền vững gắn với củng cố, đảm bảo an ninh quốc phòng; và chủ động xây dựng các nội dung mang tính chiến đấu, trực tiếp nhận diện, phản bác các luận điệu xuyên tạc của các thế lực thù địch. *Cùng với đó*, để đạt được hiệu quả thực chất, nội dung không được rập khuôn lý luận mà phải mang tính khoa học, liên tục cập nhật theo sự vận động của tình hình Biển Đông, đồng thời được “mềm hóa” để phù hợp với tâm lý tiếp nhận của thế hệ trẻ. Sự mạch lạc trong đổi mới nội dung còn đòi hỏi một tư duy logic: lấy tri thức lịch sử - pháp lý làm nền tảng định hình nhận thức đúng đắn, lấy tiềm năng kinh tế và lòng tự hào làm động lực thúc đẩy trách nhiệm, và lấy bản lĩnh chính trị làm bộ lọc để nâng cao sức đề kháng trước thông tin xấu, độc. Nhờ vậy, nội dung tuyên truyền sẽ thiết lập được một hệ thống luận điểm khoa học, chặt chẽ, giúp sinh viên chuyển hóa sâu sắc từ nhận thức lý luận thuần túy thành hành động tự giác, bản lĩnh trong công cuộc bảo vệ chủ quyền thiêng liêng của Tổ quốc.

Đặc biệt, cần lồng ghép nội dung tuyên truyền chủ quyền biển, đảo vào nội dung giảng dạy các môn học khác trong chương trình đào tạo của nhà trường. Qua phỏng vấn đại diện nhà trường, hầu hết đội ngũ cán bộ, giảng viên đều cho rằng thời lượng lồng ghép hiện còn khá ít, chủ yếu trong môn học Giáo dục quốc phòng và an ninh, sinh hoạt chính trị đầu năm, hoặc một số buổi chuyên đề. Do đó, đa số đại diện nhà trường đề xuất “tăng thời lượng lồng ghép nội dung tuyên truyền chủ quyền biển, đảo Việt Nam cho sinh viên vào môn Giáo dục quốc phòng và an ninh (khoảng 2 tiết); các buổi sinh hoạt chính trị, sinh hoạt chuyên đề, hội thảo, tọa đàm, hoạt động ngoại khóa tại trường và các môn học liên ngành như: Lịch sử; Địa lý; hay môn Luật Quốc tế để có thể phân tích Công ước UNCLOS 1982; môn Kinh tế để có thể bàn về tiềm năng kinh tế biển; môn Môi trường để có thể nghiên cứu hệ sinh thái biển đảo, vừa nâng cao kiến thức chuyên môn, vừa giáo dục ý thức một cách thuyết phục cho sinh viên” (*PV1, PV3, PV4, PV8, PV9, PV12, PV15, PV16, Câu 9, PL6*).

Để việc lồng ghép đi vào thực chất, nhà trường cần rà soát chương trình đào tạo nhằm xác định danh mục học phần và mức độ lồng ghép; xây dựng ngân hàng học liệu, tình huống liên môn dùng chung; tập huấn cho giảng viên chuyên ngành; thiết lập cơ chế phối hợp giữa Khoa Lý luận chính trị, Khoa/Trung tâm Giáo dục Quốc phòng và An ninh với các khoa chuyên môn để bảo đảm thống nhất quan điểm, chuẩn xác tư liệu và tránh trùng lặp. Thực

hiện tốt biện pháp này, nội dung tuyên truyền sẽ thấm thấu thường xuyên, tự nhiên vào toàn bộ quá trình đào tạo; sinh viên không chỉ nhận thức rõ về chủ quyền biển, đảo với tư cách công dân, mà còn có ý thức, kỹ năng, thái độ để bảo vệ và phát triển biển, đảo bằng chính năng lực chuyên môn của mình. Đây cũng là một trong những biện pháp mà NCS quan tâm, mong muốn đề xuất kiến nghị với Bộ Giáo dục và Đào tạo trong khung chương trình giáo dục đại học, nhất là môn Giáo dục Quốc phòng và An ninh tại trường đại học.

- Đối với phương thức tuyên truyền:

Qua khảo sát thực trạng, sinh viên hiện nay tiếp nhận một lượng lớn thông tin mỗi ngày. Họ có xu hướng từ chối các văn bản, giáo trình, chuyên đề khô khan và ưu tiên các nội dung trực quan, sinh động, ngắn gọn. Việc đổi mới, đa dạng hóa phương thức tuyên truyền giúp truyền tải thông tin “vừa vặn” với lăng kính và thói quen của sinh viên, từ đó nâng cao tỷ lệ tiếp cận và ghi nhớ. Thay vì chỉ ngồi nghe báo cáo chuyên đề, các hình thức tuyên truyền mới sẽ tạo không gian cho sinh viên tự trải nghiệm, tìm hiểu và kiến tạo tri thức. Để đổi mới toàn diện và hiệu quả phương thức tuyên truyền chủ quyền biển, đảo cho sinh viên các trường đại học ở TP HCM, cần quan tâm thực hiện các biện pháp:

(1) Về phương pháp tuyên truyền

Một là, lồng ghép, ứng dụng công nghệ sinh động vào giảng dạy lý luận

Các học phần Lý luận chính trị (Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam, Tư tưởng Hồ Chí Minh, Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam,...) và học phần Giáo dục Quốc phòng và An ninh, Pháp luật đại cương là không gian nền tảng để cung cấp thế giới quan và phương pháp luận cho sinh viên. Giảng viên cần mạnh dạn ứng dụng phương pháp dạy học tích cực: thảo luận nhóm, giải quyết tình huống về các vấn đề liên quan đến biển, đảo, “điểm nóng” Biển Đông, hoặc khai thác, sử dụng triệt để các kho học liệu số (video, hình ảnh, infographic, bản đồ 3D, sơ đồ tư duy, các thước phim tư liệu lịch sử có giá trị cao,...) để “mềm hóa” lý luận, giúp sinh viên không chỉ “nhớ” mà còn “hiểu” và “tin”.

Hai là, áp dụng phương pháp dạy học nêu vấn đề và tranh biện

Thay vì cung cấp đáp án có sẵn, giảng viên cần tạo ra các “tình huống có vấn đề” mang tính thời sự để sinh viên tự tìm tòi, giải quyết, đưa ra quan điểm cá nhân. Từ đó, tổ chức cho các nhóm sinh viên thảo luận, tranh biện. Quá trình bảo vệ quan điểm cá nhân dưới sự định hướng của giảng viên sẽ giúp sinh viên

mài giữa tư duy phản biện, hiểu sâu sắc hơn về trách nhiệm của thế hệ trẻ, đồng thời tự giác chuyển hóa các nguyên lý lý luận thành phương châm hành động.

Ba là, kết hợp linh hoạt phương pháp lý luận với thực tiễn, lồng ghép các chuyến đi thực tế, về nguồn, thăm địa chỉ đỏ vào chương trình học, hoạt động ngoại khoá

Các tổ chức Đoàn Thanh niên, Hội Sinh viên phối hợp với các khoa chuyên môn và nhà trường thường xuyên tổ chức các chuyến “về nguồn”, dã ngoại thực tế đến các địa danh gắn liền với lịch sử và hiện tại của công cuộc bảo vệ biển, đảo. Tại khu vực phía Nam và lân cận TPHCM, có thể tổ chức tham quan các quân cảng (như Căn cứ Vùng 2 Hải quân, Lữ đoàn 125 - Đoàn tàu Không số,...), các đồn biên phòng tuyến biển (Cần Giờ, Bà Rịa - Vũng Tàu), hoặc các địa chỉ đỏ, bảo tàng chuyên đề (Bảo tàng Hải dương học - Nha Trang, Bảo tàng Chiến dịch Hồ Chí Minh),...

Chuyến đi thực tế phải kết hợp với việc đúc kết thực tiễn, bổ sung lý luận. Trước chuyến đi, sinh viên cần được giao các đề tài tìm hiểu nhỏ. Trong chuyến đi, cần tổ chức các hoạt động trải nghiệm, như: một ngày làm chiến sĩ hải quân, hay hoạt động tham gia dọn dẹp vệ sinh khu vực bãi biển, phân loại và tái chế rác thải, tuyên truyền nâng cao nhận thức cộng đồng vì một môi trường biển xanh,... Đặc biệt, sau mỗi chuyến đi thực tế, sinh viên (hoặc nhóm sinh viên) bắt buộc phải có sản phẩm thu hoạch. Sản phẩm này không nên thực hiện như các bài báo cáo, thu hoạch, tiểu luận nộp giấy, mà cần được khuyến khích thể hiện dưới dạng hiện đại như: video vlog, phóng sự ảnh, bài viết chia sẻ cảm nhận trên mạng xã hội (Facebook, TikTok, Youtube,...) hoặc các trang truyền thông của trường. Điều này giúp mỗi sinh viên sau khi trải nghiệm sẽ trở thành một “tuyên truyền viên” lan tỏa tình yêu biển, đảo đến cộng đồng mạng.

(2) Về hình thức, phương tiện tuyên truyền

Một là, tận dụng tối đa mạng xã hội phục vụ công tác tuyên truyền

Các đội, nhóm của Đoàn - Hội cần xây dựng và vận hành chuyên nghiệp mạng lưới Fanpage Facebook, kênh TikTok, và Zalo OA. Thay vì đăng tải các bài viết dài hàng nghìn chữ báo cáo thành tích, các kênh này cần chuyển hướng sang sản xuất nội dung chuyên biệt về biển, đảo với tiêu chí: ngắn gọn, đúng trọng tâm và bắt kịp xu hướng. Những bằng chứng lịch sử (như Châu bản triều Nguyễn, các bản đồ cổ minh chứng chủ quyền Hoàng Sa, Trường Sa) cần được thiết kế lại dưới dạng Infographic. Màu sắc hiện đại,

bổ cục rõ ràng sẽ giúp sinh viên nắm bắt cốt lõi vấn đề chỉ trong vài giây lướt màn hình. Bên cạnh đó, việc phát triển các chuỗi Podcast kể chuyện lịch sử, những lá thư từ lính đảo, hay nhật ký hải trình sẽ rất phù hợp với nhịp sống hối hả của sinh viên TPHCM. Bên cạnh đó, kênh TikTok, Instagram Reels hay YouTube Shorts đang thống trị hành vi người dùng. Nắm bắt kịp thời xu hướng nền tảng mạng xã hội này, tổ chức Đoàn - Hội cần chia nhỏ các bài học lịch sử thành các video thời lượng 30-60 giây. Đó có thể là một video đồ họa chuyển động giải thích về Công ước Luật biển 1982 (UNCLOS 1982), hoặc những thước phim hùng vĩ về cảnh đẹp Trường Sa lồng ghép nền nhạc tự hào. Định dạng này giúp thông tin tiếp cận sinh viên mọi lúc, mọi nơi một cách tự nhiên nhất, không gượng ép.

Hai là, số hóa không gian trưng bày các mô hình tuyên truyền về biển, đảo Việt Nam

Khoảng cách địa lý từ TPHCM đến các quần đảo tiền tiêu là rất xa, không phải sinh viên nào cũng có cơ hội đặt chân đến Hoàng Sa, Trường Sa. Do đó, cần có các công nghệ để “mang biển đảo về giữa lòng thành phố”. Trải nghiệm nhập vai với “Bảo tàng ảo” và “Triển lãm 3D/VR” tích hợp trên Website hiện đang được các trường đại học ở TPHCM áp dụng nhưng chưa phổ biến. Điều này đặt ra yêu cầu về việc tiếp tục đổi mới hình thức tuyên truyền kết hợp với việc trang bị cơ sở vật chất, phương tiện, không gian phòng ốc phù hợp. Các trường đại học cần phối hợp với các bảo tàng, lực lượng Hải quân để số hóa các hiện vật, cột mốc chủ quyền, hình ảnh đời sống quân dân trên đảo. Những dữ liệu này được dựng thành một không gian 3D trực tuyến, tích hợp thẳng vào website nhà trường hoặc cổng thông tin sinh viên. Thay vì xem ảnh 2D, sinh viên có thể dùng chuột máy tính hoặc màn hình cảm ứng điện thoại để “bước đi” trong bảo tàng ảo, xoay 360⁰ để ngắm nhìn một hòn đá lấy từ Trường Sa, nhấp vào hiện vật hoặc quét mã QR để nghe thuyết minh tự động và xem video đính kèm. Sinh viên được trải nghiệm đa giác quan. Ở mức độ cao hơn, trong các tuần lễ sinh hoạt công dân, nhà trường có thể bố trí các trạm trải nghiệm với Kính thực tế ảo (VR). Khi đeo kính vào, sinh viên sẽ thấy mình đang đứng trên nhà giàn DK1 giữa sóng cuộn, hoặc đang dạo bước dưới bóng cây bàng vuông. Trải nghiệm thị giác và thính giác chân thực này sẽ tạo ra sự rung động mãnh liệt về mặt cảm xúc - điều mà sách vở khó lòng làm được. Khi trái tim

rung động, tình yêu nước và ý thức bảo vệ chủ quyền quốc gia, dân tộc sẽ tự khắc nảy mầm.

Ba là, phát triển ứng dụng và trò chơi hoá vào hoạt động tuyên truyền

Thế hệ trẻ yêu thích sự tương tác, thích chinh phục thử thách và thể hiện bản thân. Ứng dụng trò chơi sẽ tăng tính hấp dẫn, kích thích sinh viên tích cực tham gia. Đoàn Thanh niên có thể sử dụng các nền tảng thi trắc nghiệm tương tác như Kahoot, Quizizz, hoặc tự xây dựng Web App riêng để tổ chức các cuộc thi tìm hiểu về biển, đảo. Sinh viên tham gia thi trực tuyến, thi đấu đối kháng với nhau trong thời gian thực, vừa tiết kiệm thời gian, vừa thu hút được số lượng đông đảo thí sinh tham gia. Thông qua việc thi trực tuyến, nhà trường có thể tính điểm làm thang đo kết quả học tập hoặc khen thưởng hoạt động phong trào của công tác Đoàn - Hội, mỗi cuộc thi có thể quy đổi thành điểm rèn luyện - một yếu tố rất thiết thực với sinh viên để phấn đấu đạt các danh hiệu, thành tích học tập và hoạt động phong trào, hoặc các phần quà từ nhà tài trợ bên ngoài.

TPHCM là khu vực tập trung hàng chục trường đại học trọng điểm. Việc tổ chức các giải đấu E-learning tìm hiểu về chủ quyền biển, đảo với bảng xếp hạng liên trường sẽ kích thích lòng tự hào mang màu cờ sắc áo của sinh viên mỗi trường. Tính cạnh tranh này sẽ tạo ra hiệu ứng quy mô liên trường, lan tỏa mạnh mẽ, thu hút hàng chục nghìn, thậm chí hàng trăm nghìn lượt truy cập và chia sẻ mỗi ngày, biến một đợt sinh hoạt chính trị trở thành một ngày hội công nghệ số thực sự.

Bốn là, liên kết với các đơn vị Hải quân, Cảnh sát biển tổ chức các chương trình giao lưu nhân chứng sống - kết nối các thế hệ trong hoạt động tuyên truyền

Những trang sử hào hùng về lịch sử đấu tranh bảo vệ chủ quyền biển, đảo sẽ chỉ là những dòng chữ vô tri nếu thiếu đi những con người bằng xương bằng thịt đã và đang bám biển, giữ đảo. Việc mời nhân chứng sống tham gia vào quá trình giáo dục, tuyên truyền có tác dụng truyền cảm hứng mãnh liệt mà không một giáo trình nào có thể thay thế.

Nhà trường cần tổ chức định kỳ các buổi diễn đàn, sinh hoạt chuyên đề, tọa đàm với sự góp mặt của đa dạng các nhân chứng. Đó có thể là các cựu chiến binh đã từng trực tiếp tham gia các trận chiến giữ biển, bảo vệ chủ quyền, bảo vệ lá cờ Tổ quốc trên biển đảo; các chiến sĩ từng công tác trên

Đoàn tàu Không số huyền thoại; hoặc những cán bộ, chiến sĩ, lực lượng Cảnh sát biển, Kiểm ngư đang ngày đêm đối mặt với hiểm nguy nơi đầu sóng ngọn gió tại Quần đảo Trường Sa, Nhà giàn DK1,...

Để tránh tình trạng báo cáo một chiều truyền thống, các buổi giao lưu cần được thiết kế dưới dạng đối thoại mở (talkshow), nơi sinh viên được quyền đặt câu hỏi tự do. Những câu chuyện đời thường giản dị về cuộc sống trên biển đảo, về những vất vả trong sinh hoạt hàng ngày, hay những giây phút kiên cường đối mặt với bão tố và tàu thuyền nước ngoài xâm phạm,... được kể lại bằng chính nhân chứng sống sẽ là phương pháp tuyên truyền hiệu quả chạm đến tận cùng cảm xúc của tuổi trẻ. Chính sự hy sinh thầm lặng của các nhân chứng sống sẽ là tấm gương phản chiếu, giúp sinh viên tự soi rọi lại bản thân, trân trọng giá trị của hòa bình và ý thức sâu sắc hơn về nghĩa vụ và trách nhiệm công dân.

Năm là, tổ chức hội thao quốc phòng, hội thi sáng tác các ấn phẩm văn hoá, văn nghệ trên không gian mạng gắn với nội dung tuyên truyền về chủ quyền biển, đảo

Sinh viên các trường đại học tại TPHCM rất năng động và ưa thích trải nghiệm thực tiễn. Hội thao quốc phòng là một hình thức tiếp cận mang tính đột phá, thể hiện sự kết hợp nhuần nhuyễn giữa phương pháp tuyên truyền truyền thống và hiện đại. Những kiến thức về Giáo dục Quốc phòng và An ninh thường mang tính hàn lâm, vĩ mô và đôi khi tạo cảm giác xa rời cuộc sống thường nhật của sinh viên đô thị. Hội thao quốc phòng sẽ khóa lấp khoảng trống này bằng cách kiến tạo một “thực tiễn mô phỏng”. Khi sinh viên tham gia các phần thi thực hành như: tháo lắp súng tiểu liên AK, băng bó cứu thương, các kỹ năng sinh tồn trên biển, nút dây hải quân, hay truyền tin bằng cờ Semaphore,... sinh viên như đang trực tiếp dùng thể lực và trí lực của mình để trải nghiệm sự vất vả, kỷ luật và tinh thần sẵn sàng chiến đấu của lực lượng vũ trang. Từ đó, tình yêu biển, đảo không còn là một khẩu hiệu lý thuyết, mà trở thành sự thấu cảm sâu sắc đối với những hy sinh thầm lặng của cán bộ, chiến sĩ nơi đầu sóng ngọn gió.

Hội thao giữ nguyên bản chất của công tác huấn luyện quân sự truyền thống, đó là rèn luyện ý chí, kỷ luật thép, tinh thần đồng đội và kỹ năng chiến đấu bảo vệ Tổ quốc. Tuy nhiên, sự hiện đại nằm ở việc “trò chơi hóa” các hoạt động quân sự để phù hợp với tâm lý sinh viên. Ví dụ, nhà trường có

thể lồng ghép tổ chức các mô hình trò chơi lớn với chủ đề “Hành trình giữ biển”, trong đó các trạm thử thách được đặt tên theo các điểm đảo tại Quần đảo Trường Sa. Tại mỗi trạm, sinh viên phải dùng điện thoại thông minh quét mã QR để giải mã các câu hỏi về Luật Biển Việt Nam trước khi thực hiện thử thách thể lực (vận chuyển lương thực, nước ngọt tiếp tế cho đảo xa,...). Sự kết hợp giữa vận động cường độ cao và tương tác công nghệ số giúp phương thức này trở nên cực kỳ hấp dẫn, thu hút sự tham gia tự nguyện và hào hứng của sinh viên, khác với các hội thao quốc phòng truyền thống. Tuy nhiên, để tổ chức Hội thao quốc phòng với chủ đề riêng về biển, đảo thì đến nay vẫn chưa được các trường đại học quan tâm và đưa vào nội dung sinh hoạt ngoại khoá kết hợp với hoạt động Đoàn - Hội của trường. Do đó, NCS rất kỳ vọng biện pháp này sẽ được đưa vào thực hiện trong chương trình giáo dục đại học của nhà trường.

Bên cạnh đó, Hội thi sáng tác các ấn phẩm văn hoá, văn nghệ về biển đảo trên không gian mạng cũng làm thay đổi hoàn toàn tính tích cực, tự giác của sinh viên với hoạt động tuyên truyền chung của nhà trường, thậm chí lan tỏa sâu rộng, nhanh chóng đến đối tượng sinh viên ở các trường đại học khác. Thông qua việc kêu gọi bình chọn sản phẩm dự thi, mỗi cá nhân/nhóm sinh viên dự thi vô hình trung trở thành một “đại sứ truyền thông”, lan tỏa kiến thức chủ quyền đến hàng nghìn bạn bè sinh viên cùng trang lứa. Thực tiễn tâm lý học giáo dục chỉ ra rằng, sinh viên thường dễ dàng tiếp nhận và bị thuyết phục bởi những thông điệp do chính bạn bè mình - những người cùng thế hệ, cùng ngôn ngữ mạng tạo ra hơn là những bài giảng một chiều mang tính rập khuôn, áp đặt. Thông qua hội thi và các ấn phẩm truyền thông, nhà trường có thể lấy không gian mạng làm môi trường thực tiễn để sinh viên rèn luyện lý luận, hoạt động này không chỉ tối ưu hóa hiệu quả tuyên truyền mà còn trực tiếp trang bị cho sinh viên kỹ năng truyền thông số - một “vũ khí” sắc bén để đấu tranh, bảo vệ chủ quyền biển, đảo quốc gia trên không gian mạng hiện nay.

Trên thực tế, chủ quyền biển, đảo luôn là chủ đề bị các thế lực thù địch, phản động và cơ hội chính trị lợi dụng nhiều nhất để tấn công vào nền tảng tư tưởng của Đảng, mà đối tượng hướng tới hàng đầu chính là thanh niên, sinh viên. Các luận điệu xuyên tạc thường tập trung vào việc phủ nhận, bóp méo chứng cứ lịch sử và cơ sở pháp lý của Việt Nam; xuyên tạc chủ trương “vừa

hợp tác, vừa đấu tranh” thành sự “né tránh”, “nhượng bộ”; kích động chủ nghĩa dân tộc cực đoan núp bóng lòng yêu nước; lợi dụng các sự kiện nóng trên Biển Đông để tạo “điểm nóng” tư tưởng trong sinh viên. Thủ đoạn ngày càng tinh vi khi được hỗ trợ bởi trí tuệ nhân tạo, hình ảnh và video giả mạo (deepfake), tin giả phát tán theo thuật toán trên chính các nền tảng sinh viên sử dụng hằng ngày. Trước tình hình đó, giải pháp cần được triển khai đồng thời trên hai tuyến “xây” và “chống”, trong đó “xây” là gốc. Toàn bộ các biện pháp đã trình bày ở trên, từ tái cấu trúc nội dung, lồng ghép liên môn đến đa dạng hóa hình thức, phương tiện trên nền tảng số chính là quá trình bồi đắp hệ miễn dịch tư tưởng cho sinh viên; một hệ thống luận điểm khoa học, chặt chẽ, được truyền tải hấp dẫn và kịp thời là loại “vắc-xin” hữu hiệu nhất, bởi khi đã có nền tảng tri thức lịch sử - pháp lý vững vàng, sinh viên sẽ tự nhận diện được sự phi lý của các luận điệu xuyên tạc.

Các trường đại học cần phát huy vai trò của Ban Chỉ đạo 35, duy trì hoạt động thường xuyên của lực lượng nòng cốt đấu tranh trên không gian mạng gồm giảng viên lý luận chính trị, cán bộ Đoàn - Hội và sinh viên ưu tú có bản lĩnh chính trị, kỹ năng truyền thông số; đưa nội dung nhận diện, phản bác các quan điểm sai trái về chủ quyền biển, đảo thành chuyên đề chính thức trong các học phần lý luận chính trị và học phần Giáo dục Quốc phòng và An ninh, trang bị cho sinh viên phương pháp kiểm chứng nguồn tin, thẩm định hình ảnh, bản đồ và kỹ năng xây dựng luận cứ phản bác; thiết lập cơ chế cung cấp thông tin định hướng nhanh, chính xác mỗi khi xuất hiện sự kiện phức tạp trên Biển Đông; đồng thời nhân rộng mô hình thi viết chính luận về bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng gắn với chủ đề biển, đảo để mỗi sinh viên sẽ trở thành một chiến sĩ trên mặt trận tư tưởng, góp phần thực hiện thắng lợi nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc “từ sớm, từ xa”. Cùng với đó, cần giúp sinh viên phân định rạch ròi giữa lòng yêu nước chân chính với các biểu hiện cực đoan, quá khích, quán triệt quan điểm nhất quán của Đảng và Nhà nước ta: kiên quyết, kiên trì bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ, đồng thời giữ vững môi trường hòa bình, ổn định để phát triển đất nước, giải quyết tranh chấp bằng biện pháp hòa bình trên cơ sở luật pháp quốc tế và UNCLOS 1982.

4.2.5. Tăng cường đầu tư các điều kiện đảm bảo và thiết lập môi trường thuận lợi cho việc đổi mới phương thức tuyên truyền chủ quyền biển, đảo Việt Nam cho sinh viên các trường đại học

Một là, xây dựng cơ chế linh hoạt và đa dạng hóa nguồn ngân sách, xã hội hóa giáo dục đảm bảo cho công tác tuyên truyền

Tài chính đóng vai trò quan trọng trong mọi hoạt động của nhà trường. Không có ngân sách, mọi ý tưởng về đổi mới phương thức tuyên truyền sẽ chỉ dừng lại trên giấy. Để giải quyết bài toán này, các trường đại học cần đảm bảo ngoài việc trích lập quỹ từ ngân sách hoạt động thường xuyên của nhà trường cần cân nhắc nguồn tự chủ tài chính và huy động xã hội hóa giáo dục. Ban Giám hiệu nhà trường cần có cơ chế linh hoạt, chủ động đưa hạng mục “Giáo dục tuyên truyền chủ quyền biển, đảo” vào kế hoạch tài chính thường niên như một khoản chi bắt buộc, tương đương với các khoản chi cho nghiên cứu khoa học hay hoạt động đoàn thể. Cơ chế linh hoạt thể hiện ở việc thủ tục giải ngân cần được tinh gọn, hỗ trợ tối đa cho các CLB, đội, nhóm sinh viên và đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên khi họ có những dự án truyền thông sáng tạo, tránh tình trạng ý tưởng bị thui chột vì chờ đợi giải quyết các quy trình, thủ tục hành chính.

Bên cạnh đó, cần huy động nguồn lực xã hội hóa, điển hình từ các mạnh thường quân như cựu sinh viên các khoá, các tổ chức chính trị - xã hội ngoài nhà trường, các doanh nghiệp trên địa bàn thành phố và cả nước,... Sự đóng góp này không chỉ là hiện kim mà có thể là hiện vật (sách, bản đồ, thiết bị,...) hoặc học bổng dành cho các sinh viên có thành tích xuất sắc trong hoạt động phong trào, hội thi, đề tài nghiên cứu về tuyên truyền biển, đảo. Ngày nay, trách nhiệm xã hội của các tổ chức, cá nhân doanh nghiệp đóng vai trò rất quan trọng trong việc xây dựng thương hiệu. Nhà trường cần chủ động thiết kế các dự án, cuộc thi, sản phẩm truyền thông về biển, đảo quy mô lớn và liên kết với các doanh nghiệp đồng hành. Khi tài trợ cho các chương trình này, doanh nghiệp không chỉ thể hiện lòng yêu nước mà còn quảng bá được hình ảnh đến hàng nghìn sinh viên - những khách hàng và nhân sự tiềm năng trong tương lai.

Hai là, nâng cấp hạ tầng công nghệ, số hóa và hiện đại hóa công cụ, phương tiện tuyên truyền

Thế hệ trẻ ngày nay cần những trải nghiệm trực quan. Việc nâng cấp hạ tầng không đơn thuần là mua sắm thiết bị, mà là thay đổi phương thức giao tiếp giáo dục. Hội trường là nơi diễn ra các sự kiện quy mô lớn như tuần sinh hoạt công dân, các buổi nói chuyện chuyên đề với chuyên gia, cựu cán bộ, chiến sĩ hải quân,... do đó, cần được quan tâm, đầu tư hạ tầng, kỹ thuật phù hợp với sức chứa lớn. Việc đầu tư, trang bị màn hình LED kích thước lớn, hệ

thống âm thanh vòm, ánh sáng tiêu chuẩn là bắt buộc. Hiệu ứng thị giác và thính giác sẽ tạo ra sự rung động cảm xúc mạnh mẽ, điều mà không một lời diễn thuyết suông nào làm được.

Ở quy mô nhỏ hơn, các phòng học cần được đầu tư đường truyền internet tốc độ cao và màn hình tương tác thông minh. Điều này phục vụ trực tiếp cho việc giảng dạy trực quan các bộ môn như Lịch sử Đảng, Tư tưởng Hồ Chí Minh, hay Pháp luật đại cương,... Giảng viên có thể truy cập trực tiếp vào các kho lưu trữ số, mở các bản đồ điện tử có tính tương tác cao để sinh viên tự do phóng to, thu nhỏ, tìm hiểu tọa độ, phân tích các chứng cứ lịch sử và pháp lý về chủ quyền của Việt Nam một cách sống động. Thậm chí, với internet tốc độ cao, nhà trường có thể tổ chức các buổi học trực tuyến kết nối trực tiếp sinh viên trong đất liền với các điểm cầu là trường học hoặc đơn vị bộ đội đang đóng quân trên các đảo tiền tiêu.

Ba là, xây dựng không gian văn hóa biển, đảo trong nhà trường

Bên cạnh các sự kiện có thời hạn, nhà trường cần tạo ra những “di sản” vật chất cố định để duy trì ngọn lửa yêu nước mỗi ngày. Không gian văn hóa biển, đảo không nên bị đẩy vào một góc khuất, mà cần được đặt tại những vị trí trung tâm, có lưu lượng sinh viên qua lại đông đúc nhất như sảnh chính của các tòa nhà giảng đường lớn hoặc ngay trung tâm thư viện. Cần thiết kế không gian đa chiều, góc đọc sách chuyên đề - nơi tập hợp đầy đủ các tư liệu lịch sử, sách báo, tạp chí, các tài liệu pháp lý quốc tế (như UNCLOS 1982), các tiểu thuyết, bút ký viết về người lính biển. Đây sẽ là nguồn tài liệu quý giá cho sinh viên khi làm tiểu luận, nghiên cứu khoa học.

Việc trưng bày sa bàn và bản đồ cũng vô cùng quan trọng. Một sa bàn 3D thể hiện rõ thêm lục địa, vùng đặc quyền kinh tế và các quần đảo của Việt Nam sẽ cung cấp một cái nhìn không gian địa lý sắc bén hơn bất kỳ hình ảnh 2D nào. Qua sa bàn, sinh viên sẽ hiểu rõ tầm quan trọng chiến lược về kinh tế - quốc phòng của Việt Nam ở khu vực Biển Đông.

Việc xây dựng mô hình thu nhỏ của cột mốc chủ quyền Trường Sa cũng cần được nhân rộng ngay trong khuôn viên trường đại học bởi nó mang một ý nghĩa biểu tượng to lớn và phù hợp với các hoạt động triển khai công tác tuyên truyền bảo vệ chủ quyền biển, đảo của Thành Đoàn TPHCM tại các xã, phường, trường học trên địa bàn thành phố. Nó không chỉ là một công trình cảnh quan mà còn được định vị trở thành một “điểm check-in” tự hào của sinh viên. Mỗi

bức ảnh sinh viên chụp tại cột mốc này và chia sẻ lên mạng xã hội chính là một hành động lan tỏa thông điệp bảo vệ chủ quyền lãnh thổ một cách tự nhiên, hiện đại và sâu rộng nhất.

Bốn là, hoàn thiện hệ thống cơ chế quản lý, kiểm tra, giám sát và đánh giá định kỳ hiệu quả hoạt động tuyên truyền chủ quyền biển, đảo trong trường đại học

Một điều kiện đảm bảo mang tính quản lý vĩ mô cực kỳ quan trọng là phải xây dựng và hoàn thiện hệ thống hành lang pháp lý nội bộ, các quy chế, cơ chế kiểm tra, giám sát đối với công tác tuyên truyền biển, đảo. Cấp ủy và Ban Giám hiệu nhà trường cần ban hành các văn bản hướng dẫn chỉ đạo cụ thể, phân công rõ trách nhiệm cho từng đơn vị (Khoa chuyên môn, Phòng Công tác sinh viên, Đoàn Thanh niên, Hội Sinh viên). Hoạt động tuyên truyền không thể đánh giá một cách định tính, cảm tính mà cần xây dựng các bộ chỉ số đánh giá hiệu quả công việc (KPIs) rõ ràng: số lượng chương trình tổ chức, tỷ lệ sinh viên tham gia, mức độ chuyển biến trong nhận thức của sinh viên qua các cuộc khảo sát xã hội học định kỳ. Công tác kiểm tra, giám sát thường xuyên giúp kịp thời phát hiện những mặt hạn chế, những nội dung chưa sát thực tế hoặc những biểu hiện lệch lạc, hình thức trong quá trình triển khai để có biện pháp uốn nắn, chấn chỉnh ngay lập tức. Cơ chế quản lý khoa học, nghiêm túc này chính là điều kiện tiên quyết giữ cho công tác tuyên truyền luôn đi đúng hướng, đạt hiệu quả thực chất và phát triển bền vững.

Quá trình tham gia các diễn đàn, các cuộc thi trực tuyến hoặc đóng góp sức lực vào các dự án tình nguyện hướng về biển, đảo cần được quy đổi thành các mức điểm rèn luyện, thang đo tiêu chí cụ thể. Đây là thước đo trực quan, tác động trực tiếp đến quyền lợi của sinh viên trong việc xét học bổng, đánh giá kết quả học tập từng học kỳ và đánh giá, xếp loại hàng năm của cán bộ, giảng viên trong nhà trường. Từ đó, biến những hoạt động mang tính khuyến khích thành một phần trách nhiệm tự thân. Đối với đội ngũ cán bộ, giảng viên, cần đưa tiêu chí “có sáng kiến đổi mới phương thức giáo dục chính trị” vào bộ tiêu chuẩn đánh giá hoàn thành nhiệm vụ, bình xét chiến sĩ thi đua cấp cơ sở đối với cán bộ, viên chức, người lao động trong nhà trường.

Tóm lại, bằng cách thiết lập cơ chế tài chính linh hoạt để huy động nguồn lực, mạnh dạn bắt nhịp công nghệ để hiện đại hóa phương thức truyền đạt và quyết tâm xây dựng các không gian văn hóa biển, đảo ngay tại học đường, các

cơ sở giáo dục sẽ tạo ra sự gắn kết lâu dài với nhận thức lý trí và hành vi thực tế, nuôi dưỡng lòng yêu nước toàn diện, chân chính của giới trẻ ngày nay. Nguồn kinh phí sử dụng cho cơ sở vật chất, kỹ thuật, phương tiện tuyên truyền trong nhà trường sẽ là những khoản “đầu tư chiến lược” vô giá, góp phần bồi đắp, củng cố niềm tự hào dân tộc, xây dựng “thế trận lòng dân”, “thế trận quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân vững chắc” từ sớm, từ xa, chuẩn bị cho đất nước một thế hệ thanh niên không chỉ giỏi chuyên môn mà còn có bản lĩnh chính trị và ý thức trách nhiệm sâu sắc với chủ quyền thiêng liêng của Tổ quốc. Đồng thời, cần có cơ chế quản lý, kiểm tra, giám sát và đánh giá định kỳ nhằm tăng tính hiệu quả của hoạt động tuyên truyền chủ quyền biển, đảo trong trường đại học.

4.2.6. Khơi dậy ý thức tự nghiên cứu, học tập và rèn luyện của sinh viên với tư cách vừa là đối tượng, vừa là chủ thể trong đổi mới phương thức tuyên truyền chủ quyền biển, đảo Việt Nam ở các trường đại học

Khác với vai trò người lãnh hội một chiều, sinh viên được đặt vào vị trí của những nhà nghiên cứu, nhà tổ chức và những tình nguyện viên hành động. Quá trình tự tay thiết kế một chiến dịch truyền thông, tự thu thập tài liệu lịch sử, hay tự tổ chức một hoạt động xã hội hướng về biển, đảo chính là quá trình “tự giáo dục” sâu sắc nhất, giúp sinh viên xây dựng bản lĩnh chính trị, tư tưởng vững chắc trước những âm mưu, thủ đoạn, luận điệu xuyên tạc của các thế lực thù địch về chủ quyền quốc gia. Để thực hiện được giải pháp này, đòi hỏi các chủ thể trong nhà trường cần quan tâm sát sao và có định hướng cụ thể trong triển khai thực hiện.

Một là, quan tâm tạo điều kiện, khuyến khích phong trào sinh viên nghiên cứu khoa học trong nhà trường

Đưa chủ đề biển, đảo vào nghiên cứu khoa học là cách nâng tầm nhận thức từ cảm tính lên lý tính, từ bề mặt đi vào chiều sâu học thuật. Trọng tâm của phương thức này là xóa bỏ ranh giới chuyên ngành, biến chủ đề biển, đảo thành một nguồn cảm hứng nghiên cứu bao trùm. Nhà trường cần khơi gợi, định hướng để sinh viên áp dụng lăng kính chuyên môn, chuyên ngành của mình giải quyết các vấn đề thực tiễn. Sinh viên ngành Luật đào sâu vào Công ước Liên Hợp Quốc về Luật Biển 1982 (UNCLOS); sinh viên Báo chí phân tích chiến lược truyền thông quốc tế; sinh viên Kỹ thuật và Đồ họa thiết kế các mô hình 3D, ứng dụng phần mềm giáo dục trực quan về địa lý biển, đảo; sinh viên sư phạm bồi dưỡng nhận thức, niềm tin, lòng yêu nước cho thế hệ trẻ thông qua

giảng dạy trong hệ thống giáo dục quốc dân,... Những đề án tốt nghiệp, những công trình nghiên cứu mang tính ứng dụng cao này sẽ làm phong phú thêm kho tàng tài liệu giáo dục và tạo ra những sản phẩm có giá trị sử dụng thực tế.

Để phong trào nghiên cứu khoa học thực sự thu hút, nhà trường cần có chính sách tài trợ kinh phí nghiên cứu khoa học đặc thù, các dự án truyền thông sáng tạo cho các nhóm sinh viên và đội ngũ cán bộ, giảng viên liên quan đến chủ đề chủ quyền biên giới, hải đảo. Song song đó, việc tổ chức các hội nghị khoa học sinh viên cấp trường, cấp cụm để báo cáo các kết quả này, kèm theo các cơ chế cộng điểm thưởng, vinh danh cấp trường, công nhận “sáng kiến kinh nghiệm” sẽ tạo ra một bầu không khí thi đua học thuật sôi nổi và uy tín.

Hai là, đa dạng hoá các hoạt động của mạng lưới Câu lạc bộ, đội, nhóm, xây dựng không gian văn hóa số an toàn, lành mạnh

Các tổ chức Hội, nhóm, CLB là trung tâm của đời sống sinh viên. Sinh viên có nhu cầu tham gia vào các đội, nhóm khác nhau. Do đó, cần phát huy thế mạnh chuyên môn của từng CLB, đội, nhóm và định hướng để các tổ chức đội, nhóm này hoạt động đúng với đặc thù của mình nhưng cùng chung một mục tiêu chung đề ra trong khung giáo dục tổng thể của nhà trường, tổ chức Đoàn - Hội của trường. Các CLB, đội, nhóm học thuật có thể là nòng cốt tổ chức các diễn đàn, các buổi sinh hoạt chuyên đề hoặc đề tài nghiên cứu khoa học, tọa đàm, hội thảo về chủ quyền biển, đảo của Việt Nam. CLB, đội, nhóm Truyền thông đóng vai trò là những “nhà sáng tạo nội dung”, sản xuất các sản phẩm truyền thông hiện đại (Infographic, Podcast, short-video,...), gần gũi, lan tỏa mạnh mẽ trên các nền tảng mạng xã hội. Các CLB, đội, nhóm tình nguyện sẽ phát huy vai trò xung kích để thực hiện các dự án xanh, hun đúc nhận thức, thái độ, hành vi từ những việc làm tử tế và trách nhiệm cộng đồng.

Song song đó, nhà trường cần kiến tạo môi trường văn hóa học đường lành mạnh, dân chủ, kỷ cương và nhân văn. Việc tạo môi trường thuận lợi cho sinh viên tự nghiên cứu, học tập và rèn luyện không thể tách rời việc xây dựng một không gian văn hóa số an toàn, lành mạnh trên mạng internet. Nhà trường cần thiết lập hệ thống kỹ thuật, phối hợp với các cơ quan an ninh mạng để bảo vệ các trang thông tin, diễn đàn của sinh viên trước sự tấn công, phá hoại của các thế lực thù địch; kịp thời định hướng dư luận trước những luồng tin giả liên quan đến chủ quyền quốc gia.

Bên cạnh đó, thông qua mạng lưới các câu lạc bộ, đội, nhóm từ cấp khoa đến cấp trường hay cộng đồng sinh viên với tình yêu biển, đảo quê hương trên không gian mạng sẽ là nơi các sinh viên có cùng đam mê, lý tưởng được sinh hoạt, chia sẻ tư liệu, hỗ trợ nhau trong học tập và tổ chức các hoạt động hướng về biển cả. Việc tạo ra các không gian kết nối như vậy giúp nhân rộng các giá trị tích cực, tạo nên hiệu ứng đám đông lành mạnh, biến lòng yêu nước và ý thức bảo vệ chủ quyền biển, đảo Việt Nam trở thành một nét đẹp văn hóa, một phong cách sống văn minh, tự hào của toàn thể sinh viên trong kỷ nguyên mới. Khi lòng yêu nước, niềm tự hào dân tộc, ý thức trách nhiệm công dân được tôn vinh và đặt đúng chỗ, các biểu hiện thờ ơ chính trị, lệch lạc tư tưởng sẽ bị phê phán và loại bỏ kịp thời. Khi sinh viên được sống, học tập và rèn luyện trong bầu không khí học đường ngập tràn tinh thần hướng về biển, đảo quê hương, lòng yêu nước sẽ tự khắc thấm sâu vào máu thịt, trở thành động lực nội sinh mạnh mẽ, thôi thúc họ cống hiến tài năng và trí tuệ cho sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

Ba là, lồng ghép hoạt động tuyên truyền chủ quyền biển, đảo với phong trào “Sinh viên 5 tốt” và các tiêu chí đánh giá rèn luyện trong nhà trường

Để công tác tuyên truyền không mang tính hình thức, xa rời mục tiêu phấn đấu của sinh viên, cần thực hiện việc lồng ghép tiêu chí nhận thức và hành động vì chủ quyền biển, đảo vào hệ thống các danh hiệu cao quý của sinh viên, đặc biệt là phong trào “Sinh viên 5 tốt” (Đạo đức tốt, Học tập tốt, Thể lực tốt, Tình nguyện tốt, Hội nhập tốt) ở các cấp. Ở tiêu chí “Đạo đức tốt”, nhà trường có thể quy định việc tham gia đầy đủ và có bài thu hoạch chất lượng trong các đợt sinh hoạt chính trị về biển, đảo là điều kiện bắt buộc. Ở tiêu chí “Tình nguyện tốt” và “Hội nhập tốt”, khuyến khích sinh viên tích cực tham gia các hoạt động dịch thuật tư liệu, bằng chứng, pháp lý chủ quyền biển, đảo thành ngoại ngữ (Tiếng Anh, Tiếng Trung, Tiếng Nga,...) hoặc tham gia các diễn đàn thanh niên quốc tế để tuyên truyền, khẳng định lập trường hòa bình, chính nghĩa của Việt Nam trên Biển Đông. Khi nội dung tuyên truyền được thể chế hóa thành các điều kiện thi đua cụ thể, sinh viên sẽ có động lực tự thân mạnh mẽ để tìm hiểu và cống hiến. Việc lồng ghép này tạo ra một cơ chế vận hành tự động trong đời sống học đường, biến tinh thần trách nhiệm với biển, đảo thành một thước đo chuẩn mực cho sự trưởng thành về mặt nhân cách, đạo đức và bản lĩnh chính trị của mỗi trí thức trẻ trước khi ra trường. Việc ghi

nhận, khen thưởng công khai, xứng đáng sẽ tạo ra một môi trường sư phạm tích cực, nơi sự đổi mới, sáng tạo được tôn vinh, từ đó vun đắp ý chí, động lực tinh thần cho sinh viên phát huy tính tích cực, chủ động trong các hoạt động tuyên truyền, giáo dục của nhà trường.

Tiểu kết Chương 4

Ở Chương 4, luận án đưa ra một số dự báo về tình hình thế giới, khu vực và trong nước đối với vấn đề Biển Đông, đồng thời phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến đổi mới phương thức tuyên truyền chủ quyền biển, đảo Việt Nam cho sinh viên các trường đại học ở TPHCM.

Từ những hạn chế và nguyên nhân của hạn chế trong đổi mới phương thức tuyên truyền chủ quyền biển, đảo Việt Nam cho sinh viên các trường đại học ở TPHCM và những vấn đề đặt ra, luận án đề xuất 04 phương hướng và 06 giải pháp cụ thể cần thực thi đồng bộ, hiệu quả nhằm khắc phục những tồn tại hạn chế hiện nay. Những giải pháp mà luận án đề xuất đều có tính khả thi, khoa học, có thể được thực hiện để tiếp tục đổi mới phương thức tuyên truyền chủ quyền biển, đảo cho sinh viên các trường đại học ở TPHCM hiện nay, đồng thời có thể nhân rộng ra trong tuyên truyền chủ quyền biển, đảo Việt Nam cho sinh viên các trường đại học trên cả nước.

Việc thực thi đồng bộ các giải pháp trên sẽ tạo ra bước chuyển biến về chất, đưa sinh viên từ vị thế, vai trò “đối tượng tiếp nhận” sang “chủ thể chủ động” trong quá trình tự giáo dục, rèn luyện. Từ đó, bồi đắp bản lĩnh chính trị vững vàng, niềm tin và ý thức trách nhiệm sâu sắc, góp phần củng cố “thế trận lòng dân” trên không gian mạng và bảo vệ vững chắc nền độc lập, chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ của Tổ quốc từ sớm, từ xa.

KẾT LUẬN

Trong bối cảnh địa chính trị khu vực và thế giới có nhiều biến động phức tạp, đặc biệt là những nguy cơ tiềm ẩn tại Biển Đông, cùng với sự bùng nổ của không gian mạng và các nguy cơ an ninh phi truyền thống, âm mưu “diễn biến hòa bình” của các thế lực thù địch, công tác tuyên truyền chủ quyền biển, đảo Việt Nam cho sinh viên các trường đại học - lực lượng trí thức dự bị của đất nước đặt ra những yêu cầu cấp thiết. Trên cơ sở làm rõ những vấn đề lý luận, khảo sát thực trạng và dự báo, đề xuất phương hướng, giải pháp nhằm đổi mới phương thức tuyên truyền chủ quyền biển, đảo Việt Nam cho sinh viên các trường đại học ở TPHCM hiện nay, NCS rút ra những kết luận chủ yếu sau đây:

Một là, Luận án đã tổng quan các công trình nghiên cứu có liên quan đến đề tài, hệ thống hóa, kế thừa và phát triển một cách bài bản khung lý thuyết về công tác tuyên truyền chủ quyền biển, đảo. NCS đã cơ bản bổ sung “khoảng trống khoa học” cần tiếp tục nghiên cứu và đưa ra hai khái niệm trung tâm: “*Tuyên truyền chủ quyền biển, đảo Việt Nam cho sinh viên các trường đại học*” và “*Đổi mới phương thức tuyên truyền chủ quyền biển, đảo Việt Nam cho sinh viên các trường đại học*”.

Hai là, Luận án đã làm rõ nội dung đổi mới phương thức tuyên truyền chủ quyền biển, đảo Việt Nam cho sinh viên các trường đại học, gồm: (1) Đổi mới tư duy, nhận thức của các chủ thể và đối tượng tuyên truyền về tầm quan trọng của hoạt động tuyên truyền chủ quyền biển, đảo Việt Nam cho sinh viên các trường đại học; (2) Kế thừa và phát triển các phương pháp, hình thức, phương tiện truyền thống trong tuyên truyền chủ quyền biển, đảo Việt Nam cho sinh viên các trường đại học; (3) Sáng tạo những phương pháp, hình thức, phương tiện mới trong tuyên truyền chủ quyền biển, đảo Việt Nam cho sinh viên các trường đại học; (4) Lồng ghép, phối hợp hiệu quả các phương pháp, hình thức, phương tiện trong tuyên truyền chủ quyền biển, đảo Việt Nam cho sinh viên các trường đại học; (5) Tăng cường các điều kiện đảm bảo và tạo lập môi trường thuận lợi cho hoạt động tuyên truyền chủ quyền biển, đảo Việt Nam cho sinh viên các trường đại học. Bên cạnh đó, NCS cũng chỉ ra những yếu tố khách quan và chủ quan tác động đến đổi mới phương thức tuyên truyền chủ quyền biển, đảo Việt Nam cho sinh viên các trường đại học hiện nay.

Ba là, Luận án đã nghiên cứu, đánh giá bức tranh thực trạng đổi mới phương thức tuyên truyền chủ quyền biển, đảo Việt Nam cho sinh viên các

trường đại học ở TPHCM trong thời gian qua, rút ra được những ưu điểm và hạn chế nhất định. *Về ưu điểm*, bước đầu, các nhà trường đã có những kết quả đáng kể trong đổi mới phương thức tuyên truyền như: kết hợp phương pháp truyền thống với hiện đại; sáng tạo không gian học đường trực quan; khai thác thế mạnh truyền thông số và thiết lập cơ chế thi đua, rèn luyện để tạo động lực cho người học. Tuy nhiên, *hạn chế* chỉ ra rằng phương thức tuyên truyền chủ quyền biển, đảo tại một số trường vẫn bị “hình thức hóa”, mang tính phong trào, thời điểm, thiếu tính bền bỉ, hệ thống. Phương pháp truyền thống vẫn đi vào lối mòn thuyết trình một chiều, thiếu đối thoại đa chiều. Mức độ ứng dụng công nghệ cao còn manh mún, chưa tạo thành trào lưu đủ sức cạnh tranh với các nội dung giải trí thương mại trên mạng xã hội. Có sự phân hóa và cục bộ khi một bộ phận sinh viên khối ngành tự nhiên, kỹ thuật, y dược,... và một bộ phận sinh viên có lối sống thực dụng, thái độ thờ ơ, xem nhẹ công tác tuyên truyền chủ quyền biển, đảo trong nhà trường. *Nguyên nhân cốt lõi* là do áp lực nhiệm vụ chuyên môn; một bộ phận giảng viên ngại đổi mới phương pháp; đội ngũ cán bộ Đoàn - Hội mỏng, kiêm nhiệm và thường xuyên biến động theo nhiệm kỳ; đồng thời thiếu các điều kiện đảm bảo và môi trường thuận lợi để đổi mới, sáng tạo các phương thức tuyên truyền mới của các chủ thể và đối tượng tuyên truyền trong nhà trường. Bên cạnh đó, NCS cũng làm rõ một số vấn đề đặt ra trong đổi mới phương thức tuyên truyền chủ quyền biển, đảo cho sinh viên các trường đại học ở TPHCM hiện nay.

Bốn là, Luận án đã làm rõ dự báo tình hình thế giới, khu vực và trong nước đối với vấn đề Biển Đông và các yếu tố ảnh hưởng đến đổi mới phương thức tuyên truyền chủ quyền biển, đảo Việt Nam cho sinh viên các trường đại học ở Thành phố Hồ Chí Minh. Qua đó, luận án đề xuất 04 phương hướng: (1) *Đổi mới phương thức tuyên truyền chủ quyền biển, đảo cho sinh viên cần đảm bảo nâng cao nhận thức, tư duy lãnh đạo và chất lượng đội ngũ cán bộ, giảng viên tham gia trực tiếp công tác tuyên truyền*; (2) *Đổi mới phương thức tuyên truyền chủ quyền biển, đảo trong trường đại học cần kết hợp nhuần nhuyễn giữa lý luận và thực tiễn, phù hợp với nhu cầu và tâm lý của sinh viên*; (3) *Không ngừng đổi mới, đa dạng hóa, hiện đại hóa các hình thức, phương pháp, phương tiện tuyên truyền chủ quyền biển, đảo Việt Nam cho sinh viên trong chương trình đào tạo ở các trường đại học*; (4) *Đổi mới phương thức tuyên truyền chủ quyền biển, đảo cho sinh viên trong trường đại học cần coi trọng*

việc thường xuyên ứng dụng công nghệ thông tin và truyền thông số; đồng thời đề xuất 06 giải pháp cụ thể cần được thực thi đồng bộ, hiệu quả nhằm khắc phục những tồn tại hạn chế hiện nay, tiếp tục đổi mới phương thức tuyên truyền chủ quyền biển, đảo cho sinh viên các trường đại học ở TPHCM trong thời gian tới, gồm: (1) *Nâng cao nhận thức cho các chủ thể tuyên truyền về vị trí, vai trò, tầm quan trọng của việc đổi mới phương thức tuyên truyền chủ quyền biển, đảo Việt Nam cho sinh viên các trường đại học*; (2) *Tăng cường đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao kiến thức và kỹ năng tuyên truyền chủ quyền biển, đảo cho sinh viên các trường đại học của đội ngũ cán bộ, giảng viên tham gia hoạt động tuyên truyền*; (3) *Bồi dưỡng, nâng cao kỹ năng sử dụng công nghệ hiện đại, ứng dụng công nghệ thông tin trong đổi mới phương thức tuyên truyền chủ quyền biển, đảo cho sinh viên các trường đại học của đội ngũ giảng viên, cán bộ Đoàn - Hội trong nhà trường*; (4) *Tiếp tục đổi mới toàn diện, hiệu quả nội dung và phương thức tuyên truyền chủ quyền biển, đảo cho sinh viên các trường đại học gắn với đấu tranh phản bác thông tin sai trái trên mạng xã hội*; (5) *Tăng cường đầu tư các điều kiện đảm bảo và thiết lập môi trường thuận lợi cho việc đổi mới phương thức tuyên truyền chủ quyền biển, đảo cho sinh viên các trường đại học*; (6) *Khơi dậy ý thức tự nghiên cứu, học tập và rèn luyện của sinh viên với tư cách vừa là đối tượng, vừa là chủ thể trong đổi mới phương thức tuyên truyền chủ quyền biển, đảo Việt Nam ở các trường đại học*. Những giải pháp mà luận án đề xuất đều có tính khả thi, khoa học nhằm tiếp tục đổi mới phương thức tuyên truyền chủ quyền biển, đảo cho sinh viên các trường đại học ở TPHCM hiện nay, đồng thời có thể nhân rộng ra trong tuyên truyền chủ quyền biển, đảo Việt Nam cho sinh viên các trường đại học trên cả nước, góp phần củng cố “thế trận quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân” trên thực địa và trên không gian mạng; bảo vệ vững chắc nền độc lập, chủ quyền, tự chủ chiến lược bảo vệ Tổ quốc trên hướng biển ở mọi lĩnh vực.

Năm là, Luận án là một công trình nghiên cứu công phu, nghiêm túc, có những đóng góp nhất định về lý luận và thực tiễn. Song, bên cạnh những đóng góp và kết quả khả quan mang lại, luận án khó tránh khỏi một số nội dung chưa thể khai thác sâu sắc do những giới hạn nhất định. Những nội dung đã nghiên cứu trong luận án mở ra hướng nghiên cứu tiếp theo cho các nhà khoa học và đặt ra yêu cầu cần được tiếp tục đầu tư, quan tâm nghiên cứu một cách kỹ lưỡng hơn ở những chặng đường khoa học sắp tới. Cụ thể:

Thứ nhất, nghiên cứu phân tích sự khác biệt trong đổi mới phương thức tuyên truyền chủ quyền biển, đảo cho sinh viên các trường đại học công lập và ngoài công lập ở TPHCM, nhân rộng ra cả nước.

Thứ hai, nghiên cứu hiệu quả đổi mới phương thức tuyên truyền chủ quyền biển, đảo cho sinh viên các trường đại học ở TPHCM, nhân rộng ra cả nước.

Thứ ba, các nhóm giải pháp được đề xuất dựa trên đánh giá thực trạng và mức độ thăm dò ý kiến của các khách thể nghiên cứu, song vẫn cần tổ chức thực nghiệm để đo lường kết quả trước và sau khi tiến hành áp dụng giải pháp.

Đây là những hướng nghiên cứu tiếp theo mà NCS mong muốn được tiếp tục triển khai nhằm góp phần làm sâu sắc hơn cơ sở lý luận và thực tiễn của việc đổi mới phương thức tuyên truyền chủ quyền biển, đảo Việt Nam cho sinh viên các trường đại học ở TPHCM nói riêng và sinh viên cả nước nói chung trong tình hình mới, nhằm đáp ứng yêu cầu bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, bảo vệ chế độ XHCN và đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục - đào tạo trong kỷ nguyên vươn mình của dân tộc.

DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH KHOA HỌC ĐÃ CÔNG BỐ CỦA TÁC GIẢ CÓ LIÊN QUAN ĐẾN LUẬN ÁN

1. Lê Vũ Xuân Uyên (2025), “Quản lý, bảo vệ chủ quyền biển, đảo Việt Nam - điểm tựa bảo vệ Tổ quốc “từ sớm, từ xa””, *Tổ chức Nhà nước và Lao động*, số 7/2025, tr.35-38, ISSN 3093-3129.
2. Lê Vũ Xuân Uyên (2025), “Bảo vệ chủ quyền biển, đảo Tổ quốc “từ sớm, từ xa” trong thời kỳ mới”, *Tạp chí Lý luận chính trị*, số đặc biệt năm 2025, tr.77-82, ISSN 2525- 2585.
3. Lê Vũ Xuân Uyên (2026), “Đổi mới nội dung, hình thức tuyên truyền bảo vệ chủ quyền biển, đảo của Việt Nam trong tình hình mới”, *Tạp chí Thanh niên*, số 89, ngày 16/1/2026, tr.113-115, ISSN 2734-9039.
4. Lê Vũ Xuân Uyên (2026), “Tăng cường giáo dục quốc phòng và an ninh cho đoàn viên, sinh viên về bảo vệ chủ quyền biển, đảo Việt Nam hiện nay”, *Tạp chí Thanh niên*, số 89, ngày 16/1/2026, tr.125-127, ISSN 2734-9039.
5. Lê Vũ Xuân Uyên (2026), “Một số giải pháp góp phần quản lý, bảo vệ chủ quyền biển, đảo Việt Nam trên không gian mạng hiện nay”, *Tạp chí Sinh hoạt lý luận*, số 02 (215)/2026, tr.60-64, ISSN 0868-3247.
6. Lê Vũ Xuân Uyên (2026), “*Nâng cao ý thức bảo vệ chủ quyền biển, đảo qua học tập môn Giáo dục quốc phòng và an ninh tại Học viện Chính trị khu vực II*”, Thư ký khoa học, Đề tài khoa học cấp cơ sở năm 2026, nghiệm thu ngày 23/5/2026, đạt loại Khá.

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

Tiếng Việt:

1. Bùi Đức An (2020), *Quá trình tranh chấp chủ quyền giữa các bên ở quần đảo Trường Sa từ năm 1988 đến nay*, Luận án Tiến sĩ, chuyên ngành Quan hệ quốc tế, Học viện Ngoại giao.
2. Hồ Anh (2016), “Đấu tranh phản bác các luận điệu tuyên truyền xuyên tạc của Trung Quốc về chủ quyền biển đảo của Việt Nam”, *Tạp chí Mặt trận*, số 150, tháng 4/2016, tr.52-56.
3. Nguyễn Thái Anh, Nguyễn Đức, Đàm Xuân (2012), *Bảo vệ chủ quyền biển, đảo Việt Nam*, Nxb. Thời đại, Hà Nội.
4. Nguyễn Thái Anh, Quốc Dũng (Tuyển chọn, biên soạn) (2014), *Quan điểm của Đảng, Nhà nước, Chính phủ, Quốc hội về đấu tranh bảo vệ chủ quyền biển đảo*, Nxb. Văn học, Hà Nội.
5. Nguyễn Ngọc Ánh (2018), “Tuyên truyền chủ quyền biển đảo đối với sinh viên đại học ở Thành phố Hồ Chí Minh qua các hoạt động ngoại khóa”, *Tạp chí Khoa học và Công nghệ*, Trường Đại học Cần Thơ, số 5/2018, 35-41.
6. Ban Chấp hành Trung ương (2013), *Nghị quyết Trung ương 8 khóa XI về Chiến lược bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới*.
7. Ban Chấp hành Trung ương (2018), *Nghị quyết số 36-NQ/TW, ngày 22/10/2018 về Chiến lược phát triển bền vững kinh tế biển Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045*.
8. Ban Chấp hành Trung ương (2025), *Nghị quyết số 71-NQ/TW ngày 22/8/2025 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển giáo dục và đào tạo*.
9. Ban Chấp hành Trung ương (2026), *Quy định số 19-QĐ/TW ngày 8/4/2026 về công tác chính trị, tư tưởng trong Đảng*.
10. Ban Chấp hành Trung ương (2026), *Quy định số 207-QĐ/TW ngày 26/7/2026 về những điều đảng viên không được làm*.
11. Ban Chấp hành Trung ương (2026), *Nghị quyết số 20-NQ/TW, ngày 28/7/2026 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIV về xây dựng và phát triển Việt Nam trở thành quốc gia biển mạnh*.
12. Ban Chấp hành Trung ương (2026), *Nghị quyết số 22-NQ/TW, ngày 28/7/2026 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIV về Chiến lược an ninh quốc gia*.

13. Ban Tuyên giáo Thành ủy TP. Hồ Chí Minh (2018), Báo cáo số 574-BC/BTGTU, ngày 15/12/2018, về *Công tác tuyên truyền biển, đảo năm 2018*.
14. Ban Tuyên giáo Thành ủy TP. Hồ Chí Minh (2019), Báo cáo số 524-BC/BTGTU, ngày 5/12/2019, về *Công tác tuyên truyền biển, đảo năm 2019*.
15. Ban Tuyên giáo Thành ủy TP. Hồ Chí Minh (2020), Báo cáo số 303-BC/BTGTU, ngày 12/4/2017, *Tổng kết 10 năm thực hiện Nghị quyết số 09-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương Đảng về chiến lược biển Việt Nam đến năm 2020*.
16. Ban Tuyên giáo Trung ương (2010), *Chiến lược biển Việt Nam: Từ quan điểm đến thực tiễn*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội.
17. Ban Tuyên giáo Trung ương (2020), *Sổ tay công tác tuyên truyền biển, đảo*, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.
18. Ban Tuyên giáo Trung ương (2022), *Tài liệu tuyên truyền về Chiến lược phát triển bền vững kinh tế biển Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn 2045*, Hà Nội.
19. Ban Tuyên giáo Trung ương (2024), *Báo cáo tổng kết 10 năm công tác tuyên truyền biển, đảo và định hướng đến năm 2030*, Hà Nội.
20. Hoàng Quốc Bảo (Chủ biên) (2006), *Học tập phương pháp tuyên truyền cách mạng Hồ Chí Minh*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội.
21. Lê Hải Bình (2017), “Công tác thông tin, tuyên truyền đối ngoại bảo vệ chủ quyền biển, đảo”, *Tạp chí Lý luận Chính trị*, số 3/2017.
22. Lê Hải Bình (2023), *Công tác thông tin đối ngoại hướng tới các mục tiêu chiến lược 2030, tầm nhìn 2045*, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.
23. Lý Nguyên Bình (2025), *Công tác tuyên truyền biển, đảo góp phần nâng cao nhận thức về chủ quyền và quyền tài phán của Việt Nam của Việt Nam đối với quần đảo Trường Sa: Thực tiễn và những vấn đề đặt ra trong bối cảnh hiện nay*, Kỷ yếu hội thảo khoa học cấp quốc gia “Đấu tranh, bảo vệ chủ quyền biển, đảo Việt Nam qua 40 năm đổi mới (1986 - 2026)”, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, tr.827-842.
24. Bộ Ngoại giao - Ủy ban Biên giới quốc gia (2010), *Những vấn đề liên quan đến chủ quyền biển, đảo của Việt Nam trên Biển Đông*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội.

25. Bộ Ngoại giao - Ủy ban Biên giới quốc gia (2014), *Chủ quyền của Việt Nam đối với hai quần đảo Hoàng Sa, Trường Sa*, Nxb. Chính trị quốc gia sự thật, Hà Nội.
26. Bộ Ngoại giao (2014), *Công ước của Liên hợp quốc về Luật Biển (Ký kết ngày 10 tháng 12 năm 1982)* (bản dịch tiếng Việt).
27. Bộ Quốc phòng - Viện Lịch sử quân sự Việt Nam (2016), *Lịch sử chủ quyền Việt Nam đối với hai quần đảo Hoàng Sa, Trường Sa*, Nxb. Quân đội nhân dân, Hà Nội.
28. Bộ Quốc phòng (2019), *Sách trắng Quốc phòng Việt Nam*, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.
29. Bộ Thông tin và Truyền thông (2017), *Tài liệu tuyên truyền biển, đảo*, Nxb. Thông tin và Truyền thông, Hà Nội.
30. Nguyễn Hữu Cát (chủ biên) (2015), *Đổi mới Thông tin đối ngoại trong thời kỳ hội nhập quốc tế ở Việt Nam*, Nxb lý luận chính trị, Hà Nội.
31. Nguyễn Viết Chiến (chủ nhiệm) (2005), *Đổi mới phương thức đào tạo và bồi dưỡng đội ngũ cán bộ dạy học và nghiên cứu lý luận Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh*, Đề tài KX 10-09B.
32. Chính phủ (2014), *Nghị định số 71/2014/NĐ-CP của Chính phủ quy định về hoạt động tuyên truyền bảo vệ chủ quyền, quyền chủ sở hữu và quyền*.
33. Phạm Văn Cường (2025), “Tăng cường giáo dục ý thức bảo vệ chủ quyền biển đảo quốc gia cho sinh viên trong kỷ nguyên số”, *Tạp chí Tâm lý - Giáo dục*, Tập 31, số 06, tháng 6/2025, tr.226-229.
34. Nguyễn Bá Diên (2006), *Chính sách, pháp luật biển của Việt Nam và chiến lược phát triển bền vững*, Nxb. Tư pháp, Hà Nội.
35. Nguyễn Bá Diên - Nguyễn Trường Giang (2014), *Tài liệu tham khảo phục vụ công tác tập huấn, tuyên truyền về biển, đảo*, Nxb. Thông tin và Truyền thông, Hà Nội.
36. Trần Quốc Dương (2019), *Một số vấn đề về biển, đảo và quản lý, bảo vệ chủ quyền biển, đảo Việt Nam trong giai đoạn hiện nay*, Nxb. Hà Nội, Hà Nội.
37. Đảng Cộng sản Việt Nam (1987), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VI*, Nxb. Sự thật, Hà Nội.
38. Đảng Cộng sản Việt Nam (1991), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VII*, Nxb. Sự thật, Hà Nội.

39. Đảng Cộng sản Việt Nam (1993), *Nghị quyết số 03-NQ/TW của Bộ Chính trị ngày 6-5-1993, về Một số nhiệm vụ phát triển kinh tế biển trong những năm trước mắt*, Nxb. Sự thật, Hà Nội.
40. Đảng Cộng sản Việt Nam (1996), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VIII*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội.
41. Đảng Cộng sản Việt Nam (2001), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội.
42. Đảng Cộng sản Việt Nam (2006), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội.
43. Đảng Cộng sản Việt Nam (2007), *Nghị quyết số 09-NQ/TW, ngày 9/2/2007 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khoá X về Chiến lược biển Việt Nam đến năm 2020*.
44. Đảng Cộng sản Việt Nam (2011), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội.
45. Đảng Cộng sản Việt Nam (2013), *Kết luận số 60-KL/TW ngày 16/4/2013 của Bộ Chính trị (khóa XI) về kết quả sơ kết 5 năm thực hiện Nghị quyết Hội nghị lần thứ tư Ban Chấp hành Trung ương (khóa X) năm 2007 về Chiến lược biển Việt Nam đến năm 2020*, Hà Nội.
46. Đảng Cộng sản Việt Nam (2016), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội.
47. Đảng Cộng sản Việt Nam (2021a), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, tập I, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.
48. Đảng Cộng sản Việt Nam (2021b), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, tập II, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.
49. Đảng Cộng sản Việt Nam (2026a), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV*, tập I, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.
50. Đảng Cộng sản Việt Nam (2026b), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV*, tập II, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.
51. Nguyễn Đình Đầu (2014), *Chủ quyền Việt Nam trên Biển Đông và Hoàng Sa - Trường Sa*, Nxb. Đại học quốc gia Tp. Hồ Chí Minh.
52. Hải Đăng (2021), “Tăng cường hơn nữa công tác tuyên truyền, giáo dục về biển, đảo cho thanh niên hiện nay”, *Cổng thông tin điện tử Đảng bộ tỉnh Quảng Trị*, ngày 29/6/2021.

53. Đào Văn Đệ, Đào Tuấn Anh (2022), “Quán triệt Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng về bảo vệ chủ quyền biển, đảo Việt Nam trong tình hình mới”, *Tạp chí Giáo dục lý luận*, số 343 (7/2022), tr.9-14.
54. Nguyễn Tiến Đồng (2022), “Giáo dục chủ quyền biển, đảo Việt Nam cho sinh viên Đại học Huế thông qua khai thác học liệu điện tử”, *Tạp chí Khoa học*, Trường Đại học Sư phạm, Đại học Huế, số 2 (62), 2022, tr.80-86.
55. Bùi Thế Đức (2020), “Chủ động, kịp thời thông tin tuyên truyền để tạo sự thống nhất trong Đảng và sự đồng thuận trong xã hội”, *Tạp chí Tuyên giáo*, 2020.
56. Nguyễn Thị Trường Giang (2024), *Đổi mới công tác tuyên truyền chính trị trên mạng xã hội ở Việt Nam hiện nay*, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.
57. Nguyễn Thị Thu Hà (2014), *Đổi mới công tác tuyên truyền kinh tế trong quá trình hội nhập quốc tế Việt Nam hiện nay*, Luận án Tiến sĩ Chính trị học, Học viện Báo chí và Tuyên truyền.
58. Trần Hồng Hà (2020), *Chiến lược phát triển bền vững kinh tế biển Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045*, Tài liệu bồi dưỡng cán bộ, Hà Nội.
59. Kiều Hữu Hải (Chủ biên), Hoàng Minh Long, Nguyễn Quang Lợi, Trương Đình Quý, Trần Công Trục (2015), *Giáo trình xây dựng, bảo vệ chủ quyền lãnh thổ, biên giới quốc gia và biển, đảo Việt Nam (Dùng cho đào tạo giáo viên, học tập giáo dục quốc phòng phòng và an ninh*, Nxb. Giáo dục Việt Nam.
60. Nguyễn Văn Hào (2026), “Đổi mới phương thức lãnh đạo của các cấp ủy, tổ chức Đảng thông qua chuyển đổi số - Thực trạng và giải pháp”, *Tạp chí Sinh hoạt lý luận*, số 2 (215), tr.33-39.
61. Phùng Thị Hiền (2009), *Đảng lãnh đạo công tác tuyên truyền, cổ động chính trị ở miền Bắc (1960 - 1975)*, Luận án Tiến sĩ Lịch sử, Học viện Báo chí và Tuyên truyền.
62. Lương Khắc Hiếu (Chủ biên) (2008), *Nguyên lý công tác tư tưởng*, Tập 1 & 2, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội.
63. Lương Khắc Hiếu (2017), *Cơ sở lý luận công tác tư tưởng của Đảng Cộng sản Việt Nam*, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.
64. Hà Thị Bình Hòa (2012), *Tâm lý học tuyên truyền*, Nxb. Thông tin và Truyền thông, Hà Nội.

65. Lê Nhị Hòa (2019), *Công tác thông tin, tuyên truyền chủ quyền Việt Nam trên hai quần đảo Hoàng Sa, Trường Sa*, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.
66. Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh (2022), *Giáo trình Xây dựng Đảng Cộng sản Việt Nam (dành cho hệ đào tạo cao cấp lý luận chính trị)*, Nxb. Lý luận chính trị, Hà Nội, tr.61, 62.
67. Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, Quân chủng Hải quân tổ chức (2025), *Đấu tranh, bảo vệ chủ quyền biển, đảo Việt Nam qua 40 năm đổi mới (1986 - 2026)*, Kỷ yếu hội thảo khoa học cấp quốc gia, Đà Nẵng, tháng 12/2025.
68. Hội đồng nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh (2018), *Nghị quyết số 08/NQ-HĐND ngày 12/7/2018 của Hội đồng nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về việc tăng cường công tác tuyên truyền, giáo dục, nâng cao nhận thức của người dân về vấn đề biển đảo và bảo vệ chủ quyền của Việt Nam trên biển đảo*.
69. Hội Khoa học Lịch sử Việt Nam (2014), *Nghiên cứu và tuyên truyền về chủ quyền biển, đảo Việt Nam*, Nxb. Thông tin và Truyền thông, Hà Nội.
70. Hội Khoa học Lịch sử Việt Nam (2019), *Nghiên cứu và tuyên truyền về chủ quyền biển, đảo Việt Nam*, Nxb. Thông tin và Truyền thông, Hà Nội.
71. Hà Minh Hồng (2013), *Tổ quốc nhìn từ biển*, Nxb. Văn hóa - Văn Nghệ, Hà Nội.
72. Hà Minh Hồng, Trần Nam Tiến, Nguyễn Kim Hoàng, Ngô Hữu Phước (2019), *Chủ quyền Việt Nam trên Biển Đông*, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.
73. Nguyễn Chu Hồi (2019), *Chiến lược bảo vệ chủ quyền biển, đảo và phát triển bền vững kinh tế biển Việt Nam*, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.
74. Nguyễn Thị Thu Huyền, Nguyễn Minh Hiếu (2025), “Đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng ủy Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh đối với công tác thanh niên”, *Tạp chí Khoa học Chính trị*, số 9/2025, tr.82-88.
75. Khoa Tuyên truyền, Học viện Báo chí và Tuyên truyền (2006), *Nguyên lý tuyên truyền (Tập bài giảng)*.

76. Phạm Huy Kỳ (2009), “Các loại hình tuyên truyền và tiêu chuẩn đánh giá hiệu quả các loại hình tuyên truyền”, *Tạp chí Lý luận chính trị và truyền thông*, (10), tr.12-17.
77. Phạm Huy Kỳ (2020), “Phương thức bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, đấu tranh ngăn chặn các quan điểm sai trái, thù địch trên mạng xã hội ở Việt Nam hiện nay”, *Tạp chí Lý luận chính trị*, số 9/2020, tr.96-102.
78. Lê Thị Lan (2024), *Công tác tuyên truyền của Đảng về chủ quyền biển đảo gắn với phát triển kinh tế biển bền vững*, Luận án Tiến sĩ Lịch sử Đảng, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh.
79. Lê Đại Lâm, Vũ Bá Anh (2024), “Giáo dục ý thức, trách nhiệm xây dựng và bảo vệ chủ quyền biển, đảo cho sinh viên Đại học Thái Nguyên khi tham gia học tập tại Trung tâm Giáo dục Quốc phòng và An ninh, Đại học Thái Nguyên”, *Tạp chí Thiết bị Giáo dục*, Kỳ 2, tháng 3/2024, tr.300-302.
80. Phạm Văn Linh (2022), “Đổi mới nội dung, hình thức tuyên truyền về biển, đảo trong bối cảnh chuyển đổi số”, *Tạp chí Tuyên giáo*, (6).
81. Đoàn Triệu Long, Nguyễn Ngọc Hòa, Lê Nhị Hòa (2021), *Chủ quyền Việt Nam trên hai quần đảo Hoàng Sa, Trường Sa - Từ góc nhìn lịch sử và pháp lý*, Nxb. Lý luận chính trị, Hà Nội.
82. Lê Quốc Lý (2020), *Phương thức, hình thức bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, đấu tranh ngăn chặn các quan điểm sai trái, thù địch trên lĩnh vực lý luận*, Nxb. Lý luận chính trị, Hà Nội.
83. Đinh Thị Mai, “Đổi mới nội dung, phương thức tuyên truyền tạo sự thống nhất trong Đảng và đồng thuận trong xã hội”, *Tạp chí Tuyên giáo*, số tháng 12/2019.
84. Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, tập 5, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, tr.191, 340.
85. Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, tập 6, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, tr.232-233.
86. Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, tập 9, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, tr.265.
87. Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, tập 10, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, tr.377.

88. Nguyễn Thị Bích Nga (2020), “Các hoạt động tuyên truyền chủ quyền biển đảo đối với sinh viên đại học tại Thành phố Hồ Chí Minh”, *Tạp chí khoa học Đại học Cần Thơ*, số 61/2020, 97-104.
89. Phạm Khánh Ngọc (2024), *Giáo dục ý thức bảo vệ chủ quyền biển đảo cho sinh viên Việt Nam hiện nay*, Luận án Tiến sĩ Triết học, Học viện Báo chí và Tuyên truyền.
90. Nguyễn Quang Ngọc (2023), *Hoàng Sa, Trường Sa - Chủ quyền của Việt Nam: Tư liệu và sự thật lịch sử*, Nxb Hà Nội.
91. Dương Xuân Ngọc (2004), *Đổi mới phương pháp giáo dục lý luận chính trị, theo hướng phát huy tính tích cực, sáng tạo của người học, kết hợp với việc sử dụng phương tiện kỹ thuật hiện đại*, Kỷ yếu Hội thảo khoa học: Phương pháp dạy - học, kiểm tra đánh giá các môn khoa học xã hội nhân văn, Nxb. Lý luận chính trị, Hà Nội, tr.337.
92. Trần Thị Hồng Nhung (2020), “Nâng cao hiệu quả công tác tuyên truyền chủ quyền biển đảo đối với sinh viên đại học ở Thành phố Hồ Chí Minh thông qua các hoạt động ngoại khóa”, *Tạp chí Khoa học Đại học Cần Thơ*, số 65/2020, 81-88.
93. Nguyễn Thị Hiền Oanh (2017), *Nâng cao ý thức bảo vệ Tổ quốc của sinh viên các trường đại học tại Thành phố Hồ Chí Minh qua dạy và học các môn lý luận chính trị hiện nay*, Sách chuyên khảo, Nxb. Lý luận chính trị, Hà Nội, tr. 234-236.
94. Nguyễn Phạm Phúc (2026), “Nâng cao ý thức bảo vệ chủ quyền biển, đảo cho học viên lý luận chính trị qua môn học Giáo dục Quốc phòng và An ninh trong tình hình mới”, *Tạp chí Thanh niên*, số 95, 8/4/2026, tr.39-41.
95. Nguyễn Phạm Phúc (chủ nhiệm) (2026), *Nâng cao ý thức bảo vệ chủ quyền biển, đảo qua học tập môn Giáo dục Quốc phòng và An ninh tại Học viện Chính trị khu vực II*, Đề tài khoa học cơ sở, Học viện Chính trị khu vực II.
96. Nguyễn Thị Hoa Phượng (Chủ biên) (2023), *Công tác tuyên truyền về biển, đảo ở các tỉnh ven biển Nam Bộ trong tình hình mới*, Nxb Lý luận chính trị, Hà Nội.
97. Quân chủng Hải Quân, Cục Chính trị (2022), *Những điều cần biết về hai quần đảo Hoàng Sa, Trường Sa và khu vực thềm lục địa phía Nam (DKI)*, tái bản năm 2022, Lưu hành Nội bộ, Hải Phòng.

98. Lê Kế Quân, Nguyễn Đình Tuấn (2017), “Bồi dưỡng tinh thần yêu nước gắn với nâng cao ý thức trách nhiệm bảo vệ chủ quyền biển, đảo cho sinh viên các trường đại học, cao đẳng hiện nay”, *Tạp chí Khoa học*, Trường Đại học Đồng Tháp, số 27, tháng 8/2017, tr.116-120.
99. Quốc hội (2012), Luật số 18/2012/QH13, *Luật Biển Việt Nam năm 2012*, ngày 21/6/2012.
100. Quốc hội (2013), *Hiến pháp Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam*, ngày 28/11/2013.
101. Nguyễn Văn Quý (2025), *Đổi mới nội dung tuyên truyền về chủ quyền biển, đảo cho thanh niên hiện nay*, *Tạp chí Cộng sản* điện tử ngày 09/10/2025, <https://www.tapchicongsan.org.vn/web/guest/nghien-cu/-/2018/1147502/doi-moi-noi-dung-tuyen-truyen-ve-chu-quyen-bien%2C-dao-cho-thanh-nien-hien-nay.aspx>
102. Phan Hoàng Quỳnh (2023), *Đổi mới phương thức giáo dục văn hoá chính trị cho sinh viên các trường đại học ở Hà Nội hiện nay*, Luận án Tiến sĩ Chính trị học, Học viện Báo chí và Tuyên truyền.
103. Vũ Quý Sơn (Chủ biên) (2023), *Bảo vệ quyền chủ quyền biển đảo Việt Nam trong tình hình mới*, Đề tài khoa học cấp bộ, Viện Nghiên cứu Trung Quốc - Viện Hàn Lâm Khoa học xã hội Việt Nam.
104. Nguyễn Hồng Thao (Chủ nhiệm) (2003), *Các vấn đề khoa học, pháp lý trong việc bảo vệ chủ quyền và quản lý biển của Việt Nam phù hợp với Công ước của Liên hợp quốc về Luật Biển năm 1982*, Đề tài cấp Nhà nước KC-09.14 (2003-2005), Hà Nội.
105. Đỗ Phương Thảo (2018), “Công tác tuyên truyền về biển, đảo trong tình hình hiện nay”, *Tạp chí Thông tin đối ngoại*, số 9/2018.
106. Trần Văn Thạch (chủ biên) (2020), *Báo chí với nhiệm vụ thông tin, tuyên truyền về chủ quyền biển, đảo*, Nxb. Lý luận chính trị, Hà Nội.
107. Hà Sơn Thái (2017), *Ý thức dân tộc trong bảo vệ chủ quyền biển, đảo Việt Nam của thanh niên quân đội hiện nay*, Luận án Tiến sĩ Triết học, Học viện Chính trị, Bộ Quốc phòng.
108. Phạm Tất Thắng (2010), *Đổi mới công tác tư tưởng, lý luận trong tình hình mới*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội.

109. Phạm Tất Thắng (2014), *Đổi mới công tác tuyên truyền, giáo dục chính trị tư tưởng trong tình hình mới*, Nxb. Lý luận chính trị, Hà Nội.
110. Thủ tướng Chính phủ (2010), Quyết định số 373/QĐ-TTg, ngày 23/3/2010 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Đề án đẩy mạnh công tác tuyên truyền về quản lý, bảo vệ và phát triển bền vững biển và hải đảo Việt Nam.
111. Thủ tướng Chính phủ (2013), Chỉ thị số 06/CT-TTg, ngày 20/5/2013 về đẩy mạnh công tác thông tin, truyền thông, thực hiện Đề án tổng thể tuyên truyền bảo vệ chủ quyền của Việt Nam ở Biển Đông.
112. Thủ tướng Chính phủ (2017), Chỉ thị số 41/CT-TTg, ngày 22/11/2017 về tiếp tục đẩy mạnh thực hiện Đề án tổng thể tuyên truyền bảo vệ chủ quyền của Việt Nam ở Biển Đông.
113. Thủ tướng Chính phủ (2018), Quyết định số 930/QĐ-TTg, ngày 28/7/2018 về phê duyệt Đề án tuyên truyền bảo vệ chủ quyền và phát triển bền vững biển, đảo Việt Nam giai đoạn 2018 - 2020.
114. Thủ tướng Chính phủ (2020), Quyết định 616/QĐ-TTg, ngày 11/5/2020 về phê duyệt Kế hoạch triển lãm bản đồ và trưng bày tư liệu về chủ quyền của Việt Nam đối với hai quần đảo Hoàng Sa, Trường Sa.
115. Nguyễn Đăng Tiến (2024), *Vùng 3 Hải quân đẩy mạnh công tác tuyên truyền biển, đảo*, Tạp chí Quốc phòng toàn dân (điện tử), ngày 07/11/2024, <https://tapchiquptd.vn/vi/bien-dao-viet-nam/vung-3-hai-quan-day-manh-cong-tac-tuyen-truyen-bien-dao/22994.html>
116. Bùi Văn Tiêng (2025), *Vai trò của công tác thông tin, tuyên truyền, giáo dục trong bảo vệ chủ quyền biển đảo Việt Nam: thực tiễn và vấn đề đặt ra trong bối cảnh hiện nay*, Kỷ yếu hội thảo khoa học cấp quốc gia “Đấu tranh, bảo vệ chủ quyền biển, đảo Việt Nam qua 40 năm đổi mới (1986 - 2026)”, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, tr.536-555.
117. Nguyễn Văn Toàn, Phạm Văn Mạo (2016), “Một số giải pháp giáo dục ý thức bảo vệ chủ quyền biển đảo cho học sinh, sinh viên trong giai đoạn hiện nay”, *Tạp chí Giáo dục*, số 376, kỳ 2, tháng 2/2016, tr.18-20.
118. Lưu Trần Toàn (2019), *Tuyên truyền hình ảnh Việt Nam ra thế giới qua báo chí đối ngoại*, Nxb. Thông tin và Truyền thông, Hà Nội.

119. Lê Mai Trang (2016), *Đổi mới công tác tuyên truyền của Đảng đáp ứng yêu cầu hội nhập quốc tế Việt Nam hiện nay*, Luận án Tiến sĩ Chính trị học, Học viện Báo chí và Tuyên truyền.
120. Vũ Thị Thu Trang (2016), “Xây dựng ý chí, quyết tâm bảo vệ chủ quyền biển, đảo của Tổ quốc trong thanh niên Việt Nam hiện nay”, *Tạp chí Cộng sản*, Số Chuyên đề 111, tháng 3/2016, tr.47-49.
121. Vũ Thị Thu Trang (2020), *Phát triển ý thức bảo vệ Tổ quốc của học viên các trường kỹ thuật quân sự ở Việt Nam hiện nay*, Luận án Tiến sĩ Triết học, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh.
122. Trần Công Trục (Chủ biên) (2016), *Philippines kiện Trung Quốc về tranh chấp Biển Đông: Các sự kiện và phân tích pháp lý*, Nxb Thông tin và Truyền thông, Hà Nội.
123. Trường Đại học Cần Thơ (2018), *Nghiên cứu đánh giá tình hình tuyên truyền, giáo dục, nâng cao nhận thức về chủ quyền biển đảo của Việt Nam đối với sinh viên*, Đề tài khoa học cấp cơ sở.
124. Trường Đại học Kinh tế Quốc dân (2019), *Nghiên cứu đánh giá hiệu quả công tác tuyên truyền chủ quyền biển đảo của Việt Nam đối với sinh viên*, Đề tài khoa học cấp cơ sở.
125. Trường Đại học Hải Phòng (2020), *Nghiên cứu xây dựng chương trình tuyên truyền chủ quyền biển đảo cho sinh viên trường đại học*, Đề tài khoa học cấp cơ sở.
126. Trường Đại học Quốc gia Hà Nội (2021), *Nghiên cứu đánh giá tầm quan trọng của việc tuyên truyền chủ quyền biển đảo trong bảo vệ lợi ích quốc gia đối với sinh viên*, Đề tài khoa học cấp cơ sở.
127. Nguyễn Minh Tuấn, Trần Khắc Việt (2018), *350 thuật ngữ Xây dựng Đảng*, Nxb. Lý luận chính trị, Hà Nội.
128. Trần Như Đăng Tuyên (2026), “Đổi mới công tác tuyên truyền, phổ biến kiến thức khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số đáp ứng yêu cầu Nghị quyết 57-NQ/TW tại Thành phố Huế”, *Tạp chí Sinh hoạt lý luận*, số 2 (215), tr.70-74.
129. Trần Thị Minh Tuyết (2020), “Đổi mới giáo dục đại học ở Việt Nam: Thực trạng và giải pháp”, *Tạp chí Cộng sản điện tử*, đường dẫn link:

https://www.tapchiconsan.org.vn/en_US/web/guest/gop-y-du-thao-cac-van-kien-trinh-dai-hoi-xiii-cua-dang/-/2018/825408/view_content

130. Nguyễn Thị Tố Uyên (Chủ biên) (2017), *Vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh trong bảo vệ chủ quyền biển đảo Việt Nam hiện nay*, Nxb. Lý luận chính trị, Hà Nội.
131. Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh (2015), Quyết định số 3984/QĐ-UBND, ngày 10/9/2015 về việc phê duyệt Kế hoạch tuyên truyền, giáo dục, nâng cao nhận thức của người dân về vấn đề biển đảo và bảo vệ chủ quyền của Việt Nam trên biển đảo giai đoạn 2015-2020.
132. Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh (2016), Chỉ thị số 24/CT-UBND, ngày 11/10/2016 về việc tăng cường công tác tuyên truyền, giáo dục, nâng cao nhận thức của người dân về bảo vệ chủ quyền biển đảo.
133. Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh (2017), Quyết định số 1819/QĐ-UBND, ngày 18/5/2017 về việc ban hành kế hoạch tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về biển đảo cho sinh viên, học sinh trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh.
134. Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh (2018), Chỉ thị số 04/CT-UBND, ngày 10/01/2018 về việc tăng cường tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về biển đảo cho sinh viên, học sinh trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh.
135. Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh (2019), Quyết định số 2898/QĐ-UBND, ngày 17/6/2019 về việc ban hành kế hoạch tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về biển, đảo đối với các tầng lớp nhân dân trong địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.
136. Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh (2021), Công văn số 1391/UBND-KGVX, ngày 22/3/2021 về việc triển khai thực hiện kế hoạch tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về biển đảo cho sinh viên, học sinh trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh.
137. Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh (2021), Công văn số 457/UBND-VX, ngày 23/3/2021 về việc triển khai kế hoạch tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về biển, đảo đối với các tầng lớp nhân dân trong địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh năm 2021.

138. Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh (2021), Quyết định số 225/QĐ-UBND, ngày 17/5/2021 về *tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về biển, đảo đối với sinh viên trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh*.
139. Lương Thị Vân, Trương Thị Thuỳ Trang, Hoàng Văn Điền, Lương Chí Hùng (2012), “Nhận thức về chủ quyền biển, đảo Việt Nam trong học sinh, sinh viên”, *Tạp chí Khoa học, Xã hội, Nhân văn và Giáo dục*, Tập 2, số 1/2012, tr.84-91.
140. Bùi Xuân Việt (Chủ biên) (2022), *Đổi mới công tác tuyên truyền bảo vệ chủ quyền biển, đảo của Việt Nam hiện nay*, Nxb Lý luận chính trị, Hà Nội.
141. Bùi Xuân Việt (2024), “Nhiệm vụ bảo vệ chủ quyền biển, đảo - Vận dụng trong giảng dạy môn giáo dục quốc phòng và an ninh hiện nay”, *Tạp chí Quản lý giáo dục*, số 2/2024, tr.91-95.
142. Lương Ngọc Vĩnh (2012), *Hiệu quả công tác giáo dục chính trị - tư tưởng trong học viên các học viện quân sự ở nước ta hiện nay*, Luận án Tiến sĩ Chính trị học, Học viện Báo chí Tuyên truyền.
143. Lương Ngọc Vĩnh và Ngô Thành Khiên (2020), “Tận dụng ưu thế mạng xã hội trong công tác tuyên truyền của Đảng”, *Tạp chí Tuyên giáo* (23/9/2020).
144. Lương Ngọc Vĩnh (2020), “Những cơ hội và thách thức của mạng xã hội đối với chủ thể và đối tượng công tác tuyên truyền của Đảng”, *Tạp chí Lý luận và Truyền thông*, số 8, tr.13-18.
145. Lương Ngọc Vĩnh (chủ biên), Ngô Văn Thạo và Nguyễn Chí Mỹ (2021), *Công tác tuyên truyền của Đảng Cộng sản Việt Nam trong thời kỳ mới*, Sách chuyên khảo, Nxb. Lý luận chính trị, Hà Nội.
146. Nguyễn Như Ý (chủ biên) (2013), *Đại từ điển Tiếng Việt*, Nxb. Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh, Hồ Chí Minh.

Tiếng Anh:

147. Anne H.H. and Peter J. Liotta (2018), *Teaching the South China Sea Dispute: Approaches and Challenges for the College Classroom*.
148. Bateman S (2016), *Good fences or good neighbours in the South China Sea*. East Asia Forum, truy cập ngày 18/8/2016, đường dẫn link: <http://www.eastasiaforum.org/2016/08/18/good-fences-or-good-neighbours-in-the-south-china-sea/>

149. Bill Hayton (2019), “The Modern Origins of China’s South China Sea Claims: Maps, Misunderstandings, and the Maritime Geobody”, *Tạp chí SAGE*, số 2, 2019, tr.1-44.
150. Council on Foreign Relations (2018), China’s Maritime Disputes: A CFR InfoGuide Presentation”, 2016, Tab “By The Numbers, truy cập ngày 28/05/2018, đường dẫn link:
https://www.cfr.org/interactives/chinas-maritime-disputes?cid=otr-marketing_use-china_sea_InfoGuide#!/chinas-maritime-disputes?cid=otr-marketing_use-china_sea_InfoGuide
151. Chubb, A., & Wang, F. Y. (2023), Authoritarian Propaganda Campaigns on Foreign Affairs: Four Birds, One Stone, and the South China Sea Arbitration, *Tạp chí Nghiên cứu Quốc tế*, số 67 (3), đường dẫn link:
<https://academic.oup.com/isq/article/67/3/squad047/7221446>
152. Garth Jowett & Victoria O’Donnell (2012), Propaganda and Persuasion, 5th Edition, SAGE Publications Inc.
153. Guarte, R. J. L., Socayre, K. A., Jatmika, S., & Surwandono, S. (2025), Temporal evolution of strategic narratives: Chinese TikTok propaganda and the South China Sea conflict, *Tạp chí ASPIKOM*, số 10 (2)/2025, tr.67-184, đường dẫn link:
<https://jurnalaspikom.org/index.php/aspikom/article/view/1645>
154. Jeong Gab Yong, A Study on the China’s “Nine-Dash Line” and the Award of PCA (2016), *The International Workshop: Legal status of islands and rocks in international law and practice in the South China Sea* (August 16th-18th, 2016, Nha Trang City, Vietnam).
155. Latif, D., Ramli, M., & Siregar, B. (2025), Framing Analysis of the South China Sea News Conflict in the Malay Media, *Tạp chí Truyền thông, Hiệp hội các học giả Truyền thông Indonesia*, số 10 (2), 2025, tr.309-321, đường dẫn link:
<https://mail.jurnal-iski.or.id/index.php/jkiski/article/view/1218>
156. Lic. Ramiro Faustino Remón-Lara (2020), “Propaganda política y comunicación visual (Political propaganda and visual communication - Tiếng Anh)”, *Tạp chí Santiago*, Cuba, số 153, tháng 9-12, 2020, tr.20-29

157. M.M. Rakhomacunov (chủ biên) (1983), *Tuyên truyền miệng: Lý luận - Tổ chức - Phương pháp*, Nxb. Sách giáo khoa Mác - Lênin.
158. National University of Singapore Magazine (2018), Teaching about the South China Sea: A Comparative Study of Four Southeast Asian Countries.
159. Nazery Khalid, Abdillah Noh (2018), Challenges to Maritime Security and the Need for Regional Cooperation in the Asia-Pacific.
160. Richard C Vincent (2007), “Global Communication and Propaganda”, Global Communication, Belmont: Thomsom Wadsworth.
161. Robert J. Ross (2017), Communicating the South China Sea: A Study of Chinese and American University Websites.
162. S.A.Na-đi-ra-svili (1984), *Tâm lý học tuyên truyền*, Nxb. Sách giáo khoa Mác - Lênin, Hà Nội.
163. Singapore Maritime University Magazine (2019), Maritime Education and Training for Sustainability.
164. UNESCO-IOC (2021), Ocean Literacy Framework for the UN Decade of Ocean Science, UNESCO, Paris.
165. Victoria University Magazine, Canada (2013), *Marine Education and Public Awareness Program: Best Practices for Local Communities and Schools*.
166. Wei, Y. (2025), Analysis of reports from Russian media on political issues in the Asia-Pacific region - using the example of trade relations between China and the USA and disputes in the South China Sea, *Tạp chí Litera*, Số 3/2025, tr.140-153, đường dẫn link:
https://nbpublish.com/library_read_article.php?id=73756
167. West Sea Science Magazine (2016), *Marine Education and Public Awareness*.

PHỤ LỤC

PHỤ LỤC 1 PHƯƠNG PHÁP ĐIỀU TRA XÃ HỘI HỌC

1. Mục tiêu điều tra xã hội học

Để đánh giá thực trạng sử dụng các phương thức tuyên truyền chủ quyền biển, đảo Việt Nam cho sinh viên các trường đại học ở TPHCM, luận án sử dụng phối hợp các phương pháp nghiên cứu thực tiễn, trong đó phương pháp điều tra bằng bảng hỏi là phương pháp chủ đạo, kết hợp với các phương pháp hỗ trợ như phỏng vấn và thống kê toán học.

2. Phương pháp điều tra bằng bảng hỏi

- **Mục đích:** Thu thập dữ liệu, minh chứng và số liệu để chứng minh cho giả thuyết nghiên cứu.

- **Đối tượng:** Sinh viên các trường đại học trên địa bàn TPHCM (đối tượng khảo sát chính); Đại diện nhà trường (cán bộ Đoàn - Hội, giảng viên, chuyên viên) tham gia công tác tuyên truyền (đối tượng khảo sát hỗ trợ).

- **Nội dung:** Thực trạng đối mới phương thức tuyên truyền chủ quyền biển, đảo Việt Nam cho sinh viên các trường đại học ở TPHCM hiện nay.

- **Công cụ:** Phiếu hỏi dành cho sinh viên, đại diện nhà trường được thiết kế phù hợp với mục tiêu nghiên cứu (Phụ lục 2 và 3).

- **Quy mô khảo sát:** Bên cạnh khảo sát 1283 sinh viên, nghiên cứu đồng thời tiến hành khảo sát 151 đại diện nhà trường nhằm thu thập dữ liệu từ phía chủ thể tuyên truyền, qua đó phục vụ phân tích so sánh và đối chiếu với kết quả khảo sát sinh viên.

- Nguyên tắc thiết kế bảng hỏi:

- + Đảm bảo giá trị nội dung;
- + Đảm bảo độ tin cậy về mặt thống kê;
- + Hình thức và cách diễn đạt phù hợp với đặc điểm của đối tượng.

- Quy trình triển khai:

- + Giai đoạn 1: Thiết kế và hoàn thiện bảng hỏi;
- + Giai đoạn 2: Tiến hành khảo sát chính thức (tháng 10/2025 đến 01/2026).

- Tổ chức mẫu khảo sát và đảm bảo độ tin cậy của thang đo

Xuất phát từ mục tiêu nghiên cứu và đặc điểm của đối tượng khảo sát, luận án tiến hành điều tra xã hội học đối với hai nhóm đối tượng: (i) sinh viên các trường đại học và (ii) đại diện nhà trường trên địa bàn TPHCM. Việc phân tách hai nhóm đối tượng giúp nghiên cứu tiếp cận vấn đề theo hướng đa chiều, đồng thời tạo cơ sở cho việc so sánh và đối chiếu giữa chủ thể tiếp nhận và chủ thể tổ chức hoạt động tuyên truyền chủ quyền biển, đảo.

(1) Mẫu khảo sát sinh viên

Thứ nhất, xác định tổng thể nghiên cứu

Tổng thể nghiên cứu chính của luận án là sinh viên hệ chính quy đang học tập tại các cơ sở giáo dục đại học trên địa bàn TPHCM tại thời điểm khảo sát. Đây là tổng thể có quy mô lớn, phân bố rộng và không đồng nhất về loại hình trường đại học, khối ngành đào tạo, năm học cũng như nền tảng xã hội của người học. Do đặc điểm phân tán và không đồng nhất này, tổng thể nghiên cứu được xem là tổng thể lớn và có tính không đồng nhất cao, đòi hỏi phương thức tiếp cận mẫu phù hợp nhằm đảm bảo tính đa dạng và khả năng phản ánh thực trạng nghiên cứu.

Thứ hai, nguyên tắc chọn mẫu và tiêu chí phân tầng

Trên cơ sở đặc điểm của tổng thể nghiên cứu, nghiên cứu xác định các tiêu chí phân tầng mang tính định hướng, bao gồm:

- Cơ sở đào tạo/trường đại học;
- Loại hình trường (công lập và ngoài công lập);
- Khối ngành đào tạo;
- Năm học của sinh viên.

Các tiêu chí này được sử dụng nhằm:

- Định hướng quá trình phân phối phiếu khảo sát;
- Đảm bảo mẫu nghiên cứu có sự đa dạng về đối tượng;
- Tạo cơ sở để phân tích so sánh giữa các nhóm trong quá trình xử lý dữ liệu.

Do khảo sát được thực hiện theo hình thức trực tuyến kết hợp chọn mẫu thuận tiện, việc phân tầng không mang tính xác suất tuyệt đối mà đóng vai trò như một khung kiểm soát mẫu (sampling frame) nhằm hạn chế sai lệch và tăng cường khả năng phản ánh tương đối đặc điểm của tổng thể nghiên cứu.

Thứ ba, tổ chức chọn mẫu và thu thập dữ liệu

Việc thu thập dữ liệu được thực hiện thông qua bảng hỏi trực tuyến (online). Phiếu khảo sát được phân phối tới sinh viên thông qua các kênh như:

- Hệ thống email;
- Các nhóm lớp;
- Mạng xã hội học tập;
- Sự hỗ trợ của các cơ sở đào tạo và đơn vị khoa, Phòng công tác sinh viên, tổ chức Đoàn - Hội sinh viên.

Nghiên cứu áp dụng phương thức chọn mẫu thuận tiện có kiểm soát, theo đó người trả lời tham gia khảo sát trên cơ sở tự nguyện. Tuy nhiên, để hạn chế sai lệch mẫu, quá trình thu thập được định hướng theo các tiêu chí phân tầng đã xác định.

Cụ thể:

+ Phiếu khảo sát được phân phối có chủ đích tới các nhóm đối tượng khác nhau nhằm mở rộng độ bao phủ mẫu;

+ Quá trình thu thập được theo dõi và điều chỉnh (ví dụ: tăng cường gửi phiếu tới các nhóm còn thiếu) nhằm hạn chế tình trạng tập trung quá mức vào một số nhóm sinh viên nhất định.

Mặc dù không thể kiểm soát hoàn toàn sự phân bố mẫu như trong phương pháp chọn mẫu xác suất, cách tiếp cận này góp phần nâng cao:

- + Mức độ đa dạng của mẫu nghiên cứu;
- + Khả năng phản ánh tương đối các đặc điểm của tổng thể;
- + Tính khả thi trong điều kiện triển khai khảo sát thực tế.

Thứ tư, quy mô mẫu khảo sát và xác định cỡ mẫu nghiên cứu

Cỡ mẫu nghiên cứu được xác định dựa trên công thức của Cochran (1977), một trong những phương pháp phổ biến trong nghiên cứu khoa học xã hội nhằm xác định kích thước mẫu tối thiểu đối với tổng thể lớn. Cỡ mẫu tối thiểu được tính với mức tin cậy 95% và sai số cho phép d

$$n_0 = \frac{Z_{1-\alpha/2}^2 p(1-p)}{d^2}$$

Trong đó:

- n_0 : cỡ mẫu tối thiểu cần thiết
- $Z_{(1-\alpha/2)}$: Giá trị tới hạn của phân phối chuẩn với mức tin cậy 95% thì $Z=1.96$
- $p = 0.5$ (Tỉ lệ dự kiến, trường hợp chưa có số liệu trước, chọn $p = 0.5$ để đạt cỡ mẫu lớn nhất).
- $d = 0.05$ (sai số cho phép $\pm 5\%$)

Khi đó:

$$n_0 = \frac{1.96^2 \times 0.5 \times (1 - 0.5)}{0.05^2} \approx 385$$

Do tổng thể nghiên cứu là sinh viên các trường đại học trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh với quy mô lớn và phân tán, cỡ mẫu tối thiểu được xác định theo công thức Cochran (1977) là 385 quan sát. Trong trường hợp tổng thể lớn, việc hiệu chỉnh theo tổng thể hữu hạn (finite population correction) không làm thay đổi đáng kể kết quả tính toán, do đó giá trị này được sử dụng làm ngưỡng tối thiểu để đảm bảo độ tin cậy thống kê của nghiên cứu.

Tuy nhiên, thực tế, quá trình thu thập dữ liệu được triển khai thông qua hình thức khảo sát trực tuyến với sự hỗ trợ của các cơ sở đào tạo và tổ chức sinh viên, nên số lượng phiếu thu về đạt 1.283 sinh viên, vượt đáng kể so với cỡ mẫu tối thiểu ban đầu.

Việc quy mô mẫu thực tế lớn hơn dự kiến xuất phát từ hai nguyên nhân chính:

Thứ nhất, đặc điểm của phương pháp khảo sát trực tuyến cho phép tiếp cận số lượng lớn người trả lời trong thời gian ngắn, dẫn đến số lượng phản hồi vượt ngoài kế hoạch ban đầu;

Thứ hai, sự khác biệt về mức độ tiếp cận và tham gia khảo sát giữa các trường và nhóm sinh viên, dẫn đến phân bố mẫu giữa các đơn vị chưa hoàn toàn đồng đều.

Mặc dù tồn tại sự chênh lệch về số lượng quan sát giữa các trường, việc mở rộng quy mô mẫu mang lại một số lợi ích phương pháp luận quan trọng:

- Tăng độ tin cậy của các ước lượng thống kê (giảm sai số ngẫu nhiên);

- Cho phép thực hiện các phân tích sâu theo nhóm đối tượng (loại hình trường, khối ngành, năm học...);
 - Nâng cao khả năng khái quát hóa kết quả nghiên cứu trong phạm vi tổng thể.
- Đồng thời, để hạn chế ảnh hưởng của sự mất cân đối mẫu, nghiên cứu đã thực hiện:
- Phân tích dữ liệu theo nhóm (stratified analysis) thay vì chỉ dựa trên tổng thể chung;
 - Đối chiếu kết quả giữa các nhóm nhằm kiểm soát sai lệch do phân bố mẫu không đồng đều.

Do đó, mặc dù quy mô mẫu thực tế không hoàn toàn tuân theo định hướng phân bố ban đầu nhưng vẫn đáp ứng và vượt yêu cầu về mặt thống kê, qua đó góp phần củng cố độ tin cậy cho các phân tích và kết luận của chuyên đề nghiên cứu.

(2) Mẫu khảo sát đại diện nhà trường

Thứ nhất, xác định đối tượng khảo sát

Nhóm đại diện nhà trường bao gồm: Cán bộ Đoàn Thanh niên; Cán bộ Hội Sinh viên; Giảng viên; Chuyên viên có liên quan đến công tác tuyên truyền chủ quyền biển, đảo. Đây là nhóm đối tượng đóng vai trò chủ thể tổ chức và triển khai hoạt động tuyên truyền trong môi trường đại học.

Thứ hai, phương pháp chọn mẫu

Khác với nhóm sinh viên, nhóm đại diện nhà trường là nhóm đối tượng chuyên biệt, không có khung tổng thể đầy đủ để áp dụng phương pháp chọn mẫu xác suất. Do đó, nghiên cứu sử dụng phương pháp chọn mẫu có chủ đích kết hợp với thuận tiện có kiểm soát, tập trung vào những cá nhân có liên quan trực tiếp đến hoạt động tuyên truyền và có khả năng cung cấp thông tin phù hợp với mục tiêu nghiên cứu.

Thứ ba, cách thức triển khai khảo sát

Việc thu thập dữ liệu đối với nhóm này cũng được thực hiện thông qua bảng hỏi trực tuyến (online). Phiếu khảo sát được phân phối thông qua: Các đầu mối tại cơ sở đào tạo; Mạng lưới chuyên môn; Các kênh kết nối Đoàn – Hội và giảng viên.

Quá trình thu thập được theo dõi nhằm: Đảm bảo không tập trung quá mức vào một nhóm vị trí; Tăng cường tiếp cận các nhóm còn thiếu; Nâng cao tính đa dạng của mẫu.

Thứ tư, quy mô mẫu khảo sát

Kết quả thu được 151 phiếu khảo sát hợp lệ từ đại diện nhà trường. Mặc dù không xác định cỡ mẫu theo công thức xác suất, quy mô này vẫn đảm bảo phản ánh đa dạng vị trí công tác, bao phủ nhiều cấp độ tổ chức và phù hợp cho phân tích mô tả và so sánh.

Nhìn chung, việc kết hợp hai nhóm mẫu (1.283 sinh viên và 151 đại diện nhà trường) không chỉ nhằm thu thập dữ liệu từ phía người học mà còn giúp phản ánh góc nhìn từ phía chủ thể tổ chức hoạt động tuyên truyền. Cách tiếp cận này góp phần nâng cao tính khách quan và toàn diện của nghiên cứu, đồng thời cho phép đối chiếu giữa nhận thức của sinh viên và thực tiễn triển khai tại các cơ sở đào tạo. Tuy nhiên, do sử dụng phương pháp chọn mẫu thuận tiện trong khảo sát trực tuyến, mẫu nghiên cứu có thể tồn tại một số sai lệch nhất định. Vì vậy, các kết quả được diễn giải theo hướng thận trọng và gắn với bối cảnh nghiên cứu cụ thể.

- Quy ước xử lý số liệu

Kết quả khảo sát được đo lường bằng thang Likert 5 mức độ, trong đó giá trị trung bình được quy ước để diễn giải như sau:

4,21 – 5,00: Rất thường xuyên	4,21 – 5,00: Hoàn toàn đồng ý
3,41 – 4,20: Thường xuyên	3,41 – 4,20: Đồng ý
2,61 – 3,40: thỉnh thoảng	2,61 – 3,40: Phân vân
1,81 – 2,60: Ít khi	1,81 – 2,60: Không đồng ý
1,00 – 1,80: Không bao giờ	1,00 – 1,80: Hoàn toàn không đồng ý

- Kiểm định độ tin cậy của thang đo

Để đảm bảo độ tin cậy của các thang đo sử dụng trong phiếu khảo sát sinh viên, nghiên cứu tiến hành kiểm định độ tin cậy nội tại của thang đo thông qua hệ số Cronbach's Alpha. Đây là phương pháp phổ biến và được sử dụng rộng rãi trong các nghiên cứu khoa học xã hội nhằm đánh giá mức độ nhất quán của thang đo.

Hệ số Cronbach's Alpha phản ánh mức độ chặt chẽ trong mối quan hệ giữa các biến quan sát cùng đo lường một khái niệm tiềm ẩn. Trong nghiên cứu này, các thang đo được chấp nhận khi thỏa mãn đồng thời hai điều kiện: (1) hệ số Cronbach's Alpha lớn hơn 0,6; (2) hệ số tương quan biến - tổng (Corrected Item-Total Correlation) của từng biến quan sát lớn hơn 0,3. Trong đó, hệ số Cronbach's Alpha từ 0,8 trở lên được xem là tốt; từ 0,7 đến dưới 0,8 là chấp nhận được; từ 0,6 đến dưới 0,7 phù hợp với các nghiên cứu mang tính khám phá. Các ngưỡng này được sử dụng phổ biến trong các nghiên cứu khoa học xã hội, đặc biệt là các nghiên cứu mang tính khảo sát thực tiễn.

Việc loại bỏ các biến quan sát không đạt yêu cầu về tương quan biến – tổng nhằm đảm bảo mỗi thang đo chỉ bao gồm những biến phản ánh nhất quán và có đóng góp thực chất vào việc đo lường khái niệm nghiên cứu. Qua đó, kết quả kiểm định Cronbach's Alpha góp phần khẳng định tính ổn định và độ tin cậy của dữ liệu khảo sát, tạo cơ sở khoa học vững chắc cho các bước phân tích tiếp theo và cho độ tin cậy của các kết luận được rút ra trong phần nghiên cứu chuyên đề luận án.

Bên cạnh việc kiểm định độ tin cậy của thang đo, nghiên cứu cũng sử dụng các thống kê mô tả như giá trị trung bình (Mean) và độ lệch chuẩn (Standard Deviation – SD) để đánh giá xu hướng và mức độ phân tán của các biến quan sát.

Giá trị trung bình (Mean) được sử dụng để phản ánh mức độ đánh giá chung của đối tượng khảo sát đối với từng biến quan sát theo thang đo Likert 5 mức độ. Để thuận tiện cho việc diễn giải kết quả, nghiên cứu quy định các khoảng giá trị Mean như sau:

- Từ 1,00 đến dưới 1,80: Mức rất thấp
- Từ 1,80 đến dưới 2,60: Mức thấp
- Từ 2,60 đến dưới 3,40: Mức trung bình
- Từ 3,40 đến dưới 4,20: Mức cao
- Từ 4,20 đến 5,00: Mức rất cao

Cách phân chia này được xác định dựa trên nguyên tắc chia đều khoảng giá trị của thang đo Likert (từ 1 đến 5) thành 5 mức độ bằng nhau nhằm đảm bảo tính nhất quán trong quá trình phân tích và diễn giải dữ liệu. Đồng thời, độ lệch chuẩn (SD) được sử dụng để đánh giá mức độ phân tán của các câu trả lời xung quanh giá trị trung bình. Giá trị SD càng nhỏ cho thấy mức độ đồng thuận giữa các đối tượng khảo sát càng cao, trong khi SD lớn phản ánh sự khác biệt trong quan điểm hoặc mức độ phân tán của dữ liệu. Trong nghiên cứu này, SD được diễn giải theo các mức như sau:

- $SD < 0,5$: Mức độ phân tán thấp (ý kiến tương đối đồng nhất)
- $0,5 \leq SD < 1,0$: Mức độ phân tán trung bình
- $SD \geq 1,0$: Mức độ phân tán cao (ý kiến có sự khác biệt đáng kể)

Việc kết hợp phân tích Mean và SD giúp cung cấp cái nhìn toàn diện về xu hướng đánh giá cũng như mức độ thống nhất trong nhận thức của đối tượng khảo sát, từ đó hỗ trợ việc đưa ra các nhận định và kết luận có cơ sở khoa học.

3. Phương pháp phỏng vấn sâu (chuyên gia)

Mục đích phỏng vấn:

- Bổ sung thêm thông tin để góp phần làm sáng tỏ kết quả khảo sát.
- Kiểm tra độ trung thực của các kết quả trả lời phiếu khảo sát ý kiến.
- Tìm hiểu sâu hơn về đối tượng khảo sát qua một số đối tượng điển hình.

Cách thức tiến hành:

- Liên hệ với 16 cán bộ Đoàn, Hội, chuyên viên, giảng viên của 06 trường để phỏng vấn sâu nhằm làm rõ về thực trạng nghiên cứu.

- Tiến hành phỏng vấn dựa trên biên bản phỏng vấn với câu hỏi đã chuẩn bị sẵn theo mục đích nghiên cứu với các định hướng hỏi chi tiết và cụ thể. Ngoài ra, người nghiên cứu sử dụng thêm những câu hỏi phát sinh tùy theo cách thức trả lời của đối tượng phỏng vấn.

Cách xử lý dữ liệu:

- Tên của đối tượng phỏng vấn được mã hóa bằng chữ số, ví dụ: PV1, PV2,...

- Các dữ liệu thu thập từ phương pháp phỏng vấn sẽ được so sánh với dữ liệu từ phương pháp điều tra bằng bảng hỏi, trình bày tương ứng với từng nội dung nghiên cứu để làm sáng tỏ hơn kết quả khảo sát (*Mẫu phỏng vấn trình bày tại Phụ lục 6*).

- Thời gian phỏng vấn chính thức: từ tháng 10/2025 đến 01/2026.

PHỤ LỤC 2

PHIẾU KHẢO SÁT
THỰC TRẠNG SỬ DỤNG PHƯƠNG THỨC TUYÊN TRUYỀN
CHỦ QUYỀN BIỂN, ĐẢO VIỆT NAM CHO SINH VIÊN
CÁC TRƯỜNG ĐẠI HỌC Ở THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH HIỆN NAY
(Dành cho sinh viên các trường đại học trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh)

Xin chào bạn,

Trong khuôn khổ Đề tài Luận án Nghiên cứu sinh (2023 - 2026): **“Đổi mới phương thức tuyên truyền chủ quyền biển, đảo Việt Nam cho sinh viên các trường đại học ở Thành phố Hồ Chí Minh hiện nay”**, tác giả tiến hành khảo sát, lấy ý kiến của sinh viên về các nội dung liên quan đến **“Thực trạng sử dụng phương thức tuyên truyền chủ quyền biển, đảo Việt Nam cho sinh viên các trường đại học ở Thành phố Hồ Chí Minh hiện nay”**.

Để có những thông tin trung thực, khách quan phục vụ cho việc nghiên cứu, tác giả mong muốn nhận được ý kiến phản hồi của bạn. Những kết quả của phiếu khảo sát này sẽ là cứ liệu quan trọng giúp tác giả thực hiện tốt đề tài Luận án. Tác giả cam kết: Phiếu khảo sát này chỉ để phục vụ cho đề tài Luận án, không sử dụng vào bất cứ mục đích nào khác, việc đồng ý tham gia là tự nguyện, các thông tin bạn cung cấp trong phiếu khảo sát này sẽ được ẩn danh. Tác giả rất mong nhận được sự hỗ trợ từ quý bạn.

Mong bạn dành thời gian để đọc và trả lời thật đúng các câu hỏi sau đây bằng cách đánh dấu “X” vào ô ☐ hoặc điền vào chỗ trống (...) như điều bạn suy nghĩ và hành động.

Tác giả Luận án xin chân thành cảm ơn bạn!

Mọi thắc mắc, vui lòng liên hệ với tác giả theo địa chỉ e-mail sau:

Lê Vũ Xuân Uyên: levuxuanuyen2394@gmail.com

PHẦN A. THÔNG TIN CHUNG VỀ NGƯỜI TRẢ LỜI

Câu A1. Trường Đại học bạn đang theo học là:

- ☐ Trường Đại học Công nghiệp TP.HCM
☐ Trường Đại học Tài chính - Marketing
☐ Trường Đại học Sư phạm TP.HCM
☐ Trường Đại học Sài Gòn
☐ Trường Đại học Văn Lang
☐ Học viện Cán bộ TP.HCM
☐ Khác (ghi rõ):.....

Câu A2. Trường bạn đang theo học thuộc loại hình nào?

- ☐ Công lập ☐ Ngoài công lập

Câu A3. Năm học hiện tại của bạn:

- ☐ Năm 1
☐ Năm 2
☐ Năm 3
☐ Năm 4
☐ Năm 5
☐ Trên 5 năm

Câu A4. Khối ngành đào tạo của bạn:

- ☐ Khoa học xã hội & nhân văn – Luật – Sư phạm
☐ Kinh tế – Quản lý – Kinh doanh
☐ Kỹ thuật – Công nghệ
☐ Y – Dược – Khoa học sức khỏe
☐ Khác (ghi rõ):.....

Câu A5. Trước khi vào Đại học, nơi bạn sinh sống chủ yếu thuộc:

- ☐ Khu vực Nông thôn
☐ Khu vực Đô thị
☐ Khác (ghi rõ):.....

Câu A6. Bạn đã từng tham gia hoặc tiếp cận những hình thức nào sau đây? (Có thể chọn nhiều đáp án)

- ☐ Học phần Giáo dục quốc phòng và An ninh
- ☐ Các môn Lý luận chính trị
- ☐ Hội thảo, tọa đàm, báo cáo chuyên đề
- ☐ Triển lãm, trưng bày tư liệu, hình ảnh
- ☐ Cuộc thi tìm hiểu về biển, đảo
- ☐ Hoạt động Đoàn - Hội - Câu lạc bộ
- ☐ Truyền thông trên website/fanpage/mạng xã hội của trường
- ☐ Chưa từng tham gia hoặc tiếp cận những hình thức trên
- ☐ Khác (ghi rõ):.....

Câu A7. Bạn đã từng tham gia hoặc tiếp cận các phương thức tuyên truyền về chủ quyền biển, đảo nào sau đây tại trường? (Có thể chọn nhiều đáp án)

- ☐ Trưng bày mô hình biển, đảo trong khuôn viên trường, ký túc xá (vườn hoa hình chữ S, mô hình Quần đảo Hoàng Sa - Trường Sa, cột mốc chủ quyền,...)
- ☐ Trưng bày Bản đồ Việt Nam thể hiện đầy đủ chủ quyền biển, đảo tại phòng truyền thống của nhà trường
- ☐ Vẽ tranh bích họa, tranh tường về chủ đề biển, đảo trong khuôn viên trường học, ký túc xá
- ☐ Đặt tên con đường trong khuôn viên trường, ký túc xá gắn với biển, đảo
- ☐ Đặt tên phòng học, phòng thí nghiệm, phòng thực hành gắn với biển, đảo
- ☐ Hội thi tìm hiểu (Rung chuông vàng, thi trắc nghiệm, thi trực tuyến,...) về Biển, đảo Việt Nam, Luật Biển Việt Nam, Luật Cảnh sát Biển Việt Nam,...
- ☐ Hội thi thiết kế ấn phẩm (infographic, video, âm nhạc,...) tuyên truyền về chủ đề biển, đảo Việt Nam (thi trực tuyến trên Facebook, Tiktok)
- ☐ Triển lãm trưng bày hiện vật, tư liệu, bằng chứng lịch sử, pháp lý chủ quyền biển, đảo kèm ứng dụng mã QR, video, audio
- ☐ Hoạt động văn hóa - văn nghệ về chủ đề biển, đảo
- ☐ Hội thao quốc phòng gắn với chủ đề biển, đảo
- ☐ Hoạt động học thuật, câu lạc bộ, đội nhóm nghiên cứu về biển, đảo
- ☐ Hội thảo, tọa đàm, sinh hoạt chính trị, sinh hoạt chuyên đề với báo cáo viên, chứng nhân lịch sử, cán bộ, chiến sĩ Hải quân
- ☐ Tham quan nhà trưng bày, bảo tàng, di tích lịch sử gắn liền với biển đảo
- ☐ Hoạt động về nguồn, địa chỉ đỏ, dã ngoại, tham quan các đảo, điểm đảo tiền tiêu, nhà giàn DK1, thăm cán bộ, chiến sĩ Hải quân
- ☐ Chưa từng tham gia hoặc tiếp cận các phương thức trên

PHẦN B. NHẬN THỨC VÀ MỨC ĐỘ QUAN TÂM CỦA SINH VIÊN VỀ CHỦ QUYỀN BIỂN, ĐẢO VIỆT NAM

Câu B1. Hãy cho biết mức độ đồng ý của bạn về những nhận định dưới đây:

Nhận định	Hoàn toàn không đồng ý	Không đồng ý	Phân vân	Đồng ý	Hoàn toàn đồng ý
1. Tôi quan tâm các vấn đề liên quan đến chủ quyền biển, đảo Việt Nam					
2. Tôi cho rằng việc tuyên truyền về chủ quyền biển, đảo là cần thiết đối với sinh viên hiện nay					
3. Tôi hiểu được những nội dung cơ bản về chủ quyền biển, đảo Việt Nam (vị trí, vai trò, cơ sở pháp lý,...) đối với kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh của quốc gia					
4. Tôi ý thức được trách nhiệm của bản thân trong việc bảo vệ chủ quyền biển, đảo thiêng liêng của Tổ quốc					

Câu B2. Mức độ quan tâm của bạn đối với các sự kiện/vấn đề liên quan đến chủ quyền biển, đảo: (Chọn 1 đáp án)

- ☐ Rất quan tâm, chủ động tìm kiếm thông tin

- ☐ Quan tâm, thường xem khi thấy tin xuất hiện
☐ Ít quan tâm, chỉ xem khi bắt buộc
☐ Không quan tâm
☐ Khác (ghi rõ):.....

PHẦN C. ĐÁNH GIÁ THỰC TRẠNG VỀ CÔNG TÁC TUYÊN TRUYỀN CHỦ QUYỀN BIỂN, ĐẢO VIỆT NAM CHO SINH VIÊN

Câu C1. Bạn tiếp cận thông tin về chủ quyền biển, đảo qua kênh nào nhất? (Có thể chọn nhiều đáp án)

- ☐ Mạng xã hội (Facebook, TikTok, YouTube,...)
☐ Báo điện tử chính thống
☐ Truyền hình/đài phát thanh
☐ Sinh hoạt chính trị/sinh hoạt chuyên đề/hội thảo/tọa đàm tại trường
☐ Pano/áp phích/triển lãm tại trường/Ký túc xá
☐ Khác (ghi rõ):.....

Câu C2. Các định dạng nội dung bạn thường gặp/ura xem về chủ quyền biển, đảo là: (Có thể chọn nhiều đáp án)

- ☐ Bài viết dài (text)
☐ Infographic
☐ Video ngắn
☐ Phim tài liệu/phóng sự dài
☐ Podcast/sách nói
☐ Không rõ
☐ Khác (ghi rõ):.....

Câu C3. Hãy cho biết mức độ đồng ý của bạn về những nhận định dưới đây:

Nhận định	Hoàn toàn không đồng ý	Không đồng ý	Phân vân	Đồng ý	Hoàn toàn đồng ý
1. Nội dung tuyên truyền về chủ quyền biển, đảo tại trường tôi là phù hợp với sinh viên					
2. Nội dung tuyên truyền về chủ quyền biển, đảo được trình bày rõ ràng, dễ hiểu và dễ ghi nhớ					
3. Các hoạt động tuyên truyền tạo được hứng thú và sự quan tâm của sinh viên					
4. Sinh viên được khuyến khích tham gia tích cực vào các hoạt động tuyên truyền chủ quyền biển, đảo					
5. Công tác tuyên truyền chủ quyền biển, đảo hiện nay còn mang tính hình thức, thiếu chiều sâu					
6. Các hình thức, phương pháp, phương tiện tuyên truyền chủ quyền biển, đảo trực quan trong khuôn viên trường (mô hình, bản đồ, tranh vẽ,...) giúp tôi dễ chú ý và ghi nhớ nội dung về biển, đảo					
7. Việc lồng ghép nội dung chủ quyền biển, đảo vào không gian học tập hằng ngày (tên phòng học, khu vực, công trình,...) mang lại hiệu quả tuyên truyền rõ rệt					

Câu C4. Bạn đánh giá mức độ sử dụng các phương thức tuyên truyền chủ quyền biển, đảo Việt Nam cho sinh viên tại trường đại học của bạn như thế nào?

Nhận định	Không bao giờ	Ít khi	Thỉnh thoảng	Thường xuyên	Rất thường xuyên
1. Phương thức truyền thống: Sinh hoạt chính trị đầu khóa/thường niên/định kỳ; hội nghị/hội thảo/tọa đàm; giao lưu với nhân chứng lịch sử, chuyên gia, báo cáo viên, cán bộ, chiến sĩ Hải quân,...					
2. Phương thức trực quan: Treo pano, áp phích; triển lãm bản đồ; trưng bày tư liệu					

hình ảnh/số hóa (3D, thực tế ảo, mã QR),... về Quần đảo Hoàng Sa, Trường Sa tại trường/ký túc xá					
3. Trục quan trong không gian học đường: mô hình biển đảo/ vườn hoa hình chữ S có Quần đảo Hoàng Sa, Trường Sa; cột mốc chủ quyền; thiết kế bản đồ Việt Nam; đặt tên đường/khu vực trong khuôn viên; vẽ tranh bích họa; đặt tên phòng học/phòng thí nghiệm/phòng thực hành gắn với biển đảo					
4. Phương thức truyền thông đa phương tiện (trên nền tảng số): Bài viết/ Tin vắn/ Video/ Reels/Infographic/Podcast... trên mạng xã hội: Facebook/TikTok/Youtube/ Zalo/Instagram/Website/ Blog của trường hoặc của câu lạc bộ, đội, nhóm sinh viên					
5. Phương thức hoạt động phong trào: Hội thi (Rung chuông vàng, thi trắc nghiệm trực tuyến,...); chương trình văn hóa - văn nghệ, hội thao quốc phòng gắn với chủ đề biển, đảo; cuộc thi thiết kế, sáng tác ấn phẩm tuyên truyền, cổ động (tranh vẽ 3D, ảnh, video, infographic,...)					
6. Học tập kết hợp ngoại khóa - trải nghiệm: lồng ghép bài giảng (môn Giáo dục Quốc phòng và An ninh); CLB/đội nhóm học thuật; tham quan nhà trưng bày/địa chỉ đỏ/về nguồn; giao lưu kết nghĩa đơn vị Hải quân; đi thực tế thăm các đảo ở Trường Sa, thăm chiến sĩ Vùng 2 Hải quân, thăm nhà giàn DK1,...					
7. Khác (ghi rõ):.....					

PHẦN D. ĐÁNH GIÁ MỨC ĐỘ ĐỔI MỚI PHƯƠNG THỨC TUYÊN TRUYỀN CHỦ QUYỀN BIỂN, ĐẢO VIỆT NAM CHO SINH VIÊN

Nhận định	Hoàn toàn không đồng ý	Không đồng ý	Phân vân	Đồng ý	Hoàn toàn đồng ý
Câu D1. ĐỔI MỚI VỀ HÌNH THỨC TUYÊN TRUYỀN					
1. Hình thức tuyên truyền hiện nay đa dạng và phong phú (<i>thông qua các mô hình trực quan, không gian học đường, hoạt động văn hóa - triển lãm - hội thi,...</i>)					
2. Các hình thức truyền thông (giảng bài, báo cáo chuyên đề,...) đã được cải tiến để phù hợp với sinh viên					
3. Nhà trường có áp dụng những hình thức tuyên truyền mới, sáng tạo (<i>mô hình biển đảo, tranh bích họa, trưng bày triển lãm kèm mã QR thông tin, hội thi, hoạt động trải nghiệm thực tế,...</i>)					
4. Các hình thức tuyên truyền hiện nay giúp tôi dễ tiếp nhận và ghi nhớ nội dung					
Câu D2. ĐỔI MỚI VỀ PHƯƠNG PHÁP TUYÊN TRUYỀN					
1. Phương pháp tuyên truyền có sự kết hợp giữa truyền thông và hiện đại					
2. Sinh viên được tham gia trao đổi, thảo luận					

trong các hoạt động tuyên truyền					
3. Nội dung tuyên truyền gắn với thực tiễn và các vấn đề thời sự					
4. Phương pháp tuyên truyền hiện nay phát huy được tính chủ động của sinh viên					
Câu D3. ĐỔI MỚI VỀ PHƯƠNG TIỆN TUYÊN TRUYỀN					
1. Internet và mạng xã hội được sử dụng hiệu quả trong tuyên truyền biển, đảo tại trường					
2. Các phương tiện truyền thông (video, infographic, hình ảnh...) giúp nội dung trở nên sinh động, hấp dẫn, thu hút hơn					
3. Các kênh truyền thông của nhà trường dễ tiếp cận với sinh viên					
Câu D4. ĐIỀU KIỆN BẢO ĐẢM CHO ĐỔI MỚI HOẠT ĐỘNG TUYÊN TRUYỀN					
1. Nhà trường tạo điều kiện thuận lợi để sinh viên tham gia các hoạt động tuyên truyền					
2. Các hoạt động tuyên truyền có sự đầu tư về cơ sở vật chất - kỹ thuật và kinh phí					
3. Sinh viên được ghi nhận và khuyến khích khi tham gia các hoạt động tuyên truyền					

Câu D5. Bạn cho biết Đoàn Thanh niên và Hội Sinh viên của trường bạn đã tổ chức những hoạt động nào sau đây để tuyên truyền chủ quyền biển, đảo Việt Nam?

Hoạt động	Có	Không	Không biết rõ
1. Tổ chức học tập nghị quyết, sinh hoạt chính trị, sinh hoạt chuyên đề, trang bị kiến thức, kỹ năng đấu tranh bảo vệ chủ quyền biển, đảo			
2. Lập trang mạng xã hội/đội/nhóm phân bác thông tin sai trái, xấu độc về vấn đề chính trị - xã hội nói chung, vấn đề biển, đảo nói riêng			
3. Tổ chức các bài kiểm tra trắc nghiệm, hội thi (trực tuyến, trực tiếp) với chủ đề như: “Lịch sử biển, đảo Việt Nam”, “Luật Biển Việt Nam”, “Luật Cảnh sát Biển”, “Biển đảo Tổ quốc và Hải quân nhân dân Việt Nam anh hùng”,...			
4. Tổ chức, phát động phong trào “Sinh viên nghiên cứu khoa học”, “Sinh viên với ý tưởng khởi nghiệp” liên quan đến chủ đề biển, đảo			
5. Tổ chức các hội nghị, diễn đàn, tọa đàm trao đổi, nắm bắt dư luận của sinh viên về những vấn đề thời sự, điểm nóng liên quan đến biển, đảo theo định kỳ (quý/năm)			
6. Tổ chức chương trình văn hoá, văn nghệ về chủ đề biển, đảo			
7. Tổ chức cuộc thi thiết kế ấn phẩm (tranh vẽ, video, infographic,...) về chủ đề biển, đảo			
8. Tổ chức Hội thao quốc phòng gắn với chủ đề biển, đảo			
9. Tổ chức chương trình tham quan, giao lưu, kết nghĩa với đơn vị Hải quân			
10. Tổ chức chương trình tham quan bảo tàng, địa chỉ đỏ, điểm đảo Trường Sa, nhà giàn DK1			
11. Phát động phong trào văn hóa đọc về biển, đảo			
12. Tổ chức các chương trình tình nguyện bảo vệ môi trường sinh thái biển			
13. Khác (ghi rõ):.....			

PHẦN E. NHU CẦU VÀ ĐỊNH HƯỚNG ĐỔI MỚI PHƯƠNG THỨC TUYÊN TRUYỀN CHỦ QUYỀN BIỂN, ĐẢO VIỆT NAM CHO SINH VIÊN CÁC TRƯỜNG ĐẠI HỌC (PHỤC VỤ ĐỀ XUẤT GIẢI PHÁP)

Câu E1. Theo bạn, hình thức tuyên truyền nào sau đây sẽ thu hút sinh viên hơn? (chọn tối đa 3)

- ☐ Video ngắn trên mạng xã hội
☐ Cuộc thi trực tuyến có tương tác
☐ Hội thảo, tọa đàm đối thoại
☐ Triển lãm số/triển lãm thực tế
☐ Hoạt động trải nghiệm, thực tế
☐ Khác (ghi rõ):.....

Câu E2. Yếu tố quan trọng nhất để đổi mới hiệu quả công tác tuyên truyền chủ quyền biển, đảo là gì?

- ☐ Nội dung phù hợp sinh viên
- ☐ Hình thức sinh động
- ☐ Phương pháp tương tác
- ☐ Ứng dụng công nghệ số
- ☐ Sự tham gia tích cực của sinh viên
- ☐ Sự quan tâm, chỉ đạo của nhà trường

PHẦN F. Ý KIẾN ĐỀ XUẤT ĐỔI MỚI PHƯƠNG THỨC TUYÊN TRUYỀN CHỦ QUYỀN BIỂN, ĐẢO VIỆT NAM CHO SINH VIÊN CÁC TRƯỜNG ĐẠI HỌC (CÂU HỎI MỞ)

Câu F1. Theo bạn, hạn chế lớn nhất của hoạt động tuyên truyền chủ quyền biển, đảo Việt Nam cho sinh viên trong trường đại học hiện nay là gì?

.....

Câu F2. Bạn đề xuất giải pháp cụ thể nào để đổi mới phương thức tuyên truyền trong thời gian tới?

.....

Xin chân thành cảm ơn bạn!

PHỤ LỤC 3

PHIẾU KHẢO SÁT
THỰC TRẠNG SỬ DỤNG PHƯƠNG THỨC TUYÊN TRUYỀN
CHỦ QUYỀN BIỂN, ĐẢO VIỆT NAM CHO SINH VIÊN
CÁC TRƯỜNG ĐẠI HỌC Ở THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH HIỆN NAY
Dành cho đại diện nhà trường (cán bộ Đoàn - Hội, giảng viên)
tại các trường đại học trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh

Xin chào quý Ông/Bà!

Trong khuôn khổ Đề tài Luận án Nghiên cứu sinh (2023 - 2026): **“Đổi mới phương thức tuyên truyền chủ quyền biển, đảo Việt Nam cho sinh viên các trường đại học ở Thành phố Hồ Chí Minh hiện nay”**, tác giả tiến hành khảo sát, lấy ý kiến của đại diện nhà trường (cán bộ Đoàn - Hội, giảng viên) về các nội dung liên quan đến **“Thực trạng sử dụng phương thức tuyên truyền chủ quyền biển, đảo Việt Nam cho sinh viên các trường đại học ở Thành phố Hồ Chí Minh hiện nay”**.

Để có những thông tin trung thực, khách quan phục vụ cho việc nghiên cứu, tác giả mong muốn nhận được ý kiến phản hồi của quý Ông/Bà. Những kết quả của phiếu khảo sát này sẽ là cứ liệu quan trọng giúp tác giả thực hiện tốt đề tài Luận án. Tác giả cam kết: Phiếu khảo sát này chỉ để phục vụ cho đề tài Luận án, không sử dụng vào bất cứ mục đích nào khác, việc đồng ý tham gia là tự nguyện, các thông tin bạn cung cấp trong phiếu khảo sát này sẽ được ẩn danh. Tác giả rất mong nhận được sự hỗ trợ từ quý Ông/Bà.

Mong Ông/Bà dành thời gian để đọc và trả lời thật đúng các câu hỏi sau đây bằng cách đánh dấu “X” vào ô ☐ hoặc điền vào chỗ trống (...) như điều Ông/Bà suy nghĩ và hành động.

Tác giả Luận án xin chân thành cảm ơn!

Mọi thắc mắc, vui lòng liên hệ với tác giả theo địa chỉ e-mail sau:

Lê Vũ Xuân Uyên: levuxuanuyen2394@gmail.com

PHẦN A. THÔNG TIN CHUNG VỀ NGƯỜI TRẢ LỜI

Câu A1. Trường Đại học Ông/Bà đang công tác:

- ☐ Trường Đại học Công nghiệp TP.HCM
☐ Trường Đại học Tài chính - Marketing
☐ Trường Đại học Sư phạm TP.HCM
☐ Trường Đại học Sài Gòn
☐ Trường Đại học Văn Lang
☐ Học viện Cán bộ TP.HCM
☐ Khác (ghi rõ):.....

Câu A2. Trường Ông/Bà công tác thuộc loại hình nào?

- ☐ Công lập ☐ Ngoài công lập

Câu A3. Vị trí Ông/Bà đang công tác hiện nay:

- ☐ Giảng viên
☐ Cán bộ Đoàn Thanh niên
☐ Cán bộ Hội Sinh viên
☐ Giảng viên kiêm nhiệm công tác Đoàn - Hội
☐ Khác (ghi rõ):.....

Câu A4. Thâm niên công tác:

- ☐ Dưới 3 năm
☐ Từ 3 - dưới 5 năm
☐ Từ 5 - dưới 10 năm
☐ Từ 10 - dưới 20 năm
☐ Trên 20 năm
☐ Khác (ghi rõ):.....

Câu A5. Lĩnh vực giảng dạy và nghiên cứu (Nếu có):

- ☐ Khoa học xã hội & nhân văn – Luật – Sư phạm
☐ Kinh tế – Quản lý – Kinh doanh
☐ Kỹ thuật – Công nghệ

☐ Y – Dược – Khoa học sức khỏe

☐ Khác (ghi rõ):.....

Câu A6. Cấp tổ chức Đoàn - Hội trực tiếp tham gia (Nếu có):

☐ Cấp trường

☐ Cấp khoa

☐ Cấp chi đoàn/chi hội

PHẦN B. NHẬN THỨC VÀ MỨC ĐỘ QUAN TÂM CỦA CÁ NHÂN VỚI CÔNG TÁC TUYÊN TRUYỀN CHỦ QUYỀN BIỂN, ĐẢO VIỆT NAM CHO SINH VIÊN

B1. Ông/Bà cho biết mức độ đồng ý với những nhận định dưới đây:

Nhận định	Hoàn toàn không đồng ý	Không đồng ý	Phân vân	Đồng ý	Hoàn toàn đồng ý
1. Tuyên truyền chủ quyền biển, đảo là một trong những nhiệm vụ giáo dục chính trị - tư tưởng quan trọng trong trường đại học					
2. Tuyên truyền chủ quyền biển, đảo là nhiệm vụ quan trọng của tổ chức Đoàn - Hội trong trường đại học					
3. Đoàn - Hội giữ vai trò nòng cốt trong việc tổ chức các hoạt động tuyên truyền biển, đảo cho sinh viên					
4. Giảng viên có vai trò quan trọng trong định hướng nhận thức của sinh viên về chủ quyền biển, đảo					
5. Sinh viên hiện nay cần được đổi mới cách tiếp cận nội dung chủ quyền biển, đảo					
6. Sinh viên hiện nay cần các hình thức tuyên truyền biển, đảo đổi mới, hấp dẫn hơn					
7. Công tác tuyên truyền chủ quyền biển, đảo cần gắn với thực tiễn học tập và đời sống sinh viên					
8. Công tác tuyên truyền biển, đảo cần gắn với phong trào sinh viên và hoạt động trải nghiệm					
9. Cần có sự phối hợp chặt chẽ giữa Đoàn - Hội với giảng viên và nhà trường trong hoạt động tuyên truyền chủ quyền biển, đảo cho sinh viên					
10. Cần có sự phối hợp chặt chẽ giữa hoạt động giảng dạy, công tác Đoàn - Hội và truyền thông của nhà trường					

PHẦN C. ĐÁNH GIÁ THỰC TRẠNG SỬ DỤNG PHƯƠNG THỨC TUYÊN TRUYỀN CHỦ QUYỀN BIỂN, ĐẢO VIỆT NAM CHO SINH VIÊN

Câu C1. Ông/Bà đánh giá mức độ sử dụng các phương thức tuyên truyền chủ quyền biển, đảo Việt Nam cho sinh viên tại trường hiện nay như thế nào?

Nhận định	Không bao giờ	Ít khi	Thỉnh thoảng	Thường xuyên	Rất thường xuyên
1. Phương thức truyền thống: Sinh hoạt chính trị đầu khóa/thường niên/định kỳ; hội nghị/hội thảo/tọa đàm; giao lưu với nhân chứng lịch sử, chuyên gia, báo cáo viên, cán bộ, chiến sĩ Hải quân,...					
2. Phương thức trực quan: Pano, áp phích; triển lãm bản đồ; trưng bày tư liệu hình ảnh/số hóa (3D, thực tế ảo, mã QR),... về Quần đảo Hoàng Sa, Trường Sa tại trường/ký túc xá					
3. Trực quan trong không gian học đường: mô hình biển đảo/ vườn hoa hình chữ S có Quần đảo Hoàng Sa, Trường Sa; cột mốc chủ quyền; thiết kế bản đồ Việt Nam; đặt tên đường/khu vực trong khuôn viên;					

vẽ tranh bích họa; đặt tên phòng học/phòng thí nghiệm/phòng thực hành gắn với biển đảo					
4. Phương thức truyền thông đa phương tiện (trên nền tảng số): Bài viết/ tin văn/ video/ reels/infographic/podcast,... trên mạng xã hội: Facebook/TikTok/Youtube/ Zalo/Instagram/Website/ Blog của trường hoặc của câu lạc bộ, đội, nhóm sinh viên					
5. Phương thức hoạt động phong trào: Hội thi (Rung chuông vàng, thi trắc nghiệm trực tuyến,...); chương trình văn hóa - văn nghệ, hội thao quốc phòng gắn với chủ đề biển, đảo; cuộc thi thiết kế, sáng tác ấn phẩm tuyên truyền, cổ động (tranh vẽ 3D, ảnh, video, infographic,...)					
6. Học tập kết hợp ngoại khóa - trải nghiệm: lồng ghép bài giảng (môn Giáo dục Quốc phòng và An ninh); CLB/đội nhóm học thuật; tham quan nhà trưng bày/địa chỉ đỏ/về nguồn; giao lưu kết nghĩa đơn vị Hải quân; đi thực tế thăm các đảo ở Trường Sa, thăm chiến sĩ Vùng 2 Hải quân, thăm nhà giàn DK1,...					
7. Khác (ghi rõ):.....					

PHẦN D. ĐÁNH GIÁ HIỆU QUẢ VÀ NHỮNG VẤN ĐỀ ĐẶT RA TRONG VIỆC ĐỔI PHƯƠNG THỨC TUYÊN TRUYỀN CHỦ QUYỀN BIỂN, ĐẢO VIỆT NAM CHO SINH VIÊN

Câu D1. Ông/Bà cho biết mức độ đồng ý với những nhận định dưới đây:

Nhận định	Hoàn toàn không đồng ý	Không đồng ý	Phân vân	Đồng ý	Hoàn toàn đồng ý
1. Nội dung tuyên truyền chủ quyền biển, đảo Việt Nam phù hợp với tâm lý và nhu cầu của sinh viên					
2. Các hình thức tuyên truyền chủ quyền biển, đảo tạo được sự quan tâm, hứng thú cho sinh viên					
3. Các hoạt động tuyên truyền chủ quyền biển, đảo Việt Nam thu hút được sinh viên tham gia					
4. Công tác tuyên truyền chủ quyền biển, đảo Việt Nam còn mang tính hình thức, chưa đi vào chiều sâu					
5. Việc khai thác không gian học đường phục vụ cho hoạt động giáo dục, tuyên truyền chủ quyền biển, đảo còn hạn chế					
6. Chưa phát huy đầy đủ vai trò của đội ngũ giảng viên trong công tác giáo dục, tuyên truyền chủ quyền biển, đảo					
7. Một số hoạt động tuyên truyền còn mang tính phong trào, hình thức					
8. Việc tổ chức hoạt động tuyên truyền còn gặp khó khăn về kinh phí, nhân lực					
9. Chưa khai thác hiệu quả không gian học đường và nền tảng số trong tuyên truyền chủ quyền biển, đảo.					

Câu D2. Ông/Bà có sẵn sàng chủ động đề xuất, lồng ghép nội dung tuyên truyền chủ quyền biển, đảo Việt Nam cho sinh viên tại trường học dưới các hình thức và điều kiện phù hợp không?

☐ Hoàn toàn không đồng ý

☐ Không đồng ý

- ☐ Phân vân
- ☐ Đồng ý
- ☐ Hoàn toàn đồng ý

Câu D3. Ông/Bà trả lời câu hỏi tương ứng với chuyên môn, nghiệp vụ:

D3.1. Nội dung tuyên truyền chủ quyền biển, đảo Việt Nam có thể được lồng ghép phù hợp vào một số tiết/môn học mà Ông/Bà giảng dạy (Dành cho giảng viên)

- ☐ Hoàn toàn không đồng ý
- ☐ Không đồng ý
- ☐ Phân vân
- ☐ Đồng ý
- ☐ Hoàn toàn đồng ý

D3.2. Ông/Bà có đủ điều kiện và quyền chủ động để đề xuất, thiết kế các hoạt động tuyên truyền chủ quyền biển, đảo Việt Nam phù hợp với sinh viên

- ☐ Hoàn toàn không đồng ý
- ☐ Không đồng ý
- ☐ Phân vân
- ☐ Đồng ý
- ☐ Hoàn toàn đồng ý

Câu D4. Theo Ông/Bà, rào cản lớn nhất trong việc tổ chức các hoạt động tuyên truyền chủ quyền biển, đảo cho sinh viên hiện nay là gì? (Dành cho cán bộ Đoàn - Hội) (Chọn nhiều đáp án)

- ☐ Thiếu kinh phí
- ☐ Thiếu nhân lực chuyên trách
- ☐ Sinh viên ít quan tâm
- ☐ Nội dung khó đổi mới, dễ trùng lặp
- ☐ Cơ chế phối hợp trong nhà trường chưa hiệu quả
- ☐ Áp lực chỉ tiêu phong trào
- ☐ Khó đo lường hiệu quả tuyên truyền
- ☐ Khác (ghi rõ):.....

PHẦN E. ĐỊNH HƯỚNG ĐỔI MỚI PHƯƠNG THỨC TUYÊN TRUYỀN CHỦ QUYỀN BIỂN, ĐẢO VIỆT NAM CHO SINH VIÊN

Câu E1. Theo Ông/Bà, những yếu tố nào có ý nghĩa quan trọng để đổi mới hiệu quả công tác tuyên truyền chủ quyền biển, đảo Việt Nam cho sinh viên? (Chọn nhiều đáp án)

- ☐ Nội dung tuyên truyền phù hợp với sinh viên
- ☐ Hình thức tuyên truyền sinh động, sáng tạo, trực quan
- ☐ Phương pháp tuyên truyền có tính tương tác
- ☐ Ứng dụng công nghệ số
- ☐ Cơ chế phối hợp giữa các lực lượng trong nhà trường
- ☐ Sự quan tâm, chỉ đạo của lãnh đạo nhà trường
- ☐ Khác (ghi rõ):.....

Câu E2. Theo Ông/Bà, hướng đổi mới nào là cần thiết và khả thi nhất trong công tác tuyên truyền chủ quyền biển, đảo Việt Nam cho sinh viên hiện nay?

- ☐ Gắn hoạt động tuyên truyền với không gian học đường
- ☐ Đẩy mạnh truyền thông số, mạng xã hội của Nhà trường
- ☐ Đẩy mạnh truyền thông số, mạng xã hội của Đoàn - Hội
- ☐ Tăng cường hoạt động trải nghiệm - thực tế
- ☐ Lồng ghép nội dung biển, đảo trong giảng dạy
- ☐ Phối hợp chặt chẽ với đội ngũ giảng viên trong hoạt động giáo dục
- ☐ Kết hợp đa dạng các phương thức
- ☐ Khác (ghi rõ):.....

Câu E3. Ông/Bà trả lời câu hỏi tương ứng với chuyên môn, nghiệp vụ:

E3.1. Để tham gia hiệu quả vào công tác tuyên truyền chủ quyền biển, đảo Việt Nam cho sinh viên trong nhà trường, giảng viên cần được hỗ trợ thêm về: (Chọn nhiều đáp án)

- ☐ Tài liệu giảng dạy chuẩn hóa
- ☐ Học liệu số/ấn phẩm trực quan

- ☐ Tập huấn chuyên đề
☐ Cơ chế phối hợp - ghi nhận
☐ Không cần hỗ trợ thêm
☐ Khác (ghi rõ):.....

E3.2. Đoàn - Hội có thể phát huy hiệu quả hơn công tác tuyên truyền chủ quyền biển, đảo Việt Nam cho sinh viên trong nhà trường khi có sự phối hợp với các lực lượng sau: (Chọn nhiều đáp án)

- ☐ Giảng viên, khoa chuyên môn
☐ Phòng Công tác Chính trị - Học sinh sinh viên
☐ Các câu lạc bộ, đội nhóm sinh viên
☐ Đơn vị Hải quân, lực lượng vũ trang
☐ Bảo tàng, Nhà trưng bày, Nhà Tưởng niệm
☐ Truyền thông ngoài nhà trường
☐ Khác (ghi rõ):.....

PHẦN F. Ý KIẾN ĐỀ XUẤT ĐỔI MỚI PHƯƠNG THỨC TUYÊN TRUYỀN CHỦ QUYỀN BIỂN, ĐẢO VIỆT NAM CHO SINH VIÊN

Câu F1. Theo Ông/Bà, hạn chế lớn nhất của hoạt động tuyên truyền chủ quyền biển, đảo Việt Nam cho sinh viên trong trường đại học hiện nay là gì?

.....

Câu F2. Ông/Bà đề xuất giải pháp cụ thể nào để đổi mới phương thức tuyên truyền trong thời gian tới?

.....

Xin chân thành cảm ơn Ông/Bà!

PHỤ LỤC 4

KẾT QUẢ KHẢO SÁT SINH VIÊN

4.1. Thông tin chung về sinh viên tham gia khảo sát

Thông tin chung về đối tượng nghiên cứu (n=1283)

Thông tin chung		Tần số (n)	Tỉ lệ (%)
Sinh viên thuộc các trường	Trường Đại học Tài chính - Marketing	274	21.3%
	Trường Đại học Công nghiệp TP.HCM	231	18.0%
	Trường Đại học Sài Gòn	187	14.6%
	Trường Đại học Sư phạm TP.HCM	236	18.4%
	Học viện Cán bộ TP.HCM	174	13.6%
	Trường Đại học Văn Lang	181	14.1%
Loại hình trường đại học	Công lập	1102	85.9%
	Ngoài công lập	181	14.1%
Năm học hiện tại	Năm 1	559	43.6%
	Năm 2	489	38.1%
	Năm 3	138	10.8%
	Năm 4	97	7.6%
Khối ngành đào tạo	Khoa học xã hội & nhân văn – Luật – Sư phạm	620	48.0%
	Kinh tế – Quản lý – Kinh doanh	445	35.0%
	Kỹ thuật – Công nghệ	161	13.0%
	Y – Dược – Khoa học sức khỏe	57	4.0%
Trước khi vào Đại học, nơi bạn sinh sống chủ yếu thuộc	Khu vực Nông thôn	645	50.3%
	Khu vực Đô thị	638	49.7%
Bạn đã được nhận biết những vấn đề cơ bản về chủ quyền biển, đảo Việt Nam qua các hình thức	Học phần Giáo dục quốc phòng và An ninh	1201	93.6%
	Các môn Lý luận chính trị	721	56.2%
	Hội thảo, tọa đàm, báo cáo chuyên đề	516	40.2%
	Triển lãm, trưng bày tư liệu, hình ảnh	587	45.8%
	Cuộc thi tìm hiểu về biển, đảo	564	44.0%
	Hoạt động Đoàn - Hội - Câu lạc bộ	578	45.1%
	Truyền thông trên website/fanpage/mạng xã hội của trường	839	65.4%
	Chưa từng tham gia hoặc tiếp cận những hình thức trên	20	1.6%
	Khác	14	1.1%
Các phương thức tuyên truyền về chủ quyền biển, đảo đã tham gia tại trường	Trưng bày mô hình biển, đảo trong khuôn viên trường, ký túc xá (vườn hoa hình chữ S, mô hình Quần đảo Hoàng Sa - Trường Sa, cột mốc chủ quyền,...)	559	43.6%
	Trưng bày Bản đồ Việt Nam thể hiện đầy đủ chủ quyền biển, đảo tại phòng truyền thống của nhà trường	604	47.1%
	Vẽ tranh bích họa, tranh tường về chủ đề biển, đảo trong khuôn viên trường học, ký túc xá	435	33.9%
	Đặt tên con đường trong khuôn viên trường, ký túc xá gắn với biển, đảo	232	18.1%
	Đặt tên phòng học, phòng thí nghiệm, phòng thực hành gắn với biển, đảo	171	13.3%
	Hội thi tìm hiểu (Rung chuông vàng, thi trắc nghiệm, thi trực tuyến,...) về Biển, đảo Việt Nam, Luật Biển Việt Nam, Luật Cảnh sát Biển Việt Nam,...	607	47.3%
	Hội thi thiết kế ấn phẩm (infographic, video, âm nhạc,...) tuyên	394	30.7%

	truyền về chủ đề biển, đảo Việt Nam (thi trực tuyến trên Facebook, Tiktok)		
	Triển lãm trưng bày hiện vật, tư liệu, bằng chứng lịch sử, pháp lý chủ quyền biển, đảo kèm ứng dụng mã QR, video, audio	345	26.9%
	Hoạt động văn hóa - văn nghệ về chủ đề biển, đảo	584	45.5%
	Hội thao quốc phòng gắn với chủ đề biển, đảo	325	25.3%
	Hoạt động học thuật, câu lạc bộ, đội nhóm nghiên cứu về biển, đảo	286	22.3%
	Hội thảo, tọa đàm, sinh hoạt chính trị, sinh hoạt chuyên đề với báo cáo viên, chứng nhân lịch sử, cán bộ, chiến sĩ Hải quân	331	25.8%
	Tham quan nhà trưng bày, bảo tàng, di tích lịch sử gắn liền với biển đảo	496	38.7%
	Hoạt động về nguồn, địa chỉ đỏ, dã ngoại, tham quan các đảo, điểm đảo tiền tiêu, nhà giàn DK1, thăm cán bộ, chiến sĩ Hải quân	281	21.9%
	Chưa từng tham gia hoặc tiếp cận các phương thức trên	132	10.3%

4.2. Nhận thức và mức độ quan tâm của sinh viên về chủ quyền biển, đảo Việt Nam

Nội dung đo lường	Giá trị trung bình	Độ lệch chuẩn
1. Tôi quan tâm các vấn đề liên quan đến chủ quyền biển, đảo Việt Nam	4,35	0,846
2. Tôi cho rằng việc tuyên truyền về chủ quyền biển, đảo là cần thiết đối với sinh viên hiện nay	4,48	0,859
3. Tôi hiểu được những nội dung cơ bản về chủ quyền biển, đảo Việt Nam (vị trí, vai trò, cơ sở pháp lý,...) đối với kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh của quốc gia	4,30	0,867
4. Tôi ý thức được trách nhiệm của bản thân trong việc bảo vệ chủ quyền biển, đảo thiêng liêng của Tổ quốc	4,46	0,831

4.3. Mức độ quan tâm của bạn đối với các sự kiện/vấn đề liên quan đến chủ quyền biển, đảo

Mức độ quan tâm của sinh viên	Tần số (n)	Tỉ lệ (%)
Rất quan tâm, chủ động tìm kiếm thông tin	397	30.9%
Quan tâm, thường xem khi thấy tin xuất hiện	825	64.3%
Ít quan tâm, chỉ xem khi bắt buộc	56	4.4%
Không quan tâm	4	0.3%
Khác	1	0.1%

4.4. Đánh giá thực trạng sử dụng phương thức tuyên truyền chủ quyền biển, đảo Việt Nam cho sinh viên

Nội dung khảo sát	Tần số (n)	Tỉ lệ (%)
Tiếp cận thông tin về chủ quyền biển, đảo qua kênh	Mạng xã hội (Facebook, TikTok, YouTube,...)	1184
	Báo điện tử chính thống	729
	Truyền hình/đài phát thanh	726
	Sinh hoạt chính trị/sinh hoạt chuyên đề/hội thảo/tọa đàm tại trường	608
	Pano/áp phích/triển lãm tại trường/Ký túc xá	273
	Khác	4
		0.31%
Nội dung bạn thường gặp/ưa xem về chủ quyền biển, đảo	Bài viết dài (text)	648
	Infographic	524
	Video ngắn	1069
	Phim tài liệu/phóng sự dài	841
	Podcast/sách nói	373
	Không rõ	22
	Khác	3
		0.23%

4.5. Mức độ đồng thuận về hoạt động tuyên truyền chủ quyền biển, đảo Việt Nam cho sinh viên

Nội dung đo lường	Giá trị trung bình	Độ lệch chuẩn
1. Nội dung tuyên truyền về chủ quyền biển, đảo tại trường tôi là phù hợp với sinh viên	4,36	0,831
2. Nội dung tuyên truyền về chủ quyền biển, đảo được trình bày rõ ràng, dễ hiểu và dễ ghi nhớ	4,30	0,835
3. Các hoạt động tuyên truyền tạo được hứng thú và sự quan tâm của sinh viên	4,23	0,879
4. Sinh viên được khuyến khích tham gia tích cực vào các hoạt động tuyên truyền chủ quyền biển, đảo	4,36	0,824
5. Công tác tuyên truyền chủ quyền biển, đảo hiện nay còn mang tính hình thức, thiếu chiều sâu	4,06	1,008
6. Các hình thức, phương pháp, phương tiện tuyên truyền chủ quyền biển, đảo trực quan trong khuôn viên trường (mô hình, bản đồ, tranh vẽ,...) giúp tôi dễ chú ý và ghi nhớ nội dung về biển, đảo	4,26	0,856
7. Việc lồng ghép nội dung chủ quyền biển, đảo vào không gian học tập hằng ngày (tên phòng học, khu vực, công trình,...) mang lại hiệu quả tuyên truyền rõ rệt	4,33	0,847

4.6. Đánh giá mức độ sử dụng các phương thức tuyên truyền chủ quyền biển, đảo Việt Nam cho sinh viên tại trường đại học

Nội dung đo lường	Không bao giờ		Ít khi		Thỉnh thoảng		Thường xuyên		Rất thường xuyên	
	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%
1. Phương thức truyền thông: Sinh hoạt chính trị đầu khóa/thường niên/định kỳ; hội nghị/hội thảo/tọa đàm; giao lưu với nhân chứng lịch sử, chuyên gia, báo cáo viên, cán bộ, chiến sĩ Hải quân,...	22	1.7	111	8.6	386	30.1	413	32.2	351	27.4
2. Phương thức trực quan: Treo pano, áp phích; triển lãm bản đồ; trưng bày tư liệu hình ảnh/số hóa (3D, thực tế ảo, mã QR),... về Quần đảo Hoàng Sa, Trường Sa tại trường/ký túc xá	22	1.7	117	9.1	369	28.8	433	33.7	342	26.7
3. Trực quan trong không gian học đường: mô hình biển đảo/ vườn hoa hình chữ S có Quần đảo Hoàng Sa, Trường Sa; cột mốc chủ quyền; thiết kế bản đồ Việt Nam; đặt tên đường/khu vực trong khuôn viên; vẽ tranh bích họa; đặt tên phòng học/phòng thí nghiệm/phòng thực hành gắn với biển đảo	28	2.2	126	9.8	346	27.0	419	32.6	364	28.4
4. Phương thức truyền thông đa phương tiện (trên nền tảng số): Bài viết/ Tin văn / Video/ Reels/ Infographic/Podcast... trên mạng xã hội: Facebook/ TikTok/ Youtube/ Zalo/Instagram/Website/Blog của trường hoặc của câu lạc bộ, đội, nhóm sinh viên	14	1.1	70	5.4	263	20.5	446	34.8	490	38.2
5. Phương thức hoạt động phong trào: Hội thi (Rung chuông vàng, thi trắc nghiệm trực tuyến,...); chương trình văn hóa - văn nghệ, hội thao quốc phòng gắn với chủ đề biển, đảo; cuộc thi thiết kế, sáng tác ấn phẩm tuyên	20	1.5	78	6.1	319	24.9	443	34.5	423	33.0

truyền, cổ động (tranh vẽ 3D, ảnh, video, infographic,...)										
6. Học tập kết hợp ngoại khóa - trải nghiệm: lồng ghép bài giảng (môn Giáo dục Quốc phòng và An ninh); CLB/đội nhóm học thuật; tham quan nhà trưng bày/địa chỉ đỏ/về nguồn; giao lưu kết nghĩa đơn vị Hải quân; đi thực tế thăm các đảo ở Trường Sa, thăm chiến sĩ Vùng 2 Hải quân, thăm nhà giàn DK1,...	26	2.0	88	6.9	310	24.2	440	34.3	419	32.6

4.7. Đánh giá mức độ đổi mới phương thức tuyên truyền chủ quyền biển, đảo Việt Nam cho sinh viên

Nhận định	Nội dung đo lường	Hoàn toàn không đồng ý		Không đồng ý		Phân vân		Đồng ý		Hoàn toàn đồng ý	
		SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%
Đổi mới về hình thức tuyên truyền	1. Hình thức tuyên truyền hiện nay đa dạng và phong phú (thông qua các mô hình trực quan, không gian học đường, hoạt động văn hóa - triển lãm - hội thi,...)	15	1.2	13	1.0	124	9.7	488	38.0	643	50.1
	2. Các hình thức truyền thống (giảng bài, báo cáo chuyên đề,...) đã được cải tiến để phù hợp với sinh viên	14	1.1	19	1.5	154	12.0	495	38.6	601	46.8
	3. Nhà trường có áp dụng những hình thức tuyên truyền mới, sáng tạo (mô hình biển đảo, tranh bích họa, trưng bày triển lãm kèm mã QR thông tin, hội thi, hoạt động trải nghiệm thực tế,...)	14	1.1	25	2.0	167	13.0	476	37.1	601	46.8
	4. Các hình thức tuyên truyền hiện nay giúp tôi dễ tiếp nhận và ghi nhớ nội dung	13	1.0	15	1.2	156	12.1	495	38.6	604	47.1
Đổi mới về phương pháp tuyên truyền	1. Phương pháp tuyên truyền có sự kết hợp giữa truyền thống và hiện đại	17	1.3	15	1.2	127	9.9	493	38.4	631	49.2
	2. Sinh viên được tham gia trao đổi, thảo luận trong các hoạt động tuyên truyền	53	4.1	78	6.1	174	13.6	426	33.2	552	43.0
	3. Nội dung tuyên truyền gắn với thực tiễn và các vấn đề thời sự	41	3.2	75	5.8	177	13.8	453	35.3	537	41.9
	4. Phương pháp tuyên truyền hiện nay phát huy được tính chủ động của sinh viên	43	3.4	69	5.4	186	14.5	447	34.8	538	41.9
Đổi mới về phương tiện tuyên truyền	1. Internet và mạng xã hội được sử dụng hiệu quả trong tuyên truyền biển, đảo tại trường	13	1.0	24	1.9	153	11.9	520	40.5	573	44.7
	2. Các phương tiện truyền thông (video, infographic, hình ảnh,...) giúp nội dung trở nên sinh động, hấp dẫn, thu hút hơn	11	0.9	26	2.0	123	9.6	536	41.8	587	45.7
	3. Các kênh truyền thông của nhà trường dễ tiếp cận với sinh viên	14	1.1	29	2.3	168	13.1	529	41.2	543	42.3
Điều kiện bảo đảm cho đổi	1. Nhà trường tạo điều kiện thuận lợi để sinh viên tham gia các hoạt động tuyên truyền	14	1.1	9	0.7	122	9.5	530	41.3	608	47.4

mới hoạt động tuyên truyền	2. Các hoạt động tuyên truyền có sự đầu tư về cơ sở vật chất - kỹ thuật và kinh phí	15	1.2	19	1.5	171	13.3	495	38.6	583	45.4
	3. Sinh viên được ghi nhận và khuyến khích khi tham gia các hoạt động tuyên truyền	12	0.9	14	1.1	115	9.0	486	37.9	656	51.1

4.8. Đoàn Thanh niên và Hội Sinh viên của trường bạn đã tổ chức những hoạt động để tuyên truyền chủ quyền biển, đảo Việt Nam

Nội dung đo lường	Có		Không		Không biết rõ	
	SL	%	SL	%	SL	%
1. Tổ chức học tập nghị quyết, sinh hoạt chính trị, sinh hoạt chuyên đề, trang bị kiến thức, kỹ năng đấu tranh bảo vệ chủ quyền biển, đảo	740	57.7	98	7.6	445	34.7
2. Lập trang mạng xã hội/đội/nhóm phân bác thông tin sai trái, xấu độc về vấn đề chính trị - xã hội nói chung, vấn đề biển, đảo nói riêng	577	45.0	217	16.9	489	38.1
3. Tổ chức các bài kiểm tra trắc nghiệm, hội thi (trực tuyến, trực tiếp) với chủ đề như: “Lịch sử biển, đảo Việt Nam”, “Luật Biển Việt Nam”, “Luật Cảnh sát Biển”, “Biển đảo Tổ quốc và Hải quân nhân dân Việt Nam anh hùng”,...	789	61.5	117	9.1	377	29.4
4. Tổ chức, phát động phong trào “Sinh viên nghiên cứu khoa học”, “Sinh viên với ý tưởng khởi nghiệp” liên quan đến chủ đề biển, đảo	697	54.3	136	10.6	450	35.1
5. Tổ chức các hội nghị, diễn đàn, tọa đàm trao đổi, nắm bắt dư luận của sinh viên về những vấn đề thời sự, điểm nóng liên quan đến biển, đảo theo định kỳ (quý/năm)	666	51.9	144	11.2	473	36.9
6. Tổ chức chương trình văn hoá, văn nghệ về chủ đề biển, đảo	739	57.6	142	11.1	402	31.3
7. Tổ chức cuộc thi thiết kế ấn phẩm (tranh vẽ, video, infographic,...) về chủ đề biển, đảo	720	56.1	147	11.5	416	32.4
8. Tổ chức Hội thao quốc phòng gắn với chủ đề biển, đảo	606	47.2	183	14.3	494	38.5
9. Tổ chức chương trình tham quan, giao lưu, kết nghĩa với đơn vị Hải quân	562	43.8	202	15.7	519	40.5
10. Tổ chức chương trình tham quan bảo tàng, địa chỉ đỏ, điểm đảo Trường Sa, nhà giàn DK1	580	45.2	194	15.1	509	39.7
11. Phát động phong trào văn hóa đọc về biển, đảo	688	53.6	161	12.5	434	33.8
12. Tổ chức các chương trình tình nguyện bảo vệ môi trường sinh thái biển	684	53.3	163	12.7	436	34.0

4.9. Nhu cầu và định hướng đổi mới phương thức tuyên truyền chủ quyền biển, đảo Việt Nam cho sinh viên các trường đại học (phục vụ đề xuất giải pháp)

Nội dung khảo sát		Tần số (n)	Tỉ lệ (%)
Hình thức tuyên truyền thu hút sinh viên	Video ngắn trên mạng xã hội	1100	86.3%
	Cuộc thi trực tuyến có tương tác	589	46.2%
	Hội thảo, tọa đàm đối thoại	391	30.7%
	Triển lãm số/triển lãm thực tế	599	47.0%
	Hoạt động trải nghiệm, thực tế	832	65.3%
	Khác	5	0.4%
Yếu tố quan trọng nhất để đổi mới hiệu quả công tác tuyên truyền chủ quyền biển, đảo	Nội dung phù hợp sinh viên	1027	80.6%
	Hình thức sinh động đa dạng	909	71.4%
	Phương pháp tuyên truyền linh hoạt	833	65.4%
	Phương tiện truyền thông hiện đại	761	59.7%
	Ứng dụng công nghệ số	715	56.1%
	Sự tham gia tích cực của sinh viên	752	59.0%
	Sự quan tâm, chỉ đạo của nhà trường	601	47.2%

4.10. Sinh viên và mức độ quan tâm của sinh viên đối với các sự kiện/vấn đề liên quan đến chủ quyền biển, đảo

Mức độ quan tâm		Ít, không quan tâm	Quan tâm	Rất quan tâm	Tổng n (%)	P
Loại hình trường đại học đang theo học	Công lập	57 (5.2%)	684 (62.1%)	361 (32.7%)	1102	0,005
	Ngoài công lập	4 (2.2%)	141 (77.9%)	36 (19.9%)	181	
Năm học hiện tại	Năm 1	24 (4.3%)	342 (61.2%)	193 (34.5%)	559	0,025
	Năm 2	21 (4.3%)	335 (68.5%)	133 (27.2%)	489	
	Năm 3	13 (9.4%)	84 (60.9%)	41 (29.7%)	138	
	Năm 4	3 (3.1%)	64 (66.0%)	30 (30.9%)	97	
Khối ngành đào tạo của bạn	Kinh tế - Quản lý - Kinh doanh	24 (3.9%)	384 (61.9%)	212 (34.2%)	620	0,001
	Khoa học xã hội & nhân văn - Luật - Sư phạm	24 (5.4%)	283 (63.6%)	138 (31.0%)	445	
	Kỹ thuật - Công nghệ	6 (3.7%)	123 (76.4%)	32 (19.9%)	161	
	Y - Dược - Khoa học sức khỏe	7 (12.3%)	35 (61.4%)	15 (26.3%)	57	

MỘT SỐ MINH HỌA CÁC HOẠT ĐỘNG TUYÊN TRUYỀN CHỦ QUYỀN BIỂN, ĐẢO VIỆT NAM DO ĐOÀN THANH NIÊN, HỘI SINH VIÊN CÁC TRƯỜNG ĐẠI HỌC TỔ CHỨC



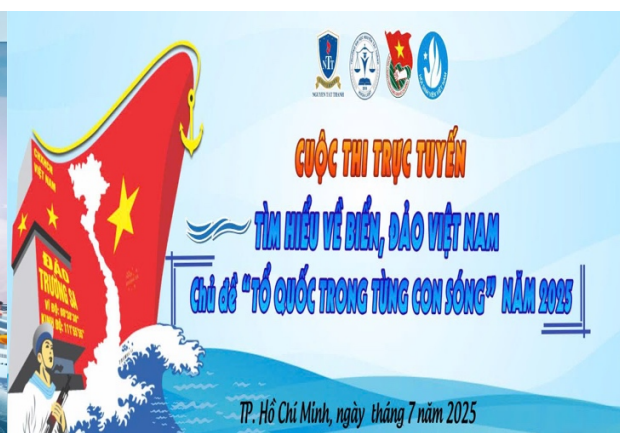
Cuộc thi thiết kế tranh cổ động và thi trắc nghiệm trực tuyến do Đoàn - Hội sinh viên các Khoa - Trường Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh tổ chức



Minh họa Cuộc thi thiết kế infographic do Đoàn Khoa Lịch sử và Quan hệ quốc tế - Trường Đại học Khoa học xã hội và nhân văn (TPHCM) tổ chức



Cuộc thi trắc nghiệm trực tuyến do Đoàn Trường Đại học Kinh tế TP HCM tổ chức



Cuộc thi trắc nghiệm trực tuyến do Đoàn – Hội Trường Đại học Nguyễn Tất Thành tổ chức



Sinh viên Đại học Quốc gia TP HCM nghe báo cáo thời sự về tình hình biển, đảo tại Trung tâm Giáo dục Quốc phòng và An ninh



Chương trình biểu diễn văn nghệ tuyên truyền biển, đảo và hoạt động gây quỹ khuyến học do Đoàn Trường Đại học Văn Lang tổ chức

PHỤ LỤC 5

KẾT QUẢ KHẢO SÁT ĐẠI DIỆN NHÀ TRƯỜNG

5.1. Thông tin chung về đại diện nhà trường

Thông tin chung về đối tượng nghiên cứu (n=151)

Thông tin chung		Tần số (n)	Tỉ lệ (%)
Đại diện các trường	Trường Đại học Tài chính - Marketing	28	18.5%
	Trường Đại học Sài Gòn	27	17.9%
	Trường Đại học Sư phạm TP.HCM	34	22.5%
	Trường Đại học Công nghiệp TP.HCM	25	16.6%
	Trường Đại học Văn Lang	13	8.6%
	Học viện Cán bộ TP.HCM	24	15.9%
Loại hình trường đại học	Công lập	138	91.4%
	Ngoài công lập	13	8.6%
Vị trí Ông/Bà đang công tác hiện nay	Cán bộ Đoàn Thanh niên	67	44.4%
	Cán bộ Hội Sinh viên	37	24.5%
	Giảng viên	32	21.2%
	Chuyên viên	15	9.9%
Thâm niên công tác	Dưới 3 năm	67	44.0%
	Từ 3 - dưới 5 năm	49	32.0%
	Từ 5 - dưới 10 năm	25	17.0%
	Từ 10 trở lên	10	7.0%
Lĩnh vực giảng dạy và nghiên cứu	Khoa học xã hội & nhân văn - Luật - Sư phạm	66	43.7%
	Kinh tế - Quản lý - Kinh doanh	52	34.4%
	Kỹ thuật - Công nghệ	24	15.9%
	Ngành khác	9	6.0%
Cấp tổ chức Đoàn - Hội trực tiếp tham gia	Cấp chi đoàn/chi hội	38	25.2%
	Cấp khoa	47	31.1%
	Cấp trường	66	43.7%

5.2. Nhận thức và mức độ quan tâm của cá nhân với công tác tuyên truyền chủ quyền biển, đảo Việt Nam cho sinh viên

Nội dung đo lường	Hoàn toàn không đồng ý		Không đồng ý		Phân vân		Đồng ý		Hoàn toàn đồng ý	
	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%
1. Tuyên truyền chủ quyền biển, đảo là một trong những nhiệm vụ giáo dục chính trị - tư tưởng quan trọng trong trường đại học	3	2.0	1	0.7	7	4.6	52	34.4	88	58.3
2. Tuyên truyền chủ quyền biển, đảo là nhiệm vụ quan trọng của tổ chức Đoàn - Hội trong trường đại học	3	2.0	1	0.7	8	5.3	52	34.4	87	57.6
3. Đoàn - Hội giữ vai trò nòng cốt trong việc tổ chức các hoạt động tuyên truyền biển, đảo cho sinh viên	3	2.0	2	1.3	5	3.3	53	35.1	88	58.3
4. Giảng viên có vai trò quan trọng trong định hướng nhận thức của sinh viên về chủ quyền biển, đảo	3	2.0	2	1.3	6	4.0	54	35.7	86	57.0
5. Sinh viên hiện nay cần được đổi mới cách tiếp cận nội dung chủ quyền biển, đảo	3	2.0	1	0.7	7	4.6	63	41.7	77	51.0
6. Sinh viên hiện nay cần các hình thức tuyên truyền biển, đảo đổi mới, hấp dẫn hơn	3	2.0	2	1.3	6	4.0	53	35.1	87	57.6

7. Công tác tuyên truyền chủ quyền biển, đảo gắn với thực tiễn học tập và đời sống sinh viên	3	2.0	1	0.7	5	3.3	55	36.4	87	57.6
8. Công tác tuyên truyền biển, đảo gắn với phong trào sinh viên và hoạt động trải nghiệm	2	1.3	4	2.7	8	5.3	63	41.7	74	49.0
9. Cần có sự phối hợp chặt chẽ giữa Đoàn - Hội với giảng viên và nhà trường trong hoạt động tuyên truyền chủ quyền biển, đảo cho sinh viên	3	2.0	1	0.7	11	7.3	52	34.4	84	55.6
10. Cần có sự phối hợp chặt chẽ giữa hoạt động giảng dạy, công tác Đoàn - Hội và truyền thông của nhà trường	3	2.0	2	1.3	5	3.3	58	38.4	83	55.0

5.3. Đánh giá thực trạng sử dụng phương thức tuyên truyền chủ quyền biển, đảo Việt Nam cho sinh viên

Nội dung đo lường	Không bao giờ		Ít khi		Thỉnh thoảng		Thường xuyên		Rất thường xuyên	
	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%
1. Phương thức truyền thống: Sinh hoạt chính trị đầu khóa/thường niên/định kỳ; hội nghị/hội thảo/tọa đàm; giao lưu với nhân chứng lịch sử, chuyên gia, báo cáo viên, cán bộ, chiến sĩ Hải quân,...	1	0.7	8	5.3	32	21.2	60	39.7	50	33.1
2. Phương thức trực quan: Pano, áp phích; triển lãm bản đồ; trưng bày tư liệu hình ảnh/số hóa (3D, thực tế ảo, mã QR),... về Quần đảo Hoàng Sa, Trường Sa tại trường/ký túc xá	1	0.7	11	7.3	26	17.2	70	46.3	43	28.5
3. Trực quan trong không gian học đường: mô hình biển đảo/ vườn hoa hình chữ S có Quần đảo Hoàng Sa, Trường Sa; cột mốc chủ quyền; thiết kế bản đồ Việt Nam; đặt tên đường/khu vực trong khuôn viên; vẽ tranh bích họa; đặt tên phòng học/phòng thí nghiệm/phòng thực hành gắn với biển đảo	3	2.0	8	5.3	32	21.2	55	36.4	53	35.1
4. Phương thức truyền thông đa phương tiện (trên nền tảng số): Bài viết/ tin văn/ video/ reels/infographic/podcast/,... trên mạng xã hội: Facebook/TikTok/Youtube/ Zalo/Instagram/Website/ Blog của trường hoặc của câu lạc bộ, đội, nhóm sinh viên	1	0.7	8	5.3	29	19.2	53	35.1	60	39.7
5. Phương thức hoạt động phong trào: Hội thi (Rung chuông vàng, thi trắc nghiệm trực tuyến,...); chương trình văn hóa - văn nghệ, hội thao quốc phòng gắn với chủ đề biển, đảo; cuộc thi thiết kế, sáng tác ấn phẩm tuyên truyền, cổ động (tranh vẽ 3D, ảnh, video, infographic,...)	1	0.7	6	4.0	31	20.5	57	37.7	56	37.1
6. Học tập kết hợp ngoại khóa - trải nghiệm: lồng ghép bài giảng (môn Giáo dục Quốc phòng và An ninh); CLB/đội nhóm học thuật; tham quan	3	2.0	11	7.3	27	17.9	60	39.7	50	33.1

nhà trưng bày/địa chỉ đồ/về nguồn; giao lưu kết nghĩa đơn vị Hải quân; đi thực tế thăm các đảo ở Trường Sa, thăm chiến sĩ Vùng 2 Hải quân, thăm nhà giàn DK1,...										
--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--

5.4. Đánh giá hiệu quả và những vấn đề đặt ra trong việc đổi phương thức tuyên truyền chủ quyền biển, đảo Việt Nam cho sinh viên

Nội dung đo lường	Hoàn toàn không đồng ý		Không đồng ý		Phân vân		Đồng ý		Hoàn toàn đồng ý	
	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%
1. Nội dung tuyên truyền chủ quyền biển, đảo Việt Nam phù hợp với tâm lý và nhu cầu của sinh viên	1	0.7	1	0.7	7	4.6	65	43.0	77	51.0
2. Các hình thức tuyên truyền chủ quyền biển, đảo tạo được sự quan tâm, hứng thú cho sinh viên	1	0.7	1	0.7	14	9.3	63	41.7	72	47.6
3. Các hoạt động tuyên truyền chủ quyền biển, đảo Việt Nam thu hút được sinh viên tham gia	1	0.7	1	0.7	16	10.6	68	45.0	65	43.0
4. Công tác tuyên truyền chủ quyền biển, đảo Việt Nam còn mang tính hình thức, chưa đi vào chiều sâu	2	1.3	10	6.6	19	12.6	59	39.1	61	40.4
5. Việc khai thác không gian học đường phục vụ cho hoạt động giáo dục, tuyên truyền chủ quyền biển, đảo còn hạn chế	2	1.3	8	5.3	27	17.9	46	30.5	68	45.0
6. Chưa phát huy đầy đủ vai trò của đội ngũ giảng viên trong công tác giáo dục, tuyên truyền chủ quyền biển, đảo	3	2.0	9	6.0	27	17.9	55	36.4	57	37.7
7. Một số hoạt động tuyên truyền còn mang tính phong trào, hình thức	2	1.3	8	5.3	21	13.9	54	35.8	66	43.7
8. Việc tổ chức hoạt động tuyên truyền còn gặp khó khăn về kinh phí, nhân lực	1	0.7	7	4.6	23	15.2	58	38.4	62	41.1
9. Chưa khai thác hiệu quả không gian học đường và nền tảng số trong tuyên truyền chủ quyền biển, đảo	2	1.3	9	6.0	26	17.2	52	34.4	62	41.1

5.5. Rào cản và định hướng đổi mới phương thức tuyên truyền chủ quyền biển, đảo Việt Nam cho sinh viên

Nội dung		Tần số (n)	Tỉ lệ (%)
Rào cản lớn nhất trong việc tổ chức các hoạt động tuyên truyền chủ quyền biển, đảo cho sinh viên hiện nay	Thiếu kinh phí	84	55.6%
	Thiếu nhân lực chuyên trách	77	51.0%
	Sinh viên ít quan tâm	87	57.6%
	Nội dung khó đổi mới, dễ trùng lặp	82	54.3%
	Cơ chế phối hợp trong nhà trường chưa hiệu quả	42	27.8%
	Áp lực chỉ tiêu phong trào	43	28.5%
	Khó đo lường hiệu quả tuyên truyền	54	35.8%
	Khác	1	0.7%
Những yếu tố nào có ý nghĩa quan trọng để đổi mới hiệu quả công tác tuyên truyền chủ quyền biển, đảo Việt Nam cho sinh viên	Nội dung tuyên truyền phù hợp với sinh viên	117	77.5%
	Hình thức tuyên truyền sinh động, sáng tạo, trực quan	119	78.8%
	Phương pháp tuyên truyền có tính tương tác	105	69.5%
	Ứng dụng công nghệ số	96	63.6%
	Cơ chế phối hợp giữa các lực lượng trong nhà trường	87	57.6%

	Sự quan tâm, chỉ đạo của lãnh đạo nhà trường	86	57.0%
	Khác	3	2.0%
Hướng đổi mới nào là cần thiết và khả thi trong công tác tuyên truyền chủ quyền biển, đảo Việt Nam cho sinh viên hiện nay	Gắn hoạt động tuyên truyền với không gian học đường	98	64.9%
	Đẩy mạnh truyền thông số, mạng xã hội của Nhà trường	113	74.8%
	Đẩy mạnh truyền thông số, mạng xã hội của Đoàn - Hội	97	62.2%
	Tăng cường hoạt động trải nghiệm - thực tế	101	66.9%
	Lồng ghép nội dung biển, đảo trong giảng dạy	86	57.0%
	Phối hợp chặt chẽ với đội ngũ giảng viên trong hoạt động giáo dục	83	55.0%
	Kết hợp đa dạng các phương thức	80	53.0%
Đề tham gia hiệu quả vào công tác tuyên truyền chủ quyền biển, đảo Việt Nam cho sinh viên trong nhà trường, giảng viên cần được hỗ trợ thêm về	Tài liệu giảng dạy chuẩn hóa	109	72.2%
	Học liệu số/ấn phẩm trực quan	105	69.5%
	Tập huấn chuyên đề	110	72.8%
	Cơ chế phối hợp - ghi nhận	99	65.6%
	Không cần hỗ trợ thêm	19	12.6%
	Khác	1	0.7%
Đoàn - Hội có thể phát huy hiệu quả hơn công tác tuyên truyền chủ quyền biển, đảo Việt Nam cho sinh viên trong nhà trường khi có sự phối hợp với các lực lượng sau	Giảng viên, khoa chuyên môn	105	69.5%
	Phòng Công tác Chính trị - Học sinh sinh viên	115	76.2%
	Các câu lạc bộ, đội nhóm sinh viên	95	62.9%
	Đơn vị Hải quân, lực lượng vũ trang	92	60.9%
	Bảo tàng, Nhà trưng bày, Nhà Tưởng niệm	98	64.9%
	Truyền thông ngoài nhà trường	72	47.7%

5.6. Nhận định của người đại diện các trường và việc sẵn sàng chủ động đề xuất, lồng ghép nội dung tuyên truyền chủ quyền biển, đảo Việt Nam cho sinh viên tại trường học dưới các hình thức và điều kiện phù hợp

Mức độ sẵn sàng		Hoàn toàn không đồng ý	Không đồng ý	Phân vân	Đồng ý	Hoàn toàn đồng ý	Tổng n (%)	P
Loại hình trường đại học đang công tác	Công lập	1 (0.7%)	2 (1.5%)	15 (10.9%)	50 (36.2%)	70 (50.7%)	138	0,045
	Ngoài công lập	0 (0%)	1 (7.7%)	4 (30.8%)	5 (38.5%)	3 (23.0%)	13	
Theo vị trí công tác hiện nay	Cán bộ Đoàn Thanh niên	2 (3.0%)	0 (0%)	7 (10.4%)	20 (29.9%)	38 (56.7%)	67	0,761
	Cán bộ Hội Sinh viên	0 (0%)	1 (2.7%)	3 (8.1%)	15 (40.5%)	18 (48.6%)	37	
	Giảng viên	0 (0%)	1 (3.1%)	5 (15.6%)	13 (40.6%)	13 (40.6%)	32	
	Chuyên viên	3 (20%)	3 (20%)	4 (26.7%)	2 (13.3%)	3 (20%)	15	
Theo thâm niên công tác	Dưới 3 năm	2 (3%)	1 (1.5%)	5 (7.5%)	24 (35.8%)	35 (52.2%)	67	0,793
	Từ 3 - dưới 5 năm	0 (0%)	0 (0%)	7 (14.3%)	16 (32.7%)	26 (53.1%)	49	
	Từ 5 - dưới 10 năm	0 (0%)	1 (4%)	3 (12%)	9 (36%)	12 (48%)	25	
	Từ 10 trở lên	0 (0%)	0 (0%)	0 (0%)	5 (50%)	5 (50%)	10	

PHỤ LỤC 6

PHIẾU PHÒNG VẤN SÂU THỰC TRẠNG SỬ DỤNG PHƯƠNG THỨC TUYÊN TRUYỀN CHỦ QUYỀN BIỂN, ĐẢO VIỆT NAM CHO SINH VIÊN CÁC TRƯỜNG ĐẠI HỌC Ở THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH HIỆN NAY

*Dành cho đại diện nhà trường (cán bộ Đoàn - Hội, giảng viên)
tại các trường đại học trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh*

Xin chào quý Ông/Bà!

Trong khuôn khổ Đề tài Luận án Nghiên cứu sinh (2023 - 2026): **“Đổi mới phương thức tuyên truyền chủ quyền biển, đảo Việt Nam cho sinh viên các trường đại học ở Thành phố Hồ Chí Minh hiện nay”**, tác giả tiến hành phỏng vấn, thu thập thông tin về các nội dung liên quan đến **“Thực trạng sử dụng phương thức tuyên truyền chủ quyền biển, đảo Việt Nam cho sinh viên các trường đại học ở Thành phố Hồ Chí Minh hiện nay”**.

Để có cơ sở đánh giá khách quan và trung thực những vấn đề cần nghiên cứu, tác giả rất mong Ông/Bà dành thời gian tham gia cuộc phỏng vấn. Tác giả cam kết: *Mọi thông tin cá nhân của Ông/Bà đều được bảo mật, được mã hóa và chỉ sử dụng cho mục đích nghiên cứu. Việc tham gia khảo sát là hoàn toàn tự nguyện. Ông/Bà có quyền từ chối tham gia bất kỳ lúc nào mà không cần phải đưa ra lý do và sẽ không phải chịu hậu quả gì.*

Rất mong nhận được sự hỗ trợ từ quý Ông/Bà!

Mọi thắc mắc, vui lòng liên hệ với tác giả theo địa chỉ e-mail sau:

Lê Vũ Xuân Uyên: levuxuanuyen2394@gmail.com

PHẦN A. THÔNG TIN VỀ NGƯỜI TRẢ LỜI

1. Tuổi:
2. Giới tính:
3. Chức vụ/vị trí việc làm trong đơn vị:
4. Công việc hiện tại đang đảm nhận/phụ trách mảng:
5. Thời gian đảm nhận chức vụ/vị trí việc làm (số năm, tháng):

PHẦN B. NỘI DUNG TRAO ĐỔI:

1. Ông/Bà đánh giá tầm quan trọng của công tác tuyên truyền chủ quyền biển, đảo Việt Nam cho sinh viên tại nhà trường như thế nào? Công tác tuyên truyền chủ quyền biển, đảo có được ưu tiên so với các công tác khác không? Vì sao? Nguồn lực để thực hiện công tác này tại trường như thế nào?

2. Xin Ông/Bà cho biết: Nhà trường, Đoàn Thanh niên, Hội Sinh viên Trường có được nhận và triển khai văn bản nào của UNBD Thành phố Hồ Chí Minh, Thành Đoàn Thành phố Hồ Chí Minh, Hội Sinh viên Thành phố Hồ Chí Minh về giáo dục, tuyên truyền, nâng cao nhận thức về chủ quyền biển, đảo Việt Nam cho sinh viên các trường đại học ở Thành phố Hồ Chí Minh không? Nếu có, Ông/Bà vui lòng kể tên các văn bản đó?

3. Xin Ông/Bà cho biết: Thời gian qua, Nhà trường, Khoa, Đoàn Thanh niên, Hội Sinh viên Trường có tổ chức các hoạt động tuyên truyền chủ quyền biển, đảo Việt Nam cho sinh viên không? Nếu có, Ông/Bà vui lòng kể tên các hoạt động mà ông bà biết?

4. Ông/Bà đánh giá chất lượng những chương trình, hoạt động tuyên truyền chủ quyền biển, đảo Việt Nam đã triển khai tổ chức, thực hiện cho sinh viên trong nhà trường như thế nào? Ông/Bà hãy chia sẻ những thuận lợi và khó khăn trong quá trình triển khai, thực hiện các chương trình, hoạt động đó?

5. Xin Ông/Bà cho biết: Những năm gần đây, Nhà trường có sử dụng mạng xã hội để giáo dục, tuyên truyền chủ quyền biển, đảo Việt Nam và các sự kiện chính trị - xã hội của đất nước cho sinh viên không?

- Nếu “Có”, Ông/Bà đánh giá mức độ sử dụng phương tiện truyền thông số cho các hoạt động trên như thế nào? Nhà trường đã sử dụng những hình thức, phương pháp tuyên truyền nào về chủ đề biển, đảo trên nền tảng số?

- Nếu “Không” hoặc “Không nhiều”, Ông/Bà hãy chia sẻ những khó khăn, bất cập trong việc sử dụng hình thức, phương tiện truyền thông số cho các hoạt động giáo dục, tuyên truyền trên? Nguyên nhân vì sao?

6. Theo Ông/Bà, Đoàn Thanh niên và Hội Sinh viên đóng vai trò như thế nào trong việc tổ chức các hoạt động tuyên truyền chủ quyền biển, đảo cho sinh viên? Ông/Bà đánh giá mức độ thực hiện các phương thức tuyên truyền chủ quyền biển, đảo của Đoàn - Hội trong nhà trường như thế nào?

7. Ông/Bà đánh giá mức độ sinh viên tham gia các hoạt động do Đoàn - Hội trong nhà trường tổ chức/phát động như thế nào? Theo Ông/Bà, lý do một bộ phận sinh viên không tham gia các hoạt động, phong trào Đoàn - Hội là gì?

8. Theo Ông/Bà, những yếu tố nào ảnh hưởng trực tiếp/gián tiếp đến hoạt động tuyên truyền chủ quyền biển, đảo Việt Nam cho sinh viên tại trường đại học? Ông/Bà hãy chia sẻ cách khắc phục với những yếu tố ảnh hưởng đó?

9. Ông/Bà đánh giá thời lượng lồng ghép nội dung tuyên truyền chủ quyền biển, đảo Việt Nam cho sinh viên trong các bài học/môn học, các buổi sinh hoạt chính trị, sinh hoạt chuyên đề, hội thảo, tọa đàm, hoạt động ngoại khoá tại trường hiện nay như thế nào? Ông/Bà mong muốn tăng hay giảm thời lượng lồng ghép nội dung trên? *(Vui lòng nêu lý do).*

10. Theo Ông/Bà, hạn chế lớn nhất của hoạt động tuyên truyền chủ quyền biển, đảo Việt Nam cho sinh viên trong trường đại học hiện nay là gì? Ông/Bà có đề xuất giải pháp cụ thể nào để đổi mới phương thức tuyên truyền chủ quyền, biển đảo cho sinh viên trong thời gian tới?

Trân trọng cảm ơn sự cộng tác của quý Ông/bà!

TỔNG HỢP PHIẾU TRẢ LỜI PHÒNG VẤN SÂU

(PV1)

PHẦN A. THÔNG TIN VỀ NGƯỜI TRẢ LỜI

1. Tuổi: 35
2. Giới tính: Nam
3. Chức vụ/vị trí việc làm trong đơn vị: UVBCH Đoàn trường
4. Công việc hiện tại đang đảm nhận/phụ trách mảng: Ủy viên BCH Đoàn trường kiêm giảng viên
5. Thời gian đảm nhận chức vụ/vị trí việc làm (số năm, tháng): 10 năm

PHẦN B. NỘI DUNG TRAO ĐỔI

Câu 1.

Công tác tuyên truyền chủ quyền biển, đảo có ý nghĩa rất quan trọng trong việc nâng cao nhận thức, ý thức trách nhiệm của sinh viên đối với chủ quyền quốc gia. Tuy nhiên, trong bối cảnh nhiều nhiệm vụ giáo dục và đoàn thể khác, việc này chưa thực sự được ưu tiên cao so với các hoạt động chính trị, học thuật hay rèn luyện kỹ năng. Nguồn lực thực hiện còn hạn chế, chủ yếu dựa vào kinh phí từ Đoàn – Hội và sự hỗ trợ từ nhà trường, thiếu chuyên nghiệp về nội dung và phương pháp truyền thông.

Câu 2.

Nhà trường và các tổ chức Đoàn – Hội có nhận được các văn bản chỉ đạo từ Thành ủy, Thành đoàn, Hội Sinh viên TP.HCM về công tác tuyên truyền biển, đảo. Cụ thể là các công văn hướng dẫn tổ chức sinh hoạt chính trị đầu năm, các đợt tuyên truyền nhân ngày Biển đảo Việt Nam (27/7), và một số kế hoạch hành động của Thành đoàn về giáo dục lòng yêu nước, chủ quyền biển đảo.

Câu 3.

Các hoạt động đã được tổ chức bao gồm: sinh hoạt chuyên đề về biển đảo, chiếu phim tài liệu, tổ chức cuộc thi tìm hiểu về Hoàng Sa – Trường Sa, tham gia diễn đàn trực tuyến, và một số buổi nói chuyện với cựu chiến binh, nhà nghiên cứu. Tuy nhiên, quy mô còn nhỏ, chưa thường xuyên.

Câu 4.

Chất lượng các hoạt động ở mức trung bình. Thuận lợi là sinh viên có tinh thần quan tâm, nội dung tuyên truyền có sẵn từ các nguồn chính thống. Khó khăn nằm ở hình thức tổ chức còn đơn điệu, thiếu sáng tạo, kinh phí hạn chế, và việc thu hút sinh viên tham gia chưa cao do lịch học dày đặc.

Câu 5.

Có sử dụng mạng xã hội (Facebook, Zalo, website trường) để đăng tải bài viết, hình ảnh, video về chủ quyền biển đảo. Tuy nhiên, mức độ tương tác còn thấp, nội dung chưa đa dạng, chủ yếu là đăng lại thông tin từ báo chí chính thống. Khó khăn chính là thiếu người phụ trách chuyên môn về truyền thông số, kinh phí đầu tư cho sản xuất nội dung hấp dẫn, và chưa có chiến lược truyền thông bài bản.

Câu 6.

Đoàn Thanh niên và Hội Sinh viên đóng vai trò nòng cốt trong tổ chức các hoạt động. Tuy nhiên, phương thức còn mang tính hành chính, phong trào, chưa thực sự đi vào chiều sâu và chưa tạo được sự lan tỏa mạnh mẽ trong sinh viên.

Câu 7. Mức độ tham gia của sinh viên không đều, thường tập trung vào nhóm tích cực. Lý do một bộ phận không tham gia bao gồm: hoạt động chưa hấp dẫn, trùng lịch học, thiếu động lực tham gia, và nhận thức về tầm quan trọng của vấn đề chưa cao.

Câu 8.

Yếu tố ảnh hưởng bao gồm: nhận thức và sự quan tâm của lãnh đạo nhà trường, năng lực tổ chức của cán bộ Đoàn – Hội, hình thức tuyên truyền, kinh phí, và sự hưởng ứng của sinh viên. Cách khắc phục: đa dạng hóa hình thức, tăng cường đào tạo kỹ năng cho cán bộ, lồng ghép nội dung vào môn học và hoạt động ngoại khóa một cách tự nhiên, huy động nguồn lực xã hội hóa.

Câu 9.

Thời lượng lồng ghép hiện nay còn ít, chủ yếu trong một số tiết học Giáo dục quốc phòng, sinh hoạt chính trị đầu khóa. Tôi mong muốn tăng thời lượng một cách hợp lý, linh hoạt, lồng ghép vào các môn học xã hội, hoạt động ngoại khóa, để vừa đảm bảo kiến thức chuyên môn vừa giáo dục ý thức công dân một cách tự nhiên, không gây nhàm chán.

Câu 10.

Hạn chế lớn nhất là tính hình thức, thiếu sáng tạo và chưa tạo được sự đồng cảm, hứng thú thực sự từ sinh viên. Đề xuất:

- Ứng dụng mạnh mẽ công nghệ số (games hóa, video ngắn, podcast).
- Tổ chức các chuyến đi thực tế ảo (virtual tour) đến các đảo, nhà giàn.
- Mời các nhân chứng lịch sử, chuyên gia trẻ để chia sẻ.
- Xây dựng các dự án sinh viên nghiên cứu, sáng tạo nội dung về biển đảo.
- Tích hợp nội dung tuyên truyền vào các nền tảng học tập trực tuyến (E-learning) của trường.

(PV2)

PHẦN A. THÔNG TIN VỀ NGƯỜI TRẢ LỜI

1. Tuổi: 31
2. Giới tính: Nam
3. Chức vụ/vị trí việc làm trong đơn vị: Giảng viên
4. Công việc hiện tại đang đảm nhận/phụ trách mảng: Giảng viên môn Giáo dục quốc phòng và an ninh
5. Thời gian đảm nhận chức vụ/vị trí việc làm (số năm, tháng): 9 năm

PHẦN B. NỘI DUNG TRAO ĐỔI

1. Ông/Bà đánh giá tầm quan trọng của công tác tuyên truyền chủ quyền biển, đảo Việt Nam cho sinh viên tại nhà trường như thế nào? Rất quan trọng.

Công tác tuyên truyền chủ quyền biển, đảo có được ưu tiên so với các công tác khác không? Không thường xuyên

Vì sao? Nhà trường có rất nhiều hoạt động học thuật khác

Nguồn lực để thực hiện công tác này tại trường như thế nào? Thông qua lồng ghép vào các hoạt động chung của nhà trường, kinh phí của nhà trường

2. Xin Ông/Bà cho biết: Nhà trường, Đoàn Thanh niên, Hội Sinh viên Trường có được nhận và triển khai văn bản nào của UNBD Thành phố Hồ Chí Minh, Thành Đoàn Thành phố Hồ Chí Minh, Hội Sinh viên Thành phố Hồ Chí Minh về giáo dục, tuyên truyền, nâng cao nhận thức về chủ quyền biển, đảo Việt Nam cho sinh viên các trường đại học ở Thành phố Hồ Chí Minh không? Không biết

Nếu có, Ông/Bà vui lòng kể tên các văn bản đó?

3. Xin Ông/Bà cho biết: Thời gian qua, Nhà trường, Khoa, Đoàn Thanh niên, Hội Sinh viên Trường có tổ chức các hoạt động tuyên truyền chủ quyền biển, đảo Việt Nam cho sinh viên không? Thường xuyên tổ chức.

Nếu có, Ông/Bà vui lòng kể tên các hoạt động mà ông bà biết? Nhà trường lồng ghép vào trong giảng dạy của các môn học như GDQPAN, Chính trị, thông qua các hoạt động đoàn, hội, thông qua các hoạt động của Công Đoàn như tham quan học hỏi, văn hóa văn nghệ, hội thao.

4. Ông/Bà đánh giá chất lượng những chương trình, hoạt động tuyên truyền chủ quyền biển, đảo Việt Nam đã triển khai tổ chức, thực hiện cho sinh viên trong nhà trường như thế nào? Chất lượng tương đối tốt và hiệu quả

Ông/Bà hãy chia sẻ những thuận lợi và khó khăn trong quá trình triển khai, thực hiện các chương trình, hoạt động đó? Thuận lợi vì được nhà trường quan tâm và hỗ trợ.

Khó khăn vì thời gian hạn chế, sinh viên chưa thật sự quan tâm

5. Xin Ông/Bà cho biết: Những năm gần đây, Nhà trường có sử dụng mạng xã hội để giáo dục, tuyên truyền chủ quyền biển, đảo Việt Nam và các sự kiện chính trị - xã hội của đất nước cho sinh viên không? Có, rất thường xuyên.

- Nếu "Có", Ông/Bà đánh giá mức độ sử dụng phương tiện truyền thông số cho các hoạt động trên như thế nào? Rất hiệu quả.

Nhà trường đã sử dụng những hình thức, phương pháp tuyên truyền nào về chủ đề biển, đảo trên nền tảng số? Hình thức thông qua viết tin, tạo ra các cuộc thi.

- Nếu "Không" hoặc "Không nhiều", Ông/Bà hãy chia sẻ những khó khăn, bất cập trong việc sử dụng hình thức, phương tiện truyền thông số cho các hoạt động giáo dục, tuyên truyền trên? Nguyên nhân vì sao?

6. Theo Ông/Bà, Đoàn Thanh niên và Hội Sinh viên đóng vai trò như thế nào trong việc tổ chức các hoạt động tuyên truyền chủ quyền biển, đảo cho sinh viên? Đóng vai trò cầu nối và là người đi đầu trong công tác này

Ông/Bà đánh giá mức độ thực hiện các phương thức tuyên truyền chủ quyền biển, đảo của Đoàn - Hội trong nhà trường như thế nào? Rất hiệu quả

7. Ông/Bà đánh giá mức độ sinh viên tham gia các hoạt động do Đoàn - Hội trong nhà trường tổ chức/phát động như thế nào? Rất hưởng ứng

Theo Ông/Bà, lý do một bộ phận sinh viên không tham gia các hoạt động, phong trào Đoàn - Hội là gì? Còn mơ hồ về các hoạt động, ko sắp xếp thời gian hợp lý

8. Theo Ông/Bà, những yếu tố nào ảnh hưởng trực tiếp/gián tiếp đến hoạt động tuyên truyền chủ quyền biển, đảo Việt Nam cho sinh viên tại trường đại học? Yếu tố trực tiếp: hoạt động tuyên truyền ko sinh động, ko thời sự, hàn lâm ko tạo sự hứng thú và tò mò cho người tham gia. Gián tiếp: Sự nhận biết và ý thức trách nhiệm của 1 bộ phận sinh viên còn yếu kém

Ông/Bà hãy chia sẻ cách khắc phục với những yếu tố ảnh hưởng đó? Đẩy mạnh tuyên truyền trên nền tảng số, lồng ghép vào các chương trình ngoài giờ, tọa đàm, văn hóa văn nghệ của từng lớp, từng khoa.

9. Ông/Bà đánh giá thời lượng lồng ghép nội dung tuyên truyền chủ quyền biển, đảo Việt Nam cho sinh viên trong các bài học/môn học, các buổi sinh hoạt chính trị, sinh hoạt chuyên đề, hội thảo, tọa đàm, hoạt động ngoại khóa tại trường hiện nay như thế nào? Thời gian khoảng 2 tiết

Ông/Bà mong muốn tăng hay giảm thời lượng lồng ghép nội dung trên? (Vui lòng nêu lý do). Ko tăng ko giảm, vì còn phù thuộc vào cơ chế đặc thù

10. Theo Ông/Bà, hạn chế lớn nhất của hoạt động tuyên truyền chủ quyền biển, đảo Việt Nam cho sinh viên trong trường đại học hiện nay là gì? Đến từ người tuyên truyền phải đổi mới sáng tạo nội dung tuyên truyền, cách thức hoạt động, để tạo sự hứng thú, tò mò tìm hiểu của sinh viên. Tạo ra các giá trị có lợi ích về tinh thần và vật chất như sản phẩm sau mỗi lần tuyên truyền (như quà tặng, lưu niệm, vật phẩm có giá trị gợi nhớ, kỉ niệm).

Ông/Bà có đề xuất giải pháp cụ thể nào để đổi mới phương thức tuyên truyền chủ quyền, biển đảo cho sinh viên trong thời gian tới?

(PV3)

PHẦN A. THÔNG TIN VỀ NGƯỜI TRẢ LỜI

1. Tuổi: 32
2. Giới tính: Nam
3. Chức vụ/vị trí việc làm trong đơn vị: Giảng viên
4. Công việc hiện tại đang đảm nhận/phụ trách mảng: Giảng viên
5. Thời gian đảm nhận chức vụ/vị trí việc làm (số năm, tháng): 5 năm

PHẦN B. NỘI DUNG TRAO ĐỔI**Câu 1:**

Là một giảng viên, tôi nhận thấy công tác tuyên truyền chủ quyền biển, đảo là một phần quan trọng trong giáo dục lý tưởng, đạo đức và trách nhiệm công dân cho sinh viên. Tuy nhiên, trong thực tế giảng dạy và hoạt động chuyên môn, nội dung này chưa được đặt ngang hàng với các mục tiêu đào tạo chuyên ngành. Nguồn lực dành riêng cho hoạt động tuyên truyền còn hạn chế, chủ yếu thông qua các đợt phát động của Đoàn – Hội hoặc lồng ghép trong một số môn học liên quan.

Câu 2:

Nhà trường có nhận các văn bản chỉ đạo từ cấp trên, nhưng thường được chuyển tiếp qua phòng Công tác sinh viên hoặc Đoàn Thanh niên. Tôi được biết đến một số kế hoạch như Hướng dẫn tổ chức sinh hoạt chính trị với chủ đề biển đảo, hay Công văn về việc tăng cường giáo dục chủ quyền biển đảo trong các cơ sở giáo dục. Tuy nhiên, việc triển khai cụ thể vào giảng dạy chưa có hướng dẫn chi tiết.

Câu 3:

Các hoạt động tôi biết thường do Đoàn – Hội tổ chức, chẳng hạn: buổi nói chuyện chuyên đề về biển đảo, chiếu phim tư liệu, cuộc thi tìm hiểu trực tuyến. Đôi khi có lồng ghép trong môn học như Giáo dục quốc phòng, Lịch sử Đảng, nhưng chưa thành hệ thống.

Câu 4:

Về chất lượng, các hoạt động hiện tại đảm bảo tính chính xác, chính thống về thông tin, nhưng cách thức tổ chức còn khá truyền thống, thiếu sự tương tác và khả năng khơi gợi tư duy phân biện. Thuận lợi là có nguồn tư liệu phong phú từ Nhà nước và các cơ quan chức năng. Khó khăn chính là thiếu sự phối hợp chặt chẽ giữa giảng viên chuyên môn và tổ chức Đoàn, cũng như chưa có phương pháp sư phạm chuyên biệt cho nội dung nhạy cảm này.

Câu 5:

Nhà trường có sử dụng mạng xã hội, nhưng chủ yếu mang tính thông báo một chiều. Là giảng viên, tôi ít thấy các nội dung tuyên truyền biển đảo được thiết kế thành các học liệu số hấp dẫn (video bài giảng ngắn, infographic chuyên sâu, bài tập tình huống) để tích hợp vào giảng dạy. Nguyên nhân có thể do thiếu đội ngũ thiết kế học liệu số, và chưa có chính sách khuyến khích giảng viên đầu tư thời gian cho mảng này.

Câu 6:

Đoàn – Hội đóng vai trò quan trọng trong việc khởi xướng và tổ chức các hoạt động ngoại khóa. Tuy nhiên, phương thức còn thiên về phong trào, diễn thuyết, chưa khai thác được thế mạnh của môi trường học thuật trong việc tạo ra các diễn đàn tranh luận, nghiên cứu chuyên sâu, từ đó giúp sinh viên hiểu vấn đề một cách có hệ thống và khoa học hơn.

Câu 7:

Sự tham gia của sinh viên khá thụ động, phần lớn là do yêu cầu từ phía Đoàn thể hoặc để lấy điểm rèn luyện. Lý do sinh viên không hào hứng có thể vì hoạt động chưa gắn với chuyên ngành học, thiếu tính tương tác và chưa chứng minh được sự liên quan trực tiếp đến định hướng nghề nghiệp tương lai của các em.

Câu 8:

Yếu tố ảnh hưởng lớn nhất là cách tiếp cận vấn đề. Hiện tại, nội dung thường được trình bày dưới dạng thông tin một chiều, ít tạo cơ hội cho sinh viên thảo luận, đặt câu hỏi hay nghiên cứu độc lập. Để khắc phục, cần chuyển từ "tuyên truyền" sang "giáo dục" một cách bài bản, tích hợp vào chương trình đào tạo, khuyến khích giảng viên đưa vấn đề biển đảo vào bài giảng một cách tự nhiên, logic với môn học.

Câu 9:

Thời lượng lồng ghép hiện nay là rất ít và mang tính hình thức. Tôi mong muốn tăng thời lượng một cách có chất lượng, nghĩa là không chỉ thêm giờ mà cần có phương pháp sư phạm phù hợp. Ví dụ, trong môn Luật Quốc tế có thể phân tích Công ước UNCLOS; môn Kinh tế có thể bàn về tiềm năng kinh tế biển; môn Môi trường có thể nghiên cứu hệ sinh thái biển đảo. Cách này vừa nâng cao kiến thức chuyên môn, vừa giáo dục ý thức một cách thuyết phục.

Câu 10:

Hạn chế lớn nhất là sự tách rời giữa hoạt động tuyên truyền và hoạt động đào tạo chuyên môn, khiến nội dung trở nên xa rời với mối quan tâm thực sự của sinh viên. Đề xuất của tôi:

- Tích hợp vào chương trình đào tạo: Xây dựng các chuyên đề, bài tập tình huống, case study về biển đảo trong nhiều môn học.
- Phát triển học liệu số chuyên sâu: Sản xuất các video bài giảng, podcast, bài đọc thêm chất lượng cao, dễ tiếp cận.
- Tổ chức seminar/hội thảo học thuật: Tạo diễn đàn để sinh viên nghiên cứu, thảo luận dưới góc độ khoa học, từ luật pháp, lịch sử đến kinh tế, môi trường.
- Khuyến khích nghiên cứu khoa học: Đưa chủ đề biển đảo vào danh mục đề tài nghiên cứu khoa học sinh viên, khóa luận tốt nghiệp.
- Đào tạo giảng viên: Tập huấn phương pháp lồng ghép nội dung này một cách hiệu quả, tự nhiên vào bài giảng.

(PV4)

PHẦN A. THÔNG TIN VỀ NGƯỜI TRẢ LỜI

1. Tuổi: 35
2. Giới tính: Nam
3. Chức vụ/vị trí việc làm trong đơn vị: UVBCH Đoàn trường
4. Công việc hiện tại đang đảm nhận/phụ trách mảng: Ủy viên BCH Đoàn trường kiêm giảng viên
5. Thời gian đảm nhận chức vụ/vị trí việc làm (số năm, tháng): 10 năm

PHẦN B. NỘI DUNG TRAO ĐỔI**Câu 1.**

Công tác tuyên truyền chủ quyền biển, đảo cho sinh viên rất quan trọng, vì đây là thế hệ trẻ, tương lai đất nước, cần ý thức rõ về lãnh thổ thiêng liêng. Nhà trường luôn coi trọng, nhưng thực tế chưa được ưu tiên hàng đầu so với các hoạt động học thuật, việc làm hay kỹ năng mềm – do áp lực chương trình học và nguồn lực hạn chế. Nguồn lực chủ yếu từ ngân sách trường, hỗ trợ từ Thành Đoàn, Thành hội Sinh viên, và sự đóng góp tự nguyện của cán bộ Đoàn – Hội.

Câu 2.

Có nhận và triển khai một số văn bản hướng dẫn, như Công văn của Thành Đoàn TP.HCM về tăng cường giáo dục chủ quyền biển đảo cho thanh niên, sinh viên; Kế hoạch của Hội Sinh viên TP.HCM về các hoạt động tuyên truyền biển đảo; hoặc các chỉ đạo từ UBND TP.HCM liên quan đến giáo dục quốc phòng – an ninh, trong đó có nội dung biển đảo. Thường được triển khai qua Đoàn – Hội trường.

Câu 3.

Có tổ chức khá đều đặn, ví dụ: tọa đàm, hội thảo về tình hình Biển Đông; triển lãm ảnh “Hoàng Sa – Trường Sa là của Việt Nam”; giao lưu với cán bộ, chiến sĩ Hải quân; phát động phong trào “Sinh viên với biển đảo quê hương”; hoặc các buổi sinh hoạt chuyên đề lồng ghép trong sinh hoạt chi đoàn, sinh hoạt chính trị đầu năm học.

Câu 4.

Chất lượng ở mức khá, nội dung cơ bản, giúp sinh viên nâng cao nhận thức, nhưng chưa thực sự sâu sắc, hấp dẫn. Thuận lợi là sự quan tâm của lãnh đạo trường, sự nhiệt tình của Đoàn – Hội, và sự hỗ trợ từ các đơn vị quân đội. Khó khăn lớn nhất là sinh viên bận học tập, thi cử, ít thời gian tham gia; kinh phí hạn chế nên hoạt động chủ yếu nội bộ, chưa đa dạng hình thức; một số bạn còn thờ ơ vì thông tin trên mạng xã hội nhiều chiều.

Câu 5.

Có sử dụng mạng xã hội, chủ yếu fanpage Đoàn Thanh niên, Hội Sinh viên trường và các group lớp. Đăng bài, infographic, video ngắn về lịch sử biển đảo, tình hình Biển Đông, chia sẻ từ chiến sĩ hải quân, hoặc livestream tọa đàm. Mức độ sử dụng ở mức trung bình, hiệu quả khá tốt với sinh viên trẻ, nhưng chưa chuyên nghiệp, tương tác chưa cao. Nếu ít hơn thì do cán bộ Đoàn – Hội chưa thành thạo công nghệ, nội dung đôi khi khô khan, chưa bắt kịp xu hướng TikTok, Reels.

Câu 6.

Đoàn Thanh niên và Hội Sinh viên đóng vai trò chủ lực, trực tiếp tổ chức, phát động hầu hết các hoạt động. Mức độ thực hiện tốt ở khâu triển khai, nhưng còn hạn chế về sáng tạo phương thức – chủ yếu theo kiểu truyền thống (hội thảo, triển lãm), chưa mạnh về truyền thông số hay hoạt động trải nghiệm thực tế.

Câu 7.

Sinh viên tham gia ở mức trung bình, khoảng 40-60% tùy hoạt động. Nhiều bạn nhiệt tình, nhưng một bộ phận không tham gia vì bận học nhóm, làm thêm, hoặc thấy hoạt động chưa hấp dẫn, chưa liên quan trực tiếp đến lợi ích cá nhân. Cũng có phần do thông tin chưa lan tỏa rộng.

Câu 8.

Các yếu tố ảnh hưởng: nhận thức của sinh viên còn hạn chế, áp lực học tập – việc làm, thông tin sai lệch trên mạng, nguồn lực kinh phí – nhân sự ít. Khắc phục bằng cách tăng tính thực tiễn (giao lưu trực tiếp với ngư dân, chiến sĩ), đa dạng hình thức (video ngắn, challenge mạng xã hội), phối hợp chặt hơn với các trường quân sự, và lồng ghép vào chương trình học chính khóa.

Câu 9.

Thời lượng lồng ghép hiện nay khá ít, chủ yếu trong môn Giáo dục quốc phòng – an ninh, sinh hoạt chính trị đầu năm, hoặc một số buổi chuyên đề. Tôi mong muốn tăng lên, vì đây là nội dung cần thiết để xây dựng lòng yêu nước, ý thức trách nhiệm – không làm ảnh hưởng lớn đến chương trình chính, chỉ cần tích hợp khéo léo hơn.

Câu 10.

Hạn chế lớn nhất là hoạt động còn mang tính hình thức, thiếu chiều sâu, chưa thu hút được đông đảo sinh viên. Giải pháp: Đổi mới bằng cách đẩy mạnh truyền thông số (TikTok, Instagram Reels với nội dung gần gũi, trẻ trung); tổ chức các cuộc thi sáng tạo (video, thiết kế poster, viết cảm nhận); tăng giao lưu thực tế (tham quan tàu hải quân, nghe chuyện từ ngư dân); và phối hợp liên trường để tạo sức lan tỏa lớn hơn. Cần đầu tư hơn về nội dung chuyên sâu, cập nhật tình hình mới nhất để sinh viên thấy gần gũi, thiết thực.

(PV5)

PHẦN A. THÔNG TIN VỀ NGƯỜI TRẢ LỜI

1. Tuổi: 32
2. Giới tính: Nam
3. Chức vụ/vị trí việc làm trong đơn vị: Giảng viên
4. Công việc hiện tại đang đảm nhận/phụ trách mảng: Giảng viên
5. Thời gian đảm nhận chức vụ/vị trí việc làm (số năm, tháng): 6 năm

PHẦN B. NỘI DUNG TRAO ĐỔI**Câu 1.**

Công tác tuyên truyền chủ quyền biển, đảo Việt Nam cho sinh viên có vai trò quan trọng trong giáo dục chính trị, tư tưởng, góp phần nâng cao nhận thức và trách nhiệm công dân của sinh viên đối với các vấn đề của đất nước. Tuy nhiên, do phải thực hiện đồng thời nhiều nhiệm vụ khác nên nội dung này chủ yếu được lồng ghép trong các hoạt động chung, chưa phải lúc nào cũng được ưu tiên thành một mảng riêng biệt. Nguồn lực triển khai còn hạn chế, chủ yếu dựa vào đội ngũ cán bộ Đoàn – Hội, giảng viên và kinh phí hoạt động thường xuyên của nhà trường.

Câu 2.

Nhà trường, Đoàn Thanh niên và Hội Sinh viên có tiếp nhận và triển khai các văn bản chỉ đạo, hướng dẫn của UBND Thành phố, Thành Đoàn và Hội Sinh viên Thành phố về công tác giáo dục, tuyên truyền chủ quyền biển, đảo. Các văn bản này thường được cụ thể hóa thông qua kế hoạch công tác năm, các đợt sinh hoạt chính trị, tuyên truyền các ngày lễ, sự kiện lớn của đất nước.

Câu 3.

Trong thời gian qua, nhà trường và các đơn vị trực thuộc có tổ chức một số hoạt động tuyên truyền về chủ quyền biển, đảo cho sinh viên như: sinh hoạt chính trị đầu năm, nói chuyện chuyên đề, hội thảo, tọa đàm, triển lãm hình ảnh, cuộc thi tìm hiểu kiến thức về biển, đảo Việt Nam; đồng thời lồng ghép nội dung này trong các chương trình do Đoàn – Hội phát động.

Câu 4.

Nhìn chung, các chương trình, hoạt động tuyên truyền đã được tổ chức tương đối nghiêm túc, nội dung phù hợp với định hướng giáo dục chính trị cho sinh viên. Thuận lợi là có sự chỉ đạo thống nhất từ nhà trường và sự phối hợp giữa các đơn vị. Tuy nhiên, khó khăn là hình thức tuyên truyền chưa thật sự phong phú, thời lượng dành cho nội dung biển, đảo còn hạn chế và mức độ thu hút sinh viên chưa cao.

Câu 5.

Những năm gần đây, nhà trường có sử dụng mạng xã hội để giáo dục, tuyên truyền về chủ quyền biển, đảo Việt Nam và các sự kiện chính trị – xã hội của đất nước cho sinh viên. Việc sử dụng truyền thông số ở mức khá, chủ yếu thông qua fanpage, website, các kênh truyền thông của Đoàn – Hội để đăng tải bài viết, hình ảnh, video, infographic theo các đợt tuyên truyền cao điểm. Tuy nhiên, việc khai thác chưa thật sự chuyên sâu do hạn chế về nhân lực, kỹ năng truyền thông số và sự cạnh tranh lớn của các nội dung giải trí trên mạng xã hội.

Câu 6.

Đoàn Thanh niên và Hội Sinh viên đóng vai trò nòng cốt trong việc tổ chức và triển khai các hoạt động tuyên truyền chủ quyền biển, đảo cho sinh viên. Thông qua các phong trào, chiến dịch và hoạt động giáo dục chính trị, Đoàn – Hội đã góp phần đưa nội dung biển, đảo đến gần hơn với sinh viên. Tuy vậy, mức độ triển khai giữa các đơn vị còn chưa đồng đều, hiệu quả phụ thuộc nhiều vào sự chủ động của từng cơ sở.

Câu 7.

Mức độ sinh viên tham gia các hoạt động do Đoàn – Hội tổ chức ở mức tương đối, nhưng chưa thật sự đồng đều giữa các khoa, ngành. Một bộ phận sinh viên chưa tích cực tham gia do áp lực học tập, làm thêm, hoặc cho rằng nội dung hoạt động chưa thật sự hấp dẫn và chưa gắn nhiều với nhu cầu cá nhân.

Câu 8.

Các yếu tố ảnh hưởng đến hoạt động tuyên truyền chủ quyền biển, đảo cho sinh viên gồm: nhận thức và mức độ quan tâm của sinh viên, thời gian tổ chức hoạt động, kinh phí, đội ngũ cán bộ phụ trách và hình thức tuyên truyền. Để khắc phục, cần đổi mới phương thức tuyên truyền theo hướng linh hoạt hơn, tăng tính trực quan, ứng dụng công nghệ số và gắn nội dung tuyên truyền với các hoạt động trải nghiệm thực tế.

Câu 9.

Hiện nay, nội dung tuyên truyền chủ quyền biển, đảo được lồng ghép với thời lượng ở mức vừa phải trong các môn học, sinh hoạt chính trị, hội thảo, tọa đàm và hoạt động ngoại khóa. Cá nhân tôi mong muốn tăng thời lượng lồng ghép theo hướng chọn lọc, tập trung vào những nội dung thiết thực, tránh dàn trải để đảm bảo hiệu quả tiếp nhận của sinh viên.

Câu 10.

Hạn chế lớn nhất của công tác tuyên truyền chủ quyền biển, đảo hiện nay là hình thức tuyên truyền còn chưa thật sự hấp dẫn, thiếu tính tương tác cao và chưa bắt kịp xu hướng tiếp cận thông tin của sinh viên. Trong thời gian tới, cần đổi mới phương thức tuyên truyền theo hướng tăng cường ứng dụng truyền thông số, đa dạng hóa các hoạt động trải nghiệm, đồng thời phát huy vai trò chủ động của Đoàn – Hội và sinh viên trong việc tham gia tổ chức và lan tỏa nội dung tuyên truyền.

(PV6)

PHẦN A. THÔNG TIN VỀ NGƯỜI TRẢ LỜI

1. Tuổi: 34
2. Giới tính: Nam
3. Chức vụ/vị trí việc làm trong đơn vị: Chuyên viên
4. Công việc hiện tại đang đảm nhận/phụ trách mảng: Công tác sinh viên Thời gian đảm nhận chức vụ/vị trí việc làm (số năm, tháng): 6 năm 4 tháng

PHẦN B. NỘI DUNG TRAO ĐỔI

1. Ông/Bà đánh giá tầm quan trọng của công tác tuyên truyền chủ quyền biển, đảo Việt Nam cho sinh viên tại nhà trường như thế nào? Công tác tuyên truyền chủ quyền biển, đảo có được ưu tiên so với các công tác khác không? Vì sao? Nguồn lực để thực hiện công tác này tại trường như thế nào?

Tôi đánh giá đây là công tác đặc biệt quan trọng, mang tính chiến lược và sống còn trong công tác giáo dục chính trị tư tưởng. Với sinh viên (đặc biệt là sinh viên sư phạm - những người thầy tương lai), việc nhận thức đúng về chủ quyền biển đảo góp phần hình thành ý thức công dân, lòng yêu nước, trách nhiệm bảo vệ Tổ quốc trong thế hệ trẻ, còn là trách nhiệm định hướng cho thế hệ sau.

Công tác này luôn nằm trong nhóm ưu tiên hàng đầu, thường xuyên được lồng ghép vào các đợt sinh hoạt chính trị lớn, các ngày lễ lớn của đất nước. So với các công tác khác của Đoàn – Hội, tuyên truyền chủ quyền biển, đảo không tách rời mà nằm trong tổng thể công tác giáo dục chính trị tư tưởng, do đó cần được ưu tiên lồng ghép thường xuyên, nhất là trong bối cảnh tình hình biển Đông còn tiềm ẩn nhiều diễn biến phức tạp và tác động mạnh mẽ từ thông tin đa chiều trên không gian mạng.

Về nguồn lực, hiện nay công tác này chủ yếu dựa vào: Đội ngũ cán bộ Đoàn – Hội kiêm nhiệm, đội ngũ báo cáo viên, các giảng viên khoa Giáo dục Quốc phòng và nguồn tài liệu do các cơ quan Trung ương, Thành phố cung cấp.

2. Xin Ông/Bà cho biết: Nhà trường, Đoàn Thanh niên, Hội Sinh viên Trường có được nhận và triển khai văn bản nào của UBND Thành phố Hồ Chí Minh, Thành Đoàn Thành phố Hồ Chí Minh, Hội Sinh viên Thành phố Hồ Chí Minh về giáo dục, tuyên truyền, nâng cao nhận thức về chủ quyền biển, đảo Việt Nam cho sinh viên các trường đại học ở Thành phố Hồ Chí Minh không? Nếu có, Ông/Bà vui lòng kể tên các văn bản đó?

Trong thời gian qua, Nhà trường, Đoàn Thanh niên, Hội Sinh viên Trường có tiếp nhận và triển khai một số văn bản chỉ đạo liên quan đến giáo dục chủ quyền biển, đảo từ UBND Thành phố, Thành Đoàn và Hội Sinh viên Thành phố Hồ Chí Minh, chủ yếu thông qua:

- Các công văn, kế hoạch về công tác giáo dục chính trị tư tưởng cho sinh viên hằng năm.
- Hướng dẫn tổ chức Tuần sinh hoạt công dân - sinh viên, sinh hoạt chính trị đầu khoá, đầu năm học.
- Văn bản chỉ đạo lồng ghép tuyên truyền biển, đảo trong các đợt sinh hoạt chính trị lớn (kỷ niệm ngày truyền thống, các sự kiện chính trị quan trọng).
- Công văn vận động tham gia quỹ "Vì biển đảo quê hương - Vì tuyến đầu Tổ quốc".

3. Xin Ông/Bà cho biết: Thời gian qua, Nhà trường, Khoa, Đoàn Thanh niên, Hội Sinh viên Trường có tổ chức các hoạt động tuyên truyền chủ quyền biển, đảo Việt Nam cho sinh viên không? Nếu có, Ông/Bà vui lòng kể tên các hoạt động mà ông bà biết?

- Tổ chức sinh hoạt chuyên đề, tọa đàm về chủ quyền biển, đảo trong các đợt sinh hoạt thời sự.
- Lồng ghép nội dung biển, đảo trong các cuộc thi tìm hiểu pháp luật, lịch sử, truyền thống cách mạng.
- Tổ chức triển lãm ảnh, trưng bày tư liệu về Hoàng Sa, Trường Sa.
- Các hoạt động tuyên truyền nhân dịp Tuần lễ Biển và Hải đảo Việt Nam, Ngày thành lập Hải quân Nhân dân Việt Nam.
- Tuyên truyền thông qua fanpage, website, infographic, video ngắn.

4. Ông/Bà đánh giá chất lượng những chương trình, hoạt động tuyên truyền chủ quyền biển, đảo Việt Nam đã triển khai tổ chức, thực hiện cho sinh viên trong nhà trường như thế nào? Ông/Bà hãy chia sẻ những thuận lợi và khó khăn trong quá trình triển khai, thực hiện các chương trình, hoạt động đó?

Nhìn chung, các chương trình tuyên truyền đã triển khai đúng định hướng, nội dung chính xác, góp phần nâng cao nhận thức cho sinh viên. Tuy nhiên, chất lượng chưa đồng đều, mức độ hấp dẫn chưa cao đối với một bộ phận sinh viên.

Thuận lợi:

- Có sự chỉ đạo thống nhất từ cấp trên.
- Sinh viên hiện nay rất nhạy bén, lòng yêu nước nồng nàn (dễ thấy qua các sự kiện nóng trên Biển Đông).
- Tài liệu tuyên truyền phong phú, đa dạng từ các kênh chính thống.

Khó khăn:

- Kinh phí tổ chức các hoạt động quy mô lớn còn hạn hẹp.
- Hình thức tuyên truyền đôi khi còn khô khan (thiên về giảng giải văn bản), chưa thu hút được nhóm sinh viên ít quan tâm chính trị.
- Thiếu báo cáo viên, chuyên gia chuyên sâu.

5. Xin Ông/Bà cho biết: Những năm gần đây, Nhà trường có sử dụng mạng xã hội để giáo dục, tuyên truyền chủ quyền biển, đảo Việt Nam và các sự kiện chính trị - xã hội của đất nước cho sinh viên không?

Chắc chắn là có. Mức độ sử dụng rất thường xuyên và hiệu quả cao.

Phương pháp trên nền tảng số: Fanpage Đoàn – Hội, website Nhà trường.

Hình thức: bài viết ngắn, infographic, video clip, chia sẻ thông tin chính thống.

Tuy nhiên, mức độ sử dụng chưa thật sự mạnh và chuyên nghiệp. Nguyên nhân là:

- Nội dung biển, đảo khó trở thành trào lưu so với các nội dung giải trí.
- Chưa có chiến lược truyền thông dài hạn cho chủ đề này.

6. Theo Ông/Bà, Đoàn Thanh niên và Hội Sinh viên đóng vai trò như thế nào trong việc tổ chức các hoạt động tuyên truyền chủ quyền biển, đảo cho sinh viên? Ông/Bà đánh giá mức độ thực hiện các phương thức tuyên truyền chủ quyền biển, đảo của Đoàn - Hội trong nhà trường như thế nào?

Đoàn Thanh niên và Hội Sinh viên giữ vai trò nòng cốt, trực tiếp tổ chức và triển khai các hoạt động tuyên truyền chủ quyền biển, đảo cho sinh viên. Đây là lực lượng:

- Gần gũi với sinh viên;
- Có khả năng đổi mới hình thức tuyên truyền;
- Kết nối hiệu quả giữa chủ trương của cấp trên và người học.

Tôi đánh giá ở mức Tốt. Các cán bộ Đoàn - Hội rất sáng tạo, tuy nhiên cần kiên trì hơn để duy trì sức nóng chứ không chỉ làm theo đợt cao điểm.

7. Ông/Bà đánh giá mức độ sinh viên tham gia các hoạt động do Đoàn - Hội trong nhà trường tổ chức/phát động như thế nào? Theo Ông/Bà, lý do một bộ phận sinh viên không tham gia các hoạt động, phong trào Đoàn - Hội là gì?

Mức độ tham gia:

- Nhóm nòng cốt (Cán bộ lớp, Đoàn): Tham gia rất tích cực, nhiệt huyết.
- Nhóm sinh viên đại trà: Tham gia ở mức độ trung bình, thường tham gia khi có tính điểm rèn luyện hoặc hoạt động thực sự hấp dẫn.

Lý do không tham gia:

- Sinh viên bận rộn, ưu tiên việc làm thêm hoặc học chuyên môn.
- Một số buổi tuyên truyền còn nặng nề, giáo điều khiến sinh viên cảm thấy nhàm chán.
- Một bộ phận nhỏ cho rằng việc bảo vệ chủ quyền là việc của Nhà nước, không liên quan trực tiếp đến mình.

8. Theo Ông/Bà, những yếu tố nào ảnh hưởng trực tiếp/gián tiếp đến hoạt động tuyên truyền chủ quyền biển, đảo Việt Nam cho sinh viên tại trường đại học? Ông/Bà hãy chia sẻ cách khắc phục với những yếu tố ảnh hưởng đó?

Yếu tố ảnh hưởng:

Thông tin xấu độc: Tin giả trên mạng xã hội xuyên tạc về tình hình Biển Đông gây hoang mang.

Phương pháp truyền đạt: Người nói chuyện không hấp dẫn, tài liệu cũ kỹ.

Cách khắc phục:

- Tăng cường trang bị kỹ năng lọc tin giả cho sinh viên.
- Đổi mới phương pháp: Chuyển từ "nghe - đọc" sang "trải nghiệm - tương tác" (xem phim, đi thực tế, thi sáng tạo video).

9. Ông/Bà đánh giá thời lượng lồng ghép nội dung tuyên truyền chủ quyền biển, đảo Việt Nam cho sinh viên trong các bài học/môn học, các buổi sinh hoạt chính trị, sinh hoạt chuyên đề, hội thảo, tọa đàm, hoạt động ngoại khóa tại trường hiện nay như thế nào? Ông/Bà mong muốn tăng hay giảm thời lượng lồng ghép nội dung trên? (Vui lòng nêu lý do).

Hiện nay, thời lượng lồng ghép nội dung tuyên truyền chủ quyền biển, đảo ở mức vừa phải, chủ yếu mang tính điểm nhấn theo đợt.

Cá nhân tôi mong muốn tăng thời lượng lồng ghép, nhưng theo hướng:

- Ngắn gọn, thiết thực;
- Gắn với từng môn học, từng hoạt động cụ thể;
- Tránh dàn trải, hình thức.

Lý do: Sinh viên đã học quá nhiều lý thuyết. Thay vì tăng thêm giờ ngồi nghe, hãy lồng ghép vào các hoạt động ngoại khóa, kỹ năng mềm, hoặc các dự án khởi nghiệp liên quan đến kinh tế biển. Hãy để sinh viên thấy biển đảo không chỉ là chủ quyền mà còn là cơ hội phát triển kinh tế của chính họ.

10. Theo Ông/Bà, hạn chế lớn nhất của hoạt động tuyên truyền chủ quyền biển, đảo Việt Nam cho sinh viên trong trường đại học hiện nay là gì? Ông/Bà có đề xuất giải pháp cụ thể nào để đổi mới phương thức tuyên truyền chủ quyền, biển đảo cho sinh viên trong thời gian tới?

Hạn chế: Tính hình thức và thiếu sự bền bỉ. Các hoạt động thường rầm rộ vào các dịp lễ hoặc khi có sự kiện nóng, sau đó lại lắng xuống. Cách tuyên truyền còn một chiều, thiếu sự đối thoại.

Đề xuất giải pháp đổi mới:

- Xây dựng các bảo tàng số, tour thực tế ảo tham quan Trường Sa, Nhà giàn DK1 ngay tại trường học để sinh viên cảm nhận trực quan.
- Sử dụng âm nhạc, nghệ thuật, kịch nói để truyền tải thông điệp thay vì các bài diễn văn.
- Tuyên truyền chủ quyền gắn liền với tư duy "Kinh tế biển". Khuyến khích sinh viên nghiên cứu khoa học về biển, khởi nghiệp từ tài nguyên biển. Khi sinh viên thấy biển đảo mang lại lợi ích cho đất nước và cá nhân họ, họ sẽ bảo vệ nó một cách tự nguyện và quyết liệt nhất.

(PV7)

PHẦN A. THÔNG TIN VỀ NGƯỜI TRẢ LỜI

1. Tuổi: 29
2. Giới tính: Nam
3. Chức vụ/vị trí việc làm trong đơn vị: Giảng viên kiêm nhiệm Phó Bí thư Đoàn Trường, Bí thư Chi bộ Sinh viên, Bí thư Đoàn khoa.
4. Công việc hiện tại đang đảm nhận/phụ trách mảng: Giảng viên
5. Thời gian đảm nhận chức vụ/vị trí việc làm (số năm, tháng): Giảng viên từ tháng 10/2019.

PHẦN B. NỘI DUNG TRAO ĐỔI

1. Ông/Bà đánh giá tầm quan trọng của công tác tuyên truyền chủ quyền biển, đảo Việt Nam cho sinh viên tại nhà trường như thế nào? Công tác tuyên truyền chủ quyền biển, đảo có được ưu tiên so với các công tác khác không? Vì sao? Nguồn lực để thực hiện công tác này tại trường như thế nào?

Tầm quan trọng: Rất quan trọng và cấp thiết. Đặc biệt với sinh viên sư phạm - những người giáo viên tương lai và tại Khoa Giáo dục Quốc phòng, đây là nhiệm vụ chính trị cốt lõi.

Sự ưu tiên: Luôn được ưu tiên hàng đầu trong kế hoạch năm học và công tác giáo dục chính trị tư tưởng.

Nguồn lực: Nhà trường và Khoa luôn tạo điều kiện tối đa về kinh phí, cơ sở vật chất và mời báo cáo viên chuyên trách.

2. Xin Ông/Bà cho biết: Nhà trường, Đoàn Thanh niên, Hội Sinh viên Trường có được nhận và triển khai văn bản nào của UNBD Thành phố Hồ Chí Minh, Thành Đoàn Thành phố Hồ Chí Minh, Hội Sinh viên Thành phố Hồ Chí Minh về giáo dục, tuyên truyền, nâng cao nhận thức về chủ quyền biển, đảo Việt Nam cho sinh viên các trường đại học ở Thành phố Hồ Chí Minh không? Nếu có, Ông/Bà vui lòng kể tên các văn bản đó?

Có nhận và triển khai đầy đủ.

Văn bản cụ thể: Các kế hoạch của Thành Đoàn, Hội Sinh viên Thành phố về chương trình "Vì biển đảo quê hương", "Mùa xuân biên giới - Biển đảo"; các văn bản chỉ đạo của Đảng ủy Trường về tăng cường đấu tranh phản bác quan điểm sai trái trên không gian mạng liên quan đến chủ quyền.

3. Xin Ông/Bà cho biết: Thời gian qua, Nhà trường, Khoa, Đoàn Thanh niên, Hội Sinh viên Trường có tổ chức các hoạt động tuyên truyền chủ quyền biển, đảo Việt Nam cho sinh viên không? Nếu có, Ông/Bà vui lòng kể tên các hoạt động mà ông bà biết?

Có tổ chức thường xuyên.

Hoạt động cụ thể:

Lồng ghép vào học phần Giáo dục Quốc phòng và An ninh (bắt buộc).

Cuộc thi trực tuyến tìm hiểu pháp luật về biển đảo.

Triển lãm bản đồ số về Hoàng Sa, Trường Sa tại sảnh trường.

Mời chuyên gia/chiến sĩ Hải quân về nói chuyện chuyên đề.

Chương trình "Góp đá xây Trường Sa", nhắn tin ủng hộ.

4. Ông/Bà đánh giá chất lượng những chương trình, hoạt động tuyên truyền chủ quyền biển, đảo Việt Nam đã triển khai tổ chức, thực hiện cho sinh viên trong nhà trường như thế nào? Ông/Bà hãy chia sẻ những thuận lợi và khó khăn trong quá trình triển khai, thực hiện các chương trình, hoạt động đó?

Chất lượng: Nội dung chính thống, khoa học, có tính giáo dục cao.

Thuận lợi: Sinh viên Sư phạm có ý thức chính trị tốt; Khoa GDQP có chuyên môn sâu.

Khó khăn: Một số nội dung còn khô khan, nặng về lý thuyết văn bản, chưa có nhiều chuyển đi thực tế ra đảo cho sinh viên đại trà.

5. Xin Ông/Bà cho biết: Những năm gần đây, Nhà trường có sử dụng mạng xã hội để giáo dục, tuyên truyền chủ quyền biển, đảo Việt Nam và các sự kiện chính trị - xã hội của đất nước cho sinh viên không?

- Nếu "Có", Ông/Bà đánh giá mức độ sử dụng phương tiện truyền thông số cho các hoạt động trên như thế nào? Nhà trường đã sử dụng những hình thức, phương pháp tuyên truyền nào về chủ đề biển, đảo trên nền tảng số?

- Nếu "Không" hoặc "Không nhiều", Ông/Bà hãy chia sẻ những khó khăn, bất cập trong việc sử dụng hình thức, phương tiện truyền thông số cho các hoạt động giáo dục, tuyên truyền trên? Nguyên nhân vì sao?

Có sử dụng tích cực.

Mức độ: Thường xuyên, đặc biệt là Fanpage "Tuổi trẻ Trường ĐH Sư phạm TP.HCM" và Fanpage của Khoa.

Hình thức: Infographic, Video ngắn (TikTok/Reels) về lịch sử chủ quyền, Mini-game online, chia sẻ bài viết từ các trang chính thống để định hướng dư luận.

6. Theo Ông/Bà, Đoàn Thanh niên và Hội Sinh viên đóng vai trò như thế nào trong việc tổ chức các hoạt động tuyên truyền chủ quyền biển, đảo cho sinh viên? Ông/Bà đánh giá mức độ thực hiện các phương thức tuyên truyền chủ quyền biển, đảo của Đoàn - Hội trong nhà trường như thế nào?

Vai trò: Là lực lượng nòng cốt, tiên phong trong thiết kế và tổ chức hoạt động.

Đánh giá mức độ: Thực hiện rất tốt, sáng tạo, là cầu nối đưa các nội dung khô cứng trở nên "mềm mại", dễ tiếp cận với sinh viên (Gen Z).

7. Ông/Bà đánh giá mức độ sinh viên tham gia các hoạt động do Đoàn - Hội trong nhà trường tổ chức/phát động như thế nào? Theo Ông/Bà, lý do một bộ phận sinh viên không tham gia các hoạt động, phong trào Đoàn - Hội là gì?

Mức độ: Khá cao ở các hoạt động online và sự kiện lớn.

Lý do không tham gia: Lịch học tín chỉ dày đặc; sinh viên đi làm thêm; một bộ phận nhỏ còn thờ ơ chính trị hoặc thấy hình thức tuyên truyền cũ kỹ, thiếu hấp dẫn.

8. Theo Ông/Bà, những yếu tố nào ảnh hưởng trực tiếp/gián tiếp đến hoạt động tuyên truyền chủ quyền biển, đảo Việt Nam cho sinh viên tại trường đại học? Ông/Bà hãy chia sẻ cách khắc phục với những yếu tố ảnh hưởng đó?

Yếu tố: Thông tin sai lệch trên mạng xã hội (Fake news); Phương pháp truyền đạt của giảng viên/báo cáo viên; Áp lực thời gian của sinh viên.

Khắc phục: Tăng cường "vắc-xin số" (kiến thức nhận diện tin giả); Đổi mới phương pháp giảng dạy (trực quan, tương tác); Tổ chức hoạt động linh hoạt, ngắn gọn.

9. Ông/Bà đánh giá thời lượng lồng ghép nội dung tuyên truyền chủ quyền biển, đảo Việt Nam cho sinh viên trong các bài học/môn học, các buổi sinh hoạt chính trị, sinh hoạt chuyên đề, hội thảo, tọa đàm, hoạt động ngoại khóa tại trường hiện nay như thế nào? Ông/Bà mong muốn tăng hay giảm thời lượng lồng ghép nội dung trên? *(Vui lòng nêu lý do).*

Đánh giá: Thời lượng hiện tại trong môn học GDQP là vừa đủ về mặt lý thuyết.

Mong muốn: Giữ nguyên thời lượng nhưng tăng chất lượng và tăng thời lượng hoạt động ngoại khóa/trải nghiệm.

Lý do: Sinh viên cần "ngấm" qua cảm xúc và hành động thực tế hơn là chỉ nghe giảng trên lớp.

10. Theo Ông/Bà, hạn chế lớn nhất của hoạt động tuyên truyền chủ quyền biển, đảo Việt Nam cho sinh viên trong trường đại học hiện nay là gì? Ông/Bà có đề xuất giải pháp cụ thể nào để đổi mới phương thức tuyên truyền chủ quyền, biển đảo cho sinh viên trong thời gian tới?

Hạn chế: Hình thức tuyên truyền đôi lúc còn mang tính "phong trào", một chiều, thiếu tính tương tác trải nghiệm thực tế.

Đề xuất:

Số hóa mạnh mẽ: Sử dụng công nghệ hiện đại VR/AR để tham quan ảo các đảo, nhà giàn.

Mềm hóa nội dung: Tuyên truyền qua văn hóa, văn nghệ, các cuộc thi sáng tạo video clip.

Thực tiễn: Tăng cường các chuyến đi thực tế đến các vùng biển, căn cứ hải quân cho cán bộ Đoàn - Hội chủ chốt để họ làm nòng cốt lan tỏa.

(PV8)

PHẦN A. THÔNG TIN VỀ NGƯỜI TRẢ LỜI

1. Tuổi: 36
2. Giới tính: Nam
3. Chức vụ/vị trí việc làm trong đơn vị: Chuyên viên phụ trách mảng chính trị tư tưởng học sinh sinh viên
4. Công việc hiện tại đang đảm nhận/phụ trách mảng: Phụ trách mảng chính trị tư tưởng và chế độ chính sách cho học sinh sinh viên
5. Thời gian đảm nhận chức vụ/vị trí việc làm (số năm, tháng): 4 năm

PHẦN B. NỘI DUNG TRAO ĐỔI

1. Ông/Bà đánh giá tầm quan trọng của công tác tuyên truyền chủ quyền biển, đảo Việt Nam cho sinh viên tại nhà trường như thế nào? Công tác tuyên truyền chủ quyền biển, đảo có được ưu tiên so với các công tác khác không? Vì sao? Nguồn lực để thực hiện công tác này tại trường như thế nào?

Công tác tuyên truyền chủ quyền biển, đảo Việt Nam cho sinh viên có ý nghĩa rất quan trọng trong giáo dục chính trị tư tưởng, bồi dưỡng lòng yêu nước và trách nhiệm công dân. Nội dung này được lồng ghép, ưu tiên triển khai cùng các nhiệm vụ giáo dục chính trị - tư tưởng khác. Nguồn lực thực hiện chủ yếu từ đội ngũ cán bộ, giảng viên, Đoàn - Hội, kinh phí thường xuyên và sự phối hợp của các đơn vị liên quan.

2. Xin Ông/Bà cho biết: Nhà trường, Đoàn Thanh niên, Hội Sinh viên Trường có được nhận và triển khai văn bản nào của UBND Thành phố Hồ Chí Minh, Thành Đoàn Thành phố Hồ Chí Minh, Hội Sinh viên Thành phố Hồ Chí Minh về giáo dục, tuyên truyền, nâng cao nhận thức về chủ quyền biển, đảo Việt Nam cho sinh viên các trường đại học ở Thành phố Hồ Chí Minh không? Nếu có, Ông/Bà vui lòng kể tên các văn bản đó?

Nhà trường, Đoàn Thanh niên, Hội Sinh viên có tiếp nhận và triển khai các văn bản chỉ đạo, hướng dẫn của Bộ GD&ĐT, Thành ủy, UBND Thành phố Hồ Chí Minh, Thành Đoàn và Hội Sinh viên Thành phố về công tác tuyên truyền, giáo dục chủ quyền biển, đảo; chủ yếu lồng ghép trong các kế hoạch, chương trình công tác năm và các đợt sinh hoạt chính trị.

3. Xin Ông/Bà cho biết: Thời gian qua, Nhà trường, Khoa, Đoàn Thanh niên, Hội Sinh viên Trường có tổ chức các hoạt động tuyên truyền chủ quyền biển, đảo Việt Nam cho sinh viên không? Nếu có, Ông/Bà vui lòng kể tên các hoạt động mà ông bà biết?

Thời gian qua, Nhà trường và Đoàn - Hội có tổ chức các hoạt động như:

- Tuyên truyền, sinh hoạt chuyên đề về biển, đảo;
- Lồng ghép nội dung biển, đảo trong Tuần sinh hoạt công dân - sinh viên;
- Tổ chức hội thảo, tọa đàm, triển lãm, cuộc thi tìm hiểu về chủ quyền biển, đảo;
- Truyền thông trên website, fanpage của Trường và Đoàn - Hội, các khoa, phân hiệu.

4. Ông/Bà đánh giá chất lượng những chương trình, hoạt động tuyên truyền chủ quyền biển, đảo Việt Nam đã triển khai tổ chức, thực hiện cho sinh viên trong nhà trường như thế nào? Ông/Bà hãy chia sẻ những thuận lợi và khó khăn trong quá trình triển khai, thực hiện các chương trình, hoạt động đó?

Các chương trình, hoạt động được tổ chức cơ bản đảm bảo nội dung, hình thức phù hợp với sinh viên, góp phần nâng cao nhận thức và thái độ chính trị. Thuận lợi là có sự quan tâm chỉ đạo của lãnh đạo Trường và sự phối hợp của các đơn vị. Khó khăn chủ yếu là kinh phí hạn chế, quỹ thời gian sinh viên không nhiều, hình thức tuyên truyền cần tiếp tục đổi mới để tăng sức hấp dẫn.

5. Xin Ông/Bà cho biết: Những năm gần đây, Nhà trường có sử dụng mạng xã hội để giáo dục, tuyên truyền chủ quyền biển, đảo Việt Nam và các sự kiện chính trị - xã hội của đất nước cho sinh viên không?

Những năm gần đây, Nhà trường có sử dụng mạng xã hội và các nền tảng số để giáo dục, tuyên truyền chủ quyền biển, đảo Việt Nam và các sự kiện chính trị - xã hội cho sinh viên. Mức độ sử dụng ở mức khá, tập trung trên website, fanpage của Trường, Đoàn Thanh niên và Hội Sinh viên.

Các hình thức tuyên truyền chủ yếu gồm: đăng tin, bài viết chuyên đề; hình ảnh, infographic; video ngắn; chia sẻ thông tin thời sự, hoạt động tuyên truyền về biển, đảo gắn với các đợt sinh hoạt chính trị và phong trào sinh viên.

6. Theo Ông/Bà, Đoàn Thanh niên và Hội Sinh viên đóng vai trò như thế nào trong việc tổ chức các hoạt động tuyên truyền chủ quyền biển, đảo cho sinh viên? Ông/Bà đánh giá mức độ thực hiện các phương thức tuyên truyền chủ quyền biển, đảo của Đoàn - Hội trong nhà trường như thế nào?

Đoàn Thanh niên và Hội Sinh viên giữ vai trò nòng cốt trong tổ chức, triển khai các hoạt động tuyên truyền chủ quyền biển, đảo cho sinh viên. Các phương thức tuyên truyền của Đoàn - Hội nhìn chung được thực hiện khá hiệu quả, phù hợp với tâm lý sinh viên, tuy nhiên cần tiếp tục đa dạng hóa hình thức và tăng cường ứng dụng công nghệ số.

7. Ông/Bà đánh giá mức độ sinh viên tham gia các hoạt động do Đoàn - Hội trong nhà trường tổ chức/phát động như thế nào? Theo Ông/Bà, lý do một bộ phận sinh viên không tham gia các hoạt động, phong trào Đoàn - Hội là gì?

Mức độ sinh viên tham gia các hoạt động do Đoàn - Hội tổ chức nhìn chung ở mức khá, tập trung nhiều ở các hoạt động lớn, có tính phong trào, tình nguyện và gắn với quyền lợi của sinh viên. Tuy nhiên, vẫn còn một bộ phận sinh viên tham gia chưa thường xuyên.

Nguyên nhân chủ yếu là do áp lực học tập, làm thêm, thời gian tổ chức chưa thật sự phù hợp; một số hoạt động hình thức chưa đủ hấp dẫn; công tác truyền thông chưa tiếp cận hiệu quả đến tất cả sinh viên; một bộ phận sinh viên còn thụ động, chưa nhận thức đầy đủ ý nghĩa của hoạt động Đoàn - Hội.

8. Theo Ông/Bà, những yếu tố nào ảnh hưởng trực tiếp/gián tiếp đến hoạt động tuyên truyền chủ quyền biển, đảo Việt Nam cho sinh viên tại trường đại học? Ông/Bà hãy chia sẻ cách khắc phục với những yếu tố ảnh hưởng đó?

Các yếu tố ảnh hưởng trực tiếp/gián tiếp đến hoạt động tuyên truyền chủ quyền biển, đảo gồm: sự quan tâm chỉ đạo của lãnh đạo; năng lực và sự chủ động của đội ngũ cán bộ, giảng viên, Đoàn - Hội; kinh phí, cơ sở vật chất; hình thức và phương pháp tuyên truyền; mức độ quan tâm, tiếp nhận của sinh viên.

Để khắc phục, cần tăng cường chỉ đạo thống nhất; đa dạng hóa nội dung, hình thức tuyên truyền; đẩy mạnh ứng dụng truyền thông số; tăng cường phối hợp giữa các đơn vị; bố trí kinh phí phù hợp và gắn nội dung biển, đảo với quyền lợi, nhu cầu thực tiễn của sinh viên.

9. Ông/Bà đánh giá thời lượng lồng ghép nội dung tuyên truyền chủ quyền biển, đảo Việt Nam cho sinh viên trong các bài học/môn học, các buổi sinh hoạt chính trị, sinh hoạt chuyên đề, hội thảo, tọa đàm, hoạt động ngoại khóa tại trường hiện nay như thế nào? Ông/Bà mong muốn tăng hay giảm thời lượng lồng ghép nội dung trên? *(Vui lòng nêu lý do).*

Thời lượng lồng ghép nội dung tuyên truyền chủ quyền biển, đảo hiện nay ở mức phù hợp, chủ yếu thông qua các buổi sinh hoạt chính trị, chuyên đề, hoạt động ngoại khóa và lồng ghép trong một số môn học.

Mong muốn tăng thời lượng theo hướng chọn lọc, trọng tâm, gắn với hình thức sinh động và thực tiễn, tránh dàn trải, nhằm nâng cao hiệu quả tiếp nhận và sự quan tâm của sinh viên.

10. Theo Ông/Bà, hạn chế lớn nhất của hoạt động tuyên truyền chủ quyền biển, đảo Việt Nam cho sinh viên trong trường đại học hiện nay là gì? Ông/Bà có đề xuất giải pháp cụ thể nào để đổi mới phương thức tuyên truyền chủ quyền, biển đảo cho sinh viên trong thời gian tới?

Hạn chế lớn nhất hiện nay là nội dung và hình thức tuyên truyền chưa thật sự đa dạng, còn thiên về truyền đạt một chiều; mức độ thu hút sinh viên chưa cao; việc ứng dụng công nghệ số và các phương thức truyền thông hiện đại còn hạn chế; nguồn lực và kinh phí dành riêng cho hoạt động này chưa nhiều.

Trong thời gian tới, cần đổi mới theo hướng tăng tính tương tác và trải nghiệm cho sinh viên; đa dạng hóa hình thức tuyên truyền (truyền thông số, video ngắn, infographic, cuộc thi trực tuyến, tọa đàm đối thoại); lồng ghép nội dung biển, đảo gắn với thực tiễn, thời sự và ngành học; phát huy vai trò nòng cốt của Đoàn - Hội và tăng cường phối hợp với các cơ quan, đơn vị chuyên môn về biển, đảo.

(PV9)

PHẦN A. THÔNG TIN VỀ NGƯỜI TRẢ LỜI

1. Tuổi: 32
2. Giới tính: Nam
3. Chức vụ/vị trí việc làm trong đơn vị: UVBCH Đoàn trường
4. Công việc hiện tại đang đảm nhận/phụ trách mảng: Bí thư chi đoàn
5. Thời gian đảm nhận chức vụ/vị trí việc làm (số năm, tháng): 5 năm

PHẦN B. NỘI DUNG TRAO ĐỔI**Câu 1:**

Cá nhân tôi đánh giá công tác này là hết sức cần thiết, nhất là với sinh viên – những trí thức trẻ sẽ giữ vai trò quan trọng trong tương lai. Tuy nhiên, trong thực tế triển khai ở trường, nó chưa thực sự được ưu tiên hàng đầu so với các hoạt động học thuật, thể thao hay văn nghệ. Lý do chủ yếu do kinh phí và nhân lực có hạn. Nguồn lực hiện tại chủ yếu dựa vào ngân sách Đoàn – Hội và sự hỗ trợ một phần từ nhà trường, còn thiếu chuyên nghiệp.

Câu 2:

Có, chúng tôi thường xuyên nhận và triển khai các văn bản từ Thành Đoàn và Hội Sinh viên Thành phố. Cụ thể là các Kế hoạch số về tuyên truyền biển đảo nhân dịp 27/7, các công văn hướng dẫn sinh hoạt chủ đề “Tuổi trẻ với biển đảo quê hương”, và một số chỉ đạo lồng ghép nội dung này vào sinh hoạt Chi đoàn, Chi hội hàng tháng.

Câu 3:

Có tổ chức, chủ yếu qua các kênh của Đoàn – Hội như: Tọa đàm “Sinh viên với chủ quyền biển đảo”, cuộc thi trực tuyến tìm hiểu về Biển Đông, triển lãm ảnh “Hoàng Sa – Trường Sa trong trái tim tôi”, và lồng ghép vào các đợt sinh hoạt chính trị đầu năm học.

Câu 4:

Chất lượng ở mức tương đối, đảm bảo nội dung chính thống nhưng hình thức chưa thật sự cuốn hút. Thuận lợi là luôn nhận được sự chỉ đạo sát sao và nguồn tư liệu phong phú từ trên. Khó khăn lớn nhất là kinh phí eo hẹp, khó mời được diễn giả chất lượng, và khâu tổ chức thường do cán bộ Đoàn kiêm nhiệm nên đôi khi chưa chuyên tâm.

Câu 5:

Có sử dụng, chủ yếu là qua fanpage Đoàn trường, nhóm Zalo các Liên chi đoàn để đăng tin bài, clip ngắn. Mức độ sử dụng khá thường xuyên nhưng hiệu quả lan tỏa chưa cao. Hình thức chủ yếu là đăng tải bài viết, infographic, ít có video tự sản xuất chất lượng. Nguyên nhân do thiếu nhân lực có chuyên môn về truyền thông số và kinh phí đầu tư cho sản xuất nội dung bài bản.

Câu 6:

Đoàn – Hội đóng vai trò là lực lượng chủ công, trực tiếp tổ chức và lan tỏa. Tuy nhiên, cách làm hiện nay vẫn còn nặng về phong trào, theo kế hoạch có sẵn, chưa linh hoạt và sáng tạo để thích ứng với thị hiếu của sinh viên hiện nay.

Câu 7:

Sinh viên tham gia ở mức trung bình, thường là các bạn cán bộ lớp, cán bộ Đoàn hoặc những ai thực sự quan tâm. Một bộ phận không tham gia vì thấy hoạt động chưa hấp dẫn, hình thức cũ, hoặc bận học tập, làm thêm. Cũng có bạn chưa nhận thức sâu sắc về tầm quan trọng của vấn đề này.

Câu 8:

Các yếu tố ảnh hưởng trực tiếp là: nhận thức và quyết tâm của Ban Giám hiệu, năng lực và nhiệt huyết của đội ngũ cán bộ Đoàn, hình thức tổ chức, và kinh phí. Để khắc phục, cần có sự phối hợp chặt chẽ hơn giữa Nhà trường và Đoàn thể, đào tạo kỹ năng tổ chức sự kiện và truyền thông cho cán bộ, đồng thời đa dạng hóa nguồn tài trợ.

Câu 9:

Thời lượng lồng ghép hiện còn rất ít, chủ yếu mang tính điểm danh trong một số buổi sinh hoạt. Tôi mong muốn tăng thời lượng một cách thông minh, lồng ghép tự nhiên vào các môn như Lịch sử, Địa lý, Quốc phòng, hay các cuộc thi học thuật, talkshow, thay vì chỉ dành riêng các buổi sinh hoạt chính trị có phần cứng nhắc.

Câu 10:

Hạn chế lớn nhất là sự thiếu hấp dẫn và tính thời sự, chưa chạm được vào cảm xúc và nhu cầu khám phá của sinh viên. Đề xuất của tôi:

- Số hóa mạnh mẽ: Làm video explainer, podcast phỏng vấn chuyên gia, tổ chức mini-game trực tuyến có thưởng.
- Trải nghiệm thực tế ảo (VR): Tạo tour tham quan ảo các đảo, nhà giàn DK1.
- Kết nối nhân chứng: Mời các cựu chiến binh, kiều bào từ Trường Sa về giao lưu.
- Trao quyền cho sinh viên: Tạo sân chơi để chính sinh viên sáng tạo nội dung (video, blog, tranh cổ động) về biển đảo.
- Lồng ghép liên môn: Phối hợp với các khoa tổ chức seminar chuyên đề từ góc độ luật pháp quốc tế, kinh tế biển, môi trường.

(PV10)

PHẦN A. THÔNG TIN VỀ NGƯỜI TRẢ LỜI

1. Tuổi: 33
2. Giới tính: Nam
3. Chức vụ/vị trí việc làm trong đơn vị: Giảng viên
4. Công việc hiện tại đang đảm nhận/phụ trách mảng: Giảng viên CNXHKKH
5. Thời gian đảm nhận chức vụ/vị trí việc làm (số năm, tháng): 3 năm

PHẦN B. NỘI DUNG TRAO ĐỔI

1. Ông/Bà đánh giá tầm quan trọng của công tác tuyên truyền chủ quyền biển, đảo Việt Nam cho sinh viên tại nhà trường như thế nào? Công tác tuyên truyền chủ quyền biển, đảo có được ưu tiên so với các công tác khác không? Vì sao? Nguồn lực để thực hiện công tác này tại trường như thế nào?

Công tác tuyên truyền chủ quyền biển, đảo Việt Nam cho sinh viên trong nhà trường có tầm quan trọng đặc biệt, góp phần nâng cao nhận thức chính trị, bồi dưỡng lòng yêu nước, ý thức trách nhiệm công dân và tinh thần bảo vệ chủ quyền quốc gia cho thế hệ trẻ. Trong bối cảnh tình hình Biển Đông còn tiềm ẩn nhiều diễn biến phức tạp, việc trang bị cho sinh viên những hiểu biết đúng đắn, khoa học và có hệ thống về chủ quyền biển, đảo là yêu cầu cần thiết và lâu dài.

So với các công tác giáo dục khác trong nhà trường, tuyên truyền chủ quyền biển, đảo được xác định là một nội dung quan trọng trong công tác giáo dục chính trị tư tưởng, tuy không tách rời mà được lồng ghép, tích hợp với các hoạt động giảng dạy, sinh hoạt chính trị, ngoại khóa và công tác Đoàn – Hội. Việc ưu tiên công tác này xuất phát từ vai trò của sinh viên là lực lượng trí thức trẻ, có ảnh hưởng lan tỏa trong xã hội và là chủ nhân tương lai của đất nước.

Về nguồn lực thực hiện, nhà trường cơ bản đã huy động được đội ngũ giảng viên, cán bộ quản lý, cán bộ Đoàn – Hội tham gia tuyên truyền; đồng thời sử dụng các nguồn tài liệu chính thống do Đảng, Nhà nước và các cơ quan chuyên môn ban hành. Cơ sở vật chất, kinh phí và phương tiện truyền thông phục vụ công tác này từng bước được quan tâm, tuy nhiên vẫn còn hạn chế, cần tiếp tục được đầu tư, bổ sung và đổi mới hình thức tuyên truyền để phù hợp hơn với tâm lý, nhu cầu tiếp nhận thông tin của sinh viên hiện nay.

2. Xin Ông/Bà cho biết: Nhà trường, Đoàn Thanh niên, Hội Sinh viên Trường có được nhận và triển khai văn bản nào của UBND Thành phố Hồ Chí Minh, Thành Đoàn Thành phố Hồ Chí Minh, Hội Sinh viên Thành phố Hồ Chí Minh về giáo dục, tuyên truyền, nâng cao nhận thức về chủ quyền biển, đảo Việt Nam cho sinh viên các trường đại học ở Thành phố Hồ Chí Minh không? Nếu có, Ông/Bà vui lòng kể tên các văn bản đó?

- Văn bản / chương trình từ Thành Đoàn Thành phố Hồ Chí Minh
- Thành Đoàn TP. HCM cùng Hội Sinh viên TP đã phối hợp tổ chức nhiều chương trình, hoạt động về chủ đề biển đảo, an ninh – quốc phòng, và nâng cao nhận thức cho sinh viên. Ví dụ, chương trình “Sinh viên TPHCM mùa hè tình nguyện tại huyện đảo Phú Quý” nơi đoàn viên, sinh viên tham gia các hoạt động phục vụ và tuyên truyền ý thức bảo vệ chủ quyền biển đảo...
- Thành Đoàn TP. HCM cũng luôn nhấn mạnh vai trò của đoàn viên, sinh viên trong các phong trào tuyên truyền kiến thức về biển đảo và bảo vệ chủ quyền. Mặc dù các hoạt động này thường tổ chức theo kế hoạch phong trào, nhưng kế hoạch này chính là căn cứ triển khai cụ thể từ các văn bản hướng dẫn của cấp trên (Trung ương Đoàn, UBND Thành phố).
- Văn bản / chỉ đạo từ Hội Sinh viên Thành phố Hồ Chí Minh
- Hội Sinh viên TP.HCM thường xuyên phối hợp cùng Thành Đoàn và các đơn vị liên quan tổ chức các chương trình, chiến dịch, hội thảo, chương trình tiếp xúc với cựu chiến binh, chiến sĩ hải quân... nhằm tuyên truyền hiểu biết về chủ quyền biển đảo cho sinh viên.
- Các hoạt động này dựa trên chỉ đạo chung từ Thành Đoàn và UBND Thành phố về giáo dục lòng yêu nước và tuyên truyền kiến thức về chủ quyền biển đảo cho thanh niên nói chung. Có. Nhà trường, Đoàn Thanh niên và Hội Sinh viên các trường đại học ở Thành phố Hồ Chí Minh hiện nhận và triển khai các văn bản/chỉ đạo của UBND Thành phố, Thành Đoàn TP. HCM và Hội Sinh viên TP. HCM liên quan đến giáo dục, tuyên truyền nâng cao nhận thức về chủ quyền biển, đảo Việt Nam, dưới dạng:
 - Các chỉ đạo/ kế hoạch/ hướng dẫn triển khai từ UBND Thành phố cho các cơ quan chức năng, ban ngành và các tổ chức đoàn thể thanh niên.
 - Các kế hoạch hoạt động của Thành Đoàn TP. HCM và Hội Sinh viên TP. HCM nhằm tổ chức các chương trình, sự kiện tuyên truyền, phổ biến kiến thức về chủ quyền biển đảo cho sinh viên.
 - Tuy nhiên, để cung cấp chính xác tên và số hiệu từng văn bản cụ thể (như “Quyết định X của UBND TP. HCM” hoặc “Kế hoạch Y của Thành Đoàn TP. HCM”) thì cần trích xuất từ công thông tin văn bản chính thức của UBND TP. HCM, Thành Đoàn TP. HCM hoặc Hội Sinh viên TP. HCM — có thể tra cứu theo từ khóa như “*chủ quyền biển đảo*”, “*tuyên truyền cho sinh viên*”, “*thanh niên*” trên cổng thông tin văn bản chính thức của các cơ quan này. Nếu cần, em có thể yêu cầu mình giúp tra cứu cụ thể tên & số hiệu văn bản đó.

3. Xin Ông/Bà cho biết: Thời gian qua, Nhà trường, Khoa, Đoàn Thanh niên, Hội Sinh viên Trường có tổ chức các hoạt động tuyên truyền chủ quyền biển, đảo Việt Nam cho sinh viên không? Nếu có, Ông/Bà vui lòng kể tên các hoạt động mà ông bà biết?

- Tổ chức các buổi tuyên truyền, nói chuyện chuyên đề về biển, đảo Việt Nam.
 - Triển lãm hình ảnh, tư liệu về chủ quyền biển, đảo.
 - Các cuộc thi tìm hiểu về biển, đảo Việt Nam.
 - Hoạt động sinh hoạt Đoàn – Hội lồng ghép nội dung giáo dục chủ quyền biển, đảo.
4. Ông/Bà đánh giá chất lượng những chương trình, hoạt động tuyên truyền chủ quyền biển, đảo Việt Nam đã triển khai tổ chức, thực hiện cho sinh viên trong nhà trường như thế nào? Ông/Bà hãy chia sẻ những thuận lợi và khó khăn trong quá trình triển khai, thực hiện các chương trình, hoạt động đó?

Các chương trình, hoạt động tuyên truyền chủ quyền biển, đảo Việt Nam dành cho sinh viên trong nhà trường nhìn chung đạt chất lượng khá tốt, nội dung đúng định hướng, có ý nghĩa giáo dục, góp phần nâng cao nhận thức, lòng yêu nước và trách nhiệm công dân của sinh viên.

Thuận lợi:

- Được sự quan tâm, chỉ đạo của nhà trường và các tổ chức đoàn thể.
- Nội dung tuyên truyền phong phú (hội thảo, tọa đàm, triển lãm, sinh hoạt chuyên đề...).
- Sinh viên nhìn chung có thái độ tích cực, dễ tiếp cận thông tin qua nhiều hình thức truyền thông.

Khó khăn:

- Một số hoạt động còn mang tính hình thức, chưa thật sự hấp dẫn.
 - Thời gian, kinh phí và đội ngũ chuyên gia chuyên sâu còn hạn chế.
 - Mức độ tham gia chủ động của một bộ phận sinh viên chưa cao.
5. Xin Ông/Bà cho biết: Những năm gần đây, Nhà trường có sử dụng mạng xã hội để giáo dục, tuyên truyền chủ quyền biển, đảo Việt Nam và các sự kiện chính trị - xã hội của đất nước cho sinh viên không?
- Nếu “*Có*”, Ông/Bà đánh giá mức độ sử dụng phương tiện truyền thông số cho các hoạt động trên như thế nào? Nhà trường đã sử dụng những hình thức, phương pháp tuyên truyền nào về chủ đề biển, đảo trên nền tảng số?
- Nếu “*Không*” hoặc “*Không nhiều*”, Ông/Bà hãy chia sẻ những khó khăn, bất cập trong việc sử dụng hình thức, phương tiện truyền thông số cho các hoạt động giáo dục, tuyên truyền trên? Nguyên nhân vì sao?

Có.

- Mức độ sử dụng: Ở mức khá thường xuyên, phù hợp với thói quen tiếp cận thông tin của sinh viên.
 - Hình thức, phương pháp tuyên truyền:
 - Đăng tải bài viết, infographic, video ngắn về chủ quyền biển, đảo trên Fanpage Facebook, Zalo OA, Website của Nhà trường.
 - Tổ chức talkshow, tọa đàm, cuộc thi trực tuyến tìm hiểu biển, đảo và các sự kiện chính trị – xã hội.
 - Lồng ghép nội dung tuyên truyền vào bài giảng trực tuyến, học liệu số.
 - Chia sẻ, lan tỏa nội dung từ các nguồn chính thống (Bộ, ngành, cơ quan báo chí).
6. Theo Ông/Bà, Đoàn Thanh niên và Hội Sinh viên đóng vai trò như thế nào trong việc tổ chức các hoạt động tuyên truyền chủ quyền biển, đảo cho sinh viên? Ông/Bà đánh giá mức độ thực hiện các phương thức tuyên truyền chủ quyền biển, đảo của Đoàn - Hội trong nhà trường như thế nào?
- Đoàn Thanh niên và Hội Sinh viên giữ vai trò nòng cốt trong việc tổ chức, định hướng và lan tỏa các hoạt động tuyên truyền về chủ quyền biển, đảo cho sinh viên; là cầu nối giữa chủ trương của Đảng, Nhà nước với đoàn viên, sinh viên thông qua các hình thức gần gũi, sáng tạo và phù hợp với môi trường học đường.
- Về mức độ thực hiện, các phương thức tuyên truyền của Đoàn – Hội trong nhà trường nhìn chung được triển khai khá tốt, đa dạng (sinh hoạt chuyên đề, hội thi, truyền thông trực tuyến, hoạt động ngoại khóa...), góp phần nâng cao nhận thức và tinh thần trách nhiệm của sinh viên. Tuy nhiên, vẫn cần tiếp tục đổi mới nội dung và hình thức để tăng tính hấp dẫn, chiều sâu và hiệu quả lâu dài.

7. Ông/Bà đánh giá mức độ sinh viên tham gia các hoạt động do Đoàn - Hội trong nhà trường tổ chức/phát động như thế nào? Theo Ông/Bà, lý do một bộ phận sinh viên không tham gia các hoạt động, phong trào Đoàn - Hội là gì?

Đánh giá mức độ tham gia:

Nhìn chung, sinh viên tham gia các hoạt động do Đoàn – Hội tổ chức ở mức khá, tập trung chủ yếu vào nhóm sinh viên năng động, có tinh thần phong trào. Tuy nhiên, tỷ lệ tham gia chưa đồng đều, còn một bộ phận sinh viên ít hoặc không tham gia.

Nguyên nhân sinh viên chưa tham gia:

- Áp lực học tập, làm thêm, thiếu thời gian.
- Chưa thấy rõ lợi ích thiết thực của hoạt động đối với bản thân.
- Nội dung, hình thức hoạt động chưa thật sự hấp dẫn hoặc phù hợp nhu cầu.
- Công tác tuyên truyền chưa hiệu quả, thông tin đến sinh viên còn hạn chế.

8. Theo Ông/Bà, những yếu tố nào ảnh hưởng trực tiếp/gián tiếp đến hoạt động tuyên truyền chủ quyền biển, đảo Việt Nam cho sinh viên tại trường đại học? Ông/Bà hãy chia sẻ cách khắc phục với những yếu tố ảnh hưởng đó?

Các yếu tố ảnh hưởng đến hoạt động tuyên truyền chủ quyền biển, đảo Việt Nam cho sinh viên

a) Yếu tố trực tiếp

- Nhận thức, thái độ và mức độ quan tâm của sinh viên.
- Năng lực, phương pháp tuyên truyền của giảng viên, cán bộ Đoàn – Hội.
- Nội dung tuyên truyền còn khô khan, thiếu tính thời sự và hấp dẫn.
- Hình thức tổ chức (chủ yếu lý thuyết, ít trải nghiệm thực tế).

b) Yếu tố gián tiếp

- Tác động của mạng xã hội, thông tin sai lệch, xuyên tạc.
- Sự phối hợp chưa đồng bộ giữa nhà trường – gia đình – xã hội.
- Hạn chế về kinh phí, cơ sở vật chất và tài liệu tuyên truyền.
- Áp lực học tập, việc làm khiến sinh viên ít quan tâm đến vấn đề chính trị – xã hội.

c) Cách khắc phục

- Đổi mới nội dung, gắn với tình hình thực tiễn và lợi ích của sinh viên.
- Đa dạng hóa hình thức tuyên truyền: tọa đàm, cuộc thi, trải nghiệm thực tế, truyền thông số.

- Nâng cao năng lực và kỹ năng truyền thông cho đội ngũ tuyên truyền viên.
- Tăng cường phối hợp giữa các đơn vị trong và ngoài nhà trường.
- Chủ động định hướng, phân bác thông tin sai lệch trên không gian mạng.

9. Ông/Bà đánh giá thời lượng lồng ghép nội dung tuyên truyền chủ quyền biển, đảo Việt Nam cho sinh viên trong các bài học/môn học, các buổi sinh hoạt chính trị, sinh hoạt chuyên đề, hội thảo, tọa đàm, hoạt động ngoại khóa tại trường hiện nay như thế nào? Ông/Bà mong muốn tăng hay giảm thời lượng lồng ghép nội dung trên? *(Vui lòng nêu lý do)*.

Đánh giá:

Hiện nay, thời lượng lồng ghép nội dung tuyên truyền về chủ quyền biển, đảo Việt Nam cho sinh viên trong các bài học/môn học, sinh hoạt chính trị, chuyên đề, hội thảo, tọa đàm và hoạt động ngoại khóa ở mức tương đối phù hợp, đã được quan tâm triển khai ở nhiều hình thức khác nhau. Tuy nhiên, ở một số hoạt động, nội dung còn mang tính khái quát, thời lượng chưa nhiều, chưa tạo được chiều sâu và sự thu hút mạnh mẽ đối với sinh viên.

Mong muốn:

Tôi mong muốn tăng thời lượng lồng ghép nội dung tuyên truyền về chủ quyền biển, đảo Việt Nam.

Lý do:

• Chủ quyền biển, đảo là vấn đề quan trọng, có ý nghĩa chiến lược lâu dài đối với sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

• Việc tăng thời lượng sẽ giúp sinh viên hiểu rõ hơn về cơ sở lịch sử, pháp lý và thực tiễn liên quan đến chủ quyền biển, đảo Việt Nam.

• Thông qua đó, góp phần nâng cao nhận thức chính trị, bồi dưỡng lòng yêu nước, tinh thần trách nhiệm và ý thức bảo vệ chủ quyền quốc gia cho sinh viên.

• Nếu được tổ chức với hình thức đa dạng, sinh động (thảo luận, tọa đàm, trải nghiệm thực tế, hoạt động ngoại khóa), nội dung sẽ hấp dẫn hơn và phát huy hiệu quả giáo dục cao hơn.

10. Theo Ông/Bà, hạn chế lớn nhất của hoạt động tuyên truyền chủ quyền biển, đảo Việt Nam cho sinh viên trong trường đại học hiện nay là gì? Ông/Bà có đề xuất giải pháp cụ thể nào để đổi mới phương thức tuyên truyền chủ quyền, biển đảo cho sinh viên trong thời gian tới?

1. Hạn chế lớn nhất

• Phương thức tuyên truyền còn nặng tính một chiều: Chủ yếu thông qua các buổi nói chuyện chuyên đề, báo cáo, hội nghị... theo kiểu “nghe – ghi”, thiếu tính tương tác nên khó thu hút sinh viên.

• Nội dung chưa gắn chặt với mối quan tâm và đời sống của sinh viên: Thông tin thường mang tính khái quát, lý luận hoặc lịch sử, thiếu liên hệ thực tiễn, thiếu các tình huống thời sự, pháp lý quốc tế mà sinh viên có thể tranh luận, phản biện.

• Chưa tận dụng hiệu quả công nghệ số và mạng xã hội: Trong khi sinh viên tiếp nhận thông tin chủ yếu qua TikTok, YouTube, Facebook..., hoạt động tuyên truyền vẫn thiên về hình thức truyền thống.

• Thiếu tính liên tục và hệ thống: Nhiều hoạt động mang tính phong trào, thời điểm, chưa được xây dựng thành chương trình giáo dục lâu dài.

• Đội ngũ tuyên truyền viên chưa đa dạng: Chủ yếu là giảng viên hoặc báo cáo viên, ít có sự tham gia của chuyên gia trẻ, KOLs học thuật, cựu sinh viên, chiến sĩ hải quân... nên chưa tạo được sự gần gũi.

2. Đề xuất giải pháp đổi mới trong thời gian tới

• Đổi mới phương thức tiếp cận theo hướng “lấy sinh viên làm trung tâm”: Tăng các hoạt động thảo luận, tranh biện, mô phỏng phiên tòa quốc tế, mô phỏng đàm phán biển đảo, thay vì chỉ nghe thuyết trình.

• Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ số và truyền thông đa nền tảng: Xây dựng video ngắn, infographic, podcast, minigame về chủ quyền biển đảo; tổ chức các cuộc thi online trên mạng xã hội – nơi sinh viên đang hiện diện nhiều nhất.

• Lồng ghép nội dung biển đảo vào các học phần và hoạt động ngoại khóa: Không chỉ giới hạn trong môn học chính trị – pháp luật mà tích hợp vào các môn liên quan như luật quốc tế, kinh tế biển, môi trường, truyền thông...

• Tăng tính thực tiễn và trải nghiệm: Tổ chức tham quan thực tế tại bảo tàng biển đảo, giao lưu với cán bộ hải quân, cảnh sát biển; phát triển mô hình “trải nghiệm số” (VR/AR) về Trường Sa, Hoàng Sa.

• Phát huy vai trò chủ động của sinh viên: Khuyến khích sinh viên tự xây dựng dự án truyền thông, câu lạc bộ, nhóm nghiên cứu trẻ về biển đảo; từ đó sinh viên vừa là người học, vừa là người lan tỏa thông tin.

• Đa dạng hóa lực lượng tuyên truyền: Mời chuyên gia trẻ, nhà nghiên cứu, nhà báo, influencer có uy tín học thuật tham gia, giúp thông tin vừa chính xác vừa hấp dẫn.

(PV11)

PHẦN A. THÔNG TIN VỀ NGƯỜI TRẢ LỜI

1. Tuổi: 20
2. Giới tính: Nữ
3. Chức vụ/vị trí việc làm trong đơn vị: Bí thư chi đoàn
4. Công việc hiện tại đang đảm nhận/phụ trách mảng: Phụ trách chung
5. Thời gian đảm nhận chức vụ/vị trí việc làm (số năm, tháng): 12/2024

PHẦN B. NỘI DUNG TRAO ĐỔI

1. Ông/Bà đánh giá tầm quan trọng của công tác tuyên truyền chủ quyền biển, đảo Việt Nam cho sinh viên tại nhà trường như thế nào? Công tác tuyên truyền chủ quyền biển, đảo có được ưu tiên so với các công tác khác không? Vì sao? Nguồn lực để thực hiện công tác này tại trường như thế nào?

=> Công tác tuyên truyền chủ quyền biển, đảo Việt Nam cho sinh viên trong nhà trường có ý nghĩa đặc biệt quan trọng, bởi đây là lực lượng trí thức trẻ, chủ nhân tương lai của đất nước, có vai trò trực tiếp trong việc giữ gìn, bảo vệ và lan tỏa nhận thức đúng đắn về chủ quyền quốc gia. Thông qua hoạt động tuyên truyền, sinh viên được trang bị kiến thức cơ bản về vị trí, vai trò chiến lược của biển, đảo Việt Nam cũng như những cơ sở lịch sử và pháp lý khẳng định chủ quyền không thể tranh cãi của Việt Nam đối với Hoàng Sa, Trường Sa; từ đó bồi đắp lòng yêu nước, ý thức trách nhiệm công dân và khả năng đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch trong bối cảnh hội nhập và bùng nổ thông tin hiện nay. Trong thực tế, công tác tuyên truyền chủ quyền biển, đảo được nhà trường quan tâm và lồng ghép trong giáo dục chính trị – tư tưởng, song nhìn chung chưa được ưu tiên vượt trội so với các nhiệm vụ giáo dục khác do áp lực chương trình đào tạo, thời lượng hạn chế và việc triển khai còn mang tính theo đợt, theo chuyên đề. Nguồn lực thực hiện công tác này tại trường chủ yếu dựa vào đội ngũ giảng viên các môn lý luận chính trị, cán bộ Đoàn – Hội, báo cáo viên cùng với kinh phí được lồng ghép trong ngân sách cho hoạt động giáo dục chính trị – tư tưởng; tuy nhiên, nguồn lực vẫn còn hạn chế, nhất là về kinh phí, tài liệu chuyên sâu và hình thức tuyên truyền hiện đại, ảnh hưởng nhất định đến chiều sâu và hiệu quả tuyên truyền đối với sinh viên.

2. Xin Ông/Bà cho biết: Nhà trường, Đoàn Thanh niên, Hội Sinh viên Trường có được nhận và triển khai văn bản nào của UNBD Thành phố Hồ Chí Minh, Thành Đoàn Thành phố Hồ Chí Minh, Hội Sinh viên Thành phố Hồ Chí Minh về giáo dục, tuyên truyền, nâng cao nhận thức về chủ quyền biển, đảo Việt Nam cho sinh viên các trường đại học ở Thành phố Hồ Chí Minh không? Nếu có, Ông/Bà vui lòng kê tên các văn bản đó?

=> Công văn số 89/SGDDĐT-CDGD ngày 02/04/2024 của Sở Giáo dục và Đào tạo Thành phố Hồ Chí Minh và Công đoàn ngành Giáo dục Thành phố Hồ Chí Minh về việc vận động ủng hộ Quỹ “Vì biển đảo quê hương – Vì tuyến đầu Tổ quốc” năm 2024.

KẾ HOẠCH số 201/KH-ĐTN do Ban Thường vụ Thành đoàn Thành phố Hồ Chí Minh xây dựng, triển khai cùng các đơn vị trong TP. HCM để tổ chức các hoạt động tuyên truyền, giáo dục cho thanh niên, sinh viên về biển, đảo Tổ quốc, tăng cường hiểu biết về chủ quyền biển đảo và trách nhiệm của tuổi trẻ.

3. Xin Ông/Bà cho biết: Thời gian qua, Nhà trường, Khoa, Đoàn Thanh niên, Hội Sinh viên Trường có tổ chức các hoạt động tuyên truyền chủ quyền biển, đảo Việt Nam cho sinh viên không? Nếu có, Ông/Bà vui lòng kê tên các hoạt động mà ông bà biết?

=> Thời gian qua, nhà trường, các khoa, Đoàn Thanh niên và Hội Sinh viên có tổ chức nhiều hoạt động tuyên truyền chủ quyền biển, đảo Việt Nam cho sinh viên dưới nhiều hình thức khác nhau. Một số hoạt động tiêu biểu mà tôi được biết gồm: các buổi sinh hoạt chính trị, sinh hoạt chuyên đề, nói chuyện thời sự về chủ quyền biển, đảo Việt Nam; tọa đàm, hội thảo khoa học lồng ghép nội dung về cơ sở lịch sử, pháp lý khẳng định chủ quyền của Việt Nam đối với Hoàng Sa, Trường Sa; các cuộc thi tìm hiểu về biển, đảo Tổ quốc (thi trực tuyến, rung chuông vàng, thi viết, thi tìm hiểu Luật Biển Việt Nam); triển lãm, trưng bày tư liệu, hình ảnh, bản đồ về chủ quyền biển, đảo Việt Nam; hoạt động truyền thông trên các nền tảng số như website, fanpage Đoàn – Hội với các bài viết, infographic, video tuyên truyền; các chương trình, phong trào hướng về biển, đảo như “Thanh niên, sinh viên với biển, đảo Tổ quốc”, vận động ủng hộ Quỹ “Vì biển, đảo quê hương – Vì tuyến đầu Tổ quốc”; cùng với đó là các hoạt động giao lưu, nói chuyện truyền thông với cán bộ, chiến sĩ hải quân, cảnh sát biển, qua đó giúp sinh viên hiểu rõ hơn về nhiệm vụ bảo vệ chủ quyền biển, đảo của đất nước.

4. Ông/Bà đánh giá chất lượng những chương trình, hoạt động tuyên truyền chủ quyền biển, đảo Việt Nam đã triển khai tổ chức, thực hiện cho sinh viên trong nhà trường như thế nào? Ông/Bà hãy chia sẻ những thuận lợi và khó khăn trong quá trình triển khai, thực hiện các chương trình, hoạt động đó?

=> Nhìn chung, các chương trình, hoạt động tuyên truyền chủ quyền biển, đảo Việt Nam được triển khai trong nhà trường thời gian qua có chất lượng ngày càng được nâng lên, nội dung cơ bản bám sát quan điểm, đường lối của Đảng và Nhà nước, góp phần giúp sinh viên hiểu rõ hơn về vị trí, vai trò chiến lược của biển, đảo cũng như cơ sở lịch sử, pháp lý khẳng định chủ quyền biển, đảo của Việt Nam. Hình thức tuyên truyền từng bước được đổi mới thông qua các buổi sinh hoạt chuyên đề, tọa đàm, hội thi, triển lãm tư liệu, hoạt động ngoại khóa..., qua đó tạo được sự quan tâm và thu hút nhất định đối với sinh viên. Tuy nhiên, hiệu quả tác động chưa thật sự đồng đều, chiều sâu nhận thức của một bộ phận sinh viên còn hạn chế, nhất là đối với các nội dung mang tính chuyên môn, lý luận.

Trong quá trình triển khai, nhà trường có nhiều thuận lợi, đó là sự quan tâm chỉ đạo của cấp ủy, ban giám hiệu; sự phối hợp tương đối chặt chẽ giữa các đơn vị chức năng, Đoàn Thanh niên, Hội Sinh viên; đội ngũ giảng viên, cán bộ làm công tác giáo dục chính trị – tư tưởng có kinh nghiệm; sinh viên nhìn chung có tinh thần yêu nước, dễ tiếp nhận các giá trị tích cực liên quan đến chủ quyền quốc gia. Bên cạnh đó, việc ứng dụng công nghệ thông tin và mạng xã hội cũng tạo điều kiện thuận lợi cho việc lan tỏa thông tin, mở rộng phạm vi tuyên truyền.

Tuy nhiên, công tác này cũng gặp không ít khó khăn. Thời lượng dành cho các hoạt động tuyên truyền còn hạn chế, thường mang tính thời điểm, chưa duy trì được tính thường xuyên; kinh phí và nguồn lực đầu tư còn hạn hẹp; tài liệu chuyên sâu, hình ảnh, dữ liệu cập nhật phục vụ tuyên truyền chưa thật sự phong phú. Ngoài ra, một bộ phận sinh viên còn thụ động, chưa chủ động tìm hiểu; trong khi đó, thông tin sai lệch, xuyên tạc về biển, đảo trên không gian mạng ngày càng tinh vi, gây khó khăn cho công tác định hướng nhận thức và nâng cao hiệu quả tuyên truyền trong nhà trường.

5. Xin Ông/Bà cho biết: Những năm gần đây, Nhà trường có sử dụng mạng xã hội để giáo dục, tuyên truyền chủ quyền biển, đảo Việt Nam và các sự kiện chính trị - xã hội của đất nước cho sinh viên không?

=> Những năm gần đây, nhà trường có sử dụng mạng xã hội và các phương tiện truyền thông số để giáo dục, tuyên truyền chủ quyền biển, đảo Việt Nam cũng như các sự kiện chính trị - xã hội quan trọng của đất nước cho sinh viên. Việc ứng dụng truyền thông số được đánh giá là ngày càng phổ biến và phù hợp với đặc điểm tâm lý, thói quen tiếp nhận thông tin của sinh viên, góp phần mở rộng phạm vi tiếp cận, tăng tính kịp thời và lan tỏa của công tác tuyên truyền. Thông qua các nền tảng như website chính thức của trường, fanpage Đoàn Thanh niên - Hội Sinh viên, Facebook, Zalo, YouTube..., nhà trường đã triển khai nhiều hình thức tuyên truyền đa dạng như đăng tải tin, bài, infographic, video clip ngắn, phóng sự, tọa đàm trực tuyến, chia sẻ tư liệu lịch sử - pháp lý về biển, đảo; lồng ghép nội dung tuyên truyền chủ quyền biển, đảo với các sự kiện chính trị - xã hội, ngày lễ lớn của đất nước và các phong trào, cuộc vận động của Đoàn - Hội. Tuy nhiên, mức độ sử dụng truyền thông số giữa các đơn vị còn chưa đồng đều, nội dung tuyên truyền trên một số nền tảng chưa thật sự chuyên sâu, hình thức thể hiện đôi lúc còn đơn điệu, thiếu tính tương tác cao. Dù vậy, có thể khẳng định rằng việc sử dụng mạng xã hội và truyền thông số đã và đang trở thành kênh quan trọng, hiệu quả trong công tác giáo dục, tuyên truyền chủ quyền biển, đảo Việt Nam cho sinh viên trong nhà trường hiện nay.

6. Theo Ông/Bà, Đoàn Thanh niên và Hội Sinh viên đóng vai trò như thế nào trong việc tổ chức các hoạt động tuyên truyền chủ quyền biển, đảo cho sinh viên? Ông/Bà đánh giá mức độ thực hiện các phương thức tuyên truyền chủ quyền biển, đảo của Đoàn - Hội trong nhà trường như thế nào?

=> Theo tôi, Đoàn Thanh niên và Hội Sinh viên giữ vai trò nòng cốt, trực tiếp và hết sức quan trọng trong việc tổ chức các hoạt động tuyên truyền chủ quyền biển, đảo cho sinh viên trong nhà trường. Với lợi thế là tổ chức chính trị - xã hội gần gũi với sinh viên, Đoàn - Hội vừa là lực lượng tham mưu, vừa là đơn vị tổ chức và triển khai các hoạt động tuyên truyền thông qua những hình thức phù hợp với tâm lý, nhu cầu và đặc điểm của sinh viên. Thông qua các phong trào, chiến dịch, sinh hoạt chi đoàn - chi hội, hoạt động tình nguyện, ngoại khóa, Đoàn - Hội góp phần chuyển tải nội dung tuyên truyền chủ quyền biển, đảo từ các chủ trương, định hướng chung thành những hoạt động cụ thể, sinh động, dễ tiếp cận, qua đó nâng cao nhận thức, bồi đắp tinh thần yêu nước và ý thức trách nhiệm của sinh viên đối với nhiệm vụ bảo vệ chủ quyền quốc gia.

Về mức độ thực hiện các phương thức tuyên truyền, có thể đánh giá rằng Đoàn Thanh niên và Hội Sinh viên trong nhà trường đã triển khai khá đa dạng các hình thức tuyên truyền, như tổ chức tọa đàm, nói chuyện chuyên đề, hội thi tìm hiểu, triển lãm tư liệu, hoạt động văn hóa - văn nghệ, tuyên truyền trên mạng xã hội và lồng ghép nội dung biển, đảo trong các phong trào, cuộc vận động của sinh viên. Các phương thức này bước đầu phát huy hiệu quả, tạo được sự quan tâm và tham gia của đông đảo sinh viên. Tuy nhiên, việc triển khai vẫn còn chưa thật sự đồng đều, một số hoạt động còn mang tính phong trào, thời điểm; nội dung tuyên truyền đôi lúc chưa đi sâu, hình thức chưa thật sự mới mẻ, hấp dẫn để duy trì sự quan tâm lâu dài của sinh viên. Do đó, trong thời gian tới, cần tiếp tục đổi mới nội dung, phương thức tuyên truyền, tăng cường ứng dụng công nghệ số và nâng cao năng lực đội ngũ cán bộ Đoàn - Hội nhằm phát huy tốt hơn vai trò của Đoàn Thanh niên và Hội Sinh viên trong công tác tuyên truyền chủ quyền biển, đảo trong nhà trường.

7. Ông/Bà đánh giá mức độ sinh viên tham gia các hoạt động do Đoàn - Hội trong nhà trường tổ chức/phát động như thế nào? Theo Ông/Bà, lý do một bộ phận sinh viên không tham gia các hoạt động, phong trào Đoàn - Hội là gì?

=> Nhìn chung, mức độ sinh viên tham gia các hoạt động do Đoàn Thanh niên - Hội Sinh viên trong nhà trường tổ chức, phát động ở mức khá, đặc biệt là các hoạt động lớn, có ý nghĩa chính trị - xã hội, phong trào tình nguyện, văn hóa - văn nghệ, thể thao và các chương trình gắn với quyền lợi, điểm rèn luyện của sinh viên. Một bộ phận sinh viên tích cực, chủ động tham gia và giữ vai trò nòng cốt trong tổ chức, triển khai các phong trào, qua đó góp phần lan tỏa tinh thần xung kích, tình nguyện trong sinh viên toàn trường. Tuy nhiên, mức độ tham gia giữa các nhóm sinh viên còn chưa đồng đều, vẫn tồn tại một bộ phận sinh viên tham gia mang tính hình thức hoặc ít quan tâm đến các hoạt động Đoàn - Hội.

Theo tôi, có một số nguyên nhân chủ yếu dẫn đến việc một bộ phận sinh viên chưa tích cực tham gia các hoạt động, phong trào Đoàn - Hội. Thứ nhất, áp lực học tập, làm thêm và các nhu cầu cá nhân khiến sinh viên hạn chế về thời gian, khó sắp xếp tham gia hoạt động phong trào. Thứ hai, một số hoạt động chưa thật sự hấp dẫn, nội dung và hình thức còn trùng lặp, chưa gắn chặt với nhu cầu, sở thích hoặc định hướng nghề nghiệp của sinh viên. Thứ ba, công tác tuyên truyền, thông tin về hoạt động đôi lúc chưa kịp thời, chưa tạo được sức lan tỏa mạnh mẽ, dẫn đến sinh viên chưa nắm bắt đầy đủ để tham gia. Thứ tư, nhận thức của một bộ phận sinh viên về vai trò, ý nghĩa của hoạt động Đoàn - Hội còn hạn chế, còn xem đây là hoạt động mang tính phong trào, chưa thấy được lợi ích lâu dài đối với việc rèn luyện kỹ năng, phẩm chất và trách nhiệm công dân.

8. Theo Ông/Bà, những yếu tố nào ảnh hưởng trực tiếp/gián tiếp đến hoạt động tuyên truyền chủ quyền biển, đảo Việt Nam cho sinh viên tại trường đại học? Ông/Bà hãy chia sẻ cách khắc phục với những yếu tố ảnh hưởng đó?

=> Theo tôi, hoạt động tuyên truyền chủ quyền biển, đảo Việt Nam cho sinh viên tại trường đại học chịu sự tác động của nhiều yếu tố trực tiếp và gián tiếp. Trước hết là yếu tố nhận thức và sự quan tâm của cấp ủy, ban giám hiệu, các đơn vị chức năng trong nhà trường; nếu công tác này được xác định là nhiệm vụ quan trọng, có sự chỉ đạo thống nhất và lâu dài thì hiệu quả tuyên truyền sẽ được nâng cao, ngược lại dễ mang tính hình thức, thời điểm. Bên cạnh đó, năng lực, tâm huyết của đội ngũ cán bộ, giảng viên, cán bộ Đoàn - Hội trực tiếp tổ chức, triển khai tuyên truyền cũng ảnh hưởng lớn đến chất lượng nội dung và hình thức hoạt động. Một yếu tố khác là đặc điểm tâm lý, nhu cầu, mức độ quan tâm của sinh viên; nếu nội dung tuyên truyền chưa phù hợp, thiếu tính hấp dẫn thì khó thu hút sự tham gia tích cực của sinh viên. Ngoài ra, nguồn lực bảo đảm như kinh phí, cơ sở vật chất, tài liệu chuyên sâu, ứng dụng công nghệ số; cũng như tác động của môi trường thông tin, đặc biệt là mạng xã hội với nhiều thông tin đa chiều, sai lệch về vấn đề biển, đảo, đều ảnh hưởng trực tiếp hoặc gián tiếp đến hiệu quả tuyên truyền.

Để khắc phục những yếu tố ảnh hưởng trên, theo tôi, trước hết cần nâng cao nhận thức và trách nhiệm của các cấp lãnh đạo trong nhà trường, đưa công tác tuyên truyền chủ quyền biển, đảo vào kế hoạch giáo dục chính trị - tư tưởng một cách thường xuyên, lâu dài. Đồng thời, cần bồi dưỡng, nâng cao năng lực cho đội ngũ cán bộ, giảng viên, cán bộ Đoàn - Hội, nhất là kỹ năng truyền thông, sử dụng nền tảng số và khả năng xử lý thông tin sai lệch. Nhà trường và các tổ chức đoàn thể cần đổi mới nội dung, phương thức tuyên truyền, gắn lý luận với thực tiễn, tăng tính trải nghiệm, tương tác, phù

hợp với nhu cầu của sinh viên; đồng thời tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin, mạng xã hội chính thống để lan tỏa thông tin tích cực. Bên cạnh đó, cần bảo đảm và huy động hiệu quả các nguồn lực, tăng cường phối hợp với các cơ quan chuyên môn, lực lượng vũ trang, địa phương ven biển nhằm cung cấp tư liệu xác thực, sinh động, qua đó góp phần nâng cao chất lượng và hiệu quả tuyên truyền chủ quyền biển, đảo Việt Nam cho sinh viên trong nhà trường.

9. Ông/Bà đánh giá thời lượng lồng ghép nội dung tuyên truyền chủ quyền biển, đảo Việt Nam cho sinh viên trong các bài học/môn học, các buổi sinh hoạt chính trị, sinh hoạt chuyên đề, hội thảo, tọa đàm, hoạt động ngoại khóa tại trường hiện nay như thế nào? Ông/Bà mong muốn tăng hay giảm thời lượng lồng ghép nội dung trên? *(Vui lòng nêu lý do)*.

=> Theo tôi, thời lượng lồng ghép nội dung tuyên truyền chủ quyền biển, đảo Việt Nam cho sinh viên trong các bài học, môn học, các buổi sinh hoạt chính trị, sinh hoạt chuyên đề, hội thảo, tọa đàm và hoạt động ngoại khóa tại trường hiện nay ở mức tương đối phù hợp nhưng còn hạn chế, chủ yếu được triển khai theo từng đợt, từng chủ đề, chưa thật sự thường xuyên và liên tục. Trong chương trình giảng dạy, nội dung về biển, đảo chủ yếu được lồng ghép trong các môn lý luận chính trị hoặc một số hoạt động giáo dục chính trị – tư tưởng; trong khi đó, ở các buổi sinh hoạt chuyên đề, hội thảo, tọa đàm và hoạt động ngoại khóa, thời lượng dành cho nội dung này còn phụ thuộc vào kế hoạch từng năm học và điều kiện tổ chức, nên mức độ bao phủ chưa đồng đều giữa các khoa, đơn vị và các nhóm sinh viên.

Tôi mong muốn tăng thời lượng lồng ghép nội dung tuyên truyền chủ quyền biển, đảo Việt Nam, nhưng theo hướng hợp lý, linh hoạt và gắn với thực tiễn, không làm gia tăng áp lực học tập cho sinh viên. Việc tăng thời lượng là cần thiết nhằm giúp sinh viên có điều kiện tiếp cận nội dung một cách sâu hơn, hệ thống hơn, qua đó củng cố nhận thức đúng đắn, nâng cao bản lĩnh chính trị và ý thức trách nhiệm trong bảo vệ chủ quyền quốc gia. Tuy nhiên, việc tăng thời lượng cần đi đôi với đổi mới nội dung và phương thức tổ chức, chú trọng các hình thức trải nghiệm, thảo luận, tọa đàm, truyền thông số và hoạt động ngoại khóa, tránh dàn trải, hình thức, để bảo đảm hiệu quả thiết thực và sức lan tỏa trong sinh viên.

10. Theo Ông/Bà, hạn chế lớn nhất của hoạt động tuyên truyền chủ quyền biển, đảo Việt Nam cho sinh viên trong trường đại học hiện nay là gì? Ông/Bà có đề xuất giải pháp cụ thể nào để đổi mới phương thức tuyên truyền chủ quyền, biển đảo cho sinh viên trong thời gian tới?

=> Theo tôi, hạn chế lớn nhất của hoạt động tuyên truyền chủ quyền biển, đảo Việt Nam cho sinh viên trong trường đại học hiện nay là chưa tạo được chiều sâu và sức lan tỏa bền vững, nhiều hoạt động còn mang tính thời điểm, hình thức tuyên truyền truyền thống chiếm tỷ lệ khá lớn, trong khi mức độ tương tác và chủ động tham gia của sinh viên chưa cao. Nội dung tuyên truyền ở một số chương trình còn nặng về cung cấp thông tin một chiều, chưa thật sự gắn với nhu cầu, mối quan tâm và cách tiếp nhận của sinh viên trong bối cảnh môi trường truyền thông số phát triển mạnh mẽ; đồng thời, việc phản ứng kịp thời trước các thông tin sai lệch, xuyên tạc về biển, đảo trên không gian mạng còn gặp nhiều khó khăn.

Để đổi mới phương thức tuyên truyền trong thời gian tới, theo tôi cần triển khai một số giải pháp cụ thể. Trước hết, cần đổi mới nội dung tuyên truyền theo hướng ngắn gọn, chính xác, sinh động, kết hợp chặt chẽ giữa cơ sở lịch sử – pháp lý với các vấn đề thời sự, thực tiễn bảo vệ chủ quyền biển, đảo hiện nay. Thứ hai, cần đẩy mạnh ứng dụng truyền thông số, tận dụng mạng xã hội, các nền tảng đa phương tiện, xây dựng sản phẩm truyền thông như video ngắn, infographic, podcast, tọa đàm trực tuyến nhằm tăng tính tương tác và khả năng lan tỏa trong sinh viên. Thứ ba, cần phát huy vai trò của Đoàn Thanh niên và Hội Sinh viên, khuyến khích sinh viên tham gia trực tiếp vào quá trình sáng tạo nội dung, tổ chức hoạt động tuyên truyền, từ đó tạo sự đồng cảm và tính thuyết phục cao hơn. Thứ tư, cần gắn tuyên truyền với hoạt động trải nghiệm thực tiễn, như giao lưu với lực lượng làm nhiệm vụ trên biển, đảo, tham quan, triển lãm tư liệu, các cuộc thi tìm hiểu gắn với thực tế, nhằm giúp sinh viên tiếp cận vấn đề một cách trực quan, sâu sắc. Cuối cùng, cần bảo đảm nguồn lực và cơ chế phối hợp đồng bộ giữa nhà trường, các tổ chức đoàn thể và cơ quan chuyên môn để nâng cao hiệu quả, tính thường xuyên và bền vững của công tác tuyên truyền chủ quyền biển, đảo Việt Nam trong môi trường đại học.

(PV12)

PHẦN A. THÔNG TIN VỀ NGƯỜI TRẢ LỜI

1. Tuổi: 21
2. Giới tính: Nam
3. Chức vụ/vị trí việc làm trong đơn vị: Ủy viên BCH Chi Đoàn
4. Công việc hiện tại đang đảm nhận/phụ trách mảng: Tổ chức kiểm tra/ tuyên giáo
5. Thời gian đảm nhận chức vụ/vị trí việc làm (số năm, tháng): 1 năm

PHẦN B. NỘI DUNG TRAO ĐỔI

1. Ông/Bà đánh giá tầm quan trọng của công tác tuyên truyền chủ quyền biển, đảo Việt Nam cho sinh viên tại nhà trường như thế nào? Công tác tuyên truyền chủ quyền biển, đảo có được ưu tiên so với các công tác khác không? Vì sao? Nguồn lực để thực hiện công tác này tại trường như thế nào?

Trả lời: Trong thời địa hội nhập quốc tế sâu rộng, tình hình chính trị, kkanxh thổ các quốc gia có nhiều chuyển biến khó lường. việc tuyên truyền về biển đảo là vô cùng cần thiết.

Về ưu tiên: công tác tuyên truyền biển đảo cần được ưu tiên vì. Đối với Việt Nam biển đảo là một trong những môi trường, con đường mang tầm chiến lược, về kinh tế, chính trị. Trong thời đại đang có nhiều chuyển biến đặc biệt hai quần đảo “Hoàng Sa và Trường Sa” của Việt Nam đang có những tranh chấp việc tuyên truyền biển đảo giúp thế hệ sinh viên ngày nay tiếp cận gần hơn, hiểu biết sâu rộng hơn về biển đảo từ đó tôi đường lòng yêu quê hương biển đảo chuyển hóa nó thành hành động chung tay bảo vệ biển đảo.

2. Xin Ông/Bà cho biết: Nhà trường, Đoàn Thanh niên, Hội Sinh viên Trường có được nhận và triển khai văn bản nào của UNBD Thành phố Hồ Chí Minh, Thành Đoàn Thành phố Hồ Chí Minh, Hội Sinh viên Thành phố Hồ Chí Minh về giáo dục, tuyên truyền, nâng cao nhận thức về chủ quyền biển, đảo Việt Nam cho sinh viên các trường đại học ở Thành phố Hồ Chí Minh không? Nếu có, Ông/Bà vui lòng kể tên các văn bản đó?

Trả lời: Tại Học viện Cán bộ Thành Phố Hồ Chí Minh: CLB lý luận trẻ đã phối hợp cùng BCH đoàn Học viện tổ chức cuộc thi viết tham luận “Tổ quốc nhìn từ biển” và tổ chức diễn đàn “Tổ quốc nhìn từ biển”

3. Xin Ông/Bà cho biết: Thời gian qua, Nhà trường, Khoa, Đoàn Thanh niên, Hội Sinh viên Trường có tổ chức các hoạt động tuyên truyền chủ quyền biển, đảo Việt Nam cho sinh viên không? Nếu có, Ông/Bà vui lòng kể tên các hoạt động mà ông bà biết?

Trả lời: Tại Học viện Cán bộ Thành Phố Hồ Chí Minh: CLB lý luận trẻ đã phối hợp cùng BCH đoàn Học viện tổ chức cuộc thi viết tham luận “Tổ quốc nhìn từ biển” và tổ chức diễn đàn “Tổ quốc nhìn từ biển”

4. Ông/Bà đánh giá chất lượng những chương trình, hoạt động tuyên truyền chủ quyền biển, đảo Việt Nam đã triển khai tổ chức, thực hiện cho sinh viên trong nhà trường như thế nào? Ông/Bà hãy chia sẻ những thuận lợi và khó khăn trong quá trình triển khai, thực hiện các chương trình, hoạt động đó?

Trả lời: chất lượng tốt, mở rộng kiến thức về vùng lãnh thổ biển đảo.

5. Xin Ông/Bà cho biết: Những năm gần đây, Nhà trường có sử dụng mạng xã hội để giáo dục, tuyên truyền chủ quyền biển, đảo Việt Nam và các sự kiện chính trị - xã hội của đất nước cho sinh viên không?

Trả lời: có

- Nếu “Có”, Ông/Bà đánh giá mức độ sử dụng phương tiện truyền thông số cho các hoạt động trên như thế nào? Nhà trường đã sử dụng những hình thức, phương pháp tuyên truyền nào về chủ đề biển, đảo trên nền tảng số?

Trả lời: thỉnh thoảng theo các dòng sự kiện liên quan đến biển đảo.

- Nếu “Không” hoặc “Không nhiều”, Ông/Bà hãy chia sẻ những khó khăn, bất cập trong việc sử dụng hình thức, phương tiện truyền thông số cho các hoạt động giáo dục, tuyên truyền trên? Nguyên nhân vì sao?

6. Theo Ông/Bà, Đoàn Thanh niên và Hội Sinh viên đóng vai trò như thế nào trong việc tổ chức các hoạt động tuyên truyền chủ quyền biển, đảo cho sinh viên? Ông/Bà đánh giá mức độ thực hiện các phương thức tuyên truyền chủ quyền biển, đảo của Đoàn - Hội trong nhà trường như thế nào?

Trả lời: là cầu nối, là tổ chức kiến tạo các hoạt động giúp, đồng hành cùng sinh viên đến những nơi thực tiễn, các đơn vị trực thuộc biển đảo, là nguồn tuyên truyền gần gũi, dễ tiếp cận đối với sinh viên.

7. Ông/Bà đánh giá mức độ sinh viên tham gia các hoạt động do Đoàn - Hội trong nhà trường tổ chức/phát động như thế nào? Theo Ông/Bà, lý do một bộ phận sinh viên không tham gia các hoạt động, phong trào Đoàn - Hội là gì?

Trả lời: về mặt tổ chức: chất lượng. lý do còn số bộ phận sinh viên chưa tham gia: thời gian học tập lịch học tập dày đặt khó thu xếp, các việc cá nhân chưa thu xếp được, và có thể do hoạt động tổ chức chưa đủ cuốn hút các bạn tham gia.

8. Theo Ông/Bà, những yếu tố nào ảnh hưởng trực tiếp/gián tiếp đến hoạt động tuyên truyền chủ quyền biển, đảo Việt Nam cho sinh viên tại trường đại học? Ông/Bà hãy chia sẻ cách khắc phục với những yếu tố ảnh hưởng đó?

Trả lời: Hoạt động tuyên truyền chủ quyền biển, đảo Việt Nam cho sinh viên tại các trường đại học chịu tác động bởi nhiều yếu tố trực tiếp và gián tiếp. Trong đó, nhận thức và mức độ quan tâm của sinh viên, phương pháp tuyên truyền còn đơn điệu, cùng với khả năng cập nhật thông tin của giảng viên là những yếu tố ảnh hưởng rõ rệt. Bên cạnh đó, sự lan truyền của thông tin sai lệch trên mạng xã hội, hạn chế về cơ sở vật chất, kinh phí và môi trường xã hội chưa thật sự tạo sức hút cũng làm giảm hiệu quả tuyên truyền. Để khắc phục, nhà trường cần đổi mới hình thức truyền thông, ứng dụng công nghệ, tăng cường hoạt động trải nghiệm thực tiễn, đồng thời bồi dưỡng đội ngũ giảng viên và nâng cao kỹ năng tiếp nhận thông tin cho sinh viên. Sự phối hợp chặt chẽ giữa nhà trường – tổ chức xã hội – lực lượng vũ trang sẽ góp phần tạo môi trường đồng bộ, giúp sinh viên nhận thức sâu sắc hơn về chủ quyền biển, đảo thiêng liêng của Tổ quốc.

9. Ông/Bà đánh giá thời lượng lồng ghép nội dung tuyên truyền chủ quyền biển, đảo Việt Nam cho sinh viên trong các bài học/môn học, các buổi sinh hoạt chính trị, sinh hoạt chuyên đề, hội thảo, tọa đàm, hoạt động ngoại khóa tại trường hiện nay như thế nào? Ông/Bà mong muốn tăng hay giảm thời lượng lồng ghép nội dung trên? (*Vui lòng nêu lý do*).

Trả lời: Tăng. Vì: kiến thức về biển đảo từ trước đến nay ít được khai thác tuyên truyền bây giờ cần nhiều hơn về nguồn dung lượng kiến thức đó.

10. Theo Ông/Bà, hạn chế lớn nhất của hoạt động tuyên truyền chủ quyền biển, đảo Việt Nam cho sinh viên trong trường đại học hiện nay là gì? Ông/Bà có đề xuất giải pháp cụ thể nào để đổi mới phương thức tuyên truyền chủ quyền, biển đảo cho sinh viên trong thời gian tới?

Hạn chế lớn nhất trong hoạt động tuyên truyền chủ quyền biển, đảo Việt Nam cho sinh viên hiện nay là phương thức tuyên truyền còn đơn điệu, chưa tạo được sự hứng thú, tương tác và trải nghiệm thực tiễn cho sinh viên. Nhiều chương trình vẫn chủ yếu dựa vào báo cáo, hội nghị, bài giảng lý thuyết; trong khi sinh viên thời đại số cần cách tiếp cận sinh động, trực quan, cập nhật, có tính thực hành và kết nối cảm xúc. Điều này khiến sinh viên dễ thờ ơ, tiếp nhận thụ động, hoặc bị phân tán bởi nguồn thông tin sai lệch trên mạng xã hội.

Để đổi mới phương thức tuyên truyền trong thời gian tới, cần triển khai các giải pháp cụ thể sau:

(1) Tổ chức các hoạt động trải nghiệm thực tiễn như “Hành trình về với biển đảo quê hương”, tham quan đơn vị hải quân, trưng bày bản đồ, tư liệu Hoàng Sa – Trường Sa.

(2) Ứng dụng mạnh mẽ công nghệ số: xây dựng video ngắn, infographic, podcast về biển đảo; triển khai cuộc thi trực tuyến tìm hiểu chủ quyền biển đảo; tạo kho tài nguyên số chính thống để sinh viên dễ tiếp cận.

(3) Đổi mới phương pháp giảng dạy theo hướng tương tác, lồng ghép tình huống, thảo luận nhóm, phân biện các luận điệu sai trái trên mạng xã hội.

(4) Phát huy vai trò của câu lạc bộ sinh viên nòng cốt, truyền thông qua fanpage của trường, Tiktok, Youtube để lan tỏa thông tin nhanh và đúng hướng.

(5) Tăng cường phối hợp giữa nhà trường – tổ chức Đoàn, Hội – lực lượng vũ trang trong việc cung cấp thông tin chính thống, cập nhật diễn biến Biển Đông.

(PV13)

PHẦN A. THÔNG TIN VỀ NGƯỜI TRẢ LỜI

1. Tuổi: 20
2. Giới tính: Nữ
3. Chức vụ/vị trí việc làm trong đơn vị: Ủy viên Ban chấp hành chi đoàn
4. Công việc hiện tại đang đảm nhận/phụ trách mảng: Phong trào
5. Thời gian đảm nhận chức vụ/vị trí việc làm (số năm, tháng): 21/12/2025

PHẦN B. NỘI DUNG TRAO ĐỔI

1. Ông/Bà đánh giá tầm quan trọng của công tác tuyên truyền chủ quyền biển, đảo Việt Nam cho sinh viên tại nhà trường như thế nào? Công tác tuyên truyền chủ quyền biển, đảo có được ưu tiên so với các công tác khác không? Vì sao? Nguồn lực để thực hiện công tác này tại trường như thế nào?

Công tác tuyên truyền, giáo dục về chủ quyền biển, đảo Việt Nam cho sinh viên có ý nghĩa rất quan trọng, là nội dung giáo dục chính trị – tư tưởng, bồi dưỡng lòng yêu nước, tinh thần trách nhiệm công dân cho thế hệ trẻ. Đối với sinh viên – lực lượng trí thức trẻ tương lai, việc được trang bị kiến thức đúng đắn, chính thống về chủ quyền biển, đảo sẽ góp phần nâng cao nhận thức, củng cố niềm tin, hình thành thái độ đúng đắn trước các vấn đề phức tạp liên quan đến Biển Đông, đồng thời tạo nền tảng để sinh viên có hành động, tiếng nói phù hợp trên không gian mạng và trong đời sống xã hội. Trong tổng thể các nhiệm vụ giáo dục chính trị – tư tưởng trong nhà trường, công tác tuyên truyền chủ quyền biển, đảo được xác định là một nội dung quan trọng và thường xuyên, gắn với các hoạt động tuyên truyền pháp luật, giáo dục truyền thống, giáo dục quốc phòng – an ninh. Tùy từng thời điểm, nội dung này có thể được lồng ghép, ưu tiên triển khai trong các đợt sinh hoạt chính trị, tuần sinh hoạt công dân – sinh viên, các hoạt động do Đoàn Thanh niên, Hội Sinh viên tổ chức. Về nguồn lực thực hiện, nhà trường chủ yếu phát huy đội ngũ giảng viên, cán bộ làm công tác công tác sinh viên, công tác Đoàn – Hội, kết hợp với việc sử dụng các tài liệu chính thống, văn bản chỉ đạo của Trung ương và địa phương, cùng với các hình thức tuyên truyền đa dạng như hội thảo, tọa đàm, sinh hoạt chuyên đề, truyền thông trên website và mạng xã hội của nhà trường.

2. Xin Ông/Bà cho biết: Nhà trường, Đoàn Thanh niên, Hội Sinh viên Trường có được nhận và triển khai văn bản nào của UBND Thành phố Hồ Chí Minh, Thành Đoàn Thành phố Hồ Chí Minh, Hội Sinh viên Thành phố Hồ Chí Minh về giáo dục, tuyên truyền, nâng cao nhận thức về chủ quyền biển, đảo Việt Nam cho sinh viên các trường đại học ở Thành phố Hồ Chí Minh không? Nếu có, Ông/Bà vui lòng kể tên các văn bản đó?

Trong thời gian qua, nhà trường, Đoàn Thanh niên và Hội Sinh viên Trường có tiếp nhận và triển khai các văn bản chỉ đạo, hướng dẫn của UBND Thành phố Hồ Chí Minh, Thành Đoàn và Hội Sinh viên Thành phố Hồ Chí Minh liên quan đến công tác giáo dục chính trị – tư tưởng, tuyên truyền, nâng cao nhận thức về chủ quyền biển, đảo Việt Nam cho đoàn viên, sinh viên. Các nội dung này thường được thể hiện thông qua kế hoạch công tác năm, các văn bản hướng dẫn tổ chức hoạt động tuyên truyền, sinh hoạt chính trị, các đợt cao điểm kỷ niệm những ngày lễ lớn, Ngày truyền thống Hải quân Nhân dân Việt Nam, Tuần lễ Biển và Hải đảo Việt Nam... Trên cơ sở các văn bản chỉ đạo đó, nhà trường và các tổ chức Đoàn – Hội đã lồng ghép nội dung tuyên truyền chủ quyền biển, đảo vào các hoạt động phù hợp với sinh viên, bảo đảm tính thiết thực, hiệu quả và đúng định hướng. Ví dụ như các kế hoạch, hướng dẫn của Thành Đoàn, Hội Sinh viên Thành phố về công tác giáo dục lý tưởng cách mạng, đạo đức, lối sống văn hóa cho thanh niên, sinh viên; các văn bản tuyên truyền pháp luật về biển, đảo Việt Nam...

3. Xin Ông/Bà cho biết: Thời gian qua, Nhà trường, Khoa, Đoàn Thanh niên, Hội Sinh viên Trường có tổ chức các hoạt động tuyên truyền chủ quyền biển, đảo Việt Nam cho sinh viên không? Nếu có, Ông/Bà vui lòng kể tên các hoạt động mà ông bà biết?

Thời gian qua, nhà trường, các khoa, Đoàn Thanh niên và Hội Sinh viên Trường có tổ chức một số hoạt động tuyên truyền, giáo dục về chủ quyền biển, đảo Việt Nam cho sinh viên, chủ yếu dưới hình thức lồng ghép trong các hoạt động giáo dục chính trị – tư tưởng.

Cụ thể, có thể kể đến một số hoạt động như:

- Lồng ghép nội dung tuyên truyền chủ quyền biển, đảo trong Tuần sinh hoạt công dân – sinh viên, các buổi sinh hoạt chính trị đầu khóa, đầu năm học;
- Tổ chức sinh hoạt chuyên đề, tọa đàm, nói chuyện thời sự liên quan đến tình hình biển, đảo, Biển Đông;
- Tuyên truyền thông qua các hoạt động của Đoàn – Hội như treo pano, áp phích, triển lãm tư liệu, chiếu phim tư liệu, các cuộc thi tìm hiểu về biển, đảo Việt Nam;
- Truyền thông thông qua website, fanpage, bản tin của nhà trường và các đơn vị trực thuộc vào các dịp kỷ niệm, sự kiện liên quan đến biển, đảo.

4. Ông/Bà đánh giá chất lượng những chương trình, hoạt động tuyên truyền chủ quyền biển, đảo Việt Nam đã triển khai tổ chức, thực hiện cho sinh viên trong nhà trường như thế nào? Ông/Bà hãy chia sẻ những thuận lợi và khó khăn trong quá trình triển khai, thực hiện các chương trình, hoạt động đó?

Nhìn chung, các chương trình, hoạt động tuyên truyền chủ quyền biển, đảo Việt Nam được tổ chức trong nhà trường đảm bảo đúng định hướng, nội dung chính thống, góp phần nâng cao nhận thức chính trị, lòng yêu nước và tinh thần trách nhiệm của sinh viên. Thuận lợi trong quá trình triển khai là nhà trường nhận được sự quan tâm, chỉ đạo từ các cấp; đội ngũ cán bộ, giảng viên, cán bộ Đoàn – Hội có kinh nghiệm trong công tác giáo dục chính trị – tư tưởng; sinh viên nhìn chung có ý thức tiếp nhận thông tin về các vấn đề thời sự, chủ quyền quốc gia. Khó khăn chủ yếu là hình thức tuyên truyền còn mang tính truyền thống, chưa thật sự đa dạng; một số hoạt động chưa thu hút đông đảo sinh viên tham gia; thời lượng dành cho nội dung biển, đảo còn hạn chế do phải lồng ghép với nhiều nội dung giáo dục khác; kinh phí và nguồn lực tổ chức các hoạt động chuyên sâu còn chưa nhiều.

5. Xin Ông/Bà cho biết: Những năm gần đây, Nhà trường có sử dụng mạng xã hội để giáo dục, tuyên truyền chủ quyền biển, đảo Việt Nam và các sự kiện chính trị - xã hội của đất nước cho sinh viên không?

- Nếu “Có”, Ông/Bà đánh giá mức độ sử dụng phương tiện truyền thông số cho các hoạt động trên như thế nào? Nhà trường đã sử dụng những hình thức, phương pháp tuyên truyền nào về chủ đề biển, đảo trên nền tảng số?

- Nếu “*Không*” hoặc “*Không nhiều*”, Ông/Bà hãy chia sẻ những khó khăn, bất cập trong việc sử dụng hình thức, phương tiện truyền thông số cho các hoạt động giáo dục, tuyên truyền trên? Nguyên nhân vì sao?

Có nhưng chưa mạnh. Những năm gần đây, nhà trường có sử dụng mạng xã hội và các phương tiện truyền thông số để tuyên truyền các sự kiện chính trị – xã hội của đất nước, trong đó có nội dung liên quan đến chủ quyền biển, đảo Việt Nam. Mức độ sử dụng truyền thông số ở mức khá, chủ yếu thông qua các hình thức như: đăng tải bài viết, hình ảnh, infographic, video ngắn tuyên truyền trên fanpage, website của nhà trường, Đoàn Thanh niên, Hội Sinh viên; chia sẻ thông tin về các sự kiện, ngày kỷ niệm, hoạt động liên quan đến biển, đảo.

Tuy nhiên, việc khai thác các nền tảng số cho tuyên truyền chủ quyền biển, đảo chưa thật sự đồng bộ và chuyên sâu. Nguyên nhân là do hạn chế về nhân lực chuyên trách truyền thông số, kinh phí, cũng như việc xây dựng nội dung hấp dẫn, phù hợp với thị hiếu sinh viên còn gặp nhiều khó khăn.

6. Theo Ông/Bà, Đoàn Thanh niên và Hội Sinh viên đóng vai trò như thế nào trong việc tổ chức các hoạt động tuyên truyền chủ quyền biển, đảo cho sinh viên? Ông/Bà đánh giá mức độ thực hiện các phương thức tuyên truyền chủ quyền biển, đảo của Đoàn - Hội trong nhà trường như thế nào?

Đoàn Thanh niên và Hội Sinh viên giữ vai trò nòng cốt, trực tiếp trong việc tổ chức, triển khai các hoạt động tuyên truyền chủ quyền biển, đảo cho sinh viên. Đây là lực lượng gần gũi với sinh viên, có khả năng nắm bắt tâm lý, nhu cầu và tổ chức các hoạt động phù hợp với đối tượng sinh viên. Thông qua các phong trào, hoạt động, Đoàn – Hội đã góp phần đổi mới phương thức tuyên truyền, lồng ghép nội dung biển, đảo vào các hoạt động văn hóa, giáo dục, sinh hoạt chính trị, qua đó giúp sinh viên tiếp cận nội dung một cách nhẹ nhàng, dễ tiếp thu hơn.

Tuy nhiên, mức độ và hiệu quả tuyên truyền còn phụ thuộc vào năng lực tổ chức, nguồn lực và sự chủ động của từng đơn vị Đoàn – Hội.

7. Ông/Bà đánh giá mức độ sinh viên tham gia các hoạt động do Đoàn - Hội trong nhà trường tổ chức/phát động như thế nào? Theo Ông/Bà, lý do một bộ phận sinh viên không tham gia các hoạt động, phong trào Đoàn - Hội là gì?

Mức độ sinh viên tham gia các hoạt động do Đoàn – Hội tổ chức nhìn chung ở mức trung bình, có sự chênh lệch giữa các khoa, các nhóm sinh viên. Một bộ phận sinh viên tích cực tham gia, trong khi vẫn còn sinh viên tham gia mang tính hình thức hoặc chưa quan tâm nhiều.

Nguyên nhân một số sinh viên chưa tham gia tích cực là do áp lực học tập, làm thêm, nội dung và hình thức hoạt động chưa thật sự hấp dẫn; một số sinh viên cho rằng các hoạt động tuyên truyền mang tính lý thuyết, chưa gần gũi với thực tiễn hoặc nhu cầu cá nhân.

8. Theo Ông/Bà, những yếu tố nào ảnh hưởng trực tiếp/gián tiếp đến hoạt động tuyên truyền chủ quyền biển, đảo Việt Nam cho sinh viên tại trường đại học? Ông/Bà hãy chia sẻ cách khắc phục với những yếu tố ảnh hưởng đó?

Các yếu tố ảnh hưởng đến hoạt động tuyên truyền chủ quyền biển, đảo cho sinh viên gồm: nguồn lực con người, kinh phí, phương thức tổ chức, mức độ quan tâm của sinh viên và sự phát triển nhanh của không gian truyền thông số. Để khắc phục, cần tăng cường đổi mới nội dung, đa dạng hóa hình thức tuyên truyền, phát huy vai trò của truyền thông số, nâng cao năng lực cho cán bộ Đoàn – Hội, đồng thời gắn nội dung tuyên truyền biển, đảo với các vấn đề thời sự, thực tiễn mà sinh viên quan tâm.

9. Ông/Bà đánh giá thời lượng lồng ghép nội dung tuyên truyền chủ quyền biển, đảo Việt Nam cho sinh viên trong các bài học/môn học, các buổi sinh hoạt chính trị, sinh hoạt chuyên đề, hội thảo, tọa đàm, hoạt động ngoại khóa tại trường hiện nay như thế nào? Ông/Bà mong muốn tăng hay giảm thời lượng lồng ghép nội dung trên? (*Vui lòng nêu lý do*).

Hiện nay, thời lượng lồng ghép nội dung tuyên truyền chủ quyền biển, đảo trong các môn học, sinh hoạt chính trị, hội thảo, hoạt động ngoại khóa ở mức tương đối phù hợp, tuy nhiên còn mang tính phân tán, chưa có chiều sâu.

Tôi mong muốn tăng thời lượng lồng ghép một cách hợp lý, theo hướng chọn lọc nội dung trọng tâm, tránh dàn trải, nhằm giúp sinh viên tiếp cận kiến thức một cách hệ thống, dễ hiểu và có tính ứng dụng cao.

10. Theo Ông/Bà, hạn chế lớn nhất của hoạt động tuyên truyền chủ quyền biển, đảo Việt Nam cho sinh viên trong trường đại học hiện nay là gì? Ông/Bà có đề xuất giải pháp cụ thể nào để đổi mới phương thức tuyên truyền chủ quyền, biển đảo cho sinh viên trong thời gian tới?

Hạn chế lớn nhất hiện nay là phương thức tuyên truyền còn chậm đổi mới, nội dung chưa thật sự hấp dẫn, chưa tận dụng hiệu quả các nền tảng truyền thông số để tiếp cận sinh viên.

Trong thời gian tới, cần tập trung đổi mới phương thức tuyên truyền theo hướng:

- Tăng cường sử dụng truyền thông số, mạng xã hội, các sản phẩm truyền thông sáng tạo;
- Đa dạng hóa hình thức như cuộc thi trực tuyến, video ngắn, podcast, diễn đàn trao đổi;
- Phát huy vai trò chủ động của Đoàn – Hội và chính sinh viên trong việc tham gia xây dựng, lan tỏa nội dung tuyên truyền;
- Gắn nội dung chủ quyền biển, đảo với các vấn đề thời sự, pháp luật, trách nhiệm công dân trong bối cảnh hội nhập hiện nay.

(PV14)

PHẦN A. THÔNG TIN VỀ NGƯỜI TRẢ LỜI

1. Tuổi: 30
2. Giới tính: Nữ
3. Chức vụ/vị trí việc làm trong đơn vị: Chuyên viên
4. Công việc hiện tại đang đảm nhận/phụ trách mảng: Phụ trách công tác Phong trào.
5. Thời gian đảm nhận chức vụ/vị trí việc làm (số năm, tháng): 6 năm

PHẦN B. NỘI DUNG TRAO ĐỔI

1. Ông/Bà đánh giá tầm quan trọng của công tác tuyên truyền chủ quyền biển, đảo Việt Nam cho sinh viên tại nhà trường như thế nào? Công tác tuyên truyền chủ quyền biển, đảo có được ưu tiên so với các công tác khác không? Vì sao? Nguồn lực để thực hiện công tác này tại trường như thế nào?

Công tác tuyên truyền chủ quyền biển, đảo Việt Nam cho sinh viên là rất quan trọng, vì đây là nội dung liên quan trực tiếp đến giáo dục chính trị - tư tưởng, lòng yêu nước, trách nhiệm công dân và hiểu biết đúng đắn về các vấn đề thời sự của đất nước.

Về mức độ ưu tiên: nhà trường có ưu tiên, nhưng thường được triển khai lồng ghép trong các hoạt động giáo dục chính trị - tư tưởng, tuần sinh hoạt công dân, sinh hoạt chuyên đề, diễn đàn, cuộc thi, tọa đàm do Đoàn - Hội, các CLB - Đội - Nhóm tổ chức; đồng thời đa dạng các hình thức tuyên truyền trực tiếp và trực tuyến, do phải cân đối với nhiều chủ đề tuyên truyền khác (pháp luật, an ninh mạng, phòng chống tệ nạn, hướng nghiệp, kỹ năng...).

Nguồn lực:

Nhân lực: chủ yếu là cán bộ Phòng/ban công tác sinh viên, cán bộ Đoàn - Hội, giảng viên các môn LLCT, báo cáo viên.

Kinh phí: thường ở mức vừa phải, phụ thuộc kế hoạch năm và khả năng xã hội hóa.

Tài liệu/đầu mối chuyên môn: cần phối hợp thêm với cơ quan chuyên trách, đơn vị truyền thông, báo cáo viên có chuyên môn để nội dung chuẩn xác và hấp dẫn.

2. Xin Ông/Bà cho biết: Nhà trường, Đoàn Thanh niên, Hội Sinh viên Trường có được nhận và triển khai văn bản nào của UBND Thành phố Hồ Chí Minh, Thành Đoàn Thành phố Hồ Chí Minh, Hội Sinh viên Thành phố Hồ Chí Minh về giáo dục, tuyên truyền, nâng cao nhận thức về chủ quyền biển, đảo Việt Nam cho sinh viên các trường đại học ở Thành phố Hồ Chí Minh không? Nếu có, Ông/Bà vui lòng kể tên các văn bản đó?

Nhà trường/Đoàn - Hội có tiếp nhận định hướng và văn bản triển khai từ các cấp (thường qua kênh Thành Đoàn, Hội Sinh viên Thành phố, hoặc hệ thống văn bản tuyên truyền - giáo dục chính trị theo từng đợt). Việc triển khai thường dưới dạng: kế hoạch, công văn hướng dẫn, chủ đề tuyên truyền theo năm học, hoặc nội dung sinh hoạt chính trị.

Về "kể tên văn bản": trong thực tế, tên văn bản cụ thể phụ thuộc từng trường lưu trữ. Thường có các nhóm văn bản như:

Kế hoạch/Công văn về tuyên truyền biển đảo gắn với các đợt sinh hoạt chính trị, hoạt động kỷ niệm, hoặc chiến dịch truyền thông.

Hướng dẫn tuyên truyền của Thành Đoàn/Hội SV theo chủ đề năm học (tích hợp nội dung bảo vệ chủ quyền, biên giới - biển đảo).

3. Xin Ông/Bà cho biết: Thời gian qua, Nhà trường, Khoa, Đoàn Thanh niên, Hội Sinh viên Trường có tổ chức các hoạt động tuyên truyền chủ quyền biển, đảo Việt Nam cho sinh viên không? Nếu có, Ông/Bà vui lòng kể tên các hoạt động mà ông bà biết?

Thời gian qua, nhà trường/Đoàn - Hội có tổ chức, thường theo hình thức đa dạng:

- Tọa đàm, nói chuyện chuyên đề về biển đảo; mời báo cáo viên/chuyên gia.
- Triển lãm tư liệu - hình ảnh - bản đồ, trưng bày chuyên đề tại khuôn viên trường/thư viện.
- Cuộc thi tìm hiểu (online/offline) theo chủ đề: biển đảo, lịch sử, địa lý, pháp lý về chủ quyền.
- Truyền thông theo đợt trên fanpage/website: infographics, video ngắn, bài viết theo sự kiện.
- Lồng ghép nội dung trong tuần sinh hoạt công dân, sinh hoạt chi đoàn/chi hội, hoặc hoạt động ngoại khóa.

4. Ông/Bà đánh giá chất lượng những chương trình, hoạt động tuyên truyền chủ quyền biển, đảo Việt Nam đã triển khai tổ chức, thực hiện cho sinh viên trong nhà trường như thế nào? Ông/Bà hãy chia sẻ những thuận lợi và khó khăn trong quá trình triển khai, thực hiện các chương trình, hoạt động đó?

Về chất lượng: nhìn chung các hoạt động có tác động tích cực đến nhận thức của sinh viên, nhưng mức độ lan tỏa chưa đồng đều giữa các khoa/nhóm sinh viên; hiệu quả cao nhất thường rơi vào những hoạt động có tính trải nghiệm - tương tác (thi online, minigame, workshop, triển lãm trực quan).

*Thuận lợi:

- Có hệ thống tổ chức Đoàn - Hội rộng, dễ phát động.
- Sinh viên quen với nền tảng số, dễ tiếp cận nội dung truyền thông.
- Một số thời điểm có "điểm rơi truyền thông" (kỷ niệm, sự kiện) giúp thu hút.

*Khó khăn:

- Cạnh tranh thông tin mạnh trên mạng xã hội, nội dung chính luận dễ "khô", khó giữ tương tác.
- Thiếu kinh phí/nhân lực chuyên sâu để làm sản phẩm truyền thông chất lượng cao.
- Khó duy trì tính thường xuyên, đôi khi còn theo phong trào/đợt.
- Một bộ phận sinh viên xem đây là nội dung "phụ", ưu tiên học tập - việc làm - kỹ năng.

5. Xin Ông/Bà cho biết: Những năm gần đây, Nhà trường có sử dụng mạng xã hội để giáo dục, tuyên truyền chủ quyền biển, đảo Việt Nam và các sự kiện chính trị - xã hội của đất nước cho sinh viên không?

Nhà trường có sử dụng mạng xã hội (fanpage Đoàn - Hội, fanpage trường/khoa, website, nhóm cộng đồng sinh viên) để tuyên truyền các nội dung chính trị - xã hội, trong đó có nội dung liên quan biển đảo.

Mức độ sử dụng: khá thường xuyên, nhưng hiệu quả phụ thuộc "định dạng nội dung". Các hình thức hay dùng:

- Bài viết ngắn theo chủ đề, infographic, video ngắn, minigame Q&A.

- Livestream/tường thuật sự kiện (khi có tọa đàm/triển lãm).
- Cuộc thi online (trắc nghiệm, check-in triển lãm, thử thách hashtag).

Khó khăn/bất cập thường gặp (dù có triển khai):

- Khó tạo nội dung vừa đúng – đủ – hấp dẫn; dễ bị “học thuật hóa”.
- Tập tiếp cận không đồng đều; tương tác cao nhưng độ sâu nhận thức khó đo lường.
- Cần đội ngũ làm nội dung và thiết kế ổn định; nếu thay đổi nhân sự theo nhiệm kỳ dễ đứt gãy.

6. Theo Ông/Bà, Đoàn Thanh niên và Hội Sinh viên đóng vai trò như thế nào trong việc tổ chức các hoạt động tuyên truyền chủ quyền biển, đảo cho sinh viên? Ông/Bà đánh giá mức độ thực hiện các phương thức tuyên truyền chủ quyền biển, đảo của Đoàn - Hội trong nhà trường như thế nào?

Đoàn – Hội giữ vai trò nòng cốt trong tổ chức, phát động, dẫn dắt dư luận tích cực trong sinh viên; là lực lượng có khả năng “chuyển” nội dung biển đảo thành hoạt động gần gũi: cuộc thi, truyền thông số, sự kiện trải nghiệm.

Mức độ thực hiện: nhìn chung tích cực, tuy nhiên còn phụ thuộc vào:

- Sự quan tâm của từng đơn vị/khoa.
- Nguồn kinh phí và năng lực truyền thông số của cán bộ Đoàn – Hội.
- Mức độ phối hợp với nhà trường và chuyên gia.

7. Ông/Bà đánh giá mức độ sinh viên tham gia các hoạt động do Đoàn - Hội trong nhà trường tổ chức/phát động như thế nào? Theo Ông/Bà, lý do một bộ phận sinh viên không tham gia các hoạt động, phong trào Đoàn - Hội là gì?

Sinh viên tham gia ở mức trung bình-khá, thường cao khi hoạt động:

- Có điểm rèn luyện/giấy chứng nhận,
- Có tính thi đua, phần thưởng,
- Tổ chức online, ngắn gọn, “vừa lướt vừa tham gia”.

Lý do một bộ phận không tham gia:

- Lịch học/làm thêm dày; ưu tiên việc cá nhân.
- Ngại hoạt động mang tính “nghe báo cáo” một chiều, ít tương tác.
- Truyền thông chưa chạm đúng nhu cầu; nội dung thiếu “góc nhìn đời sống”.
- Một số bạn chỉ tham gia khi có lợi ích cụ thể (điểm rèn luyện, chứng nhận).

8. Theo Ông/Bà, những yếu tố nào ảnh hưởng trực tiếp/gián tiếp đến hoạt động tuyên truyền chủ quyền biển, đảo Việt Nam cho sinh viên tại trường đại học? Ông/Bà hãy chia sẻ cách khắc phục với những yếu tố ảnh hưởng đó?

Yếu tố ảnh hưởng trực tiếp/gián tiếp gồm:

- Nhận thức và mức ưu tiên của đơn vị (lãnh đạo, khoa, Đoàn – Hội).
- Nguồn lực: kinh phí, nhân sự, báo cáo viên, học liệu chuẩn hóa.
- Hình thức truyền thông: có phù hợp thói quen tiếp nhận của sinh viên hay không.
- Môi trường thông tin số: tin giả/luồng quan điểm sai lệch, tốc độ lan truyền nhanh.
- Cơ chế đánh giá hiệu quả: thiếu công cụ đo lường trước-sau.

Cách khắc phục:

- Chuẩn hóa “bộ nội dung cốt lõi” (key messages) + học liệu ngắn gọn.
- Tăng sản phẩm truyền thông đa phương tiện (video, infographic, podcast).
- Thiết kế hoạt động theo hướng trải nghiệm: triển lãm, mô phỏng, trò chơi học thuật, debate có kiểm chứng.
- Kết hợp “bắt buộc mềm” bằng cơ chế điểm rèn luyện nhưng phải đi kèm chất lượng nội dung.
- Có đánh giá sau hoạt động: mini survey, quiz trước-sau, thống kê tương tác.

9. Ông/Bà đánh giá thời lượng lồng ghép nội dung tuyên truyền chủ quyền biển, đảo Việt Nam cho sinh viên trong các bài học/môn học, các buổi sinh hoạt chính trị, sinh hoạt chuyên đề, hội thảo, tọa đàm, hoạt động ngoại khóa tại trường hiện nay như thế nào? Ông/Bà mong muốn tăng hay giảm thời lượng lồng ghép nội dung trên? (*Vui lòng nêu lý do*).

Hiện nay việc lồng ghép diễn ra nhưng chưa đồng đều, thường tập trung vào một số thời điểm/sự kiện hoặc trong các buổi sinh hoạt chính trị, chuyên đề.

Mong muốn: tăng nhẹ nhưng theo hướng “tinh gọn – hiệu quả”, không tăng thời lượng kiểu dàn trải. Lý do:

- Nếu tăng theo kiểu lý thuyết sẽ gây quá tải và giảm hứng thú.
- Nên tăng bằng cách đổi format: nội dung ngắn, trực quan, gần tình huống thực tế, cập nhật sự kiện.

10. Theo Ông/Bà, hạn chế lớn nhất của hoạt động tuyên truyền chủ quyền biển, đảo Việt Nam cho sinh viên trong trường đại học hiện nay là gì? Ông/Bà có đề xuất giải pháp cụ thể nào để đổi mới phương thức tuyên truyền chủ quyền, biển đảo cho sinh viên trong thời gian tới?

Hạn chế lớn nhất:

- Nội dung đôi khi còn một chiều, thiếu tương tác; sản phẩm truyền thông chưa đủ hấp dẫn.
- Hoạt động có lúc còn theo đợt, thiếu tính hệ thống, thiếu đo lường hiệu quả.
- Nguồn lực và đội ngũ chuyên sâu về truyền thông số còn mỏng.

Đề xuất giải pháp cụ thể:

- Xây dựng “gói truyền thông chuẩn” theo tháng/quý (chủ đề – thông điệp – mẫu nội dung).
- Đổi mới hình thức: micro-learning (bài 60–90 giây), quiz nhanh, series infographic “mỗi tuần 1 điều”.
- Tổ chức hoạt động trải nghiệm: triển lãm tương tác, “đường tour học liệu”, trò chơi mô phỏng, cuộc thi đa nền tảng.
- Mời chuyên gia/báo cáo viên có kỹ năng truyền cảm hứng; kết hợp cựu chiến binh, lực lượng chấp pháp biển, nhân chứng lịch sử (nếu phù hợp).

- Gần với quyền lợi sinh viên: điểm rèn luyện, chứng nhận kỹ năng, cộng điểm hoạt động; nhưng thiết kế để học thật – hiểu thật.

- Có đo lường: khảo sát ngắn trước-sau, theo dõi chất lượng tương tác, phản hồi mở để cải tiến.

(PV15)

PHẦN A. THÔNG TIN VỀ NGƯỜI TRẢ LỜI

1. Tuổi: 25
2. Giới tính: Nam
3. Chức vụ/vị trí việc làm trong đơn vị: Giảng viên Giáo dục quốc phòng, UV Ban Chấp hành Liên chi, Bí thư chi đoàn
4. Công việc hiện tại đang đảm nhận/phụ trách mảng: Công tác Đoàn
5. Thời gian đảm nhận chức vụ/vị trí việc làm (số năm, tháng): 3 năm

PHẦN B. NỘI DUNG TRAO ĐỔI

1. Ông/Bà đánh giá tầm quan trọng của công tác tuyên truyền chủ quyền biển, đảo Việt Nam cho sinh viên tại nhà trường như thế nào? Công tác tuyên truyền chủ quyền biển, đảo có được ưu tiên so với các công tác khác không? Vì sao? Nguồn lực để thực hiện công tác này tại trường như thế nào?

Công tác tuyên truyền chủ quyền biển, đảo Việt Nam cho sinh viên tại nhà trường có ý nghĩa đặc biệt quan trọng. Đây không chỉ là nhiệm vụ giáo dục chính trị, tư tưởng mà còn là cách để thế hệ trẻ hiểu rõ cơ sở pháp lý, lịch sử và thực tiễn khẳng định chủ quyền thiêng liêng của Tổ quốc. Qua đó, sinh viên được bồi dưỡng lòng yêu nước, ý thức trách nhiệm công dân, sẵn sàng đấu tranh phản bác các luận điệu sai trái, bảo vệ lợi ích quốc gia. So với nhiều hoạt động khác, tuyên truyền về biển, đảo thường được ưu tiên vì liên quan trực tiếp đến an ninh quốc gia, sự toàn vẹn lãnh thổ và định hướng chiến lược phát triển đất nước. Nguồn lực để thực hiện công tác này tại trường thường bao gồm đội ngũ giảng viên, các tổ chức đoàn – hội, tài liệu chính thống từ cơ quan nhà nước, cùng với các hình thức truyền thông hiện đại như hội thảo, tọa đàm, triển lãm, và ứng dụng công nghệ số. Sự phối hợp giữa nhà trường, tổ chức chính trị – xã hội và sinh viên tạo nên sức mạnh tổng hợp, giúp công tác tuyên truyền đạt hiệu quả sâu rộng và bền vững.

2. Xin Ông/Bà cho biết: Nhà trường, Đoàn Thanh niên, Hội Sinh viên Trường có được nhận và triển khai văn bản nào của UBND Thành phố Hồ Chí Minh, Thành Đoàn Thành phố Hồ Chí Minh, Hội Sinh viên Thành phố Hồ Chí Minh về giáo dục, tuyên truyền, nâng cao nhận thức về chủ quyền biển, đảo Việt Nam cho sinh viên các trường đại học ở Thành phố Hồ Chí Minh không? Nếu có, Ông/Bà vui lòng kể tên các văn bản đó?

Trong những năm gần đây, UBND TP. Hồ Chí Minh, Thành Đoàn và Hội Sinh viên TP. Hồ Chí Minh đều đã ban hành và triển khai nhiều văn bản, chương trình nhằm giáo dục, tuyên truyền, nâng cao nhận thức về chủ quyền biển, đảo cho sinh viên các trường đại học trên địa bàn. Chẳng hạn, UBND TP.HCM và Ủy ban Mặt trận Tổ quốc TP.HCM đã ban hành các hướng dẫn công tác tuyên truyền biển, đảo và biên giới đất liền hằng năm, yêu cầu các cơ sở giáo dục phối hợp triển khai đến đoàn viên, sinh viên. Thành Đoàn TP.HCM thường xuyên tổ chức chương trình “Tuổi trẻ TP.HCM hướng về biển, đảo quê hương”, phối hợp với Lữ đoàn 125 – Vùng 2 Hải quân và Trung tâm Giáo dục Quốc phòng – An ninh để đưa hàng nghìn sinh viên tham gia học tập, tọa đàm, triển lãm về biển, đảo. Hội Sinh viên TP.HCM cũng lồng ghép nội dung này trong Chương trình công tác Hội và phong trào sinh viên hằng năm, đồng thời ban hành các hướng dẫn đánh giá, xếp loại thi đua cơ sở Hội, trong đó có tiêu chí về tuyên truyền chủ quyền biển, đảo. Như vậy, có thể khẳng định rằng các văn bản chỉ đạo từ UBND TP.HCM, Thành Đoàn và Hội Sinh viên TP.HCM đã được ban hành và triển khai cụ thể, tạo cơ sở để các trường đại học thực hiện hiệu quả công tác giáo dục, tuyên truyền về chủ quyền biển, đảo cho sinh viên.

3. Xin Ông/Bà cho biết: Thời gian qua, Nhà trường, Khoa, Đoàn Thanh niên, Hội Sinh viên Trường có tổ chức các hoạt động tuyên truyền chủ quyền biển, đảo Việt Nam cho sinh viên không? Nếu có, Ông/Bà vui lòng kể tên các hoạt động mà ông bà biết?

Thời gian qua, Nhà trường, Khoa, Đoàn Thanh niên và Hội Sinh viên đã tổ chức nhiều hoạt động thiết thực nhằm tuyên truyền, giáo dục cho sinh viên về chủ quyền biển, đảo Việt Nam. Các hoạt động tiêu biểu có thể kể đến như: hội thảo, tọa đàm chuyên đề về lịch sử, pháp lý khẳng định chủ quyền biển, đảo; triển lãm hình ảnh, bản đồ, tư liệu về Hoàng Sa, Trường Sa; cuộc thi tìm hiểu kiến thức biển, đảo dưới hình thức trắc nghiệm trực tuyến hoặc sân khấu hóa; chương trình “Tuổi trẻ hướng về biển, đảo quê hương” với các chuyến đi thực tế, giao lưu cùng cán bộ, chiến sĩ hải quân; và các buổi học tập chính trị đầu khóa lồng ghép nội dung về biển, đảo. Ngoài ra, Đoàn – Hội còn tổ chức các hoạt động văn nghệ, sáng tác ca khúc, kịch ngắn về tình yêu biển, đảo, qua đó tạo sự lan tỏa mạnh mẽ trong sinh viên. Những hoạt động này không chỉ giúp sinh viên nâng cao nhận thức mà còn khơi dậy tinh thần trách nhiệm, tình yêu quê hương, đất nước, góp phần bảo vệ chủ quyền thiêng liêng của Tổ quốc.

4. Ông/Bà đánh giá chất lượng những chương trình, hoạt động tuyên truyền chủ quyền biển, đảo Việt Nam đã triển khai tổ chức, thực hiện cho sinh viên trong nhà trường như thế nào? Ông/Bà hãy chia sẻ những thuận lợi và khó khăn trong quá trình triển khai, thực hiện các chương trình, hoạt động đó?

Nhìn chung, chất lượng các chương trình, hoạt động tuyên truyền chủ quyền biển, đảo Việt Nam cho sinh viên trong nhà trường được đánh giá là thiết thực, hiệu quả và có sức lan tỏa. Nội dung các hoạt động thường được xây dựng dựa trên cơ sở pháp lý, lịch sử và thực tiễn, giúp sinh viên có nhận thức đúng đắn, đồng thời khơi dậy tinh thần yêu nước, trách nhiệm bảo vệ chủ quyền quốc gia. Hình thức tổ chức đa dạng như hội thảo, tọa đàm, triển lãm, cuộc thi tìm hiểu, giao lưu với chiến sĩ hải quân... đã tạo sự hấp dẫn, thu hút đông đảo sinh viên tham gia.

Thuận lợi trong quá trình triển khai là có sự quan tâm, chỉ đạo từ các cấp lãnh đạo, sự phối hợp chặt chẽ giữa nhà trường, Đoàn Thanh niên, Hội Sinh viên và các cơ quan, đơn vị liên quan. Ngoài ra, sinh viên vốn có tinh thần nhiệt huyết, dễ tiếp nhận thông tin mới, nên các hoạt động thường đạt hiệu quả cao.

Tuy nhiên, cũng tồn tại khó khăn như nguồn lực tài chính và cơ sở vật chất còn hạn chế, chưa đủ để tổ chức thường xuyên các hoạt động quy mô lớn; một bộ phận sinh viên còn thờ ơ hoặc chưa thật sự quan tâm đến vấn đề biển, đảo; tài liệu tuyên truyền đôi khi chưa phong phú, chưa cập nhật kịp thời theo tình hình thực tiễn. Chính vì vậy, để nâng cao chất lượng, cần tăng cường đầu tư nguồn lực, đổi mới hình thức tuyên truyền, kết hợp công nghệ số và mạng xã hội, đồng thời gắn nội dung biển, đảo với các hoạt động học thuật, nghiên cứu khoa học của sinh viên.

5. Xin Ông/Bà cho biết: Những năm gần đây, Nhà trường có sử dụng mạng xã hội để giáo dục, tuyên truyền chủ quyền biển, đảo Việt Nam và các sự kiện chính trị – xã hội của đất nước cho sinh viên không?

Những năm gần đây, nhà trường cùng với Đoàn Thanh niên và Hội Sinh viên đã tích cực sử dụng mạng xã hội như một kênh quan trọng để giáo dục, tuyên truyền về chủ quyền biển, đảo Việt Nam cũng như các sự kiện chính trị – xã hội của đất nước cho sinh viên. Các trang fanpage chính thức của trường, của Đoàn – Hội thường xuyên đăng tải tin bài, hình ảnh, video clip về lịch sử, pháp lý khẳng định chủ quyền biển, đảo; giới thiệu các hoạt động giao lưu với chiến sĩ hải quân; tuyên truyền các cuộc thi tìm hiểu kiến thức biển, đảo trực tuyến; đồng thời cập nhật nhanh chóng những sự kiện chính trị – xã hội lớn của đất nước. Việc sử dụng mạng xã hội giúp thông tin đến với sinh viên một cách nhanh chóng, trực quan, dễ tiếp nhận, tạo sự lan tỏa mạnh mẽ và thu hút sự tham gia tương tác của đông đảo sinh viên. Đây được xem là một phương thức hiện đại, hiệu quả, phù hợp với thói quen tiếp cận thông tin của giới trẻ trong bối cảnh chuyển đổi số hiện nay.

- Nếu “*Có*”, Ông/Bà đánh giá mức độ sử dụng phương tiện truyền thông số cho các hoạt động trên như thế nào? Nhà trường đã sử dụng những hình thức, phương pháp tuyên truyền nào về chủ đề biển, đảo trên nền tảng số?

Có, trong những năm gần đây nhà trường đã sử dụng phương tiện truyền thông số một cách thường xuyên và hiệu quả để phục vụ công tác giáo dục, tuyên truyền về chủ quyền biển, đảo Việt Nam cũng như các sự kiện chính trị – xã hội quan trọng của đất nước cho sinh viên. Mức độ sử dụng được đánh giá là ngày càng đa dạng, phù hợp với thói quen tiếp cận thông tin của giới trẻ trong bối cảnh chuyển đổi số. Các hình thức tuyên truyền chủ yếu trên nền tảng số bao gồm: đăng tải tin bài, hình ảnh, video clip trên fanpage chính thức của trường, Đoàn Thanh niên và Hội Sinh viên; tổ chức các buổi tọa đàm, hội thảo trực tuyến qua livestream; triển khai các cuộc thi tìm hiểu kiến thức biển, đảo bằng hình thức trắc nghiệm online; thiết kế infographic, clip ngắn, bài viết đa phương tiện để lan tỏa thông điệp trên Facebook, Instagram, TikTok; và phát động các chiến dịch truyền thông đồng bộ với hashtag, khung avatar, ảnh đại diện nhằm tạo hiệu ứng cộng đồng. Nhờ đó, thông tin về biển, đảo và các sự kiện chính trị – xã hội được truyền tải nhanh chóng, trực quan, dễ tiếp nhận, góp phần nâng cao nhận thức và khơi dậy tinh thần trách nhiệm của sinh viên đối với Tổ quốc.

- Nếu “*Không*” hoặc “*Không nhiều*”, Ông/Bà hãy chia sẻ những khó khăn, bất cập trong việc sử dụng hình thức, phương tiện truyền thông số cho các hoạt động giáo dục, tuyên truyền trên? Nguyên nhân vì sao?

6. Theo Ông/Bà, Đoàn Thanh niên và Hội Sinh viên đóng vai trò như thế nào trong việc tổ chức các hoạt động tuyên truyền chủ quyền biển, đảo cho sinh viên? Ông/Bà đánh giá mức độ thực hiện các phương thức tuyên truyền chủ quyền biển, đảo của Đoàn - Hội trong nhà trường như thế nào?

Đoàn Thanh niên và Hội Sinh viên trong nhà trường giữ vai trò nòng cốt trong việc tổ chức các hoạt động tuyên truyền chủ quyền biển, đảo cho sinh viên. Đây là lực lượng trực tiếp triển khai các chương trình, kết nối sinh viên với những hoạt động giáo dục chính trị – tư tưởng, đồng thời tạo môi trường để sinh viên tham gia một cách chủ động, sáng tạo. Thông qua các hình thức như hội thảo, tọa đàm, triển lãm, cuộc thi trực tuyến, giao lưu với chiến sĩ hải quân hay các chiến dịch truyền thông trên mạng xã hội, Đoàn – Hội đã giúp thông tin về biển, đảo đến gần hơn với sinh viên, tạo sự lan tỏa rộng rãi và khơi dậy tinh thần trách nhiệm đối với Tổ quốc.

Mức độ thực hiện các phương thức tuyên truyền của Đoàn – Hội được đánh giá là tích cực, đa dạng và phù hợp với đặc điểm của sinh viên. Các hoạt động không chỉ mang tính giáo dục chính thống mà còn được đổi mới về hình thức, kết hợp giữa trực tiếp và trực tuyến, giữa học thuật và văn hóa – nghệ thuật, nhờ đó tạo sự hấp dẫn và thu hút đông đảo sinh viên tham gia. Tuy vẫn còn những hạn chế về nguồn lực và tính thường xuyên, nhưng nhìn chung, Đoàn Thanh niên và Hội Sinh viên đã phát huy tốt vai trò là cầu nối, góp phần nâng cao nhận thức và bồi dưỡng lòng yêu nước cho thế hệ trẻ trong nhà trường.

7. Ông/Bà đánh giá mức độ sinh viên tham gia các hoạt động do Đoàn - Hội trong nhà trường tổ chức/phát động như thế nào? Theo Ông/Bà, lý do một bộ phận sinh viên không tham gia các hoạt động, phong trào Đoàn - Hội là gì?

Mức độ sinh viên tham gia các hoạt động do Đoàn Thanh niên và Hội Sinh viên trong nhà trường tổ chức nhìn chung là khá tích cực, đặc biệt đối với những chương trình có hình thức mới mẻ, gần gũi thực tiễn và tạo cơ hội giao lưu, trải nghiệm. Nhiều hoạt động như hội thảo, tọa đàm, triển lãm, các cuộc thi trực tuyến hay giao lưu với chiến sĩ hải quân thường thu hút đông đảo sinh viên tham gia, thể hiện sự quan tâm và tinh thần trách nhiệm của thế hệ trẻ đối với vấn đề chủ quyền biển, đảo. Tuy nhiên, vẫn có một bộ phận sinh viên chưa tham gia hoặc tham gia chưa thường xuyên. Nguyên nhân chủ yếu là do áp lực học tập, lịch học dày đặc khiến các em khó sắp xếp thời gian; một số sinh viên còn thiếu quan tâm đến các vấn đề chính trị – xã hội, chưa nhận thức đầy đủ về tầm quan trọng của công tác tuyên truyền biển, đảo; ngoài ra, hình thức tổ chức đôi khi chưa thật sự hấp dẫn hoặc chưa phù hợp với nhu cầu, sở thích của tất cả đối tượng sinh viên. Chính vì vậy, để nâng cao tỷ lệ tham gia, cần tiếp tục đổi mới phương thức tổ chức, kết hợp giữa trực tiếp và trực tuyến, gắn nội dung biển, đảo với các hoạt động học thuật, văn hóa – nghệ thuật, đồng thời tăng cường truyền thông trên mạng xã hội để tạo sự lan tỏa và thu hút rộng rãi hơn.

8. Theo Ông/Bà, những yếu tố nào ảnh hưởng trực tiếp/gián tiếp đến hoạt động tuyên truyền chủ quyền biển, đảo Việt Nam cho sinh viên tại trường đại học? Ông/Bà hãy chia sẻ cách khắc phục với những yếu tố ảnh hưởng đó?

Những yếu tố ảnh hưởng trực tiếp và gián tiếp đến hoạt động tuyên truyền chủ quyền biển, đảo Việt Nam cho sinh viên tại trường đại học có thể kể đến như: sự quan tâm, chỉ đạo của lãnh đạo nhà trường và các tổ chức Đoàn – Hội; nguồn lực tài chính, cơ sở vật chất và đội ngũ giảng viên, cán bộ phụ trách; hình thức tổ chức hoạt động có hấp dẫn, phù hợp với nhu cầu và thói quen của sinh viên hay không; cùng với tác động của môi trường xã hội, truyền thông và mạng xã hội. Ngoài ra, nhận thức và sự quan tâm của chính sinh viên cũng là yếu tố quan trọng, bởi nếu các em chưa thấy rõ ý nghĩa của việc tìm hiểu về biển, đảo thì mức độ tham gia sẽ hạn chế.

Để khắc phục những yếu tố ảnh hưởng này, nhà trường và Đoàn – Hội cần tăng cường sự phối hợp với các cơ quan, đơn vị chuyên môn như hải quân, trung tâm giáo dục quốc phòng để đảm bảo tính chính thống và sinh động của nội dung; đa dạng hóa hình thức tuyên truyền, kết hợp giữa trực tiếp và trực tuyến, giữa học thuật và văn hóa – nghệ thuật; đầu tư thêm nguồn lực tài chính và cơ sở vật chất để tổ chức các hoạt động quy mô lớn, có sức lan tỏa; đồng thời tận dụng mạng xã hội và công nghệ số để tiếp cận sinh viên nhanh chóng, trực quan. Quan trọng hơn, cần gắn nội dung biển, đảo với đời sống học tập và nghiên cứu khoa học của sinh viên, giúp các em thấy rõ trách nhiệm và vai trò của mình, từ đó nâng cao sự quan tâm và tham gia tích cực hơn.

9. Ông/Bà đánh giá thời lượng lồng ghép nội dung tuyên truyền chủ quyền biển, đảo Việt Nam cho sinh viên trong các bài học/môn học, các buổi sinh hoạt chính trị, sinh hoạt chuyên đề, hội thảo, tọa đàm, hoạt động ngoại khóa tại trường hiện nay như thế nào? Ông/Bà mong muốn tăng hay giảm thời lượng lồng ghép nội dung trên? *(Vui lòng nêu lý do)*.

Thời lượng lồng ghép nội dung tuyên truyền chủ quyền biển, đảo Việt Nam trong các bài học, môn học, buổi sinh hoạt chính trị, sinh hoạt chuyên đề, hội thảo, tọa đàm và hoạt động ngoại khóa tại trường hiện nay nhìn chung còn khiêm tốn, mang tính điểm xuyết chứ chưa thật sự thường xuyên và hệ thống. Nội dung này thường xuất hiện trong các buổi sinh hoạt chính trị đầu khóa, một số môn học liên quan đến lịch sử, luật quốc tế, giáo dục quốc phòng – an ninh, hoặc trong các chuyên đề, hội thảo do Đoàn – Hội tổ chức. Tuy nhiên, thời lượng chưa nhiều nên mức độ tác động đến nhận thức của sinh viên chưa thật sự sâu rộng.

Theo tôi, cần tăng thời lượng lồng ghép nội dung tuyên truyền biển, đảo bởi đây là vấn đề có ý nghĩa chiến lược, gắn liền với an ninh quốc gia và sự phát triển bền vững của đất nước. Việc tăng cường sẽ giúp sinh viên không chỉ tiếp nhận kiến thức một cách đầy đủ, chính thống mà còn hình thành ý thức trách nhiệm, tinh thần yêu nước và khả năng phản biện trước các luận điệu sai trái. Đồng thời, khi nội dung này được lồng ghép thường xuyên và đa dạng trong nhiều hình thức học tập, sinh hoạt, nó sẽ trở thành một phần tự nhiên trong đời sống học đường, tạo sự lan tỏa mạnh mẽ và bền vững hơn.

10. Theo Ông/Bà, hạn chế lớn nhất của hoạt động tuyên truyền chủ quyền biển, đảo Việt Nam cho sinh viên trong trường đại học hiện nay là gì? Ông/Bà có đề xuất giải pháp cụ thể nào để đổi mới phương thức tuyên truyền chủ quyền, biển đảo cho sinh viên trong thời gian tới?

Hạn chế lớn nhất của hoạt động tuyên truyền chủ quyền biển, đảo Việt Nam cho sinh viên trong trường đại học hiện nay là tính chưa thường xuyên, chưa đồng bộ và chưa thật sự hấp dẫn đối với tất cả đối tượng sinh viên. Nhiều chương trình vẫn mang tính hình thức, nội dung còn nặng về lý thuyết, thiếu sự gắn kết với đời sống học tập và nhu cầu trải nghiệm thực tế của sinh viên. Bên cạnh đó, nguồn lực về tài chính, cơ sở vật chất và đội ngũ chuyên môn còn hạn chế, khiến việc tổ chức các hoạt động quy mô lớn, có chiều sâu chưa được duy trì liên tục.

Để đổi mới phương thức tuyên truyền, có thể triển khai một số giải pháp cụ thể như: đa dạng hóa hình thức tổ chức, kết hợp giữa trực tiếp và trực tuyến, giữa học thuật và văn hóa – nghệ thuật; tận dụng mạng xã hội và công nghệ số để tạo ra các sản phẩm truyền thông ngắn gọn, trực quan, dễ chia sẻ; gắn nội dung biển, đảo với các môn học, nghiên cứu khoa học và hoạt động ngoại khóa để sinh viên thấy rõ tính thiết thực; tăng cường phối hợp với lực lượng hải quân, các cơ quan chuyên môn nhằm mang đến những thông tin chính thống, sinh động; và khuyến khích sinh viên tham gia sáng tạo nội dung tuyên truyền như clip, infographic, bài viết, cuộc thi trực tuyến để vừa học tập vừa lan tỏa thông điệp. Những giải pháp này sẽ giúp hoạt động tuyên truyền trở nên gần gũi, hấp dẫn hơn, đồng thời nâng cao hiệu quả giáo dục và ý thức trách nhiệm của sinh viên đối với chủ quyền biển, đảo của Tổ quốc.

(PV16)

PHẦN A. THÔNG TIN VỀ NGƯỜI TRẢ LỜI

1. Tuổi: 25
2. Giới tính: Nam
3. Chức vụ/vị trí việc làm trong đơn vị: Phó Bí thư, chuyên viên
4. Công việc hiện tại đang đảm nhận/phụ trách mảng: Hỗ trợ sinh viên
5. Thời gian đảm nhận chức vụ/vị trí việc làm (số năm, tháng): 3 năm

PHẦN B. NỘI DUNG TRAO ĐỔI

1. Ông/Bà đánh giá tầm quan trọng của công tác tuyên truyền chủ quyền biển, đảo Việt Nam cho sinh viên tại nhà trường như thế nào? Công tác tuyên truyền chủ quyền biển, đảo có được ưu tiên so với các công tác khác không? Vì sao? Nguồn lực để thực hiện công tác này tại trường như thế nào?

Công tác tuyên truyền chủ quyền biển, đảo trong nhà trường không chỉ là một nhiệm vụ giáo dục thuần túy mà còn là trọng tâm trong chiến lược xây dựng thế hệ trí thức trẻ có bản lĩnh chính trị vững vàng. Đây là công tác được ưu tiên hàng đầu vì nó gắn liền với vận mệnh dân tộc và an ninh quốc gia, giúp sinh viên nhận thức đúng đắn về quyền và lợi ích hợp pháp của Việt Nam trên biển. Để thực hiện nhiệm vụ này, nhà trường đã huy động nguồn lực tổng hợp: từ nguồn ngân sách chi thường xuyên cho hoạt động chính trị, sự đóng góp của Quỹ "Vì biển đảo quê hương", đến đội ngũ nhân sự nòng cốt là các giảng viên lý luận chính trị và cán bộ Đoàn - Hội tâm huyết.

2. Xin Ông/Bà cho biết: Nhà trường, Đoàn Thanh niên, Hội Sinh viên Trường có được nhận và triển khai văn bản nào của UNBD Thành phố Hồ Chí Minh, Thành Đoàn Thành phố Hồ Chí Minh, Hội Sinh viên Thành phố Hồ Chí Minh về giáo dục, tuyên truyền, nâng cao nhận thức về chủ quyền biển, đảo Việt Nam cho sinh viên các trường đại học ở Thành phố Hồ Chí Minh không? Nếu có, Ông/Bà vui lòng kể tên các văn bản đó?

Hoạt động này luôn bám sát các văn bản hướng dẫn từ các cấp lãnh đạo. Cụ thể, Nhà trường và Đoàn - Hội thường xuyên tiếp nhận và triển khai các Kế hoạch của UBND TP.HCM về công tác thông tin đối ngoại và biển đảo, các Thông báo từ Thành Đoàn TP.HCM về hành trình "Sinh viên với biển, đảo Tổ quốc", cùng các văn bản hướng dẫn từ Hội Sinh viên Thành phố về việc tổ chức các đợt sinh hoạt chỉ hội chủ điểm. Những văn bản này đóng vai trò là "kim chỉ nam", đảm bảo nội dung tuyên truyền luôn chính xác, thống nhất và kịp thời theo chủ trương của Đảng và Nhà nước.

3. Xin Ông/Bà cho biết: Thời gian qua, Nhà trường, Khoa, Đoàn Thanh niên, Hội Sinh viên Trường có tổ chức các hoạt động tuyên truyền chủ quyền biển, đảo Việt Nam cho sinh viên không? Nếu có, Ông/Bà vui lòng kể tên các hoạt động mà ông bà biết?

Trong thời gian qua, các cấp từ Nhà trường đến Đoàn Thanh niên đã tổ chức một hệ sinh thái hoạt động đa dạng. Có thể kể đến các cuộc thi kiến thức trực tuyến, triển lãm ảnh "Hoàng Sa, Trường Sa trong trái tim sinh viên", và đặc biệt là các buổi tọa đàm giao lưu với các chiến sĩ hải quân, các chuyên gia về Luật Biển quốc tế. Nhiều đơn vị còn tổ chức các đợt vận động viết thư, gửi quà cho chiến sĩ tại các nhà giàn và hải đảo, tạo nên sợi dây kết nối cảm xúc sâu sắc giữa đất liền và biển khơi.

4. Ông/Bà đánh giá chất lượng những chương trình, hoạt động tuyên truyền chủ quyền biển, đảo Việt Nam đã triển khai tổ chức, thực hiện cho sinh viên trong nhà trường như thế nào? Ông/Bà hãy chia sẻ những thuận lợi và khó khăn trong quá trình triển khai, thực hiện các chương trình, hoạt động đó?

Nhìn chung, chất lượng các chương trình ngày càng được nâng cao theo hướng thực chất, giảm bớt tính hình thức. Thuận lợi lớn nhất là sự ủng hộ tuyệt đối từ Đảng ủy, Ban Giám hiệu và tinh thần nhiệt huyết, nhạy bén của sinh viên. Tuy nhiên, quá trình triển khai vẫn vấp phải khó khăn do nguồn tư liệu trực quan đôi khi còn hạn chế, kinh phí để tổ chức các chuyến đi thực tế ra đảo rất lớn nên chưa thể thực hiện đại trà. Bên cạnh đó, việc đổi mới hình thức để cạnh tranh với các trào lưu giải trí trên không gian mạng cũng là một thách thức không nhỏ.

5. Xin Ông/Bà cho biết: Những năm gần đây, Nhà trường có sử dụng mạng xã hội để giáo dục, tuyên truyền chủ quyền biển, đảo Việt Nam và các sự kiện chính trị - xã hội của đất nước cho sinh viên không?

- Nếu "Có", Ông/Bà đánh giá mức độ sử dụng phương tiện truyền thông số cho các hoạt động trên như thế nào? Nhà trường đã sử dụng những hình thức, phương pháp tuyên truyền nào về chủ đề biển, đảo trên nền tảng số?

Trong kỷ nguyên số, nhà trường đã tận dụng triệt để các nền tảng mạng xã hội như Facebook, TikTok và YouTube để giáo dục chủ quyền. Các hình thức tuyên truyền trên nền tảng số rất đa dạng: từ việc thiết kế các Infographic sinh động, sản xuất Podcast kể chuyện biển đảo đến các video ngắn thu hút hàng ngàn lượt tương tác. Việc sử dụng phương tiện truyền thông số không chỉ giúp lan tỏa thông tin nhanh chóng mà còn tạo môi trường để sinh viên tương tác, thể hiện quan điểm cá nhân một cách tích cực về tình yêu quê hương đất nước.

- Nếu "Không" hoặc "Không nhiều", Ông/Bà hãy chia sẻ những khó khăn, bất cập trong việc sử dụng hình thức, phương tiện truyền thông số cho các hoạt động giáo dục, tuyên truyền trên? Nguyên nhân vì sao?

6. Theo Ông/Bà, Đoàn Thanh niên và Hội Sinh viên đóng vai trò như thế nào trong việc tổ chức các hoạt động tuyên truyền chủ quyền biển, đảo cho sinh viên? Ông/Bà đánh giá mức độ thực hiện các phương thức tuyên truyền chủ quyền biển, đảo của Đoàn - Hội trong nhà trường như thế nào?

Đoàn Thanh niên và Hội Sinh viên đóng vai trò là "người thiết kế" và "người truyền lửa" trong mọi hoạt động. Với ưu thế về sự trẻ trung, các tổ chức này đã khéo léo lồng ghép nội dung chính trị vào các phong trào văn hóa, nghệ thuật, khiến chủ đề biển đảo trở nên gần gũi hơn với giới trẻ. Mức độ thực hiện của Đoàn - Hội được đánh giá là rất sáng tạo, luôn đi đầu trong việc tìm kiếm những phương thức mới như trò chơi thực tế ảo hay các hội trại định hướng về chủ quyền.

7. Ông/Bà đánh giá mức độ sinh viên tham gia các hoạt động do Đoàn - Hội trong nhà trường tổ chức/phát động như thế nào? Theo Ông/Bà, lý do một bộ phận sinh viên không tham gia các hoạt động, phong trào Đoàn - Hội là gì?

Mức độ tham gia của sinh viên nhìn chung rất tích cực, đặc biệt là ở các hoạt động mang tính trải nghiệm hoặc thi đấu. Tuy nhiên, vẫn tồn tại một bộ phận sinh viên chưa mặn mà với các phong trào này. Nguyên nhân chủ yếu xuất phát từ áp lực học tập chuyên môn quá lớn, hoặc do một số hoạt động tuyên truyền còn khô khan, chưa đánh trúng tâm lý và nhu cầu khám phá của giới trẻ. Điều này đòi hỏi các tổ chức Đoàn - Hội cần có những điều chỉnh phù hợp hơn về mặt nội dung và thời gian tổ chức.

8. Theo Ông/Bà, những yếu tố nào ảnh hưởng trực tiếp/gián tiếp đến hoạt động tuyên truyền chủ quyền biển, đảo Việt Nam cho sinh viên tại trường đại học? Ông/Bà hãy chia sẻ cách khắc phục với những yếu tố ảnh hưởng đó?

Hoạt động tuyên truyền chịu ảnh hưởng trực tiếp từ diễn biến phức tạp trên biển Đông và các luận điệu xuyên tạc trên mạng xã hội. Để khắc phục, nhà trường cần chủ động cung cấp thông tin chính thống một cách nhanh chóng, đồng thời trang bị cho sinh viên "bộ lọc" để phân biệt tin giả. Ngoài ra, việc đầu tư vào công nghệ truyền thông hiện đại và tăng cường kết nối với các đơn vị thực địa sẽ giúp thông tin đến với sinh viên một cách trực quan, sinh động và thuyết phục hơn.

9. Ông/Bà đánh giá thời lượng lồng ghép nội dung tuyên truyền chủ quyền biển, đảo Việt Nam cho sinh viên trong các bài học/môn học, các buổi sinh hoạt chính trị, sinh hoạt chuyên đề, hội thảo, tọa đàm, hoạt động ngoại khóa tại trường hiện nay như thế nào? Ông/Bà mong muốn tăng hay giảm thời lượng lồng ghép nội dung trên? *(Vui lòng nêu lý do)*.

Hiện nay, nội dung biển đảo chủ yếu được lồng ghép trong các môn Lý luận chính trị và Giáo dục quốc phòng. Tuy nhiên, thời lượng này vẫn còn khá hạn chế và mang nặng tính lý thuyết. Nhà trường rất mong muốn tăng thời lượng lồng ghép nhưng theo hướng ngoại khóa và tích hợp liên môn. Việc tăng cường này không chỉ cung cấp kiến thức pháp lý mà còn khơi gợi niềm tự hào dân tộc, giúp sinh viên hiểu rằng bảo vệ biển đảo là trách nhiệm gắn liền với chuyên môn và sự nghiệp tương lai của chính các em.

10. Theo Ông/Bà, hạn chế lớn nhất của hoạt động tuyên truyền chủ quyền biển, đảo Việt Nam cho sinh viên trong trường đại học hiện nay là gì? Ông/Bà có đề xuất giải pháp cụ thể nào để đổi mới phương thức tuyên truyền chủ quyền, biển đảo cho sinh viên trong thời gian tới?

Hạn chế lớn nhất hiện nay là sự thiếu hụt các sản phẩm truyền thông mang tính tương tác cao và có chiều sâu văn hóa. Trong thời gian tới, giải pháp đột phá cần tập trung vào việc "Số hóa và Trải nghiệm hóa". Cụ thể là xây dựng các bảo tàng ảo, ứng dụng thực tế tăng cường (AR) để mô phỏng cột mốc chủ quyền, và phát triển các ứng dụng trò chơi giáo dục về biển đảo. Chỉ khi sinh viên được thực sự "chạm" vào biển đảo thông qua cảm xúc và công nghệ, công tác tuyên truyền mới đạt được hiệu quả bền vững nhất.

PHỤ LỤC 7
CÁC VĂN BẢN BÁO CÁO